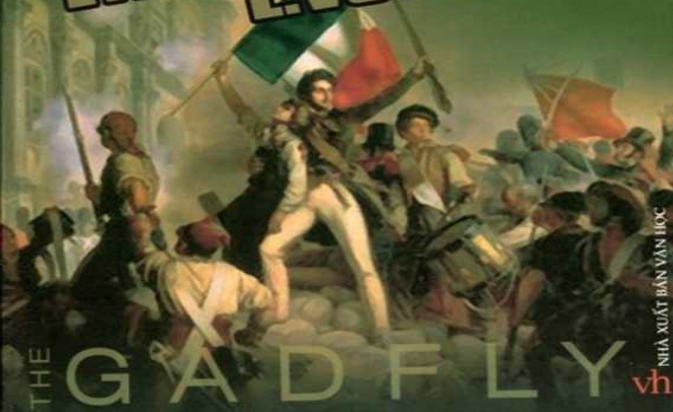


*Dịch giả: Hà Ngọc
Làm ebook: Dầu Lê*

ĐƯỜNG TRÁI ETHEL L. VOYNICH



THE GADFLY vn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Ruồi trâu



DIỆU TRAI

ETHEL L. VOYNICH

THE GADFLY vn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Ruồi trâu (Tái bản 2012)



Tác giả: Ethel L. Voynich



Dịch giả: Hà Ngọc



Giá bìa: 105.000 đ



Công ty phát hành: Huy Hoàng



Nhà xuất bản: NXB Văn Học



Kích thước: 13x19 cm



Số trang: 550



Ngày xuất bản: 06-08-2012



Chụp pic: stupid.devil



Type

haywenchongchan: Phần 1 1-3

kim_mayman: Phần 1 4-7

buianh: Phần 2 1-4

Khoai Tây Chiên: Phần 2 5-8

Mạc Thiên Y: Phần 2 9-11

kimmyvik: Phần 3 1-4

hanaeve: Phần 3 5-hết



Beta: Phuongthuyk14



Tạo prc: Dâu Lê



Nguồn: dtv-ebook.com



Ebook: [Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

DTV

Giới thiệu

Ruồi Trâu (Tái Bản 2012) là một cuốn tiểu thuyết rất lạ, theo cả cái nghĩa thông thường của tiếng ấy.

Tác giả là một nữ sĩ người Anh mới nhất gần đây, thọ chín mươi sáu tuổi, thời thanh niên đã từng hoạt động cách mạng ở Nga và cuốn tiểu thuyết của bà lại nói về những nhà hoạt động cách mạng bí mật ở Ý cách đây trên một thế kỷ.

Cả cuốn sách chứa chan một thế giới quan nhân đạo, lòng yêu và quý trọng phẩm chất con người. Từng nhân vật trong cuốn truyện, từ Ruồi Trâu đến những nhân vật phụ, những bạn chiến đấu gần và xa của anh, không nhân vật

nào là không có cá tính sâu sắc của mình. Bản thân nhân vật Ruồi Trâu không phải là một nhân vật cứng đờ, mà ở anh người ta thấy rõ người cách mạng cũng là con người giàu tình, giàu cảm nhất.

Tình cảm của Ruồi Trâu rất mãnh liệt. Chính vì thế mà cho đến chết anh vẫn không dứt tình yêu đối với Môngtaneli. Thương yêu có thể là mê đắm mà không yếu đuối, không một chút nào yếu đuối, tha thứ hay khoan nhượng. Quan hệ giữa Ruồi Trâu và Môngtaneli phát triển hết sức kỳ dị mà cũng hết sức logic và chân thật. Cha hãy chọn đi, hoặc Giêsu hoặc con. Cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa hai người cùng dòng máu, tưởng không thể nào sống không có nhau mà lại là hai kẻ thù không đội trời chung về tư tưởng, là những trang sách có sức nổ lớn trong tâm và trí người đọc.



“Ruồi trâu” là tên cuốn tiểu thuyết của Ethel Lilian Voynich, đã được xuất bản năm 1897 tại Hoa Kỳ (tháng 6) và Anh (tháng 9).

Khi được dịch và xuất bản ở Nga vào năm 1898, tác phẩm này đã lập tức gây được tiếng vang rộng rãi trong độc giả, đặc biệt là sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Tiểu thuyết đã là cuốn sách bán chạy nhất ở Liên Xô khi đó và cũng rất được ưa chuộng tại Trung Quốc. Cho đến khi tác giả mất thì số lượng đầu sách bán ra là khoảng 2.500.000 bản ở Liên Xô. Nhiều thế hệ người dân ở đây và các nước xã hội chủ nghĩa

đã lớn lên dưới ảnh hưởng của tác phẩm này và tinh thần khắc kỷ của nhân vật chính - Arthur (Ácơ) bí danh "Ruồi trâu", chàng thanh niên đã hiến dâng cả cuộc đời, hy sinh tất cả tình cảm riêng tư cho lý tưởng cách mạng.



Mục lục

Lời nhà xuất bản

Phần I

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII



Phần 2

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII

Chương VIII

Chương IX

Chương X

Chương XI



Phần 3

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII

Chương VIII

Đoạn kết



*Bản dịch này căn cứ vào hai cuốn
“The Gadfly” nguyên bản tiếng Anh
của Ethel L. Voynich, một cuốn xuất
bản tại Maxcova (Liên Xô) năm 1958
và một cuốn xuất bản tại New York
(Hoa Kỳ) năm 1972.*

Bản quyền tiếng Việt © Hà Ngọc

Lời nhà xuất bản

Lịch sử thế giới càng phát triển, chúng ta càng thấy rõ hơn sức hấp dẫn và ảnh hưởng to lớn của cuốn truyện “Ruồi trâu” của E.L. Voynich. Điều kỳ lạ là: khác với nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng khác, cuốn truyện này không phai nhạt đi và không giảm bớt người đọc theo thời gian, mà càng ngày nó càng có thêm ý nghĩa đậm đà, sâu sắc và càng cuốn hút số người đọc tăng lên đến mức khó tưởng tượng.

Khi “Ruồi trâu” mới chào đời, từ hè 1897 ở New York (Mỹ) và kế theo là London (Anh) sau đó vài tháng, ở cả hai nơi này, các nhà xuất bản đều đã lập tức phải tái bản cuốn sách thêm tới vài lần trong một thời gian ngắn (ở London từ 9-1897 đến 3-1898: bốn lần). Đến 1972, một nhà xuất bản Mỹ đưa ra con số “Ruồi trâu” được bán ra ở phương Tây là trên 10 triệu bản. Nhưng đến đầu 1981, một nhà nghiên cứu văn học ở Liên Xô đã đưa ra con số: không kể mười lăm lần xuất bản trước Cách mạng tháng Mười Nga, chỉ riêng ở Liên Xô đã có 186 lần xuất bản với tổng số hơn 12 triệu bản (ấy là chưa kể tới hàng triệu bản riêng tại

Trung Quốc, ngoài ra còn ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, như Việt Nam ta 1959-1975: 4 lần xuất bản, khoảng 85 nghìn cuốn, không kể đăng báo hàng ngày suốt năm 1959).

Như vậy là “Ruồi trâu” - lịch sử một người anh hùng cách mạng quyện với một thiên tình sử đẹp đẽ và xúc động được lồng trong một bản hùng ca mang tính thời đại của các dân tộc kiên cường đấu tranh cho độc lập và thống nhất mà chúng ta luôn thấy có mình ở trong - đã và sẽ không thể thiếu những thế hệ độc giả mới. Thế nhưng, tình cảm đẹp đẽ nào và hào hùng đến đâu cũng vẫn cần nuôi nấng và vun xới.

Nhà xuất bản cùng dịch giả và các cơ quan đoàn thể hữu quan vẫn phải luôn cố gắng hoàn thiện chất lượng bản dịch để phục vụ tốt hơn cho các thế hệ độc giả ngày càng trẻ và mới của nước nhà.

May thay, đến nay ta đã có điều kiện tốt hơn trước để thực hiện việc này. Có trong tay hai nguyên bản “Ruồi trâu” bằng tiếng Anh - một bản xuất bản tại New York (thực tế là nơi in ra cuốn “Ruồi trâu”) đầu tiên và một bản được xuất bản tại Nga (là nơi đầu tiên đã sớm dịch “Ruồi trâu” ra tiếng nước mình) - nay dịch giả đã có điều kiện dịch “Ruồi trâu” trực tiếp từ nguyên văn tiếng Anh sang tiếng Việt được trọn

vẹn và đích xác hơn. Đồng thời việc biên tập các kiến thức liên quan đến nội dung cuốn sách cũng được kỹ lưỡng và bài bản hơn, như tăng cường tra cứu, sưu tầm để chú thích tỉ mỉ, hòng cung cấp tài liệu và dữ kiện đầy đủ hơn cho sự lĩnh hội và xét đoán độc lập của các bạn độc giả rộng rãi.

Hy vọng rằng các bạn đọc, nhất là đông đảo các bạn đọc thanh niên, sẽ có nhiều thuận lợi hơn nữa trong việc thưởng thức và tìm hiểu những điều bổ ích cho mình, đồng thời có niềm say mê mới, khám phá thêm những khía cạnh mới tiềm ẩn trong “Ruồi trâu”, cuốn tiểu thuyết mà một nhà báo phương Tây

nổi tiếng đã phải thừa nhận là “một câu chuyện về niềm say mê và lòng quả cảm đã từng làm thế giới phải say đắm” và “đã cuốn hút được trí tưởng tượng của vô số người đọc, đến nỗi đã tác động rõ nét cả đến tiến trình lịch sử”.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Chân dung nữ sĩ Ethel Lilian Voynich

(Ảnh chụp tháng 1-1888, một năm trước khi bắt đầu viết truyện “Ruồi trâu”)

TIỂU SỬ

ETHEL LILIAN VOYNICH

Nữ văn sĩ Anh E.L.Voynich vốn tên là E.L.Boole, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1864 ở Cork (Ireland), trong một gia

đình không phải quý tộc hoặc giàu có, nhưng lại có học vấn rất cao.

Bố là George Boole, sinh năm 1815 tại Lincoln (Anh) trong gia đình thợ đóng giày, nhưng từ nhỏ đã rất thông minh, biết tới bốn ngoại ngữ, mười sáu tuổi đã dạy toán và tiếng Latinh trong một trường tư, sau tự mở trường để dạy học, say mê cả làm thơ và dịch thơ Hy Lạp và La Mã cổ đại, nghiên cứu triết học, và từ sớm đã chú ý phát hiện các định luật của tư duy. Năm hai mươi sáu tuổi đã công bố các công trình nghiên cứu toán học đầu tiên, năm ba mươi tư tuổi đã được mời dạy toán tại trường tư thục Queens College (Cork). Đến 1858 đã được bầu vào Học

hội Hoàng gia (*Royal Society*) gồm các nhà khoa học nổi tiếng nhất nước Anh, những năm sau lại được bầu làm hội viên danh dự Học hội triết học Cambridge. Tác phẩm khoa học lớn nhất của ông là về “logic toán tượng trưng”, được coi là đã phát khởi một ngành khoa học mới, đặt cơ sở cho điều khiển học (cybernetics) sau này^[1].

[1] Từ điển Larousse (Pháp) 2005, xác nhận George Boole (1815-1864) là nhà toán học và logic học, đặt nền móng cho Khoa logic toán hiện đại (“Đại số học Boole”).

Mẹ là Mary Everest, con gái của Theodore Everest, hiệu trưởng trường Đại học Gloucester. Anh ruột của bố bà,

George Everest, lại là một kỹ sư và nhà địa lý học lớn, được coi là người đầu tiên năm 1852 đã công bố phát hiện đỉnh núi cao nhất thế giới mang tên ông: đỉnh Everest (8848 m)^[2]. Bà Mary Everest là người nhân hậu, tận tâm giúp chồng và nuôi dạy con cái. Bà sinh hạ năm cô con gái, Ethel Lilian là út (sinh ngày 11 tháng 5 năm 1864), thể chất yếu hơn, nhưng có vẻ thông minh, sáng dạ hơn cả. Rất không may, chỉ tám tháng sau khi cô út Ethel Lilian (gọi tắt là Lily) ra đời, ông George Boole đột ngột qua đời do bị sung phổi nặng trong chuyến lặn lội dưới trời mưa tầm tã đi thăm một người bạn đang cơn hoạn nạn. Mất người cột trụ trong gia đình, bà Mary đành đưa các

con về kinh đô London, cố đi dạy và viết báo... làm kế sinh nhai cho cả nhà.

[2] Có tài liệu cho biết George Everest là Tổng thanh tra trắc địa ở Ấn Độ, thuộc địa Anh bấy giờ, đã điều khiển cuộc Đại khảo sát lượng giác (GTS) năm 1819, và đã phát hiện đỉnh Everest với sự cộng tác của các kỹ sư trắc địa bản địa. Chiều cao của đỉnh núi này có lúc đã được coi là 8846 m (1993), 8850 m (1999), 8844 m (2005)... và về tên gọi sau này - khi Népan độc lập, do dãy Himalaya nằm giữa Népan và Trung Quốc - còn có tên Tây Tạng là Chomo Lungma (Nữ thân mẹ thế giới).

Lily càng tỏ ra cẩn thận và say mê học hành, có khiếu về khoa học và ngoại ngữ, lúc năm tuổi còn bộc lộ cả khiếu âm nhạc, nhưng cũng thỉnh thoảng lăm lăm mới học được một buổi nhạc do gia đình luôn

thiếu thốn, có bữa còn phải nhịn đói. Khi lên tám, Lily ốm nặng, bà Mary đành phải gửi cho ông anh thứ hai của bố mình (quản đốc tại mỏ than ở Lancashire^[3]) nuôi hộ, nhưng ông này là con người u mê, cuồng tín và khắc nghiệt, đã để lại cho Lily những ký ức không hay. May thay, đến năm 1882, do được nhận một phần di sản nhỏ, Lily đã quyết ý sang học tại Nhạc viện Berlin (Đức), và sau ba năm đã tốt nghiệp Khoa *Fortepiano*, ngoài ra còn có dịp tham quan nhiều thành phố Tây Âu (ở Paris gần một năm), tiếp thu nhiều kiến thức mới mẻ và rộng rãi từ cuộc cách mạng khoa học và công nghệ châu Âu tiếp nối cuộc cách mạng công nghiệp Anh trong thế kỷ trước, và

cả từ cao trào cách mạng giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội, từ các cuộc đấu tranh cho độc lập và thống nhất đất nước vang dội ở hàng loạt nước châu Âu, suốt từ thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX.

[3] Một quận ở Tây Nam nước Anh, trông ra biển Ireland.

Năm 1886 Ethel Lilian trở về London lập thân trong lúc thủ đô Anh đang trở thành nơi tập trung, lai vãng, gặp gỡ và thậm chí nơi lưu vong của nhiều nhà hoạt động nổi tiếng thuộc các lĩnh vực khác nhau trên thế giới, như G.Mazzini, A.Hertzen, S.M. Kravtsinski (Stepniak), K.Marx... và sau này cả F.Engels,

B.Shaw, G.Brandes, G.V. Plekhanov v.v... Không trở thành một nghệ sĩ đàn *piano* do không đủ sức khỏe, Ethel Lilian đã dẫn thân mình vào các hoạt động chính trị - xã hội đang rất sôi nổi đương thời. Ngay trong năm 1886 Ethel Lilian đã quen biết một nhà cách mạng dân túy Nga (gốc Ukraina), nổi tiếng về tài năng cũng như đức độ và ý chí chiến đấu kiên cường là S.M.Kravtsinski với bút danh Stepniak. Nhờ sự giúp đỡ của ông và những người cách mạng Nga khác, tháng 4 năm 1887 Ethel Lilian đã qua Paris, Vacsava mà đến thăm Peterburg và chứng kiến những cảnh chính quyền chuyên chế Nga (như vụ 8-5-1887 bí mật xử treo cổ năm sinh viên,

trong đó có người anh ruột của Lênin). Để tiện việc tìm hiểu tình hình nước Nga, Ethel Lilian đã phải làm gia sư tiếng Anh và đàn piano trong trang trại của một bà quả phụ Nga giàu có ở gần Vôrônegio (vùng sông Đông, phía Nam Nga), nhưng qua một thời gian không sống nổi, đành trở lại Peterburg, và suốt năm 1888 đến 5-1889, sau hơn hai năm tìm hiểu tình hình nhờ sự giúp đỡ của những người cách mạng Nga, Ethel Lilian đã từ già nước Nga trở về Anh.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Trở lại London, Ethel Lilian càng quan hệ mật thiết với Stepniak và những

người cách mạng Nga lưu vong khác, có nhiều hoạt động, kể cả vận động về tài chính, để giúp đỡ họ, đầu 1890 đã trực tiếp giúp Stepniak tổ chức nhóm những người Anh có khuynh hướng tự do để lập ra “Hội những người bạn của quyền tự do Nga”, tiến tới xuất bản tạp chí “Nước Nga tự do” tại London, mà sau này Ethel Lilian đã làm việc trong Ban biên tập của tờ báo đó, và Xuân 1892 đã được bầu vào Ban chấp hành “Hội những người bạn của quyền tự do Nga” kể trên. Chính trong thời gian này, đã có hai sự kiện “bước ngoặt” trong cuộc đời Ethel Lilian. Sự kiện thứ nhất là ngày 5-10-1890, Ethel Lilian Boole đã gặp nhà cách mạng Ba Lan trẻ tuổi Wilfrid

Voynich, chưa đầy hai mươi tuổi đã bị chính quyền Nga hoàng bắt và đày sang Xibir từ 1885, nhưng đã được các đồng chí cách mạng bố trí cho vượt ngục chạy được sang Đức, trôi giạt qua cả vùng Scandinavia (Bắc Âu) để đến London gặp và cộng tác với Stepniak. Anh đã làm việc tại Ban biên tập tạp chí “Nước Nga tự do” cùng với Ethel Lilian, từ 6-1891 lại được cử vào ủy ban quản trị “Quý báo chí Nga tự do” với sự cộng tác của Ethel Lilian, và tuy tính tình có phần trái ngược, nhưng hai người đã yêu nhau thắm thiết và thành hôn vào hè 1892, và từ đó đã xuất hiện tên Ethel Lilian Voynich, nữ sĩ nổi danh trên thế giới sau này.

Sự kiện thứ hai còn mang tính bước ngoặt lớn hơn nhiều. Qua những bức thư đi công tác Ethel Lilian gửi về cho mình, Stepniak đã nhận ra tài năng của một cây bút tương lai và trong thư đề ngày 22-8-1889, ông khuyên cô nên “thử sức mình trong văn chương”. Vốn từ lâu đã nuôi nấng chí hướng đó, thì nay E.L. Voynich đã có một định hướng mới: ấp ủ một cuốn tiểu thuyết về phong trào đấu tranh của nhân dân Ý và những nhà cách mạng Ý. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì tình hình phong trào cách mạng Nga cho tới thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX vẫn chưa có lực lượng lãnh đạo mới, chưa có cương lĩnh chính trị và phương thức đấu tranh mới, rơi vào cảnh chia rẽ, tan rã và

thoái trào cho tới khi xuất hiện sự lãnh đạo của V.I. Lênin, Đảng Bôn-sê-vích và cuối cùng là Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Trong khi đó, tình hình cách mạng Ý tuy lúc đầu rất phức tạp (bị chia cắt thành nhiều vương quốc và lãnh địa, có đủ thứ thù trong giặc ngoài, kể cả Giáo hội và Giáo hoàng câu kết với nước ngoài và những đế quốc lớn nhảy vào xâm lấn và chia cắt...), nhưng đã có những cương lĩnh chính trị rõ rệt (phong trào Risorgimento (Hồi sinh)^[4] bao gồm các mục tiêu Độc lập và Thống nhất, trong thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX; Đảng “Nước Ý trẻ” do G.Mazzini^[5] thành lập năm 1831 cũng với những phương châm tư tưởng đó...), có những

phương thức đấu tranh kiên quyết và khôn khéo (kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp đấu tranh trong nước với đấu tranh ngoại giao), cả G.Mazzini và G.Garibaldi^[6] đều đấu tranh vũ trang rất oanh liệt nhưng G.Mazzini hoạt động mạnh hơn vì chính trị, đã tham gia tuyên bố nền Cộng hòa ở Roma và đã tham gia ban lãnh đạo ba người (tam đầu ché) ở đây (1849), G.Garibaldi đã giành lấy chính quyền ở Vương quốc hai Sicilia (1860), và cả hai đều đã bôn ba ở hải ngoại, tích cực tham gia các cuộc đấu tranh của các dân tộc khác, còn riêng B.Cavour^[7] thì đã ra sức lợi dụng những mối mâu thuẫn giữa các nước lớn, tích cực đấu tranh ngoại giao,

đã đàm phán đúng lúc, tranh thủ sự ủng hộ của hoàng đế Pháp Napôlêông III đưa quân sang giúp quân Ý (vùng Piemonte) đánh đuổi quân Áo ra khỏi bờ cõi (1858-1859)..., và tất cả đã khiến cho nước Ý có được những ngọn cờ, những lãnh tụ cực kỳ anh dũng, kiên cường và rất tiêu biểu chẳng những ở trong nước được coi là anh hùng dân tộc mà còn vang danh cả trên thế giới lúc bấy giờ^[8].

[4] Trong tiếng Ý có ba khái niệm dịch ra tiếng Việt hơi giống nhau, nhưng là về ba chuyện rất khác nhau: Lễ Phục sinh (của Chúa Giêsu): Pasquetta; Thời kỳ Phục hưng (về nghệ thuật, văn học và tư tưởng ở châu Âu trong các thế kỷ XV – XVI): Rinascimento; Cương lĩnh Hồi sinh (về chính trị, của nước Ý, trong các thế kỷ XIX – XX): Risorgimento

[5] Giuseppe Mazzini (1805-1872): Xem trong truyện “Ruồi trâu”.

[6] Giuseppe Garibaldi (1807-1882): Năm 1849 định bảo vệ nền cộng hòa ở Roma nhưng không thành, phải lưu vong; 1854 trở về chống sự xâm chiếm của Áo, rồi chống các vương quốc và Giáo hoàng cát cứ (dùng “1000 quân” đổ bộ lên đảo Sicilia đánh chiếm được Vương quốc Napoli và Vương quốc hai Sicilia để hợp nhất vào với lực lượng dân tộc của một vương triều Ý tại Piemonte...).

[7] Túc Bá tước di Cavour (1810-1861): Nhà chính trị tích cực bảo vệ các tư tưởng tự do; 1847 sáng lập báo Il Risorgimento; 1848-1852 liên tục là nghị sĩ Torino, bộ trưởng và thủ tướng, kiên quyết đấu tranh để thống nhất nước Ý; 1858-1859 góp phần đấu tranh đánh đuổi được quân Áo ra khỏi nước Ý; 1860-1861: góp phần thống nhất

Lombardia với Trung Ý và thành lập Vương quốc Ý.

[8] Sau khi Pháp xâm chiếm và đô hộ nước ta, phong trào văn thân và các phong trào yêu nước khác trong nửa cuối thế kỷ XIX, ở nước ta cũng đã từng biết rất sớm về G.Mazzini. Tới nay còn lưu lại đôi câu đối chữ Nho hồi bấy giờ:

*- Toàn quốc vô Thái Tây chi nam, toại linh nữ
kiệt trâm mai, chí tử bất dăng Do thái bút.*

*- Đồng bào dĩ Việt Nam di mẫu, đương thử anh
hùng khắp khóc, cư tang ưng trước Mã ni y.*

Câu trước chưa rõ nghĩa lắm, còn câu sau ý là: Đồng bào lấy Việt Nam làm mẹ, đương lúc anh hùng gào khóc, ở tang nên mặc áo Mã-ni, tức Mã-di-ni (Mazzini). Tương truyền rằng Mazzini đi làm cách mạng, được tin mẹ mất, có bộ đồ đen cứ mặc để tang mãi. Ai hỏi thì trả lời: “Để tang mẹ rồi, nhưng vẫn còn phải để tang nước Ý nữa”.

Kết quả, như đã thấy là sau thời kỳ khó khăn gian khổ 1830-1840, đến năm 1849 đã thiết lập được chế độ cộng hòa tại Roma; 1859: đã đánh đuổi được kẻ đô hộ Áo, giải phóng được Lombardia (Bắc Ý); 1860: giải phóng được Vương quốc Napoli và Vương quốc hai Sicilia để sáp nhập lại với Piemonte; 1861: tuyên bố thành lập Vương quốc Ý (mới đầu thủ đô là Torino, rồi Firenze); 1866: sáp nhập nốt được Veneto; 1870: thu hồi được Roma (do đó giới hạn được quyền lực của Giáo hoàng chỉ trong một phạm vi ở Roma và cuối cùng chỉ còn là khu Vatican); 1871: Roma chính thức thành thủ đô chung; và như vậy, các mục tiêu

độc lập, thống nhất đã hoàn thành khá trọn vẹn^[9].

[9] Vương quốc độc lập, thống nhất này tồn tại từ 17-3-1861 cho tới tận 1946 thì chuyển sang chế độ cộng hòa do kết quả thắng lợi của cuộc trưng cầu dân ý ngày 13-6-1946.

Từ thuở nhỏ Ethel Lilian được nghe bà mẹ kể chuyện có chiếc tàu chở các nhà cách mạng Ý bị đi đày đã từng trôi dạt vào bờ biển quê bà, đến năm tám tuổi đã được nghe cô chị cả đọc báo cho biết tin G.Mazzini tạ thế, và mười lăm tuổi bản thân đã đọc sách về cuộc đời nhà cách mạng Ý kiên cường ấy, nay E.L.Voynich càng ra sức đi theo định hướng của mình: từ năm 1889 đã bắt đầu

tập trung viết đề tài này, tăng cường đến Bảo tàng Anh (*British Museum*) nghiên cứu mọi mặt tình hình Ý, suốt mùa hè 1895 đã sang Ý để điều tra thực tế, sưu tầm tài liệu trong các Cục lưu trữ ở Firenze, Bologna... và khoảng 11-1895 đã xong bản thảo đầu tiên. Về đến Anh, cả hai ông bà không may đều ngã bệnh, riêng E.L.Voynich đã bị suy nhược do làm việc quá căng thẳng, và đặc biệt gặp khó khăn trong tài chính gia đình. Rồi Stepniak, đang háo hức chuẩn bị đọc tác phẩm đầu tay của E.Lilian thì đã bất ngờ qua đời trong một tai nạn xe lửa do mãi suy nghĩ khi đi ngang qua đường sắt - như thế lại mất thêm một nguồn trợ giúp và khuyến khích cho nữ sĩ. Nhưng cuối

cùng, may thay, cũng đã có một nhà xuất bản thuận in cuốn truyện. Họ dự tính phát hành sách vào Hè 1897 đồng thời cả ở London và New York. Chẳng ngờ hè năm này lại vướng vào lễ kỷ niệm 60 năm trị vì của Nữ hoàng Victoria^[10] nên việc phát hành ở London phải hoãn đến mùa thu (9-1897). Đây chính là cuốn truyện “Ruồi trâu”, dựa con văn học đầu lòng của nữ sĩ Ethel Lilian Voynich sau tám năm thai nghén. Trong tác phẩm bà đã xây dựng hình tượng một chiến sĩ đấu tranh cách mạng kiên trinh, bất khuất cùng với một môi tình đẹp đẽ và trong sáng, trong khung cảnh đấu tranh giành độc lập và thống nhất hết sức hào hùng của nhân dân Ý đang ở giai đoạn gay go

nhất (1830-1840). Ngay khi ra đời, tác phẩm đã gây tiếng vang lớn ở cả New York và London. Riêng ở London từ 9-1897 đến 3-1898 đã xuất và tái bản đến bốn lần, đã được B.Shaw^[11] biên kịch cho ca kịch công diễn vào ngày 31-3-1898 tại Victoria Hall... Ở New York, báo chí đã đưa tin rất giật gân về cuốn tiểu thuyết, gọi đó là “cuốn sách gây chấn động nhất thời đại hiện nay” (*New York Herald*).

[10] Nữ hoàng Victoria (1819-1901): Nữ hoàng Anh và Ireland (1837-1901), được coi là có công hiến lớn cho sự cường thịnh của đế quốc Anh nói chung, là triều đại thịnh trị (Victoria era).

[11] Bernard Shaw (1856-1950): Nhà văn lớn

người Ireland, tác giả của các tiểu thuyết và kịch nổi tiếng, được Giải Nobel 1925.

Trong khi đó, Wilfrid Voynich đã hoàn toàn chuyển sang kinh doanh, chủ yếu tập trung sưu tầm và bán các sách và di cảo cổ xưa ở các nước Pháp, Ý, Tây Ban Nha, và ông cũng đã gặp may, phát hiện được một vài di vật cổ rất có giá trị, trong đó có tấm bản đồ đích thực của Magellan^[12]. Nhưng cả hai ông bà vẫn thi nhau ốm yếu, theo lời khuyên của thầy thuốc, hè 1898 họ phải sang nghỉ ở Pháp, Ý. Tại đây, E.L.Voynich đã lại bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết thứ hai, nhưng được tin ở New York người ta đã biên kịch và chuẩn bị công diễn vở “Ruồi trâu” buổi đầu tiên vào 9-1899, bà bèn

sang Mỹ vào hè 1899. Trước việc ban kịch trắng trợn bóp méo cả tính cách lẫn tinh thần của Ruồi trâu, kịch liệt phản đối cũng không ăn thua, bà đành một lần nữa để lại thư kháng nghị mà bỏ về, đến tiền nhuận bút cũng quyết không nhận. Cuốn truyện thứ hai của bà có tựa đề là “Jack Raymond” xuất bản năm 1901, cũng phát hành đồng thời ở London và Mỹ. Cuốn thứ ba mang tên “Olivia Latham” đã nối tiếp vào năm 1904, cũng được xuất bản ở cả hai nơi. Hai tác phẩm này, theo đánh giá của dư luận, đều đã tách xa ra khỏi những đề tài vốn dĩ của E.L.Voynich cả về nội dung và tinh thần căn bản, nên đã không có tiếng vang gì nhiều. Trước tình hình đó, E.L.Voynich bèn trở lại với

đề tài Ruồi trâu bằng hai cuốn tiểu thuyết, cuốn “Tình bạn dang dở” (1910, về thời kỳ Rivarez ở Nam Mỹ, về lịch sử gia đình Martel, và tuy cũng có viết cả chuyện Rivarez đã gặp gỡ bản thân G.Mazzini, đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ý năm 1843..., thế nhưng hình ảnh hào hùng và lẫm liệt của Ruồi trâu đã không còn nữa), và cuối cùng là cuốn thứ năm “Hãy cởi bỏ giày ra, cháu ạ!”^[13] (5-1945, kể lại dòng tộc của Ruồi trâu từ đời các cụ tổ cho đến đời chắt Arthur - Ruồi trâu), song cả hai tác phẩm này, theo dư luận nhận xét, cũng đã xa rời cuộc sống lầm than khổ sở của các dân tộc bị áp bức vẫn đang hùng hực khí thế đấu tranh trong nửa đầu thế kỷ XX với

hai cuộc đại chiến thế giới, nên đã không đem lại niềm say mê gì mới cho độc giả.

[12] Ferdinando di Magellan (1480-1521): Nhà hàng hải Bồ Đào Nha, năm 1520 định đi về phía tây qua eo biển cực nam ở Nam Mỹ (sau gọi là eo biển Magellan) để đến quần đảo Moluques (Indônexia ngày nay), nhưng mới đi đến quần đảo mà nay gọi là Philippin thì bị giết; đoàn thuyền vẫn đến được Moluques vào 11-1521 và về được Tây Ban Nha (1522), hoàn thành cuộc thám hiểm trên biển vòng quanh thế giới đầu tiên. Báo KTNN, số 387 (10-5-2001) có dựa vào báo Le Monde (Pháp), số ra ngày 20-12-2000, đưa tin Wilfrid Voynich còn đã phát hiện bản di cảo “bí ẩn nhất thế giới” mã số MS108, hiện chưa rõ xác thực ra sao.

[13] Tựa đề này được trích từ một câu trong Kinh Thánh mà toàn văn là “Con hãy cởi bỏ giày ra, vì dưới chân con là một vùng đất thiêng liêng!”

cũng chính là lời nhân vật Beatrice (cụ bà đẻ ra bà của Arthur - Ruồi trâu) đã căn dặn cô cháu của mình (Gladys, sau này là mẹ của Arthur - Ruồi trâu).

Tuy nhiên, ta hãy trở lại những năm sau 1910 (sau cuốn “Tình bạn dang dở”) để thấy từ những năm này E.L.Voynich còn sáng tác cả nhạc (như viết khúc diễn ca (*oratorio*) quy mô lớn về Babylone^[14] hoàn thành năm 1948, mà bà cho là “tác phẩm có ý nghĩa nhất trong đời mình”...), và cũng lúc này Wilfrid Voynich đã mở rộng được việc buôn bán sách và các di cảo cổ xưa ở Paris, Varsava, Florence và cả New York, nhưng đến thời gian cuộc đại chiến I (1914-1918), một mặt việc làm ăn sinh

sống ở châu Âu gặp khó khăn lớn, và mặt khác cả hai ông bà đều đau ốm lâu dài (E.L.Voynich bị suy tim), khi đã tạm bình phục, họ đã quyết định chuyển sang Mỹ di trú từ năm 1920. Tại đây, ông vẫn tiếp tục quản lý hãng buôn bán sách cổ và di cảo, còn bà, tiếp tục sáng tác nhạc và dạy nhạc. Chẳng bao lâu Wilfrid Voynich qua đời (3-1930), bà lại kiêm thêm việc tư vấn cho những người làm công việc doanh nghiệp do ông để lại. Và mặc dù người bạn nữ giúp việc cho bà khẳng định rằng việc quan trọng nhất của bà lúc này là âm nhạc, nhưng, như đã biết, bà đã chỉ có thể cố gắng để hoàn thành được tác phẩm văn học thứ năm, vào 11-1944, xuất bản đúng vào tháng và năm sinh tám

mười một tuổi (5-1945) của mình.

[14] Thành phố rất cổ xưa, nơi đã diễn ra nhiều sự kiện lớn về văn hóa và tôn giáo thời cổ đại ở Mesopotamia, trên sông Euphrate (Iraq hiện nay).

Mặc dù cuộc đời bôn ba và không kém phần bươn trải, E.L.Voynich đã sống đến tuổi 96. Bà mất ngày 27-7-1960 trong một căn hộ đơn sơ trên tầng 17 một tòa nhà cũ kỹ ở Phố 24, một khu phố nghèo tại New York. Bà đã sống đến tuổi đại thọ, chắc hẳn không chỉ do thể chất bẩm sinh, mà còn vì vào những năm cuối đời, càng ngày bà đã càng “thấy những sự kiện vĩ đại”^[15] đến gần. Năm 1955 (bà chín mươi một tuổi), do nhận được

tờ tạp chí đầu tiên của Liên Xô và sau đó qua cuộc thăm viếng đầu tiên của đoàn các nhà báo Xô viết, bà mới biết thêm những tin tức mới. Chỉ riêng ở Liên Xô lúc bấy giờ đã ấn hành tới 2 triệu cuốn “Ruồi trâu”, té ra còn cả một nửa thế giới nữa đã đọc sách của bà, quý mến bà. Còn sau năm 1960, bà đã không thể biết rằng đến 1972 số cuốn sách này được bán ra ở phương Tây là trên 10 triệu bản, nhưng tới đầu năm 1981 con số đó chỉ riêng ở Liên Xô đã là hơn 12 triệu bản, ấy là chưa kể hàng triệu bản ở Trung Quốc và các nước khác nữa trong đó có Việt Nam. Bà cũng không thể biết rằng cho tới cuối thế kỷ vừa qua, một nhân vật như Bertrand Russell^[16] đã thừa

nhận rằng: “Đây là cuốn tiểu thuyết xúc động nhất mà tôi đã được đọc trong tiếng Anh”, và một nhà báo Mỹ khẳng định rằng: “Đó là một trong những cuốn sách bán chạy một cách phi thường nhất của thế kỷ XX”. Không nghi ngờ gì rằng: theo tiến trình lịch sử, vẫn sẽ có những thế hệ độc giả ngày càng mới và trẻ, nối tiếp nhau say mê đọc và soi mình trong “Ruồi trâu” - một viên ngọc quý giá E.L.Voynich đã để lại cho nhân loại.

[15] Lời Ruồi trâu trong bức thư tuyệt mệnh gửi Gemma.

[16] Bá tước Bertrand Russell (1872-1970): Triết gia và nhà logic học người Anh, sáng lập ra Khoa luận lý học (Logicism) và lý thuyết loại hình

(Principia mathematica, với sự cộng tác của A.N.Whitehead). Nổi tiếng cả về các hoạt động chính trị, đạo đức và nhân đạo; năm 1966 lập ra “Tòa án Russell” lên án các tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Ngày 16-10-2005

H.N.

~~Part I~~

Chapter I

Arthur sat in the library of the Theological Seminary at Pisa, looking through a pile of manuscript sermons. It was a hot evening in June, and the windows stood wide open, with the shutters half closed for coolness. The Father Director, Canon Montanelli, paused a moment in his writing to glance longingly at the black head bent over the papers.

- "Can't you find it, Carina? Never mind, I must re-write the passage. Possibly it has got torn up, and I have kept you all this

Bút tích của nữ sĩ Ethel Lilian Voynich

(Ảnh chụp trang đầu tiên trong bản thảo viết tay truyện “*Ruồi trâu*” của E.L.Voynich, năm 1889)

Phần I

Chương I

Arthur^[1] ngồi trong thư viện của chủng viện thần học^[2] thành Pisa^[3] đang lướt đọc một chồng những bài giảng đạo chép tay. Đó là một chiều tháng sáu oi ả, khung kính các cửa sổ đều mở toang,

nhưng các cửa chớp đều đã được khép lại nửa chừng cho mát. Kinh sĩ^[4] Montanelli, cha Giám đốc chủng viện, ngừng viết và triều mến nhìn mái tóc đen cặm cụi trên những trang giấy.

[1] Tiếng Anh, đọc là A-thơ.

[2] Chủng viện thần học (theological seminary): Trường cao đẳng của Giáo hội Công giáo La Mã để đào tạo các linh mục và các nhà truyền đạo.

[3] Pisa (tiếng Anh và Ý, đọc là Pi-da; tiếng Pháp là Pise): Thành phố bên sông Arno, trong vùng Toscana phía Bắc Ý (lúc này là Đại Công quốc Toscana). Ta thường biết đến tòa tháp nghiêng thành Pisa.

[4] *Kinh sĩ (Canon, cũng dịch là quy sĩ): Đây là một loại chức sắc của Giáo hội Công giáo sống theo một chế độ riêng và là thành viên của Kinh sĩ đoàn Nhà thờ chính tòa (cathedral).*

- Không tìm thấy ư, *carino*^[5]. Không sao. Cha phải viết lại đoạn ấy thôi. Chắc nó bị xé mất mà cha đã khiến con phải ngồi lại phí mất bao thời giờ.

[5] *Carino (tiếng Ý, đọc là ca-ri-nô): Nghĩa là “con yêu quý” hoặc “con thân yêu”. Tác giả muốn chỉ rõ câu chuyện diễn ra tại nước Ý và Montanelli là người Ý.*

Giọng Montanelli khá trầm, nhưng rất đầy đặn và âm vang. Thanh âm trong như bạc làm cho lời nói của ông có sức quyến rũ lạ thường. Đó là tiếng nói của

một nhà hùng biện bẩm sinh, một thứ tiếng nói uyển chuyển giàu âm điệu. Mỗi khi cha Giám đốc nói với Arthur thì lúc nào giọng ông cũng đượm tình âu yếm.

- Không, *Padre*^[6], nhất định con sẽ tìm thấy. Con tin chắc là cha để ở đây mà. Nếu cha có viết lại thì cũng chẳng thể như cũ được đâu.

[6] Padre (tiếng Ý, đọc là pa-đrê): Nghĩa là cha cố, cha đạo.

Montanelli lại tiếp tục công việc đang làm. Một chú bộ dứa ngái ngủ đang mơ màng vo ve ở đâu ngoài cửa sổ. Từ dưới đường phố vọng lên tiếng rao kéo dài và

não nuốt của một người bán trái cây:
“Fragola! Fragola!”^[7].

*[7] Fragola (tiếng Ý): Nghĩa là: “Dâu tây đây!
Dâu tây đây!”.*

- “Giảng về Chúa chữa lành người tật
phong”^[8], đây rồi!

*[8] Một sự tích trong Kinh Thánh về việc Chúa
Kitô làm phép chữa cho người bị bệnh hủi khỏi
bệnh bằng cách sờ vào người đó.*

Arthur bước ngay qua phòng với dáng
đi êm nhẹ, một dáng đi luôn rất trêu
ngươi đối với người nhà mình. Vóc
người nhỏ nhắn mảnh khảnh, Arthur trông
giống một anh chàng người Ý được vẽ

trong bức tranh chân dung của thế kỷ Mười sáu hơn là một chàng trai trẻ thuộc tầng lớp trung lưu ở Anh vào những năm ba mươi^[9]. Mọi vẻ ở anh đều rất mực tinh tế và cực kỳ thanh tú, từ đôi hàng lông mày dài, khóe miệng nhạy cảm cho đến cả những đôi chân tay nhỏ nhắn. Khi anh ngồi yên, người ta có thể cho anh là một cô gái yêu kiều giả trai; nhưng khi cử động thì vẻ nhanh nhẹn và khéo léo của anh gợi ra một hình dạng một con báo đã thuần và không có móng vuốt.

[9] Ý nói những năm ba mươi của thế kỷ XIX (1830-1840) là thời điểm đang diễn ra những sự kiện tác giả miêu tả trong cuốn truyện này.



- Tìm thấy thật ư? Arthur ạ, không có con thì cha chẳng biết làm thế nào. Có lẽ rồi lúc nào cha cũng để lạc mất đồ đạc... Thôi, cha chẳng viết lách gì nữa đâu. Ta ra vườn đi, cha sẽ giúp con học bài. Chỗ nào không hiểu, hỏi con?

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Họ bước vào một khu vườn biệt

lập^[10] im ả và râm mát. Ngày xưa chủng viện đây vốn là cơ ngơi của một tu viện cổ kính của dòng Thánh Đa Minh^[11], nên từ hai trăm năm trước khu sân vườn vuông vắn này đã được trồng tỉa và chăm bón rất chu đáo. Đôi bờ hoàng dương thẳng tắp viền lấy khu đất trồng hương thảo và oải hương được cắt xén thành bụi gọn ghẽ. Những tu sĩ mặc áo choàng trắng xưa kia chăm sóc cho những cây cỏ này đã bị chôn vùi và lãng quên từ lâu rồi, nhưng giờ đây trong những chiều dịu êm cảnh giữa hè, cỏ thơm vẫn cứ nở hoa ngào ngạt, mặc dù không còn ai hái hoa cỏ về làm thuốc nữa. Ngày nay những khóm cần dại và hoa dẻ quạt đã ken đầy những kẽ đá lát

trên các lối đi, còn giếng nước ở vườn thì mặc cho những đám dương xỉ và cỏ cảnh thiên thả sức mọc chằng chịt. Những gốc hồng bỏ thành hoang dại, rễ và cành tua tủa lan ra chắn mọi lối mòn. Những đóa mào gà lớn khoe sắc đỏ chóa trên đôi bờ hoàng dương. Những nhánh mao địa hoàng cao lêu đêu lả ngọn lòa xòa trên những đám cỏ rối. Còn một cây nho già chẳng được vin cành và cần cỡi thì la đà trên cành một cây sơn trà hoang vu mà chậm chậm buồn bã cố lác lác lu chỏm lá um tùm.

[10] Khu sân và vườn riêng biệt thường thấy trong các tu viện (đơn viện), có hành lang gồm nhiều cột bao quanh, người ngoài không được vào.

[11] *Dominican (tiếng Anh): Thuộc dòng Thánh Đôminic hoặc gọi là dòng Anh em thuyết giáo (thường làm các công việc rao giảng, giáo dục...) - một dòng tu của Thiên Chúa giáo, được lập ra năm 1215.*

Ở góc vườn sừng sững một cây mộc lan ra hoa vào mùa hè, với một tòa cành lá sum suê, tối sẫm, lác đác điểm hoa màu trắng sữa. Tựa vào thân cây mộc lan là một chiếc ghé gỗ dài thô ráp. Montanelli ngồi xuống chiếc ghé ấy. Arthur đang học môn triết ở trường đại học. Hôm ấy gặp một đoạn khó trong sách, anh bèn mang đến xin “Padre” giảng giúp. Tuy Arthur không hề là học sinh của chủng viện, song đối với anh,

Montanelli là cả một bộ bách khoa toàn thư.

[©DTV](#)

Khi nghe giảng xong đoạn khó hiểu, Arthur nói:

- Nếu cha không còn việc gì cần đến con thì con xin phép ra về.

- Cha cũng chẳng làm việc nữa đâu. Nhưng nếu con có thời giờ thì cha muốn con ở lại với cha một chút.

- Ồ, có chứ ạ!

Arthur tựa lưng vào thân cây, và xuyên qua đám cành mọc lan mờ tối anh nhìn lên những vì sao đầu tiên mờ mờ run rẩy trong bầu trời yên tĩnh. Dưới đôi hàng mi đen nhánh, cặp mắt xanh biếc của anh trông mơ màng và bí ẩn, vốn dĩ là di sản của bà mẹ người miền Cornwall^[13]. Montanelli quay mặt đi để tránh phải nhìn đôi mắt ấy.

[13] Cornwall (tiếng Anh): Một quận ở cực Tây Nam nước Anh; dân ở đây thuộc giống người Celt, thường là mắt xanh, tóc sẫm.

Ông hỏi:

- *Carino*, con có về mệt mỏi rồi đây.

- Biết làm sao được, thưa cha.

Montanelli nhận ra ngay giọng uể oải chứa chất trong lời nói của Arthur.

- Con chẳng nên vội vào đại học sớm thế làm gì. Thời gian chăm sóc mẹ con ốm và những đêm không ngủ đã làm con kiệt sức. Lẽ ra cha phải bắt con nghỉ ngơi thật đầy đủ rồi mới được rời khỏi Leghorn^[14].

[14] Leghorn (tiếng Anh trong nguyên bản; ta thường gọi là Lơ-go, trong “gà Logo”; tiếng Ý là Livorno): Một hải cảng lớn trên bờ biển phía tây nước Ý, cùng với các thành phố Pisa, Firenze (Florence)... nằm trong tỉnh Toscana (lúc này là Đại Công quốc Toscana).

- Ôi, *Padre*. Điều đó nào có ích gì. Sau khi mẹ con mất đi, con không tài nào ở lại ngôi nhà thảm hại ấy được. Julia làm con phát điên lên mất!

Julia là vợ người anh cả cùng cha khác mẹ và là một chiếc gai nhọn đối với Arthur.

Montanelli dịu dàng nói:

- Cha vốn cũng không hề muốn con ở lại với họ hàng thân thuộc của mình đâu. Cha biết chắc đó sẽ là điều tệ hại nhất cho con. Nhưng ý cha là con nên nhận

lời mời của ông bạn bác sĩ người Anh, đến ở chơi nhà ông ấy một tháng rồi hãy về học thì có phải tốt hơn không.

- Không, *Padre*, con cũng chẳng muốn thế đâu. Gia đình nhà Warren^[15], tuy rất tốt và thân tình, nhưng họ cũng không sao hiểu được con. Họ có vẻ thương hại con, qua nét mặt mọi người trong gia đình ấy là con đủ biết. Đến đây họ sẽ lại dễ dàng an ủi, lại nhắc đến mẹ con. Gemma^[16] thì dĩ nhiên không thế đâu. Ngay từ hồi chúng con còn nhỏ bao giờ cô ấy cũng thấy được chuyện gì là không nên nhắc tới. Còn những người khác thì cứ thế thôi. Nhưng cũng chẳng phải chỉ tại thế...

[15] The Warrens (tiếng Anh): Tức gia đình của Gemma.

[16] Gemma (tiếng Anh): Tên phụ nữ, đọc là Giêm-ma, và gọi thân mật là Jim, đều là cách gọi rút ngắn của Jennifer.

- Vậy còn tại sao nữa, con trai của cha?

Arthur ngắt mấy đóa hoa trên cành mao địa hoàng lá ngọn và bực bội vò nát trong tay.

Sau giây lát im lặng, anh nói tiếp:

- Con không chịu nổi cái thành phố ấy nữa rồi. Đây là những cửa hàng mà hồi con còn tám bé mẹ con thường đến mua đồ chơi cho con, và lại cả con đường bờ sông mà con vẫn thường dìu mẹ con đi dạo khi mẹ con chưa ốm nặng. Đi đến đâu con cũng gặp những cảnh như vậy. Mọi cô gái bán hàng trong chợ lại vẫn cứ đem những bó hoa đến mời chào, tưởng đâu bây giờ con vẫn cần mua hoa thì phải! Rồi cả khu nghĩa trang cạnh nhà thờ nữa... Không, nhất định con phải rời bỏ thành phố ấy, nhìn thấy cảnh cũ con đau lòng lắm.

Arthur nghẹn lời. Anh ngồi, tay xé vụn từng chiếc chuông nhỏ trên nhánh hoa

mao địa hoàng. Phút im lặng quá kéo dài và sâu lắng khiến Arthur phải đưa mắt nhìn lên, không hiểu tại sao *Padre* không trả lời. Bóng chiều dần tắt dưới những cành mộc lan. Mọi vật đều trở nên u ám, mơ hồ, nhưng ánh sáng vẫn còn đủ để thấy bộ mặt trắng bệch như da người chết của Montanelli. Ông ngồi, đầu cúi gục, tay phải bấu chặt lấy mép ghế. Arthur quay mặt đi. Anh cảm thấy lạ lùng và kinh hãi, dường như đã vô tình lạc bước vào nơi đất thánh vậy.

Arthur trầm nghĩ:

“Lạy Chúa tôi! Sao so với cha, ta nhỏ mọn và ích kỷ đến thế! Nếu nỗi khổ của

ta không phải là nỗi khổ của cha thì cha đâu cảm thương đến như vậy”.

Giờ đây Montanelli ngẩng đầu lên nhìn xung quanh. Rồi với giọng hết sức âu yếm, ông bảo:

- Sự thể đã như vậy, thì nay cha cũng không ép con phải trở về đây làm gì nữa. Nhưng con phải hứa với cha rằng dịp nghỉ hè tới đây con sẽ phải nghỉ ngơi cho thật đầy đủ. Cha thấy tốt nhất là con nên nghỉ ở nơi nào càng xa Leghorn càng tốt. Cha không muốn thấy sức khỏe của con bị suy sụp.

- Chúng viện đóng cửa nghỉ thì cha đi

đâu, thưa *Padre*?

- Cũng như mọi khi, cha vẫn phải đưa học trò lên vùng núi, coi sóc cho chúng yên vị trên ấy. Thế nhưng đến khoảng giữa tháng tám cha Phó giám đốc đi nghỉ về, thì cha sẽ cố lên dãy núi Alps^[17] để thay đổi không khí một chút. Hay là con đi với cha nhỉ? Cha sẽ đưa con đi dong chơi vài vùng núi sâu và con sẽ có dịp tìm hiểu các loài rêu và địa y của miền núi Alps. Nhưng chỉ sợ một mình đi với cha, con sẽ chán thôi.

[17] Alps (tiếng Anh trong nguyên bản, tiếng Pháp là Alpes): Dãy núi chủ yếu ở trung tâm châu Âu, đáng chú ý nhất là phần nằm giữa ba nước Pháp, Thụy Sĩ, Ý, có đỉnh cao nhất là Mont Blanc

(4808m).

- *Padre!* - Arthur chắp hai tay và siết chặt lại theo một cử chỉ mà Julia gọi là “cái lối kiêu cách của người ngoại quốc”. - Con có thể từ bỏ mọi thứ trên đời này để đi với cha! Nhưng... con không dám chắc rằng...

Arthur ngừng bật:

- Con sợ ông Burton^[18] không cho phép chẳng?

[18] Burton (tiếng Anh, đọc là Bóc-ton): Họ của gia đình Arthur. Đây là chỉ người anh cả cùng cha khác mẹ với Arthur.

- Tất nhiên anh ấy sẽ không thích đâu, nhưng anh ấy khó lòng ngăn cản được. Con đã mười tám tuổi đầu, con muốn làm gì con làm chứ. Dù sao, anh ấy với con chỉ là anh em khác mẹ, con không nhất thiết phải phục tùng anh ta. Đối với mẹ con, anh ấy cũng có bao giờ đối xử tử tế đâu.

- Nhưng nếu quả là ông Burton phản đối thì cha thiết tưởng, con nên nhường nhịn ông ấy thì hơn. Tình cảnh của con trong gia đình có thể khó xử hơn nếu...

- Chẳng khó xử hơn tẹo nào đâu! - Arthur nóng nảy ngắt lời. - Họ đã ghét con thì dù con làm gì đi nữa, họ cũng vẫn

ghét. Và lại con đi với cha... là cha giải tội cho con, thì anh James^[19] cứ nhất quyết phản đối sao được.

[19] James (tiếng Anh): Tên của người anh cả cùng cha khác mẹ của Arthur, tức James Burton.

- Con nên nhớ rằng ông ấy theo đạo Tin lành^[20]! Cứ nên viết thư hỏi ông ấy thì hơn. Ta cứ xem ông ấy trả lời ra sao đã. Nhưng không thể nóng vội được đâu, con ạ! Dù người yêu ta hoặc ghét ta, cách xử sự của ta cũng can hệ lắm.

[20] Protestant (tiếng Anh): Thực nghĩa là “phe (người) phản đối”, tức dòng họ đạo ta gọi là đạo Tin lành, tuy cũng là đạo Kitô (Thiên Chúa giáo), nhưng đã tách riêng so với Công giáo do Giáo

*hoàng ở Vatican đứng đầu. Ở đây ý “phản đối”
hàm hai nghĩa.*

Lời quở trách ấy được thốt ra một cách nhẹ nhàng đến nỗi nghe xong Arthur chỉ hơi đỏ mặt. Anh thở dài đáp:

- Vâng, con biết. Nhưng làm được như vậy thật là khó...

- Cha rất tiếc là chiều thứ ba vừa qua con không đến với cha được. - Montanelli đột nhiên lảng sang chuyện khác. - Cha định để con được biết mặt Giám mục phận Arezzo^[21], ngài đã diện diện tại đây.

[21] Arezzo (tiếng Ý, đọc là A-rét-xô): Một thị trấn trong tỉnh (vùng) Tuscany (Toscana).

- Con đã trót hứa với một bạn học là sẽ đến họp ở nhà trọ của cậu ta, chắc lúc ấy mọi người đều đang đợi con...

- Họp gì vậy?

Arthur dường như bối rối vì câu hỏi đó.

- Cũng... cũng không... không phải là cuộc... họp định kỳ. – Arthur hơi lắp bắp do lúng túng. – Một sinh viên ở Genoa^[22] đến diễn... diễn thuyết cho chúng con nghe, gọi là cuộc nói... nói

chuyện ấy mà.

[22] Genoa (tiếng Anh trong nguyên bản, tiếng Ý là Genova): Một thành phố cảng lớn ở Tây Bắc Ý, trên bờ Địa Trung Hải.

- Nói chuyện về vấn đề gì?

Arthur do dự:

- *Padre*, cha sẽ không hỏi con tên cậu ấy chứ ạ? Vì con đã hứa là...

- Cha sẽ chẳng hỏi gì con cả đâu, và nếu con đã hứa phải giữ bí mật thì dĩ nhiên đừng nên nói ra với cha. Nhưng cha thiết tưởng đến lúc này hầu như con

có thể tin cậy ở cha chú.

- Tất nhiên con tin, thưa *Padre*. Cậu ấy nói về... chúng con và bốn phận chúng con trước nhân dân, và trước... bản thân mình. Và nói về vấn đề... ta phải làm gì để... cứu giúp...

- Cứu giúp ai?

- *Contadini*^[23] và...

[23] Contadini (tiếng Ý trong nguyên bản): Thực nghĩa là “những người nông dân”, nhưng nói chung là “nhân dân”.

- Và?

- Nước Ý.

Một hồi im lặng kéo dài.

Rồi Montanelli quay lại phía Arthur và hết sức nghiêm trọng hỏi:

- Arthur, con nói cho cha hay. Con nghĩ đến điều đó từ bao giờ?

- Từ... mùa đông vừa qua.

- Trước khi mẹ con mất ư? Và mẹ con có biết không?

- Kh... không. Lúc đó con... con chưa
đề tâm đến.

- Vậy bây giờ con...đề tâm đến ư?



Arthur ngắt thêm một nắm chuông nhỏ
từ nhánh hoa mao địa hoàng. Mắt nhìn
xuống đất, anh bắt đầu kể:

- *Padre*, sự việc xảy ra đầu đuôi thế này: mùa thu năm ngoái, khi chuẩn bị thi vào đại học, con có làm quen được với khá nhiều bạn sinh viên chắc cha còn nhớ? Vâng, vậy là trong bọn họ có một vài người nói với con về... tất cả những chuyện trên, và cho mượn cả sách nữa. Nhưng lúc bấy giờ con chưa để tâm gì nhiều. Con chỉ cốt mau mau chóng chóng về trông mẹ. Cha thấy đấy, lúc ấy tình cảnh của mẹ con quả là thân cô thế cô giữa cái bầy người ấy và trong cái nhà như hầm ngục tối ấy. Chỉ một miếng lưỡi của Julia cũng đủ giết chết mẹ con rồi. Kế đến mùa đông khi mẹ con bắt đầu ốm nặng thì con chẳng còn nhớ gì đến bạn bè

và những cuốn sách họ đưa cho con. Và rồi, chắc cha thừa biết là con cũng chẳng hề bước chân tới Pisa nữa. Lúc ấy nếu con nghĩ tới những chuyện trên thì con đã kể cho mẹ nghe rồi. Nhưng quả thực trong đầu con không còn nhớ được gì nữa cả. Sau, con biết là mẹ con sắp chết... Chắc cha cũng biết là con không rời mẹ con cho tới phút chót, lúc mẹ con qua đời. Con luôn ngồi đầu đêm bên giường bệnh. Tới sáng, Gemma Warren đến thay con mới được đi ngủ. Vâng, chính là trong những đêm trường ấy con mới bắt đầu suy nghĩ tới những cuốn sách và những điều đã nghe được từ các bạn học và... tự hỏi mình rằng không hiểu họ nói có đúng không... và rằng không biết

đôi với tất cả những chuyện ấy Đức Chúa của chúng ta sẽ phán bảo thế nào.

- Con có cầu xin Ngài không? - Giọng nói của Montanelli có phần run rẩy.

- *Padre*, con vẫn hằng cầu xin Ngài. Đôi khi con còn đã nguyện cầu Ngài bảo con phải làm gì, hoặc cho con được chết theo mẹ. Nhưng con không thấy Ngài phán bảo gì cả.

- Arthur, vậy mà con chẳng nói với cha một lời nào! Còn cha thì cha cứ trông mong là con tin cậy ở cha!

- *Padre*, cha biết rõ là con tin cậy cha mà! Nhưng có những điều mà con không thể thổ lộ với ai được. Con... con cho rằng trong chuyện này, hình như bất kỳ ai... kể cả cha và cả mẹ con, đều không thể nào giúp đỡ con được, mà con phải được nghe lời phán truyền trực tiếp của Chúa cho chính con. Vì rằng, như cha thấy đây, đây là cho tất cả cuộc đời và tất cả linh hồn con.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Montanelli quay mặt đi và trân trân nhìn vào bóng tối mịt mù của rừng mọc lan. Hoàng hôn quá âm u làm cho vóc dáng ông trở thành một hình bóng mịt mù,

hết như một bóng ma tối tăm giữa những cành lá đen ngòm.

Ông chậm rãi hỏi:

- Rồi sau thế nào?

- Rồi sau... mẹ con chết. Chắc cha cũng biết là ba đêm cuối cùng con không hề xa rời mẹ con...

Arthur nghẹn lời và nín lặng giây lát, nhưng Montanelli vẫn ngồi im phăng phắc.

- Suốt hai ngày trước hôm chôn cất

mẹ con, con không nghĩ được tí gì cả. - Arthur chùng giọng xuống nói tiếp. - Và rồi, sau khi an táng xong, con ôm. Chắc cha còn nhớ là con không đến xưng tội được.

- Phải, cha còn nhớ.

- Thế rồi một đêm nọ con trở dậy và vào buồng mẹ con. Thật là trống trải, chỉ còn một tượng thánh giá^[24] rất to trong cửa tò vò. Con chợt nghĩ có lẽ đêm nay Chúa sẽ cứu giúp con. Con quỳ xuống và đợi... đợi thâu đêm. Sáng ra khi hồi tỉnh lại thì... Không! *Padre!* Quả là vô ích thôi, con không sao cắt nghĩa được. Những điều đã thấy, con không thể kể

cho cha nghe được... vì chính con vị tất con đã hiểu mình ra sao. Nhưng con biết rằng, con đã được Chúa phúc đáp, và rằng con không dám làm trái ý Chúa.

[24] Crucifix (tiếng Anh): Giá chữ thập trên có Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút, từ ngữ công giáo đều gọi chung là “tượng” (dù là tượng đắp hay tranh ảnh).

Trong giây lát họ ngồi lặng ngắt trong tăm tối. Rồi Montanelli quay lại, đặt tay lên vai Arthur. Ông bảo:

- Con trai của cha! Cha không được phép của Chúa để nói rằng Ngài đã không phán truyền cho linh hồn con. Nhưng con phải nhớ rõ tâm trạng con lúc

ấy thế nào, và đừng làm lẫn những ảo giác do tình trạng đau thương và ốm yếu của mình với lời kêu gọi cao cả của Ngài. Nếu quả là Chúa đã phán truyền thánh ý của Ngài cho con vào hôm bóng đen của sự chết đến nhà con, thì con hãy cứ nghĩ kỹ để khỏi diễn giải sai lời Ngài. Vậy, cái điều con đã nhập tâm cho hành động của mình là điều gì?

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Arthur bèn đứng dậy trả lời một cách từ tốn như khi học kinh bốn^[25] vậy:

- Hiến dâng đời mình cho nước Ý, giải phóng nước Ý khỏi cảnh nô lệ lầm

than, đánh đuổi người Áo để lập nên một nước cộng hòa tự do mà không kẻ nào ngự trị được, ngoài Đức Kitô^[26].

[25] Kinh bốn (A catechism): Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo, thường gồm những câu vấn đáp rất tỉ mỉ (bản tiếng Pháp gồm tới 2865 đoạn); coi như một hình thức học tập giáo lý bắt buộc, người học phải thuộc lòng.

[26] Tộc Christ (trước đây gọi là Cơ đốc theo chữ Hán), cũng gọi là Chúa Giêsu (Jesus) tùy theo trường hợp.

- Arthur, hãy nghĩ lại một chút những lời con nói! Con đâu phải là người Ý!

- Điều đó không can hệ gì. Dù sao con

vẫn là con. Con đã được *thị kiến*^[27] sự kiện đó, và đời con đã thuộc về sự kiện ấy.

[27] Thị kiến: Từ Công giáo, có nghĩa là chính mình đã nhìn thấy được thần thánh hoặc những sự kiện linh thiêng gì đó.

Lại một hồi im lặng.

- Con vừa nhắc đến lời Đức Kitô đã dạy rằng... - Montanelli chậm rãi mở lời.

Nhưng Arthur đã cắt ngang:

- Đức Kitô đã dạy rằng: “Kẻ nào vì ta

mà mất sự sống, kẻ ấy vẫn sẽ tìm được sự sống”.

Montanelli tỳ khuỷu tay vào cành mộc lan, và đưa tay lên che mắt. Mãi sau, ông bảo:

- Con trai của cha, ngồi xuống một lát đã.

Arthur ngồi xuống, và Montanelli chấp cả hai tay mà siết chặt lấy đôi tay anh. Ông nói:

- Tối nay cha chưa có thể luận bàn với con được. Sự việc xảy tới thật quá

đột ngột... cha chưa kịp suy nghĩ... cha cần có thời giờ để suy nghĩ kỹ. Sau này chúng ta sẽ nói chuyện với nhau rành mạch hơn. Nhưng lúc này cha chỉ xin con ghi nhớ một điều là: nếu vì việc này mà con phải khôn đốn, nếu con... chết đi, con sẽ làm tan nát trái tim cha đây.

- *Padre...*

- Không, hãy để cha nói cho cạn lời. Có lần cha đã nói với con là ngoài con ra, trên thế gian này cha chẳng còn có ai nữa cả. Cha cho rằng con chưa hiểu hết được điều cha nói. Điều đó quả là khó hiểu, khi ta còn quá trẻ. Ví thử vào tuổi con thì cha cũng không hiểu nổi. Arthur,

cha coi con như... như con đẻ của cha. Hiểu không con? Con là ánh sáng trong mắt cha, là ước vọng của lòng cha! Cha sẵn sàng chết để giữ cho con khỏi lạc bước và hủy hoại cuộc đời. Nhưng cha không làm gì được cả. Cha không đòi con phải hứa hẹn gì với cha, mà cha chỉ xin con hãy nhớ lấy lời cha hôm nay và hãy thận trọng. Trước khi làm một việc gì hệ trọng, con hãy suy nghĩ cho kỹ, nếu không là vì mẹ con nơi thiên đàng, thì hãy vì cha.

- Con sẽ xin suy nghĩ kỹ... còn *Padre*... xin cha hãy cầu nguyện cho con và cho nước Ý.

Anh lặng lẽ quỳ xuống, và Montanelli cũng lặng lẽ đặt bàn tay lên mái đầu anh cúi gục. Một lát sau, anh đứng dậy, hôn bàn tay ấy rồi êm ái bước đi trên thảm cỏ đầm sương. Montanelli một mình ngồi dưới gốc mộc lan, chăm chăm nhìn mãi vào bóng tối trước mặt.

Ông nghĩ:

“Đây là Chúa đã bắt ta phải chịu một sự trừng phạt như sự trừng phạt đã giáng xuống đầu vua David^[28]. Ta đã xúc phạm nơi thánh đường của Ngài và đã làm nhơ Minh Thánh bằng đôi tay ô uế... Chúa đã rất nhân nại với ta, nhưng nay đã đến lúc ta phải chịu sự trừng phạt. “Người đã

làm điều đó thâm vụng, còn ta sẽ làm sự này trước toàn dân và trước mặt trời: vì thế, *đưa con sinh ra cho người nhất định sẽ chết*”^[29].

[28] David (tiếng Anh): Một nhân vật trong Kinh Thánh; là vị vua oai hùng của nước Israel xưa, nhưng đã bị Chúa Trời trừng phạt vì đã mưu mô điều một trong những tướng lĩnh của mình đi chết trận để rồi chiếm lấy vợ người đó. Đưa con đầu tiên sinh ra do cuộc tình tội lỗi này đã bị chết yểu.

[29] Một đoạn trong Kinh Thánh: Lời Chúa Trời quả phạt vua David.



Chương II

Ông James Burton chẳng thích thú gì ý tưởng của cậu em cùng cha khác mẹ muốn cùng với Montanelli “sang Thụy Sĩ du ngoạn”. Song nếu ra mặt cấm đoán

một cuộc du khảo vô hại về thực vật học, cùng đi với một vị giáo sư thần học cao niên, nhất là trong lúc Arthur còn chưa hiểu tí gì về lý do ngăn cấm, thì chắc cậu ta sẽ có thể cho ông là độc đoán một cách phi lý. Cậu sẽ lập tức quy ngay là ông có thành kiến về tôn giáo hoặc chủng tộc, mà họ hàng nhà Burton xưa nay vốn lại rất tự hào về thái độ khoan dung tân tiến của mình. Mọi người trong dòng họ đều là những tín đồ gốc đạo Tin lành^[1] và là những nhà Bảo thủ trung kiên kể từ khi công ty thương thuyền *Burton & Sons, of London and Leghorn*^[2] bắt đầu kinh doanh đã từ hơn một thế kỷ cho tới nay. Nhưng họ chủ trương rằng người quý phái nước Anh vẫn phải có thái độ

xử đẹp ngay cả đối với những người thuộc phe Giáo hoàng. Vì thế, khi vị gia trưởng cảm cảnh góa vợ mà lấy một người theo đạo Công giáo, cô gia sư xinh đẹp của những đứa con nhỏ của mình, thì hai người con lớn là James và Thomas^[3] cũng chỉ đành nuốt hận mà tuân theo ý Trời^[4], dù cho trong lòng họ cay đắng xiết bao về sự hiện diện của người mẹ kế xấp xỉ tuổi họ. Sau khi người cha mất, và nhất là sau khi người anh cả lấy vợ, tình trạng vốn đã khó khăn trong gia đình lại càng rắc rối thêm. Nhưng khi Gladys^[5] còn sống thì cả hai người anh đều cùng thật lòng cố gắng bênh vực bà, chống lại miệng lưỡi tàn tệ của Julia và cố làm tròn bổn phận theo cách hiểu của họ đối

với Arthur. Họ thậm chí cũng chẳng làm ra vẻ ưa thích cậu bé, và tấm lòng rộng lượng của họ đối với em chủ yếu chỉ là chu cấp hào phóng cho em những món tiền tiêu vặt và để em muốn đi đâu và làm gì tùy ý.

[1] Từ thế kỷ XVI, trong Kitô giáo (tức Cơ đốc giáo) đã có sự ly khai (Schism) hình thành rõ rệt những phe “phản đối”, “thệ phản”... (Protestants, sau này gọi chung là đạo Tin lành) và xuất hiện một cuộc “Cải cách” (Reform), trong đó năm giáo phái tách khỏi Giáo hội Công giáo (Roman Catholic Church, Catholicism). Một trong những giáo phái đó là Hội thánh Anh giáo (Anglican Church, Anglicanism) thành lập ở Anh từ đời vua Henry VIII (1509-1547) như một quốc giáo Tin lành. Quốc giáo này không thừa nhận Giáo hoàng, do đó bấy giờ những tín đồ Anh giáo thường gọi những người Công giáo là “thuộc Giáo hoàng” hoặc “đi theo Giáo hoàng” (popish),

“thuộc phe Giáo hoàng” (papist) với ý miệt thị.

[2] Tức công ty thương thuyền “Bóctơn và các con, tại Luân Đôn và Livoócô”.

[3] Thomas (tiếng Anh): Tên người anh thứ hai cùng cha khác mẹ của Arthur, em của James.

[4] Nguyên văn là “the will of Providence”, tức “ý của Thiên Chúa Quan phòng”, cũng là “sự an bài của Chúa Trời”, sự quan tâm che chở thiêng liêng của Chúa Trời

[5] Gladys (tiếng Anh): Tức Gladys Burton, mẹ của Arthur.

Vì vậy, trả lời cho bức thư của Arthur là một tờ ngân phiếu để chi tiền đi đường cùng vài câu lạnh nhạt, cho phép anh

muôn sử dụng những ngày nghỉ ra sao tùy ý. Anh bèn trích một nửa số tiền thừa để mua các sách thực vật học và một số cặp bìa để đựng các vật mẫu, rồi cùng *Padre* lên đường, bắt đầu chuyến ngao du đầu tiên của mình trên dãy Alps.

Từ lâu Arthur chưa bao giờ thấy Montanelli thư thái đến thế. Sau câu chuyện khiến ông bị sốc lần đầu tiên trong khu vườn hôm nọ, nay ông đã dần dần lấy lại được thăng bằng và giờ đây đã nhìn sự việc được trấn tĩnh hơn. Arthur còn non dại lắm, quyết định của nó vị tất đã là dứt khoát. Chắc chắn vẫn còn có đủ thời gian để dùng lý lẽ và những lời thuyết phục nhẹ nhàng kéo nó

quay lại, rời bỏ con đường nguy hiểm mà nó chỉ mới bước chân vào.

Họ đã định ở lại Geneva^[6] vài hôm. Nhưng, thoát trông thấy những phố phường trắng toát và chói nắng cùng với những cung đường lát đá, nườm nượp du khách và tắm bụi ở ven hồ, thì Arthur đã thoáng cau mày. Montanelli nhìn anh với vẻ thích thú thâm lặng.

[6] Geneva (tiếng Anh, tiếng Pháp là Genève): Thành phố lớn và đẹp của Thụy Sĩ, trên bờ hồ Genève (cũng gọi là hồ Léman), giáp nước Pháp.

- Con không thích nơi này ư, *carino*?

- Con cũng chưa biết sao nữa. Con những tưởng được nhìn một cảnh trí khác hẳn thế này. Kê ra hồ nước cũng đẹp và con cũng thích hình dáng của những đồi núi bên kia đấy. - Họ đứng trên đảo Rousseau^[7], và Arthur đưa tay chỉ những nét dài và khắc khổ của rặng núi bên phía Savoy^[8] - Nhưng thành phố thì lại cứng đơ và ngăn nắp quá, có một vẻ gì... rất Tin lành, cái vẻ tự mãn ấy mà. Không, con chả thích cái thành phố này, nó lại gọi con nghĩ đến Julia.

[7] Đảo Rousseau (tiếng Pháp đọc là Rút-xô): Hòn đảo nhỏ nơi sông Rhône từ hồ Genève (Thụy Sĩ) chảy sang Pháp. Đảo mang tên nhà tư tưởng và nhà văn Jean Jacques Rousseau (1712-1778) người Pháp, sinh ở Genève. Ông đã từng từng đến đảo này để trốn tránh sự truy nã của chính phủ

[8] Savoy (tiếng Anh, tiếng Pháp Savoie, đọc là Xa-voa): Vùng ở Đông - nam nước Pháp, bên bờ Nam hồ Léman, nơi bắt đầu dãy núi Alps, do đó phần núi này ở đây được gọi là Anơ Xavoa (tiếng Anh là Savoy Alps).

Montanelli bật cười.

- Tội nghiệp con, thật là không may! Nhưng không sao, ta đến đây chỉ là để vui chơi thôi mà, có cần gì phải ở lại đây đâu. Vậy, hôm nay ta dạo thuyền buồm chơi trên hồ, và ta sẽ tiến thẳng lên núi ngay sáng mai, được không?

- Nhưng, *Padre*, cha đã định bụng ở

lại đây kia mà?

- Con trai yêu quý, những nơi này cha đã từng qua thăm hàng chục lần rồi. Cha đi nghỉ là chỉ cốt thấy con được vui lòng mà thôi. Vậy, con thích đi đâu nào?

- Nếu quả là đối với cha đi đâu cũng thế thôi, thì con thích cứ đi theo dòng sông, ngược lên tới tận nguồn!

- Ngược sông Rhône^[9] ấy ư?

[9] Rhône (tiếng Pháp): Sông lớn bắt nguồn từ dãy núi Alps bên phía Thụy Sĩ, chảy qua hồ Genève vào đất Pháp rồi xuống phía nam đổ vào Địa Trung Hải.

- Không, ngược sông Arve^[10] ạ. Sông ấy chảy xiết lắm.

[10] Arve (tiếng Pháp): Sông nhỏ nhưng chảy như thác, bắt nguồn từ vùng Anpơ Xavoa (Pháp), chảy qua Chamonix đổ vào phần sông Rhône bên phía Thụy Sĩ, trước khi sông này chảy vào hồ Genève.

- Thế ta sẽ đi Chamonix^[11] vậy.

[11] Chamonix (tiếng Pháp đọc là Sa-mô-ni): Thành phố nhỏ phía đông nước Pháp, trên sông Acvơ, là trung tâm leo núi và thể thao mùa đông dưới chân núi Mont Blanc, do đó còn được gọi là Chamonix - Mont Blanc.

Suốt buổi chiều họ lên đên trên một chiếc thuyền buồm nhỏ. Nhưng cảnh hồ

mỹ lệ vẫn không gây mấy ấn tượng cho Arthur bằng dòng sông Arve xám và đục bùn. Tuy lớn lên bên bờ Địa Trung Hải, đã quen nhìn những làn sóng lăn tăn xanh biếc, nhưng bao giờ anh cũng vẫn say mê với dòng nước chảy xiết, và vì thế, dòng nước cuộn cuộn của con sông từ vùng băng giá đổ về đã khiến anh hết sức sững vui. Anh bảo: “Nghiêm chỉnh đến thế cơ chứ.”



Sáng sớm hôm sau, họ lên đường đi Chamonix. Khi xe băng qua một vùng thung lũng phì nhiêu, Arthur cảm thấy lòng mình phơi phới, nhưng gần tới

Cluses^[12] phải ngoặt vào một quãng đường quanh co, khi những ngọn núi đồ sộ và lởm chởm hiện ra vây chặt lấy họ, thì Arthur lại nghiêm nghị và trầm lặng hẳn. Từ St.Martin^[13] họ chậm chậm leo dốc, nghỉ đêm trong những ngôi nhà gỗ ven đường hoặc ở những xóm núi nhỏ bé, rồi lại tiếp tục phiêu du tùy theo cảm hứng. Arthur đặc biệt nhạy cảm với tác động của cảnh vật, nên khi đi qua thác nước đầu tiên anh đã rơi vào một trạng thái cực kỳ hoan hỉ khiến ai thấy cũng phải vui lây. Nhưng càng đến gần những đỉnh núi tuyết thì Arthur càng mất đi vẻ hân hoan mà chuyển sang một vẻ ngây ngất mơ màng mà Montanelli chưa từng bao giờ thấy. Hình như giữa cậu ta và

những ngọn núi này có một môi dây liên lạc thần bí nào. Cậu ta có thể nằm bất động hàng giờ giữa những cánh rừng thông âm u, bí ẩn và vang vọng này, đưa mắt dõi theo những thân cây thẳng tắp và cao vút mà nhìn ra thế giới bên ngoài chan hòa ánh nắng đang nhuộm vàng những ngọn núi sáng long lanh và những vách đá trơ trụi. Montanelli ngắm nhìn cậu ta với một vẻ thèm muốn buồn rầu.

[12] Cluses (tiếng Pháp): Một địa điểm trên sông Arve trong rặng núi Anpơ Xavoia, trên đường đi Chamonix.

[13] Túc Saint Martin (tiếng Pháp, đọc là Xanh Mác-tanh và có nghĩa là Thánh Máctanh): Một địa danh trong vùng.

Một hôm, rời trang sách nhìn lên ông thấy suốt một tiếng đồng hồ qua Arthur vẫn cứ nằm duỗi dài y nguyên trên thảm rêu bên cạnh ông mà trố mắt đăm đăm nhìn lên mảng trời óng ánh những khoảng xanh và trắng vô biên. Ông bèn hỏi: “*Carino*, con có thể cho cha xem những gì con trông thấy ở trên đó không?”

Số là họ đã tách khỏi đường cái để vào nghỉ đêm trong một xóm làng tịch mịch cách những thác nước Diosaz^[14] không xa, nhưng vì lúc này mặt trời đã xuống thấp dưới bầu trời quang mây, nên họ đã leo lên một mỏm núi đá mọc đầy thông để chờ ngắm cảnh núi Apls trong ráng chiều rực rỡ buông dần trên những

đỉnh tròn hoặc lô nhô của dãy Mont Blanc. Arthur ngẩng đầu, cặp mắt đầy kinh dị và bí ẩn.

[14] Diosaz (tiếng Pháp): Tên dòng thác, có chỗ chia thành nhiều nhánh, do đó có số nhiều.

- Con trông thấy gì ư, *Padre*? Con trông thấy một sinh linh vĩ đại mà trắng toát trong khoảng hư vô xanh thẳm vô thủy vô chung kia. Con thấy từ bao đời nay, sinh linh ấy vẫn chờ đợi sự hiển hiện Thần Khí của Thiên Chúa^[15]. Con trông thấy sinh linh ấy qua một tấm kính mờ.

[15] The Spirit God (tiếng Anh): Cũng là Thánh linh của Thiên Chúa.a, tóm lại đều chỉ Chúa

Thánh thần, hoặc có khi cả Thiên Chúa nói chung.

Montanelli thở dài.

- Cha cũng đã từng có lần thấy những cảnh tượng như thế.

- Vậy hiện nay cha không bao giờ thấy như thế nữa sao?

- Không bao giờ. Nay cha không còn thấy lại được những cảnh tượng như thế nữa. Những cảnh ấy vẫn còn đó, cha biết, nhưng mắt cha đã không còn nhìn thấy được chúng nữa rồi. Bây giờ cha nhìn thấy những sự vật khác hẳn.

- Cha nhìn thấy gì ạ?

- Cha ấy ư, *carino*? Cha thấy bầu trời xanh và một núi tuyết... Khi nhìn lên cao, cha thấy tất cả chỉ có thể thôi. Nhưng ở dưới kia, thì khác hẳn đây.

Ông chỉ tay xuống dưới thung lũng bên dưới chân họ. Arthur quì xuống, cúi nhìn trên bờ dốc đứng của vực thẳm. Những cây thông cao lớn xỉn màu trong những bóng tối đang tụ tập lại của trời chiều, đứng dàn theo hai bên bờ sông chật hẹp giống như những người lính gác. Chẳng mấy chốc, mặt trời đỏ như cục thang hồng đã chìm mình sau mỏm núi lô nhô và bộ mặt của thiên nhiên bỗng mất hết

cả sức sống và ánh sáng. Ngay lúc đó, một cái gì đen tối, dữ dội, trông ảm đạm, khủng khiếp và chứa đầy những vũ khí ma quái, đã ập xuống khắp thung lũng. Những vách đá dựng ngược của những ngọn núi quanh quẽ ở phía tây chĩa thẳng lên như những răng nanh của một quái vật đang rình chực nhảy xuống vồ lấy con mồi mà tha xuống của miệng há hốc của thung lũng thẳm sâu và đen ngòm với những rùng rú đang rên xiết. những ngọn thông xếp thành hàng như những dãy lưỡi dao nhọn thì đang thẳm thì: “Hãy rơi xuống đây!” và trong bóng tối mỗi lúc thêm dày đặc, một suối nước đang gầm thét và rú rít xô mình vào những vách đá sừng sững như vách đá nhà tù với sức

hung hãn của nỗi tuyệt vọng ngàn đời.

- *Padre!* - Arthur nhòm dậy, rùng mình, lui khỏi bờ vực thẳm. - Giống như hỏa ngục vậy!

- Không, con trai của ta ạ! - Montanelli dịu dàng bảo. - Nó chỉ giống như linh hồn con người.

- Linh hồn của những kẻ đang đắm chìm trong tăm tối và dưới bóng đen của sự chết ư?

- Linh hồn của những kẻ mà hàng ngày con vẫn gặp trên đường phố!

Arthur run rẩy, nhìn xuống những bóng đen phía dưới. Một làn sương mù mờ trắng đang lơ lững len lỏi giữa những ngọn thông, nó ẻo lả bám theo cơn hấp hối tuyệt vọng của dòng suối, hết như một bóng ma khốn khổ, chẳng đủ sức thốt ra một lời an ủi.

Bỗng Arthur bảo:

- Trông kìa! Những kẻ chơi vơi trong tăm tối đã thấy được vàng sáng vĩ đại^[16] rồi!

[16] A great light (tiếng Anh): Cũng là ánh sáng, sự sáng vĩ đại nhưng đều chỉ vàng sáng của mặt trời, của Chúa Trời.

Đằng đông những đỉnh núi tuyết đã bừng cháy lên trong ánh rắng chiều. Nhưng rồi, ngay sau khi ánh đỏ nhạt nhòa trên các ngọn núi, Montanelli đã quay lại, sờ vào tai Arthur mà thức tỉnh anh:

- Về thôi, *carino*. Chẳng còn tí ánh sáng nào nữa rồi. Nán lại thêm chút nào nữa, chúng ta sẽ lạc mất đường trong tăm tối.

- Mỏm núi kia thật giống như một cây ma. - Arthur nói vậy, khi rời mắt khỏi bộ mặt ma quái của một đỉnh núi tuyết đồ sộ còn đang chập chờn qua ánh hoàng hôn.

Họ thận trọng xuống núi, len lỏi giữa

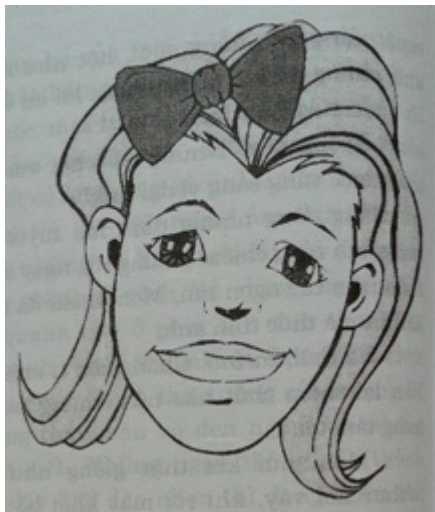
những hàng cây đen xịt để tiến về phía ngôi nhà gỗ vùng núi mà họ sẽ ngủ trọ.

Khi bước vào căn phòng, nơi Arthur ngồi đợi ông đến ăn tối, Montanelli thấy chàng trai dường như đã rũ sạch được những ảo ảnh ma quái về bóng đêm mà như đã biến thành một con người khác hẳn.

- Ô, *Padre*, cha mau lại đây mà xem con chó ngộ nghĩnh này! Nó nhảy nhót được bằng hai chân sau đấy!

Anh cũng lại bị cuốn hút bởi con chó và những trò khéo của nó hết như đã bị cuốn hút bởi ánh hoàng hôn chiều nay

vậy. Bà chủ nhà, một người đàn bà má đỏ, đeo tạp dề trắng, hai tay đẩy đà chống ngang hông, mỉm cười nhìn anh đùa nghịch với con chó để nó làm trò vui.



Bà nói với cô con gái bằng tiếng địa phương:

- Trông cậu ấy đùa nghịch như thế thì chắc là người chẳng phải lo nghĩ nhiều. Cậu ấy xinh trai thật!

Arthur đỏ mặt như một cô học trò, còn bà chủ thấy anh hiểu câu nói của mình thì liền bỏ đi, buồn cười vì thấy anh mắc cỡ. Trong bữa ăn anh chỉ bàn chương trình đi chơi, bàn chuyện leo núi, chuyện du khảo thực vật học. Rõ ràng là những ảo ảnh mộng mị vừa qua đã chẳng ảnh hưởng gì đến tâm trí cũng như khẩu vị của anh cả.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy Montanelli

đã không thấy Arthur đâu nữa. Trước lúc rạng đông, anh đã lên đồng cỏ vùng cao “để giúp Gaspard^[17] lùa đàn dê lên núi” rồi.

[17] Gaspard (tiếng Pháp): Tên trẻ mục đồng.

Nhưng bữa ăn sáng dọn lên bàn chưa được bao lâu thì Arthur đã chạy xô vào phòng, đầu không mũ, vai công kênh một cô bé nhà quê chừng ba tuổi, và tay ôm một bó hoa dại lớn.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Montanelli nhìn lên, mỉm cười. Thật trái ngược một cách lạ lùng với Arthur

ng nghiêm nghị và trầm lặng ở Pisa hoặc Leghorn.

- Đi đâu về thế, quái con? Chưa lót dạ tí gì mà đã chạy nháo khắp đồi núi rồi ư?

- Ôi, *Padre*, trên ấy hay lắm! Khi mặt trời mọc, cảnh đồi núi trắng lệt tuyết vời, mà sương xuống đầy ghê! Cha xem này!

Arthur nhắc chân giơ chiếc ủng ướt át và lấm bùn lên cho cha kiểm tra.

- Chúng con có mang theo một ít bánh mì và phó mát, nhưng lên đến đồng cỏ lại được uống sữa dê; ôi, ghê ơ là ghê! Mà

bây giờ con lại đã đói rồi. Với lại con muốn cho cả cô bé này ăn một tí gì nữa cơ. Này, Annette^[18], có muốn uống mật ong không?

[18] Annette (tiếng Pháp): Tên bé gái

Anh ngồi xuống, đặt cô bé vào lòng rồi xếp gọn hoa lại cho nó.

Montanelli bèn ngăn lại:

- Thôi, thôi! Cha chẳng muốn con bị cảm lạnh đâu đấy. Mau đi thay đồ ướt ra. Annette, lại đây với cha. Con mang nó ở đâu về vậy?

- Ở tận trên đầu làng ạ. Nó là con của cái ông ta gặp hôm qua... cái ông sửa giày cho cả xã ấy mà. Cha xem nó có đôi mắt kháu chưa! Trong túi nó lại có một con rùa nó gọi tên là “Caroline”^[19].

[19] Caroline (tiếng Pháp): Tên phụ nữ.

Sau khi thay bút tất ướt rồi xuống để ăn sáng, Arthur thấy cô bé đã được đặt ngòì vào lòng vị linh mục, liền thoảng kể ông nghe chuyện con rùa. Nó đặt con rùa nằm ngửa trong lòng bàn tay mồm mĩm để *monsieur*^[20] ngắm nghĩa được cẳng rùa ngọ ngọay.

[20] Monsieur (tiếng Pháp trong nguyên bản):

Ông, ngài. Tác giả muốn nhấn rõ con bé Annette là người vùng Anpro Xavoa (vùng Pháp giáp Thụy Sĩ).

- *Monsieur* xem này! - Bây giờ cô bé lại nghiêm trang nói bằng tiếng địa phương hơi khó nghe. - Xem những chiếc giày của Caroline này!

Montanelli ngồi chơi với đứa bé, vuốt tóc nó, ngắm nghía con rùa cứng của nó và kể cho nó nghe những chuyện cổ tích thật hay. Và chủ nhà vào dọn bàn thấy Annette đang lục tung cái túi của quý ông trang trọng trong bộ đồ giáo sĩ kia ra thì trở mắt ngạc nhiên.

Bà bảo:

- Thật là Chúa xui con trẻ nhận ra người nhân từ. Annette tính hay sợ người lạ, thế mà trông kia, thấy ngài nó lại chẳng bẽn lễn gì cả kia. Thật kỳ lạ! Annette, quỳ xuống đi con, xin *monsieur* nhân từ ban phép lành cho kéo ngài đi mất. Con sẽ được phúc đấy, con ạ!

Một giờ sau, khi hai người đi ngang qua đồng cỏ chói nắng, Arthur nói:

- *Padre*, thật con không ngờ cha lại khéo chơi đùa với trẻ con đến thế. Con bé cứ nhìn cha chăm chặp. Thừa cha, con nghĩ...

- Sao?

- Con chỉ định nói là... con cảm thấy rất xót xa tại sao Giáo hội lại cấm không cho các cha kết hôn. Con thật chẳng hiểu vì sao. Cha xem, giáo dục trẻ con là một việc hệ trọng lắm chứ! Ngay từ lúc lọt lòng, nếu trẻ em được sống giữa những ảnh hưởng tốt đẹp thì hay biết bao! Thế nên con thiết tưởng, người nào ơn thiên triệu^[21] càng thiêng liêng bao nhiêu, cuộc sống càng trong sạch bao nhiêu, người đó càng xứng đáng làm nhiệm vụ người cha bấy nhiêu. *Padre*, con tin chắc rằng nếu cha không bị ràng buộc bởi lời thề^[22] ...nếu cha lập gia đình... con cái của cha chắc sẽ rất...

[21] *Vocation* (tiếng Anh): Ta chỉ gọi là “thiên hướng”, “thiên chức” và thông thường là “sự nghiệp”, “sứ mệnh”.

[22] *Vow* (tiếng Anh): Từ Công giáo hay dùng là “lời khấn” (*priestly vow of celibacy*: lời khấn độc thân của linh mục; *vow of chastity*: lời khấn khiết tịnh (giữ mình đồng trinh)).

- Suyt!

Tiếng ấy bật ra thầm kín và vội vã nên dường như càng làm sâu sắc thêm sự im lặng sau đó.

Thấy nét mặt cha sa sầm lại, Arthur rất rầu lòng mà nói tiếp”

- *Padre*, con nói thế cha cho là có gì sai ư? Dĩ nhiên, con có thể làm, nhưng tự nhiên con thấy thế nào thì con cứ phải nghĩ thế ấy chứ.

Montanelli ôn tồn đáp:

- Có lẽ con chưa thật hiểu rõ điều con vừa nói. Ít năm nữa con sẽ không nghĩ thế đâu. Còn bây giờ ta hãy nói chuyện gì khác thì hơn.

Đây là vết rạn nứt đầu tiên trong bầu không khí thoải mái và hòa hợp hoàn toàn giữa họ vào dịp mùa hè đẹp lý

tưởng này.

Từ Chamonix, họ vượt qua Tête-Noire^[23] mà đến thẳng Martigny^[24], và ở đây họ tạm nghỉ lại vì tiết trời nóng oi ả. Sau bữa trưa, họ lên ngồi trên sân thượng khuất nắng của khách sạn trông ra một toàn cảnh núi non đẹp đẽ. Arthur đem hộp vật mẫu ra và sôi nổi thảo luận bằng tiếng Ý với *Padre* về thực vật học.

[23] *Tête Noire* (tiếng Pháp): Thực nghĩa là “Đầu đen”, tên một mỏm núi chắn giữa Chamonix ở phía nam và Martigny ở phía Bắc.

[24] *Martigny* (tiếng Pháp): Một địa điểm phía bắc núi Tête-Noire.

Hai họa sĩ người Anh cũng đang ngồi ở sân thượng. Một người phác họa phong cảnh, còn người kia uể oải tán dóc. Anh này không sao ngờ được rằng hai người khách mới đến lại hiểu được tiếng Anh.

Anh nói:

- Willie^[25], vứt quách cái trò bơi bác phong cảnh ấy đi! Vẽ ngay thằng bé người Ý đẹp long lanh^[26] đang mê ly quần quai với dăm cái lá lưởi mèo kia kia! Mà y hãy chỉ ngắm đường cong đôi hàng lông mày của nó! Chỉ việc thay chiếc kính lúp trong tay nó bằng một cây thánh giá, thay chiếc vét tông và chiếc quần chần gối bằng một chiếc áo choàng

La Mã là mày sẽ có ngay được biểu tượng trọn vẹn và đầy đủ của một tín đồ Cơ Đốc giáo thời Nguyên Sơ^[27], thế là xong chuyện.

[25] Willie (tiếng Anh): Tên nam giới.

[26] Nguyên văn là glorious (tiếng Anh).

[27] Early Christian (tiếng Anh): Ý nói tín đồ Cơ đốc giáo từ thời đạo Cơ đốc (Kitô) mới du nhập vào Roma (La Mã) với vị giám mục đầu tiên (42 sau công nguyên) hoặc mới được Hoàng đế La Mã Constantine (306-337 sau công nguyên) thừa nhận là tôn giáo chính thức của toàn bộ đế quốc.

- Cơ đốc cơ điếc quái gì! Bữa ăn trưa ngồi cạnh thằng nhóc ấy tao thấy nó mê

ly món gà quay chẳng kém gì cái mớ cở
bản thiu kia cả. Kể ra nó cũng khá khẩu
đáy, nước da màu ôliu thật đẹp. Nhưng
nó chỉ ngoạn mục và đáng vẽ bằng nửa
ông bố nó.

- Ông gì của nó? Là ai thế?

- Ông bố nó ngồi ngay trước mặt mày
ấy. Mày định phớt lờ ông ấy hay sao thế?
Gương mặt ông ta kỳ vĩ hết chỗ nói.

- Chà, cái thằng Mêthôđi^[28] giả hiệu
này, mày đàn độn thật! Mày không nhận
ra cả cô đạo Công giáo à?

[28] Mêthôđi (tiếng Anh - Methodist): Người

thuộc giáo phái Mêthôđi (cũng gọi là Hội Giám lý hoặc Hội Linh Pháp), một giáo phái Tin lành phát sinh từ Anh giáo, thành lập ở Anh vào thế kỷ XVIII, coi trọng phương pháp (method) trong nghiên cứu Kinh Thánh và hành đạo rất khắc khe. Ở đây là ý chê bai Willie, cho anh ta thực ra chỉ lột phớt không thấy thực chất.

- Cố đạo hả? Lạy thần Giêôvê^[29], đúng thế thật! Phải rồi, tao quên bég mất, họ thề không phá giới^[30] và không gì gì nữa cơ mà. Thôi, thế thì ta cũng nên có lòng từ thiện, cho thằng bé là cháu gọi ông ấy bằng bác vậy.

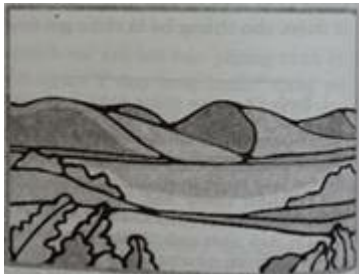
[29] By Jove (tiếng Anh): Tức khấn hoặc thề nhân danh Jupiter, là vị thần chủ chốt trong thần thoại La Mã!

[30] Nguyên văn là *Vow of chastity*, dịch đúng từ Công giáo phải là “lời khấn khiết tịnh (giữ mình đồng trinh)”, thực chất là thề không lấy vợ.

Đôi mắt tươi cười đung đưa nhìn lên, Arthur thì thào:

- Sao bọn họ ngu thế! Nhưng dù sao họ cũng còn tử tế là nhận thấy con giống cha lắm. Ước gì con được là cháu thực của cha... *Padre*, sao thế! Mặt cha trắng bệch ra kìa!

Montanelli đứng dậy, đưa tay lên bóp trán. Giọng lạc đi và yếu ớt một cách kỳ lạ, ông nói:



- Cha hơi chóng mặt. Chắc sáng nay cha đã nắng nhiều quá. Cha đi ngả lưng một tí đây, *carino*. Không sao đâu, chỉ tại nóng nực quá đấy thôi.

Sau hai tuần du ngoạn bên hồ Lucerne^[31], Arthur và Montanelli trở về Ý qua ngã đèo St.Gothard^[32]. May gặp thời tiết tốt họ đã có được nhiều cuộc dạo chơi rất thú vị, nhưng nguồn vui

trong lòng họ nay đã mất đi vẻ quyến rũ ban đầu. Tâm trí Montanelli thường xuyên bị ám ảnh bởi nỗi băn khoăn về “câu chuyện rành mạch hơn” mà ông tưởng kỳ nghỉ hè này phải là dịp thuận tiện. Ở thung lũng sông Arve ông đã cố ý tránh mọi nhắc nhở tới nội dung câu chuyện mà họ đã bàn dưới gốc mộc lan, vì ông cho rằng, nếu đem câu chuyện dứt khoát là sẽ rất đau lòng ấy ra để phá tan những niềm vui đầu tiên mà cảnh trí vùng Anpơ đã đem lại cho một tâm hồn nghệ sĩ như Arthur, thì quả là tàn nhẫn. Rồi suốt từ ngày ở Martigny, cứ mỗi sáng ông tự nhủ thầm “Hôm nay mình sẽ nói” thì đến chiều ông lại bảo: “Đến mai mình sẽ nói”, cho đến nay kỳ nghỉ hè sắp hết mà

ông vẫn cứ lần lữa: “Mai, mai”. Một cảm nghĩ mơ hồ và tê lạnh về một cái gì đó nay đã không còn được như xưa nữa, và về một tấm màn vô hình nay đã sụp xuống ngăn cách ông với Arthur, chính cảm nghĩ đó đã khiến ông phải nín lặng bấy lâu, mãi đến tận buổi chiều cuối cùng của vụ hè, ông mới đột nhiên hiểu ra rằng nếu muốn nói thì chỉ còn có ngày hôm nay. Họ đang ở lại Lugano^[33] nghỉ đêm để sáng hôm sau sẽ lên đường về Pisa. Ông muốn ít ra cũng tìm hiểu xem người mình yêu dấu đã sa vào vũng lầy tai họa của tình hình chính trị nước Ý tới mức nào.

[31] Lucerne (tiếng Pháp): Hồ nhỏ ở vùng trung tâm Thụy Sĩ.

[32] *St.Gothard Pass* (tiếng Pháp): Đèo rất quan trọng ở vùng tập trung nhiều dãy núi Alps Thụy Sĩ cao gần 3000m, nơi phát xuất của nhiều sông lớn như Rhin, Rhône v.v... và sau có hầm xuyên núi nối liền đường xe lửa Thụy Sĩ với Ý. Đèo mang tên Thánh Gothard.

[33] *Lugano* (tiếng Ý): Thị trấn nhỏ bên bờ hồ Lugano, trong vùng núi gần biên giới giữa Ý với Thụy Sĩ.

Mặt trời vừa khuất, ông bảo:

- Tạnh mưa rồi, *carino*. Mà đây cũng là dịp duy nhất cho ta ngắm được cảnh hồ. Đi đi, cha muốn nói chuyện với con.

Họ men theo bờ hồ, đến một nơi tĩnh mịch, rồi ngồi lên bức tường đá thấp. Sát cạnh họ là một bụi hồng dại chi chít quả đỏ tía, trên cành cao còn lắt lẻo đôi ba đóa hoa nhỏ màu trắng sữa đang đu đưa sâu thẳm và đậm đà giọt mưa. Trên mặt hồ xanh rờn là một con thuyền nhỏ với những cánh buồm trắng phơ phất đang dập dềnh trong làn gió nhẹ ẩm hơi sương. Con thuyền nhẹ tênh và mảnh khảnh trông giống như một chùm hoa bồ công anh đã kết hạt trắng như bạc buông trôi trên mặt nước. Cao cao trên ngọn Monte Salvatore^[34], cửa sổ một túp lều mục dân nào đó mở ra một con mắt vàng óng. Những đóa hồng cúi đầu ủ rũ, mơ ngủ dưới những áng mây tĩnh lặng tiết

tháng chín, nước hồ rào rạt và rì rầm nhỏ nhẹ trên những viên cuội ven hồ.

[34] Monte Salvatore (tiếng Ý): Núi của Đấng (Người) cứu rỗi.

Montanelli bắt đầu nói:

- Đã lâu rồi, chỉ mãi đến bây giờ cha mới có dịp bình tĩnh nói chuyện được với con. Rồi đây con sẽ trở về với công việc nhà trường, với chúng bạn, còn cha thì cũng sẽ rất bận trong suốt mùa đông tới. Cha muốn biết thật rõ, rồi đây cha con ta sẽ ăn ở với nhau ra sao, và do vậy, nếu con... - Ông ngừng một chút rồi nói tiếp chậm rãi hơn. - Nếu con cảm

thấy rằng vẫn có thể tin cậy cha được như vốn đã tin cậy xưa nay thì cha muốn con nói rành mạch hơn lúc ở trong vườn chủng viện tối hôm ấy, cho cha biết rằng con đã đi xa đến mức độ nào.

Arthur nhìn ra mặt nước, bình tĩnh lắng nghe và nín lặng.

Montanelli nói tiếp:

- Nếu có thể nói cho cha biết được, thì điều cha muốn biết là phải chăng con đã ràng buộc mình bằng một lời thề^[35] hoặc... bằng một cách nào khác.

[35] Nguyên văn tiếng Anh: Vow.

- *Padre* yêu quý, con chẳng có gì để nói cả đâu. Con chẳng ràng buộc gì mình cả, nhưng con vẫn bị ràng buộc.

- Cha không hiểu...

- Những lời thề phỏng có ích gì? Ràng buộc con người không phải là lời thề. Nếu mình có một cảm nhận nhất định đối với một điều gì, chính cái đó nó gắn bó mình với điều ấy. Nếu mình không có một cảm nhận như vậy, thì chẳng có gì ràng buộc được mình cả.

- Vậy ý con là điều đó... điều... cảm

nhận ấy là không thể thay đổi được nữa sao? Arthur, con đã nghĩ kỹ về những lời con nói chưa?

Arthur quay mình lại, nhìn thẳng vào mắt Montanelli:

- *Padre*, cha hỏi con có thể tin cậy cha không? Quả thế đấy, nếu có gì để nói thì con đã nói cha nghe rồi, còn những chuyện này nói cũng chẳng ích gì. Con vẫn không quên và sẽ không bao giờ quên những lời cha nói với con tối hôm ấy. Nhưng con phải đi con đường của con, đi theo vàng sáng mà con đã thấy được.

Montanelli ngắt một đóa hoa nhỏ khỏi bụi hồng, bứt hết mọi cánh hoa mà hất cả xuống nước.

- Con nói đúng, *carino*. Phải, ta đừng nhắc đến những chuyện ấy nữa. Hình như đúng là thế đấy, nói nhiều cũng chẳng ích gì... Được, được, ta về thôi.



Chương III

Thu và đông trôi qua không có việc gì xảy ra. Arthur học rất chăm nên chẳng mấy lúc rồi. Tuy vậy, mỗi tuần một hoặc vài lần, anh vẫn cố tìm thời giờ đến thăm cha Montanelli dù chỉ là ít phút. Đôi khi anh còn mang cả cuốn sách khó đọc nào đó đến nhờ cha giảng giúp, nhưng ngay cả những lúc ấy câu chuyện cũng chỉ xoáy vào chủ đề học tập mà thôi. Tuy không quan sát được, mà chỉ cảm thấy có một hàng rào mong manh, không thể nắm bắt, đã ngăn cách họ, Montanelli cố tránh mọi điều gì tỏ ra mình muốn níu kéo lại

mối quan hệ khăng khít xưa kia. Những lần Arthur đến thăm bây giờ chỉ đem lại cho Montanelli nhiều cay đắng hơn là ngọt bùi, cho nên tình trạng thường xuyên phải cố gắng làm ra vẻ thanh thản và đối xử y như không có việc gì xảy ra, quả thật là gay go. Về phần mình, Arthur cũng đã nhận thấy có sự thay đổi tẻ nhạt trong cung cách đối xử của Padre^[1] và, tuy vị tất anh đã hiểu, mà mới phảng phất cảm thấy rằng điều này có liên quan gì đó tới câu chuyện cán cá về “những tư tưởng mới”, nên anh cũng hết sức tránh đả động đến nội dung mà mình vẫn hằng suy nghĩ ấy. Nhưng dù sao Arthur vẫn chưa bao giờ yêu Montanelli một cách sâu sắc như bây giờ. Trước kia, mỗi khi mờ mờ và

khắc khoải cảm thấy không hài lòng và trống rỗng trong tâm hồn thì anh lại dốc sức miệt mài nghiên cứu khoa thần học, và chú tâm phụng sự mọi nghi lễ Giáo hội để khóa lấp cảm giác ấy. Nhưng từ khi tiếp xúc với “Nước Ý trẻ”^[2], cảm giác ấy đã tan biến không để lại dấu vết. Mọi ảo giác ốm yếu phát sinh từ nỗi cô đơn và những đêm săn sóc mẹ bên giường bệnh nay đều đã qua đi, cả đến những mối hoài nghi, trước kia anh thường dùng cầu nguyện để xua đuổi, nay cũng đã mất dạng không phải dùng đến phép trừ tà nào cả. Cùng một lúc với sự bừng tỉnh của niềm hăng say mới, của một lý tưởng mạch lạc hơn và tươi tắn hơn về tôn giáo (vì theo anh phong trào

sinh viên đã xuất hiện trong ánh sáng ấy nhiều hơn là ánh sáng phát triển của tình hình chính trị), Arthur còn thấy có một cảm giác thư thái và viên mãn về hòa bình trên trái đất và thiện chí với con người. Và trong tâm trạng hoang lạc vừa nghiêm lại vừa dịu dàng này, anh thấy dường như thế giới chan hòa ánh sáng mới. Anh đã tìm thấy một nhân tố mới rất đáng yêu nào đó trong con người, ngay cả ở những người mà trước kia anh thấy khó ưa nhất. Bởi vậy, nếu như năm năm qua, Montanelli đối với anh đã là một đấng anh hùng lý tưởng, thì ngày nay, trong con mắt anh, ông đã có thêm một vòng hào quang mới trên đầu, vòng hào quang của nhà tiên tri tiềm ẩn cho đức tin

mới. Anh háo hức say mê nghe các bài giảng của *Padre*, cố tìm ra dấu vết mối liên quan huyết mạch giữa những bài giảng ấy với lý tưởng cộng hòa. Anh cố công nghiên ngẫm các sách Phúc âm^[3] và hân hoan với những khuynh hướng dân chủ đạo Cơ đốc^[4] lúc mới khởi nguồn.

[1] Trong các nguyên bản chữ này Padre không in nghiêng.

[2] Young Italy (tiếng Anh): Tên một đảng cách mạng dân tộc, do Giudeppé Mátdini (Giuseppe Mazzini) lãnh đạo, được lập ra năm 1831 để đấu tranh giải phóng nước Ý khỏi ách thống trị của Áo, thống nhất đất nước và thiết lập nền cộng hòa Ý.

[3] The Gospels (tiếng Anh): Cũng là các sách Tin Mừng, ghi lại cuộc đời và các giáo huấn của

Chúa Giêsu (Kitô), gồm bốn cuốn sách đầu tiên trong Tân Ước thuộc bộ Kinh Thánh. Bộ Kinh Thánh của đạo Cơ đốc (Kitô) tổng cộng gồm hai phần, cả Tân Ước (phần thứ hai, 27 cuốn) và Cựu Ước (phần thứ nhất, 46 cuốn).

[4] Christianity (tiếng Anh): Cũng là đạo Kitô.

Một ngày tháng giêng, Arthur đến chủng viện để trả cuốn sách đã mượn. Nghe nói cha Giám đốc đi vắng, anh bèn lên thư phòng của Montanelli. Anh đặt sách lên giá, sắp bước ra, thì bỗng nhác thấy tên một quyển sách nằm trên bàn giấy. Đó là cuốn “*De Monarchia*”^[5] của Đantê. Anh cầm lên đọc và phút chốc đã mê mải đến nỗi cửa phòng mở ra rồi đóng lại mà anh vẫn không hay. Chỉ mãi

tới khi sau lưng vang lên tiếng Montanelli thì anh mới sực tỉnh và thôi đọc.

[5] “De Monarchia” (tiếng Latinh – Luận về chính thể quân chủ). Tác phẩm của nhà thơ vĩ đại nước Ý Đantê Alighiêri (Dante Alighieri, 1265-1321), truyền bá ý tưởng thủ tiêu tình trạng phong kiến phân quyền của nước Ý, bằng cách lập một nền quân chủ thống nhất, và công kích Giáo hoàng La Mã can thiệp chính quyền trong xã hội. Trong thế kỷ XIX, sách này bị Giáo hoàng cấm.

Padre liếc nhìn tên sách rồi nói:

- Không ngờ hôm nay con lại đến. Cha vừa định cho người đi hỏi xem tối nay con có đến đây được không.

- Có gì quan trọng, thưa cha? Tôi nay con đã có hẹn rồi, nhưng con sẽ thôi không đi, nếu...

- Thôi, mai cũng được. Cha muốn được gặp con vì thứ ba này cha đi rồi. Cha được triệu về Roma^[9].

[9] Roma (tiếng Ý): Cũng là La Mã, nơi có Vatican (tiếng Ý: Vaticano) là tổng bộ Giáo hội Công Giáo, trụ sở của Giáo hoàng. Đến năm 1871 mới trở thành thủ đô của nước Ý.

- Về Roma ư? Có lâu không ạ?

- Trong thư chỉ nói là “cho tới sau lễ Phục sinh”^[10] thôi. Thư từ Vatican. Cha

đã định cho con biết ngay, nhưng cha quá bận, lúc thì bận sắp đặt công việc của chủng viện, lúc lại bận thu xếp đón cha Giám đốc mới.

[10] Easter (tiếng Anh): Tức lễ kỷ niệm Chúa Giêsu Kitô (Jesus Christ) sống lại sau ba ngày trong mộ (sau khi đã được hạ từ giá chữ thập xuống), và là lễ trọng đại nhất của Giáo hội Công giáo.

- Nhưng, *Padre*, chắc chắn là cha không rời bỏ chủng viện chứ ạ?

- Đành phải vậy thôi. Nhưng có thể cha còn trở lại Pisa, chí ít là về một thời gian.

- Nhưng sao cha lại bỏ đi như thế?

- À, cha đã được đề phong làm giám mục, tuy việc này còn chưa công bố chính thức.

- *Padre!* Về giáo phận nào thế ạ?

- Chính vì điểm ấy mà cha phải đi Roma đây. Còn chưa quyết định là cha sẽ đi làm giám mục một giáo phận trong vùng núi Apennines^[11] hay ở lại làm giám mục thuộc hạt^[12] tại đây.

[11] The Apennines (tiếng Anh): Dãy núi chạy suốt chiều dài bán đảo Ý.

[12] Suffragan (tiếng Anh): Giám mục cai quản một giáo phận nằm trong địa hạt một giáo tỉnh hay một giáo khu lớn hơn.

- Vậy cha Giám đốc mới đã được bề trên lựa chọn chưa ạ?

- Cha Cardi^[13] được bổ nhiệm và ngày mai cha sẽ đến đây.

[13] Cardi (tiếng Ý): Tên người.

- Như thế có phải là khá đột ngột không ạ?

- Ừ, nhưng... Các quyết định của Vatican đôi khi đến phút cuối cùng mới

công bố.

- Cha có quen cha Giám đốc không ạ?

- Cha không quen biết riêng, nhưng nghe người ta khen cha ấy lắm. Monsignor^[14] Belloni^[15] viết thư cho cha, nói cha Cardi học vấn rất uyên thâm.

[14] Monsignor (tiếng Ý): Tước vị danh dự Giáo hoàng thường ban cho người có chức vụ từ giám mục trở lên. Từ Công giáo thường dịch là “Đức Ông”.

[15] Belloni (tiếng Ý): Tên người.

- Chúng viện sẽ thấy thiếu vắng cha ghê lắm.

- Cha không biết chúng viện ra sao, nhưng *carino*, cha chắc chắn con sẽ thiếu vắng cha. Có lẽ cũng chẳng kém gì cha thiếu vắng con vậy.

- Con thì nhất định thế rồi. Nhưng nhìn chung con vẫn rất mừng cho cha.

- Mừng ư con? Còn cha thì cha không biết cha có mừng không.

Montanelli ngồi vào bàn, nét mặt ông bơ phờ, chẳng mang vẻ gì của một người

đang chờ đón được vinh thăng lên chức trọng quyền cao.

Sau giây lát im lặng, ông bảo:

- Arthur, chiều nay con có bận gì không? Nếu không, cha muốn con hãy ở lại với cha một lát, vì tối nay con không đến được mà. Cha thấy trong người hơi khó chịu, vả lại cha muốn được gặp con càng nhiều càng tốt trước khi lên đường.

- Vâng, con có thể ở lại một lúc. Đến sáu giờ con mới sẽ phải đi cơ ạ.

- Đi họp phải không?

Arthur gật đầu. Montanelli vội lảng sang chuyện khác. Ông bảo:

- Cha muốn nói với con về việc của bản thân con. Khi cha đi vắng, con cần có một cha khác làm cha giải tội^[16] cho con.

[16] Confessor (tiếng Anh): Tức là cha (linh mục) mà mình đến xưng tội và xin được giải tội.

- Khi nào cha trở về con vẫn có thể tiếp tục xin cha giải tội cho, có được không ạ?

- Con trai yêu quý, sao con lại hỏi thế? Dĩ nhiên cha đang chỉ nói thời gian

ba, bốn tháng mà cha phải đi xa. Con có
ung một trong các cha ở Santa Caterina^[1]
giải tội cho con không?

[17] Santa Caterina (tiếng Ý): Nữ thánh (Bà Thánh) Catarina; nhà thờ ở Pisa

- Xin vâng.

Họ nói chuyện với nhau chút ít về
những việc khác, rồi Arthur đứng dậy:

- *Padre*, con phải đi thôi, kéo các bạn
sinh viên lại chờ.

Một vẻ thần thờ lại hiện ra trên gương
mặt Montanelli.

- Đã đến giờ rồi sao? Con hầu như vừa khiến lòng cha thoát khỏi u ám. Thôi được, con đi.

- Kính chào cha. Nhất định mai con sẽ đến.

- Con cố đến sớm để cha kịp gặp riêng con. Cha Cardi sẽ có mặt tại đây. Arthur con trai yêu quý của cha, trong khi cha đi vắng con hãy thận trọng chớ để bị lôi kéo vào những việc liều lĩnh, chí ít là cho tới khi cha về. Con chưa hiểu được cha lo cho con biết chừng nào khi cha phải xa con.

- *Padre*, cha khỏi lo. Mọi sự đều bình yên cả, và sẽ còn bình yên lâu.

- Thôi, con đi!

Montanelli giật giọng nói vậy rồi ngồi xuống viết.

Bước vào căn phòng, nơi các sinh viên thường tổ chức các cuộc hội họp nhỏ, người đầu tiên mà cặp mắt Arthur bắt gặp lại chính là cô bạn của anh từ thuở nhỏ, con gái bác sĩ Warren. Cô ngồi ở một góc phòng cạnh cửa sổ, đang mài miết và chăm chú nghe một thanh niên cao lớn, người vùng Lombardy^[18], mặc bộ quần áo đã sờn, là một trong “những

người khởi xướng” của phong trào, nói chuyện với cô. Mới có mấy tháng mà cô bé đã khác hẳn trước: lớn vồng lên, và nay đã ra vẻ một thiếu nữ trưởng thành, mặc dù sau lưng vẫn còn buông thồng đôi bím tóc dày và đen nhánh theo kiểu của nữ sinh. Cô bận toàn đen, đầu cũng quàng một chiếc khăn đen^[19] vì trong phòng lạnh, lại lộng gió. Trên ngực cô đeo một cành bách nhỏ, huy hiệu của “Nước Ý trẻ”. “Người khởi xướng” đang say sưa mô tả những nỗi khốn cùng của nông dân Calabria^[20], còn cô thì im lặng ngồi nghe, một tay chống cằm, mắt nhìn xuống sàn. Nhìn cô, Arthur như thấy hiện ra trước mắt mình một ảo ảnh ưu sầu về Nữ thần Tự do đang khóc than nền Cộng

hòa đã mất. (Nhưng Julia thì lại chỉ rất thấy ở cô một đứa con gái ngỗ nghịch, nước da tái mét, mũi méo mó, và thêm một chiếc áo váy đã may bằng loại vải kiểu cũ lại còn ngắn cũn cỡn nữa chứ).

[18] Lombardy (tiếng Anh; tiếng Ý: Lombardia): Vùng phát triển lâu đời giáp dãy núi Apls ở cực bắc nước Ý, và giáp Thụy Sĩ, có thủ phủ là Milano.

[19] Cho thấy Gemma (Jim) mặc toàn đồ đen theo kiểu của G.Mazzini, “tiếp tục để tang cho cả nước Ý”, biểu thị quyết tâm chiến đấu cho nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc Ý.

[20] Calabria (tiếng Ý): Vùng núi nghèo ở tận cùng cực nam bán đảo Ý, hồi bấy giờ còn nằm trong Vương quốc hai Sicilia (Kingdom of the Two Sicilies).

Đến khi có người gọi chàng thanh niên Lombardy ra phía đầu phòng đằng kia, Arthur mới lại gần cô gái mà nói:

- Jim cũng ở đây à!

Jim là tên gọi trại đi hồi nhỏ của cái tên khá kỳ lạ mà cô được đặt lúc rửa tội^[21] là Jennifer. Các bạn học người Ý thường gọi cô là Gemma.

[21] Baptismal name (tiếng Anh): Gọi là tên rửa tội hoặc tên thánh.

Cô giật mình, ngẩng đầu nhìn lên:

- Ôi, Arthur! Tôi không ngờ anh... đã tham gia ở đây rồi cơ đấy!

- Tôi cũng không tưởng tượng được về Jim đâu. Jim ạ! Từ hồi nào Jim đã...

Cô vội ngắt lời:

- Anh chưa biết đâu! Tôi chưa phải là đảng viên. Tôi chỉ mới làm vài ba công tác nhỏ thôi. Số là tôi có gặp Bini... anh biết Carlo Bini^[22] chứ?

[22] Carlo Bini (tiếng Ý): Tên nam giới người Ý.

- Dĩ nhiên, có.

Bini là người tổ chức ra chi bộ Leghorn nên trong “Nước Ý trẻ” ai cũng biết anh ta.

- Đây, chính anh ấy đã khơi mào nói với tôi về những chuyện này. Tôi bèn yêu cầu anh ấy cho đi dự một cuộc họp với các sinh viên. Cách đây ít hôm anh ấy có viết thư đến Florence^[23] cho tôi... Tôi có về Florence để nghỉ lễ Giáng sinh^[24], anh có biết không nhỉ?

[23] Florence (tiếng Anh; tiếng Ý: Firenze đọc là Phi-ren-txê): Thủ phủ của Đại Công quốc Toscana xưa, thành phố đẹp nổi tiếng ở nước Ý, ở phía đông Pisa và Livorno (cũng trong Công quốc) và cách Roma khá xa về phía bắc. Từ năm 1864, đã từng thay thế Torino (Turin) làm thủ đô nước Ý.

[24] Christmas (tiếng Anh): Cũng là lễ Nôen (Noel tiếng Pháp) và cũng gọi là “mùa Giáng sinh”.

- Đạo này tôi ít được tin nhà lắm.

- À, phải rồi! Dẫn sao, tôi cũng đã đến ở với hai chị em nhà Wrights^[5]. (Chị em nhà Wrights trước là hai bạn cùng học với Gemma, sau đã chuyển về ở Florence). Thế là Bini viết thư cho tôi nói trên đường về nhà thì hôm nay ghé qua Pisa, bởi thế tôi mới đến được đây. A, họ bắt đầu rồi kìa.

[25] Wrights (tiếng Anh): Họ một gia đình

Bản thuyết trình nói về nền Cộng hòa lý tưởng và nói bốn phạm thanh niên phải sẵn sàng phấn đấu vì lý tưởng ấy. Tuy nhận thức của bản thuyết trình về đề tài này cũng còn có chỗ mơ hồ, nhưng Arthur vẫn nghe với lòng cảm phục sùng kính. Trong thời kỳ này, nhận thức của anh là không có ý phê phán gì một cách khá kỳ lạ, một khi đã chấp nhận lý tưởng đạo đức nào là anh liền nuốt chửng ngay, không ngừng lại một tẹo nào để xem mình có thật tiêu hóa được không. Khi bản thuyết trình cùng phần thảo luận dài tiếp theo đã chấp dứt, và các sinh viên bắt đầu giải tán, anh liền trở lại chỗ

Gemma này giờ vẫn ngồi trong góc phòng.

- Cho tôi cùng đi với Jim nhé. Jim hiện đang ở nhà ai?

- Ở với Marietta^[26].

[26] Marietta (tiếng Ý): Tên phụ nữ Ý.

- Bà quản gia cũ của ba Jim ấy ư?

- Phải, nhà bà ấy ở cách đây khá xa đây.

Họ trầm ngâm bước đi một lúc. Rồi

Arthur bỗng hỏi:

- Bây giờ Jim mười bảy tuổi rồi, đúng không nào?

- Tôi mười bảy từ tháng mười.

- Bao giờ tôi cũng định ninh trong dạ rằng lớn lên Jim sẽ chẳng ham mê nhảy nhót lăng nhăng như những cô gái khác đâu. Jim thân mến, tôi luôn tự hỏi không biết có lúc nào Jim sẽ ở trong hàng ngũ của chúng ta không nhỉ?

- Tôi cũng nghĩ thế.

- Jim nói đã làm một số công tác do Bini giao. Vậy mà tôi không hề biết là Jim có quen cả Bini.

- Không phải do Bini giao đâu, mà do một người khác kia.

- Người ấy là ai?

- Là Bolla^[27], người nói chuyện với tôi hồi tối ấy.

[27] Bolla (tiếng Ý): Họ người Ý.

- Jim có quen biết cậu ta lắm không?

Giọng Arthur đã pha chút ghen tị. Bolla là người đã từng va chạm với anh. Hai người ganh nhau làm một công tác mà rốt cuộc ban chấp hành “Nước Ý trẻ” đã phó thác cho Bolla vì cho rằng Arthur còn quá trẻ và thiếu kinh nghiệm.

- Tôi quen biết anh ấy khá nhiều, và cũng rất mến anh ấy. Anh ấy đã từng ở Leghorn.

- Tôi biết. Cậu ấy đến đây khoảng tháng mười một...

- Về chuyện tàu bè đấy!^[28] Arthur này, anh có nghĩ rằng giá mà dùng chỗ nhà anh ở để làm việc này thì an toàn

hơn chỗ nhà tôi không? Sẽ chẳng ai nghi ngờ một nhà chủ hãng tàu giàu có như nhà anh. Với lại anh còn quen biết hết mọi người trên các bến nữa...

[28] Hồi ấy Mazzini bí mật ra tờ báo “Nước Ý trẻ” tại thành phố cảng Marseilles (đọc là Mác-xây) bên Pháp. Báo và tài liệu chính trị đều được bí mật đưa theo tàu biển từ Marseilles về Ý qua cảng Leghorn (tức Livorno).

- Suyt! Khẽ chứ, bạn thân mến! Thế ra tài liệu từ Marseilles^[29] đến vẫn cất giấu ở nhà Jim ư?

[29] Marseilles (tiếng Pháp): Hải cảng rất lớn ở phía nam nước Pháp, trên bờ biển Địa Trung Hải, rất gần với Ý.

- Chỉ mỗi một ngày thôi. Ôi! Lẽ ra tôi chẳng nên cho anh biết chuyện này nhỉ?

- Sao lại không? Jim đã biết tôi là người của đoàn thể rồi mà. Gemma thân mến ơi, đôi với tôi trên đời này không còn gì sung sướng bằng việc Gemma cùng đi với chúng tôi... cả Gemma và cả *Padre* nữa.

- Cả *Padre* của anh à! Chắc hẳn là ông ấy...

- Không, cách nghĩ của cha thì hẳn là khác rồi. Thế nhưng đôi khi tôi vẫn tưởng tượng... nghĩa là tôi vẫn hy vọng... tôi không hiểu là...

- Nhưng Arthur ơi! Ông ấy là cố đạo kia mà!

- Thì đã sao? Trong đoàn thể của chúng ta cũng có cả các linh mục chứ, có hai cha đang viết báo cho chúng ta đây thôi. Mà sao lại không nhỉ? Sứ mệnh của giáo sĩ là dẫn dắt thế gian đến những lý tưởng và mục đích cao cả, thì chính đoàn thể của chúng ta cũng có làm cái gì khác thế đâu? Rốt cục đó chính là vấn đề tôn giáo và đạo đức, hơn là vấn đề chính trị. Vì khi người ta đã sẵn sàng để trở thành các công dân tự do và có trách nhiệm rồi, thì không ai có thể cứ bắt họ làm nô lệ mãi được.

Gemma nhúu mày lại:

- Arthur, tôi có cảm tưởng là lôgic của anh có chỗ nào lẫn lộn rồi đấy. Cha cố giảng dạy học thuyết tôn giáo. Tôi thấy chuyện đó chẳng dính dáng gì đến việc chúng ta tự giải phóng mình khỏi ách nước Áo cả.

- Linh mục là người giảng dạy đạo Kitô; mà Đức Kitô là người vĩ đại nhất trong tất cả các nhà cách mạng.

- Anh biết không, hôm nọ tôi có nói chuyện với ba tôi về vấn đề cha cố, ngay

cả ba tôi cũng...

- Gemma, ba Gemma là tín đồ đạo Tin lành mà.

Sau khoảnh khắc im lặng, cô quay lại thẳng thắn nhìn vào mắt Arthur.

- Arthur này, ta gác chuyện ấy sang một bên thì tốt hơn. Hễ anh mở miệng nói đến người theo đạo Tin lành là thấy anh chẳng bao giờ có thái độ khoan dung cả.

- Chẳng phải là tôi không muốn khoan dung. Mà theo tôi, nói chung chính người theo đạo Tin lành không khoan dung khi

nói đến các cha cố thì có.

- Thì cứ coi là như thế đi. Dù sao, chúng ta đã cãi cọ với nhau quá nhiều về vấn đề này rồi, chẳng đáng khơi lại làm gì nữa. Anh thấy bài thuyết trình hôm nay thế nào?

- Tôi rất thích... nhất là phần cuối. Tôi khoái nhất là lúc cậu ấy nhấn mạnh: chớ mơ mộng Cộng hòa, mà phải sống chết với Cộng hòa! Điều đó đúng với lời dạy của Đức Kitô: “Nước Trời”^[30] là ở trong lòng các ngươi”.

[30] The Kingdom of Heaven (nguyên văn tiếng Anh): Từ Công giáo, cũng là “Vương quốc

- Chính phần ấy tôi lại không thích. Anh ấy nói quá nhiều về những điều kỳ diệu mà chúng ta phải nghĩ, phải biết và phải theo, nhưng không vạch ra cụ thể những gì chúng ta phải làm.

- Khi thời cơ đến, chúng ta sẽ có khối việc mà làm. Nhưng chúng ta phải kiên nhẫn. Những chuyển biến vĩ đại như thế không thể làm xong trong một ngày.

- Việc nào phải tiến hành càng lâu, lại càng có lý do để bắt đầu ngay tức khắc. Anh nói cần phải chuẩn bị sẵn sàng để có được tự do... vậy thử hỏi anh, có ai là

người có đủ điều kiện để hưởng tự do bằng mẹ anh không? Bà chẳng phải là người phụ nữ thánh thiện vẹn toàn chưa từng thấy đó sao? Nhưng tất cả lòng tốt của bà đã có ích gì? Bà chỉ là một người nô lệ cho tới ngày cuối cùng của đời mình... vì vợ chồng anh James mà bà phải chịu đựng bao ức hiếp, đờn đau và sỉ nhục. Nếu bà không hiền lành và nhẫn nhục đến thế, đời bà sẽ dễ chịu hơn biết bao nhiêu, người ta đâu dám đối xử với bà tệ bạc đến như vậy. Với nước Ý cũng chính là thế thôi: không phải là nhẫn nhục... mà phải có những ai đó đứng lên để tự bảo vệ lấy mình.

- Jim thân mến, nếu tức giận và nhiệt

tình có thể cứu vãn được nước Ý thì nước Ý đã tự do từ lâu rồi. Nước Ý không cần hận thù mà cần tình yêu.

Khi nói ra từ này, máu bỗng bốc mạnh lên tận trán anh, rồi lại lắng xuống. Nhưng Gemma không nhận thấy, cô còn mãi nhìn thẳng về phía trước, mày nhíu và môi mím chặt lại.

Sau giây lát im lặng, cô bảo:

- Arthur, chắc anh cho là tôi sai. Nhưng, tôi đúng đấy, rồi một ngày kia anh sẽ thấy thôi. Đến nhà rồi. Anh có vào chơi không?

- Thôi, khuya rồi. Ngủ ngon nhé, bạn thân mến!

Anh đứng trên bậc cửa, nắm chặt tay cô trong đôi tay mình.

- “Vì Chúa và nhân dân...”

Chậm rãi, trịnh trọng, cô đọc nốt câu khẩu hiệu:

- “..trung thành suốt đời”^[31].

[31] Nguyên văn là: “*Now and forever*” (bây giờ và mãi mãi; trước sau như một; vĩnh viễn thủy chung).

Rồi cô rút tay ra, chạy vào nhà. Khi cánh cửa đã đóng lại, Arthur cúi xuống nhặt cành bách nhỏ vừa rơi xuống từ ngực cô.

Chương IV

Arthur rảo bước về nhà với cảm giác như được chấp cánh. Anh thấy mình hạnh phúc, một niềm hạnh phúc tuyệt đối và không gợi chút mây buồn. Ở cuộc họp, người ta đã nói bóng gió đến việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Và Gemma giờ đây đã là đồng chí và anh đã yêu cô. Họ có thể được cùng công tác với nhau, và

thậm chí còn có thể cùng hy sinh với nhau cho nền Cộng hòa đang nhất định tiến tới. Mùa nở hoa hy vọng của họ đã đến kia rồi! *Padre* sẽ thấy và sẽ tin.

[©DTV](#)

Nhưng sáng hôm sau, bừng mắt dậy với tâm tình tỉnh táo hơn, anh sức nhớ rằng Gemma sắp đi Leghorn, còn *Padre* sẽ đi Roma. Giêng, hai, ba... còn ba tháng dài đằng đẵng nữa mới đến lễ Phục sinh! Gemma trở về với gia đình, lỡ ra lại rơi vào ảnh hưởng “của đạo Tin lành” thì sao? (trong ngữ vựng của Arthur, “tín đồ Tin lành” và “kẻ Philixtin”^[1] chỉ là một nghĩa)... Không, chẳng đời nào

Gemma lại học đòi thói lẳng lơ, điệu dàng và ve vãn để hòng quyến rũ các tay du khách và những chủ hãng tàu đầu hói, như những cô gái Anh khác ở Leghorn; bản chất cô ấy khác hẳn những hạng người đó. Nhưng rất có thể cô ấy sẽ cực kỳ khổ; tươi trẻ như vậy, mà lại không bạn bè đến như vậy, và cô đơn lẻ bóng đến thế giữa cả lũ những con người như gổ đá ấy. Giá mà mẹ mình còn sống nhỉ...

[1] Philistine (tiếng Anh): Từ chỉ một bộ tộc cổ xưa ở phía tây nam nước Do Thái bây giờ (nay thuộc địa phận Palestine) đã từng đánh chiếm Israel cũ, nhưng sau đã bị thần phục, dần dần bị đồng hóa và mai một vào giữa thế kỷ XII. Theo truyền thuyết, những người nặng tư tư lợi, giả dối, tâm địa hẹp hòi, thường chạy theo lợi lộc vật chất, coi nhẹ giá trị và giáo dục tinh thần. Ngày

nay thiên kiến này chỉ là một từ có nghĩa bóng, chỉ loại người nhỏ nhen, ti tiện, tham lam, vụ lợi, thường là thiếu văn hóa. Từ Công giáo là “Philixtin”.

Đến chiều anh vào chủng viện thì đã thấy Montanelli đang nói chuyện với cha Giám đốc mới, vẻ mặt ông vừa mệt mỏi, lại vừa bức bối. Thấy Arthur, ông không tươi vui lên như mọi ngày, mà sa sầm nét mặt.

Khi giới thiệu Arthur với cha Giám đốc mới, ông nói bằng một giọng cứng đờ:

- Đây là cậu sinh viên tôi vừa nói với cha. Cha cứ cho phép cậu ấy tiếp tục

mượn sách của thư viện thì tôi rất đội ơn.

Cha Cardi là một giáo sĩ đã có tuổi, vẻ mặt hiền hậu. Cha nói chuyện ngay với Arthur về Sapienza^[2]. Giọng nói thoải mái và thân mật của cha chứng tỏ cha rất hiểu sinh hoạt của sinh viên. Chẳng mấy chốc cuộc nói chuyện đã chuyển thành cuộc thảo luận về một vấn đề nóng bỏng hồi bấy giờ là về những chế độ quy định mừng là cha Giám đốc mới đã kịch liệt phê bình các nhà chức trách trong trường đại học hay có thói quen thường xuyên khiển nhiều sinh viên bằng những điều hạn chế vô nghĩa và gay gắt.

[2] Sapienza (tiếng Ý, đọc là Xa-pi-en-txa, nghĩa là tri thức, kiến thức, học thức): Đây là tên trường đại học ở Pisa.

Cha nói:

- Tôi đã có khá nhiều kinh nghiệm trong việc hướng dẫn thanh niên. Tôi tự nêu ra một nguyên tắc là: không bao giờ cảm đoán bất cứ việc gì nếu không có lý do đích đáng. Nếu đối xử với thanh niên cho thỏa đáng, tôn trọng nhân cách của họ, thì số thanh niên hay gây rối cũng sẽ chỉ rất ít thôi. Thế nhưng con giun xéo mãi cũng phải đứt^[3], đó là chuyện tất nhiên.

[3] Nguyên văn là: Con ngựa ngoan ngoãn nhất mà anh cứ siết mãi dây cương thì nó phải đứt

Arthur tròn xoe mắt. Anh không ngờ cha Giám đốc mới lại bênh vực quyền lợi sinh viên đến thế. Montanelli không tham gia câu chuyện, hình như ông không quan tâm gì đến vấn đề ấy. Về mặt ông tuyệt vọng và phờ phạc một cách khó tả, đến nỗi cha Cardi phải đột ngột cắt ngang:

- Thưa Kinh sĩ, tôi e đã làm ngài quá mệt rồi. Xin ngài thứ lỗi cho cái tật hay nói nhiều của tôi. Tôi quá sốt sắng trong vấn đề này thành thử quên hẳn rằng người khác có thể phát ngán.

- Trái lại, tôi rất quan tâm đấy.

Xưa nay Montanelli có bao giờ quen thói lễ phép một cách khách sáo đâu, nên giọng nói này của ông Arthur nghe thấy rất chướng tai.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Khi cha Cardi đã trở gót về phòng của mình, Montanelli quay lại chăm chú nhìn Arthur với vẻ đăm chiêu mà ông đã mang nặng suốt buổi chiều nay. Ông chậm rãi mở lời:

- Arthur, con trai yêu quý, cha có điều cần nói với con.

Lo ngại ngược nhìn bộ mặt phờ phạc của ông, Arthur vụt nghĩ: “Chắc cha lại có tin gì chẳng lành đây”. Họ im lặng hồi lâu.

Bông Montanelli đột ngột hỏi:

- Con có thích cha Giám đốc mới không?

Câu hỏi bất ngờ đến nỗi Arthur ngó ra một lúc, không biết trả lời ra sao cả.

- Con... con rất thích cha ấy, con nghĩ... ít nhất là... à, không, con cũng

chưa biết chắc có thích cha ấy không. Nhưng mới gặp ai lần đầu thì cũng khó nói.

Ngồi gõ nhẹ các ngón tay vào tay ghê, một cử chỉ quen thuộc mỗi khi có điều gì phải lo lắng hoặc khó nghĩ, Montanelli lại mở lời:

- Về chuyến đi Roma lần này của cha, nếu con thấy có điều gì... ờ... Arthur à, nếu con muốn, cha sẽ viết thư nói là cha không thể đi được.

- *Padre!* Nhưng Vatican...

- Vatican sẽ tìm người khác. Cha có thể viết thư xin lỗi.

- Nhưng sao lại thế ạ? Con không thể hiểu được.

Montanelli đưa tay lên vuốt trán.

- Cha lo cho con lắm. Đầu óc cha đang rối bời... Và lại cũng chẳng cần thiết gì mà cha phải đi...

- Thế con chức giám mục thì sao ạ?

- Ô, Arthur! Còn lợi lộc gì nếu cha được chức giám mục mà lại mất mát...

Ông nín bật. Chưa bao giờ thấy ông như vậy, nên Arthur bối rối vô cùng.

Anh bảo:

- Con không thể hiểu được. *Padre*, liệu cha có thể cắt nghĩa cho con rõ hơn... cho con biết rành mạch hơn là cha đang lo nghĩ điều gì...

- Cha chẳng lo nghĩ điều gì cả. Cha chỉ đang bị một nỗi sợ hãi khủng khiếp ám ảnh. Con cho cha hay, con có gặp mỗi nguy hiểm đặc biệt nào không?

Arthur nhớ đến những lời xì xào bàn tán về dự định khởi nghĩa, và nghĩ thầm: “Chắc cha nghe thấy gì rồi đây!”. Nhưng biết rằng không thể lộ bí mật, anh chỉ đáp lại:

- Có nguy hiểm đặc biệt gì được, thưa cha?

- Đừng hỏi, hãy trả lời đi! - Vì nóng lòng, giọng Montanelli hầu như gay gắt. - Con có gặp nguy hiểm gì không? Cha không muốn biết những bí mật của con đâu. Con chỉ trả lời cha một điều ấy thôi.

- *Padre*, tất cả chúng ta đều trong tay Chúa. Sự gì cũng có thể xảy ra. Nhưng

con biết rằng không có lý do gì con lại không thể sống sót và an toàn cho đến khi cha trở về.

- Cho đến khi cha trở về... Hãy nghe đây, *carino*. Cha để con tự quyết định lấy. Con không cần cho cha biết lý do gì, mà con chỉ cần bảo cha “ở lại” là cha sẽ từ bỏ ngay chuyến đi này. Như thế sẽ chẳng ai bị thiệt thòi, mà một khi có con ở bên cạnh, nhất định cha sẽ cảm thấy con được an toàn hơn.

Cái kiêu suy tính lẫn thẩn một cách bệnh hoạn này là rất xa lạ với tính khí của Montanelli đến độ làm cho Arthur phải nhìn ông với vẻ hết sức lo âu.

- *Padre*, con chắc cha không được khỏe rồi. Cha phải đi Rome mà cố gắng dưỡng cho khỏi chứng mất ngủ và nhức đầu đi thôi.

- Được lắm. - Montanelli cắt ngang câu chuyện mà hình như ông đã chán ngấy rồi. - Sáng mai cha sẽ đi chuyến xe trạm sớm nhất.

Arthur ngờ ngác nhìn ông:

- Cha còn có điều gì cần nói với con kia mà?

- Không, không, không còn gì nữa...
Chẳng còn có gì quan trọng nữa cả.

Trên gương mặt ông là một vẻ thất thần, gằn như hốt hoảng.

*

* *

Vài ngày sau khi Montanelli ra đi, Arthur đến thư viện của chủng viện để tìm mượn sách thì lại bắt gặp cha Cardi ở cầu thang. Cha Giám đốc kêu lên:

- A, cậu Burton. Cậu chính là người

tôi đang cần đây. Mời cậu vào chỗ tôi giúp cho một việc khó khăn tôi đang cần nhờ cậu.

Ông mở cửa thư phòng, và Arthur theo ông ta bước vào với một cảm giác uất ức vô lý và ngấm ngấm. Nhìn căn phòng thân thương, nơi thánh thất riêng biệt của *Padre* nay bị người khác đến xâm chiếm, anh cảm thấy khó chịu trong lòng.

Cha Giám đốc nói:

- Tôi là một con mọt sách ghê gớm đây. Bước chân đến đây, việc đầu tiên của tôi là coi xem thư viện ra sao. Thư

viện có vẻ lý thú lắm đây, nhưng tôi chẳng hiểu thư mục được xếp theo hệ thống nào.

- Bản thư mục chưa được đầy đủ đâu ạ. Nhiều cuốn sách quý chỉ mới được sưu tập và bổ sung trong thời gian gần đây.

- Cậu có thể để độ nửa giờ giảng giúp tôi cách sắp xếp sách được không?

Họ bước vào thư viện, và Arthur căn kẽ trình bày thư mục. Khi anh đứng dậy định cầm lấy mũ, cha Giám đốc đã tươi cười ngăn lại:

- Không, không! Tôi không thể để cậu vội vã ra về như thế đâu. Hôm nay thứ bảy, cậu cứ để công việc đến sáng thứ hai cũng kịp chán. Cậu ở lại ăn bữa chiều với tôi, tôi giữ cậu lại quá muộn rồi còn gì. Tôi chỉ có một thân một mình, thêm cậu làm bầu bạn tôi vui lắm.

Thái độ rất sởi lởi và đon đả của ông làm cho Arthur thấy thoải mái ngay từ phút đầu. Sau mấy câu chuyện phiếm, cha Giám đốc hỏi xem anh đã quen biết Montanelli được bao lâu.

- Khoảng bảy năm ạ. Năm cha ở Trung Quốc về, con mới mười hai tuổi.

- À, phải! Chính ở bên ấy, cha đã thành một nhà truyền giáo thừa sai^[4] nổi tiếng. Và suốt từ đó trở đi cậu đã là học trò của ngài?

[4] Missionary preacher (tiếng Anh): Missionary từ Công giáo là “thừa sai”, nghĩa là được phái đi thừa hành nhiệm vụ truyền đạo (thường là ở nước ngoài).

- Một năm sau cha mới dạy con học, tức đại thể vào lúc con mới đến xưng tội với cha lần đầu. Khi con vào Sapienza cha vẫn tiếp tục giúp con học bất kỳ môn gì không có trong chương trình chính quy của nhà trường mà con vẫn muốn học. Cha đối xử với con tốt lắm... cha Giám đốc khó có thể tưởng tượng được đâu!

- Tôi sẵn lòng tin lắm, ngài là một người ai ai cũng chẳng khỏi mến phục... là một người có bản chất cực kỳ cao quý và đẹp đẽ. Tôi đã được gặp nhiều vị linh mục đã từng sang Trung Quốc với ngài, các vị ấy cũng hết lời khen ngợi nghị lực và đờm lượng của ngài trong mọi tình thế gian nguy khổ ải, cũng như lòng tận hiến vô biên của ngài. Cậu thật là may mắn từ thuở thiếu thời đã được một người như thế phù trợ và dẫn dắt cho. Nghe ngài nói thì hình như cậu mồ côi cả cha lẫn mẹ thì phải.

- Thừa vâng, ba con mất từ khi con còn nhỏ, mẹ con qua đời cách đây một

năm.

- Cậu có anh chị em gì không?

- Không ạ, con chỉ có hai anh cùng cha khác mẹ thôi... Nhưng từ khi con còn phải bế ẵm, các anh ấy đã lập nghiệp cả rồi.

- Thế là cậu đã chịu cảnh cô cút ngay từ nhỏ, và có lẽ do vậy cậu mới càng thêm quý mến lòng tốt của Kinh sĩ Montanelli như vậy. Tiện thể hỏi cậu, trong thời gian ngài đi vắng, cậu đã tìm được người giải tội cho mình chưa?

- Con đã tính là nếu các cha ở Santa Caterina^[5] không có quá nhiều người đến xưng tội thì con đến xin một cha ở đây giải tội cho.

[5] Santa Caterina (tiếng Ý): Tức ở nhà thờ Nữ thánh Catarina.

- Thế cậu có muốn xưng tội với tôi không?

Arthur trở mắt ngạc nhiên:

- Kính thưa cha, tất nhiên là con... con rất vui mừng rồi, chỉ có điều là...

- Chỉ có điều là cha Giám đốc chúng

viện thần học thường không tiếp nhận người ngoài đời^[6] đến xưng tội chứ gì? Đúng lắm. Nhưng tôi biết là Kinh sĩ Montanelli hết lòng quan tâm chăm sóc cậu, và nếu tôi không làm, ngài có phần lo lắng cho cậu - nếu tôi phải xa học trò yêu của tôi thì tôi cũng lo lắng hết như vậy thôi - và chắc ngài cũng vui lòng nếu biết rằng có người đồng sự chỉ dẫn cho phần hồn của cậu. Hơn nữa, con của cha, cha rất thật lòng nói với con là cha mến con lắm. Điều gì cha giúp được con thì cha sẽ vui lòng giúp.

[6] Lay (penitents) (tiếng Anh): Cũng là người thế tục, hoặc giáo dân bình thường, giáo dân nói chung (không thuộc giới giáo sĩ).

- Cha đã dạy thế thì tất nhiên con xin rất đội ơn cha dẫn dắt cho.

- Vậy sang tháng sau con sẽ đến với cha nhỉ? Thế là phải! Ngoài ra, chiều nào rảnh rang con cứ vào thăm cha, bé trai của ta ạ!

Trước lễ Phục sinh không lâu, có tin chính thức Montanelli được bổ nhiệm đến một toàn Giám mục nhỏ ở Brisighella^[7] trong dãy Etruscan Apennines^[8]. Bức thư ông gửi từ Roma về cho Arthur đã được viết với tinh thần phần chân và bình tĩnh, qua đó có thể thấy nỗi chán nản của ông đã trôi qua. Ông viết: “Mỗi kỳ nghỉ con đều phải đến

thăm cha, và cha nhất định cũng sẽ luôn đến Pisa. Cứ như vậy thì cha hy vọng trông nom con được nhiều hơn, dù không được nhiều như cha mong muốn chẳng nữa”.

[7] Brisighella (tiếng Ý): Tên địa phương vùng núi, phía đông Đại Công quốc Toscana.

[8] Etruscan Apennines (tiếng Anh): Apennines là dãy núi chủ yếu ở Ý, kéo dài hầu như suốt chiều dài bán đảo. Etruscan tức là thuộc về Etrusia, một vùng cổ xưa khá văn minh ở Trung Ý bao gồm vùng đồng bằng của sông Tevere (Tiberis) và sông Magra, từ chân dãy Apennines ra đến biển, phía Bắc Roma, sau trở thành Đại Công quốc (nay là miền) Toscân bao gồm Firenze (hồi ấy là thủ phủ của công quốc, nay cũng vẫn là thủ phủ của vùng Toscana) và các thành phố lớn khác như: Pisa, Livorno (Leghorn), Siena v.v...

Bác sĩ Warren đã mời Arthur đến nghỉ lễ Phục sinh với ông và cùng các con cái của ông chứ không phải ở cái tòa lâu đài cổ lỗ, âm u và đầy chuột mà hiện nay Julia đã ngự trị như một bà chúa tể. Trong thư còn có kèm theo một mẫu giấy con với những nét chữ ngoáy vội, nguệch ngoạc như chữ trẻ con của Gemma khẩn khoản mời anh đến nếu có thể, “vì Gemma có chuyện muốn nói với anh”. Đáng phẫn khởi hơn nữa là những lời xì xào truyền lan từ người nọ sang người kia giữa các sinh viên trong trường đại học và mọi người ai nấy đều đã sẵn sàng chờ đón những biến cố lớn sẽ diễn ra sau lễ Phục sinh.

Tất cả những điều đó đã khiến Arthur chìm đắm vào một dự cảm mê say, tưởng chừng như tất cả những điều vô lý hết sức hoang dại mà sinh viên bàn tán bóng gió với nhau đều là rất tự nhiên và sắp trở thành sự thực đến nơi trong vòng hai tháng tới.

[©DTV](#)

Anh thu xếp để đến thứ năm trong Tuần Chịu nạn^[9] sẽ về nhà và sẽ nghỉ ngay ở nhà mấy ngày đầu kỳ nghỉ học để sao cho niềm vui đến thăm gia đình bác sĩ Warren và nỗi hân hoan gặp gỡ Gemma khỏi ảnh hưởng đến việc anh dọn

mình cho suy niệm tôn nghiêm vì đạo^[10] mà giáo hội đòi hỏi mọi bản đạo phải giữ trong mùa lễ ấy. Anh viết thư cho Gemma hứa sẽ tới vào thứ hai Phục sinh, rồi tôi thứ tư anh lên buồng ngủ của mình, tâm hồn anh yên tĩnh.

[9] Passion week (tiếng Anh): Tuần lễ tưởng niệm Chúa Giêsu chịu nạn (bị đóng đinh trên giá chữ thập). Về cụ thể, trước đây Tuần Chịu nạn là tuần tiếp theo ngày Chúa nhật chịu nạn, tức hai tuần trước lễ Phục sinh. Còn Tuần thánh là tuần ngay trước lễ Phục sinh. Chính ngày lễ Phục sinh thì thường xê dịch trong khoảng từ 22 tháng 3 đến 25 tháng 4 hàng năm, do đó cũng gọi là “mùa Phục sinh”.

[10] Solemn religious meditation (tiếng Anh): Từ Công giáo cũng là “suy ngắm”, tức sự suy tư, trầm tư mặc tưởng (tương tự như sự thiền trong

Anh quỳ trước tượng Thánh giá. Cha Cardi hứa sáng mãi sẽ tiếp anh, nên lúc này anh phải dốc lòng thành cầu nguyện rất lâu để dọn mình ăn năn lần cuối trước hôm Rước lễ Phục sinh^[11]. Quỳ gối, chấp tay, và đầu cúi gục, anh ôn lại từng ngày trong tháng qua, kiểm điểm lại từng tội lỗi nhỏ nhặt đã làm vẩn đục tâm hồn trong trắng của mình, như sốt ruột, câu thả, không chăm trí. Ngoài những lỗi ấy anh chẳng tìm thêm được gì cả: trong một tháng đủ đầy hạnh phúc cho anh như thế, làm gì có nhiều tội lỗi được? Anh làm dấu thánh giá, đứng dậy và bắt đầu cởi quần áo.

[11] Easter Communion (tiếng Anh): Túc sự chịu lễ, sự Rước mình Thánh Chúa trong mùa Phục sinh.

Khi cởi cúc sơ mi, một mẩu giấy từ trong áo luôn ra, rập rờn bay xuống sàn nhà. Đó là bức thư của Gemma anh đã đeo ở cổ suốt ngày nay. Anh bèn nhặt lên, mở ra, hôn những dòng chữ nguệch ngoạc yêu quý, rồi gấp thư lại và giữa lúc đang phảng phất thấy hình như mình vừa làm một chuyện gì hết sức nực cười, anh chợt thấy mặt sau mẩu giấy còn có thêm mấy dòng tái bút trước đây anh chưa đọc tới. Tái bút nói: “Thế nào anh cũng đến nhé, càng sớm càng hay, vì Gemma muốn anh gặp cả Bolla nữa. Anh ấy đang ở đây, ngày nào chúng tôi cũng đọc sách báo với nhau”.

Một làn máu nóng bốc lên đỏ cả mặt

khi Arthur đọc mấy dòng chữ ấy.

Lúc nào cũng Bolla! Y còn đến Leghorn làm gì nữa? Mà tại sao Gemma lại muốn đọc sách báo với y? Y lại đem những thứ y chở lậu đến để mê hoặc cô ấy chăng? Ngay trong buổi họp hội tháng giêng đã thấy ngay được là y đã yêu đương cô ấy rồi. Chắc vì vậy lúc ấy y mới tuyên truyền hăng hái ra trò như thế! Và bây giờ y lại ở sát cạnh cô ấy... hàng ngày đọc sách báo với cô ấy.

Arthur đột ngột quẳng bức thư sang một bên rồi lại đến quỳ trước tượng Thánh giá. Mà đây lại là một linh hồn đang chuẩn bị để được giải tội^[12] để lãnh

nhận bí tích^[13] Phục sinh, một linh hồn sống bằng an cùng Chúa, với chính mình và với toàn thế giới! Một linh hồn vẫn có thể ghen tuông và nghi kỵ một cách thấp hèn, vẫn có thể kèn cựa ích kỷ và thù oán nhỏ nhen - mà cả với đồng chí của mình nữa! Anh cay đắng tự sỉ vả mình và đưa cả hai tay bung lấy mặt. Mới cách đây năm phút còn mơ tưởng tới sự tử đạo^[14], vậy mà bây giờ anh lại phạm tội vì một ý nghĩ hèn hạ nhỏ mọn như vậy!

[12] Absolution (tiếng Anh): Cũng là xá tội, tha tội, hoặc từ Công giáo là “sự xá giải”.

[13] Easter sacrament (tiếng Anh): Bí tích (sacrament) trong Công giáo được coi là “một dấu hiệu (sign) do chính Chúa Giêsu thiết lập để ban

ân sủng” như các bí tích rửa tội, giải tội, mình Thánh Chúa v.v..., ở đây là bí tích Phục sinh (tức về Chúa Giêsu sống lại).

[14] Martyrdom (tiếng Anh): Từ Công giáo, cũng là tử vì đạo, tuân tiết vì đạo.

Sáng thứ năm, khi bước chân vào nhà nguyện của chủng viện, anh đã thấy cha Cardi đang ở đấy một mình. Đọc xong kinh Cáo mình^[15], anh bập ngay vào vấn đề mình bị sa ngã đêm qua.

[15] Confiteor (tiếng Latinh, nghĩa là “Tôi thú nhận”): Kinh được đọc như nghi thức trước khi thú (xưng) tội.

- Lạy cha, con là kẻ có tội, con có các

tội ghen tuông tức giận và có những ý nghĩ không xứng đáng đối với một người không làm gì sai trái đối với con cả.

Cha Cardi thừa hiểu mình đang phải xử lý một kẻ ăn năn tội loại nào. Ông chỉ dụi dàng bảo:

- Này con, con chưa cáo mình cùng cha mọi sự.

- Lạy cha, con đã có ý nghĩ phi Kitô^[16] giáo đối với một người mà lẽ ra con phải đặc biệt yêu mến và kính trọng.

[16] Unchristian (tiếng Anh): Cũng là “phi Cơ đốc (giáo)”, xem từ trang 38, 53.

- Một người mà con có quan hệ gần bó như ruột thịt ư?

- Còn khăng khít hơn cả ruột thịt nữa ạ.

- Hỡi con, vậy là mối quan hệ gì?

- Mối quan hệ đồng chí.

- Đồng chí trong việc gì?

- Trong một sự nghiệp vĩ đại và thiêng liêng.

Một thoáng im lặng.

- Và con tức giận... đồng chí ấy, con ghen tị với anh ta chỉ bởi vì anh ta lập được nhiều thành tích hơn con trong sự nghiệp đó?

- Con... vâng... một phần là thế. Nhưng con còn thèm muốn kinh nghiệm... và tài cán của người ấy... Và rồi... con nghĩ... con sợ... rằng người ấy cướp mất trái tim người con gái mà con... yêu.

- Thế người con gái con yêu có phải là con cái của Hội Thánh^[17] không?

[17] The holy Church (tiếng Anh): Cũng là

“Giáo hội linh thiêng”. Giáo hội Công giáo tự gọi như vậy.

- Không, cô ấy theo đạo Tin lành.
- Kẻ ngoại giáo^[18] ư?

[18] A heretic (tiếng Anh): Cũng còn có nghĩa là kẻ ngoại đạo, kẻ khác đạo, có khi là kẻ lạc đạo, rớt đạo...

Arthur siết chặt hai tay, đau khổ đến cực độ.

Anh nhắc lại:

- Vâng, ngoại giáo. Chúng con đã

cùng lớn lên với nhau, mẹ chúng con là bạn của nhau. Và con... con ghen tị với người ấy là vì con thấy rằng người ấy cũng yêu cô ta... và vì... vì...

Nín lặng một lát rồi cha Cardi mới mở lời, từ tốn và oai nghiêm:

- Hỡi con, con vẫn chưa cáo mình cùng cha mọi sự. Trong linh hồn con còn có một sự gì nữa đây.

- Thưa cha, con...

Arthur áp úng rồi lại nín bật. Vị linh mục im lặng chờ.

- Con ghen tị với người ấy là vì đoàn thể... “Nước Ý trẻ”... mà con tham gia...

- Vậy sao?

- ... đã giao phó cho người ấy một việc mà con đã tưởng là đoàn thể sẽ giao cho con... mà con cũng đã tự cho mình là quen việc và dư sức làm việc đó hơn.

- Việc đó là việc gì?

- Nhận sách báo... sách báo chính trị... do các tàu biển chở đến... rồi tìm chỗ cất giấu... trong thành phố...

- Và việc ấy, đảng đã giao cho kẻ tình địch của con ư?

- Vâng, giao cho Bolla... và con ghen tị với anh ta.

- Và từ phía anh ta cũng không có cơ gì để khiến con có tâm trạng ấy chứ? Con có trách cứ rằng anh ta sao nhãng nhiệm vụ đã được giao phó cho không?

- Không, thưa cha. Anh ấy hoạt động rất dũng cảm và tận tụy. Anh là một người yêu nước chân chính, và lẽ ra con chỉ có thể yêu mến và kính trọng mà thôi.

Cha Cardi dẫn đo suy nghĩ.

- Hỡi con, nếu trong tâm hồn con đã có luồng ánh sáng mới, đã có một ước mơ hoàn thành một công việc vĩ đại nào đó vì hạnh phúc của đồng bào, và một hoài bão quyết giảm nhẹ gánh nặng cho những người cùng khổ bị áp bức, thì đó chính là phúc lành quý giá nhất Chúa ban cho con mà con phải xử sự sao cho xứng đáng. Mọi sự tốt lành đều bởi Chúa ban ra, và ơn tái sinh chính là của Chúa ban cho. Nếu con đã chọn con đường hy sinh, con đường dẫn đến hòa bình, nếu con đã cùng sát cánh với các đồng chí thân yêu để giải phóng cho những kẻ đang âm thầm than khóc và đau thương, thì con

hãy gắng sao cho linh hồn con thoát khỏi đố kỵ và dục vọng, để lòng con là một bàn thờ thánh mà ngọn lửa linh thiêng sẽ đời đời chẳng tắt. Con hãy nhớ rằng đó là một sự nghiệp cao cả và thiêng liêng, và trái tim nào đã tiếp nhận sự nghiệp ấy thì phải tẩy sạch mọi toan tính ích kỷ. Sứ mệnh thiên triệu^[19] đó giống với sứ mệnh thiên triệu của một giáo sĩ^[20]. Sứ mệnh ấy không thể là vì tính yêu đời với người đàn bà và cũng không thể là vì một dục vọng nhất thời nào, mà đây là: vì Chúa và vì nhân dân, là: trung thành suốt đời.

[19] Thiên triệu: Xem từ trang 51.

[20] Priest (tiếng Anh): Cũng là linh mục, đang giảng đạo.

- Ôi! - Arthur sững sốt, siết chặt hai tay. Nghe khẩu hiệu, Arthur suýt bật khóc. - Thừa cha, cha đã ban cho chúng con sự chuẩn y của Nhà Thờ! Chúa Kitô đứng về phía chúng con...

Vị linh mục trịnh trọng đáp:

- Hỡi con, Chúa Kitô đã đuổi lũ gian thương ra khỏi Đền thờ^[21], vì Nhà của Người^[22] phải là Nhà Cầu nguyện^[23], mà bọn chúng đã biến thành hang ổ kẻ cướp!

[21], [22], [23] *Temple, His House, House of*

Prayer (tiếng Anh): Cả ba cụm từ này đều để chỉ Nhà thờ.

Sau hồi lâu im lặng, Arthur run run khẽ nói:

- Và khi đánh đuổi được bọn chúng đi rồi, nước Ý nhất định sẽ là Đền thờ của Người...

Anh ngừng lời và một câu trả lời êm ru vọng lại:

- “Đất đai này và sự đủ đầy do đất tạo ra^[24] đều thuộc về Ta cả,” Chúa đã dạy thế.

[24] Nguyên văn tiếng Anh là “The fulness thereof”, cũng là sự viên mãn (sung mãn) hay mọi của cải do đất mà ra.

Chương V

Chiều hôm ấy Arthur cảm thấy mình cần đi bộ chơi một chuyến xa. Anh gửi đồ đạc cho một bạn học, rồi cuộc bộ đi Leghorn.

Trời âm thấp, đầy mây, nhưng không lạnh, và anh bỗng thấy vùng đồng bằng hạ du mình đang đi tươi đẹp hơn bất kỳ

lúc nào mình biết trước kia. Cỏ ướn mịn màng dưới chân và những đóa hoa dại mùa xuân thẹn thò mà ngỡ ngàng ló mắt ở ven đường khiến anh khoan khoái trong lòng. Một con chim đang xây tổ trong bụi xiêm gai vàng nơi bìa rừng nhỏ hẹp, thấy bóng anh đi qua, nó bèn hốt hoảng kêu lên và vội vàng vỗ đôi cánh nhỏ màu nâu sẫm mà bay đi.

Anh cố cầm trí vào những suy tư mộ đạo, đúng với ý nghĩa của chiều vọng thứ Sáu Tuần Thánh^[1]. Nhưng những ý nghĩ về Montanelli và Gemma đã xen quá nhiều vào sự suy tư thành kính của anh, nên cuối cùng anh đành phải bỏ ý định ấy. Anh buông thả cho trí tưởng tượng

của mình bay bổng đến những điều kỳ diệu và những cảnh huy hoàng của cuộc khởi nghĩa sắp tới, và đến cả vai trò anh gấn cho hai thần tượng của mình trong cuộc khởi nghĩa này. Padre phải là lãnh tụ, là thánh tông đồ^[2], là đấng tiên tri^[3], mà mọi thế lực đen tối sẽ phải trốn chạy trước cơn thịnh nộ thiêng liêng của Người, và dưới chân Người, những vệ sĩ trẻ tuổi của Tự do sẽ phải học lại chủ thuyết và những chân lý cũ trong một ý nghĩa hoàn toàn mới mà từ trước đến nay chưa ai tưởng tượng nổi.

[1] To the eve of Good Friday (tiếng Anh): Tức đêm trước ngày thứ Sáu (ngày giáo dân gỡ xác Chúa Giêsu khỏi giá chữ thập) trước ngày Chủ nhật Phục sinh (ngày Chúa Giêsu sống lại).

[2] Apostle (tiếng Anh): Trong khi đang truyền đạo, Đức Giê-su đã chọn 12 người đầu tiên trong số các môn đệ (disciples) để trực tiếp giúp mình. Khi Đức Giê-su lên trời, họ được gọi là các tông đồ (kể cả người thay thế tên Giu-đa (Judah) phản bội và kể cả thánh Phaolô (Paul) tuy vốn không ở trong số 12 người đầu tiên). Các tông đồ được phong thánh, do đó thường gọi là các Thánh tông đồ.

[3] Prophet (tiếng Anh): Cũng gọi là sứ ngôn hoặc ngôn sứ, tức người giỏi giảng, biết và báo trước sự việc (sấm truyền), và thường là tác giả của các sách đạo.

Còn Gemma? Ô, Gemma sẽ chiến đấu trên các chiến lũy. Cô ấy được kiến tạo bởi những chất liệu làm ra các nữ anh hùng. Cô sẽ là một người đồng chí hoàn

hảo, sẽ là một trinh nữ trong trắng tuyệt vời và dũng cảm vô song mà biết bao thi sĩ hằng mơ ước; cô sẽ đứng bên anh, vai kề vai cùng anh chia sẻ niềm vui dưới đôi cánh bão táp của sinh tử. Và họ sẽ cùng nhau hy sinh, có thể là hy sinh trong giờ phút thắng lợi, vì họ không nghi ngờ gì rằng thắng lợi nhất định sẽ tới. Anh sẽ không thổ lộ cho cô biết tình yêu của mình, sẽ không ngỏ một lời nào, để khỏi phá rối cõi lòng yên tĩnh và tình cảm đồng chí êm đẹp của cô. Đối với anh, cô là một vật thánh^[4], một hy lễ tinh thuần^[5] được dâng lên bàn thờ như một lễ vật toàn thiêu^[6] vì sự nghiệp giải thoát nhân dân. Vậy anh là ai mà lại dám len vào nơi cung thánh^[7] trong trắng của một tâm

hồn chưa biết tình yêu nào khác ngoài
tình yêu Thiên Chúa và nước Ý?

*[4] A holy thing (tiếng Anh): Vật linh thiêng,
vật lễ.*

*[5] A spotless victim (tiếng Anh): Vật lễ chịu hy
sinh để dâng hiến; tinh khiết, không chút bợn nhơ.*

*[6] A burnt of fering (tiếng Anh): Vật lễ (thời
xưa có khi là người) được hiến dâng bằng cách
hỏa thiêu (thiêu sống).*

*[7] Sanctuary (tiếng Anh): Cũng là “gian
thánh”, nơi được coi là thiêng liêng nhất trong nhà
thờ, đền thờ; nơi đặt bàn thờ (altar) và Minh
Thánh Chúa (Thánh thể, Eucharist).*

Thiên Chúa và nước Ý... Nhưng anh

đã thốt nhiên rơi xuống từ chín tầng mây khi bước vào tòa nhà đồ sộ và âm thầm ở “Phố Cung điện”^[8]. Ngay ở cầu thang anh đã chạm trán với Gibbons, gã quản gia của Giuli. Y vẫn quần áo trắng bong, thái độ vẫn bình thản, và vẫn khinh khỉnh một cách lễ phép như mọi khi.

[8] Street of Palaces (tiếng Anh): Cũng là “Phố của những lâu đài”.

- Chào Gibbons. Các anh tôi có nhà không?

- Thưa cậu, có ông Thomas ở nhà, và cả bà Burton nữa. Hai vị đang trong phòng khách.

Arthur bước vào nhà với một cảm giác nặng nề và ngọt ngào. Sao tòa nhà ảm đạm thế! Dòng đời dường như cứ thế trôi qua, để mặc cho nó ở mãi một cao trình lơ lửng bên trên. Trong nhà không hề thay đổi mảy may; vẫn những con người ấy, vẫn những bức chân dung gia đình ấy, vẫn những đồ đạc nặng chịch và những bộ bát đĩa vàng bạc khó coi ấy, vẫn một vẻ khoe của kệch cỡm ấy và vẫn một trạng thái thiếu sức sống nằm trong tất cả mọi vật. Ngay đến cả những bông hoa cắm trong những chiếc lọ đồng hệt như được chạm bằng kim khí và được sơn phết kia cũng chẳng hề biết đến dòng nhựa non đang dâng trào bên trong chúng

trong những ngày xuân ấm áp. Julia mặc bộ đồ cho bữa ăn tối, đang ngồi chờ khách đến trong phòng khách là nơi trung tâm cuộc sống của mình, với một nụ cười tươi như gỗ, với những búp tóc hoe vàng và với một con chó kiêng nhỏ trên đùi - đúng kiểu là đang ngồi làm mẫu vẽ thời trang.

- Mạnh khỏe chứ, Arthur?

Chị ta nói cứng đơ, chìa vôi mấy đầu ngón tay cho Arthur bắt, rồi rút ngay lại để vuốt ve bộ lông mượt mà của con chó kiêng cho dễ chịu hơn.

- Chắc chú vẫn khỏe mạnh và học

hành tẩn tới đây chứ!

Arthur rì rầm mấy câu qua quýt vừa thoáng nghĩ ra, rồi lại rơi vào cảnh im lặng một cách gượng gạo. James đã tới với kiêu cách hào nhoáng nhất và cùng đi với một viên đại lý hãng tàu đã có tuổi nhưng chải chuốt, song sự có mặt của họ cũng chẳng làm cho bầu không khí được khá hơn lên. Mãi đến khi Gibbons lên báo bữa tối đã sửa soạn xong, Arthur mới đứng dậy được và khẽ thở dài nhẹ nhõm.

- Chị Julia, hôm nay em không ăn bữa tối. Chị thứ lỗi, cho em được phép về phòng.

Thomas bảo:

- Giữ chay quá mức rồi đấy, chú em ạ. Tôi dám chắc chú sẽ tự làm ốm mình thôi.

- Ô, không đâu! Xin chào ạ.

Gặp chị hầu phòng ở hành lang, Arthur dặn sáu giờ sáng mai gõ cửa phòng đánh thức anh dậy.

- *Signorino*^[9] đi lễ nhà thờ ư?

[9] Signorino (tiếng Ý): Lời gọi lịch sự đối với

người con trai trẻ tuổi, của đầy tớ đối với cậu chủ.

- Phải. Thôi, chào chị Teresa.^[10]

[10] Teresa (tiếng Ý): Tên phụ nữ.

Anh bước vào phòng của mình. Phòng này trước kia là của mẹ anh, còn cửa tò vò đối diện với cửa sổ thì đã được bố trí thành buồng nguyện^[11] khi bà đang ốm liên miên. Một tượng Thánh giá lớn dựng trên chiếc bệ đen được đặt chính giữa bàn thờ. Trước tượng Thánh giá treo một cây đèn La Mã nhỏ^[12]. Chính là mẹ anh đã qua đời trong căn phòng này. Bức chân dung của bà được treo trên tường bên cạnh giường, còn trên bàn có một di

vật nữa của bà là chiếc bát sứ, trong cắm đầy hoa tím, một thứ hoa bà rất ưa thích. Bà mất đã tròn năm rồi mà những người Ý hầu hạ trong nhà vẫn chưa quên bà.

[11] Oratory (tiếng Anh): Buồng cầu nguyện, cũng giống như “nhà nguyện” (Chapel), nhưng đây là buồng nhỏ, cho cá nhân.

[12] Cây đèn La Mã nhỏ: Cây đèn kiểu La Mã xưa, thường đặt trước tượng, ảnh thờ.

Anh lấy trong vali nhỏ ra một bức tranh đóng khung được gói ghém cẩn thận. Đó là bức chân dung truyền thần của Montanelli mới gửi từ Roma về cách đây vài hôm. Anh đang giở vật báu ấy ra thì thấy anh hầu nhỏ của Julia bung vào

một chiếc khay. Trên khay, bà nấu bếp già người Ý, người đã phục vụ bà Gladys mãi cho đến ngày có bà chủ mới khắc nghiệt xuất hiện trong nhà này, đã dọn đầy những thức ăn ngon, mà theo bà, cậu *signorino* quý mến có thể ăn, không sợ phạm giới răn của Hội Thánh^[13]. Arthur từ chối tất, chỉ lấy một miếng bánh nhỏ. Thấy vậy, anh hầu nhỏ là cháu của Gibbons, mới ở Anh sang, đã nhăn nhó cười một cách ý nhị, mà bung khay ra khỏi phòng. Thì ra thằng bé này đã sớm gia nhập phe Tin lành dưới khu buồng của những người đầy tớ.

[13] *The Church (tiếng Anh): Cũng là Giáo hội, tức Nhà thờ hoặc Đạo nói chung.*

Arthur bước vào cửa tò vò, quỳ trước tượng Thánh giá, gắng cầm trí để cầu nguyện và suy tư. Nhưng anh thấy ra rằng đó là điều anh khó lòng làm được. Đúng như Thomas nói, quả là anh đã quá khắc khổ trong việc giữ những giới răn của Mùa Chay^[14] và những nỗi khan khổ đó nay đã bốc lên đầu anh như rượu mạnh. Anh thấy có những xung động nhẹ tỏa xuống sống lưng và thấy cây thánh giá như chơi vơi trong một đám mây mù trước mắt mình. Chỉ sau khi đã lạp đi lạp lại mãi bản Kinh Cầu^[15] dài, anh mới tập trung được trí tưởng tượng vẫn vợ của mình vào bí tích Xá tội nhiệm màu^[16]. Cuối cùng, nỗi mệt mỏi cực độ của cơ thể đã áp đảo tình trạng kích động căng

thẳng của thần kinh, anh ngã mình xuống, tâm hồn bình lặng và yên tĩnh, không còn xao xuyến và xáo động nữa.

[14] The Lenten privations (tiếng Anh): Lenten là thuộc Mùa Chay (Lent), tức khoảng thời gian 40 ngày cho tới Lễ Phục sinh (Easter) các tín đồ Công giáo phải dốc lòng cầu nguyện, sám hối, ăn chay thậm chí còn theo các giới răn khắc nghiệt (privations) khác nữa để “dọn lòng” đón nhận các ân sủng của Chúa Giêsu (Jesus).

[15] Litany (tiếng Anh): Bản kinh dài, gồm nhiều câu khẩn nguyện, sau mỗi câu lại lặp lại câu “Xin cầu cho chúng con”, hoặc “Xin thương xót chúng con”.

[16] The mystery of the Atonement (tiếng Anh): Cũng là sự nhiệm mầu của việc (Chúa) cho chuộc tội và tha tội.

Anh đang mau chóng chìm mình vào giấc ngủ say thì có tiếng đập cửa phòng rất mạnh và gấp gáp. “À Teresa đây mà!”, anh nghĩ vậy và uể oải trở mình. Lại có tiếng đập cửa nữa khiến anh giật thót, bừng tỉnh.

[©DTV@](#)

Một giọng đàn ông bằng tiếng Ý: “*Signorino! Signorino!!* Dậy ngay đi, vì lòng yêu Chúa!”.

Arthur nhảy ra khỏi giường:

- Chuyện gì thế? Ai đây?

- Tôi đây, Gian Battista^[17] đây ạ. Cậu dậy đi, nhanh lên, lạy Đức Mẹ phù hộ cho cậu!

[17] Gian Battista (tiếng Ý): Họ và tên nam giới.

Arthur vội vã mặc quần áo và ra mở cửa. Anh còn đang ngơ ngác nhìn bộ mặt tái mét vì khiếp đảm của người xà ích thì đã nghe tiếng chân bước rậm rịch và tiếng sắt thép loảng xoảng dọc hành lang, và tức khắc anh hiểu hết mọi việc xảy ra.

Anh bình tĩnh hỏi:

- Họ đến tìm tôi phải không?

- Họ đến tìm cậu đây! Ôi, *signorino*, nhanh lên! Có cần cất giấu gì không? Cậu ơi, con có thể đem giấu vào...

- Tôi chẳng có gì phải cất giấu cả. Các anh tôi đã biết chưa?

Ở đầu hành lang, bộ sắc phục lính sen đậm^[18] đầu tiên đã hiện ra.

[18] Gendarme (tiếng Anh): Cũng gọi là hiến binh, một lực lượng vũ trang của cảnh sát hoặc lực lượng vũ trang chính công (bộ binh hay kỵ binh) làm nhiệm vụ duy trì an ninh công cộng, thường là lực lượng đóng chiếm, hành động rất hung hãn theo một lệnh giới nghiêm khắc nghiệt.

- *Signor*^[19] đã bị gọi dậy. Cả nhà đều thức giấc cả rồi. Chao ôi! Rủi ro quá... rủi ro biết chừng nào! Lại đúng vào ngày thứ Sáu Tuần Thánh^[20] nữa chứ! Kính lạy các Thánh rủ lòng thương xót!

[19] Signor (tiếng Ý): Ông, ngài; đây là ông chủ.

[20] Good Friday (tiếng Anh): Từ Công giáo, chỉ ngày thứ Sáu Tuần Chịu Nạn (Passion Week; cũng là Holy Week), tuần lễ trước lễ Phục sinh (Easter). Xem từ trang 86.

Gian Battista òa lên khóc. Arthur lên mấy bước, đứng chờ những tên sen đầm đang gươm súng loảng xoảng tiến đến,

theo sau chúng là đám người ở run lẩy bẩy, quần áo nhếch nhác đủ kiểu. Khi lũ sen đầm đã quây lấy Arthur, thì mới rõ ra rằng đi đoạn hậu đoàn người lạ lòng ấy là ông bà chủ nhà, ông khoác chiếc áo ngủ, chân đi dép lê bằng da, bà quần áo *peignoir*^[21] dài, đầu đầy những cuộn giấy uồn tóc.

[21] Peignoir (tiếng Pháp): Nghĩa đen là áo mặc khi chải tóc, nói chung là áo choàng của phụ nữ mặc để trang điểm sau khi tắm.

“Quả đúng là một trận đại hồng thủy thứ hai đang ập tới và những cặp đôi như thế kia là đang chạy đến tìm thuyền^[22]! Kia, lại thêm một đôi vợ chồng thú vật hết sức kỳ quặc nữa kia”. Cái điển tích

ấy vụt lóe ra trong đầu Arthur, khi anh ngó nhìn những bộ dạng kệt cớm nọ. Anh cố bặm bụng nhin cười, biết rằng cười nhạo lúc này là không đúng chỗ một cách hết sức vô duyên, - giờ phút này cần cho những suy nghĩ đáng giá hơn. “*Ave Maria Regina Coeli!*”^[23] - anh thầm cầu nguyện rồi đành phải quay mặt đi kéo lại trông thấy những cuộn giấy uốn tóc nhấp nhô trên đầu Julia mà không nín nhin được những điều khinh suất mới.

[22] Một điển tích trong Kinh Thánh, kể rằng ban sơ Chúa Trời thấy loài người do Adam và Eva sinh ra quá độc ác, bèn quyết định làm trận đại hồng thủy để xóa sạch thế giới. Nhưng thấy Nôê (Noah) là người tốt đáng được ân sủng, Chúa Trời đã báo cho Nôê biết và ra lệnh cho đóng một chiếc thuyền lớn để chở gia đình và các loại súc vật theo

từng cặp đôi (đực cái), và sau 40 ngày 40 đêm đại hồng thủy, cả thuyền đã sóng sót và lại sinh sôi cho đến bây giờ! Sau trận đại hồng thủy ấy, Chúa Trời giao ước sẽ không bao giờ có một trận thứ hai nữa.

[23] “Ave Maria, Regina Coeli” (câu đầu trong một bài kinh bằng tiếng Latinh): “Kính mừng Maria, Nữ vương Thiên Đàng!”.

Ông Burton tiến lại gần viên sĩ quan sen đầm, nói:

- Xin ông vui lòng giải thích cho tôi biết việc dùng vũ lực đột nhập vào nhà riêng như thế này là nghĩa thế nào? Tôi xin cảnh cáo trước là nếu các ông không sẵn sàng giải thích được thỏa đáng, tôi sẽ buộc lòng phải đi thưa với ông Đại sứ

Anh.

Viên sĩ quan tỉnh bơ đáp:

- Tôi đoán chắc ông sẽ thừa nhận rằng tờ giấy này là lời giải thích vừa đủ, và chắc chắn là cả đối với ông Đại sứ Anh nữa.

Hắn rút ra trát bắt Arthur Burton, sinh viên khoa triết học, trao cho James rồi lạnh lùng bổ sung:

- Nếu ông muốn được giải thích gì thêm nữa, tốt nhất ông đích thân đến hỏi ông chánh cảnh sát.

Julia giật lấy tờ giấy trong tay chồng, đọc lướt qua rồi xia xói vào mặt Arthur với một vẻ không gì khác hơn trên đời này là vẻ một mục quý phái thời thượng đang nổi cơn tam bành. Mục tru tréo lên:

- Vậy ra chính mày là kẻ đã làm nhor nuốc cả gia đình! Mày làm cho bây giờ bọn dân ngu khu đen trong thành phố này cứ há hốc mồm ra mà nhòm vào nhà ta như có trò hề vậy! Với tất cả lòng ngoan đạo của mày hóa ra mày lại thành thằng tù mọt gông! Té ra điều chúng tao mong đợi ở thằng con của cái mục đi theo Giáo hoàng^[24] rút cục là như thế này đây...

[24] The Popish woman (tiếng Anh): Julia cũng

như đại đa số người Anh theo Anh giáo (Anglicanism), một loại Tin lành trở thành một quốc giáo, độc lập tách khỏi Công giáo, không theo Giáo hoàng và Vatican, nên mới có lời lẽ càng miệt thị như vậy. Xem các trang 34, 41...

Viên sĩ quan cắt ngang:

- Bà không được nói chuyện bằng tiếng nước ngoài với kẻ bị bắt, thưa bà.

Nhưng lời cự nự của hắn đã bị át đi bởi những lời la lối om sòm mà Julia tuôn ra xối xả bằng tiếng Anh.

- Điều chúng ta mong đợi té ra là thế này đây! Nào ăn chay, nào cầu nguyện, nào là suy tư thánh thiện, hóa ra rất là

những thứ che đậy! Tao đã biết tổng cái kết cục này rồi mà!

Có lần bác sĩ Warren đã ví Julia như một món xà lách mà đầu bếp đã lỡ tay đánh đổ hết lọ dấm vào. Arthur thấy ghê cả răng vì giọng nói the thé của Julia nên mới lại sức nhớ tới lời so sánh ấy.

Anh bảo:

- Không cần phải nói kiêu thế đâu. Chị chẳng phải sợ lòi thối, ai cũng sẽ biết các anh chị chẳng dính líu gì đến việc này. Còn các quý ông, chắc các ông muốn khám đồ đạc của tôi? Tôi chẳng có gì giấu giếm cả.

Trong khi bọn lính sen đậm lục soát căn phòng, đọc thư từ, xem xét các giấy tờ ghi chép trong trường đại học, bới tung các ngăn kéo và các hộp đựng, anh ngồi chờ ở mép giường, mặt hơi bừng lên vì xúc động, nhưng không lấy gì làm đau buồn cả. Việc khám xét chẳng làm anh lo ngại. Những thư từ nào có thể liên lụy đến một ai, anh đều luôn đốt đi cả. Giờ đây, ngoài mấy bài thơ chép tay với nội dung nửa cách mạng, nửa thần bí và hai, ba số *Nước Ý trẻ*, lính sen đậm chẳng tìm thấy gì có thể thưởng công được cho việc lục soát của chúng cả. Còn Julia, sau một hồi lâu kéo nheo mụ mới chịu nhượng bộ trước những lời van

vĩ của cậu em chồng mà quay về buồng ngủ. Về đài các khinh khi, mụ lướt qua mặt Arthur, chàng James ngoan ngoãn theo sau.

Suốt từ nãy đến giờ Thomas vẫn đi đi lại lại trong phòng, cố làm ra vẻ thản nhiên. Khi vợ chồng James ra rồi, anh ta tiến lại chỗ viên sĩ quan xin phép nói chuyện với kẻ bị bắt. Viên sĩ quan gật đầu đồng ý, anh ta bèn đến chỗ Arthur, khàn khàn giọng, cầu nhàu:

- Tôi nói thật chứ, chuyện này rắc rối kinh khủng đấy. Tôi hết sức phiền lòng.

Arthur ngược mắt nhìn len với gương

mặt trong treo như một buổi sáng ngày hè. Anh bảo:

- Bao giờ anh cũng tốt với em. Anh không có gì phải phiền lòng. Em chẳng sao đâu.

Thomas giật mạnh ria mép và bập ngay vào cái vấn đề anh ta bảo là rắc rối ấy.

- Arthur, nghe đây! Tất cả chuyện này... có tý gì dính dáng đến... tiền nong không? Bởi vì, nếu có thì anh...

- Dính dáng đến tiền nong ư? Sao lại

thể được ạ! Làm sao lại có thể dính dáng đến...

- Vậy thì lại cái trò đại dột gì đó về chính trị phải không? Tôi nghĩ thế. Thôi thì cũng đừng ngã lòng, chú ạ... và cũng đừng chấp những điều Julia nói. Chẳng qua chỉ là miệng lưỡi độc địa của chị ấy đấy thôi. Và nếu chú cần tôi giúp, tiền nong hoặc gì đó, chú cứ cho tôi biết, được chứ?

Arthur lặng lẽ chìa tay ra, rồi Thomas bước khỏi phòng. Anh ta cố hết sức nặn cho mình một vẻ không quan tâm, nên bộ mặt anh ta lại càng có vẻ phớt đời hơn bao giờ hết.

Trong khi đó, bọn sen đầm đã khám xét xong. Viên sĩ quan đang thực thi công vụ liền đòi Arthur phải mặc bộ thường phục vào. Anh tuân theo ngay và trở gót để bước ra khỏi phòng, nhưng rồi bỗng ngập ngừng và đứng sững lại. Dường như anh thấy khổ tâm phải từ giã buồng nguyện của mẹ trước mặt những nhà đương cục như thế này.

Anh hỏi:

- Các ông có thể chấp nhận ra ngoài chờ một lát được không? Tôi không chạy trốn được, mà cũng chẳng có gì để giấu giếm cả.

- Tiếc rằng chúng tôi không được phép để người bị bắt ở lại một mình.

- Cũng được thôi, chẳng sao đâu.

Arthur bước vào cửa tò vò, quỳ xuống, hôn chân vào bệ tượng Thánh giá rồi khấn thầm:

- Lạy Chúa, xin Chúa phù hộ cho con giữ được lòng thành cho đến chết.

Khi đứng dậy, anh thấy tên sĩ quan còn đang đứng cạnh bàn ngắm nhìn bức chân dung của Montanelli. Y hỏi:

- Người thân thuộc của anh đây à?

- Không, đó là cha giải tội cho tôi.
Đức tân Giám mục tại Brisighella.

Ở thang gác, những người Ý hầu hạ trong nhà đang lo sợ và buồn rầu đứng đợi anh. Tất cả mọi người ăn kẻ ở trong nhà đều yêu mến anh, yêu mến chính bản thân anh và cả mẹ anh, và họ xúm cả lại quanh anh, dào dạt buồn thương hôn tay, hôn áo anh. Bác Gian Battista cũng đứng đó, nước mắt nhỏ xuống hai hàng ria xám bạc. Họ nhà Burton chẳng có ai ra tiễn cả. Sự lãnh đạm này càng làm nổi bật lòng quyến luyến và tình yêu thương của

những người đầy tớ, khiến Arthur suýt bật khóc khi siết chặt lấy những bàn tay đang chìa ra cho anh.

- Thôi, chào bác Gian Battista, bác hôn giùm các em nhỏ cho cháu nhé! Chị Teresa ở lại nhé! Mọi người hãy cầu nguyện cho tôi, và xin Chúa phù hộ cho mọi người! Thôi, chào tất cả, chào tất cả.

Arthur hồi hả chạy xuống cầu thang ra cửa trước. Một lát sau, trên bậc cửa chỉ còn lại một nhóm đàn ông nín lặng và đàn bà thổn thức đứng trông theo cỗ xe ngựa đang chuyển bánh đi mỗi lúc một xa.

Chương VI

Arthur bị giải đến một pháo đài lớn thời Trung cổ, ở ngay cửa biển của hải cảng. Anh thấy cuộc sống trong tù thể mà cũng chẳng đến nỗi nào. Xà lim ẩm thấp và tối tăm một cách khó chịu, nhưng Arthur đã từng lớn lên trong tòa lâu đài cổ lỗ ở Via Borra^[1], nên cả ngột ngạt, chuột bọ cũng như hôi thối đối với anh cũng chẳng có gì lạ. Khoản ăn uống cũng vừa kém lại vừa thiếu, nhưng chẳng bao lâu James đã xin được phép gửi vào cho anh các thứ thiết yếu nhất cho đời sống. Anh bị biệt giam và tuy việc canh phòng

cũng chẳng nghiêm ngặt như anh tưởng, nhưng anh vẫn chưa nhận được một lời giải thích nào về nguyên do mình bị bắt. Tuy nhiên, anh vẫn giữ được thái độ bình tĩnh mà anh đã xác định cho mình ngay từ lúc bước chân vào pháo đài. Không được đọc sách thì anh sử dụng hết thời giờ vào việc cầu nguyện và thành tâm suy ngẫm^[2], chờ xem mọi việc tiếp diễn ra sao mà không nôn nóng và lo lắng gì.

[1] Via Borrai (tiếng Ý): Tên một phố cổ, nơi có cơ ngơi của họ nhà Burton.

[2] Devout meditation (tiếng Anh): Từ Công giáo cũng là “suy ngẫm”, tức sự suy tư, trầm tư mặc tưởng (tương tự như sự thiền trong Phật giáo).

Rồi một hôm, lính gác đến mở khóa xà lim và gọi anh:

- Mời ra!

Tuy có hỏi hai ba lần, nhưng chỉ nghe mỗi câu trả lời: “Không được phép nói chuyện”, nên anh đành nhẫn chịu, theo người lính đi vào một lô nhằng nhịt những mảnh sân, những hành lang, những thang gác ít nhiều đều hôi hám, để rồi cuối cùng bị giải vào một căn phòng lớn sáng sủa, trong có ba người mặc binh phục đang ngồi tán chuyện nhát gừng và uể oải sau một chiếc bàn dài trải nỉ xanh, chất đầy giấy tờ. Thấy anh bước vào, họ liền làm ra vẻ cứng nhắc và sự vụ.

Người nhiều tuổi nhất trong bọn họ, một người có vẻ chung diện với hai chòm râu quai nón xám bạc và với bộ sắc phục đại tá, đưa tay trở vào chiếc ghế phía bên kia bàn rồi bắt đầu cuộc thẩm vấn sơ bộ.

Arthur đồ rằng mình sẽ bị hăm dọa, si vả và chửi rủa nên đã chuẩn bị sẵn sàng đối đáp cho đường hoàng và kiên nhẫn. Nhưng tình thế đã ngược lại ý anh một cách dễ chịu. Viên đại tá tỏ ra cứng nhắc, lạnh lùng và oai vệ, nhưng lại cực kỳ lịch sự. Đầu tiên là những câu hỏi thường lệ: tên gì, bao nhiêu tuổi, quốc tịch gì, địa vị xã hội ra sao; và mọi câu trả lời đều được nhất nhất ghi lại. Khi anh đã bắt đầu thấy chán ngấy và sốt ruột thì

viên đại tá chợt hỏi:

- Nào, bây giờ xin hỏi cậu Burton, cậu biết những gì về “Nước Ý trẻ”?

- Theo chỗ tôi biết thì đó là một đoàn thể xuất bản một tờ báo ở Marseilles, lưu hành báo đó ở Ý nhằm cổ động nhân dân khởi nghĩa để đánh đuổi quân đội Áo ra khỏi đất nước mình.

- Cậu có đọc báo ấy đấy nhỉ?

- Phải. Tôi quan tâm đến vấn đề đó.

- Vậy khi đọc báo, cậu có nghĩ mình

đã phạm vào một hành vi bất hợp pháp không?

- Tất nhiên có.

- Máy số báo tìm thấy trong phòng cậu, cậu lấy ở đâu ra?

- Điều đó tôi không thể nói với ông được.

- Cậu Burton, đây không phải là chỗ để cậu bảo “tôi không thể nói”. Cậu buộc phải trả lời các câu hỏi của tôi.

- Nếu ông phải đổi từ “không thể”, thì

tôi nói là “tôi không muốn” vậy.

Viên đại tá nhận xét:

- Nếu cậu cứ dùng những từ ngữ kiểu đó thì cậu sẽ phải hối tiếc đấy.

Không thấy Arthur trả lời, y tiếp:

- Tôi còn có thể cho cậu biết rằng trong tay chúng tôi đã sẵn có chứng cứ cho thấy mối quan hệ giữa cậu với đoàn thể đó còn gần gũi hơn nữa, và rất nhiều, chứ không chỉ đọc sách báo quốc cấm mà thôi đâu. Điều có lợi hơn cho cậu là cậu nên thẳng thắn thú nhận đi. Đảng nào

sự thật cũng sẽ rành rành ra đây và cậu sẽ thấy rằng dùng chống chế và chối cãi để che giấu, cũng chỉ vô ích.

- Tôi chẳng muốn che giấu gì hết. Các ông muốn biết điều gì?

- Điều thứ nhất, là cậu là người nước ngoài, làm thế nào cậu dính dáng vào những việc như thế này?

- Tôi đã suy nghĩ về vấn đề ấy và đã đọc mọi thứ gì có thể kiếm được, và tôi đã hình thành những kết luận của riêng mình.

- Ai đã thuyết phục cậu gia nhập đoàn thể này?

- Chẳng ai cả. Chính tôi muốn gia nhập.

- Cậu giờ trò đùa coi thường tôi rồi đấy. - Viên đại tá xẵng giọng; chắc y đã bắt đầu mất kiên nhẫn. - Chẳng ai có thể tự mình gia nhập đoàn thể được cả. Ai là người cậu đã thông báo cho biết nguyện vọng của cậu muốn gia nhập đoàn thể ấy?

Im lặng.

- Cậu có sẵn lòng trả lời không?

- Không, nếu ông hỏi theo kiểu đó.

Giọng Arthur đã có vẻ bức bối. Một cơn uất giận kỳ lạ đã chiếm lĩnh tâm tư anh. Lúc ấy anh đã biết có nhiều vụ bắt bớ ở cả Leghorn lẫn Pisa; và mặc dù vẫn chưa nhận thức được tai họa đã nghiêm trọng tới mức độ nào, song những tin tức đến được tai anh cũng đủ làm cho anh bồn chồn lo lắng cho sự an toàn của Gemma và các bạn khác. Thái độ lễ phép rất có tính toán của bọn sĩ quan, cái trò né tránh và chống đỡ, hỏi ngoắt ngoéo và trả lời vờ vịt chán ngắt này đã làm anh nôn nao bức tức. Thêm vào đó, tiếng giày nện lộp cộp tới lui vụng về của tên lính gác ngoài cửa phòng lại càng

chối tai một cách rất đáng ghét.

Sau khi vòng vo một lát nữa, viên đại tá lại hỏi:

- À, tiện thể hỏi cậu, lần cuối cùng gặp gặp Giovanni Bolla là khi nào? Ngay trước khi cậu rời Pisa phải không?

- Tôi không quen ai có tên như vậy cả.

- Sao? Không quen Giovanni Bolla hả? Cậu quen hẳn lắm chứ! Một thanh niên cao lớn, râu cạo nhẵn. Hẳn là bạn học của cậu mà.

- Trường đại học nhiều sinh viên như thế làm sao tôi quen hết được.

- Ô, nhưng nhất định cậu quen Bolla, chắc chắn thế. Nhìn đây: chữ hấn viết đây. Thấy không? Hấn khá là quen cậu đấy.

Và viên đại tá hồ hững đưa cho anh một tờ giấy trên đề hai chữ “Biên bản”, dưới ký “Giovanni Bolla”. Đưa mắt lướt nhanh xuống dưới, anh bắt gặp tên mình. Anh nhìn lên, ngạc nhiên.

- Tôi được phép đọc ư?

- Vâng, cậu có thể đọc lắm, nó liên can đến cậu mà.

Anh bắt đầu đọc, bọn sĩ quan lặng lẽ theo dõi nét mặt anh. Té ra tài liệu là gồm những lời khai về hàng loạt câu hỏi. Rõ ràng là Bolla cũng đã bị bắt mất rồi. Những lời khai đầu tiên là theo tính chất rập khuôn rất thông thường, kể đó là một lời khai ngắn về quan hệ giữa Bolla với đoàn thể, về việc phân phát sách báo cấm tại Leghorn và về các cuộc họp sinh viên. Tiếp nữa là: “Trong số những người theo chúng tôi có cả một thanh niên người Anh tên là Arthur Burton, thuộc gia đình một trong những chủ hãng tàu giàu có”.

Máu trào lên mặt Arthur. Vậy là Bolla đã khai anh ra! Chính Bolla kẻ đã gánh lấy những nhiệm vụ cao cả của một người khởi xướng phong trào ấy, cũng chính Bolla này, kẻ đã giác ngộ cho Gemma... và đã yêu đương cô ta! Anh đặt tờ giấy xuống bàn và đăm đăm nhìn xuống sàn nhà.

Viên đại tá lễ phép nói xa xôi:

- Tôi mong tài liệu nhỏ ấy đã giúp thức tỉnh lại trí nhớ của cậu.

Arthur lắc đầu. Anh lạnh lùng và cứng

cởi nhắc lại:

- Tôi không hề biết một ai mang tên này. Chắc có điều gì làm lẫn.

- Làm lẫn ư? Bậy nào! Cậu Burton này, phong độ hiệp sĩ và tinh thần Đông Kisốt^[3] là những điều rất tốt đẹp theo nghĩa của nó, nhưng nếu đi quá mức thì lại chẳng ích lợi gì. Đó là một sai lầm mà cả đám thanh niên các cậu thường hay mắc nhất. Nào, cứ thử nghĩ xem! Vì một chuyện con con về một kẻ nó đã bán rẻ mình mà để liên lụy tới mình và hủy hoại tương lai của mình thì cậu có lợi lộc gì? Cậu tự thấy đấy, khi đã khai ra, hấn có kiêng nể gì cậu đâu!

[3]Đông Kisốt: Cũng là Đôn Kihôtê (Don Quixote), nhân vật chính trong tác phẩm “Don Quixote” của nhà văn Tây Ban Nha Xécvăngtét (Cervantes) (1547-1616), được miêu tả là đầy tinh thần hiệp sĩ, hiên ngang, khí phách, nhưng đầy ảo tưởng, đi đánh nhau với cả cối xay gió.

Trong lời viên đại tá đã thoáng pha một giọng gì giống như sự chế giễu. Arthur giật mình, nhìn lên; một ý nghĩ chợt lóe ra trong đầu anh.

Arthur hét:

- Đó là dôi trá! Đó là bịa đặt! Trông mặt các người ta đủ biết! Các người hèn nhất... Các người định hãm hại một trong

những kẻ đã bị các người bắt hoặc là các người giăng bẫy để hòng lừa bịp ta. Đồ lừa đảo, đồ ăn gian nói dối, đồ vô lại...

- Câm mồm! - Viên đại tá điên cuồng bật khỏi ghế, quát lớn. Hai tên đồng sự của hắn cũng đứng phắt dậy. Quay về phía một tên, hắn nói tiếp: - Đại úy Tommasi, phiền ông rung chuông gọi lính gác vào đây, giam quý cậu này vào ngục tối vài ngày. Tôi thấy cậu ta đang cần một bài học, phải làm cho cậu ta biết điều mới được.

Ngục tối là một lỗ hầm nhỏ âm u, ẩm ướt, bần thiêu, khoét vào lòng đất. Lẽ ra lỗ hầm này để làm cho Arthur “biết

điều”, thì nó lại khiến anh cảm tức đến cực độ. Sinh trưởng trong một gia đình sang trọng, anh vốn quen tính thanh lịch và kỹ càng trong vệ sinh sạch sẽ cá nhân, cho nên viên đại tá bị xúc phạm kia hoàn toàn có thể thỏa mãn về tác động đầu tiên khá mạnh mà những bức tường nhộp nhúa, lúc nhúc dòi bọ, nền đất đầy rác rưởi bẩn thỉu, cùng cái mùi hôi thối ghê tởm của rêu mốc, của nước cống rãnh và gỗ mục, đã đem đến cho Arthur. Sau khi bị đẩy vào hầm rồi thấy cửa hầm khóa sập lại sau lưng mình, anh giơ hai tay thận trọng bước ba bước về phía trước. Anh rùng mình ghê tởm khi ngón tay đụng phải vách tường nhầy nhụa. Và trong bóng tối dày đặc, anh sờ soạng lần mò

tìm chỗ đỡ bản nhất để ngồi xuống.

Một ngày dài đã trôi qua trong tăm tối và cảm lạnh mịt mù, rồi cả đêm cũng trôi qua chẳng có biến chuyển gì. Trong bầu trống rỗng hoàn toàn và thiếu vắng mọi ấn tượng về thế giới bên ngoài, anh dần dần mất ý niệm về thời gian. Và sáng hôm sau, khi tiếng chìa khóa tra vào ổ kêu lách cách, những con chuột hốt hoảng kêu rúc rích, chạy qua người anh, thì anh bàng hoàng nhòe dậy. Tim anh đập rộn rã và tai anh ù lên, như thể anh đã xa rời ánh sáng và tiếng động không phải nhiều giờ mà là đã hàng nhiều tháng rỗng.

Cửa mở, chỉ một ánh đèn yếu ớt le lói

rọi vào hầm mà anh tưởng chừng có một làn ánh sáng chói lói đang tràn ngập. Rồi người cai ngục bước vào, đem theo một mẩu bánh và một ca nước. Arthur bèn bước lên, chắc hẳn có người vào là để cho anh ra khỏi nơi này. Nhưng anh chưa kịp nói gì, thì người cai ngục đã dúi mẩu bánh với ca nước vào tay anh, rồi xoay người bước ra không nói nửa lời, và khóa chặt cửa lại.

Arthur giậm mạnh chân xuống đất. Lần đầu tiên trong đời anh cảm thấy mình điên tiết. Giờ phút càng trôi qua, ý niệm của anh về không gian và thời gian càng thêm xa xôi, mờ mịt. Đối với anh, bóng tối tưởng chừng là vô biên và vô cùng

tận, còn cuộc sống đối với anh thì quả là đã ngừng hẳn lại rồi. Chiều ngày thứ ba, khi cửa mở ra thì thấy người cai ngục xuất hiện ở ngưỡng cửa với một tên lính. Đầu choáng mắt hoa, anh bối rối nhìn lên và phải lấy tay che mắt để tránh làn ánh sáng không quen thuộc ấy. Anh mơ hồ mừng rỡ xem mình đã ở trong cái nhà mồ này không biết bao nhiêu tiếng đồng hồ hoặc bao nhiêu tuần lễ.

Giọng lạnh lùng và sự vụ, viên cai ngục bảo:

- Mời ra.

Arthur đứng dậy bước lên như một cái

máy. Anh chệnh choáng một cách kỳ lạ, loạng choạng và nghiêng ngả như người say rượu. Anh gạt tay viên cai ngục định dìu anh lên các bậc cầu thang hẹp và dốc ngược để bước ra sân. Nhưng vừa đến bậc thang cuối cùng, anh bỗng thấy chóng mặt rất đột ngột, đến nỗi lão đảo cả người mà nếu viên cai ngục không kịp nắm vội lấy vai thì anh đã ngã bệt ngửa xuống phía sau.

[©DTV](#)

*

* *

Một giọng vui vẻ cất lên:

- Đây rồi, anh ta tỉnh ngay thôi mà. Cậu nào mới chui ra hầu hết đều choáng ngợp thế cả.

Khi được gội nước vào mặt thêm lần nữa, Arthur cũng vẫn phải cố vùng vẫy rất khó nhọc mới lấy lại được hơi thở. Bóng tối hình như đã bị rũ sạch khỏi mình anh, vỡ loảng xoảng ra từng mảnh một, và rồi, anh bỗng nhiên tỉnh hẳn lại. Gạt tay viên cai ngục ra, anh bước đi khá vững vàng qua hành lang và lên cầu thang. Họ dừng lại giây lát trước một cửa buồng, và khi cánh cửa mở ra, chưa kịp nghĩ xem họ giải mình đi đâu, anh đã

thấy mình đứng trong phòng thẩm vấn đèn đuốc sáng choang, ngỡ ngàng và chăm chú nhìn chiếc bàn với những giấy tờ và với những viên sĩ quan vẫn ngồi nguyên chỗ cũ.

Viên đại tá nói:

- A, cậu Burton đây rồi! Tôi hy vọng lần này chúng ta có thể nói chuyện với nhau thuận tiện hơn đây. Sao, cậu có thích ngục tối không? Chắc chẳng được sang trọng như phòng khách của ông anh cậu, phải không nào? Hả cậu?

Arthur đưa mắt nhìn lên bộ mặt tươi cười của viên đại tá. Một ý muốn điên

giận đã chi phôi anh, xúi giục anh nhảy xô vào lão ria xám bạc chung diện ấy mà cắn vào cổ y. Có lẽ một nét gì giống như thế đã lộ ra trên gương mặt anh, nên người ta thấy viên đại tá lập tức đế thêm, với giọng khác hẳn:

- Ngồi xuống, cậu Burton! Và uống chút nước đi. Cậu xúc động lắm rồi đấy.

Arthur đẩy sang một bên cốc nước họ đưa cho anh. Tựa cả hai khuỷu tay lên bàn, một tay đỡ lấy trán, anh cố tập trung tư tưởng. Viên đại tá ngồi theo dõi anh sát sao, cặp mắt từng trái của y nhận thấy cả tay và môi anh đều run rẩy, mái tóc anh ướt sũng đang nhỏ giọt và đôi mắt

anh lơ đờ, tất cả những cái đó cho thấy cơ thể anh suy nhược và thần kinh anh đã rối loạn rồi.

Mấy phút sau, viên đại tá nói:

- Cậu Burton, bây giờ chúng ta trở lại vấn đề hôm trước còn đang bỏ dở. Vì rằng giữa chúng ta đã xảy ra một số chuyện không vui, nên để bắt đầu làm việc hôm nay tôi có thể nói ngay với cậu một điều rằng tôi chẳng mong muốn gì hơn là khoan hồng đối với cậu. Nếu cậu xử sự thỏa đáng và biết điều, tôi cam đoan rằng trong cách xử trí với cậu, sẽ không có gì khắc nghiệt một cách không cần thiết cả.

- Các ông muốn tôi phải làm gì?

Arthur nói với giọng cục cằn, uất ức khác hẳn ngày thường.

- Tôi chỉ muốn cậu nói thẳng, nói thật, và trong danh dự những gì cậu biết về cái hội kín ấy và những hội viên của nó. Trước hết, cậu quen với Bolla được bao lâu rồi.

- Cả đời tôi chưa gặp người ấy bao giờ. Tôi hoàn toàn không biết một tí gì về anh ta.

- Thật thế ư? Thôi được, ta sẽ trở lại vấn đề ấy sau. Theo tôi thì cậu có biết người thanh niên tên là Carlo Bini chứ?

- Chưa bao giờ tôi nghe nói tới người ấy.

- Thế thì hết sức lạ lùng. Còn Francesco Neri thì sao?

- Tôi chưa hề nghe nói đến tên ấy.

- Nhưng đây là bức thư do chính tay cậu viết gửi cho hắn. Nhìn xem!

Arthur lơ đãng ngó qua bức thư rồi

đặt sang một bên.

- Cậu có thừa nhận bức thư ấy không?

- Không.

- Cậu chối không nhận bút tích của cậu à?

- Tôi chẳng chối gì cả. Tôi chẳng nhớ gì về bức thư ấy.

- Vậy có lẽ cậu nhớ bức thư này chứ?

Bức thư thứ hai được chuyển đến tay anh, anh nhận ra đây là thư mình viết cho

một bạn học dạo mùa thu vừa rồi.

- Không.

- Và cũng không biết người nhận thư là ai nữa sao?

- Cũng không.

- Trí nhớ cậu kém lạ!

- Tôi vốn mắc tật ấy từ lâu rồi.

- Thế à! Nhưng có hôm tôi nghe một giáo sư đại học nói cậu chẳng kém cõi gì, lại thông minh nữa là khác.

- Chắc tại ông xét trí thông minh theo tiêu chuẩn mật thám. Các giáo sư đại học dùng từ ngữ theo nghĩa khác.

Giọng bực tức mỗi lúc một tăng rõ rệt trong những câu trả lời của Arthur. Thề xác anh đã kiệt quệ vì đói, vì không khí ngột ngạt và thiếu ngủ; anh đau rời rã từng khớp xương một, mà lời nói của viên đại tá không ngừng chà xát cân não tràn đầy căm phẫn của anh, khiến hai hàm răng anh nghiến vào nhau ken kết như phấn cứng siết lên bảng vậy.

Viên đại tá ngả người vào tựa ghế, nghiêm nghị nói:

- Cậu Burton, cậu lại quên bản thân mình rồi. Tôi cảnh cáo cậu một lần nữa là kiêu nói ấy không tốt lành gì cho cậu đâu. Cậu đã biết mùi ngục tối rồi và hiện thời chắc chẳng muốn ném thêm lần nữa. Tôi nói thẳng cho cậu biết: nếu xử nhữn không ăn thua thì tôi phải xử tệ. Cậu nên nhớ rằng tôi có chứng cứ, và là chứng cứ chắc chắn, rằng một vài thanh niên trong số những người mà tôi vừa đọc tên đã tham gia vào việc bí mật đưa sách báo cấm qua hải cảng này, và rằng cậu cũng đã có liên lạc với bọn chúng. Vậy bây giờ cậu có định tự mình chủ động khai với tôi những gì cậu biết về vụ việc này không?

Arthur càng cúi gục đầu xuống. Một cơn điên giận hoang dại, mù quáng, vô tri vô giác đang bắt đầu cựa quậy trong người anh như một vật thể sống. Đối với anh, tình trạng mất khả năng điều khiển đối với chính mình là đáng sợ hơn so với bất kỳ sự hăm dọa nào. Lần đầu tiên anh bắt đầu hiểu rằng bên dưới sự tu dưỡng của một người quý phái nào, cũng như bên dưới lòng sùng đạo của một người Cơ đốc giáo nào cũng đều có thể ẩn náu biết bao tiềm tại thâm kín, do vậy anh càng thêm khiếp sợ cả bản thân mình.

Viên đại tá nói:

- Tôi đợi cậu trả lời.

- Tôi chẳng có gì để trả lời cả.

- Cậu nhất định không chịu trả lời hả?

- Tôi sẽ chẳng nói gì với ông hết.

- Nếu thế thì tôi đành chỉ còn cách lại ra lệnh giam cậu vào hầm tối cho tới khi nào cậu tỉnh ngộ mới thôi. Nếu với cậu còn xảy ra nhiều chuyện rắc rối hơn nữa, tôi sẽ buộc phải cùm cậu lại.

Arthur ngẩng nhìn, thân thể anh rung lên từ đầu tới chân. Anh chậm chậm nói:

- Các ông muốn làm gì thì làm. Nhưng việc các ông chơi trò lừa gạt với một kiều dân Anh chưa hề bị kết tội gì như thế này thì liệu ông Đại sứ Anh có để yên không, cái đó do ông ấy định đoạt.

Rốt cục, Arthur bị dẫn trở lại xà lim cũ và anh lăn ra giường ngủ ngay một mạch cho tới tận sáng hôm sau. Anh không bị cùm mà cũng chẳng bị nhốt vào cái lỗ ngục tối đáng sợ kia, nhưng qua mỗi lần thăm vấn, mỗi hận thù giữa anh với viên đại tá lại một ăn sâu bén rễ thêm.

Trong xà lim, việc cầu nguyện ân sủng

để chiến thắng những dục vọng tội lỗi của mình, hoặc việc suy ngẫm thâm đẽm về đức nhân nhũc và tính dịu hiền của Đức Kitô, đối với anh đều chỉ là vô ích. Mỗi khi anh bị giải vào căn phòng dài và trông trải với cái bàn phủ nỉ xanh và mỗi khi đối mặt với bộ ria bôi sáp của viên đại tá, thì tinh thần phi Cơ đốc giáo lại xâm chiếm lòng anh, kêu gọi cho anh những lời ứng đối cay đắng và khinh mạn. Ở tù chưa đầy một tháng mà anh và viên đại tá căm tức nhau đến nỗi cứ trông thấy nhau là nổi giận.

Cuộc chiến tranh nhỏ nhưng luôn luôn gay gắt ấy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thần kinh anh. Biết chúng đang theo

dõi anh rất chặt và nhớ đến những câu chuyện đồn đại ghê rợn kể rằng tù nhân thường bị ngấm ngấm cho ăn cà độc dược^[4] để sẽ tiết lộ bí mật khi mê sảng và bị ghi chép lạ, cho nên dần dần anh đâm ra sợ ngủ hoặc sợ cả ăn nữa. Đêm đến, hễ có con chuột nào chạy bên mình là anh lại giật mình tỉnh dậy, mồ hôi lạnh vã ra như tắm, run bắn người tưởng chừng có kẻ nào rình núp trong buồng giam để nghe xem anh có nói mê gì không. Rõ ràng bọn sen đang giăng bày, cố bắt nọn anh để có thể buộc tội Bolla. Anh quá dỗi lo mình sẽ hớ hênh mà bị sa chân xuống hố, đến nỗi chỉ do thần kinh quá căng thẳng, có khi anh lại sẽ thực sự rơi vào chính nguy cơ đó cũng

nên. Tên của Bolla văng vẳng bên tai anh suốt ngày đêm, thậm chí xen cả vào những lời cầu kinh của anh, lẫn lộn cả với tên Mary^[5], ngay trong lúc lần hạt mân cô^[6]. Nhưng tệ hại hơn cả là đức tin tôn giáo, cũng như thế giới bên ngoài, đều như mỗi ngày một xa rời anh. Mỗi ngày anh cầu nguyện, suy ngẫm hàng mấy tiếng đồng hồ liền để cố sống cố chết bám víu lấy chỗ dựa cuối cùng này. Nhưng những ý nghĩ của anh mỗi lúc lại càng luôn lớn vồn với tên gọi Bolla, và những lời cầu nguyện của anh mỗi lúc lại càng trở nên máy móc một cách đáng sợ.

[4] Belladonna (tiếng Anh và Ý): Tức benladôn, một thứ thuốc độc, uống vào thần kinh sẽ rối loạn, đồng tử trương to và bị mê sảng.

[5] Mary (tiếng Anh): Tức Maria, mẹ của Giêsu (Jesus); cũng là Đức Mẹ, Đức Bà hoặc Thánh Mẫu Maria.

[6] Rosary (tiếng Anh): Tức tràng (chuỗi) hạt của Công giáo, dùng trong khi đọc kinh, nhất là kinh Kính Mừng Đức Mẹ Maria (Ave Maria), mỗi lần đọc được lần theo tràng hạt, được coi là một bông hồng dâng lên, do đó gọi là hạt mân côi (hoặc môi khô, vãn côi, mai khô... là hoa hồng trong chữ Hán).

Nguồn an ủi lớn nhất cho anh lại chính là người cai ngục già. Lúc đầu, ông lão nhỏ người, mập mập và hơi trán ấy cố hết sức làm ra vẻ nghiêm khắc. Nhưng bản chất hiền lành tỏa ra từ mỗi lúm đồng tiền trên bộ mặt phúng phính của

bác đã dần dần lấn át cả những mối lo toan để thi hành chức vụ của mình và bác đã bắt đầu giúp việc thông tin liên lạc giữa các xà lim cho các tù nhân.

Một buổi chiều giữa tháng năm, bác cai ngục bước vào xà lim với một vẻ rất căm kính và buồn bực, khiến Arthur phải ngạc nhiên.

Anh kêu lên:

- Sao vậy, bác Enrico^[7]? Hôm nay bác gặp chuyện quái quỷ gì không hay thế, bác?

[7] Enrico (tiếng Ý): Tên nam giới người Ý.

- Chẳng có chuyện gì sất.

Bác Enrico bực bội trả lời, rồi đến rút ổ lót của riêng anh ra khỏi giường.

- Bác lấy đồ đạc của cháu đi làm gì thế? Cháu phải chuyển sang xà lim khác ư?

- Không, họ sắp thả anh ra.

- Thả ra? Sao?... Hôm nay? Thả ra hẳn chứ?... Bác Enrico?

Quá xúc động Arthur đã níu lấy tay

ông lão, nhưng bác giận dỗi giằng tay ra.

- Bác Enrico, bác làm sao thế? Sao bác không trả lời cháu? Chúng cháu có được thả ra cả không?

Đáp lại chỉ là một tiếng hầm hừ khinh bỉ.

Arthur cười lên và cứ lại nắm lấy tay bác.

- Bác nghe cháu nhé! Bác đừng trêu chọc cháu vô ích, vì cháu chẳng giận dỗi gì đâu. Cháu chỉ muốn biết các anh em khác thế nào?

Bác Enrico đột nhiên đặt chiếc áo sơ mi đang gấp xuống, gầm ghè:

- Anh em khác nào? Cậu không định nói Bolla đây chứ?

- Dĩ nhiên rồi, Bolla và cả các anh em khác nữa. Bác Enrico, bác làm sao thế?

- Ồ, một đồng chí mình đã khai nó ra thì họ tha sớm nó thế nào được, tội nghiệp thằng bé! Hừ!

Và bác Enrico lại cầm chiến áo lên, tỏ vẻ kính tởm.

Arthur tròn tròn mắt, hãi hùng.

- Khai anh ấy ra? Một đồng chí mình ư? Ôi, thật kinh khủng!

Bác Enrico liền quay ngoắt lại:

- Sao? Chẳng phải là cậu ư?

- Cháu? Bác chưa mất trí đấy chứ?
Cháu ấy ư?

- Ồ, hôm qua khi hỏi cung, chúng nó nói với Bolla thế đấy, đại để như vậy. Nếu quả không phải là cậu thì lão rất mừng, vì lâu nay lão vẫn cho cậu là

người thanh niên đứng đứn^g đứn^g. Ta đi thôi!

Bác Enrico bước ra hành lang. Arthur theo sau bác và một tia sáng bõn^g lóe ra giữa mớ hõn^g độn trong đầu anh:

- Chúng nó bảo Bolla là cháu khai anh ấy ra! Dĩ nhiên rồi, bác Enrico ơi, với cháu thì chúng lại nói là Bolla đã khai cháu ra. Nhưng chắc Bolla chẳng đến nỗi khờ dại mà tin vào chuyện bịa đặt này đâu.

Bác Enrico dừng bước bên chân cầu thang, nhìn Arthur bằng con mắt dò xét.

- Thật không phải như thế chứ?

Arthur đành chỉ nhún vai:

- Tất nhiên, đó chỉ là nói láo!

- Vậy à! Thế thì lão vui lòng lắm, con ạ. Lão nhất định sẽ tin cho Bolla biết lời con nói. Nhưng con nên chú ý đến điều chúng đã nói với Bolla... Chúng bảo rằng con đã tố giác anh ta là do... ờ, là do ghen tuông, bởi vì cả hai đứa chúng mày cùng yêu một đứa con gái.

- Chúng nó nói láo! - Gấp gáp và nghệt thờ, anh khẽ nhắc lại. Một nỗi kinh

hoàng tể tái đột nhiên xâm chiếm lòng anh - “Cùng yêu một đứa con gái!... Ghen tuông!” Sao chúng nó biết... sao chúng nó biết thế nhỉ?

- Đợi một chút con ạ. - Dừng chân ở đầu hành lang dẫn tới phòng thẩm vấn, bác Enrico thẽ thọt: - Ta tin con, nhưng con hãy cho ta biết một điều. Ta biết con theo đạo Công giáo. Vậy lúc xưng tội con có nói ra chuyện gì không...

- Chúng nó nói láo! - Lần này giọng Arthur như rít lên thành một tiếng nức nở nghẹn ngào.

Bác Enrico nhún vai rồi lại bước

tiếp:

- Dĩ nhiên là con rõ hơn ta. Nhưng chẳng phải con là anh chàng duy nhất đại đột mắc phải bẫy của chúng đầu. Giờ đây người ta đang đồn đại rất âm ỉ về một lão cố đạo nào đó ở Pisa mà mấy anh bạn con đã phát hiện ra. Họ còn in một tờ truyền đơn bảo rằng lão là tên mật thám.

Bác mở cửa phòng thẩm vấn. Thấy Arthur cứ đứng trơ trơ và nhìn trân trân về phía trước, bác nhẹ nhàng đẩy anh bước qua ngưỡng cửa.

Viên đại tá nhoẻn miệng, nghe cả hai

hàm răng ra cười, và nói:

- Chào cậu Burton. Tôi rất vui lòng được chúc mừng cậu. Florence^[8] đã có lệnh thả cậu ra. Cậu làm ơn ký vào tờ giấy này cho chứ ạ?

[8] Florence (tức Firenze): Xem từ trang 65. Ý nói lệnh của chính quyền trung ương trong Đại Công quốc lúc bấy giờ.

Arthur bước đến bên hắn, cất giọng trầm khàn nói:

- Tôi muốn biết kẻ nào đã khai tôi ra.

Viên đại tá nhướng mày, cười:

- Cậu không đoán được à? Nghĩ lại một chút xem.

Arthur lắc đầu. Viên đại tá giờ hai tay tỏ vẻ ngạc nhiên một cách lễ phép:

- Không đoán ra ư? Thật sao? Có gì đâu, chính là cậu đấy, cậu Burton ạ! Còn ai biết được chuyện yêu đương riêng tư của cậu?

Arthur lặng lẽ quay mặt đi. Một bức tượng Chịu nạn lớn khắc bằng gỗ treo trên tường, cặp mắt anh từ từ ngược lên thấy được mặt tượng, nhưng trong đôi

mắt anh nay đã chẳng có ý gì là khẩn cầu, mà chỉ mờ mờ một vẻ ngạc nhiên tại sao Đức Chúa hiền từ và nhân nại này lại không có sấm sét để giáng xuống đầu tên linh mục đã tiết lộ cả bí mật của tòa giải tội^[9].

[9] Nguyên văn trong tiếng Anh “who betrayed the confessional”. “The confessional” ở đây là: tòa giải tội, hoặc tòa cáo giải, tức một trong 7 bí tích là bí tích xưng tội và giải tội (sacrament of confession of penance).

Viên đại tá nhũn nhận nói:

- Xin cậu ký giấy biên nhận giấy tờ cho, chúng tôi sẽ chẳng giữ cậu làm gì nữa. Tôi chắc cậu vội về nhà cho nhanh,

mà hiện thời tôi cũng rất bận, mất bao nhiêu thời giờ vào cái vụ thằng Bolla điên rồ này. Chính hắn đã làm cho lòng nhân chịu Kitô giáo của cậu phải qua một cơn thử thách nặng nề. Tôi e rằng hắn sẽ bị kết án nặng đấy. Thôi, chào cậu!

Arthur ký tờ biên nhận, cầm lấy giấy tờ mà bước ra trong một vẻ căm lặng chết chóc. Anh theo sau bác Enrico ra tới chiếc công to lớn và nặng nề, và rồi, cũng không cả một lời từ biệt, anh bước xuống bờ hào có người lái đò đã chờ sẵn để chở anh qua hào. Khi anh bước theo các bậc đá để lên mặt phố thì một thiếu nữ mặc bộ đồ vải, đội mũ rơm, chìa hai tay chạy lại đón anh:

- Arthur! Ôi! Em sung sướng quá, em sung sướng quá!

Anh rụt hai tay lại, run rẩy.

- Jim! - Mãi anh mới cất được tiếng, giọng lạc hẳn: - Jim!

- Em đã chờ ở đây nửa tiếng rồi. Họ bảo đến bốn giờ thì anh được ra. Arthur, sao cứ nhìn em mãi thế? Xảy ra chuyện gì rồi à! Arthur, anh làm sao thế? Đứng lại nào!

Nhưng anh đã quay đi, chậm chậm

bước xuống đường phố, dường như quên khuấy cả sự có mặt của cô. Thấy cử chỉ của anh như vậy, cô hoảng hốt chạy theo, nắm lấy tay anh:

- Arthur!

Anh đứng lại, ngược cặp mắt bối rối nhìn lên. Cô nhẹ nhàng khoác lấy tay anh và hai người lại cùng sánh bước trong im lặng.

Cô dịu dàng bắt chuyện:

- Anh thân mến, nghe Jim bảo nhé. Anh đừng mất tinh thần đến thế về câu

chuyện tôi tệ ấy. Jim biết anh đau lòng lắm, nhưng mọi người đều hiểu cả rồi.

Vẫn với giọng trầm khàn, anh hỏi lại:

- Câu chuyện gì thế?

- Ý Jim nói bức thư của Bolla ấy mà.

Nghe tên gọi ấy, mặt Arthur quắt lại vì đau đớn.

Gemma nói tiếp:

- Jim cũng nghĩ là anh chưa nghe ai nói đến bức thư ấy, nhưng Jim đoán là

bọn họ đã kể lại chuyện với anh rồi. Bolla tưởng tượng ra câu chuyện đó thì quả là hoàn toàn điên rồ.

- Câu chuyện đó...?

- Vậy ra anh không biết thật à? Anh ta đã viết một bức thư khủng khiếp bảo rằng anh đã lộ chuyện tàu bè ra khiến anh ta bị bắt. Chuyện ấy dĩ nhiên là hoàn toàn phi lý rồi, ai quen biết anh đều thấy như thế. Chỉ có người nào không quen biết anh thì mới hoảng hồn lên vì bức thư đó thôi. Quả thật vì thế Jim đến đây... đến nói để anh biết rằng trong nhóm chúng ta chẳng ai tin một chữ nào trong bức thư ấy cả.

- Gemma! Nhưng việc đó... việc đó có thật đấy!

Cô từ từ lùi xa anh và đứng lặng người; đôi mắt cô tròn tròn và tối sầm lại vì khủng khiếp. Mặt cô trắng bệch như chiếc khăn mỏng quàng ở cổ. Một bầu im lặng lạnh buốt đã như một làn sóng to lớn xô tới bủa vây lấy họ, ngăn cách họ ra một thế giới riêng, tách khỏi cuộc sống và cảnh nhộn nhịp trên đường phố.

Cuối cùng, anh khẽ nói:

- Phải. Tàu bè... Tôi có nói đến tàu bè và nói đến cả tên cậu ấy nữa. Ôi! Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! Làm thế nào bây giờ?

Song đột nhiên anh sực tỉnh lại, nhận ra sự hiện diện của cô cùng vẻ kinh hoàng chết chóc trên khuôn mặt cô. Phải rồi, dĩ nhiên rồi, nhất định là cô ấy đang nghĩ rằng...

Anh bước lại gần cô, bật kêu lên:

- Gemma, Gemma chưa hiểu đâu!

Nhưng cô đã ghé tởm lùi lại, hét lên

lạnh lạnh:

- Đừng chạm vào người tôi!

Với một sức mạnh đột ngột, Arthur vùng nắm chặt lấy cánh tay phải của cô:

- Vì ơn Chúa, hãy nghe tôi nói đã! Không phải lỗi tại tôi. Tôi...

- Buông ra! Buông tay tôi ra! Buông ra!

Kế đó, cô giật tay ra khỏi tay anh rồi xòe bàn tay ra tát vào má anh.

Dường như một màn sương đã che phủ lấy mắt anh. Trong giây lát, anh không còn nhận thức được gì nữa cả, chỉ thấy được khuôn mặt trắng bệch và tuyệt vọng của Gemma và thấy bàn tay phải cô đang giận dữ chùi vào váy áo. Rồi ánh sáng ban ngày đã trở lại... anh đưa mắt nhìn quanh, và chỉ thấy còn mỗi mình đang đứng đó.

Chương VII

Khi Arthur rung chuông gọi cửa tòa nhà ở Via Borra thì trời đã tối từ lâu. Anh nhớ mình đã đi lang thang qua các

phổ nhưng chẳng biết đã đi những đâu, tại sao đi và đi bao lâu rồi. Thằng hầu nhỏ của Julia vừa ngáp dài vừa mở cửa và nó nhăn nhó cười ý nhị khi nhìn thấy một bộ mặt hốc hác bơ phờ. Dường như nó được xem một trò vui kỳ diệu khi thấy cậu chủ ở tù ra trông chẳng khác một kẻ hành khất “say bí tử và nhếch nhác”. Arthur bước lên cầu thang gác. Đến tầng hai, anh gặp Gibbons đang đi xuống với thái độ chê trách cao ngạo và long trọng. Anh lầm bầm “Chào bác” và định lướt qua nhưng Gibbons đâu phải là kẻ dễ dàng để ai qua mặt trái với ý hắn.

Hắn soi mói nhìn bộ quần áo và mớ tóc khá phờ phạc của Arthur rồi nói:

- Thưa cậu, các quý ông đều không có nhà. Các quý ông đã cùng bà chủ đi dự bữa tiệc tối khoảng nửa đêm mới về.

Arthur nhìn đồng hồ. Mới chín giờ. Ô, được! Anh có đủ thời giờ... có nhiều thời giờ...

- Thưa cậu, bà chủ dặn tôi hỏi xem cậu có muốn dùng bữa tối không, và dặn tôi nhắn lời bà mong cậu đợi bà về, vì bà có chuyện đặc biệt muốn nói với cậu ngay đêm nay.

- Cám ơn, tôi không cần gì cả đâu.

Bác có thể thưa với bà rằng tôi vẫn chưa ngủ.

Anh lên phòng mình. Từ ngày anh bị bắt đến nay trong phòng vẫn không có gì thay đổi. Bức chân dung Montanelli vẫn y nguyên trên bàn, tượng thánh giá vẫn dựng trong cửa tò vò như cũ. Anh dùng chân một lát trên ngưỡng cửa để nghe ngóng, nhưng thấy trong nhà rất im ắng, hẳn là không còn ai lên quấy rầy anh nữa. Anh rón rén bước vào phòng, khóa cửa lại.

Thôi, thế là anh đã đi đến chỗ tận cùng rồi. Từ nay chẳng còn có gì phải nghĩ ngợi hay lo lắng nữa. Chỉ rửa sạch

nốt cái ý thức phiền toái và vô ích về cuộc đời, thế là xong. Nhưng chuyện này dù sao vẫn có một vẻ gì ngu xuẩn và vô mục đích quá!

Anh còn chưa hình thành rõ rệt một quyết tâm nào về việc tự tử cả, mà thực ra cũng không nghĩ ngợi nhiều đến tự tử, vì chuyện ấy là rõ ràng rành ròi, không thể tránh khỏi rồi. Thậm chí anh cũng chưa trù tính đích xác xem mình chọn cách chết nào. Tất cả cốt sao làm cho nhanh, - làm xong và quên đi -, thế là được. Trong phòng anh chẳng có một thứ vũ khí nào, đến cả một lưỡi dao díp cũng không. Nhưng điều đó chẳng can hệ gì, một chiếc khăn mặt là đủ hoặc một tấm

khăn trải giường xé ra làm nhiều mảnh cũng được.

Có một chiếc đinh to ngay bên trên cửa sổ. Được đấy! Nhưng nó phải thật chắc mới chịu được sức nặng của người anh. Anh kê ghé lại gần cửa để thử chiếc đinh. Không được! Đinh không chắc lắm. Anh lại bước xuống ghé, đi lấy chiếc búa trong ngăn kéo. Anh nện mạnh vào đinh và đang định rút lấy tấm khăn trải giường thì sức nhớ mình chưa cầu nguyện. Dĩ nhiên rồi, trước khi chết phải cầu nguyện chứ, người theo đạo Kitô nào chả vậy? Có cả những kinh nguyện riêng cho một linh hồn xa lìa trần thế mà!

Anh bước vào cửa tò vò và quỳ trước Tượng Chịu nạn.

- Kính lạy Chúa toàn năng và lòng lành vô cùng...

Anh bắt đầu đọc to được câu ấy, rồi ngay đấy ngừng bật, không thêm được lời nào. Thật vậy, trần thế đã quá ê chề rồi, chẳng còn có gì để cầu xin nữa đâu, dù là cầu xin để được hoặc để tránh khỏi một sự gì. Và lại Kitô làm sao biết được những nỗi đau khổ loại này, bởi vì Kitô có từng chịu nỗi đau khổ như thế bao giờ đâu? Anh cũng chỉ bị phản bội như Bolla mà thôi, chứ đâu có bị lừa gạt mà đi đến chỗ phản bội^[1]?

[1] Câu này có hàm ý so sánh với chuyện Giuđa Ixcariôt phản bội Đức Giêsu. Giuđa ham tiền của, bị các trưởng lão Do Thái dụ dỗ, đem nộp bán Giêsu cho họ để được 30 đồng. Nhưng y đinh ninh rằng Giêsu là con của Chúa Trời, có quyền phép, thế nào cũng thoát được. Sau thấy Giêsu phải chết, y bèn ném trả lại 30 đồng rồi đi thắt cổ tự tử.

Arthur đứng dậy, làm dấu thập giá theo thói quen lâu nay. Bước đến cạnh bàn anh thấy trên bàn có lá thư của Montanelli tự tay viết gửi cho anh. Thư viết bằng bút chì:

“Con trai thân yêu của cha!

Hôm con được tha, không được gặp con cha rất thất vọng. Cha phải đi làm phúc cho một người đang hấp hối. Khuya lắm cha mới về được. Sáng mai con đến gặp cha sớm nhé. Cha vội lắm. L.M”.

Arthur đặt thư xuống bàn, thở dài. Chắc *Padre* khổ tâm lắm về chuyện này.

Dưới đường phố, sao thiên hạ vẫn cười cười nói nói rôm rả thế. Từ ngày anh vẫn còn sống cho đến nay^[2], chẳng có gì thay đổi cả. Mặc dù một linh hồn con người, một linh hồn sống của con người đã bị đánh chết gục, nhưng mọi nét tủn mủn hàng ngày chung quanh anh vẫn không đổi khác một mảy may. Tất cả vẫn

y nguyên như cũ. Những vòi nước trong bể vẫn đều đều phun lên, bầy chim sẽ vẫn riu rít dưới mái hiên; hôm qua thế nào thì ngày mai sẽ vẫn thế. Còn anh, anh đã chết, chết hẳn rồi.

[2] Ý nói từ khi Arthur ra khỏi ngục tù.

Anh ngồi xuống mép giường, khoanh tay lên thành giường gồm những chân song ở cuối giường và gục đầu vào tay. Thời giờ còn nhiều lắm, nhưng sao anh thấy nhức đầu vậy, hình như nhức đến tận trung tâm bộ não. Hết thấy mọi sự sao đều mịt mù, xuân ngọc đến thế... và đều không còn có một ý nghĩa gì nữa cả...

*

* *

Một hồi chuông réo vang ở cửa trước, khiến anh choàng dậy, hoảng sợ đến nghẹt thở, tưởng sắp chết đến nơi, phải đưa cả hai tay lên đỡ lấy cổ họng. Họ đã về cả rồi mà anh vẫn còn ngồi đó mơ màng để cho thời giờ quý báu trôi qua, và giờ đây anh sẽ phải giáp mặt họ, nghe miêng lưỡi độc ác của họ tuôn ra những lời xỉ vả, đay nghiến... Giá lúc này trong tay anh có một lưỡi dao...

Anh tuyệt vọng đảo mắt nhìn quanh phòng. Trên chiếc tủ nhỏ có giỏ đồ khâu

của mẹ anh. Chắc trong đó phải có kéo. Anh có thể rạch đứt mạch máu. Không, khăn trải giường và chiếc đinh kia còn chắc chắn hơn... miễn là có đủ thời giờ.

Anh rút tấm khăn khỏi giường và luynes quynh bắt đầu xé được một đoạn. Đã nghe tiếng chân rậm rịch bước lên cầu thang. Không được rồi, đoạn vải quá rộng, sẽ không thắt chặt được - phải làm nút thòng lọng kia mà! Tiếng chân mỗi lúc một gần khiến anh càng phải nhanh tay lên. Máu rần rật ở thái dương, tai ù cả lên. Nhanh lên... nhanh nữa lên! Ôi, Chúa ơi, năm phút nữa thôi!

Có tiếng gõ cửa. Đoạn vải đã xé tuột

khỏi tay anh. Anh ngồi lặng người, nín thở lắng nghe. Có người xoay xoay quả nắm cửa, rồi tiếng Julia gọi:

- Arthur!

Arthur đứng dậy, thở hắt hắt.

- Arthur, mở cửa đi nào, chúng tao đang đợi đây!

Arthur thu vội tám khăn trải giường rách, nhét vào ngăn tủ, rồi hấp tấp sửa lại cho giường phẳng phiu.

- Arthur! - Lần này là tiếng James gọi.

Hắn sốt ruột giật quả nắm cửa. - Chú ngủ rồi à?

Arthur nhìn quanh phòng thấy mọi thứ đã cất giấu cả rồi, mới ra mở khóa cửa.

Julia lòng lộn nhảy xô vào buồng mà bảo:

- Tao tưởng ít ra mày cũng phải nghe lời yêu cầu cần kíp của tao, đợi chúng tao về đã chứ, Arthur? Mày làm chúng tao phải châu chực ngoài cửa phòng của mày hàng nửa tiếng đồng hồ thế mà coi được hay sao...

James bước vào phòng theo đuôi váy sa tanh hồng của vợ, vội ôn tồn chữa lời:

- Mới bốn phút thôi, mình ạ! Arthur, quả tình anh thấy đúng hơn... thích hợp hơn, là nếu...

Arthur ngắt lời:

- Anh chị muốn gì?

Vẫn đứng tỳ một tay vào nắm cửa, anh gờm gờm tráo nhìn từ người nọ sang người kia như một con thú mắc bẫy. Nhưng James quá dằn độn mà Julia thì đã diên tiết lên rồi, nên họ chẳng nhận

thấy cái nhìn ấy của anh.

James đem ghế lại cho vợ ngồi, rồi cũng ngồi xuống, cẩn thận kéo cao đôi ống chiếc quần mới lên tới tận đầu gối.

Anh ta giáo đầu:

- Chị Julia và anh thấy có trách nhiệm phải nói chuyện nghiêm chỉnh với chú về...

- Tối nay tôi chưa nghe được. Tôi... tôi không được khỏe. Tôi nhức đầu... anh chị đợi vậy.

Giọng Arthur nghe là lạ, vừa lí nhí, lại vừa lộn xộn và rời rạc. James ngạc nhiên nhìn quanh quẩn.

Sực nhớ là Arthur mới từ chính công một ổ bệnh truyền nhiễm chui ra, anh ta lo lắng hỏi:

- Chú có bị làm sao không thế? Anh mong chú không ốm đau gì đấy chứ? Trông chú hết như đang sốt ấy.

Julia lập tức chặn họng.

- Xằng bậy! Vẫn rất là những trò đóng kịch lâu nay, giáp mặt chúng ta thì quá

xấu hổ đầy thôi. Arthur, lại ngồi đây.

Arthur từ từ đi ngang qua phòng mà ngồi xuống giường. Anh uể oải hỏi:

- Sao ạ?

James ho lên, hắng giọng, vuốt bộ râu vốn đã mượt lỳ, và lại bắt đầu đọc trở lại bài diễn văn đã chuẩn bị kỹ từ trước:

- Anh thấy anh có trách nhiệm... một trách nhiệm đau lòng của mình... là phải nói chuyện rất nghiêm chỉnh với chú về cái hạnh kiểm kỳ quặc của chú khi chính chú đã liên lạc với... à... những kẻ phạm

pháp và những quân phiến loạn, và với...
à... những kẻ thanh tích bất hảo. Anh
chắc có lẽ là do chú đại đột quá chứ
không phải do hư hỏng... à...

Anh ta tạm ngừng lời. Arthur lại bảo:

- Sao nữa ạ?

Trước vẻ tuyệt vọng bơ phờ trong cử
chỉ của Arthur, James buộc lòng phải dịu
giọng đôi chút mà nói tiếp:

- Vì thế anh cũng chẳng muốn gắt gao
với chú. Anh sẵn lòng tin rằng chú đã bị
bọn bạn bè xấu lôi kéo và sẵn lòng châm

chước khi thấy chú còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm, và có cái tính... à... à.... thiếu chín chắn và... à... nông nổi, mà anh e rằng chú đã thừa hưởng của mẹ chú.

Arthur từ từ ngược nhìn lên bức chân dung của mẹ, rồi lại nhìn xuống, nhưng vẫn nín lặng.

James tiếp:

- Nhưng chắc chú cũng hiểu rằng anh không sao chứa mãi trong nhà mình một kẻ đã làm nhơ nhuốc thanh danh cao quý của một gia đình được trọng vọng như gia đình ta được.

Một lần nữa Arthur nhắc lại:

- Sao nữa ạ?

Julia gấp cái quạt đánh phạch, đặt ngang đầu gối, rồi the thé:

- Hay nhỉ? Mà y không làm ơn nói với chúng tao được câu gì khác nữa hay sao, mà cứ “sao nữa ạ” mãi thế hở, Arthur?

Arthur không nhúc nhích, đủng đỉnh trả lời:

- Dĩ nhiên là anh chị thấy cái gì mình cho là chí phải thì cứ việc làm. Cách gì

đi nữa thì cũng chẳng sao lắm.

- Chẳng... sao? - James sừng sốt nhắc lại, còn cô vợ thì đứng dậy cười gằn.

- Ô! Cũng chẳng sao, phải không? Thôi, anh James, bây giờ chắc anh hiểu là ta đừng hòng của nợ này nó biết ơn chúng ta được bao nhiêu nữa nhé. Tôi đã bảo anh rồi, ăn thua gì đâu mà cứ làm phúc làm đức mãi với những mục gái giang hồ theo phe Giáo hoàng ấy và với cái đũa mà chúng...

- Suyt! Suyt! Đừng nói cái đó, mình ơi!

- Toàn là chuyện xằng bậy cả thôi, anh James ạ! Chúng ta đã có quá đủ cái kiêu thương cảm lãng nhãng này rồi! Mà chỉ là vì một thằng con hoang đánh lộn sòng vào gia đình ta! Đây chính là lúc nó phải biết mẹ nó là cái thá gì rồi! Tại sao chúng ta lại cứ phải è cổ gánh mãi đứa con sinh ra từ những *Amourettes*^[3] của một lão cố đạo thuộc cánh Giáo hoàng? Đây, cứ... xem đi!

[3] Amourettes (tiếng Pháp): Những cuộc tình lãng nhãng.

Julia rút trong túi ra một mảnh giấy nhàu nát, vứt qua bàn cho Arthur. Mở ra, anh thấy đúng là nét chữ của mẹ mình và

theo ngày tháng đề bên trong, giấy được viết bốn tháng trước khi sinh ra anh. Đây là tờ giấy của bà thú nhận với chồng, bên dưới có hai chữ ký.

Arthur đưa mắt lần đọc từng dòng, và cuối cùng, tiếp sau tên bà bằng nét chữ run run thì có chữ ký chắc nét, quen thuộc: “Lorenzo Montanelli”. Anh trân trân nhìn chữ ký ấy một lúc, rồi không nói một lời, gập tờ giấy lại, đặt lên bàn.

James đứng dậy, nắm lấy cánh tay vợ:

- Thôi, Julia, thế là đủ. Bây giờ mình xuống nhà dưới đi thôi. Khuya rồi, mà anh còn có chút việc muốn bàn với

Arthur. Mình ở lại chẳng lý thú gì đâu.

Cô ta đưa mắt lên lờm chồng, rồi quay lại lờm Arthur lúc này đang lặng lẽ ngồi đăm đăm nhìn xuống sàn.

Cô ta làm bầm:

- Thằng này sắp nhớ ngân mất rồi.

Sau khi cô ta đã cuốn váy bước khỏi phòng, James cẩn thận ra đóng chặt cửa rồi trở lại ngồi vào ghế của mình ở cạnh bàn. Arthur cũng vẫn ngồi yên như cũ, bất động và câm lặng.

James mở lời với giọng dịu dàng hơn, vì bây giờ không còn có Julia ở đây mà nghe nữa.

- Arthur, chuyện đã vỡ lở ra như thế, tôi thấy rất ân hận. Lẽ ra chú cũng không nên biết. Nhưng thôi thì chuyện đã qua rồi! Tôi vui lòng thấy chú tỏ ra tự kiềm chế được như thế. Chị Julia thì... thì hơi quá xúc động, đàn bà thường hay thế... Dù sao tôi cũng chẳng muốn đối xử quá tệ với chú...

Anh ta ngừng nói để xem những lời lẽ ngọt nhạt mình vừa nói tác động ra sao. Thế nhưng Arthur vẫn hoàn toàn bất động.

Một lát sau, James nói tiếp:

- Chú em ơi, dù sao đây vẫn là câu chuyện rất đau lòng và điều chí lý nhất mà chúng ta có thể làm là nên giữ kín miệng bình. Cha tôi cũng thật rộng lượng là một khi mẹ chú đã thú nhận với ông sự sa ngã của mình, ông cũng đã không đòi ly dị. Ông chỉ đòi kẻ quyến rũ mẹ chú phải rời ngay khỏi nước Ý, và như chú đã biết, người ấy đã đi sang Trung Quốc để làm thừa sai truyền giáo. Khi người ấy về, về phần tôi thì tôi đã cực lực phản đối việc để cho chú có gì dây dưa với người ấy. Nhưng tới phút lâm chung, cha tôi lại đã thuận để người ấy giúp chú học

tập, với điều kiện người ấy không bao giờ được tìm cách gặp mẹ chú. Công bằng mà nói, tôi cũng phải xác nhận là tôi tin rằng cả hai người đều đã thật sự tuân theo điều kiện ấy đến cùng. Đây là câu chuyện hết sức bi thảm, nhưng...

Arthur nhìn lên. Gương mặt anh không còn một tí sinh khí và một nét biểu lộ nào, mà chỉ như một chiếc mặt nạ bằng sáp.

Anh nói nhỏ nhẹ nhưng lại ngập ngừng và lắp bắp một cách kỳ lạ:

- A... anh không thấy r... rằng tất cả chuyện này... là r... rất... buồn cười ư?

- *Buồn cười?*

James đẩy bật ghế ra khỏi bàn rồi ngồi nhìn chăm chú vào Arthur, quá sửng sốt đến nỗi quên cả giận dữ.

- Buồn cười ư? Arthur, chú có điên không đấy?

Arthur bỗng ngửa mặt lên trời, phá lên một trận cười điên dại.

Ông chủ hãng tàu bèn bệ vệ đứng dậy, kêu lên:

- Arthur! Tôi kinh ngạc về thái độ khinh suất của chú.

Không có câu trả lời mà chỉ có hàng tràng cười nối nhau vang lên, tiếng cười sắc súa và âm ỹ đến nỗi ngay cả James cũng đâm ra ngờ ngợ không biết đây có phải do khinh suất hay là vì một cái gì ghê gớm hơn thế.

- Như một mụ đàn bà lên cơn điên loạn vậy, - Anh ta lăm bằm, khinh bỉ nhún vai, rồi xoay ra sột ruột đi tới đi lui trong phòng. - Arthur, chú thật còn tệ hơn cả Julia đấy. Thôi, đừng cười nữa! Hơi sức đâu tôi chờ ở đây suốt đêm được!

Nói như thế mà ăn thua thì có lẽ anh ta đã mời được cả tượng Thánh giá ra khỏi bệ mà bước xuống đất. Arthur đã bất chấp mọi lời can ngăn và khuyến khích rồi; anh chỉ cười, cười và cười mãi không thôi.

Rốt cục, James đành phải chấm dứt cuộc đi tới đi lui đầy phần nộ của mình mà bảo:

- Thật ngu xuẩn! Chắc chú xúc động quá nên tối nay đã không còn lý trí lành mạnh nữa rồi. Nếu cứ như thế này thì tôi chẳng thể bàn việc với chú nữa. Sáng mai ăn sáng xong chú đến chỗ tôi. Bây giờ chú đi ngủ đi thì hơn. Chúc ngủ ngon.

James đi ra, đóng sầm cửa lại. Vừa nện chân xuống cầu thang, hắn vừa lầu bầu.

- Bây giờ lại đến cảnh điên loạn ở nhà dưới đây. Chắc có cả nước mắt nữa.

*

* *

Chuỗi cười điên dại ngừng bật trên môi Arthur. Anh chộp lấy chiếc búa trên bàn và nhảy xổ tới tượng Thánh giá.

Tiếng đồ vỡ sau đó đã làm anh sực tỉnh lại, anh thấy mình đang đứng trước cái bệ trống không, một tay vẫn còn nắm chiếc búa, những mảnh tượng vỡ tan tành văng trên sàn quanh chân anh.

Anh quẳng búa xuống.

- Dễ dàng vậy ư! - anh nói rồi quay đi. - Sao mình lại ngu thế nhỉ!

Anh ra ngồi cạnh bàn, thở hồn hển, hai tay ôm trán. Rồi anh đứng ngay dậy, bước đến bồn rửa mặt, lấy một bình nước lạnh gội lên đầu và mặt. Thấy đã hoàn toàn bình tĩnh, anh trở về chỗ cũ, ngồi trầm ngâm suy nghĩ.

Chính vì những chuyện như thế - vì những con người giả dối và nô lệ ấy, vì những thần thánh căm như hén và vô hồn ấy - mà anh đã phải chịu mọi giày vò của nhục nhã, giận hờn và tuyệt vọng; và anh còn đã sửa soạn cả dây nhợ để treo cổ tự tử nữa, chỉ vì, quả vậy, có một lão cố đạo đã ăn gian nói dối. Làm như thế không phải tất cả bọn họ đều ăn gian nói dối ấy! Nhưng, thôi, mọi chuyện ấy thế là đã xong, giờ đây anh đã khôn hơn. Anh chỉ cần rũ sạch những dòi bọ ấy khỏi mình và bắt đầu làm lại cuộc đời.

Trong bến cảng có khối tàu chở hàng; lên lên một chiếc tàu ấy và đi biệt, đi bắt

cứ đâu, như Canada, Úc, hoặc Thuộc địa đất Mũi^[4], thì có khó gì! Đi đến xứ nào, điều đó không quan trọng, chỉ cốt khá xa là được. Còn như đến đây sinh sống ra sao, anh có thể xem tình hình, nơi này không thích hợp thì ta lại thử đến nơi khác.

Anh móc túi tiền. Chỉ còn ba mươi ba *paolo*^[5]. Nhưng còn một chiếc đồng hồ đáng giá nữa. Nó có thể giúp ích cho anh trong khá nhiều thời gian. Và dù sao cũng chẳng can hệ gì, thế nào anh cũng vẫn sống qua ngày đoạn tháng được. Nhưng còn lũ người đó, họ sẽ đổ đi tìm anh, chắc chắn họ sẽ ra bến dò la. Không, phải đánh lạc hướng mới được, khiến họ

tin rằng anh đã chết. Và lúc đó nhất định anh sẽ tự do, hoàn toàn tự do. Nghĩ tới lúc họ nhà Burton đi tìm xác anh, anh cười thâm. Mọi chuyện sẽ là một trò hề vui biết bao!

[4] Cape Colony (tiếng Anh): Thuộc địa (của Anh) lúc bấy giờ, tại vùng Mũi Hảo Vọng (Cape of Good Hope), sau là nước Nam Phi.

[5] Paolo (số nhiều: paoli): Đồng tiền bằng bạc của Ý lúc bấy giờ.

Anh lấy một tờ giấy và viết ngay những chữ đầu tiên hiện ra trong đầu:

“Tôi đã tin ông như đã tin Chúa Trời. Nhưng Chúa Trời chỉ là vật bằng

đất, tôi có thể dùng búa đập tan, còn ông thì ông đã lừa tôi bằng lời nói dối”.

Anh gấp tờ giấy lại, đề gửi Montanelli, rồi lấy tờ giấy khác viết ngang mặt giấy: “Tìm xác tôi ở Darsena^[6]”. Đoạn anh đội mũ, ra khỏi phòng. Đi ngang qua bức chân dung mẹ, anh ngược nhìn, nhún vai cười khẩy. Bà cũng thế, cũng đã lừa dối anh mà!

[6] Darsena (tiếng Ý): Vũng (neo) tàu, ở đây là một hệ thống kênh rạch hợp thành cảng Leghorn (Livorno).

Anh rón rén lần theo hành lang, nhẹ

nhàng đẩy các chốt cửa và ra đến cầu thang gác lớn và tối tăm, một cầu thang bằng đá hoa, luôn gây tiếng vang. Khi bước xuống, anh tưởng chừng nó ngoác miệng dưới chân anh như một vực thẳm đen sì.

Anh đi ngang qua sân một cách rất thận trọng để khỏi đánh thức bác Gian Battista đang ngủ ở tầng dưới. Trong kho chưa cũi ở cuối sân có một cửa sổ nhỏ có chấn song trông ra kênh đào và ở cách mặt đất chừng một mét hai. Anh nhớ ra rằng khung chấn song han gỉ đã gãy mất một bên. Chỉ cần đẩy nhẹ là có thể phá được một lỗ vừa lọt người chui.

Nhưng chân song vẫn còn chắc làm anh toạc da khá nhiều ở cả hai tay và rách cả tay áo. Nhưng có hề chi. Anh đảo mắt nhìn quanh phố: không một bóng người. Kênh đào đen ngòm và lặng ngắt, trông như một đường hào xấu xí nằm giữa hai dãy tường trơn dựng đứng. Thế giới bao la trước mắt mà anh chưa từng nếm trải có thể là một hố sâu mù mịt, nhưng trong thế giới ấy chưa chắc đã nhiều thấp hèn và nhơ nhuốc như cái xó nhỏ anh đã bỏ lại ở sau lưng. Không có gì để thương tiếc nữa cả, không còn gì để nhìn lại nữa cả. Đó chỉ còn là một thế giới nhỏ bé tù hãm và ôn dịch, đầy dối trá đê tiện và lòng gạt bĩ ỏi, đầy mương máng thói tha và nông cạn đến nỗi một

người cũng không trâm nổi mình ở đó được.

Anh men theo bờ kênh mà đi ra quảng trường nhỏ cạnh cung điện Medici^[7]. Chính nơi đây Gemma đã chạy đến đón anh với gương mặt hơn hờ và đôi tay chìa ra cho anh. Mấy bậc đá nhỏ ướat át dẫn xuống tận mặt hào còn đó. Tòa pháo đài cau có nhìn xuống lạch nước bản thủ còn đây. Từ trước đến nay anh chưa bao giờ để ý thấy sao nó lùn tịt ti tiện đến như vậy.

[7] Medici (tiếng Ý: đọc là Mê-đi-tri): Dòng họ đế vương lâu đời ở Florence (Firenze), trong đó có một công tước đầu tiên của Florence (Firenze) và một đại công tước đầu tiên của Tuscany (Toscana).

Đi qua những đường phố chật hẹp, ra tới vũng neo tàu Darsena, anh lột mũ ném xuống nước. Khi họ mò tìm xác anh ắt sẽ thấy chiếc mũ. Rồi anh tiếp tục men theo bờ vũng, và suy nghĩ mung lung không biết nên làm gì tiếp theo. Anh phải xoay sở trốn lên chiếc tàu nào đó, nhưng chuyện ấy không dễ. Chỉ còn cơ may duy nhất là lên được con đê chắn sóng Medici cao lớn và lâu đời kia, rồi đi đến tận cuối con đê ấy. Nơi đó có một quán rượu loại bét may ra vớ được một gã thủy thủ nào mình có thể đút lót được.

Nhưng các cổng vào bến đều đóng cả rồi. Anh làm sao qua được, mà lại còn

thoát được cả tay các viên chức nhà đoan? Số tiền dành dụm của anh không thể đủ để cung ứng một khoản hối lộ lớn mà họ sẽ đòi để cho phép qua cổng lúc ban đêm, mà lại trong tình trạng không có hộ chiếu nữa chứ. Hơn thế, họ còn có thể nhận ra anh.

Khi anh đi qua tượng đài “Bốn người Moor”^[8] bằng đồng đen, phía bên đối diện với vũng neo tàu, từ một ngôi nhà cổ lổ, một bóng người xuất hiện rồi đi về phía cầu. Arthur bèn lẩn ngay vào bóng tối mù mịt đằng sau nhóm tượng, thu mình phục xuống và lén nhìn ra từ một góc bệ tượng đài.

[8] Tượng đài “Four Moors” bằng đồng đen: Tượng đài ở Leghorn (Livorno) kỷ niệm Công tước của Tuscany (Toscana) là Fernando đệ nhất dòng họ Medici. Moor (tiếng Anh) là những người bản địa, da nâu sẫm, ở vùng tây bắc châu Phi, tức Mauritanie, Maroc ngày nay. Xưa kia họ thường bị bắt làm nô lệ. Dưới bệ tượng đài có hình bốn người Moor bị xiềng xích, tạc bằng đồng đen.

Đó là một đêm xuân êm ả và ấm áp, trời đầy sao. Nước vỗ vào các kè đá trong vũng và uốn quanh các bậc đá thành những xoáy nước dịu hiền, với những tiếng rì rào êm ái giống như những tiếng cười. Đâu đây, một đoạn xích sắt từ từ đưa vông, kêu kẽo kẹt. Một chiếc cần trục kếp sù bằng sắt đứng sừng sững, lêu đêu và u sầu trong đêm tối. Dưới bầu trời đầy sao lung linh và trên nền những

làn mây như những vòng hạt trên châu, nổi lên hình bóng đen sì của những người nô lệ đang vật lộn trong gông cùm và đang hoài công vươn lên kịch liệt phản đối số phận tàn nhẫn của mình.

Người kia loạng choạng men theo bờ vũng mà tiến lại gần, vừa đi vừa ngêu ngao một bài hát Anh rẻ tiền. Đây chắc hẳn là một tay thủy thủ vừa nhậu nhẹt ở một quán rượu nào đó về. Chung quanh chẳng còn có một ai. Khi người đó đến gần, Arthur đứng dậy, bước ra đứng ngay giữa đường. Người thủy thủ ngừng hát, chửi đồng một câu rồi đứng sững lại.

Arthur nói bằng tiếng Ý:

- Tôi muốn nói chuyện với anh. Tôi nói anh có hiểu không?

Người kia lắc đầu:

- Nói cái tiếng líu lo ấy với tớ thì chỉ vô ích. - Rồi xoay sang một thứ tiếng Pháp giả cầy, hấn bực tức hỏi.

- Đẳng ấy muốn gì? Tại sao đẳng ấy không cho tớ đi?

- Vào chỗ tôi kia một tí thôi. Tôi muốn nói chuyện với anh.

- Ái chà! Lại thích thế kia ư? Vào chỗ tối à! Có thủ dao găm trong người không đấy?

- Không, không đâu, anh bạn ạ! Anh không thấy tôi chỉ đang cần anh giúp đỡ thôi ư? Tôi sẽ biếu anh tiền.

- Hả? Cái gì? Ừ mà đằng ấy diện có vẻ oách đấy nhỉ... Người thủy thủ quay sang nói tiếng Anh, rồi bước vào bóng tối, tựa mình vào hàng rào chắn quanh bệ tượng đài.

- Nào! - Hấn trở lại với cái tiếng Pháp tồi tệ của hấn. - Đằng ấy muốn gì nào?

- Tôi muốn đi khỏi đây...

- À - hà! Muốn đi lậu rồi! Muốn tó giấu lên tàu chứ gì? Dính vụ việc gì rồi, đúng không nào? Đâm chém thằng nào rồi hở? Cha ngoại quốc nào cũng thế cả? Vậy đằng ấy định tẩu đi đâu? Chắc chả đi vào đôn cảnh sát, tó nghĩ thế.

Hắn cười hên hêh kiêu chệnh choáng say và nháy Arthur.

- Anh ở tàu nào?

- Tàu *Carlotta*. Từ Leghorn đi

Buenos Ayres^[9]. Chở dậu ăn sang bên kia và chở da thú về bên này. Nó kia kia! - Hấn trở về phía đê chắn sóng: - Cà rịch cà tàng hết biết!

[9] Buenos Ayres (tiếng Tây Ban Nha): Thủ đô của nước Áchentina, một thành phố cảng lớn ở Nam Mỹ.

- Buenos Ayres à... được đấy! Anh nhét tôi vào chỗ nào đó trên tàu được không?

- Đẳng ấy có thể cho bao nhiêu?

- Không nhiều lắm. Tôi chỉ còn vài đồng *paolo* thôi.

- Không được. Dưới năm chục là không xong đâu... thế đã là rẻ rồi. Đằng ấy là tay diện oách thế cơ mà.

- Anh nói tay diện oách là nghĩa gì? Nếu anh thích bộ quần áo của tôi, tôi có thể đổi cho anh, nhưng tiền tôi chỉ có thế, không thể biếu anh hơn được.

- Đằng ấy có cái đồng hồ kia. Đưa đây!

Arthur rút ra chiếc đồng hồ loại bỏ túi vỏ vàng, kiểu phụ nữ, chạm trổ và tráng men rất tinh vi, có hai chữ tắt “G.B” ở

mặt sau. Đây là đồng hồ của mẹ anh, nhưng bây giờ điều đó cũng còn nghĩa lý gì nữa đâu!

Người thủy thủ liếc nhìn nhanh như chớp, nhận xét:

- A! Xoáy được chứ gì! Đưa xem nào!

Arthur rút tay lại, nói:

- Không được. Bao giờ chúng ta xuống tàu, tôi sẽ trao đồng hồ cho anh, trước đó thì không được.

- Té ra trông vậy mà chẳng khờ gì

đâu! Nhưng đánh cuộc này: chắc đấng ấy lần đầu tiên phải cọ sát với đời đấy nhỉ? Đúng không nào?

- Đó là chuyện của tôi. Kia, lính gác đến!

Hai người ngồi sụp xuống sau nhóm tượng, chờ cho tên lính gác đi qua. Rồi người thủy thủ đứng dậy, bảo Arthur đi theo và vừa bước hấn vừa ngốc nghếch cười một mình. Arthur im lặng theo sau.

Người thủy thủ dẫn anh quay trở lại quảng trường nhỏ bé và méo mó cạnh cung điện Medici và, dừng lại trong xó tối, hăm lăm bầm với một giọng mà hấn

cho như thế đã là thì thâm thận trọng lắm:

- Đợi đây đã, kéo đi nữa mấy cha lính kia nó trông thấy mình.

- Anh định làm gì thế?

- Kiếm cho đảng ấy vài cái quần áo khác. Tay áo vậy máu thế kia, tớ đưa đảng ấy xuống tàu sao được.

Arthur nhìn xuống bên tay áo bị chân song xé rách, cánh tay bị toạc da đã vấy tí máu ra tay áo. Thảo nào anh chàng nọ cho anh là một kẻ giết người. Cũng chẳng sao! Thiên hạ nghĩ gì về mình, bây giờ

điều đó còn có can hệ gì!

Một lát sau người thủy thủ đã trở lại với vẻ đặc ý, xách cặp một gói nhỏ.

Hắn thì thào:

- Thay đi và mau mau chóng chóng lên nhé. Đến giờ phải về tàu rồi mà cái lão Do Thái cứ bắt mình cù cưa mặc cả mãi đến cả nửa tiếng đồng hồ.

Arthur nghe theo và anh bất giác rung mình ghê sợ khi lần đầu tiên chạm vào loại quần áo đã qua tay người khác. Nhưng may sao, bộ đồ tuy thô nhám

nhưng cũng còn khá sạch sẽ. Khi anh bước ra chỗ sáng, trong bộ đồ mới thay, người thủy thủ nhìn anh với bộ điệu nghiêm trang một cách khật khưỡng rồi trịnh trọng gật đầu tỏ vẻ ưng ý.

Hắn bảo:

- Đẳng ấy trông được đấy! Đi thôi, và phải thật khế đấy.

Mang theo bộ đồ vừa thay ra, Arthur bước theo người thủy thủ qua một trận đồ bát quái của những kênh rạch quanh co và những ngõ hẻm đen tối, rồi đến một khu phố ổ chuột thời Trung cổ mà người Leghorn gọi là “Venezia^[10] mới”. Giữa

những căn nhà nhếch nhác và những mảnh sân rác rưởi, giữa hai mương rãnh hôi thối, đây đó vẫn thấy có một tòa lâu đài tuy già nua và ảm đạm, và tuy biết là hoài công phí sức nhưng vẫn ra vẻ đôn độc mà bảo tồn lấy vẻ uy nghiêm cổ kính xa xưa. Anh biết rõ: ở đây có mấy ngõ hẻm nổi tiếng là những sào huyệt của bọn trộm cướp, giết người và buôn lậu; số còn lại chỉ toàn là thế giới của khốn khổ và bần cùng.

[10] Venezia (tiếng Ý): Tức Venedigo (Venise, tiếng Pháp; Venice, tiếng Anh), thành phố đẹp nổi tiếng vùng Đông Bắc Ý, thủ phủ của vùng (tỉnh) Veneto.

Người thủy thủ dừng bước cạnh một

trong những chiếc cầu nhỏ, đảo mắt nhìn quanh xem có bị theo dõi gì không, rồi bước xuống một dãy bậc đá, đi đến một bến đỗ chật hẹp. Dưới cầu, có một chiếc thuyền cũ nát, bần thiu. Hấn xẵng giọng ra lệnh cho Arthur nhảy xuống nằm trong thuyền, rồi tự mình ngồi lên, chèo thuyền ra phía cửa bến. Arthur nằm im thin thít trên những tấm ván thuyền ẩm ướt và rỉ nước. Giấu mình dưới mớ quần áo cũ người thủy thủ vừa quẳng lên người anh, anh lét nhìn những đường phố và nhà cửa quen thuộc.

Rồi thuyền của họ bơi qua một găm cầu mà vào phần kênh đào được dùng làm đường hào cho pháo đài. Từ mặt

nước vương lên sừng sững những bức tường thành, dưới rộng, trên thót lại thành những tháp canh vẻ cau có. Cách đây mấy tiếng đồng hồ, đối với anh, những bức tường ấy kiên cố và đáng sợ biết bao! Nhưng giờ đây...

Nằm dưới đáy thuyền anh cười lên khe khẽ.

Người thủy thủ thì thào:

- Im mồm! Che đầu lại cho kín. Gần cạnh nhà đoan rồi đây này.

Arthur kéo mở quần áo cũ lên che kín

đầu. Đi thêm một quãng chiếc thuyền dừng lại trước hàng cột có xích sắt giằng lại với nhau, chắn ngang mặt kênh nhỏ hẹp giữa nhà đòan với tường pháo đài. Một gã viên chức ngái ngủ, ngáp dài cầm đèn bước ra, cúi xuống mé nước.

- Cho xem hộ chiếu.

Người thủy thủ đưa các giấy tờ lên cho y xem. Arthur đã ngột ngạt dưới mớ quần áo nhưng vẫn cố nín thở lắng nghe.

Gã viên chức nhà đòan càu nhàu:

- Nửa đêm gà gáy này mới về tàu thật

quá đẹp! Lại đi bê tha nhậu nhẹt về chứ gì. Cái gì trong thuyền kia?

- Quần áo cũ. Mua rẻ về đây mà.

Người thủy thủ giơ chiếc gilê lên cho gã viên chức nhà đòan khám xét. Y hạ thấp đèn, cúi xuống căng mắt nhìn

- Tôi thấy ổn cả rồi. Anh đi qua được đây.

Y cất thanh chắn lên và chiếc thuyền từ từ trôi vào vùng nước đen ngòm đang dâng lên. Đi được một quãng ngắn Arthur ngồi dậy, hất bung mớ quần áo cũ

ra.

Lặng lẽ chèo một lát nữa, người thủy thủ thì thào:

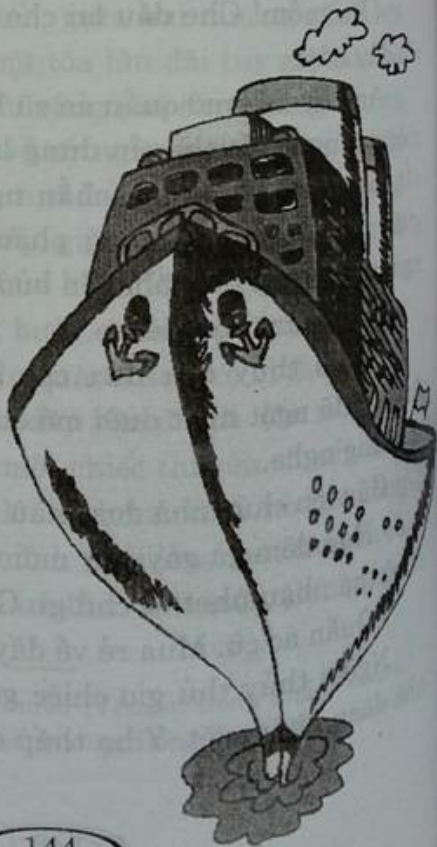
- Đây, tàu tới đây rồi. Theo sát tớ và phải ngậm tăm đấy.

Hắn hí hục leo lên sườn con quái vật khổng lồ và đen sì ấy. Vừa leo hắn vừa rủa thảm cung cách vụng về của dân sống trên cạn, mặc dù bản chất Arthur vốn khéo léo và nhanh nhẹn nên đỡ lóng ngóng hơn nhiều so với hầu hết những ai rơi vào trường hợp như anh. Khi đã an toàn lên tàu, họ lò rò lách giữa những đồng dây cáp và những máy móc tối thui

rồi lần nữa đến một cửa xuống hầm tàu.
Người thủy thủ khẽ mở nắp hầm.

Hắn rí tai Arthur:

- Xuống đi! Chỉ một phút tở quay lại
ngay.



Hầm tàu vừa ẩm ướt và tối tăm, lại vừa hôi thối không chịu được. Mới đầu Arthur bất giác thụt lùi lại, nghệt thở vì mùi xú ố của da tươi và dầu thối. Nhưng nhớ ngay đến hầm ngục tối, anh nhún vai, bước xuống cầu thang. Có lẽ cuộc sống đâu đâu cũng đại để như vậy: xấu xí, thối tha, lúc nhúc dòm bọ, đầy rẫy bí hiểm như nhuốc và ngoắt ngoéo tối tăm. Thế nhưng, cuộc sống vẫn là cuộc sống - và anh vẫn phải tìm lấy ở đó những gì có thể là tốt nhất cho mình.

Mấy phút sau, người thủy thủ trở lại, tay mang một vật gì Arthur không thấy rõ vì quá tối.

- Nào! Đưa đồng hồ và tiền đây.
Nhanh lên!

Lợi dụng bóng tối Arthur bót lại được
mấy đồng tiền.

Anh bảo:

- Phải kiếm cái gì cho mình ăn với
chứ. Đói gần chết rồi đây này.

- Mang tới rồi. Đây, cầm lấy. - Người
thủ thủ trao cho anh một bình nước, mấy
mẩu bánh mì khô cứng queo và một
miếng thịt lớn muối. - Thế này nhé. Chú

ý là sáng mai lính đòan lên khám tàu thì đặng ấy phải chui vào cái thùng rỗng này mà núp. Phải im thin thít như chuột ấy, cho đến khi ra tận ngoài khơi hẵng hay. Khi nào bò ra đợc, đây sẽ báo cho biết. Để cho thuyền trưởng nó trông thấy thì sẽ lãnh đủ đấy. Thế thôi! Bình nước còn nguyên đây chứ? Chào nhé!

Nấp hầm đóng lại, Arthur tìm chỗ an toàn đặt bình nước quý giá rồi len lên một thùng dầu mà ngồi ăn thịt muối và bánh mì khô. Rồi anh nằm cuộn tròn trên sàn bản; và, từ thưở bé đến giờ, lần đầu tiên anh sửa soạn đi ngủ mà không đọc kinh. Chuột chạy rậm rịch quanh mình anh trong bóng tối. Nhưng dù là tiếng

chuột rúc rích thâu đêm, dù là con tàu ngả nghiêng trên mặt sóng, dù là mùi dầu thối lợm mửa, dù là ngày mai những cơn sau sóng đang chờ đợi, đều không làm anh thức giấc được. Tất cả những cái đó nay thấy đều không làm anh xao xuyên nữa, và cũng chẳng hơn gì những thần tượng mà hôm qua anh còn coi là thần thánh mà cúi lạy tôn thờ, thì nay đều đã bị hạ nhục và bị đập vỡ tan tành.

Phần 2

Mười ba năm sau

Chương I

Một chiều tháng bảy năm 1846 ở Florence, một số người quen biết cùng nhau gặp mặt tại nhà giáo sư Fabrizi^[1] để bàn bạc các kế hoạch công tác chính trị sắp tới.

[1] Fabrizi (Tiếng Ý): Đọc là Phab-rit-xi

Trong số họ, có nhiều người thuộc đảng Mazzini^[2] nhất định đòi chí ít phải

đạt được một chế độ Cộng hòa dân chủ và phải thống nhất nước Ý. Còn những người khác thì thuộc phái quân chủ lập hiến và phái tự do nhiều màu sắc khác nhau. Nhưng tất cả họ đều giống nhau ở một điểm là bất mãn với cơ quan kiểm duyệt của Tuscany^[3], cho nên vị giáo sư nổi tiếng đã đứng ra triệu tập cuộc họp với hy vọng rằng, khi thảo luận vấn đề này trong một giờ đồng hồ may ra sẽ không xảy ra cãi lộn giữa các phe phái bất đồng ý kiến.

[2] Giuseppe Mazzini (Tiếng Ý, đọc là Mát-di-ni; 1805-1872): Một nhà cách mạng dân tộc dân chủ của Ý, đã sáng lập và lãnh đạo tổ chức bí mật “Nước Ý trẻ” và đã đấu tranh rất anh dũng cho nền độc lập và thống nhất của nước Ý.

[3] *Tuscany (Tiếng Anh; tiếng Ý: Toscana): Một Đại Công quốc ở bắc phần Trung Ý, được lập năm 1569, mà Florence (tiếng Ý: Firenze) là thủ phủ. Các thành phố nổi tiếng khác trong Đại Công quốc này còn có: Leghorn(livorno), Pisa (Pisa), Arezzo, Pistoia, Siena... Xem các trang 27, 31 65.*

Từ khi Giáo hoàng Pius IX^[4] lên ngôi và ban bố đạo dụ nổi tiếng đại xá cho các chính trị phạm tại những nước thuộc Giáo hoàng^[5] tới nay mới được hai tuần lễ, mà làn sóng tự do chủ nghĩa do đạo dụ ấy gây ra đã lan tràn khắp nước Ý. Ở Tuscany, ngay cả chính phủ^[6] tại đây cũng bị tác động bởi sự kiện đáng kinh ngạc này. Điều đó khiến Fabrizi và một vài lãnh tụ khác ở Florence cho rằng đây chính là cơ hội thuận lợi để mạnh bạo tiến lên đòi cải cách luật báo chí.

[4] Pius IX (tiếng Anh theo tiếng Latinh; Piô IX theo từ ngữ Công giáo): Sau khi lên ngôi thay Giáo hoàng Grêgôriô XVI mùa hạ năm 1846, Giáo hoàng Piô IX tiến hành một vài cải cách nhỏ trong lãnh địa của mình (như ân xá một số tù chính trị và kiều dân, nới lỏng chế độ kiểm duyệt, giảm một vài thứ thuế) để lôi kéo các tầng lớp xã hội, nhất là giới trí thức và đẩy lùi cao trào giải phóng dân tộc đang nổi lên trong nước. Chẳng bao lâu người ta thấy rõ “chủ nghĩa tự do” ngoài mặt của Piô IX chỉ có tính chất sách lược mà thôi. Hoảng sợ vì cuộc cách mạng nổi lên từ năm 1848, Piô IX lại quay về với chính sách phản động của những Giáo hoàng trước, chống lại nền thống nhất của nước Ý và tiếp tay cho kẻ xâm lược ngoại bang, nhưng cuối cùng cũng phải bỏ chạy khỏi Roma.

[5] The Papal States (tiếng Anh): Cũng dịch là “các lãnh địa của Giáo hoàng”, “những nước Tòa thánh”. Theo tài liệu của Công giáo, năm 754 Vua Pespin đã tặng cho Giáo hoàng Stephan II một số

lãnh địa ở Bắc và Trung Ý. Đến năm 1815, Hội nghị Viên quyết định đặt một số lãnh thổ ở Trung Ý dưới quyền quản lý tối cao của Giáo hoàng, cụ thể là bốn công quốc nhỏ ở chung quanh Đại Công quốc Toooxcana.

[6] Government (tiếng Anh): Đây là chính quyền nói chung của Tuscany (Toooxcana).

Khi vấn đề được nêu ra với ông đầu tiên, nhà soạn kịch Lega^[7] phát biểu:

- Dĩ nhiên, chừng nào chúng ta chưa làm thay đổi được luật báo chí thì chưa thể ra báo được. Chúng ta chưa nên phát hành số báo đầu tiên vội. Nhưng có lẽ nay chúng ta đã có thể cho một số các bài châm biếm^[8] nào đó lọt qua lưới

kiểm duyệt được. Chúng ta càng làm sớm được việc này bao nhiêu thì càng chóng đòi sửa đổi được luật báo chí bấy nhiêu.

[7] Lega (tiếng Ý).

[8] Pamphlets (tiếng Anh): Các bài châm biếm thường ngắn và lưu hành bằng các tờ rơi, thực tế là các truyền đơn hợp pháp.

Và lúc này trong thư phòng của giáo sư Fabrizi nhà soạn kịch Lega đang trình bày lý thuyết của ông về đường lối những nhà văn tự do phải theo trong tình hình hiện tại.

Một người tham dự buổi họp, một nhà

luật sư tòa thượng thẩm^[9] tóc muối tiêu, xen lời với giọng lè nhè:

[9] Barrister (tiếng Anh).

- Hiển nhiên là bằng cách nào đó chúng ta phải lợi dụng ngay thời cơ rồi. Sau này ta sẽ không sao có được thời cơ thuận lợi như thế để đẩy tới những cuộc cải cách ra trò được nữa đâu. Nhưng tôi hoài nghi chẳng biết những bài châm biếm có làm nên chuyện gì không. Chúng sẽ chỉ chọc tức và làm cho chính phủ hoảng sợ thôi chứ không thể giúp ta tranh thủ được chính phủ về phía mình, mà tranh thủ được chính phủ mới thực là điều chúng ta muốn làm. Một khi các nhà

đương cục đã có ý cho chúng ta là những kẻ phiến động nguy hiểm, thì chúng ta không còn có cơ may nhận được sự giúp đỡ của họ.

- Vậy ông muốn ta phải làm gì?

- Đề ra yêu sách.

- Yêu sách Đại Công tước ư?^[10]

[10] Grand Duke (tiếng Anh): tức Lêôpôn II, thuộc dòng họ Hapsburg, trị vì Đại Công quốc Tôxcana nhưng lệ thuộc chính phủ Áo về chính trị.

- Phải, xin tăng thêm quyền tự do báo chí.

Một người vẻ sắc sảo, nước da sẫm, ngồi bên cửa sổ, ngoái đầu lại, cười mà bảo:

- Ông đi yêu sách chắc sẽ được khỏi ra đây! Tôi đã thiết tưởng kết cục vụ Renzi^[11] cũng đủ để chữa cho ai đó khỏi làm ăn theo kiểu ấy rồi.

[11] Renzi (tiếng Ý): Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa tại Rimini năm 1846, chống chế độ bạo ngược của Giáo hoàng và của nước Áo trong các nước thuộc Giáo hoàng. Sau đó Renzi bị Đại Công tước Tôxcana bắt giao cho Vatican.

- Thưa ngài thân mến! Về chuyện chúng ta không ngăn cản được việc dẫn

độ Renzi, tôi cũng đau lòng chẳng kém gì ngài. Nhưng quả vậy, tuy tôi chẳng muốn làm méch lòng một ai cả, song dù sao tôi vẫn không thể không nghĩ rằng sở dĩ chúng ta thất bại trong vụ này, phần lớn là do vài người trong chúng ta đã thiếu kiên nhẫn và xúc nổi. Nếu là tôi, hẳn là tôi đã chẳng vội gì...

Người da sẫm sỗ sàng cắt ngang:

- Như mọi dân Piedmont^[12] vẫn làm thế chứ gì? Tôi chẳng hiểu thiếu kiên nhẫn và xúc nổi ở chỗ nào, trừ trường hợp ông thấy đó là ở cả lô những yêu sách nhu mì mà chúng ta cứ đề ra hết cái này đến cái khác. Có lẽ ở Tuscany hoặc

Piedmont những cái đó được coi là xóc nổi, chứ ở Naples^[13], chúng tôi chẳng cho đó có gì là đặc biệt xóc nổi cả.

[12] Piedmont (tiếng Anh): Tức Piemonte (tiếng Ý), một vùng ở miền cực Tây Bắc nước Ý, giáp Pháp, có thủ phủ là Torino (tức Turin), phát triển sớm về công, thương nghiệp, năm 1861-1864 từng là thủ đô của Ý.

[13] Naples (tiếng Anh): Tức Napoli (tiếng Ý), một thành phố cảng lịch sử lâu đời ở phía nam Roma, có thời kỳ là một vương quốc riêng, có thời kỳ lại là thủ phủ của Vương quốc hai Sicilia ở miền Nam nước Ý

Người miền Piedmont liền kê ngay:

- May thay, chỉ Naples mới có thứ

xóc nổi riêng của Naples mà thôi.

Ông giáo sư xen lời:

- Thôi, thôi, thưa các quý ông, thế là đủ rồi đây! Tập quán của Naples và của Piedmont đều có cái hay riêng ở mỗi nơi. Nhưng lúc này chúng ta đang ở Tuscany mà tập quán Tuscany là tập trung nắm chặt công việc trước mắt. Ông Grassini^[14] tán thành yêu sách, mà ông Galli^[15] thì phản đối. Vậy ý kiến bác sĩ Riccardo^[16] thế nào ạ?

[14] Grassini (tiếng Ý): Tên ông luật sư.

[15] Galli (tiếng Ý): Tên ông da sẫm.

[16] Riccardo (tiếng Ý).

- Tôi thấy yêu sách cũng chẳng có gì hại cả, và nếu ông Grassini thảo ra yêu sách nào là tôi vui lòng ký cả hai tay ngay. Tuy nhiên tôi cũng nghĩ rằng, nếu chỉ yêu sách không thôi thì sẽ chẳng kết quả bao nhiêu. Tại sao chúng ta lại không có thể vừa đề ra yêu sách lại vừa cho xuất bản cả các bài châm biếm?

Ông Grassini nói:

- Dễ hiểu thôi, là vì các bài châm biếm sẽ làm cho chính phủ có thành kiến và do đó sẽ không chấp nhận cho việc

nêu yêu sách.

Người miền Naples liền đứng dậy, bước lên tận cạnh bàn:

- Dù có làm gì đi nữa, chính phủ cũng chẳng chấp nhận cho chuyện đó đâu. Thưa các quý vị, các quý vị đã đi chệch hướng mất rồi. Thỏa hiệp với chính phủ là vô tích sự. Điều chúng ta phải làm là kêu gọi nhân dân vùng dậy.

- Việc ấy nói thì dễ, nhưng làm thì khó. Ông định tiến hành ra sao?

- Hỏi ông Galli điều ấy thì thật là vớ

vẫn! Tất nhiên là trước hết ông ấy sẽ nện vào đầu viên kiểm duyệt đã.

Ông Galli cứng cỏi đáp lại:

- Không, dĩ nhiên tôi sẽ chẳng làm như vậy. Các ông cứ tưởng rằng anh nào từ miền Nam lên cũng đều chẳng tin tưởng gì vào lý lẽ mà chỉ tin vào lưỡi thép lạnh thôi sao?

- Vậy thì ông đề nghị gì nào? Xin các quý vị, hãy chú ý. Ông Galli đưa ra một kiến nghị đấy ạ.

Cả hội này giờ tùm năm tùm ba bàn

tán mảnh, bây giờ mới quay lại quanh bàn để nghe. Nhưng ông Galli giơ hai tay tỏ vẻ muốn thanh minh:

- Không, thưa các quý vị, không phải là kiến nghị, mà chỉ là một gợi ý thôi. Theo tôi thấy thì trong mọi cảnh tượng hân hoan hiện nay đối với vị Giáo hoàng mới tấn phong đều thực sự chứa đựng một nguy cơ rất lớn. Dường như dân chúng cho rằng: một khi Giáo hoàng đã đưa ra được một đường lối mới và đã ban bố cuộc đại xá này thì chúng ta, - tất cả mọi người dân nước Ý chúng ta – ai ai cũng phải đổ xô vào lòng Giáo hoàng để được ngài đưa tới miền đất hứa^[17]. Lúc này đây, chính tôi cũng chẳng kém

cạnh bất kỳ ai trong việc thán phục Giáo hoàng. Đại xá- đó là một hành động tuyệt diệu.

[17] The promised land (tiếng Anh): Theo Kinh thánh, dân Hebrew (một tộc người cổ đại bị lưu đày ở Ur, xứ Babylon; từ Công giáo gọi là Hípri, tức dân Do thái sau này) do không sống nổi ở Ur, đã được Chúa Trời hứa ban và chỉ cho vùng đất mới rất tốt đẹp, đó là vùng Canaan (tức vùng Palestine sau này).

Ông Grassini liền khinh bỉ mở lời:

- Được tâng bốc như thế tôi chắc Đức Thánh cha^[18] nhất định là mát ruột rồi...

Đến lượt ông Riccardo ngắt lời:

- Kìa, ông Grassini, phải để cho người ta nói chứ! Lạ lùng thật, sao hai ông chẳng bao giờ thôi cào cấn nhau như chó với mèo thế. Cứ nói tiếp đi, ông Galli!

Ông người Naples lại tiếp tục:

- Điều tôi muốn nói là như thế này. Hiển nhiên rằng Đức Thánh cha^[19] hành động như thế là xuất phát từ những ý định hết sức tốt đẹp, còn như việc Đức Thánh cha có thể tiến hành các cuộc cải cách của ngài thành công được đến mức nào-đó lại là vấn đề khác. Trước mắt, công việc đang khá suôn sẻ đấy, bọn phản

động trên khắp nước Ý sẽ nằm yên chừng một hai tháng để chờ cho cơn sốt phẫn khích về đại xá nguội đi. Nhưng chưa chắc chúng đã chịu để cho quyền lực bị đoạt khỏi tay mà không chiến đấu gì. Theo tôi tin chắc thì: chưa đến giữa mùa đông, chúng ta sẽ có đầy đống^[20] nào là bọn Jesuits^[21], bọn Gregorians^[22], bọn Sanfedists^[23] cùng cả lô số còn lại trong bè lũ chúng và chúng sẽ bày ra đủ mọi mưu ma chước quỷ, rồi tất cả những ai không chịu để mua chuộc sẽ bị chúng đánh thuốc độc ráo.

[18] His Holiness và [19] The Holy Father (tiếng Anh): Đều là những từ người Công giáo kính cẩn gọi Giáo hoàng; ở đây có ý châm biếm.

[20] Nguyên văn là “We shall have.. about our ears”, nghĩa là “có đủ đầy tới (ngập tận) mang tai”.

[21] *Jesuits* (tiếng Anh): Một giáo phái trong Công giáo xuất hiện năm 1534 ở Tây Ban Nha. Người theo đạo Kitô gọi họ là phái Dòng tên (nghĩa là mang tên chúa Giêessu). Phái này nặng về hoạt động chính trị và thiên về các thủ đoạn bí mật, xảo quyệt.

[22] *Gregorians* (tiếng Anh): Phái Công giáo ủng hộ chính sách của Giáo hoàng Grêgôriô XVI, chống lại những sự cải cách “tự do” của Giáo hoàng Piô IX. Xem trang 141.

[23] *Sanfedists* (tiếng Anh): Phái “Hội lòng tin Thánh” do những thế lực tôn giáo phản động Ý lập ra năm 1799 để củng cố quyền binh vô hạn độ của Giáo hoàng và câu kết với Áo chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

- Rất có thể như vậy.

- Thế thì tốt quá! Vậy chúng ta có nên cứ chờ đợi ở đây, rồi tiến hành gửi hết đơn yêu sách này đến đơn yêu sách khác, cho đến lúc Lambruschini^[24] cùng bộ sậu của y sẽ thuyết phục Đại Công tước đặt tất cả chúng ta dưới chế độ Jesuit và có thể còn cho ít khinh kỵ binh Áo đến tuần tiễu trên các đường phố bắt chúng ta phải tuân theo trật tự nữa, hay là chi bằng chúng ta nên ra tay trước, lợi dụng lúc chúng đang tạm thời bối rối mà đánh phủ đầu đi?

[24] Lambruschini (tiếng Ý): Quốc vụ khanh

Roma thời Giáo hoàng Grêgôriô XVI, bị nhân dân căm ghét vì theo đuôi Áo đàn áp nhân dân Ý.

- Trước hết xin ông cho chúng tôi biết ông định đánh phủ đầu thế nào?

- Tôi đề nghị bước đầu ta hãy tiến hành việc tuyên truyền và khuấy động có tổ chức chống phái Jesuit.

- Phải, bằng cách vạch trần các mưu mô và lật tẩy các bí mật của bọn chúng, đồng thời kêu gọi nhân dân đồng lòng chống lại chúng.

- Nhưng ở đây có bọn Jesuits nào đâu mà vạch trần?

- Không có à? Cứ đợi chừng ba tháng, rồi các vị sẽ thấy có bao nhiêu bọn chúng. Lúc ấy có muốn đẩy chúng ra thì đã quá muộn.

- Nhưng muốn thật sự động viên được nhân dân trong thành phố nổi dậy chống phái Jesuits thì chúng ta phải nói toạc móng heo ra. Nếu làm vậy, ông có cách gì tránh được kiểm duyệt?

- Tôi chẳng cần tránh né gì cả. Tôi thách thức cả sự kiểm duyệt nữa.

- Ông sẽ ấn hành những bài châm

biêm bằng cách nặc danh ư? Chuyện ấy nghe thì rất hay cả đấy, nhưng thực tế là tất cả chúng tôi cũng đều đã thấy được nhiều qua việc in sách báo bí mật, chúng tôi biết được rằng...

- Ý tôi không phải thế. Tôi sẽ ấn hành các bài châm biếm một cách công khai, có đề tên và địa chỉ của chúng ta hẳn hoi, nếu chúng dám, chúng cứ việc truy tố.

Ông Grassini kêu lên:

- Phương án ấy thật hết sức điên rồ. Thế chỉ là hoàn toàn bừa bãi lao đầu vào hàm sư tử.

Ông Galli xẵng giọng cắt:

- Ô, ông không việc gì phải sợ. Chúng tôi cũng chẳng xin ông ngồi tù hộ vì những bài châm biếm ấy đâu.

Ông Riccardo bảo:

- Đừng nói quá lời, ông Galli! Đâu phải vấn đề sợ hay không sợ. Tất cả chúng tôi cũng như ông đều sẵn sàng ngồi tù nếu giành được cái lợi gì trong việc ấy. Nhưng nếu chẳng có lợi gì mà đi đâm đầu vào chỗ hiểm nghèo thì lại thật trẻ con. Về phần tôi, tôi xin bổ sung một điểm vào kiến nghị vừa rồi.

- Vâng, ông bổ sung gì ạ?

- Tôi nghĩ ta có thể thận trọng tìm ra cách đấu tranh với phái Jesuits mà không đụng đầu với cơ quan kiểm duyệt.

- Tôi không rõ ông định tìm cách gì?

- Tôi nghĩ ta có thể nguy trang điều mình cần nói bằng một cách thể hiện quanh co nào đó để...

- ... Để cơ quan kiểm duyệt không hiểu nổi chẳng? Ấy vậy mà ông lại mong rằng bất cứ một người thợ thủ công hoặc một người lao động nghèo khổ nào cũng

hiều ra được bằng cái thứ ánh sáng của
dốt nát và ngu đần trong đầu họ hay sao?
Cách ấy xem ra không sát thực tế lắm
đâu.

Giáo sư Fabrizi quay sang một người
vai rộng, râu rậm màu nâu, ngồi cạnh
ông, hỏi:

- Ông Martini, ông thấy thế nào?

- Tôi thấy là tôi còn phải bảo lưu ý
kiến mình cho tới khi nghiên cứu được
nhiều sự việc thực tế hơn nữa. Đây là
vấn đề tiến hành thử nghiệm và quan sát
xem kết quả ra sao đã.

- Còn ông, ông Sacconi^[25]?

- Tôi muốn nghe xem ý kiến *Signora* Bolla thế nào, vì các ý kiến của bà thường rất có giá trị.

[25] Sacconi (tiếng Ý).

Mọi người đều quay về phía một người phụ nữ duy nhất trong phòng. Bà ngồi trên ghế xô pha, tay chống cằm, im lặng nghe tranh luận. Bà có cặp mắt đen, sâu thẳm và nghiêm nghị, và giờ đây khi bà ngược nhìn lên, người ta thấy rõ cặp mắt ấy đang ánh lên một tia giễu cợt.

Bà nói:

- Tôi e ý kiến tôi khác với ý kiến mọi người.

Ông Riccardo xen lời:

- Bây giờ cũng thế đấy, nhưng khôn nỡ, ý kiến của bà bao giờ cũng đúng.

- Tôi nghĩ quả thật bằng cách này hay cách khác nhất định chúng ta phải đấu tranh chống bọn Jesuits. Thứ vũ khí này không dùng được, ta phải dùng thứ vũ khí khác. Nhưng chỉ đi thách thức bọn chúng không thôi thì đó là thứ vũ khí yếu đuối, mà lẩn tránh lại là loại vũ khí

phiền phức. Còn yêu sách chỉ là thứ đồ chơi trẻ con.

Về mặt trịnh trọng, ông Grassini chen ngang:

- *Signora*, tôi mong bà không định đề nghị những phương pháp như... ám sát chẳng hạn, chứ ạ?

Martini đưa tay lên rút hàng ria rậm, còn Galli thì bật cười khẩy. Ngay cả người thiếu phụ nghiêm trang kia cũng không giấu nổi nụ cười.

Bà nói:

- Ông hãy tin rằng, nếu tôi là kẻ hung hãn đến mức nghĩ tới những thủ đoạn ấy, chắc hẳn tôi không đến nỗi ấu trĩ mà đem ra nói ở đây. Thứ vũ khí nguy hiểm nhất mà tôi biết là sự trào phúng. Nếu ta thành công trong việc biến bọn Jesuits thành những kẻ lộ bịch, làm cho nhân dân chê cười chúng cùng với những tham vọng của chúng, thì ta đã thắng chúng mà không phải đổ máu.

Ông Fabrizi nói:

- Bà diễn giải như thế, tôi tin là bà đúng. Nhưng tôi chưa rõ bà định thực hiện thế nào.

Ông Martini hỏi:

- Tại sao chúng ta lại không thực hiện được việc đó? Một bài trào phúng có nhiều cơ may lọt lưới kiểm duyệt hơn là một bài báo nghiêm trang. Và tuy phải nói bóng gió xa xôi, thì trong một câu chuyện cười có vẻ như ngớ ngẩn, người đọc thông thường vẫn có thể tìm ra nghĩa kép một cách dễ dàng hơn so với bài luận văn khoa học hoặc kinh tế.

- *Signora*, như vậy ý kiến bà là chúng ta phải xuất bản những bài châm biếm trào phúng hoặc tìm cách ra một tờ báo hài hước phải không ạ? Cái gì chứ kiểu ra báo hài hước, tôi dám chắc cơ quan

kiểm duyệt chẳng đời nào họ cho phép đâu.

- Ý tôi không hẳn phải là một loại nào. Tôi tin rằng nếu chúng ta ra được một loạt những tờ truyền đơn châm biếm bằng thơ hoặc bằng văn xuôi rồi đem bán giá rẻ hoặc phát không trên các đường phố thì hết sức có lợi. Mà nếu chúng ta lại tìm được một họa sĩ cừ khôi nào nắm được tinh thần của sự việc đến giúp chúng ta thì chúng ta còn có thể in ra những tờ truyền đơn có minh họa nữa.

- Đây là một ý kiến rất căn bản, nếu ta đem thực hiện được. Nhưng một khi đã chủ trương làm thì phải làm cho ra trò.

Chúng ta cần có một nhà trào phúng hạng nhất. Vậy tìm đâu ra bây giờ?

Ông Lega nói thêm:

- Như các vị đã thấy, phần đông chúng ta đều là những nhà viết văn nghiêm chỉnh cả, và với tất cả lòng tôn trọng cử tọa ở đây, tôi vẫn e rằng nếu ý đồ chung của chúng ta đều muốn trở thành hài hước thì sẽ là cảnh các ông voi học đòi nhảy điệu *tarantella*^[26] mất.

[26] Tarantella (tiếng Ý): Một điệu nhảy dân gian Ý nhịp rất nhanh.

- Tôi không hề đề nghị tất cả chúng ta

đều phải ừa nhau đi làm một công việc không phù hợp với mình, ý tôi chỉ là chúng ta phải cố tìm cho được một nhà trào phúng thực sự có tài,- một người như vậy thế nào chúng ta cũng tìm được ở một nơi nào đó trong nước Ý này,- và chúng ta phải sẵn sàng đài thọ các chi phí cần thiết. Dĩ nhiên, chúng ta phải hiểu biết ít nhiều về người đó và phải bảo đảm rằng người đó sẽ làm việc theo đúng các đường hướng mà chúng ta sẽ thỏa thuận.

- Nhưng người ấy các vị tìm đâu ra chứ? Những nhà trào phúng ít nhiều có thực tài thì tôi có thể đếm được trên đầu ngón của một bàn tay, mà trong số này

cũng chẳng có ai thích hợp. Giusti^[27] chắc chẳng nhận đâu, ông ta hiện đang quá bận việc rồi. Ở Lombardy^[28] có một hai người dùng được đấy, nhưng họ lại chỉ viết văn bằng phương ngữ Milan^[29] ...

[27] Giuseppe Giusti (1805-1850): Nhà thơ, nhà trào phúng Ý. Trong những năm 1830 ông viết văn trào phúng chính trị đả kích ách áp bức của Áo cùng bọn tay sai người Ý, và hô hào đoàn kết thống nhất dân tộc.

[28] Lombardy (tiếng Anh; tiếng Ý là Lombardia): Xem từ trang 63.

[29] Milan (tiếng Anh; tiếng Ý là Milano): Thủ phủ xứ Lombardy, trước đó đã từng là thủ đô của Vương quốc Ý (1805-1814) sau là một thành phố

lớn và đẹp của nước Ý thống nhất. Phương ngữ Milano hơi đó khác cách hành văn thông thường rất xa.

Ông Grassini nói:

- Hơn nữa, phải dùng những biện pháp cao siêu hơn thì mới tác động được đến dân Tuscany. Tôi chắc rằng, nếu chúng ta phải đem vấn đề trang nghiêm như thế này về quyền tự do chính trị và tự do tôn giáo ra làm đề tài bông đùa thì có thể chỉ ít người ta cũng cho chúng ta là thiếu “*savoir faire*”^[30] về chính trị. Florence đâu phải là một mớ man rợ của các xưởng máy và của việc kiếm tiền như London, mà cũng không phải là ô xa hoa đàng điểm như Paris. Đây là thành

phố có lịch sử vĩ đại...

[30] Savoir faire (tiếng Pháp): Sự thành thạo, biết làm. Ý là “người ta sẽ cho chúng ta là “gà mờ” về chính trị”

Bà Bolla mỉm cười, ngắt lời:

- Thì Athens^[31] cũng thế. Nhưng thành phố này “đã quá lờ đờ với các quy mô của nó và cần phải có một con ruồi trâu thì mới làm cho nó thức tỉnh được”^[32] ...

[31] Athens (tiếng Anh): Thủ đô lâu đời của Hy Lạp.

[32] Trích lời của Xoocrat (Socrates, 469-399 trước CN), triết gia cổ đại của Hy Lạp đã tự xưng

là “ruồi trâu” và đã luôn dùng châm biếm làm vũ khí đấu tranh để bảo vệ chân lý và chính kiến của mình. Bị vu cáo và bị xử tử bằng thuốc độc.

Ông Riccardo đập tay xuống bàn:

- Ồ, Ruồi trâu mà sao chúng ta không nghĩ ra nhỉ! Chính đó là người chúng ta cần!

- Là ai thế?

- Ruồi trâu, - Felice Rivarez^[33]. Các ông không còn nhớ ông ta nữa ư? Một người trong nhóm Muratori^[34], ba năm trước nhóm ấy đã từng từ dãy Apennines trên núi tràn xuống đây ấy mà?

[33] Felice Rivarez (tiếng Ý mang phong vị Tây Ban Nha). Đọc là Phê-li-trê Ri-va-ret.

[34] Nhóm Muratori (tiếng Ý): Mùa hè năm 1843, một vụ chuẩn bị khởi nghĩa tại hai tỉnh Bôlônha và Ravenna (thuộc lãnh địa Giáo hoàng) đã bị bại lộ. Những người lãnh đạo là hai anh em Muratori cùng một số bạn bè trốn lên núi (dãy Apennines) định tổ chức chiến tranh du kích nhưng thất bại. Một số bị quân đội chính phủ bắt được, đem xử tử lại Bôlônha.

- Ô, ông biết cái đám ấy đấy nhỉ? Tôi còn nhớ là ông có cùng đi với họ trên đường họ đi Paris.

- Phải, tôi đã đến tận Leghorn để tiễn chân ông ta đi Marseilles. Ông ta không

muốn ở lại Tuscany. Ông ta bảo rằng khởi nghĩa thất bại rồi thì chỉ còn biết cười nữa thôi, vì vậy tốt nhất là đi Paris. Hẳn là ông ta cũng đồng ý với *signor* Grassini rằng Tuscany không phải là chỗ để cười. Nhưng tôi hầu như tin chắc rằng nếu chúng ta mời thì ông ta sẽ quay lại đây, nhất là hiện thời là lúc ở Ý có thể làm nên công chuyện gì đó.

- Ông vừa nói tên là gì nhỉ?

- Rivarez. Ông ta người Brazil thì phải. Dù sao, tôi biết rõ là ông ta đã từng sống ở đây. Ông ấy là một trong những người có trí óc sắc sảo nhất mà tôi được gặp. Trong cái tuần lễ lúc bấy giờ ở

Leghorn có trời biết chúng tôi còn vui nổi gì được. Cứ nhìn vào cái cậu Lambertini^[35] đáng thương, cũng đủ tan nát cõi lòng rồi. Nhưng một khi Rivarez có mặt ở trong phòng là không sao nín cười nổi. Ông ấy đúng là một kho vô tận những câu chuyện lạ kỳ! Tôi còn nhớ ngang mặt ông ấy có một vết gươm chém thành sẹo gắn khít hai nửa mặt lại một cách rất đáng sợ. Ông ấy là con người kỳ quặc, nhưng tôi tin rằng ông ấy cùng những câu chuyện khôi hài của ông ấy đã giúp cho một số chàng trai đau thương lúc đó khỏi suy sụp.

[35] Lambertini (tiếng Ý): Một thành viên của nhóm Muratori.

- Có phải đó là người đang viết những bài châm biếm chính trị trên các báo Pháp, ký tên là *Le Taon*^[36] không?

[36] Le Taon (tiếng Pháp): Nghĩa là Ruồi trâu.

- Phải. Phần lớn là những đoạn văn ngắn, và cả những tiểu phẩm khôi hài. Những tay buôn lậu ở tận trên dãy Apennines đặt cho ông ta cái biệt hiệu “Ruồi trâu” là do miệng lưỡi của ông ta, và rồi ông ta lấy biệt hiệu ấy làm bút danh.

Vẫn với kiểu trịnh trọng và từ tốn, ông Grassini chen lời bàn luận:

- Tôi cũng có biết đôi chút về quý ông này, và tôi không thể nói rằng những gì tôi nghe được về ông ta đều phần nhiều là những lời khen ngợi cả đâu. Hiển nhiên là ông ta có một trí sắc sảo hoa mỹ bề ngoài nào đó, nhưng tôi nghĩ là người ta đã thổi phồng tài cán của ông ta. Và cũng có thể là ông ta không thiếu can đảm về thể chất, nhưng về tiếng tăm của ông ta ở Paris và Vienna thì tôi tin là còn cách rất xa sự toàn vẹn. Hình như ông ta là một trang phong lưu với... một... một... với lắm chìm nổi và với nhiều tiền sự bất minh^[37]. Nghe đâu trong tình cảnh thân tàn ma dại không ra hồn người ông ta đã được đoàn thám hiểm Duprez^[38] thương hại mà thu nhặt vào

đoàn ở đâu vùng nhiệt đới Nam Mỹ hoang vu thì phải. Tôi tin là ông ta chưa bao giờ giải thích được thỏa đáng tại sao ông ta lưu lạc đến bước ấy. Còn về vụ nổi loạn ở dãy Apennines, tôi e không còn ai là không biết rằng có đủ mọi hạng người đã tham gia vào vụ việc bất hạnh này. Về những tên bị xử tử ở Bôlônha thì được biết họ chẳng là gì cả mà đều là những kẻ bất lương thông thường mà thôi. Còn những kẻ đã đào tẩu được thì phẩm chất của nhiều tên cũng chẳng đáng kể gì. Dĩ nhiên, cũng có vài người tham gia vào vụ này quả là có phẩm chất cao quý...

[37] Nguyên văn tiếng Anh là “unknown antecedents”, theo miệng lưỡi của nhà luật sư.

[38] Duprez (tiếng Pháp. Đọc là Duy-prê): Về đoàn thám hiểm này, có thể là tác giả đã phóng tác.

Ông Riccardo ngắt lời, giọng nghe có chiều giận dữ:

- Và vài người ấy lại là bạn thân với nhiều người có mặt trong căn phòng này nữa cơ đấy! Ông Grassini ạ, phân biệt tỉ mỉ và xem xét riêng biệt, những phương pháp ấy đều là rất tốt cả đấy! Thế nhưng, chính những “kẻ bất lương thông thường” ấy lại đã hy sinh cho niềm tin của mình, thế cũng đủ hơn những cái mà ông hoặc tôi đã làm được.

Ông Galli đề thêm vào:

- Lần sau hễ có ai đem những chuyện đầu cua tai nheo thiu thối từ Paris về kể lại với ông thì nhờ ông nói giùm tôi rằng họ đã nhận xét sai lầm về đoàn thám hiểm Duprez rồi. Tôi có quen biết riêng người phụ tá của Duprez tên là Martel^[39], và đã được ông ta cho biết toàn bộ câu chuyện. Bảo rằng họ đã gặp Rivarez đang phiêu bạt ở nơi đã nói, điều đó đúng. Ông ta bị bắt làm tù binh trong khi đang chiến đấu cho nước Cộng hòa Argentine^[40] nhưng đã trốn thoát. Sau đó ông ta đã phải cải trang đủ kiểu, bôn ba khắp nơi trong xứ để tìm mọi cách trở về Buenos Ayres. Còn bảo là họ thương hại

mà mộ ông ta vào đoàn chỉ là một điều hoàn toàn bịa đặt. Số là lúc ấy người thông ngôn của họ đã ngã bệnh, phải quay về; những người Pháp chẳng ai nói được tiếng bản xứ cả họ liền đề nghị ông ta giữ cương vị ấy, thế là ông cùng với họ suốt ba năm trời đi thám hiểm các nhánh sông Amazon. Martel nói với tôi, ông ta tin rằng nếu lúc ấy không có Rivarez, họ không đời nào hoàn thành được cuộc thám hiểm.

[39] Martel (tiếng Pháp).

[40] Argentine Republic (tiếng Anh): Nước Cộng hòa Aschentina, thủ đô là Buenos Ayres. Tác giả hàm ý phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc của nhiều nước ở Nam Mỹ

vào những năm 1830-1849, mà nhiều người tỵ nạn châu Âu chạy sang đó đã tham gia chiến đấu.

Ông Fabrizi bảo:

- Dù ông ta có là gì đi nữa, mà đến cả hai nhà thám hiểm lão luyện như Martel và Duprez cũng phải cảm phục thì con người ấy chắc hẳn phải có gì xuất sắc trong hành trạng và tác động của mình. Quý bà nghĩ thế nào, *signora*?

- Tôi chẳng biết tí gì về chuyện này. Khi họ chạy trốn qua Tuscany, tôi còn đang ở bên Anh. Nhưng nếu các bạn đồng đội đã từng cùng ông ấy thám hiểm suốt ba năm trời ở những xứ sở hoang dã

và cả những đồng chí đã cùng ông ấy trải qua một cuộc khởi nghĩa cũng đều có nhận xét tốt về ông ấy, thì tôi thiết tưởng một lời giới thiệu như thế cũng đã khá đủ để bác bỏ những chuyện xó chợ đầu đường.

Ông Riccardo nói:

- Về ý kiến các đồng chí của ông ấy thì chẳng phải bàn nữa. Từ Muratori đến Zambeccari^[41] cho chí những dân miền núi thô lỗ nhất, ai ai cũng đều hết lòng kính phục ông ta. Ngoài ra, ông ấy còn là bạn thân của Orsini^[42]. Mặt khác, cũng rất đúng là ở Paris người ta không ngớt bàn hươu tán vượn đủ điều không hay ho

gì lắm về ông ấy, thế nhưng ai ngại bị hiềm thù thì sao thành được nhà trào phúng chính trị.

[41] Zambeccari (tiếng Ý).

[42] Felice Orsini (1819-1858): Một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc ở Ý, thuộc đảng “ Nước Ý trẻ” của Mazzini. Sau khi ám sát hụt vua Napoléon III của Pháp, đã bị xử tử tại Paris.

Ông Lega xen lời:

- Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng hình như khi những người lánh nạn chính trị chạy qua đây, tôi đã có lần được thấy ông ấy. Có lẽ ông ấy lưng gù, hoặc chân

khập khiễng hay là có một dị tật gì đại loại như thế phải không nhỉ?

Tự bao giờ, vị giáo sư đã rút ô kéo bàn viết, lấy ra một tập giấy, và đang lật hết tờ nọ đến tờ kia, mà nói:

-Hình như tôi còn giữ được một tờ cáo thị của sở cảnh sát tả nhân dạng ông ấy ở đâu đây thì phải. Chắc các vị còn nhớ là khi họ chạy trốn lên núi thì đâu đâu cũng dán đầy cáo thị tả nhân dạng họ, còn lão Hồng y... tên lão đầu giả ấy là gì nhỉ... à, lão Spinola^[43]! Chính lão ta đã treo giải thưởng cho những ai lấy được đầu họ.

Nhân đây xin kể là đã từng có một câu chuyện kỳ thú về Rivarez và cái tờ cáo thị đó của sở cảnh sát. Ông ấy mặc một bộ đồ lính cũ mà đi lang thang khắp xứ, vờ làm như một kỵ binh^[44] bị thương trong khi đang thi hành nhiệm vụ, nay đang đi tìm đội ngũ. Thực tế là ông ấy đụng ngay phải một toán lính của Spinola phái đi lùng bắt ông ấy mà lại đã cho ông ấy đi nhờ xe ngựa. Thế là ông ta cứ rong ruổi suốt ngày với bọn lính trên một chiếc xe, kể lể với chúng những cảnh thảm thương của mình, nào là mình đã bị quân phiến loạn bắt làm tù binh ra sao, nào là chúng đã lôi ông lên sào huyệt ở trên núi và đã tra tấn ông rất hãi hùng như thế nào. Bọn lính đưa ông xem cả tờ

cáo thị tả nhân dạng, vậy mà ông ta lại phịa cho chúng nghe đủ mọi chuyện tào lao về “cái thằng quỷ sứ mà chúng gọi là Ruồi trâu” ấy. Thế rồi đến đêm, khi bọn lính đã ngủ say, ông ta đổ một thùng nước vào thuốc súng của bọn chúng rồi tẩu thoát, các túi thì ông nhét đầy lương thực và đạn dược...

[43] Spinola (tiếng Ý): Hồng y giáo chủ, một trong những tay chân đắc lực của Giáo hoàng, đàn áp rất dã man những người tham gia các cuộc khởi nghĩa trong những năm 1830-1849.

[44] Carabineer (tiếng Anh): Thời xưa là kỵ binh có súng hoặc long kỵ binh.

- A, tờ cáo thị ấy đây rồi! – Ông

Fabrizi ngừng kể để đọc: “Felice Rivarez, biệt danh *Ruồi trâu*. Tuổi: khoảng ba mươi. Sinh quán và gia đình: không rõ, có thể là Nam Mỹ. Nghề nghiệp: nhà báo. Người thấp; tóc đen, râu đen, da sẫm; mắt xanh, trán rộng và vuông, mũi, mồm, cằm...”. Vâng, còn đây nữa: “Đặc điểm: chân phải khập khiễng, cánh tay trái khoèo, bàn tay trái mất hai ngón; có vết gươm chém chưa lâu ở ngang mặt; nói lắp”. Chỗ này còn có một chú thích: “Tay súng thiện nghệ - khi bắt phải thận trọng”.

- Đặc điểm nhân dạng liệt kê khủng khiếp thế mà ông ta vẫn đánh lừa được cả một toán lính đi truy lùng thì quả là kỳ

lạ.

- Dĩ nhiên chỉ nhờ gan dạ phi thường nên ông ta mới thoát hiểm được như thế. Nếu nhờ ra để bọn chúng sinh nghi một chút xíu là ông ta toi đời rồi. Nhưng bất kỳ lúc nào ông ấy đều có thể làm ra vẻ hồn nhiên một cách rất đáng tin cậy, cái đó cũng giúp được khỏi việc đấy. Nào, thừa cái vị, các vị nghĩ sao về phương án này? Xem ra Rivarez lại khá quen thuộc đối với nhiều người trong chúng ta rồi. Vậy chúng ta có nên đánh tiếng với ông ta là chúng ta vui lòng được sự giúp đỡ của ông ta tại đây không?

Ông Fabrizi nói:

- Tôi nghĩ ta có thể thăm dò trước ý kiến ông ta về vấn đề này, cốt tìm hiểu xem ông ta có thuận lòng suy xét về kế hoạch của chúng ta không.

-Ồ, ông ấy sẽ thuận thôi, ông có thể tin chắc như thế, một khi đã là chuyện đấu tranh chống phái Jesuits. Ông ta là người chống giáo sĩ dữ dội nhất mà tôi từng thấy. Thật thế, về điểm ấy ông ta khá là điên cuồng.

- Vậy ông viết thư nhé, ông Riccardo?

- Nhất định rồi. Để tôi nhớ xem hiện

giờ ông ấy đang ở đâu. Ở Thụy Sĩ thì phải. Ông ta là một sinh linh không biết ngừng nghỉ là gì, luôn luôn bay nhảy đây đó. Nhưng còn về vấn đề các bài châm biếm...

Họ lại xông vào một thảo luận kéo dài và sôi nổi. Khi rốt cuộc mọi người sắp sửa giải tán, Martini tiến lại gần người thiếu phụ trầm lặng nọ.

- Gemma, tôi đưa chị về nhé.

- Cảm ơn, tôi cũng có việc muốn bàn với anh.

Anh khẽ hỏi:

- Lại có gì lôi thôi với các địa chỉ phải không?

- Không có gì nghiêm trọng đâu. Nhưng tôi thấy đã đến lúc cần thay đổi đôi chút. Tuần này đã có hai bức thư bị giữ lại ở bưu cục. Cả hai bức thư đều không có gì quan trọng cả, và có lẽ bị giữ lại do ngẫu nhiên thôi. Nhưng ta không thể cứ mạo hiểm để thế được. Một khi cảnh sát đã sinh nghi bất kỳ một địa chỉ nào, lập tức ta phải đổi ngay tất cả mọi địa chỉ khác.

- Mai tôi sẽ đến bàn chuyện ấy. Tối

nay tôi không định bàn việc với chị nữa đâu, trông chị có vẻ mệt rồi.

- Tôi không mệt đâu.
- Vậy là lại buồn phiền rồi.
- Ồ, không, có gì đâu.

Chương II

- Bà chủ có nhà không, Katie^[1].

[1] Katie (tiếng Anh): Tên phụ nữ, cũng như Kate, Katy... đều là tên gọi tắt của Katherin, Catherine...

- Dạ, thưa ông có, bà con đang bận trang phục. Ông cứ đặt chân vào phòng khách vài phút là bà con xuống ngay đây ạ.

Katie đón tiếp khách với thái độ thân tình niềm nở của một cô gái vùng Devonshire^[2] thực thụ. Trong số những khách quý của cô, Martini là người được cô đặc biệt quý mến. Ông ấy nói tiếng Anh dĩ nhiên là người nước ngoài rồi, nhưng ở trình độ rất đáng nể; và khác với thói thường của vài vị khách, ông chẳng bao giờ ngồi oang oang bàn chuyện chính

trị đến tận một giờ sáng, chẳng kể gì đến sự mệt nhọc của bà chủ. Hơn thế nữa, trong khi bà chủ đang cơn hoạn nạn, con chết, chồng hấp hối, thì ông đã sang đến tận Devonshire để giúp đỡ bà. Từ đó trở đi, con người cao lớn, vụng về và ít nói ấy đối với Katie cũng đã là “người nhà” giống như chú mèo đen lười biếng hiện đang nằm chễm chệ trên lòng ông ta. Về phần chú Pasht^[3] thì chú cũng xem Martini như một thứ đồ đặc có ích trong nhà. Ông khách này không bao giờ giẫm lên đuôi chú, phả khói thuốc lá vào mắt chú, hoặc dùng cái cá tính hung hăng của kẻ đi hai chân mà hiếp đáp cái tri giác của chú. Ông cư xử đúng hệt là một con người: cho chú tha hồ nằm thoải mái mà

rù rù trên lòng ông, và khi ngồi vào bàn ăn, ông chẳng bao giờ quên rằng mèo không thích thú gì nếu chỉ ngồi nhìn con người ăn cá. Tình bạn giữa hai bên đã có từ thuở xa xưa. Hồi nào, khi Pasht còn là mèo con và lúc ấy do bà chủ quá ốm không sao để tâm đến chú được, chú đã đi từ Anh sang Ý nhờ sự chăm sóc của ông Martini đã giấu chú vào giỏ mà mang theo. Và từ đó trở đi, thực tế lâu dài đã khiến chú tin được rằng: đối với chú, con gấu – người vụng về này là một người bạn không chỉ trong lúc đẹp trời.

[2] Devonshire (tiếng Anh): Một quận ở Tây Nam nước Anh.

[3] Pasht (tiếng Anh): Tên chú mèo đen.

Gemma vừa bước vào phòng vừa bảo:

- Cả người lẫn mèo trong ấm cúng quá nhỉ! Dễ thường các vị cứ định ngồi yên vị như thế suốt tối nay chắc!

Martini nâng niu nhắc chú mèo ra khỏi lòng. Anh nói:

- Tôi đến sớm để mong được chị cho uống chú trà trước khi lên đường. Chỗ Grassini chắc sẽ chen chúc khủng khiếp, mà họ cũng sẽ chẳng cho được bữa tối ra hồn đâu, những nhà cảnh dẻ như thế

thường ăn uống chẳng ra gì.

Gemma bật cười, bảo:

-Úi chà! Miệng lưỡi như thế độc địa chẳng kém gì Galli! Khổ thân ông Grassini đã gánh biết bao tội nợ của mình chưa đủ lại còn phải gior đầu chịu báng cho cả bà vợ kém đảm đang trong việc tề gia nội trợ nữa! Trà thì có ngay bây giờ, Katie đã làm riêng cho anh mấy chiếc bánh ngọt kiểu Devonshire cơ đấy.

- Katie thì có tâm địa tốt rồi, phải không Pasht nhỉ? Mà cả chị nữa, vì chị đã mặc bộ áo đẹp kia như đã hứa. Thế mà tôi cứ sợ chị quên mất đấy!

- Chiều nực thế này mặc nó hơi nóng, nhưng đã hứa với anh thì phải mặc.

- Đến Fiesole^[4] sẽ mát hơn đây nhiều, vả chẳng thứ casomia trắng ấy hợp với chị hơn bất cứ loại vải nào khác. Tôi đã mang vài bông hoa đến để chị gài cùng bộ áo này.

[4] Fiesole (tiếng Ý): Một hành phố nhỏ ở gần Florence (Firenze).

- Ôi! Những đóa hồng cụm dễ thương quá, tôi thích lắm đấy! Nhưng để cắm chúng vào nước thì hay hơn nhiều. Tôi không thích gài hoa đâu!

- Lại một kiểu dị đoan mê tín nữa rồi.

- Không, không phải thế đâu. Tôi chỉ nghĩ bạn đồng hành vô duyên thế này của hoa mà gài chúng suốt buổi tối sẽ chỉ làm hoa buồn chán thôi.

- Tôi sợ rằng tất cả chúng ta đều sẽ buồn chán suốt cả tối nay. Cuộc *conversazione*^[5] thế nào cũng sẽ tẻ ngắt không chịu nổi.

[5] Conversazione (tiếng Ý): Cuộc đối thoại, tọa đàm ở nhà riêng kiểu xa lông văn học, để bàn luận các vấn đề văn học hoặc chính trị.

- Sao vậy?

- Một phần là vì cứ Grassini đụng vào cái gì là cái ấy đều sẽ vô duyên như bản thân ông ta vậy.

- Thôi đừng ác khẩu thế! Đến làm khách nhà người ta mà ác khẩu thế là không lịch sự.

- Thưa *Madonna*^[6], lúc nào quý bà cũng đúng. Vậy thế này nhé: sẽ vô duyên bởi vì một nửa số người thú vị chiều nay lại không đến được.

[6] Madonna (tiếng Ý): Quý bà, quý nương, lệnh bà. Trong ngôn từ Công giáo còn thường

dùng để chỉ Đức bà Maria. Ở đây là ý vừa triu mến, vừa kính phục.

- Sao lại thế?

- Tôi cũng chẳng rõ. Người thì đi vắng, người thì ốm hoặc bận gì đó. Dẫu sao sẽ chỉ có hai ba vị đại sứ, vài nhà trí thức người Đức, và một đám linh tinh thông thường gồm các du khách, những vương tước Nga, những người trong câu lạc bộ văn học và vài viên sĩ quan Pháp. Theo tôi biết thì chẳng còn ai nữa, ngoài cây bút châm biếm mới mà tôi chắc sẽ là nhân vật hấp dẫn tôi nay.

- Cây bút châm biếm mới à? Sao?

Rivarez ấy ư? Nhưng tôi cứ tưởng Grassini phản đối ông này kịch liệt thế cơ mà!

- Vâng, đúng thế. Nhưng một khi con người ấy đã đến đây và chắc chắn sẽ được nói tới, thì dĩ nhiên Grassini lại muốn nhà mình là nơi đầu tiên để nhân vật danh tiếng mới sẽ xuất đầu lộ diện. Chị có thể tin chắc rằng Rivarez chưa hề nghe biết gì về sự phản đối của Grassini. Nhưng có thể ông ta đã đoán biết được rồi cũng nên, vì ông ta nhạy bén có thừa.

- Tôi thậm chí chưa biết gì về chuyện ông ấy đến.

- Ông ta mới đến hôm qua thôi. Trà đây rồi. Không, chị khỏi phải đứng dậy, để tôi đi lấy ấm cho.

Martini cảm thấy lòng mình không bao giờ sướng vui bằng lúc ngồi trong thư phòng bé nhỏ này. Tình bạn của Gemma, thái độ thật sự vô tư của chị trước sức quyến rũ của mình đối với anh, tình đồng chí thẳng thắn và giản dị của chị - tất cả những nét đó đối với anh đều là những điều tươi sáng nhất trong cuộc đời không lấy làm gì tươi sáng lắm của anh, vì vậy mỗi khi thấy tinh thần mình bắt đầu sa sút khác thường là anh lại đến đây sau giờ làm việc mà ngồi cùng chị, thường thường chỉ là để im lặng ngắm nhìn chị

cặm cùi khâu vá hoặc chuyên trà. Chị chẳng bao giờ hỏi han những nỗi lo toan phiền muộn của anh, mà cũng không biểu lộ một cảm tình nào bằng lời nói cả, thế nhưng, mỗi khi ra về anh vẫn thấy mình mạnh mẽ hơn, bình tĩnh hơn và cảm thấy, như lời anh tự nhủ, “mình còn có thể rất đàng hoàng lê bước sống thêm được hai tuần lễ nữa”. Chị lại có một biệt tài an ủi hiếm có, mà tự chị không hề hay biết; hai năm trước đây, khi các bạn chí thiết của anh bị phản bội ở Calabria^[7] và bị bắn gục như một bầy sói, thì lúc ấy có lẽ chỉ còn có lòng tin vững vàng của chị mới đã cứu được anh thoát khỏi tuyệt vọng mà thôi.

[7] Tác giả muốn hàm ý chuyện anh em Bandiera, đều là sĩ quan thủy quân, năm 1844 định cùng một số người trong phe Mazzini đồ bộ lên khởi nghĩa ở Calabria, nhưng đã bị phản bội, bị bắt và xử bắn ngay tại chỗ. Calabria là một vùng ở cực Nam bán đảo Ý, trông sang đảo Sicilia (Sicily, tiếng Anh).

Những sáng chủ nhật, thỉnh thoảng anh lại đến với chị để “bàn việc”, có nghĩa là, để bàn chuyện gì đó liên quan đến công tác thực tế của đảng Mazzini mà cả hai người đều là những đảng viên tích cực và tận tụy.

Những lúc ấy chị lại là một con người khác hẳn: sắc sảo, trầm tĩnh, mà lại lập luận vững chắc, cực kỳ chính xác và rất mực cân bằng. Những người chỉ biết chị

qua công tác chính trị đều cho rằng chị là một nhà hoạt động bí mật điều luyện, có kỷ luật, và là một đảng viên đáng tin cậy, dũng cảm, đáng quý trọng về mọi phương diện, nhưng có phần nào thiếu sâu sắc về cuộc sống và thiếu cá tính rõ rệt. “Bà ấy là một nhà hoạt động bí mật bẩm sinh, đáng giá bằng hàng tá những người như chúng ta, nhưng bà ấy chỉ có thể mà thôi”, - Galli đã nói về chị như vậy. Thế nên “*Madonna Gemma*” như Martini hằng hiểu biết, vẫn còn là điều rất khó hiểu đối với nhiều người.

Vừa mở tủ thức ăn, chị vừa ngoái lại nhìn và hỏi:

- Nào, vậy thì “cây bút châm biếm mới tới” của anh là người như thế nào? Cesare ạ, có kẹo mạch nha và mứt bạch chỉ cho anh đây. Nhân tiện tôi tự hỏi tại sao những người cách mạng thường thích của ngọt đến thế nhỉ!

- Những người khác cũng thích đây chứ nhưng vì giữ thể diện nên không dám thú nhận đây thôi. Còn cây bút châm biếm mới tới ấy ư? Ồ, đó là một kiểu người mà phụ nữ bình thường rất dễ mê, còn chị thì sẽ chẳng ưa được. Một loại người chuyên nghề nói năng châm chọc, phiêu bạt giang hồ với một vẻ đa sầu đa cảm và với một cô vũ nữ ba lê xinh đẹp lẳng nhẳng bám theo sau.

- Ý anh nói có vũ nữ balê thật không, hay vì thấy trái ý mình nên cũng lại đi bắt chước những lời châm chọc đấy?

- Lạy chúa che chở cho con! Vũ nữ balê có thật lắm chứ và cũng xinh đẹp thật nữa chứ, nhất là đối với những ai thích cái vẻ đẹp danh đá. Nhưng riêng tôi thì không! Theo lời Riccardo thì đâu cô ta là người txigan Hungary hoặc gần gần như thế, và xuất thân từ một rạp hát tỉnh lẻ ở Galicia^[8]. Còn ông ta tỏ ra là tay khá trơ tráo, đi đâu cũng giới thiệu cô ta với mọi người như thể bà cô^[9] của mình vậy.

[8] Galicia (tiếng Anh): Một vùng ở Trung Âu, trước kia thuộc Áo, sau thuộc Ba Lan là chính và một phần thuộc Ukraina.

[9] Nguyên văn his maiden aunt (bà cô chưa chồng, gái già).

- Ô kìa, nếu ông ta đưa được cô ấy ra khỏi gia cảnh cũ thì chỉ có tốt thôi.

- *Madonna* thân mến ơi, chị có thể nhìn sự việc theo cách ấy, chứ xã hội người ta có thể đâu. Tôi nghĩ rằng phần lớn mọi người đều sẽ rất bực mình khi được giới thiệu với một người phụ nữ mà họ biết rõ là tình nhân của ông ta.

- Làm sao họ biết được thế, trừ phi

ông ta nói cho họ biết?

- Đã rành rành ra rồi, nếu chị gặp cô ta tự khắc thấy rõ. Nhưng tôi cả quyết rằng dù sao ông ấy cũng chẳng dám cả gan đem cô ta đến nhà Grassini đâu.

- Chắc gì họ tiếp cô ấy. *Signora* Grassini không phải là người phụ nữ chịu làm những chuyện phá lệ như thế đâu. Nhưng tôi vốn dĩ muốn biết *signor* Rivarez như một nhà văn châm biếm chứ không phải như một người thông thường. Ông Fabrizi cho tôi hay là ông này đã nhận được thư và đã thuận tới đây để đảm nhận chiến dịch chống phái Jesuites, và tôi chỉ biết có thế. Tuần này công việc

hồi hả quá.

- Tôi cũng chẳng biết là có thể cho chị biết gì nhiều hơn không. Dường như về chuyện tiền nong cũng không đến nỗi có khó khăn gì như chúng ta đã lo sợ trước đây. Có vẻ là ông ta cũng khá giả, sẵn sàng làm việc không công.

- Nghĩa là ông ta có của cải riêng chứ gì?

- Có vẻ thế. Xem ra thì cũng khá lạ lùng. Tối hôm họp ở nhà ông Fabrizi, chị cũng đã có nghe kể là đoàn thám hiểm Duprez đã tìm thấy ông ta trong tình trạng thế nào rồi. Ấy vậy mà ông ta lại có các

cổ phần trong các mỏ ở đâu đó bên Brazil^[10], rồi ông ta lại đã thành công vô kể trong nghề viết đoản văn ở Paris, và ở cả Vienna^[11] và London nữa. Hình như ông ta thông thạo có tới nửa tá thứ tiếng nước ngoài, cho nên, dù ở đây, ông ta vẫn duy trì được những mối liên lạc với các báo chí mà không có trở ngại gì. Chửi bới bọn Jessuits cũng chẳng chiếm hết thời giờ của ông ta.

[10] Brazil (tiếng Anh): Nước Braxin, một nước rộng lớn ở Nam Mỹ, có nhiều tài nguyên phong phú, nhiều đồn điền với hệ thống sông Amadôn phì nhiêu; thế kỷ XVI đã bị nhiều nước đế quốc châu Âu đến xâm chiếm làm thuộc địa (chủ yếu là Bồ Đào Nha); từ đầu thế kỷ XIX nổi dậy giành độc lập, G.Garibaldi đã từng sang chiến đấu giúp cho nên độc lập và chế độ cộng hòa ở nước này.

[11] *Vienna (tiếng Anh): Thủ đô Áo.*

- Dĩ nhiên là thế. Đến giờ đi rồi, Cesare ạ. Vâng, thì tôi cài mấy bông hồng vậy. Chờ tôi một phút thôi.

Chị chạy lên gác rồi trở xuống với những bông hồng cài trên ngực áo, đầu choàng một chiếc khăn dài rua đen kiểu Tây Ban Nha. Martini ngắm nhìn chị với vẻ tán thưởng của nhà mỹ thuật.

- *Madonna mia*^[12] trông chị như một Nữ hoàng, như bà Nữ hoàng vĩ đại và anh minh ở xứ Saba^[13].

[12] Madonna mia (tiếng Ý): Quý bà của tôi ơi!

[13] Queen of Sheba (tiếng Anh): theo Kinh Thánh, nữ hoàng này trị vì xứ Saba là một nước rất cổ xưa vùng Trung Đông, người rất đẹp lại rất sáng suốt.

Chị cười, cãi lại:

- Nói năng tệ bạc chưa kìa! Nhất là anh thừa biết tôi đã tốn biết bao công phu để đúc nặn cho mình cái vẻ một bà mệnh phụ xã giao đúng kiểu! Ai đời đi hoạt động bí mật mà lại giống Nữ hoàng xứ Saba bao giờ! Cách đó làm sao tránh được con mắt của lũ mật thám.

- Chị có làm cách gì muôn đời cũng

chẳng thể hóa thân thành một mụ xã giao ngu ngốc được đâu. Nhưng không hề gì, dù sao trông chị quá đẹp nên mật thám chẳng thể đoán biết được chính kiến của chị, dầu chị không lấy quạt che miệng cười ruồi như *signoro* Grassini đi nữa.

- Thôi, Cesare, hãy để người đàn bà đáng thương ấy được yên thân đi! Nào, dùng thêm một ít kẹo mạch nha nữa cho tâm tình anh dịu ngọt lại đi. Xong rồi chứ? Vậy ta nên đi sớm thì hơn.

Quả là Martini đã rất đúng khi bảo rằng cuộc *conversazione* vừa đông lại vừa buồn tẻ. Máy ông nhà văn chỉ chuyện tầm phào một cách khách sáo và xem

chừng ngán ngẩm một cách vô vọng. Còn “đám linh tinh gồm các du khách và những vương tước Nga” thì lượn lờ hết phòng nọ sang phòng kia, hỏi nhau xem ai là những nhân vật danh tiếng và cố nói cho được câu chuyện văn hoa. Ông Grassini đang tiếp khách với một thái độ được lau chùi láng bóng như đôi giày của ông ta vậy, nhưng khi thấy Gemma thì bộ mặt lạnh lùng của ông vụt sáng hẳn lên. Thật ra, ông ta không ưa gì chị, và trong thâm tâm còn có phần e sợ chị nữa là khác. Nhưng ông ta hiểu rằng nếu không có chị, phòng khách của ông sẽ mất đi một sức hấp dẫn lớn lao. Ông ta đã phát lên rất nhanh trong nghề và bây giờ đã giàu có và nổi danh rồi, thì tham

vọng chủ yếu của ông là hòng biến ngôi nhà của mình thành một trung tâm của xã hội trí thức tự do. Ông ta cay đắng nhận thức được rằng người vợ mà ông ta trót dại lấy hồi còn trẻ chỉ là một người đàn bà bé nhỏ, diêm dúa và vô vị, ăn nói vô duyên mà vẻ xinh xắn lại đã phai tàn, không thể làm bà chủ cho một *salon*^[14] văn học lớn như thế. Mỗi khi nài nỉ được Gemma đến là ông luôn yên tâm tin rằng tối họp mặt chắc chắn sẽ thành công. Phong độ duyên dáng khoan thai của chị đem đến cho mọi người một cảm giác nhẹ nhàng thoải mái, và chỉ riêng sự có mặt của chị dường như cũng đủ xua tan được cái bóng ma^[15] dung tục, mà theo ông tưởng tượng, vẫn thường lẫn quất

trong ngôi nhà này.

[14] *Salon* (tiếng Pháp): Đọc là “xa-lông”, thông thường có nghĩa là “phòng tiếp khách”, nhưng ở đây là trung tâm hoặc cuộc hội họp ở một tư gia để bàn luận về văn học, nghệ thuật hoặc chính trị.

[15] Nguyên văn tiếng Anh “spectre”.

Signora Grassini đón chào Gemma với vẻ thân tình, nắc nỏm cao giọng^[16] nói thầm:

[16] Nguyên ý như vậy (“a loud whisper”), để chỉ việc nói thầm mà để người ngoài nghe rõ cả.

- Trông bà tôi nay duyên dáng quá! –

rồi xét nét nhìn bộ áo casomia trắng với con mắt soi mói ghen tị. Bà ta ghét cay ghét đắng vị khách của mình ở chính những nét mà Martini lại yêu mến: từ sức mạnh điềm đạm của cá tính, đến tính thẳng thắn đơan trang mà chân thành, cho đến tâm trí cân bằng ổn định, và cả đến vẻ biểu cảm trên gương mặt chị nữa. Và khi *signora* Grassini căm ghét một người phụ nữ, thì bà lại biểu tỏ bằng một vẻ thân thiết tràn trề. Gemma thừa hiểu giá trị thực của những lời ngợi khen và thái độ chiều chuộng ấy, và không vì thế mà bận tâm gì nữa. Đối với chị, cái gọi là “đi vào xã hội” là một trong những nhiệm vụ nhọc nhằn, thậm chí là chẳng thích thú gì, mà người hoạt động bí mật

phải làm tròn một cách có ý thức để tránh sự đê ý của mật thám. Chị xếp công tác đó vào cùng một loại với việc làm khó nhọc của người viết mật mã, và biết rằng muốn khỏi bị tình nghi thì cách bảo vệ thiết thực cực kỳ quý báu là phải làm sao cho mình nổi tiếng là một người đàn bà khéo ăn mặc, và vì thế, chị đã phải nghiên cứu các mẫu một thời trang tỉ mỉ không kém gì việc nghiên cứu các khóa để giải mật mã cả.

Nghe nhắc đến tên Gemma, vẻ mặt các nhà văn có tên tuổi đang chán ngán và u sầu bỗng tươi tắn lên ít nhiều vì chị vốn rất nổi tiếng trong giới này; và đặc biệt là các nhà báo cấp tiến thì lập tức

dồn cả lại phía chị ở cuối căn phòng dài. Nhưng là nhà hoạt động bí mật kinh nghiệm có thừa nên chị không chịu để cho mình bị họ độc chiếm. Phe cấp tiến thì ngày nào mà chẳng gặp được họ! Vì thế khi họ xúm lại chung quanh, chị nhẹ nhàng bảo họ nên đi làm công việc của họ, mỉm cười nhắc họ không nên uổng phí thời gian đi tuyên truyền giác ngộ cho chị, mà nên đi hướng dẫn dự luận cho biết bao khách du lịch đang cần họ. Còn chị thì tìm đến chuyên tâm nói chuyện với một M.P.^[17] của nước Anh, vì Đảng Cộng hòa hiện đang rất cần tranh thủ được sự đồng tình của ông ta. Biết ông ta là một chuyên gia về tài chính, nên trước hết chị tranh thủ sự chú ý của ông ta bằng

cách hỏi ý kiến ông về một vấn đề chuyên môn liên quan đến việc lưu thông tiền tệ ở nước Áo, rồi sau đó khéo léo lái câu chuyện sang tình hình thu ngân sách của vùng Lombardo- Venetia^[18]. Ông người nước Anh này tưởng đâu sẽ phải chịu một câu chuyện phiếm chán ngắt nên đã nhìn Gemma một cách nghi ngại, hẳn là sợ rơi vào nanh vuốt của một nữ học giả nào. Nhưng sau khi phát hiện thấy chị vừa ưa nhìn lại vừa nói chuyện rất thú vị, ông đành chịu hàng phục hoàn toàn và dần sâu vào việc thảo luận, nghiêm chỉnh về tình hình tài chính của nước Ý, như thể chị chính là Metternich^[19] vậy. Và khi ông Grassini dẫn đến một người Pháp “muốn hỏi

signora Bolla đôi điều về lịch sử đảng “Nước Ý trẻ” thì vị M.P. đã ngơ ngác đứng lên, với một cảm giác hoang mang thấy rằng có lẽ người Ý có nhiều lý do để bất mãn hơn là ông tưởng.

[17] *M.P. (tức Member ở Parliament, tiếng Anh): Nghị sĩ.*

[18] *Lombardo- Venetia (tiếng Anh): Tức Lombardia – Veneto của Ý, ở giáp Áo. Đây vốn là hai vùng giáp nhau tại Bắc Ý, lúc đó bị gộp lại đặt dưới quyền kiểm soát của đế quốc Áo theo quyết định của Hội nghị Viên 1814-1815. Trước đó Veneto là nước Cộng hòa Venezia (thủ đô là Venezia, tức Vonido).*

[19] *Clement Wenceslas Metternich (1773-1859): Tể tướng nước Áo, người đại diện tiêu biểu nhất của liên minh phong kiến phản động châu Âu*

trong những năm 1815-1848. Người Ý rất căm thù Metternich vì ông này đã ra lệnh thi hành một chính sách khủng bố và đàn áp rất dã man đối với nhân dân Ý.

Chiều xuống đã muộn, Gemma nhẹ nhàng lần ra ngoài hiên dưới hàng cửa sổ phòng khách để ngồi một mình chốc lát dưới rặng trà hoa và trúc đào cao lớn. Không khí ngọt ngào và dòng người đi lại tấp nập trong các phòng đã khiến chị sắp bị nhức đầu. Ở cuối sân, xa xa ngoài hiên là một dãy thùng gỗ lớn trồng cọ và những cây dương xỉ thân cao. Chắc phía trước lại là một hàng những cây hoa bách hợp và những cây trổ các loài hoa khác. Tất cả những cây cối ấy kết thành một tấm bình phong hoàn chỉnh mà phía sau

là một góc khuất nhỏ nhìn ra khung cảnh xinh tươi của vùng thung lũng. Những cành thạch lựu kết phủ đầy những chùm hoa cuối mùa rủ xuống bên cạnh lối đi hẹp giữa hai rặng cây.

Gemma liền ẩn náu vào góc khuất ấy, thầm mong sẽ chẳng ai đoán biết được mình ở đâu nữa, để hòng có được phút nghỉ ngơi yên tĩnh và tránh được cơn nhức đầu đang đe dọa chị. Đêm ấy ấm áp, tịch mịch và dịu đẹp, nhưng vừa ở trong những phòng khách nóng bức và ngọt ngào bước ra nên chị lại thấy se lạnh, bèn kéo chiếc khăn rua đen quàng lên đầu.

Vừa thiu thiu mơ màng thì dọc theo hàng hiên bỗng có tiếng người nói và tiếng chân bước lại gần khiến chị bừng tỉnh. Chị lùi sâu hơn nữa vào bóng tối để tránh khỏi bị phát hiện, hòng có thêm ít phút yên tĩnh quý báu nữa trước khi phải căng thẳng đầu óc đã mệt mỏi của mình ra mà đàm thoại. Nhưng khôn khổ thay cho chị, tiếng chân dừng bước đã ngừng im ngay cạnh tấm bình phong cây lá, và rồi giọng nói nhỏ nhẹ và thanh mảnh đang liền thoảng tuôn ra như suối của *signora* Grassini chợt ngưng bật.

Tiếng nói khác là tiếng một người đàn ông, nghe thật êm ái và du dương; nhưng giọng người đó lại thường kéo dài và run

run một cách kỳ dị, khiến nó mất đi âm điệu ngọt ngào, có thể hoàn toàn là do người nói giả bộ, mà cũng có thể nhiều phần là do người đó phải thường xuyên cố gắng để khắc phục một trở ngại gì đó trong khi phát âm, nhưng dù sao nghe vẫn rất khó chịu.

Giọng nói đó hỏi:

- Bà vừa bảo là người Anh à? Nhưng cái tên ấy nghe chắc chắn rất giống tên Ý. Bà bảo tên là gì nhỉ... Bolla hả?

- Vâng. Bà ấy là vợ góa của cái ông Giovanni Bolla khôn khổ đã chết ở bên Anh cách đây khoảng bốn năm.. ông

không nhớ sao? À phải, thế mà tôi cứ quên... ông sống cuộc đời phiêu lãng như thế thì làm sao chúng tôi có thể mong ông biết hết được tên mọi liệt sĩ của đất nước bất hạnh của chúng tôi... họ đông đến bao nhiêu ấy chứ!

Signora Grassini thở dài. Hễ cứ nói chuyện với người nước ngoài là y như bà lại giở cái kiêu ấy ra. Bà đóng vai một người yêu nước khóc than cho cảnh ngộ của nước Ý, và khéo phối hợp vai trò ấy với điệu bộ nữ sinh nội trú và cái vẻ phụng phịu hết con nít của mình.

- Chết ở Anh! – Tiếng người kia nhắc lại. – Vậy ông ta có phải người lưu vong

không? Hình như tôi đã có nghe nói tên ấy rồi thì phải. Có phải ông ta đã từng liên hệ với đảng “Nước Ý trẻ” từ những ngày đầu tiên không?

- Phải đấy ạ! Ông ấy là một trong những người thanh niên xấu số đã bị bắt năm 33^[20]... chắc ông còn nhớ vụ thẩm án ấy chứ ạ? Máy tháng sau ông ấy được thả, nhưng rồi qua hai ba năm sau lại có lệnh truy nã nên ông ấy đã phải bỏ trốn sang Anh. Kế đó chúng tôi nghe nói ông ta đã kết hôn ở bên ấy. Thật là một câu chuyện lãng mạn hết sức, nhưng ông Bolla tội nghiệp cũng luôn luôn là con người lãng mạn.

- Bà nói là rồi sau ông ấy chết ở Anh ư?

- Vâng, do lao phổi. Ông ấy không chịu nổi cái khí hậu gớm ghiếc bên Anh. Đúng vào lúc trước khi ông ấy qua đời, bà ấy lại mất đứa con duy nhất. Nó lên sỏi. Buồn quá phải không ông? Cho nên chúng tôi ai nấy đều thương mến Gemma lắm! Bà ấy phải cái hơi cứng nhắc, tội nghiệp thế; dân Anh bao giờ chả vậy, ông nhỉ! Nhưng tôi nghĩ là những chuyện lo buồn ấy đã khiến cho bà ấy trở nên u sầu, và...

Gemma đứng dậy, rẽ cành thạch lưu mà bước ra. Trước việc người ta tọc mạch những nỗi đau khổ trong đời tư của mình và đem ra để nói chuyện phiếm, chị không sao chịu nổi và cũng không giấu nổi vẻ bực bội khi ra tới chỗ sáng.

Bà chủ nhà kêu lên với vẻ thản nhiên đáng khâm phục:

- A, bà ấy đây rồi! Gemma thân mến ơi, tôi đang thắc mắc hoài chẳng biết bà đã biến đâu mất! *Signor* Felice Rivarez muốn được làm quen với bà đây.

Nhìn ông ta với đôi chút hiếu kỳ, Gemma nghĩ thầm: “VẬY RA RUỒI TRÊU

đây!”

Ông ta nghiêng mình chào chị rất lịch sự, nhưng cặp mắt ông ta lướt nhìn gương mặt và dáng vóc chị với một vẻ gì chị thấy vừa như sắc sảo một cách sỗ sàng lại vừa như xét nét.

Nhìn tấm bình phong cảnh lá rậm rạp, ông ta nhận xét:

- Bà tìm được ở đây một góc khuất xinh xắn thú... thú vị thật, và chỗ... chỗ này phong cảnh quả... quả là tuyệt vời!

- Vâng, góc vườn này đẹp. Tôi ra đây

cho thoáng đặng đôi chút.

- Đêm đáng yêu thế này mà cứ ở trong phòng thì thật phụ lòng Chúa Nhân lành!
- Bà chủ nhà vừa nói, vừa ngược mắt nhìn lên những vì sao. (Chả là có đôi hàng mi đẹp nên bà thường thích khoe). -

Các quý vị^[21] xem kia! Nước Ý xinh tươi của chúng tôi nếu được tự do thì sẽ chẳng phải là thiên đường nơi trần thế hay sao? Đất nước này mà lại là kẻ nô lệ mang gông xiềng, trong khi đang có những đóa hoa và bầu trời đẹp nhường kia!

[21] Nguyên văn là signore (tiếng Ý), số nhiều, bao gồm cả nam (signor) lẫn nữ (signora).

Ruồi trâu kéo dài giọng một cách uể oải, khẽ nói:

-Và lại có cả những người phụ nữ yêu nước như ông này nữa!

Gemma hơi xao xuyến quay lại nhìn ông ta: ăn nói xác xược trắng trợn như thế thì đánh lừa ai được kia chứ! Nhưng quả là chị còn đánh giá quá thấp mức thèm khát được khen ngợi của quý bà Grassini. Người đàn bà đáng thương ấy hạ hai hàng mi xuống, thở dài:

- Chao ôi, thưa các quý vị, những gì người phụ nữ chúng tôi làm được thật

còn ít ỏi xiết bao! Nhưng biết đâu một ngày kia tôi vẫn sẽ có thể minh chứng được quyền của mình với tư cách một người Ý, phải không ạ? Còn bây giờ tôi phải trở lại với các bốn phận xã hội của tôi đã. Ngài đại sứ Pháp vừa mới khẩn cầu tôi giới thiệu con gái nuôi của ngài với chư vị có danh vọng ở đây. Ông và bà cũng nên vào ngay để biết mặt cô ta. Thật là một cô gái hết sức quyến rũ. Gemma thân mến ạ, tôi dẫn *signor* Rivarez ra đây để ông ngắm phong cảnh mỹ lệ của chúng tôi. Tôi đành giao ông ấy lại cho bà đấy nhé. Tôi biết chắc bà sẽ săn sóc ông ấy và giới thiệu ông ấy với mọi người. A, vị vương tước Nga dễ mến ấy đã tới kia rồi! Ông và bà đã gặp

ông ta chưa? Nghe đâu ông ta là một đại
sủng thần của Hoàng đế Nicholas^[22] đấy.
Ông ta hiện là tư lệnh quân khu ở một
thành phố Ba Lan tên là gì chẳng ai phát
âm nổi! *Quelle nuit magnifique! N'est-
ce-pas, mon prince?*^[23].

*[22] Hoàng đế Nicholas (tiếng Anh): Ý chỉ Sa
hoàng Nikôlai I, trị vì từ 1825 đến 1855, năm 1849
đã giúp Áo trấn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân
Hungary.*

*[23] Quelle nuit... mon prince (tiếng Pháp):
Đêm tuyệt quá! Có phải không, ông hoàng của tôi?*

Bà ta nhún nhảy bước đi, vừa đi vừa
ba hoa liền thoáng với một người đàn
ông cổ to như cổ bò mộng, cầm bạnh,

đeo dây mê đay lập lánh trên bộ quân phục. Rồi những lời ca thán ảo não về “*notre malheureuse patrie*”^[24] xen lẫn với “*charmant*”^[25] và “*mon prince*” tất dần xa xa dọc theo hàng hiên.

[24] Notre malheureuse patrie (tiếng Pháp): Tổ quốc bất hạnh của chúng tôi.

[25] Charmant (tiếng Pháp): Đẹp, đáng yêu, quyến rũ.

Gemma lặng lẽ đứng bên cây thạch lựu. Chị vừa thấy thương hại người đàn bà bé nhỏ ngu ngốc và tội nghiệp ấy, lại vừa phiền lòng về thái độ sỗ sàng tẻ lạnh của Ruồi trâu. Ông ta đang dỗi theo những hình dáng đang rời xa với một vẻ

mặt khiến chị tức giận. Chị cảm thấy việc nhạo báng những con người đáng thương như thế thật thiếu độ lượng.

Nhưng ông ta quay lại nhìn chị, mỉm cười bảo:

- Lòng yêu nước kiểu Ý cùng đi với lòng yêu nước... kiểu Nga đấy. Khoác tay nhau, cùng hội cùng thuyền nên hễ hả lẫn. Giữa hai kiểu ấy bà ưa chuộng kiểu nào hơn?

Chị hơi cau mày, không trả lời.

Ông ta nói tiếp:

- Dĩ... dĩ nhiên, tất cả đều là vấn đề khẩu... khẩu vị cá nhân. Nhưng theo tôi, trong hai loại tôi thích loại Nga hơn... vì nó thật là đến nơi đến chốn! Nếu nước Nga không dựa vào thuốc súng và việc nã đạn, mà dựa vào những đóa hoa và bầu trời để hòng giành lấy bá quyền của mình thì bà thử nghĩ xem “*mon prince*” giữ... giữ cái pháo đài Ba Lan ấy được mấy nả?

Chị lạnh lùng đáp:

- Tôi thiết nghĩ, ta có thể duy trì ý kiến cá nhân của mình mà không việc gì phải nhạo báng người phụ nữ đang là chủ nhà và chúng ta đang là khách.

-Ồ, phải! Tôi quên... quên khuấy mất những nghĩa vụ đối với lòng hiếu khách ở cái nước Ý này. Người Ý họ thật là một dân tộc mến khách tuyệt trần đời. Tôi chắc người Áo cũng nhận thấy thế. Mời bà ngồi chứ ạ?

Ông ta khập khiễng bước qua sân hiên mang ghế lại cho chị ngồi, rồi tự đứng đối diện với chị, tì khuỷu tay vào lan can. Ánh sáng từ một khung cửa sổ chiếu ra rọi thẳng vào mặt ông ta khiến chị có thể mặc ý quan sát khuôn mặt ấy.

Chị thất vọng. Chị ngỡ mình sẽ được thấy một diện mạo đáng nhớ và gân guốc,

nếu không thì cũng dễ ưa. Thế nhưng những điểm nổi bật nhất trong bộ dạng của ông ta lại là khuynh hướng trung diện bảnh bao và hơn thế nữa, không chỉ là khuynh hướng mà là mờ mờ để lộ một vẻ ngạo ngược trong thái độ và cử chỉ. Phần còn lại thì chị thấy ông ta da ngăm ngăm như người *mulatô*^[26], và mặc dù khắp khiễng, ông ta vẫn nhanh nhẹn như một con mèo. Điều lạ lùng là toàn bộ cung cách của ông ta khiến người ta dễ liên tưởng tới một con báo đen vùng Nam Mỹ^[27]. Trán và má bên trái ông ta bị biến dạng khủng khiếp bởi một vết sẹo dài hình móc câu của nhát gươm chém; và bây giờ chị đã nhận ra rằng, cứ mỗi khi ông ta bắt đầu nói lắp thì đường gân lại

giật giật khắp nửa mặt phía bên ấy. Thế nhưng, nếu không có những khiếm khuyết ấy, hẳn ông ta cũng là người khá đẹp trai, đẹp trai theo cái kiểu vừa hiều động lại vừa gượng gạo của ông ta; nhưng dù sao đi nữa, diện mạo của ông ta chẳng hấp dẫn gì cho cam.

[26] Mulato (tiếng Tây Ban Nha): Người lai đen do có mẹ hoặc bố da đen.

[27] Nguyên văn là jaguar (từ của các bộ tộc da đỏ Nam Mỹ), một giống báo đặc trưng của vùng Méhicô và Nam Mỹ.

Và giờ đây ông ta lại cất tiếng với giọng êm ái, nhỏ nhẹ và hơi run run như tiếng rừ rừ của con mèo (Gemma càng

thêm bực bội, tự nhủ mình: “Đúng là tiếng nói của một con *jaguar* nếu như nó biết nói và nói giữa lúc nó hiền lành nhất”).

Ông bảo:

- Tôi nghe nói bà quan tâm đến báo chí cấp tiến và cũng có viết bài cho các báo.

- Tôi có viết chút ít. Tôi không có thời giờ để làm gì nhiều.

- À! Dĩ nhiên rồi! Qua *signora* Grassini tôi được biết bà còn đảm nhiệm

một công việc quan trọng khác nữa.

Gemma hơi nhướn hai hàng lông mày. Chắc hẳn người đàn bà bé nhỏ và ngốc nghếch ấy, cái quý bà Grassini ấy, lại đại đột ba hoa với con người giáo hoạt này rồi, một người mà rút cục chính chị thấy mình cũng đã bắt đầu thực sự không ưa.

Chị đáp lại với giọng cứng rắn:

- Thời giờ của tôi có bị chi phối nhiều, nhưng *signora* Grassini đã quá quan trọng hóa công việc tôi làm. Những việc ấy hầu hết chỉ là những việc lật vật.

- Thế đây, nếu *tất cả* chúng ta chỉ tốn thời giờ vào việc ca lên những khúc bi ai để than khóc cho nước Ý thì cái thế giới này sẽ hỏng mất. Tôi thiết nghĩ, nếu cứ nhập vào với cái hội của ông chủ cuộc gặp mặt chiều nay cùng với bà vợ ông ta thì sẽ khiến cho ai đó đều dễ trở thành phù phiếm, trong tình thế tự vệ.Ồ, vâng tôi biết bà sắp nói gì rồi, bà dạy chỉ phải, nhưng hai ông bà này khôì hài một cách thật thú vị với cái kiêu yêu nước của họ... Bà định trở vào rồi ư? Ở đây đẹp thế này kia mà!

- Tôi thấy tôi phải vào thôi ạ. Khăn quàng của tôi đây ư? Cảm ơn ông.

Nhặt chiếc khăn lên xong, ông ta bèn đứng nhìn chị với cặp mắt mở to, vừa biếc xanh lại vừa hồn nhiên như những đóa lưu ly^[28] bên bờ suối.

[28] Forget-me-nots (tiếng Anh): Cũng là hoa “đừng quên tôi”.

Ông ta nói với giọng hồi lỗi:

- Tôi biết tôi đã xúc phạm đến bà vì đã chế giễu con búp bê bằng sáp sặc sỡ ấy. Nhưng là con người thì tôi làm sao khác được chứ?

- Ông đã hỏi thì tôi xin thưa: nếu cứ đem những sự kém cỏi về trí tuệ của

người ta ra làm trò cười theo kiểu như vậy, thì tôi buộc phải coi đó là thiếu độ lượng và – quả vậy – là hèn nhát. Cái đó cũng giống như việc cười nhạo một người què quặt hoặc...

Ông ta bỗng nín thở một cách đột ngột và đau đớn rồi ông ta lùi lại, liếc nhìn bên chân khập khiễng và cánh tay tàn tật của mình. Nhưng chỉ trong nháy mắt, ông ta đã trấn tĩnh ngay được và phá lên cười.

- So sánh như thế vị tất đã đúng, thưa *signora*. Những người què quặt chúng tôi chẳng hề khoe khoang những vẻ dị dạng của mình trước mặt mọi người như bà

chủ nhà vẫn hay khoe khoang sự ngu ngốc của bà ấy. Chí ít xin bà chấm cho chúng tôi được vào điếm ưu bằng cách thừa nhận rằng cái lưng khù khoằm cũng chẳng dễ chịu gì hơn cung cách méo mó. Đây có bậc thang, bà vịn vào tay tôi chứ ạ?

Chị trở vào nhà với vẻ lặng lẽ trong bối rối, sự nhạy cảm bất ngờ của ông ta đã khiến chị hết sức khó xử.

Ngay khi ông ta vừa mở rộng cánh cửa vào sảnh tiếp tân rộng lớn, chị hiểu ngay rằng một sự gì không bình thường đã xảy ra trong khi chị không có mặt ở đây. Hầu hết các quý ông đều lộ vẻ vừa

giận dữ vừa thấy bứt rứt, còn các quý bà thì xúm cả lại ở một đầu căn phòng, má đỏ bừng và cố làm ra vẻ không hay biết gì. Ông chủ luôn đưa tay sửa lại cặp kính, cố nén cơn thịnh nộ đã lộ rõ, còn một nhóm nhỏ các du khách thì tụm lại một xó thích thú lăm lét đưa mắt nhìn tít tận về chỗ cuối phòng. Hiển nhiên là đằng đó đang diễn ra chuyện gì khiến họ xem là một trò vui, còn hầu hết các khách khứa thì lại thấy như sự lảng nhục. Chỉ có mình *signora* Grassini là tuồng như không hay biết gì cả. Vừa phe phẩy chiếc quạt một cách đờm dáng, bà vừa tán gẫu với một viên bí thư sứ quán Hà Lan, ông này vừa nghe vừa toét miệng cười.

Dừng bước giầy lát ở lối vào cửa, Gemma quay lại thử nhìn xem Ruồi trâu có nhận thấy cảnh nhón nháo trong cử tọa không. Thấy ông ta đưa cặp mắt mang vẻ đắc thắng rõ ràng có ác ý mà nhìn từ gương mặt bà chủ đang vẫn vô cảm một cách vui tươi, rồi đảo nhìn sang phía chiếc ghế xô pha ở cuối phòng, chị lập tức hiểu ngay: ông ta đã đưa tình nhân của mình đến dưới một danh nghĩa giả dối và chẳng đánh lừa được ai hết ngoài *signora* Grassini.

Cô gái txigan ngồi ngả lưng vào tựa ghế xô pha, trong vòng vây của một đám công tử bột đang cười ruồi và những sĩ quan kỵ binh đang tán tỉnh với vẻ mỉa

mai. Cô thắ̃ng một bộ cánh màu hồ phách pha lẫn màu đỏ tía trong gam màu rực rỡ theo kiểu phương Đông, lại đeo thêm nhiều đồ trang sức diêm dúa trông càng rất dị thường trong khung cảnh xalông văn học này của Florence, khiến cô ta giống như một con chim vùng nhiệt đới nào đó lạc vào giữa đàn chim sẻ và sáo sậu vậy. Chính cô ta dường như cũng cảm biết mình bị lạc lõng nên luôn cau có một cách khinh bỉ và dữ dội nhìn sang phía các quý bà đang thấy bị xúc phạm vì sự có mặt của cô ta. Nhạc thấy Ruồi trâu đang cùng Gemma bước ngang qua phòng, cô ta liền đứng bật dậy, tiến đến, miệng tuôn ra một tràng tiếng Pháp sai be bét:

- *Monsieur Rivarez*, tôi đã tìm ông khắp mọi nơi rồi! Bá tước Saltykov^[29] muốn biết tôi mai ông có đến đăng biệt thự của bá tước được không? Sẽ có khiêu vũ đấy.

[29] Saltykov (tiếng Nga, đọc là Xan-tư-cốp).

-Rất tiếc là tôi không đến được. Mà dù có đến được thì tôi cũng chẳng nhảy được, *Signora Bolla*, cho phép tôi giới thiệu với bà đây là *madame Zita Reni*^[30].

[30] Zita Reni (tên nửa Ý nửa txigan).

Cô gái txigan quay lại chăm chú nhìn Gemma, rủa như muốn thách thức, rồi

lạnh nhạt nghiêng mình. Đúng là cô ta khá đẹp, như lời Martini nói, nhưng là một vẻ đẹp sống sượng, xác thịt và không hấp dẫn. Cô ta cử động cực kỳ nhịp nhàng và thanh thoát, trông rất ưa nhìn, nhưng trán cô vừa thấp lại vừa hẹp, đường nét của hai cánh mũi tuy thanh tú nhưng nhìn lại vô duyên, thậm chí dữ tợn. Tâm trạng ức chế vừa qua của Gemma khi tiếp xúc với Ruồi trâu nay lại càng tăng do sự hiện diện của cô gái txigan này; vì thế, một lát sau, khi ông chủ nhà đến khẩn khoản mời *signora* Bolla sang phòng bên giúp ông nói chuyện với vài vị du khách thì chị bằng lòng ngay với cảm giác nhẹ nhõm lạ thường.

*

* *

Đến tận khuya, khi hai người đi xe ngựa trở về Florence, Martini hỏi:

- Sao, *Madonna*, chị nghĩ về Ruồi trâu thế nào rồi? Đã bao giờ chị thấy một điều gì vô sỉ như kiểu ông ta lừa gạt cái bà Grassini bé nhỏ và tội nghiệp ấy chưa!

- Ý anh nói về cô vũ nữ ba lê ư?

- Thưa vâng, anh ta đoan chắc với bà

ấy rằng cô ta sắp trở thành ngôi sao sáng của mùa biểu diễn này đây! *Signora* Grassini bao giờ chẳng hết lòng với một bậc tài danh.

- Tôi thiết nghĩ ông ta làm chuyện ấy chẳng đẹp đẽ mà cũng chẳng tử tế gì. Làm vậy là đã đưa ông bà Grassini vào thế bị mắc lõm, mà còn không gì khác hơn là tàn nhẫn đối với cả cô gái ấy nữa. Tôi chắc cô ta cũng chẳng thoải mái gì.

- Chị đã có nói chuyện với ông ta thì phải? Chị nghĩ gì về ông ta?

- Ôi, Cesare, tôi chẳng nghĩ gì khác ngoài việc cảm thấy vui mừng xiết bao

khi thoát khỏi giáp mặt ông ta! Tôi chưa bao giờ gặp một ai mà lại bị một óc một cách đáng sợ như thế. Mới nói chuyện chừng mười phút ông ta đã làm mình nhúc cả đầu. Ông ta thực như quỷ hiện hình về quấy rối vậy.

- Tôi đã nghĩ chị không sao ưa hẳn được mà. Người đâu mà giáo hoạt, trơn như lươn vậy. Tôi không tin cậy được con người ấy.

Chương III

Ruồi trâu thuê một căn nhà phía ngoài Cửa La Mã^[1], mà Zita cũng trọ ở gần đây. Ông ta hẳn là người sống theo kiểu hào hoa phong nhã, nên tuy các căn phòng của ông cũng không có vẻ gì là quá xa xỉ, nhưng trong các chi tiết đều có khuynh hướng sang trọng và trong cách bố trí mọi vật cũng đều thể hiện một nét thanh lịch cầu kỳ nào đó khiến Galli và Riccardo đều phải ngạc nhiên. Họ những tưởng con người này đã từng sống trong các cảnh hoang dại vùng sông Amazon chắc sẽ có những sở thích khá đơn giản thôi, vì thế khi thấy những chiếc ca vát sạch bong và hàng lô các giày dép của Ruồi trâu, lại thấy trên bàn viết của ông ta luôn cắm rất nhiều hoa tươi, thì họ tỏ

vẻ ngơ ngác. Nói chung, việc ráp nối của họ với Ruồi trâu là rất tốt đẹp. Với ai Ruồi trâu cũng đều tỏ ra niềm nở và thân mật, nhất là đối với các đảng viên đảng bộ địa phương của đảng Mazzini. Tuy vậy, Gemma hình như lại bị gạt ra ngoài quy luật đó: từ lần gặp đầu tiên, Ruồi trâu đã có vẻ không ưa chị, tìm mọi cách để tránh mặt chị. Đã có đôi ba lần ông còn đã tỏ thái độ thực sự cục cằn đối với chị, nên đã bị Martini ghét cay ghét đắng. Ngay từ đầu, hai người đã không ưa nhau, tính tình của họ trái hẳn nhau đến mức độ chỉ còn có ác cảm đối với nhau. Nhưng ở Martini mỗi ác cảm này đã mau chóng biến thành thù ghét ra mặt.

[1] Roman gate (tiếng Anh): Một trong những cửa (cổng) thành cổ trong thành phố.

Một hôm anh đã hẳn học nói với Gemma:

- Tôi chẳng quan tâm việc ông ta không ưa tôi. Ông ấy không ưa tôi và tôi cũng chẳng thích ông ta, thế cũng chẳng tai hại gì cả. Nhưng tôi không thể chịu đựng được cái thái độ ông ta đối xử với chị. Nếu không vì e trong nội bộ đảng trở thành to chuyện, mang tiếng rằng chính mình mời người ta đến rồi lại cãi cọ với người ta, thì tôi đã mời ông đến để nói cho ra nhẽ rồi.

- Cesare, kệ ông ta. Chẳng cần hệ gì đâu, vả chẳng chính tôi cũng có lỗi không kém ông ta.

- Chị có lỗi ở chỗ nào?

- Ở chỗ làm cho ông ta không ưa tôi đến thế. Khi gặp ông ta lần đầu tại nhà Grassini tối hôm ấy, tôi đã trót nói lời tàn nhẫn với ông ta.

- Chị mà nói lời tàn nhẫn? Khó tin đấy, *Madonna*.

- Dĩ nhiên lúc ấy cũng là vô tình thôi, và tôi đã rất ân hận. Tôi có nói chuyện gì

đó về việc người ta chế nhạo người tàn tật mà ông ta lại cho là tôi ám chỉ ông ta. Thật là tôi chẳng hề có ý nghĩ cho ông ta là người tàn tật, ông ta đâu đến nỗi dị dạng gì cho lắm.

- Tất nhiên là không đến nỗi. Chỉ có vai bên nọ cao hơn vai bên kia, tay trái bị tật khá nặng thôi, chứ ông ta không gù mà cũng chẳng què. Còn đi khắp khiêng thì chẳng đáng nói làm gì.

- Dẫu sao lúc ấy tôi đã thấy ông ta thất sắc, run bắn người lên. Tất nhiên là do tôi đã bị hớ kinh khủng rồi, nhưng lạ là tại sao ông ta lại nhạy cảm đến thế. Tôi đồ chừng ông ta đã từng đau khổ vì

những lời đùa cợt độc địa kiêu vấy.

- Tôi thì tôi nghĩ: đúng hơn là do chính ông ta đã từng chơi những cái trò ác độc như vậy đối với người khác đấy thôi. Ở con người này, che giấu dưới mọi cử chỉ lịch thiệp là một bản chất tàn nhẫn, điều đó khiến tôi hết sức tởm lợm.

- Thôi, Cesare, anh nói như thế cũng không công bằng tí nào. Anh không ưa ông ấy, tôi cũng chẳng ưa gì hơn đâu, nhưng nhận xét ông ta quá xấu so với thực tế để làm gì? Cung cách ông ta có chút kên kiệu và thường khiến người khác bực mình, - tôi cho là do ông ta được người ta tán tụng nhiều quá đấy

thôi. Còn cái thói ăn nói châm chọc bất tận ấy quả là cũng làm cho người nghe mệt óc kinh khủng, nhưng tôi không tin là ông ta có hàm ý gì xấu.

- Tôi chẳng biết ông ta hàm ý gì, nhưng một con người cái gì cũng nhạo báng thì tâm địa cũng có cái gì không trong sáng đấy. Có một hôm thảo luận ở nhà ông Fabrizi tôi đã quá chối tai về cái kiêu ông ta đả kích những cuộc cải cách ở Roma^[2], đúng là chuyện gì ông ta cũng cố moi cho ra những động cơ xấu xa, bản thủ.

[2] Ý nói những sự cải cách của Giáo hoàng Piô IX (xem trang 141,146).

Gemma thở dài, nói:

- Tôi e rằng về điểm này tôi lại đồng ý với ông ta nhiều hơn. Là những người tốt bụng, đầu óc tất cả các anh lúc nào cũng chứa chan những hy vọng và hoài bão êm đẹp nhất. Lúc nào các anh cũng sẵn sàng cho rằng nếu một quý ông tuổi trạc trung niên và có thiện ý nào đó mà được bầu chọn làm Giáo hoàng thì mọi việc tự nó sẽ đều tốt đẹp cả. Vị đó sẽ chỉ việc mở toang các cánh cửa nhà tù, ban phát phước lành cho mọi người trong thiên hạ, và ta có thể chờ đợi chỉ ba tháng sau là thiên niên kỷ kia^[3] sẽ đến. Hình như các anh không bao giờ có thể hiểu rằng dù Giáo hoàng kia có muốn đi

nữa, ông ta cũng chẳng thể làm cho mọi việc đều tốt đẹp cả được. Vấn đề là sai ở nguyên tắc của sự việc, chứ không phải là ở thái độ người nay hay người nọ.

[3] The millennium (tiếng Anh): Ý nhắc đến một lời tiên tri trong sách Khải Huyền (Revelation, của Thánh Gioan, trong Tân Ước) dự đoán khoảng thời gian Kitô và các môn đồ sẽ chiến thắng quỷ Satan và giành thắng lợi cuối cùng.

- Nguyên tắc nào vậy? Quyền thế tục^[4] của Giáo hoàng ư?

[4] The temporal power (tiếng Anh): Cũng là thế quyền.

- Đâu phải chỉ có thế? Đây chỉ là một

phần trong cái sai chung mà thôi. Cái nguyên tắc tai hại là ở chỗ để cho một người này có quyền sinh quyền sát^[5] đối với người khác. Nếu vậy là đã sa chân vào một mối quan hệ sai lầm giữa người với người.

[5] The power to bind and loose (tiếng Anh): Quyền buộc và mở, quyền bắt và thả...

Martini giơ hai tay lên. Anh vừa cười vừa bảo:

- Thế là đủ rồi đấy, thưa *Madonna!* Một khi quý bà lại quay ra bàn cái thuyết “Phế trừ đạo đức”^[6] rườm rà theo kiểu ấy thì tôi không sao thảo luận với quý bà

được. Tôi chắc rằng các cụ tổ nhà ta ngày xưa hẳn phải là những nhà chủ trương chủ nghĩa bình quân xã hội^[7] chính công ở Anh trong thế kỷ XVII rồi. Và lại, mục đích tôi đến đây là vì cái bản thảo này.

[6] Thuyết “Phé từ đạo đức” (Antinomianism): Một thuyết chủ trương chỉ cần tin ngưỡng tin vào Phúc Âm là đủ, không cần đến đạo đức, luân lý; cũng gọi là thuyết duy tín ngưỡng.

[7] English Levellers (tiếng Anh): Chủ thuyết của một phái chính trị quá khích trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh (thế kỷ XVII), dựa trên quyền lợi của nông dân và thợ thủ công, đòi phổ thông đầu phiếu, phế bỏ quân chủ, trả lại ruộng đất cho nông dân, mang tính chất bình quân, “cào bằng” xã hội.

Martini rút trong túi ra tập bản thảo.

- Lại một bài châm biếm mới ư?

- Một trò ngu ngốc mà cái tay Rivarez ấy mới chuyển đến phiên họp ban chấp hành hôm qua. Tôi thừa biết chẳng bao lâu chúng ta sẽ chỉ còn có nước choảng nhau với hấn ta nữa thôi.

- Chuyện gì vậy nào? Cesare, nói thật, tôi thấy anh hơi có thành kiến rồi đấy. Rivarez có thể là một con người khó chịu, nhưng ông ta không ngu ngốc đâu.

- Ô, tôi cũng không phủ nhận rằng bài

này viết khá theo kiểu của nó, nhưng tốt nhất là chị cứ tự đọc đi đã.

Bài văn là một tiểu phẩm trào phúng về cảnh hoan hỉ cuồng dại đối với vị Giáo hoàng mới hiện vẫn đang náo động khắp nước Ý. Như mọi bài viết khác của Ruồi trâu, bài này cũng được viết bằng giọng văn hằn thù, cay độc. Nhưng, dù rất bực mình với văn phong của bài viết, trong thâm tâm Gemma vẫn không thể không công nhận rằng sự phê phán của ông ta là đúng đắn.

Chị đặt bản thảo lên bàn và nói:

- Tôi rất đồng ý với anh rằng bài văn

này hiềm ác một cách đáng ghét. Nhưng, khôn thay, nội dung của nó lại đều đúng sự thật cả.

- Gemma!

- Phải, đúng thế đấy. Anh có thể gọi con người này là một con lươn máu lạnh, tùy thích, nhưng ông ta vẫn đã giành được chân lý về phía mình. Ta chớ phí công tự thuyết phục mình rằng bài văn này không đánh trúng đích, nó đánh trúng đích đấy!

- Vậy chị có cho rằng ta nên in bài ấy?

- À, đây lại là vấn đề khác hẳn. Chắc hẳn là tôi không cho rằng ta cứ nhất định phải đem in nguyên xi như thế. Để thế, nó sẽ làm mất lòng người và đẩy mọi người xa rời chúng ta chứ chẳng đem lại lợi ích gì cả. Nhưng nếu ông ta thảo lại, cắt bỏ những đoạn đả kích cá nhân đi, thì tôi nghĩ là bài văn có thể trở thành một tác phẩm thật sự có giá trị. Về mặt phê phán chính trị, bài văn viết rất hay. Tôi không ngờ ông ta viết giỏi đến thế. Ông ta nói đúng những điều cần nói và là những điều mà chúng ta chưa ai có can đảm nói ra. Cái đoạn ông ta ví nước Ý như một người say xỉn đi bá cổ một thằng ăn cắp mà khóc sụt sùi, để nó tha hồ nắn tui mình, đoạn ấy viết tuyệt hay!

- Gemma! Chính đây lại là chỗ dở nhất trong toàn bài! Tôi ghét cái lối căn cứ tất cả mọi người và tất cả mọi việc như thế!

- Tôi cũng vậy. Nhưng vấn đề không phải ở đó. Lối văn của Rivarez rất khó chịu, và bản thân con người ông ta cũng không hấp dẫn. Nhưng khi ông ấy bảo rằng chúng ta đã quá say sưa với những đám rước xách, với những cử chỉ ôm hôn và với những lời hô hào về tình yêu và hòa giải, và rằng chính phái Jesuits và phái Sanfedists là những kẻ có lợi nhất trong tất cả những chuyện đó, thì ông ta đã một ngàn lần đúng. Tiếc rằng tôi đã không đến dự buổi họp ban chấp hành

hôm qua. Vậy cuối cùng các anh quyết định ra sao?

- Chính vì thế nên tôi đến gặp chị đây. Ban chấp hành yêu cầu chị đến bàn với ông ta về việc này, thuyết phục ông ta dịu bớt giọng lại.

- Tôi ư? Nhưng tôi có quen biết gì ông ta lắm đâu. Hơn nữa, hiện thời ông ta lại đang ghét tôi. Tại sao cứ phải tôi đi, mọi người khác thì sao?

- Đơn giản vì hôm nay không còn ai đi được cả. Vả lại, chị là người xử sự phải lẽ hơn tất cả bọn chúng tôi, chị biết tránh những lập luận không cần thiết và sẽ

không đến nỗi hay cãi cọ với ông ta như chúng tôi.

- Dĩ nhiên, tôi chẳng làm thế đâu. Thôi được, nếu các anh muốn thì tôi sẽ đi, dù tôi không hy vọng thành công lắm đâu.

- Tôi tin chắc rằng nếu chị ra tay thì nhất định sẽ trị được ông ta. Vâng, và chị cứ bảo ông ta rằng, đừng về quan điểm văn học, toàn thể ban chấp hành đều rất tán thưởng bài văn của ông ấy. Nói thế chắc ông ấy sẽ vui lòng, mà cũng là hoàn toàn đúng nữa.

* *

Ruồi trâu đang ngồi cạnh chiếc bàn cắm đầy hoa cùng những nhánh đuôi chồn, lơ đãng nhìn xuống sàn, trên lòng có một bức thư để ngỏ. Một con chó thuộc giống *collie*^[8] lông xù đang nằm trên thảm, cạnh chân anh, và khi Gemma gõ vào cánh cửa bỏ ngỏ nó liền cất đầu lên gầm gừ. Ruồi trâu vội vã đứng dậy, nghiêng mình chào với một điệu bộ cứng nhắc và khách sáo. Gương mặt anh đã bỗng nhiên sắt lại và vô cảm. Rồi anh hét sức lạnh lùng nói:

[8] *Collie* (tiếng Anh): Một giống chó chăn cừu

(béc-giê) ở Xcôtlen (Scotland).

- Bà tử tế quá đây. Nếu bà cho biết trước có điều gì muốn chỉ bảo thì tôi xin lại đăng nhà ngay.

Thấy đích thị Ruồi trâu có ý đẩy bản mình ra xa tới nơi cùng trời cuối đất, Gemma vội nói rõ ràng ngay công việc mình được giao. Ruồi trâu lại nghiêng mình rồi đem chiếc ghế đặt trước mặt chị. Chị mở lời:

- Ban chấp hành muốn tôi đến đây gặp ông, là vì đã có vài ý kiến khác nhau về bài châm biếm của ông.

- Tôi cũng đã thấy trước như thế.

Ruồi trâu mỉm cười, ngòi xuống đối diện với Gemma và kéo lọ hoa cúc lớn lại để che cho ánh sáng khỏi chiếu vào mặt mình.

- Đa số các ủy viên đã nhất trí rằng: mặc dù họ đều rất tán thưởng bài châm biếm với tính cách là tác phẩm văn chương, nhưng họ nhận thấy nếu cứ để nguyên như thế mà công bố thì sẽ không thích hợp. Họ e rằng giọng văn quá sôi nổi của bài có thể xúc phạm và đẩy xa những người lúc này sự giúp đỡ và ủng hộ của họ đối với đảng đang rất quý báu.

Ruồi trâu rút một bông cúc ra khỏi lọ mà chậm chạp ngắt dần từng cánh hoa trắng. Ánh mắt Gemma ngẫu nhiên bắt gặp cử động của bàn tay phải nhỏ nhắn của anh đang bứt rời những cánh hoa rơi xuống từng cánh một và một cảm giác nôn nao đã ập đến với chị, hình như xưa kia mình từng thấy những cử chỉ ấy ở đâu rồi.

Giọng nhỏ nhẹ mà lạnh lùng, anh nhận xét:

- Nếu là tác phẩm văn chương, bài tôi viết chẳng có giá trị mảy may nào, chỉ những người không biết gì về văn học mới đi tán thưởng nó. Còn nói nó xúc

phạm, thì chính là tôi cố ý cho nó như thế.

- Điều đó tôi rất hiểu. Nhưng vấn đề là phải chăng ông đã không thành công khi xúc phạm không trúng những đối tượng cần thiết.

Anh nhún vai, đưa lên miệng nhấm nháp một cánh hoa vừa bứt khỏi đài.

- Tôi thiết nghĩ bà làm rồi đấy. Vấn đề là thế này: ban chấp hành của các ông, các bà mời tôi đến đây để làm gì? Tôi đã hiểu là để lộ mặt nạ và bêu riếu phái Jesuits. Thì tôi hiện đang dốc hết khả năng để làm tròn nghĩa vụ này.

- Tôi có thể bảo đảm với ông rằng không một ai nghi ngờ gì về năng lực hay thiện chí của ông cả. Nhưng điều ban chấp hành e ngại là đảng Tự do sẽ có thể méch lòng, và cả những người lao động trong thành phố họ cũng sẽ có thể thôi không ủng hộ chúng ta về tinh thần nữa. Bài văn của ông có thể là định đề nhằm công kích phái Sanfedists, nhưng nhiều bạn đọc sẽ lầm tưởng đó là công kích vào Giáo hội và tân Giáo hoàng và điều này, đứng về mặt sách lược, ban chấp hành cho là không đáng mong muốn.

- Tôi bắt đầu hiểu ra rồi. Chừng nào mà tôi chỉ giới hạn trong một nhóm riêng

biệt các quý ông giáo sĩ đang có quan hệ
xấu với đảng thì tôi tha hồ nói thẳng
thùng. Nhưng khi tôi vừa đụng chạm trực
tiếp vào những vị linh mục là các cục
cung của ban chấp hành thì hóa ra “chân
lý là con chó phải bị nhốt vào cũi, nó
nhất định phải bị roi quất đuổi ra ngoài
nếu như... Đức Thánh cha^[9] đứng bên
cạnh lò sưởi và...”^[10]. Phải, vai hề nói
thế mà đúng; thà làm cái gì chứ vai hề thì
tôi chả làm. Dĩ nhiên tôi phải phục tùng
quyết định của ban chấp hành, nhưng tôi
vẫn nghĩ rằng ban chấp hành chỉ chút
trâm sang hai bên mà bỏ qua vai trò ngự
ở giữa là *M...mon... signor M...m...
montan... n... nelli*^[11].

[8] The Holy Father (tiếng Anh): Túc Đức Giáo hoàng. Xem trang 145.

[9] Lời của vai hề trong vở kịch “Vua Lia” (King Lear), của Seecshxia (Shakespeare), màn I, cảnh IV. Ý nói nếu vì Đức Thánh cha (Giáo hoàng) thì chân lý cũng vẫn bị xua đuổi, xóa bỏ.

[10] Cũng mô phỏng lời vai hề như trên. Xem thêm trang 61.

Gemma đại lại:

- Montanelli? Tôi chưa hiểu ý ông. Phải chăng ông muốn nói đến Giám mục giáo phận Brisighella?

- Vâng, vị tân Giáo hoàng vừa mới tấn

phong ông ta làm Hồng y giáo chủ. Tôi đã có một bức thư nói về ông ta rồi đây. Bà muốn nghe thư ấy chứ? Người viết thư là một người bạn của tôi ở vùng bên kia biên giới.

- Biên giới lãnh địa Giáo hoàng ấy ư?

- Phải. Anh ta viết như sau.

Anh cầm lên bức thư mà anh đã có trong tay lúc chị mới bước vào phòng, rồi cất tiếng đọc to, nhưng bỗng dừng nói lấp rất dữ:

- “Anh.. anh sắp... sắp được hôn hạnh

đương... đầu với một trong những kẻ thù
tệ... tệ hại nhất của chúng ta là Hồng...
Hồng y giáo chủ Lorenzo M...montan...
n...nelli, Giám mục giáo phận
Brisighella. Hấn... dự... dự...”

Anh ngừng bật và im lặng trong giây lát. Rồi anh lại đọc tiếp, rất chậm chạp và kéo dài một cách hết sức khó chịu, nhưng không nói lấp nữa:

- “Hấn dự định đến kinh lý Tuscany trong tháng tới với sứ mệnh hòa giải. Trước tiên hấn sẽ giảng đạo tại Florence, ở đó độ ba tuần, rồi đi tiếp đến Siena và Pisa, rồi qua Pistoja^[11] mà trở về Romagna^[12]. Hấn tự mạo nhận là thuộc

phái Tự do trong Giáo hội, và là bạn thân của cả Giáo hoàng và Hồng y Feretti^[13]. Trong thời Gregory^[14] hắn bị thất sủng, và bị nhét vào một xó xỉnh trong dãy núi Apennines. Bây giờ đột nhiên hắn xuất đầu lộ diện. Thực ra dĩ nhiên hắn cũng bị phái Jesuits giật dây như mọi tên Sanfedist ở xứ này mà thôi. Sứ mệnh của hắn lần này cũng chỉ là do vài lão cha cố Jesuit xúi giục. Hắn là một trong những tay thuyết giáo xuất sắc nhất của Giáo hội và về thủ đoạn riêng cũng thâm độc chẳng kém gì Lambruschini^[15]. Công việc hiện nay của hắn là giữ sao cho lòng hân hoan của dân chúng đối với tân Giáo hoàng khỏi lắng xuống và thu hút sự chú ý của dư luận

cho tới khi Đại Công tước^[16] ký tên chuẩn y một dự án do bè lũ tay sai của phái Jesuits đang chuẩn bị đệ trình. Dự án ấy cụ thể là gì hiện tôi còn chưa dò biết được”. Kế đó thư viết tiếp: “ Hiện nay tôi cũng chưa phát hiện được xem là chính bản thân Montanelli có hiểu rõ vì ý đồ gì hấn được phái đến Tuscany không, hay hấn chỉ là quân cờ trong tay bọn Jesuits. Hoặc hấn là một con lừa ngu xuẩn nhất trần đời. Duy có một điều kỳ quái, theo chỗ tôi có thể tìm hiểu được, là Montanelli không hề ăn hối lộ mà cũng chẳng có tình nhân, - một điều đầu tiên tôi được thấy trong đời”.

[11]Siena, Pistoja (tiếng Ý): Cũng là hai thành phố trong Đại Công quốc Toooxxcana như Pisa.

[12] Romagna (tiếng Ý, đọc là Rô- ma- nha): Một vùng trong lãnh địa của Giáo hoàng, giáp với Đại Công quốc Tôxcana (Tuscany) về phía bắc.

[13] Hồng y Feretti (tiếng Ý): Tức Hồng y giáo chủ Pheeerretty, một trong những tay chân của Giáo hoàng Piô IX (xem các trang 141,146,185).

[14] Thời Gregory (tiếng Anh): Tức thời (đời, triều đại) Giáo hoàng Grêgôriô XVI, xem các trang 141,146).

[15] Lambruschini, xem trang 146

[16] Đại Công tước (tiếng Anh là the Grand Duke): Tức Đại Công tước Leopold II. Xem trang 142.

Ruồi trâu đặt bức thư xuống, ngồi lim dim nhìn Gemma, dường như chờ xem chị nói gì.

Một lát sau, chị hỏi:

- Ông tin chắc rằng người thông tin cho ông nói đúng sự thật chứ?

- Về đời tư không chê vào đâu được của *Monsignor* M...mon..t...tan...nelli ấy ư? Không. Mà chính anh ta cũng không tin chắc điều đó. Bà chả đề ý là trong khoản trừ hao anh ta viết: “Theo chỗ tôi có... có thể tìm hiểu được...” đó sao.

Gemma lạnh lùng ngắt lời:

- Tôi không nói chuyện ấy, mà là về đoạn trong thư nói đến sứ mệnh của Montanelli.

- Tôi có thể hoàn toàn tin cậy người viết thư này. Anh ta là bạn cũ của tôi... một trong những đồng chí năm 43^[17], và ở cương vị hiện nay anh có nhiều cơ hội đặc biệt để tìm hiểu được những vấn đề loại này.

[17] Tức năm 1843, là năm chuẩn bị khởi nghĩa ở Bôlônha và Ravenna. Xem trang 152.

Gemma vụt nghĩ: “Lại một quan chức nào ở Vatican đây”, và chị nói:

- Vậy ra ông có những đầu mối liên lạc như thế sao? Tôi cũng đã đoán chừng như vậy.

Ruồi trâu nói tiếp:

- Dĩ nhiên bức thư này chỉ có tính chất riêng tư. Chắc bà cũng hiểu rằng thông tin này chỉ giữ kín trong các ủy viên trong ban chấp hành của bà mà thôi.

- Điều đó khỏi phải nói. Thế còn về bài văn. Liệu tôi có thể nói với ban chấp hành rằng ông đã thuận sửa đôi đôi chút, làm cho lời lẽ được dịu nhẹ hơn, hay là...

- Vậy thưa *signora*, bà không thấy rằng nếu sửa đổi thì có thể dẫn đến chỗ không những làm mất vẻ đẹp của “tác phẩm văn chương” mà còn làm giảm cả mức sôi nổi của giọng văn hay sao?

- Đây là ông hỏi ý kiến riêng của tôi. Còn điều tôi đến đây để phát biểu lại là ý kiến của ban chấp hành nói chung.

- Như vậy phải chăng có nghĩa là bà... bà ... bà không đồng ý với ban chấp hành nói chung?

Lúc này anh đã cất bức thư vào túi và hơi cúi mình nhìn chị với vẻ háo hức và chăm chú, khiến nét mặt anh hoàn toàn

đôi khác.

- Bà cho rằng...

- Nếu ông cần biết cá nhân tôi nghĩ gì thì tôi nói là... tôi không đồng ý với ý kiến của đa số về cả hai qua điếm. Tôi chẳng hề tán thưởng bài văn theo quan điếm văn chương, mà tôi lại thấy rằng bài văn ấy chân thực về trình bày sự việc và khôn khéo về thể hiện sách lược.

- Có nghĩa là...

- Tôi rất đồng ý với ông rằng nước Ý hiện đang bị chệch đường theo những ánh

ma trời, và tất cả nhưng niềm hân hoan vui sướng hiện nay rất có thể sẽ dẫn nước Ý đến một vũng lầy ghê gớm. Tôi thực tình hết sức vui lòng nếu thấy điều đó được nói ra một cách công nhiên và mạnh dạn, dù có phải mất lòng hoặc đẩy xa một vài người hiện đang ủng hộ chúng ta chẳng nữa. Nhưng là một thành viên của đoàn thể, tôi không thể kiên trì ý kiến cá nhân mình trong khi số đông đang có ý kiến trái lại. Và, lẽ dĩ nhiên, tôi cũng cho rằng một khi những sự việc như thế đã đến lúc cần phải nói ra, thì lại phải nói cho có chừng mực và bình tĩnh, chứ không nên nói như giọng bài văn này.

- Bà chờ cho một phút để tôi xem lại

bản thảo nhé?

Anh cầm bài văn lên, lướt đọc các trang, rồi cau mày tỏ vẻ không vừa ý:

- Vâng, quả vậy, bà hoàn toàn đúng. Bài này viết như một bài trào phúng cho quán *café chantant*^[18], chứ không phải là một bài văn châm biếm chính trị. Nhưng biết làm sao bây giờ? Nếu viết cho tao nhã thì công chúng sẽ không hiểu được. Nếu không viết cho cay độc một chút, họ lại bảo là tẻ ngắt.

[18] Café chantant (tiếng Pháp): Quán cà phê có ca nhạc và trò vui; ý nói bài trào phúng rẻ tiền, thô thiển.

- Thế ông không nghĩ rằng nếu ta cay độc quá nhiều thì cũng hóa ra tẻ ngán sao?

Sắc bén và mau lẹ anh đưa mắt nhìn chị, rồi phá ra cười:

- Có lẽ *signora* thuộc về một mẫu người rất đáng sợ là bao giờ nói cũng đúng! Vậy là nếu tôi nhường bước cho sự căm dỗ, cứ viết cho cay độc thì hóa ra tôi cũng lại cứ vẫn thành tẻ ngán như *signora* Grassini sao? Trời! Số kiếp ơi là số kiếp! Không, bà không cần phải cau mày làm gì. Tôi biết bà không ưa tôi, nên tôi đang trở lại cho đúng với công việc đây. Vậy là tình hình đến nay cụ thể như

sau: nếu tôi cắt bỏ những chỗ công kích cá nhân, mà giữ nguyên phần chủ yếu của bài văn như hiện có, thì ban chấp hành sẽ tỏ ý rất tiếc là không thể chịu trách nhiệm in bài văn được; nhưng nếu tôi lại cắt bỏ sự thật về chính trị, không lên án ai khác mà chỉ tập trung lên án những kẻ thù của đảng mà thôi, thì ban chấp hành sẽ tăng bốc bài văn lên tận mây xanh, còn lại bà với tôi, chúng ta đều biết rằng nếu một bài văn như thế chẳng đáng in ra làm gì. Thật là một điểm khá hay cho khoa siêu hình, không đáng in lại được in ra, đáng in ra thì lại không được in, vậy đảng nào đáng lựa chọn hơn? Sao nào, thưa *signora*?

- Tôi không nghĩ ông cứ nhất thiết phải trói buộc mình vào một sự chọn lựa nào. Tôi tin là nếu ông cắt bỏ những chỗ nói về cá nhân đi, ban chấp hành sẽ đồng ý in bài văn, dù đa số chắc chắn chẳng tán thành gì nó đâu. Và tôi tin chắc như vậy sẽ là có ích lắm rồi. Nhưng nhất định ông phải gác cái giọng độc địa lại mới được. Nếu ông đã muốn nói lên một chuyện mà thực chất là cho người đọc phải nuốt một viên thuốc to như thế, thì tội gì ngay từ đầu đã dùng một hình thức khiến người ta sợ không dám nuốt.

Ruồi trâu thở dài và nhún vai về cam chịu.

- Thưa *signora*, tôi xin phục tùng, nhưng với một điều kiện. Nếu lần này bà tước quyền cười của tôi, thì lần sau tôi sẽ đòi lại quyền ấy đây. Khi nào Đức Ngài^[19] Hồng y, vị Hồng y giáo chủ không chê vào đâu được ấy, ló mặt đến Florence, cả bà lẫn ban chấp hành đều không được ngăn cản tôi, tôi muốn nói cay độc bao nhiêu thì nói! Đó là món nợ tôi đương nhiên được đòi lại!

[19] His Eminence (tiếng Anh): Lời xưng tụng đối với Hồng y Giáo chủ.

Anh nói buông thõng với giọng hết sức lạnh lùng, rút những bông cúc ra khỏi lọ, và giơ cao lên để ngắm nhìn ánh sáng xuyên qua những cánh hoa trong mờ

mờ. Thấy những bông hoa rung rinh, nghiêng ngả, chị thầm nghĩ: “Sao tay ông ta run rẩy thế! Chắc chắn không phải là ông ta nghiện rượu đâu”.

Chị vừa đứng dậy vừa nói:

- Vấn đề ấy ông nên bàn với các ủy viên khác trong ban chấp hành. Tôi không thể đoán định được ý nghĩ của họ.

Anh cũng đã đứng dậy, dựa người vào bàn và áp những bông hoa vào mặt:

- Thế còn ý của bà?

Chị ngập ngừng. Câu hỏi ấy vò xé lòng chị, gọi lại những liên tưởng cay đắng xa xưa.

Cuối cùng chị nói:

- Quả là tôi... cũng không còn rõ nữa. Cách đây nhiều năm tôi có được biết đôi chút về *Monsignor* Montanelli. Lúc đó ông ấy chỉ là kinh sĩ và là Giám đốc chủng viện thần học trong tỉnh mà tôi sống thời thiếu nữ. Một... một người rất gần gũi với ông ta đã kể tôi nghe nhiều chuyện về ông, mà tôi chưa hề nghe có điều gì không hay cả. Tôi tin rằng chí ít là lúc bấy giờ, ông ấy thực sự là một nhân vật kiệt xuất. Nhưng chuyện này đã

lâu lắm rồi, và từ đó đến nay ông ta có thể thay đổi. Quyền hành vô tội vạ đã làm hư hỏng biết bao người!

Ruồi trâu ngẩng đầu lên từ những bông hoa, nét mặt đanh lại, anh nhìn chị và nói:

- Dù sao đi nữa, nếu bản thân *Monsignor* Montanelli không phải là một kẻ ác ôn, thì ông ta cũng là công cụ trong tay bọn ác ôn. Nhưng đối với tôi, - và đối với cả các bạn hữu của tôi ở bên kia biên giới, - dù ông ta là gì đi nữa thì cũng thế thôi. Hòn đá nằm giữa lối đi, dù có thể có những ý đồ tốt đẹp đến mấy chăng nữa, người ta cũng vẫn phải đá

văng nó ra. *Signora*, xin bà cho phép!

Anh rung chuông, rồi khập khiễng bước ra mở cửa cho chị.

- *Signora*, bà đã rất có nhã ý đến thăm tôi. Để tôi cho người đi gọi *vettura*^[19] nhé? Không ạ? Vậy xin chào bà! *Bianca*^[20], chị mở giùm tôi cửa ngoài.

[20] *Vettura* (tiếng Ý): Xe ngựa nhỏ chở khách.

[21] *Bianca* (tiếng Ý).

Gemma bước ra đường phố, lòng băn khoăn xao xuyến.

“Các bạn hữu của tôi ở bên kia biên giới”, - họ là những người nào? Và đá văng hòn đá ra khỏi lối đi bằng cách nào? Nếu chỉ bằng châm biếm không thôi, sao ông ta lại nói với cặp mắt hung hiểm như vậy?

Chương IV

Monsignor Montanelli đến Florence vào tuần đầu tháng mười. Chuyến viếng thăm của ông đã gây nên một làn phản

khích nhẹ trong toàn thành phố. Ông là một nhà thuyết giáo lừng danh và là đại biểu cho triều đại Giáo hoàng mới cách tân, nên dân chúng khao khát mong chờ ông trình bày “chủ thuyết mới”, loan truyền phúc âm^[1] của tình thương và hòa giải đặng điều trị những nỗi đau thương của nước Ý. Việc bổ nhiệm Hồng y giáo chủ Gizzi^[2] làm quốc vụ khanh^[3] Tòa thánh La Mã để thay thế Lambruschini mà mọi người đều căm ghét, đã nâng niềm phấn khởi của công chúng lên đến cực điểm, và Montanelli lại chính là người có thể duy trì được tâm trạng đó một cách dễ dàng nhất. Đời tư liêm khiết không chê vào đâu được của ông ta là một hiện tượng ít có trong các hàng giáo

phẩm cao cấp của Giáo hội La Mã đã thu hút được sự chú ý của dân chúng xưa nay quen cho rằng tông tiên, tham nhũng và gian dâm là những thuộc tính gần như bất biến trong sự nghiệp của một vị chức sắc Giáo hội^[4]. Hơn thế, tài ba thuyết giáo của ông ta quả là tuyệt vời, lại có thêm giọng nói du dương và phong cách cá nhân cuốn hút như nam châm, nên ông ta thành công được ở bất kỳ nơi đâu và vào lúc nào.

[1] The gospel (tiếng Anh): Cũng là tin mừng, tức sứ điệp mừng vui của Đức Kitô và Giáo hội, nhưng không phải là sách Tin Mừng.

[2] Gizzi (tiếng Ý).

[3] To the Roman State Secretaryship (tiếng Anh): Chức vụ trọng yếu ở Vatican tương đương với Thủ tướng hay Bộ trưởng ngoại giao.

[4] A prelate (tiếng Anh): Cũng là giám chức; nói chung là hàng giáo phẩm cao cấp.

Cũng như mọi lần, lần này Grassini cũng dốc hết tâm trí để mời bằng được bậc tài danh mới tới ấy đến nhà mình. Nhưng Montanelli không phải là nước bài dễ chơi. Đối với mọi lời mời ông ta thấy đều từ chối rất lịch thiệp mà giải quyết, nói rằng mình không được khỏe và luôn bận việc, không còn hơi sức và thời giờ nhàn rỗi đâu mà giao tiếp xã hội.

Một buổi sớm chủ nhật lạnh trời và

chói nắng, Martini đang cùng Gemma đi ngang qua quảng trường Signoria^[5], anh khinh miệt nói với chị:

- Vợ chồng nhà Grassini kia thật là một sinh vật tạp thực, bạ cái gì cũng ngón tuốt! Chị có thấy họ cúi rạp đầu khi xe ngựa của Hồng y giáo chủ đang phóng tới không? Bất kể ai họ cũng vợ cả, miễn là kẻ đó được người ta nói tới. Từ thuở bé đến giờ, tôi chưa từng thấy có những kẻ hám danh đến thế. Mới dạo tháng tám đón Ruồi trâu, nay lại rước Montanelli. Tôi cũng mong sao cho Đức Ngài Hồng y phồng mũi lên về sự quan tâm ấy. Mà cả lô lốc những kẻ phiêu lưu quý hóa nọ cũng chia ngọt sẻ bùi với ngài về sự

quan tâm này.

[5] Signoria (tiếng Ý, đọc là Xi-nho-ri-a).

Họ vừa đi nghe Montanelli giảng đạo ở Nhà thờ lớn^[6]. Tòa kiến trúc đồ sộ này chật ních biết bao người háo hức đến nghe, đến nỗi Martini sợ Gemma lại phát nhức đầu rắc rối ra, nên đã khuyên chị ra về trước khi buổi Thánh lễ^[7] kết thúc. Sau một tuần lễ mưa rả rích, hôm nay mới có một buổi sáng nắng đẹp khiến anh có cơ để rủ chị đi dạo chơi trên những sườn đồi vườn tược gần San Niccolo^[8].

[6] Cathedral (tiếng Anh): Từ Công giáo chính thức gọi là “Nhà thờ chính tòa”, vì là nơi có Giám mục (Tòa Giám mục).

[7] The Mass (tiếng Anh): Giáo hội Công giáo cho rằng bất kỳ buổi thờ phụng chính thức nào (buổi lễ), kể cả buổi lễ ngày chủ (chúa) nhật, đều là chính thức và đều phải gọi là Thánh lễ (Mass).

[8] San Niccolo (tiếng Ý): Thánh Nicôla.

- Không, - chị trả lời, - nếu anh rảnh tôi sẵn sàng đi dạo, nhưng không đi lên đồi đâu. Ta cứ đi theo đường Lung' Arno^[9] này, vì khi Montanelli từ nhà thờ trở về nhất định ông ta sẽ đi qua đây, và cũng như Grassini, tôi cũng muốn chiêm ngưỡng vị danh nhân này.

[9] Lung' Arno (tiếng Ý): Đường dọc sông Arno.

- Nhưng chị vừa thấy ông ta rồi kia mà!

- Chưa thấy được rõ. Trong Nhà thờ lớn chen chúc ghê quá, còn lúc xe ông ta đi qua thì ta lại ở phía sau lưng ông ta. Nếu bây giờ ta đến đứng gần cầu thì chắc chắn sẽ thấy được ông ta rất rõ, anh biết nơi ông ta dừng chân là ở trên đường Lung' Arno này chứ gì.

- Nhưng tại sao bỗng dưng chị lại nảy ra ý muốn nhìn mặt Montanelli? Có bao giờ chị hay để ý đến những nhà truyền đạo nổi tiếng đâu?

- Không phải là đề ý đến nhà truyền đạo, mà là đề ý đến bản thân con người. Tôi muốn xem từ lần gặp cuối cùng đến nay ông ta có khác đi nhiều không?

- Lần ấy là bao giờ?

- Sau khi Arthur chết hai ngày.

Martini lo lắng đưa mắt nhìn chị. Hai người đã ra tới đường Lung' Arno mà chị vẫn dăm dăm và trống rỗng lướt nhìn ngang dòng nước, còn vẻ mặt chị thì quả tình anh chẳng còn muốn ngó đến chút nào.

Một lát sau anh nói:

- Gemma, Gemma thân mến! Có lẽ nào chị cứ vẫn để câu chuyện khôn khéo ấy ám ảnh suốt cuộc đời mình sao? Tuổi mười bảy chúng ta ai mà chẳng lỗ lã.

- Nhưng không phải chúng ta ai mười bảy tuổi cũng đều giết chết người bạn tốt nhất của mình.

Chị uể oải trả lời, rồi tì tay lên thành cầu bằng đá mà nhìn xuống con sông. Martini đành phải nín lặng, cứ mỗi lần nỗi niềm ấy đến với chị thì anh lại rất sợ chuyện trò cùng chị.

- Hễ cứ nhìn xuống dòng nước là tôi lại nhớ đến chuyện xưa, - chị từ từ ngược mắt nhìn anh mà nói vậy, rồi thoáng rùng mình ớn lạnh, nói tiếp:

- Cesare, ta đi thêm chút nữa đi, đứng lại là lạnh đấy.

Họ lẳng lặng bước qua cầu rồi lại tiếp tục men theo bờ sông. Vài phút sau, chị lại bảo:

- Sao con người ấy có giọng nói đẹp thế nhỉ! Trong giọng nói của ông ta có một cái gì mà tôi chưa từng nghe thấy trong tiếng nói của một người nào khác. Tôi tin rằng đó chính là bí quyết cho một

nửa sự thành công của ông ta.

Bắt ngay lấy một đề tài họa may có thể đưa chị ra khỏi kỷ niệm khủng khiếp do dòng sông gợi lại, Martini liền tán thành ý kiến của chị:

- Đúng là một giọng nói tuyệt vời, và ngoài ra ông ta còn là một nhà thuyết giáo cừ khôi nhất mà tôi đã được nghe giảng. Nhưng tôi tin rằng bí quyết thành công của ông ta có nguồn gốc sâu xa hơn nữa, ở chỗ là lối sống của ông ta khác hẳn với hầu hết các giáo sĩ cao cấp khác. Tôi chẳng biết, trừ bản thân Giáo hoàng ra, trong toàn Giáo hội nước Ý liệu chị có tìm nổi một bậc giáo phẩm bề trên

nào có thanh danh trong sạch đến thế không. Còn nhớ đạo năm ngoái ở Romagna, có dịp đi qua giáo phận của ông ta, tôi thấy những người dân miền núi dữ dằn thế mà cứ gọi mưa châu chực để được thấy mặt ông ta hoặc sờ vào áo ông ta. Dân ở đây họ tôn thờ ông ta như ông thánh vậy, và điều đó là rất có ý nghĩa đối với dân Romagna, vì nói chung dân ở đây cứ thấy bất kỳ của nợ nào mặc áo chùng^[10] của cố đạo là họ ghét. Tôi có hỏi một người nông dân già, một dân buôn lậu điển hình mà tôi từng thấy trong đời, rằng hình như dân ở đây rất sùng kính vị giám mục của họ, thì người ấy trả lời: “Chẳng phải chúng tôi yêu quý các giám mục đâu, họ toàn bọn gian dối tât, -

mà là chúng tôi yêu *Monsignor* Montanelli. Chưa từng ai thấy Đức ông nói dối hay làm điều bất chính bao giờ cả”.

[10] A cassock (tiếng Anh): Cũng gọi là áo sutan (soutane, tiếng Anh và tiếng Pháp), màu trắng, đỏ, tía, đen tùy theo chức sắc, nhưng của linh mục là áo chùng thâm (đen).

Gemma lên tiếng, nửa như để nói với riêng mình:

- Tôi phân vân, chẳng hiểu ông ta có biết dân chúng nghĩ thế về ông ta không?

- Sao ông ta lại không biết chứ? Chị cho họ nghĩ thế là không đúng sao?

- Tôi biết chuyện ấy là không đúng.

- Vì sao chị biết?

- Vì ông ta bảo tôi thế.

- Ông ta bảo chị? Montanelli ấy ư?
Gemma, ý chị nói là gì vậy?

Chị vuốt ra phía sau mớ tóc lòa xòa trên trán và ngoảnh lại với anh. Họ đã đứng sững lại, anh tựa vào thành cầu, còn chị thì lấy mũi dùi chậm rãi vẽ hình trên nền đường.

- Cesare, anh với tôi đã là bạn của

nhau ngần ấy năm trời mà tôi chưa bao giờ kể anh nghe những chuyện thực đã xảy ra với Arthur.

Anh vội vã ngắt lời:

- Không cần kể tôi nghe nữa đâu, bạn thân mến ạ. Tôi biết hết cả rồi.

- Giovanni đã kể anh nghe ư?

- Phải, lúc anh ấy hấp hối. Anh ấy đã kể tôi nghe chuyện đó vào một đêm tối ngồi trông nom anh. Anh ấy bảo... Gemma thân mến ạ, nay câu chuyện ta đã trót gọt ra rồi, đáng lẽ tôi phải nói hết sự

thật để Gemma rõ nhé... Anh ấy bảo rằng chị cứ vẫn luôn âm thầm đau khổ về chuyện bất hạnh kia. Anh khẩn khoản nhờ tôi cố gắng đến với chị như một người bạn tốt và cố tìm cách làm sao để chị khỏi nghĩ đến chuyện xưa. Và, tôi đã cố gắng, mặc dù có thể là chưa thành công, nhưng bạn thân mến ạ, quả là tôi đã có cố gắng.

Ngước mắt lên một lát, chị êm ái trả lời:

- Tôi biết, anh đã cố gắng. Nếu không có tình bạn của anh, chắc hẳn tôi còn đau khổ không biết đến chừng nào. Nhưng... vậy là Giovanni không nói gì

với anh về *Monsigno* Montanelli?

- Không, mà hồi bấy giờ tôi cũng chẳng biết ông ta lại có gì dính dáng gì đến câu chuyện này. Tất cả câu chuyện anh ấy nói với tôi là về... toàn bộ vụ việc với tên mật thám, và về...

- Về chuyện tôi tát Arthur và chuyện Arthur nhảy xuống biển tự tử. Được, vậy tôi sẽ kể anh nghe chuyện Montanelli.

Họ quay trở lại chiếc cầu mà lát nữa xe của Hồng y giáo chủ sẽ đi qua. Mặt không ngừng vời trông qua dòng sông, Gemma kể lại.

- Hồi bấy giờ Montanelli còn là một kinh sĩ và là Giám đốc Chung viện Thần học ở Pisa. Ông ta thường dạy triết học cho Arthur và, khi Arthur lên Sapienza^[11], ông ta vẫn tiếp tục kèm cặp cho anh. Hai người hoàn toàn gắn bó với nhau, họ giống một cặp tình nhân hơn là đôi thầy trò. Arthur cơ hồ tôn sùng đến cả chỗ nào có bước chân Montanelli đi qua và tôi còn nhớ có lần anh nói với tôi rằng nếu mất “*Padre*” của mình – anh luôn gọi Montanelli như vậy – anh sẽ nhảy xuống biển mà chết. Thế còn chuyện xảy ra với tên mật thám, anh đã biết rồi. Đến ngày hôm sau, ba tôi cùng họ hàng nhà Burton, - tức là mấy người anh cùng cha khác mẹ hết sức đáng ghét của

Arthur – đều mất cả ngày ra mò tìm xác ở vũng tàu Darsena. Còn tôi thì một mình ngồi trong phòng nghĩ lại những gì mình đã gây ra...

*[11] Sapienza (tiếng Ý): Tác “lên đại học”.
Xem từ trang 72.*

Chị im lặng một lát rồi kể tiếp:

- Đến tận khuya ba tôi vào phòng tôi mà bảo: “Gemma, con xuống dưới nhà đi, có một người mà ba muốn con gặp người ta”. Và khi chúng tôi xuống nhà dưới thì đã thấy một cậu trong số những sinh viên thuộc nhóm chúng tôi đang ngồi trong phòng khám bệnh của ba tôi. Mặt

tái mét, và run lẩy bẩy, cậu ta kể cho tôi và ba tôi nghe bức thư thứ hai của Giovanni từ trong tù gửi ra nói rằng anh em trong đó đã được nghe bác cai ngục cho biết về lão Cardi và về việc Arthur đã bị lừa bịp trong khi xưng tội. Tôi còn nhớ cậu sinh viên ấy nói với tôi rằng: “Ít ra chúng ta cũng còn được đôi chút an ủi là nay chúng ta biết anh ấy vô tội”. Ba tôi nắm lấy hai tay tôi, cố tìm cách an ủi tôi, và lúc ấy ông vẫn chưa biết chuyện tôi tát Arthur. Thế rồi tôi trở về phòng, cứ thế ngồi một mình suốt đêm. Sáng ra, ba tôi lại cùng họ hàng nhà Burton ra bến cảng để xem xét việc mò tìm. Họ vẫn còn nuôi chút hy vọng tìm được xác Arthur.

- Nhưng không tìm thấy gì phải không chị?

- Không tìm thấy. Chắc sóng cuốn ra khơi mất rồi, ấy vậy mà họ vẫn cho là còn có cơ may nào đó. Tôi đang một mình ngồi trong phòng, thì bỗng có chị người làm lên báo cho biết vừa mới có một vị "*padre* vô cùng tôn kính" đến hỏi, thấy chị bảo là ba tôi đang ở ngoài bến cảng, ông ta liền đi thẳng. Tôi biết nhất định đó là Montanelli, liền chạy lối cửa sau, đuổi kịp ông ta ở ngay cổng vườn. Khi tôi gọi: "Kính sĩ Montanelli, con muốn nói chuyện với cha", thì ông ta đứng ngay lại, im lặng chờ tôi nói. Ôi, Cesare, nếu anh được thấy mặt ông ta lúc

bấy giờ, - nét mặt ấy còn ám ảnh tôi mãi nhiều tháng trời sau đó! Tôi nói: “Con là con bác sĩ Warren. Con đến để nói cha hay rằng *chính con* đã giết chết Arthur” Tôi kể cho ông ta hết ngọn ngành, còn ông ta cứ đứng trơ trơ như tượng đá mà nghe cho đến khi tôi dứt lời. Rồi ông bảo: “Cứ yên tâm, con ạ! Chính cha mới là kẻ sát nhân, chứ không phải con đâu. Cha đã lừa dối nó và nó đã biết ra chuyện ấy”. Nói thế xong ông ta quay gót bước khỏi cổng, không thêm một lời nào khác nữa.

- Rồi sau đó?

- Sau đó tôi cũng không biết ông ta ra

sao nữa. Ngay tối hôm ấy tôi có nghe đâu như ông ta bị lên cơn gì đó mà ngã gục ở ngoài phố rồi được người ta khiêng vào một căn nhà gần bến cảng. Nhưng tất cả tôi biết chỉ có thế mà thôi. Ba tôi đã tận tâm tận lực đối với tôi. Khi tôi kể lại chuyện trên, ông liền bỏ cả công việc, đưa nay tôi về Anh để tôi khỏi nghe thấy điều gì gợi nhớ tới chuyện xưa. Ông sợ tôi cũng nhảy xuống biển tự tử nốt và quả là đã có lần tôi suýt làm thế thật. Nhưng rồi, anh biết đấy, khi biết ba tôi mắc bệnh ung thư thì tôi đã phải trấn tĩnh lại – vì có còn ai khác chăm sóc cho ông nữa đâu. Sau khi ông mất đi, chỉ còn lại tôi với mấy đứa em nhỏ, mình tôi phải cáng đáng cho tới khi anh cả tôi có đủ điều

kiện để đưa chúng về một ngôi nhà. Rồi sau Giovanni tới. Anh biết không, khi chúng tôi sang đến Anh, hầu như chúng tôi rất sợ gặp nhau, bởi vì giữa chúng tôi là cả một kỷ niệm hãi hùng ấy. Anh ấy cũng ân hận cay đắng xiết bao về phần của mình trong chuyện chung – tức là về bức thư bất hạnh mà anh đã viết trong tù gửi ra. Nhưng tôi tin rằng: thật ra chính là nỗi đau khổ chung đã gắn kết chúng tôi lại với nhau.

Martini mỉm cười, lắc đầu. Anh bảo:

- Về phía chị có thể là như thế, nhưng Giovanni thì đã quyết ý ngay từ lần đầu được trông thấy chị rồi. Tôi còn nhớ sau

chuyến đầu tiên đi Leghorn rồi trở về Milan, suốt này anh ấy đã say mê nhắc với tôi về chị, đến nỗi tôi thực sự phát ốm vì phải nghe mãi cái tên Gemma cô gái người Anh. Tôi nghĩ là lúc bấy giờ tôi đã phát ghét chị rồi đấy. A, xe đến kia rồi!

Cỗ xe ngựa phóng qua cầu và ruổi đến một ngôi nhà lớn trên đường Lung' Arno. Montanelli ngồi, ngả lưng vào những chiếc gối tựa, tưởng chừng như đã quá mệt nên không còn để ý được tới đám đông đang nhiệt tình xúm xít quanh cửa để ngắm nhìn mặt ông. Vẻ hững hờ che đậy bộ mặt ông trong Nhà thờ lớn, nay hầu như đã phai mờ, và giờ đây, những

nét ưu tư và mệt mỏi đã phơi bày ra dưới ánh mặt trời. Khi ông ta xuống xe và với dáng đi nặng nhọc, lò dò của tuổi già đã mệt mỏi lại đau tim, mà đi qua để bước vào nhà, thì Gemma cũng quay ra từ từ bước lại phía cầu. cái nhìn mờ mịt và tuyệt vọng của Montanelli dường như thoáng phản ánh trên gương mặt chị. Martini lặng lẽ đi bên cạnh.

Sau giây lát im lặng, chị mở lời:

- Từ lâu tôi đã luôn trăn trở mãi, không biết ông ta nói “lừa dối” là ý thế nào. Và đôi lúc tôi chợt nảy ra ý nghĩ...

- Sao cơ?

- Vâng, đây là điều rất kì dị đấy. Tại sao hai người trông giống nhau một cách hết sức lạ thường.

- Hai người nào vậy?

- Arthur và Montanelli. Mà chẳng phải chỉ mình tôi nhận thấy điều đó. Hơn nữa, trong mối quan hệ giữa những người trong gia đình ấy có một cái gì bí ẩn lắm. Bà Burton, mẹ Arthur, là một trong những người đàn bà hiền hậu nhất mà tôi được biết. Khuôn mặt bà cũng có một vẻ thanh tú như khuôn mặt Arthur, và tôi tin rằng về cả tính nết họ cũng giống nhau nốt. Nhưng lúc nào bà cũng có vẻ sợ sệt

như một kẻ tội phạm bị phát giác vậy. Cô con dâu của người vợ trước thường đối xử với bà không khác gì một kẻ tẻ bạc đối xử với con chó. Còn chính bản thân Arthur lại cũng tương phản lạ lùng với tất cả những con người thô thiển trong gia đình Burton kia. Tất nhiên, khi còn nhỏ mọi việc ta đều chỉ coi là chuyện dĩ nhiên thôi, nhưng sau này, khi nhìn lại, tôi luôn phân vân không biết Arthur có phải thật sự là người họ Burton không.

Cô góp lời an ủi duy nhất mà anh có thể nghĩ ra lúc ấy, Martini xen lời:

- Cũng có thể anh ấy đã phát hiện ra chuyện gì đấy của mẹ mình... và cái đó

dễ trở thành nguyên do dẫn đến cái chết của anh, chứ không phải vì vụ việc với Cardi gì cả đâu.

Nhưng Gemma lắc đầu:

- Nếu anh nhìn thấy được vẻ mặt Arthur sau khi tôi tát anh ấy, thì anh sẽ chẳng nghĩ như vậy, Cesare ạ. Những gì về Montanelli có lẽ là đúng cả đấy, - rất có thể là như thế - nhưng điều gì tôi đã làm thì đã trót làm mất rồi.

Họ bước đi một quãng đường mà không nói gì nữa cả.

Mãi sau, Martini bảo:

- Gemma thân mến, nếu như trên thế gian này có một cách gì có thể xóa bỏ được cái đã trót làm, thì mới đáng cho ta âm thầm xót xa về những sai lầm cũ của mình. Còn cứ như hiện nay thì hãy cứ để cho người đã chết chôn vùi những gì đã chết. Câu chuyện ấy thật khủng khiếp, nhưng chí ít cậu thiếu niên đáng thương ấy nay đã được giải thoát rồi và lại còn may mắn hơn cả một số kẻ sống sót, những kẻ đang còn lưu vong hoặc bị tù đày. Chính họ mới là những người mà chị và tôi nên nghĩ tới; chúng ta không có quyền xé nát tâm can mình vì những người đã chết. Chị hãy nhớ đến câu của

chính thi sĩ Shelley^[12] người Anh của chị, rằng: “Quá khứ là thuộc Tử thần, tương lai thuộc về chính bạn”. Chị hãy nắm lấy tương lai, khi tương lai còn đang thuộc về chị, và hãy tập trung tâm trí mình, không phải là vào những gì mình đã làm từ lâu và có gây đau khổ cho mình, mà vào những gì mình có thể làm hiện nay và để có ích cho người.

[12] Percy Bysshe Shelley (1792-1822): Nhà thơ lãng mạn nổi tiếng nước Anh.

Lòng đầy chân tình, anh đã nắm lấy tay chị. Nhưng anh đã đột ngột buông tay ra và thụt lùi lại khi nghe thấy một giọng nói mềm mại, lạnh lùng, và kéo dài lê thê

ở phía sau.

Giọng nói uể oải đó đang như thăm thì:

- *Monsignor* Monta... taneli hiển nhiên là đúng như mọi điều ông vừa nói, ông bác sĩ thân mến ạ. Thực ra đối với cái thế giới này, ông ta còn tỏ ra tốt lắm lắm, đến nỗi cần được hộ tống mà sang thế giới bên kia một cách lễ phép nữa kia. Tôi chắc rằng ở đó ông ta cũng sẽ gây nên chấn động lớn chẳng kém gì ở đây. Ở đó có... có lẽ có vô số những con ma cũ còn chưa hề trông thấy một cửa lạ là một vị Hồng y giáo chủ thật thà bao giờ. Mà ma quý lại hay thích của lạ,

chuyện đó cũng bình thường thôi.

Liền đó cất lên tiếng bác sĩ Riccardo với giọng bực tức không nén nổi:

- Sao ông biết điều đó?

- Trong Kinh Thánh^[13] đây, quý ông thân mến ạ. Nếu sách Phúc Âm^[14] là đáng tin cậy, thì qua đó ta thấy đến con ma đáng kính nhất của mọi Con Ma^[15] cũng thích... thích làm những chuyện liên kết tùy tiện. Này nhé, như thật thà và các Hồng y giáo... giáo chủ chẳng hạn, đối với tôi, hai thứ đó có vẻ là một sự liên kết hơi tùy tiện và là một sự liên kết khá khó chịu, như tôm đem trộn với cam thảo

vậy. A! *Signor* Martini và *signora* Bolla! Hôm nay trời đẹp sau trận mưa^[16], có phải không ạ? Các vị cũng đã vào nghe vị Savonarola^[17] tái... tái thể giảng thuyết đấy chứ?

[13] *Holy Writ (tiếng Anh): Cũng như Bible.*

[14] *The Gospel (tiếng Anh): Xem từ trang 59.*

[15] *Of all Ghosts (tiếng Anh): Ghost trong tiếng Anh còn có nghĩa là “hồn”, “linh hồn”, và trong nguyên văn viết hoa (Ghost) lại có nghĩa là Holy Ghost (Chúa Thánh thần, Chúa Thánh Linh). Ở đây có sự chơi chữ, rất châm biếm.*

[16] *Lovely weather after the rain (tiếng Anh): Theo phương ngôn Pháp: Après la pluie, le beau temps.*

[17] *Jirolamo Savonarola (1452-1498):* Giáo sĩ công giáo sinh tại Ferrare(Ý), một nhà truyền đạo nổi tiếng ở Florence (Firenze), sau bỏ Công giáo mà theo Tân giáo(Tin lành). Ông định thiết lập một thể chế nửa thần quyền, nửa dân quyền ở Florence, thường vạch tội những hành vi xấu xa của Giáo hội và nhà cầm quyền, nên đã bị bức hại và năm 1498 đã bị xử tử về tội “theo tà giáo”.

Martaini quay ngoắt lại. Ruồi trâu miệng ngậm xì gà, ve áo cài một đóa hoa tươi trông trong nhà kính^[18], đang chìa một cánh tay mảnh khảnh nhưng đeo găng rất chỉnh tề cho anh bắt tay. Với ánh mặt trời phản chiếu từ đôi giày bóng lộn và cả từ mặt nước ánh lên bộ mặt tươi cười của anh ta thì Martini thấy anh ta cũng không đến nỗi khập khiễng, mà lại chững chạc hơn mọi khi. Họ đang còn người thì niềm nở, kể lại khá hờn dỗi để bắt tay nhau, thì đã thấy Riccardo vội vàng kêu lên:

[18] Ý nói loại hoa đất tiền.

- Tôi e là *signora* Bolla khó ở rồi

kìa!

Người ta thấy chị tái đi đến nỗi gương mặt chị sấp bóng vành vũ trông càng xám ngoét lại, dải mũ buộc dưới cổ cũng phập phồng rõ rệt do tim đập dồn dập.

Chị thều thào:

- Tôi xin về nhà.

Họ gọi một chiếc xe đên, Martini theo chị lên xe để đưa chị bình yên về nhà. Khi Ruồi trâu cúi xuống gỡ chiếc áo choàng của chị đang vướng vào bánh xe, anh đột nhiên ngược mắt nhìn chị, và

Martini thấy chị co rúm người lại mà quay đi như đang thấy một cảnh hãi hùng nào vậy.

Khi xe đã chuyển bánh, anh bèn dùng tiếng Anh hỏi chị:

- Gemma, chị làm sao thế? Gã khôn kiếp ấy đã nói gì với chị vậy?

- Không nói gì đâu, Cesare; không phải lỗi tại ông ấy đâu. Tôi... tôi... đã bị một cơn hoảng hốt...

- Hoảng hốt!

- Phải!... Tôi tưởng tượng ra là...

Chị đưa một tay lên che mắt, và Martini im lặng chờ cho chị lấy lại được bình tĩnh. Dần dần gương mặt chị đã trở lại sắc thái tự nhiên như cũ.

Cuối cùng, quay lại phía anh và với giọng thường ngày, chị bảo:

- Anh nói rất đúng. Đoái nhìn quá khứ khủng khiếp thật chẳng ích gì mà chỉ càng tệ hại hơn thôi. Nó lừa dối cân não ta và khiến ta tưởng tượng ra đủ mọi chuyện phi lý. Từ nay chúng ta sẽ *đừng bao giờ* nói đến chuyện ấy nữa, Cesare ạ, kéo gặp mặt ai tôi cũng lại thấy có những nét

giống Arthur một cách rất hoang đường. Đúng là một loại ảo giác, như cơn ác mộng giữa ban ngày vậy. Ngay vừa nãy, khi gã công tử bột loắt choắt và khả ố ấy xuất hiện, tôi lại tưởng tượng ra đó là Arthur.

Chương V

Ruồi trâu quả là người sở trường trong việc tự gây cho mình nhiều kẻ địch. Tháng tám anh đến Florence mà khoảng cuối tháng mười đã có đến ba phần tư ủy viên trong ban chấp hành trước kia mời

anh đến, nay lại tán thành ý kiến của Martini. Những sự công kích điên cuồng của anh đối với Montanelli đã làm cho ngay cả những người khâm phục anh cũng phải bất bình. Và chính bản thân Galli lúc đầu nặng về ủng hộ mọi lời nói và việc làm của nhà châm biếm sắc sảo ấy, thì nay cũng đã bắt đầu tỏ vẻ bức dọc, thừa nhận rằng lẽ ra không nên động đến Montanelli thì tốt hơn. “Những Hồng y giáo chủ tử tế đâu có nhiều nhận gì. Nếu có được người như thế, ta nên đối xử cho có lễ độ.”

Xem ra người duy nhất vẫn giữ được thái độ rất坦然 nhiên trước một cơn bão những tranh châm biếm và các bài thơ

văn nhạo bán mình lại chính là Montanelli. Có lẽ giống như Martini đã nói, vị tất đã nên hoài công cố sức chế giễu mãi một người đang đối mặt với những chế giễu ấy mà lại có thái độ thanh thản đến thế. Trong thành phố người ta kể rằng: một hôm Montanelli đang dùng bữa tối với Tổng Giám mục^[1] Florence, bỗng thấy trong phòng có một trong những bài bôi nhọ cay độc của Ruồi trâu đối với mình thì liền đọc hết từ đầu đến cuối rồi đưa cho Tổng Giám mục xem và nhận xét rằng: “Viết cũng cừ đấy chứ nhỉ?”

[1] Archbishop (tiếng Anh): Một chức cao trên chức giám mục của Giáo hội Công giáo, đứng đầu một giáo tỉnh và trông coi một giáo phận riêng.

Có một hôm trong thành phố xuất hiện một tờ truyền đơn nhan đề là “Phép mầu nhiệm của lễ Truyền tin”^[2]. Cho dù tác giả đã bỏ không in hình phác họa một chú ruồi trâu đang giương cánh, “chữ ký” nay đã rất quen thuộc của mình, nhưng giọng văn cay độc và sắc bén vẫn khiến hầu hết các bạn đọc không còn hồ nghi gì về gốc gác của bài viết. Bài châm biếm viết theo thể đối thoại giữa Đức Trinh nữ^[3] Maria tượng trưng cho xứ Tuscany với Montanelli trong vai vị thiên thần tay cầm những cành huệ trinh trắng, đầu quấn cành ôliu hòa bình như vương miện, đang truyền tin phái Jesuits đã “giáng lâm”^[4]. Trong toàn bài đầy rẫy những lời bóng gió xúc phạm cá nhân và

những ám chỉ cực kỳ liều lĩnh khiến toàn thành Florence này cảm thấy bài văn trào phúng này vừa quá quắt lại vừa bất công. Ấy vậy mà toàn thành Florence đã cười. Những chuyện phi lý đã được nói ra bằng một giọng rất trang nghiêm của Ruồi trâu đã có một nét gì không cưỡng lại nổi những kẻ không tán thành và ghét anh nhất, khi đọc mọi điều châm chọc của anh, cũng đều phải cười phá lên như những người ủng hộ nhiệt tình anh vậy. Và mặc dù giọng điệu của tờ truyền đơn rất là khó chịu, nó đã để lại dấu vết của nó trong tâm trạng quảng đại nhân dân thành phố. Danh tiếng cá nhân của Montanelli cao vợi, tưởng chừng bất kỳ một bài châm biếm nào dù sắc sảo đến

đâu cũng không làm tổn thương nổi. Thế mà có lúc làn sóng dư luận đã suýt quay ra chống lại ông ta. Ruồi trâu đã biết châm chích vào đúng chỗ^[5], cho nên, mặc dù những đám đông vẫn háo hức tụ tập trước ngôi nhà của Hồng giáo chủ để xem ông bước vào nhà hoặc ra khỏi xe, nhưng xen giữa những tiếng hoan hô và những lời chúc phúc, vẫn luôn vang lên những tiếng hô bất thường: “Đồ Jesuit”, “Tên do thám Sanfedist!”.

[2] The Annunciation (tiếng Anh): Giáo hội Công giáo có ngày lễ kỷ niệm thiên thần truyền tin cho bà Maria mang thai Chúa Giêsu (vào ngày 7 tháng 4), và đây được coi là phép màu nhiệm hàng đầu trong những phép màu nhiệm nói trong Kinh Mân Côi (Holy Rosary), xem trang 110.

[3] *The Virgin Mary (tiếng Anh): Cũng là Đức mẹ Maria đồng trinh.*

[4] *Advent (tiếng Anh): Từ Công giáo chỉ sự đến, sự xuất hiện một cách thiêng liêng của Chúa Giêsu; ở đây là ý châm chọc.*

[5] Nguyên văn là “*had known where to sting*” (Ta nói: “*biết điểm vào đúng huyết*”, nhưng ở đây là hình tượng con ruồi trâu đốt như ong đốt).

Nhưng Montanelli không thiếu gì người ủng hộ. Bài văn nói trên ra mắt mới được hai ngày, tờ *Giáo sĩ*^[6], tờ báo hàng đầu của Giáo hội, đã đăng ra một bài báo xuất sắc, với tựa đề “*Trả lời bài “Phép màu nhiệm của lễ truyền tin”*”, dưới ký “*Đứa con của Giáo hội*”^[7]. Đây là một bài văn sôi nổi bênh vực cho

Montanelli trước những lời quy chụp vu oan giá họa của Ruồi trâu. Sau khi đã say xưa trình bày một cách rất hùng biện chủ thuyết về hòa bình trên trái đất và thiện chí với con người mà Giáo hoàng^[8] mới lên ngôi là Đấng truyền bá^[9], tác giả đầu tên kia đã kết luận bằng cách thách Ruồi trâu chứng minh được bất cứ một điều buộc tội nào do chính mình đưa ra, và trịnh trọng kêu gọi công chúng không nên tin kẻ vu khống đáng khinh này. Về phương diện lập luận vững vàng khác nào một bài biện hộ chuyên biệt^[10] cũng như cả về giá trị như một tác phẩm văn học, bài báo này đều rõ ràng hơn hẳn mọi bài báo thông thường, nên đã thu hút được nhiều sự chú ý trong thành phố, đặc

biệt là trong tình hình mà ngay cả người chủ bút của tờ báo cũng không sao đoán ra được tung tích của tác giả là ở đâu. Chẳng bao lâu bài báo đã được in lại thành sách nhỏ, và từ bấy giờ, trong mọi quán cà phê ở Florence người ta luôn bàn tán về “người biện hộ vô danh” này.

[6] Churchman (tiếng Anh): Cũng là “Người của Hội thánh”.

[7] “A Son of the Church” (tiếng Anh): Cũng là “Đứa con của Hội thánh”.

[8] Nguyên văn Pontiff (tiếng Anh) là một từ La Mã cổ có nghĩa là “Vị trưởng tế”, sau này dùng để chỉ giáo hoàng.

[9] Nguyên văn là evangelist (tiếng Anh): Người rao giảng Phúc Âm, hoặc người truyền bá Tin Mừng (trong Công Giáo), và là người truyền đạo (trong đạo Tin lành). Ở đây mang tính chất đề cao Giáo hoàng Piô IX.

[10] A special pleading (tiếng Anh): Tức bài kháng biện chuyên đề của thầy cãi (trạng sư).

Ruôi trâu đã đáp lại bằng cách kịch liệt công kích triều đại Giáo hoàng^[11] mới và tất cả những ai ủng hộ triều đại Giáo hoàng này, nhất là đối với Montanelli, thì anh còn đã ám chỉ một cách cẩn thận rằng có lẽ chính ông ta đã ngầm cho phép đăng bài báo ấy để tán tụng mình. Người biện hộ vô danh lại đã trả lời bằng một bài phủ nhận căm phẫn trên báo *Giáo sĩ*. Suốt thời gian

Montanelli lưu lại trong thành phố, cuộc bút chiến dữ dội giữa hai cây bút đã thu hút được sự chú ý của công chúng nhiều hơn cả bản thân nhà thuyết giáo lừng danh.

[11] Nguyên văn tiếng Anh là Pontificate.

Một vài đảng viên Đảng Tự do đã đánh liều trực tiếp tỏ lời dị nghị với Ruồi trâu bảo rằng việc anh có giọng điệu hiểm ác đối với Montenalli là không cần thiết, song họ chẳng được thỏa mãn gì nhiều từ phía anh. Anh chỉ nhã nhặn mỉm cười rồi uể oải, lấp bắp trả lời:

- Thừa... thừa các quý ông, các quý ông thật... thật chẳng công bằng chút nào. Khi nhượng bộ *signora* Bolla, tôi đã nêu điều kiện rành rọt là đến lúc này tôi phải được toàn quyền cười cợt đôi... đôi chút mà! Trong giao kèo đã ghi rõ thế rồi^[12].

[12] It is so nominated in the bond! (tiếng Anh): Phỏng lời của Sailóc (Shylock) trong vở kịch “Người lái buôn thành Vonido” (Merchant of Venice) của Shakespeare, màn IV, cảnh 1.

Đến cuối tháng mười, Montanelli trở về tòa giám mục của mình^[13] tại Romagna. Trong bài giảng từ biệt^[14] trước khi rời Florence, ông đã đề cập tới cuộc tranh luận. Ông nhẹ nhàng ngỏ lời

không tán thành thái độ quá hăng hái của cả hai cây bút và khẩn cầu người đã giấu tên để biện hộ cho mình nên nêu lên một tấm gương độ lượng bằng cách chấm dứt cuộc luận chiến vô bổ và vô lối này. Hôm sau người ta thấy trên tờ *Giáo sĩ* có một mẫu cáo bạch nói rằng: thể theo ý muốn đã được bầu tỏ công khai của *Monsignor* Montanelli, “Đứa con của Giáo hội sẽ rút lui khỏi cuộc tranh luận”.

[13] *To his see (tiếng Anh):* See ở đây là *episcopal see*, vì Motanelli là Hồng y giáo chủ coi sóc tòa giám mục Romagna.

[14] *A farewell sermon (tiếng Anh):* Sermon là bài thuyết giáo, bài giảng đạo của cha cố.

Ruồi trâu được quyền nói lời cuối cùng. Anh ra một tờ truyền đơn nhỏ, tuyên bố rằng mình đã giải đáp và cải hóa trước thái độ hiền từ Cơ đốc giáo^[15] của Montanelli, và sẵn sàng bá vai mà tuôn những giọt nước mắt hòa giải lên cổ người Sanfedists đầu tiên nào anh gặp. Anh kết luận: “Thậm chí tôi còn sẵn lòng ôm hôn cả đối thủ nặc danh của tôi! Và nếu các bạn đọc của tôi hiểu điều đó có nghĩa gì và hiểu tại sao đối thủ của tôi lại phải giữ kín tên tuổi của mình, như Đức ngài Hồng y và tôi đã cùng hiểu, thì chắc các bạn sẽ tin lòng cải hóa chân thành của tôi”.

[15] Christian meekness (tiếng Anh): Cũng là “tinh thần hiền lành Kitô giáo”.

Hạ tuần tháng mười một, Ruồi trâu báo với tiêu ban văn học^[16] rằng anh sắp đi ra vùng biển nghỉ chừng hai tuần lễ. Hình như anh đã đi Leghorn, thế nhưng bác sĩ Riccardo, do có chuyện muốn bàn với anh, cũng đã lên đường đi Leghorn sau đó không lâu và đã tìm kiếm anh khắp trong thành phố ấy mà không thấy. Đến mùng 5 tháng mười hai, một cuộc biểu tình chính trị hết sức gay gắt đã nổ ra trong những nước thuộc Giáo hội^[17] suốt dọc dãy núi Apennines; lúc ấy người ta mới bắt đầu suy đoán tại sao bỗng dưng Ruồi trâu lại có ý nghĩ kỳ quặc là đi nghỉ mát giữa mùa đông tháng giá như vậy. Khi những cuộc bạo loạn đã

bị dập tắt, Ruồi trâu trở về Florence.
Gặp Riccardo ngoài phố, anh hòa nhã
bảo:

*[16] Literary committee: Ở đây và cả ở trang
245 các nguyên bản đều như vậy.*

*[17] States of the Church (tiếng Anh): Xem từ
trang 141.*

- Tôi nghe nói ông có đến Leghorn tìm
tôi, nhưng lúc ấy tôi đang lưu lại ở Pisa.
Cái thành phố ấy cổ kính mà đẹp xiết
bao! Có vẻ hết như Arcadia^[18] vậy.

*[18] Arcadia (tiếng Anh): Một miền của Hy Lạp
cổ đại, chung quanh là núi, bên trong là cuộc sống
chăn nuôi gia súc thanh bình, được các nhà thi sĩ*

xưa ca ngợi là một nơi an lạc. Nhưng sự so sánh của Ruồi trâu là có tính chất châm biếm, khôi hài.

Một buổi chiều trong tuần lễ Giáng sinh, anh đến dự cuộc họp của tiểu ban văn học ở nhà riêng bác sĩ Riccardo gần Porta alla Croce^[19]. Cuộc họp lần này rất đông đủ, nên khi anh bước vào nghiêng mình mỉm cười xin lỗi vì đến hơi trễ, thì hầu như đã không còn ghế nào trống. Ông Riccardo đứng dậy định sang phòng bên lấy ghế, nhưng Ruồi trâu ngăn lại. Anh bảo:

[19] Porta alla Croce (tiếng Ý): Cửa (cổng) Thánh giá.

- Ông khỏi lo, tôi ra đây ngồi cũng tốt

chán.

Đoạn anh bước qua phòng ra phía một cửa sổ ở cạnh ghế Gemma, anh mỉm cười và lim dim đôi mắt với kiểu nhìn tế nhị của tượng Nhân sư^[20], điều đó khiến anh có được cái nhìn như trong một bức họa chân dung của Leonardo da Vinci^[21], và cũng khiến cho sự nghi kỵ theo bản năng mà anh đã gieo vào lòng Gemma nay đã lại càng sâu thêm và biến thành một nỗi sợ hãi khó hiểu.

[20] Sphinx (tiếng Anh): Pho tượng đầu người, mình sư tử ở Ai Cập, được coi là có cái nhìn bí hiểm.

[21] Leonardo da Vinci (1452-1519): Họa sĩ thiên tài và nhà bác học vĩ đại nước Ý thời văn hóa Phục hưng ở châu Âu.

Vấn đề đưa ra thảo luận là việc một tờ truyền đơn nêu lên các quan điểm của ban chấp hành về nạn đói đang đe dọa xứ Tuscany và về những biện pháp phải sử dụng để đối phó với tình hình ấy. Quyết định vấn đề ra sao kê ra cũng khá gay go, vì như mọi khi, ý kiến trong ban chấp hành lại vẫn rất phân tán. Phe tiến xa hơn gồm Gemma, Martini và cả Riccardo chủ trương kiên quyết kêu gọi cả chính phủ và công chúng phải lập tức có các biện pháp cứu tế ngay cho nông dân. Còn nhóm ôn hòa, trong đó dĩ nhiên có Grassini, thì lại sợ rằng nếu đòi hỏi với

giọng quá găng sẽ chỉ làm cho Bộ sở quan^[22] nóng gáy, chứ không thuyết phục được họ.

[22] The ministry (tiếng Anh): Tức Bộ hữu quan (chủ quản vấn đề đó) trong chính phủ.

Vẻ bình tĩnh và đầy thương hại, ông Grassini nhìn về phía những phần tử cấp tiến đang đỏ mặt tía tai cả lên, mà nói:

- Thưa các vị, việc muốn cho dân chúng được cứu giúp ngay, tất cả chuyện đó đều rất tốt cả thôi. Phần lớn chúng ta đều muốn làm vô số thứ mà chúng ta khó lòng đạt được. Nhưng nếu ngay từ đầu chúng ta đã kêu gọi theo giọng điệu mà

các vị đề nghị, thì giờ cho tới khi nạn đói thực sự xảy ra, rất có thể chính phủ sẽ chẳng chịu tiến hành một biện pháp nào cả đâu. Vậy nếu chỉ cốt sao chúng ta dẫn dụ được Bộ sở quan đi điều tra tình hình mùa màng, thế cũng là một bước tiến rồi đấy ạ.

Từ trong góc phòng bên cạnh lò sưởi, ông Galli liền nhảy dựng lên mà đáp trả địch thủ của mình.

- Một bước tiến ư? Phải, thưa ngài quý mến. Nhưng nếu nạn đói sắp xảy ra đến nơi, nó sẽ không thể chời đợi chúng ta tiến bước theo kiểu đó được. Chúng ta chưa kịp bắt tay vào cứu tế, nhân dân có

thể đã chết đói ráo cả rồi.

Ông Sacconi lên tiếng:

- Một điều lý thú ta cần biết là...

Nhưng nhiều tiếng nói cất lên đã cắt đứt lời ông ta:

- Nói to lên, chúng tôi chẳng nghe được gì cả !

Ông Galli cáu sừng:

- Ngoài phố âm âm như dưới hỏa ngục vậy, thì chịu không nghe được thật.

Cửa sổ đóng chưa thể, ông Riccardo?
Tôi không nghe thấy cả tiếng chính mình
nói nữa!

Gemma ngoái lại nhìn:

- Vâng, cửa đóng kín rồi đấy. Tôi nghĩ
là do có đám xiếc gì đó đang diễu qua .

Từ dưới phố dội lên tiếng hò hét và
tiếng cười đùa, tiếng chuông rung và
tiếng chân bước rậm rịch, xen lẫn với cả
tiếng ồm ồm của một đội kèn đồng hạng
bét và tiếng trống khua thình thình vô tội
vạ.

Ông Riccardo bèn bảo:

- Mấy ngày này phải vậy, chứ làm sao được mùa Giáng sinh ta đành chịu cảnh ồn ào thôi. Ông vừa nói gì thế, ông Sacconi?

- Tôi nói rằng: một điều lý thú là ta thử nghe xem dư luận ở Pisa và Leghorn đối với vụ việc này như thế nào. Có lẽ *signor* Rivarez có thể cho chúng ta biết đôi chút, vì ông mới ở đó về.

Ruồi trâu không đáp. Anh đang chăm chú nhìn ra ngoài cửa sổ, có vẻ không nghe thấy lời ai nói gì trong phòng.

Gemma gọi:

- *Signor* Rivarez!

Chị là người duy nhất ngồi gần anh, và thấy anh vẫn không thừa, chị bèn cúi mình về phía trước, sờ vào cánh tay anh. Anh từ từ quay lại và chị giật mình thấy khuôn mặt anh sững lại trong một vẻ bất động khủng khiếp. Trong giây lát, khuôn mặt ấy giống như khuôn mặt của một xác chết, nhưng đôi môi đã mấp máy một cách kỳ dị và không sức sống:

- Vâng! - Anh thì thảo - Một đám xiếc đây.

Bản ăng đầu tiên của chị là che cho anh để những người khác khỏi tò mò. Tuy chưa hiểu điều gì đã xảy ra với anh, nhưng chị biết rằng một ảo tưởng hoặc ảo giác ghê rợn nào đã xâm chiếm mắt anh, và rằng trong giây lát ấy anh đã bị nó hoàn toàn chi phối cả về phần xác cũng như phần hồn. Chị vội vàng đứng dậy, đứng chắc giữa anh với cử tọa, rồi mở bung cửa sổ làm ra vẻ nhìn xuống đường phố. Ngoài chị ra, không ai trông thấy khuôn mặt anh lúc đó cả.

Gánh xiếc rong đang diễu hành trên đường phố với những vai hề tạp^[23] cười lừa và những vai *áclocanh*^[24] mặc áo quần cháp nổi sặc sỡ. Còn đám đông

những người hóa trang bằng các loại mặt nạ ngày hội thì cừa cười cợt vừa xô đẩy mà cùng với những vai hề chính^[25] ném cho nhau những lời đùa cợt và hàng loạt những cuộn giấy nhỏ hình con rắn rỏi quăng những túi mút mận nhỏ xiu lên cho vai Colombina đang ngồi một mình trên xe tải do ngựa kéo, hóa trang trong bộ đồ lông lánh và giắt đầy lông chim, trán đeo những búp tóc giả, môi cũng mang nụ cười giả được sơn phết toe toát. Sau chiếc xe tải là một dây tấp nham đủ các loại nhân vật: những dân Ả Rập cù bơ cù bất, những người hành khất, những vai hề chuyên nghiệp vừa đi vừa nhào lộn và những người bán hàng rong vừa đi vừa bán các loại hàng của mình. Cả bọn đều

đang cùng nhau chen vai thích cách, thi nhau ném như mưa và vỗ tay hoan hô một thân hình nào đó mà lúc đầu chẳng trông rõ được là ai, vì cả đám đông đều đang xô đi đẩy lại nhón nháo. Tuy nhiên, chỉ một lát sau đã thấy đích thị đó là một anh gù thấp lùn và xấu xí, mặc quần áo hề đàn^[26], đội mũ giấy, đeo nhạc quanh mình. Chắc hẳn anh ta là thuộc cái hội phiêu bạt giang hồ kia, nên vừa đi vừa nhẩn nhẩn nhó nhó, vắn vẹo oằn oài một cách gớm ghiếc để làm vui cho đám đông.

[23] Mountebanks (tiếng Anh): Một loại hề làm trò vật.

[24] Áclocanh (phát âm theo tiếng Pháp

Arlequin; tiếng Ý là Arlechino, tiếng Anh là Harlequin): Một loại hề nam xuất xứ từ kịch dân gian Ý, trong vai người hầu nam, mặc quần áo ghép bằng những mảnh tam giác nhiều màu, mang mặt nạ đen và đeo thanh kiếm gỗ, thường tán tỉnh cô hầu gái vui tính Colombina.

[25] Clowns (tiếng Anh): Những vai hề chuyên nghiệp.

[26] A fool (tiếng Anh): Loại hề giả ngu đần, ngốc nghếch, xưa kia thường làm vui cho các vua chúa.

Ông Riccardo bèn lại gần cửa sổ, hỏi:

- Có cái gì ở ngoài ấy mà hai vị có vẻ thích thú ghê thế?

Ông ta hơi lầy làm lạ khi thấy vì mãi xem đám hề rong mà hai người đã bắt cả ban chấp hành phải chờ đợi.

Gemma liền quay lại, bảo:

- Có gì thích thú đâu. Đám xiếc đấy mà. Nhưng họ làm huyền não quá khiến tôi tưởng có chuyện gì xảy ra.

Chị còn đang đứng, một tay đặt trên bậu cửa sổ và thỉnh thoảng chị cảm thấy những ngón tay lạnh ngắt của Ruồi trâu nhiệt tình siết chặt lấy tay mình.

Anh nhỏ nhẹ bảo chị: Cảm ơn bà, -

rồi đóng cửa sổ lại mà tiếp tục ngồi lên bậu cửa. Vẫn với phong thái phóng khoáng của mình, anh nói:

- E rằng tôi đã làm gián đoạn công việc của các vị. Tôi mãi xem... xem đám xiếc. Vui... vui mắt quá... quá chừng.

Martini thấy cách ứng xử của Ruồi trâu có vẻ là một trò chống chế rất vụng về, lại còn thấy phiền lòng vì Gemma đã khá hờ hênh đi bắt chước ông ta. Thật chẳng giống chị chút nào.

Ruồi trâu thoái thác, bảo rằng mình không biết tí gì về tâm trạng dân chúng thành phố Pisa bởi vì anh chỉ đến đó "để

ngủ ngơi mà thôi". Rồi anh xông ngay vào thảo luận một cách sôi nổi, trước hết về triển vọng nông nghiệp, tiếp đến vấn đề truyền đơn, và rồi anh cứ tiếp tục tuôn ra hàng tràng những câu nói lấp cho đến khi mọi người đều mệt phờ. Dường như anh đã tìm thấy một thú vui cuồng nhiệt nào trong chính tiếng nói của mình.

Khi cuộc họp kết thúc, các ủy viên ban chấp hành đứng dậy ra về, Riccardo đến chỗ Martini:

- Ông ở lại dùng bữa chiều với tôi nhé? Ông Fabrizi và ông Sacconi cũng hứa ở lại rồi.

- Cảm ơn. Nhưng tôi phải đưa *signora* Bolla về nhà.

Gemma đứng dậy, vừa mặc áo khoác ngoài, vừa hỏi:

- Có thật là anh sợ tôi không về tới nhà được một mình không đấy? Dĩ nhiên là anh Martini sẽ ở lại với ông đấy, bác sĩ Riccardo ạ! Anh ấy thay đổi được không khí thì tốt, ngồi nhà nhiều quá rồi.

Ruồi trâu xen lời:

- Nếu bà cho phép, tôi xin đưa bà về. Tôi cũng đi về phía đó.

- Nếu quả là ông tiện đường thì...

Ông Riccardo vừa mở cửa cho họ
vừa hỏi:

- Còn ông Rivarez, tôi không rõ liệu
ông có thời giờ ghé lại đây trong khoảng
chiều nay được không?

Ruồi trâu cười, ngoái lại bảo:

- Tôi ấy ư, ông bạn thân mến của tôi?
Tôi đi xem xiếc đây.

Quay lại với khách khứa của mình,
ông Riccardo nói:

- Sao lại có con người kỳ quặc thế nhỉ! Mà sao lại mê hệ lạ lùng vậy kia chứ!

- Martini bảo:

- Chắc là trường hợp đồng điệu chứ gì! Chính hẳn cũng là một loại hệ mà tôi chưa từng thấy bao giờ.

Ông Fabrizi xen lời với vẻ mặt nghiêm trọng:

- Tôi ước mong nếu ông ta chỉ là hệ thô thì đã tốt. Còn nếu quả ông ta là hệ

thật, tôi e rằng ông ta là một loại hệ cực kỳ nguy hiểm kia.

- Nguy hiểm về phương diện nào?

- À, tôi không ưa những chuyến đi du ngoạn ngăn ngắt đầy bí ẩn mà ông ta luôn ham thích như vậy. Chuyến này là chuyến thứ ba rồi, các ông biết không; và tôi chẳng tin tí nào là vừa qua ông ta đi Pisa đâu.

Ông Sacconi bảo:

- Theo tôi, một điều bí ẩn hầu như công khai là ông ta thường đi vào vùng

núi đây. Ông ta cũng chẳng cố tình phủ nhận việc mình vẫn liên hệ với những dân buôn lậu ông ta từng quen biết từ trong vụ Savigno^[27] kia. Và lẽ rất tự nhiên là ông ta phải dựa vào mối quan hệ thân thiện của họ để chuyển những truyền đơn của mình qua biên giới lãnh địa Giáo hoàng.

[27] Savigno (tiếng Ý, đọc là Xa-vi-nhô): Tên một làng đã từng bị quân khởi nghĩa của anh em Muratôri đánh chiếm.

Ông Riccardo nói:

- Về phần tôi thì chuyện tôi muốn đem ra bàn với các ông chính là vấn đề này

đây. Tôi nảy ra một ý kiến: tốt hơn hết có lẽ là ta yêu cầu Rivarez phụ trách quản lý quách việc chuyên chở bí mật cho chúng ta. Theo tôi nghĩ, máy in của chúng ta ở Pistoja^[28] quản lý rất kém hiệu quả và cái kiểu cứ dùng mãi cách cuốn truyền đơn nhét vào xì gà mà chở qua biên giới thì thô sơ quá mất rồi.

[28] Pistoja (tiếng Ý, đọc là Pix-tôi-a): Một thị trấn trong vùng Tuscany.

Martini vẫn cố chấp cãi:

- Nhưng cho đến giờ nó vẫn đáp ứng được khá tốt đấy thôi.

Galli và Riccardo lúc nào cũng đưa Ruồi trâu ra làm mẫu mực để sao chép khiến Martini nghe mãi phát chán. Anh nặng về phía cho rằng giá “tên cướp biển lơ mơ” ấy không nhảy vào đây để lên mặt dạy đời thì mọi việc trên đời đều vẫn trôi chảy biết bao nhiêu.

- Cách ấy vẫn đáp ứng được tốt chừng nào chúng ta vẫn bằng lòng với nó chứ không muốn tìm cách nào tốt hơn. Nhưng các ông biết đã từng xảy ra nhiều vụ bắt bớ và tịch thu rồi, cho nên bây giờ tôi tin là nếu Rivarez phụ trách công việc này giúp chúng ta thì sẽ đỡ bị bắt bớ và tịch thu hơn.

- Vì sao ông nghĩ thế?

- Trước hết, vì rằng dân buôn lậu họ coi chúng ta chỉ là người ngoài để làm ăn buôn bán, hoặc chỉ là những con cừu để xén lông thôi, chứ Rivarez thì là bạn thân của họ, rất có thể còn là lãnh tụ của họ mà họ kính trọng và tin cậy. Ông có thể tin chắc rằng đối với người đã từng tham gia cuộc nổi dậy ở Savigno thì bất kỳ một dân buôn lậu nào ở vùng núi Apennines cũng sẽ làm giúp những việc mà chẳng bao giờ họ làm cho chúng ta đâu. Hai nữa là trong chúng ta vị tất đã tìm được ai thông thuộc miền núi như Rivarez. Nên nhớ rằng ông ta đã từng lẩn trốn giữa vùng núi non ấy, thuộc lòng

mọi đường đi lối lại của dân buôn lậu. Không một anh buôn lậu nào dám lừa ông ta dù có muốn lừa chẳng nữa, và cũng không một anh buôn lậu nào bịp nổi ông ta dù dám cả gan thử bịp đi nữa.

- Vậy phải chăng ông đề nghị là ta nên nhờ ông ấy tiếp nhận toàn bộ việc quản lý các tài liệu của chúng ta ở bên kia biên giới, từ việc phân phối cho tới những nơi nhận, những nơi cất giấu, tất tần tật, hay chỉ nhờ ông ta việc đưa giúp qua biên giới không thôi?

- Ô, về các nơi nhận và các nơi cất giấu của chúng ta, chẳng những ông ta có thể là đã biết tốt cả rồi, mà còn biết

thêm rất nhiều chỗ khác mà chúng ta chưa có nữa kìa! Vậy tôi thiết tưởng ta cũng không thể lên lớp gì cho ông ta về phương diện ấy. Thế còn việc phân phối thì dĩ nhiên là tùy theo sự chọn lựa của mọi người thôi. Theo tôi, vấn đề quan trọng chính là làm sao bí mật vận chuyển được. Một khi tàn liệu đã an toàn vào đến Bologna rồi thì việc lưu hành là tương đối đơn giản.

Martini nói:

- Về phần tôi, tôi phản đối kế hoạch đó. Vì, trước hết, mọi chuyện trông mong vào sự tài giỏi của ông ta đều mới hoàn toàn chỉ là phỏng đoán thôi. Chúng ta

chưa thật mắt trông thấy ông ta làm công tác biên giới ra sao, cho nên chưa biết là đến giờ phút gay cần ông ta có thể giữ đầu óc bình tĩnh sáng suốt được không.

Ông Riccardo ngắt lời:

- Ô, điều đó thì ông khỏi phải nghi ngờ gì. Lịch sử vụ Savigno cho thấy rõ ông ấy giữ được đầu óc bình tĩnh sáng suốt đấy.

Martini vẫn nói tiếp.

- Hơn nữa, do còn chưa hiểu Rivarez được bao nhiêu, tôi chưa cảm thấy yên

tâm chút nào với việc đem mọi bí mật của đảm phó thác cho ông ta. Tôi cảm thấy ông ta nhẹ dạ và hay đóng kịch. Giao phó toàn bộ việc quản lý vận chuyển bí mật của đảng vào tay một người là chuyện nghiêm trọng. Ông Fabrizi, ông nghĩ thế nào?

Vị giáo sư đáp:

- Ông Martini, nếu tôi chỉ có những ý kiến phản đối hệt như những gì ông đã nói, thì chắc chắn là tôi sẽ từ bỏ ngay trong trường hợp ta có được một người thật sự có đủ những đức tính như ông Riccardo nói, mà không nghi ngờ gì rằng Rivarez chính là con người như vậy. Về

phần tôi, tôi không nghi ngờ chút nào về lòng dũng cảm, tính chân thực, cũng như tinh thần bình tĩnh sáng suốt của ông ta, và rằng ông ta am hiểu cả vùng sơn cước lẫn các sơn dân, điều đó chúng ta cũng đã có rất nhiều dẫn chứng. Nhưng tôi có một lý do phản đối khác. Tôi không tin chắc là ông ta đi về vùng núi chỉ để bí mật vận chuyển các truyền đơn. Tôi đã bắt đầu sinh nghi không biết ông ta còn có một ý đồ gì khác không? Dĩ nhiên điều này chỉ hoàn toàn giữa chúng ta, vì đây cũng hoàn toàn chỉ là nghi ngờ thôi. Tôi cảm thấy rất có khả năng là ông ta có liên lạc với một trong những “nhóm bí mật”^[29], và có lẽ là nhóm nguy hiểm nhất trong số đó.

[29] *Sects (tiếng Anh): Cũng là “những phe phái” (giáo phái nếu thuộc về tôn giáo nào đó). Ở đây chỉ những tổ chức bí mật có quy mô nhỏ, thường là tự phát, quá khích, dễ manh động.*

- Ý ông nói nhóm nào, nhóm “Thắt lưng đỏ”^[30] có phải không?

[30] *“Red Girdles” (tiếng Anh): Cũng là đai lưng đỏ.*

- Không, nhóm “Occoltellatori”

- Nhóm “Dao găm”^[31]! Nhưng nhóm ấy chỉ là một nhóm nhỏ nông dân sống ngoài vòng pháp luật, hầu hết vừa vô học lại vừa không có kinh nghiệm chính trị gì.

[31] “Knifers” (tiếng Anh): Những người sử dụng dao găm.

- Những người nổi dậy ở Savigno cũng thế thôi, nhưng họ có được một số ít người có học thức đứng ra lãnh đạo, và có lẽ cái nhóm nhỏ này cũng vậy. Và nên nhớ một điều khá rõ ràng rằng số lớn thành viên những nhóm quá khích nhất ở Romagna hiện nay chính là những người còn sống sót qua vụ Savigno, họ tự thấy nếu khởi nghĩa công khai thì quá yếu không thể địch lại được với các Giáo sĩ, nên họ đã đành quay trở lại với thủ đoạn ám sát. Chưa đủ sức dùng súng, họ phải dùng dao găm vậy.

- Nhưng vì cớ gì ông lại cho rằng Rivarez có liên hệ với họ?

- Tôi không cho là thế, tôi mới chỉ nghi ngờ thôi. Vì dù sao, tôi nghĩ rằng trước khi giao phó cho ông ta việc vận chuyển tài liệu ta nên tìm hiểu cho chắc chắn thì hơn. Nếu ông ta hòng nhất cử lưỡng tiện, ông ta sẽ làm hại đảng ta ghê gớm lắm. Ông ta sẽ chỉ hủy hoại thanh danh của đảng chứ chẳng làm nên công chuyện gì. Nhưng chuyện đó lần sau ta sẽ bàn. Lần này tôi vốn dĩ muốn báo để các ông biết mấy tin tức từ Roma. Có tin nói là người ta sắp lập một hội đồng để dự thảo quy chế tự trị của các thành phố.

Chương VI

Gemma cùng Ruồi trâu lặng lẽ đi theo đường bờ sông Lung'Arno. Hứng thú say sưa nói thao thao bất tuyệt của anh dường như đã cạn rồi. Từ lúc rời khỏi nhà Riccardo đến giờ, anh hầu như không nói một lời nào, và sự im lặng ấy của anh khiến Gemma khấp khởi mừng thầm. Cứ gặp mặt anh là chị luôn cảm thấy mình lúng túng, mà ngày hôm nay lại càng hơn cả mọi khi, bởi vì thái độ kỳ dị của anh trong cuộc họp ban chấp hành vừa rồi đã khiến chị hết sức bối rối.

Đến cạnh lâu đài Uffizi^[1], anh bỗng
dung dừng bước, quay sang hỏi chị:

*[1] Uffizi place (tiếng Ý: đọc là uphitxi): lâu
đài (hoặc cung điện) này được xây dựng từ thế kỷ
XVI, bên trong có thư viện và một bộ sưu tập các
tác phẩm mỹ thuật.*

- Bà có mệt không?

- Không. Sao ạ?

- Và chiều nay cũng không bận gì lắm chứ

- Không

- Tôi muốn bà cho một đặc ân là xin bà

cùng đi dạo với tôi.

- Đi đâu vậy

- Không nhất định chỗ nào, đi đâu tùy bà

- Nhưng để làm gì?

Anh do dự

- Tôi... không thể nói với bà được... chí ít đó là điều rất khó nói. Nhưng xin bà đồng ý cho, nếu có thể được.

Anh thôi nhìn xuống đất mà bỗng ngược mắt nhìn chị và chị thấy một vẻ

hết sức lạ lùng trong cặp mắt ấy.

Chị em ái bảo:

- Ông có một tâm sự gì phải không?

Anh bứt một chiếc lá khỏi cành hoa trên ve áo, rồi xé vụn ra từng mảnh. Ông ta trông giống ai một cách kỳ lạ vậy nhỉ. Ai đó cũng có những ngón tay cử động hết như thế và cử chỉ cũng hấp tấp và nóng vội như vậy.

Anh nhìn xuống đôi tay của mình và nói rất khẽ như một hơi thở:

- Tôi thấy trong lòng phiền muộn. Chiều nay tôi... không muốn cô đơn. Bà đi với tôi nhé?

- Vâng, đi chứ ạ, nếu không, ông nên lại đằng nhà tôi thì hơn

- Không, mời bà đi và dùng bữa chiều với tôi ở hiệu ăn. Có một hiệu ăn ở quảng trường Signoria. Nào, xin đừng từ chối, bà đã hứa rồi mà!

Họ vào hiệu ăn. Ruồi trâu đã gọi bữa ăn tối, nhưng anh hầu như không đụng đến phần ăn của mình, mà cứ làm lì nín lặng nghiền nát một mẩu bánh tên khan bàn và vên vên mép khăn ăn. Gemma cảm

thấy hết sức khổ xử và bắt đầu thấy tiếc là đã không từ chối cuộc đi dạo này. Bầu im lặng mỗi lúc một thêm nặng nề, vậy mà chị vẫn không sao mở lời được để gọi chuyện với người mà chị cảm thấy người đó hầu như đã quên hẳn sự hiện diện của chị. Cuối cùng anh nhìn lên, đột ngột bảo

- Bà có bằng lòng đi xem xiếc không.

Gemma kinh ngạc nhìn anh. Sao ông ta lại chắt chừa trong đầu ý nghĩ về xiếc thế nhỉ?

Chị chưa kịp trả lời thì anh lại hỏi:

- Có bao giờ bà đi xem xiếc chưa.

- Chưa, tôi chưa xem bao giờ. Tôi không cho rằng xiếc có gì hay.

- Xiếc hay lắm đấy. Tôi nghĩ nếu ai không xem xiếc thì không sao tìm hiểu được cuộc sống của nhân dân. Ta quay lại Porta alla Croce đi.

Khi họ đến nơi thì những vai hề tạp đã cầm xong lều ở cạnh cửa thành, và tiếng vĩ cầm rít lên cùng tiếng trống khua vang nghe tởm lợm đã báo hiệu buổi biểu diễn bắt đầu.

Buổi giải trí hôm ấy thuộc loại thô thiển nhất. Toàn bộ vốn liếng của gánh xiếc chỉ có vài vai bao gồm hề chính vai Aclocanh và vai xiếc nhào lộn, một vai cưỡi ngựa nhảy qua vòng, một vai Colombina sơn phết lòe loẹt và một vai gù múa may các loại động tác đơn điệu và ngớ ngẩn. Về đại thể, những câu pha trò không đến nỗi thô tục và chướng tai, nhưng rất nhạt nhẽo và nhàm chán, nhìn chung mọi mặt đều toát lên vẻ tẻ nhạt chán ngán. Cử tọa cười và vỗ tay hoan hô với phong thái nhã nhặn bẩm sinh của dân Tuscany. Nhưng phần biểu diễn duy nhất làm khán giả tỏ vẻ thực sự thích lại là tiết mục của vai gù mà bản thân Gemma thấy ở đây chẳng có gì là khôn

ngoan hay khéo léo cả. Đó chỉ rất là những loạt động tác oằn oại vặn vẹo một cách lộ bịch và gớm ghiếc, mà các khán giả lại thường bắt chước, cho trẻ con ngồi lên vai để để cho lũ nhóc được thấy “thằng xấu xí”.

Thấy Ruồi trâu đang đứng bên cạnh, tay quàng vào một cột lều, Gemma bèn quay sang phía anh, hỏi:

- *Signor* Rivarez, có thật ông thấy những trò này là hấp dẫn không? Tôi có cảm giác là...

Chị nghẹn lời và cứ đành lặng lẽ đứng nhìn anh. Suốt đời, có lẽ chỉ có lần này

đứng với Montanelli cảnh công vườn ở Leghorn là chị mới nhìn thấy một vẻ thống khổ không bờ bến và tuyệt vọng như thể trên khuôn mặt con người. Nhìn anh, chị sực nghĩ tới cảnh địa ngục của Dante^[2].

[2] Dante's hell (Tiếng Anh): Tức "Inferno", phần đầu của tác phẩm "Divina Commedia" (Thần khúc), sử thi vĩ đại của A.Dante (1265 – 1321), miêu tả cuộc lãng du tưởng tượng của ông xuống hỏa ngục (Inferno), luyện ngục (purgatory), và lên thiên đường (heavens).

Lúc này ở sàn diễn chú gù vừa bị một vai hề chính đá cho một cú, chú liền lật người lộn nhào mà rơi bịch ra ngoài vòng sân diễn như một súc thịt trong rất

quái gở. Khi hai vai hề chính bắt đầu đối đáp, Ruồi trâu bỗng như bừng tỉnh khỏi một giấc mơ. Anh hỏi:

- Ta đi chứ? Hay bà thích xem nữa?

- Tôi xin đi thôi.

Họ rời lều, bang qua dậm cỏ sẫm xanh mà ra phía song. Trong mấy phút chẳng ai nói một lời.

Nhưng rồi Ruồi trâu cất tiếng hỏi

- Bà thấy trò diễn như thế nào?

- Tôi thấy nên gọi đó là một công việc sâu thẳm; và có chỗ tôi cảm thấy hết sức khó chịu.

- Chỗ nào vậy?

- À, cái chỗ toàn những trò nhảu nhở oằn oài ấy. Những trò ấy thật nhố nhăng, chẳng có gì là khôn khéo cả.

- Ý bà nói tiết mục của anh gù phải không?

Nhớ rằng anh đặc biệt nhạy cảm với những khiếm khuyết của mình về thể chất, chị đã cố gắng không nhắc đến phần này

của buổi diễn. Nhưng giờ đây chính anh lại đề cập đến chuyện này, chị đành phải trả lời.

- Vâng, tôi chẳng thích cái phần ấy một chút nào

- Nhưng đó lại là phần dân chúng thích thú nhất.

- Có thể là thế, nhưng đồng thời chính đó là điều tồi tệ nhất.

- Bởi vì nó phi nghệ thuật chẳng?

- Kh...không. Mọi cái đều phi nghệ thuật

tất. Ý tôi là: bởi vì nó tàn nhẫn.

Anh mỉm cười:

- Tàn nhẫn? Ý bà nói anh gù chứ gì?

- Ý tôi là... Dĩ nhiên, bản thân anh ta thì rất dửng dưng. Đối với anh ta, chắc chắn đó chỉ là cách kiếm sống, cũng như phi ngựa nhảy vòng và đóng vai Colombina để kiếm sống vậy thôi. Nhưng nó làm cho người ta cảm thấy dây dứt. Đó là sự sỉ nhục, đó là sự sa sút của phẩm giá con người.

- Vị tất anh ta đã sa sút hơn lúc mới mới

bước chân vào nghề. Phần đông chúng ta đều có sa sút cách này hay cách khác.

- Vâng, nhưng đằng này... Có thể là ông sẽ cho đây là một định kiến phi lý, nhưng tôi thì tôi cho rằng thân thể con người là thiêng liêng. Tôi không thích thấy thân thể con người bị đối xử tẻ bác và biến thành xấu xa ghê tởm.

- Thế còn linh hồn con người?

Anh đã đứng sững lại, một tay vịn vào lan can bằng đá bên bờ sông, mắt nhìn thẳng vào chị.

- Linh hồn ư?

Chị nhắc lại và cũng dừng bước, ngạc nhiên nhìn anh.

Anh vung cả hai tay lên trong một cử chỉ đột ngột và sôi nổi:

- Vậy có khi nào bà nghĩ rằng vai hề khôn khổ ấy có thể có một linh hồn, một linh hồn sống động và tranh đấu của con người – một linh hồn bị cột chặt vào cái thể xác méo mó ấy và buộc phải làm nô lệ cho nó không? Bà là một người dịu hiền nhạy cảm xiết bao đối với mọi việc, - bà xót thương thương cái thể xác trong bộ đồ hề treo đầy nhạc ngựa ấy, vậy có

bao giờ bà nghĩ đến một linh hồn khôn
khô không có lấy một manh áo sặc sỡ để
che đậy cái thân trần trụi gớm ghiếc của
nó không? Hãy nghĩ tới lúc nó run rẩy vì
rét mướt, nghệt thờ vì nghèo hèn và vì hổ
thẹn trước mặt tất cả những con người
kia, - cảm biết được những lời nhạo báng
của họ đang như làn roi da quất xuống
đau như cắt, cùng tiếng cười của họ đang
như một mũi dùi nung đỏ xuyên vào da
thịt! Hãy nghĩ tới lúc nó chơ vơ trước
mặt tất cả bọn họ mà không tuyệt vọng
nhìn quanh, - nhìn lên núi cao, núi cao
không muốn sụp xuống để úp lấy nó; nhìn
vào vách đá, vách đá không có trái tim
để che chở cho nó; ước ao cả kiếp làm
chuột để có thể chui xuống lỗ mà lần

tránh. Và hãy nhớ rằng linh hồn vốn căm
lặng, - nó không có tiếng nói nên không
kêu la được, - nó phải chịu đựng, chịu
đựng nữa, chịu đựng mãi...Ồ! Nhưng tôi
đang nói nhảm mất rồi! Tại sao bà lại
không cười tí nào cả nhỉ? Bà thiếu tính
hài hước mất rồi!

Chị từ từ quay đi trong bầu không khí
chết lặng và chậm bước trên đường bờ
sông. Suốt buổi chiều này, chị không may
may nghĩ rằng nỗi lòng phiền muộn của
anh bất kỳ vì lẽ gì lại có mối liên quan
nào tới gánh xiếc rong. Và giờ đây, khi
thấy được một bức tranh mờ nhạt về đời
sống nội tâm của anh hé ra qua sự bùng
phát bất ngờ ấy, chị chưa tìm được lời

nào để nói với anh, mặc dù lòng chị dào dạt xót thương. Anh bước bên cạnh chị, mặt quay đi, mắt nhìn xuống nước.

Bỗng nhiên anh quay lại, nhìn chị với vẻ thách thức mà bảo:

- Xin bà hiểu cho, tất cả những điều tôi vừa nói với bà chỉ thuần túy là tưởng tượng. Tôi thường ưa suy nghĩ những chuyện viển vông nhưng lạo không thích người ta coi đó là chuyện thực.

Chị không đáp, họ lại lặng lẽ tiến bước, khi đi ngang qua đường cổng vào lâu đài Uffizi anh bang qua đường rồi cúi rạp xuống nhìn một đống đen đen

nằm tựa vào hàng rào sắt.

- Sao thế bé con?

Anh hỏi bằng một giọng dịu dàng chỉ chưa hề được nghe thấy anh nói thế bao giờ.

- Sao cháu không về nhà?

Đống đen ấy động đậy, đáp lại sau đó bằng một giọng khẽ và rên rĩ. Gemma cũng bang qua xem thì thấy một đứa bé chừng sáu tuổi, rách rưới, bần thủ, nằm phục xuống vỉa hè như một con thú nhỏ đang khiếp sợ. Ruồi trâu đang cúi mình,

một tay đặt lên mái tóc rồi bù.

- Gì thế cháu?

Ruồi trâu hỏi, và cúi sát xuống để nghe rõ được tiếng trả lời lí nhí.

- Cháu phải về nhà đi ngủ thôi. Đêm, trẻ con không có việc gì phải ra ngoài đường phố cả, chết cóng mắt thôi! Đưa tay đây cho chú rồi bật dậy như người lớn ấy nào! Nhà cháu ở đâu?

Anh nắm lấy tay đứa bé để nâng nó dậy, nhưng chỉ có tiếng hét toáng lên rồi thấy nó thụp ngay xuống.

- Sao, gì thế?

Ruồi trâu hỏi, đoạn quỳ hẳn xuống vỉa hè.

- Ôi chao! *Signora*, bà xem này!

Vai cháu bé và chiếc áo ngắn của nó đều bê bết máu.

Ruồi trâu lại tiếp tục dõ dảnh.

- Kể chú nghe cháu bị sao nào? Không phải bị ngã đâu nhỉ? Không phải hả? ... có ai đánh cháu hả? ... Chú cũng nghĩ vậy! Thế ai đánh?

- Chú cháu

- À, ra thế! Đánh bao giờ vậy?

- Ban sáng. Chú ấy say rượu, cháu...
cháu...

- Cháu lại để chú ấy bắt gặp - phải thế không? Khi họ đã say rượu, chớ đến quẩn chân người ta, chú bé ạ! Họ không thích thế đâu. *Signora*, ta phải làm gì với cái thằng nhóc này? Cu con, ra chỗ sáng này đi, cho chú xem bên vai kia nào. Ôm lấy cổ chú, chú không làm cháu đau đâu. Được rồi đấy!

Anh ôm đứa bé lên, ẵm nó đi ngang qua phố, đặt nó ngồi trên mặt lan can bằng đá rộng. Rồi anh móc trong túi ra con dao díp, ghì đầu đứa bé vào ngực mình, còn Gemma thì đỡ lấy cánh tay bị thương của nó để anh khéo léo xẽ rộng bên trong ống tay áo rách. Vai nó bầm tím, sây sạt rất nhiều, trên cánh tay có một vết cắt khá sâu.

- Oắt tì như cháu mà bị một vết cắt ác nghiệt thế này.

Ruồi trâu vừa nói, vừa lấy mũi soa của mình quần chung quanh vết thương cho áo khỏi cọ vào

- Chú ấy đánh bằng gì

- Bằng xẻng. Cháu hỏi xin chú ấy một soldo^[3] để ra cửa hàng đầu đường mua một ít polenta^[4], thế mà chú ấy lấy xẻng đánh cháu.

[3] Soldo (tiếng Ý): đồng tiền xu bằng đồng đỏ: 20 soldi (số nhiều) ăn 1 Lira.

[4] Polenta (tiếng Ý): một loại cháo ngô của người nghèo.

Ruồi trâu rùng mình. Anh dụi dàng hỏi:

- Ôi! Thế thì đau quá đấy, phải không, bé

con?

- Chú ấy lấy xẻng đánh cháu... thế là cháu chạy... cháu chạy mất... vì chú ấy đánh cháu.

- Vậy từ đó đến giờ cháu phải đi lang thang mãi, và suốt cả tối cũng không có tí gì vào bụng?

Cháu bé chỉ khóc nức nở thay cho câu trả lời. Ruồi trâu bẻ nó lên khỏi mặt lan can bằng đá:

- Thôi nào, thôi nào! Ta sẽ thu xếp ổn ngay cả thôi. Chẳng biết có kiếm đâu ra

được chiếc xe nào không. Tôi e rằng tối nay rạp hát có biểu diễn lớn, mọi xe cộ đợi ở đó cả. *Signora*, tôi xin lỗi đã lôi bà đi linh tinh quá, nhưng....

- Tôi sẵn lòng đi với ông. Chắc ông cũng cần có người giúp đỡ. Ông tính xem có bé được nó đi xa thế không? Nó có nặng lắm không?

- Ô, tôi bé được cảm ơn bà.

Trước cửa rạp hát họ thấy chỉ còn vài chiếc xe, mà vài chiếc ấy cũng đã có người thuê cả rồi. Buổi hát đã tan, phần lớn người xem đã ra về. Tên của Zita được in bằng cỡ chữ lớn trên các tờ

quảng cáo dán trên tường. Cô đã biểu diễn trong vở ba lê tối nay. Ruồi trâu dặng Gemma chờ mình một lát, rồi đi đến tận lối ra vào của các nghệ sĩ mà hỏi người gác cửa.

- Bà Reni về chưa?

Người đó giương mắt nhìn chằm chằm cảnh tượng một quý ông ăn mặc sang trọng mà hai tay lại ẵm một đứa trẻ lang thang rách rưới, trả lời:

- Thưa quý ông, chưa ạ! Tôi chắc bà ấy sắp ra bây giờ đấy ạ, xe của bà ấy đang đợi mà! Vâng, bà ấy ra rồi kìa.

Zita vịn tay một sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi, đang bước xuống bậc thang. Trông cô đẹp thật lộng lẫy trong chiếc áo choàng ca kịch bằng nhung màu lửa đỏ rực phủ trên bộ lễ phục ban đêm, kèm thêm một chiếc quạt lớn bằng lông đà điểu đeo lưng lẳng bên mình. Ra đến cửa cô ta đứng sững lại. Buông tay ra khỏi cánh tay viên sĩ quan, cô sững sốt rảo bước tới chỗ Ruồi trâu.

Cô khẽ kêu lên:

- Felice! Ông *ôm* cái gì thế?

- Tôi nhặt được thằng bé này ngoài phố. Nó bị đánh đau lắm và đang đói nữa. Tôi

muôn đưa ngay nó về nhà càng nhanh càng tốt. Không kiếm đâu ra được một chiếc xe nào nữa cả, nên tôi định nhờ xe của cô đấy.

- Felice! Ông không định rước thằng bé ăn mày kinh tởm này về ở trong các buồng phòng nhà ông ấy chứ? Cho gọi cảnh sát đến để họ mang nó vào nhà chứa trẻ lang thang^[5] hoặc đưa nó đi đâu được thì đưa. Ông làm sao rước hết kẻ nghèo đói trong thành phố này về nhà mình...

[5] Refuge (Tiếng Anh) nhà thu nhận trẻ lang thang hoặc mô cô vô thừa nhận.

Ruồi trâu nhắc lại.

- Nó bị thương. Nếu cần thì sáng mai nó vào nhà tế bần cũng được. Nhưng trước hết tôi phải trông nom nó và cho nó ăn chút gì đã.

Zita hơi nhăn mặt với vẻ tỏm lợm:

- Ông cho nó áp cả đầu vào áo sơ mi của ông kia! Sao ông có thể thế được nhỉ? Bần đây mà!

Ruồi trâu nhìn lên, cặp mắt anh đột nhiên lóe ra một tia uất giận. Anh dữ dằn bảo:

- Nó đang đói! Cô không hiểu thế nghĩa là gì hay sao?

Gemma bèn bước đến, xen lời:

- *Signor* Rivarez! Nhà tôi ở rất gần đây. Nên đưa cháu về đây đã. Rồi sau nếu ông vẫn chưa kiếm được một *vettura*^[6] tôi sẽ thu xếp cho nó ngủ lại ở nhà tôi.

[6] Vettura (tiếng Ý): xem từ trang 198.

Anh quay phắt lại:

- Bà không ngại gì chứ?

- Dĩ nhiên là không. Chào bà Reni!

Cô gái txigan lạnh nhạt nghiêng mình và giận dỗi nhún vai. Cô lại khoác tay viên sĩ quan của mình, cuốn tà váy, rồi lướt qua trước mặt họ mà tiến lại cỗ xe ngựa vừa bị tranh chấp. Dừng bước ở bậc cửa xe, cô nói:

- Ông Rivarez, nếu ông bằng lòng, tôi sẽ cho xe quay lại đón ông và thằng bé.

- Được lắm. Tôi sẽ cho biết địa chỉ.

Anh bước ra lề đường, cho người đánh xe biết địa chỉ rồi trở lại với

Gemma, tay vẫn ôm đũa bé.

Katie vẫn đang đợi bà chủ về. Nghe rõ câu chuyện, cô liền chạy đi lấy nước nóng và các thức cần thiết khác.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Ruồi trâu đặt đũa bé ngồi trên ghế, quỳ xuống bên cạnh, và sau khi đã lẹ làng cởi bộ bộ quần áo rách của nó, anh rửa và băng vết thương cho nó bằng đôi tay nhẹ nhàng và khéo léo. Khi Gemma bung khay đồ ăn vào phòng, thì anh vừa kịp tắm rửa xong cho đũa bé và lấy chăn ấm bọc cho nó.

Chị mỉm cười với vị khách bé bỏng còn xa lạ, mà hỏi:

- Bệnh nhân của ông sẵn sàng dùng bữa tối rồi chứ? Tôi vừa nấu ăn cho chú bé rồi đây.

Ruồi trâu đứang dậy, thu các mảnh giẻ bần mà vo tròn lại. Anh bảo:

- Tôi e rằng chúng tôi đã bày bừa kinh khủng ra phòng của bà rồi! Còn những thứ này tốt nhất là ném thẳng vào lửa, rồi mai tôi mua cho nó ít quần áo mới. Nhà có chút rượu mạnh^[7] nào không, *signora*. Tôi cho rằng nó phải nhấp một tí mới được. Còn tôi tôi chỉ xin đi rửa tay nếu

bà cho phép.

[7] *Nguyên văn brandy (tiếng Anh): rượu mạnh cất từ no, cũng gọi là “rượu brandi”.*

Ăn bữa tối xong, thằng bé ngủ thiếp ngay trên tay Ruồi trâu, mái tóc rối bù của nó gục vào phần ngực áo sơ mi trắng của anh. Gemma vừa giúp Katie dọn dẹp sạch sẽ trong phòng xong, ra ngồi cạnh bàn.

- *Signor* Rivarez, ông phải ăn chút gì đã rồi hãy về, - hầu như tối nay ông chưa ăn uống gì cả, mà bây giờ khuya quá rồi.

- Tôi rất thích được một chén trà kiểu

Anh^[8] nếu bà có. Xin lỗi đã phiền bà tới tận khuya thế này.

[8] Theo kiểu Anh (in the English fashion, tiếng Anh); tức là trà uống không phải ngồi vào bàn, mà rót sẵn ra chén đem đến cho khách.

- Ô, không sao! Ông đặt cháu bé xuống ghế sofa kéo sẽ mệt đấy. Nhưng chờ một chút, để tôi lấy khăn phủ lên các gối tựa^[9] đã... Ông định sẽ làm gì với nó?

[9] Cushions (tiếng Anh) trên ghế sofa thường đặt nhiều gối để tựa hoặc gối đầu.

- Ngày mai ư? Tôi sẽ tìm xem ngoài con ma men ấy ra nó còn có kẻ thân người

thích nào nữa không, và nếu không, có lẽ tôi đành phải theo lời khuyên của bà Reni, đưa nó vào nhà tế bần vậy. Kể ra, nhân từ hơn cả là trông cho nó một hòn đá vào cổ rồi quẳng quách xuống khúc sông ngoài kia cho ròi^[10]! Nhưng làm thế tôi sẽ phải chịu những hậu quả không hay. Dễ ngủ chưa này! Oắt con ơi, còm nhòm còm nhòm thế này mà sao xấu số vậy, - sức tự vệ không bằng nửa chú mèo lạch!

[10] Mô phỏng một câu trong sách phúc âm.

Khi Katie bung khay trà lên, chú bé mở bừng mắt, ngồi nhòm dậy với vẻ ngờ ngác. Nhận ra Ruồi trâu mà nay nó đã

coi là người che chở tự nhiên của mình, nó liền bò toài ra khỏi ghế xô pha trong tấm chăn bông nhùng, đến nép vào người anh. Lúc này nó đã tươi tỉnh, và đã đủ sức tọc mạch. Chỉ vào bàn tay trái đầy thương tật của Ruồi trâu đang cầm miếng bánh ngọt, nó hỏi:

- Cái gì đây?

- Cái này ư? Bánh ngọt đây, cháu muốn ăn tí chút không? Chú thấy hôm nay cháu ăn thế đủ rồi. Mai hãy ăn, cháu ạ!

- Không, cái này cơ!

Thằng bé thò tay sờ vào mấy ngón tay cụt và vết sẹo lớn ở cổ tay Ruồi trâu. Anh bè đặt miếng bánh xuống.

- À, cái này ấy à! Nó cũng cùng một loại giống cái vai cháu ấy, - chú đã nhận được nó do một cú đánh của một người lúc ấy khỏe hơn chú.

- Có đau khiếp lắm không?

- Ồ, chú chẳng nhớ, - nhưng có những cái khác còn đau hơn kia! Thôi nào, ngủ nữa đi, cháu không việc gì phải lôi thôi vào lúc đêm khuya thế này.

Khi xe tới, thằng bé lại ngủ say. Ruồi trâu tránh làm nó thức giấc, nhẹ nhàng bế nó lên ẵm ra cầu thang gác.

Dừng bước ở cửa phòng, anh nói với Gemma:

- Hôm nay bà đã như là một vị thiên thần coi sóc^[11] đối với tôi. Thế nhưng tôi cho rằng điều đó không nhất thiết ngăn cản được chúng ta sau này hết tha hồ cãi nhau đâu.

[11] Ministering angel (tiếng Anh): cũng là thiên thần phục vụ phụng sự (Chúa), khác với thiên thần bảo hộ (guardian angel).

- Tôi chẳng mong muốn cãi cọ với ai cả.

- À, thế mà tôi lại muốn cơ đấy. Đòi mà không có cãi cọ thì sẽ không sao chịu nổi. Cãi nhau lành mạnh^[12] là muối cho đất^[13]. Nó còn hay hơn cả xiếc nữa kia!

[12] Nguyên văn “good quarrel” (Cãi nhau tốt).

[13] Hoặc “muối của đất” (the salt of earth), tức điều không thể thiếu được. Cũng là trích câu “các người là muối của đất...” trong sách phúc âm.

Nói vậy rồi anh khẽ cười một mình mà đi xuống thang gác với chú bé vẫn ngủ say trong vòng tay anh.

Chương VII

Một ngày vào đầu tuần tháng giêng, tuy Martini đã gửi giấy mời mọi người đến họp phiên hàng tháng của tiểu ban văn học, nhưng anh chỉ nhận được của Ruồi trâu có mấy chữ vắn tắt, ngoáy bằng bút chì: “Rất tiếc, không đến được”. Anh hơi bực mình vì trong giấy mời đã ghi rõ là “Việc quan trọng”, với cách trả lời như thế anh cho hầu như là xác xược. Hơn thế nữa, ngay ngày hôm ấy còn nhận được ba bức thư riêng rẽ nhưng nội dung toàn báo những tin không hay, và ngoài

trời lại nổi gió đông^[1], càng khiến cho Martini vừa khó chịu lại vừa cáu sùng. Vì vậy, trong cuộc họp, khi bác sĩ Riccardo hỏi: “Ông Rivarez có đây chưa?”, anh đã trả lời với giọng khá hờn dỗi:

[1] Ở Ý nổi gió đông thì khó chịu, khô và nhiều cát bụi, vì thổi đến từ châu Phi.

- Chưa. Chắc ông ta lại vớ được trò gì vui hơn rồi, nên không đến được hoặc là không muốn đến cũng nên.

Galli gắt:

- Thật thế đấy, ông Martini ạ, ông quả là

người có thành kiến nặng nhất trong cái thành Florence này. Một khi ông đã không ưa ai là mọi việc người ấy làm đều xấu tất cả. Rivarez ốm thì đến làm sao được?

- Ai bảo ông là ông ta ốm?

- Ông không biết à? Ông ta nằm liệt giường bốn ngày hôm nay rồi.

- Ông ta làm sao thế?

- Tôi chẳng biết. Ông ta hẹn thứ năm gặp tôi nhưng do ốm nên đã phải hoãn. Tối qua tôi ghé qua nhà, nghe người nhà

nói rằng ông ta rất mệt không thể tiếp ai được. Tôi tưởng sẽ có ông Riccardo đến thăm nom cho ông ta.

- Tôi chẳng biết gì sất cả. Tối nay tôi ghé thăm xem ông ta có cần gì không.

Sáng hôm sau ông Riccardo về tái mét và mệt mỏi bước vào thư phòng bé nhỏ của Gemma. Chị đang ngồi cạnh bàn, đều giọng đọc những dãy con số cho Martini, còn Martini thì một tay cầm kính lúp, một tay cầm bút chì vót thật nhọn ghi những dấu hiệu nhỏ li ti vào những trang một cuốn sách. Gemma giơ tay ra hiệu giữ im lặng. Ông Riccaro hiểu rằng không nên làm gián đoạn công việc của

người đang viết mật mã, bèn ngồi xuống ghế xô pha phía sau chị mà há miệng ngáp dài, hết như người khó lòng giữ được cho mình khỏi ngủ gục.

- 2,4; 3,7; 6,1; 3,5; 4,1; - Gemma tiếp tục đọc, giọng đều đặn như máy – 8,4; 7,2; 5,1. Cesare, đến đây là hết câu rồi đấy.

Chị găm chiếc kim vào giấy để đánh dấu cho chính xác rồi ngoái lại.

- Chào bác sĩ. Sao trông ông phờ phạc thế? Ông có được khỏe không?

- Ô, tôi vẫn khỏe, chỉ bị thấm mệt thôi. Tôi vừa qua một đêm kinh khủng với Rivarez.

- Với Rivarez?

- Phải. Tôi đã phải thức suốt đêm với ông ta, mà bây giờ lại phải vào với các bệnh nhân của tôi trong bệnh viện đây. Tôi tạt vào để chỉ hỏi xem các vị thấy có ai trông nom được ông ta ít nhiều trong vài ngày tới không. Bệnh trạng của ông ta nguy kịch đấy. Tất nhiên tôi hết sức chữa chạy, nhưng thực sự là không có đủ thời giờ, mà ông ta thì cứ khăng khăng không chịu để tôi cho hộ lý đến trông nom.

- Ông ta làm sao thế?

- Ồ, nói đúng ra là sự phức tạp hóa của nhiều chứng bệnh. Trước hết là...

- Trước hết là ông đã ăn lót dạ cái gì chưa đã!

- Rồi, cảm ơn chị. Còn về Rivarez thì hiển nhiên là bệnh trạng của ông ta đã phức tạp lên do thần kinh bị rối loạn quá nhiều. Nhưng nguyên nhân chính đáng quan ngại là do việc chữa trị vết thương cũ trước kia dường như đã bị coi thường một cách hết sức tệ hại. Tóm lại là ông ta đang trong tình trạng suy sụp rất đáng sợ. Tôi đồ chừng đó là tại hồi chiến tranh ở

Nam Mỹ, - khi lâm nạn chắc chắn là ông ta đã không được chăm sóc thích đáng. Có lẽ mọi việc lúc bấy giờ đã được xử lý theo kiểu rất qua loa đại khái, mà ông ta vẫn sống sót được như thế kể cũng còn là may. Song vết thương đã mang chiều hướng viêm tấy kinh niên, nên chỉ hơi một tí là có thể dẫn ngay đến kịch phát...

- Như thế có nguy hiểm không?

- Kh... không. Trong loại bệnh chứng như vậy, nguy cơ chủ yếu ở chỗ người bệnh đi đến chỗ tuyệt vọng và làm một liều thạch tín^[2].

[2] Arsenic (tiếng Anh): Cũng gọi là nhân

ngôn, tên khoa học là asen, loại thuốc độc rất mạnh.

- Như thế chắc hẳn là đau lắm?

- Đau khủng khiếp chứ còn gì nữa! Tôi cũng chẳng hiểu tại sao ông ta chịu đựng nổi đây. Đêm qua, tôi đã buộc lòng phải cho ông ta uống thuốc phiện, - một việc tôi thường rất kiêng kỵ đối với con bệnh thần kinh. Thế nhưng cách gì tôi cũng phải chặn cơn đau lại đã.

- Tôi chắc hiện thời ông ta dễ cáu bẳn lắm.

- Rất dễ. Nhưng ông ta gan góc phi

thường. Chừng nào ông ta chưa bị mê man đi vì quá đau như đêm qua, thì thái độ điềm tĩnh của ông ta quả là tuyệt vời. Nhưng rốt cục tôi đã vất vả kinh khủng với ông ta đấy. Các vị có tưởng tượng được chuyện này đã kéo dài bao lâu rồi không? Đúng năm đêm rồi. Mà nhà ông ta chẳng có một móng nào để sai bảo cả, trừ một mục chủ nhà đàn độn, ngủ say đến đổ nhà cũng chẳng tỉnh, mà có tỉnh cũng vô tích sự thôi.

- Thế còn cô vũ nữ ba lê đâu?

- Vâng, phải chăng đấy mới là chuyện kỳ quặc! Ông ta không cho cô ta lại gần mình. Ông ta có nỗi ghê sợ bệnh hoạn

đôi với cô ta. Tóm lại, ông ta là một con người quái dị khó hiểu nhất mà tôi chưa từng thấy, là cả một đống mâu thuẫn!

Đoạn ông rút đồng hồ ra xem giờ rồi tỏ vẻ lo âu.

- Tôi đến bệnh viện chậm mất rồi, nhưng chịu vậy chứ biết làm sao. Bác sĩ giúp việc tôi đành phải bắt đầu công việc một mình. Tiếc rằng mọi chuyện này tôi không được biết từ trước. Bệnh kiều này lẽ ra không thể để kéo dài đêm này qua đêm khác như vậy được.

Martini ngắt lời:

- Nhưng tội vạ gì ông ấy không cho người đến báo tin ốm cơ chứ? Ông ấy cũng phải thừa hiểu rằng đời nào chúng ta lại bỏ mặc ông ta một mình như thế chứ?

Gemma bảo:

- Ông bác sĩ ơi, phải chi đêm qua ông cho người đến gọi một ai trong chúng tôi, chứ lại cứ chịu trận một mình như thế.

- Quý bà thân mến ơi, tôi đã định cho người đến tìm ông Galli, nhưng vừa ướm lời thì Rivarez đã sôi sục lên nên tôi đành phải chịu phép. Khi tôi hỏi ông ta xem có ai khác ông ta bằng lòng cho tìm đến, thì ông ta như kinh hồn bạt vía, nhìn

tôi đến một phút, rồi đưa cả hai tay lên che mắt mà bảo: “Đừng cho họ biết, họ sẽ cười tôi đấy!”. Hình như ông ta luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ cho rằng người ta cười mình chuyện gì. Tôi cũng chẳng hiểu cười ông ta được cái gì cơ chứ. Ông ta luôn mồm nói tiếng Tây Ban Nha, thì bao giờ bệnh nhân chẳng có lúc nói lảng nhãng đủ thứ.

Gemma hỏi:

- Bây giờ ai đang ở với ông ta?

- Chẳng có ai ngoài mẹ chủ nhà và đứa con gái của mẹ ấy.

Martini bảo:

- Vậy tôi sẽ đến ngay chỗ ông ta.

- Cảm ơn ông. Đến chiều tôi sẽ lại ghé thăm. Ông sẽ tìm được tờ giấy tôi đã viết sẵn các chỉ định để trong ngăn kéo bàn cạnh cửa sổ lớn, còn thuốc phiện tôi để trên kệ ở phòng bên. Nếu lại đau thì cho ông ta uống một liều nữa, - và chỉ một liều thôi. Nhưng nhất thiết đừng để lộ thuốc trong tầm với của ông ta, kẻo ông ta lại bị cảm dỗ và uống quá liều.

Khi Martini bước vào căn phòng mờ tối ấy thì Ruồi trâu quay ngoắt mặt lại, chìa ra cho anh bàn tay nóng bỏng và cố

giữ về ngạo mạn thường ngày nhưng không giữ nổi mà bảo:

- À, ông Martini! Chắc ông lại đến truy tôi về những bản in thử chứ gì? Ông có nguyên rủa tôi về tội đã bỏ phiên họp tiểu ban tối qua thì cũng vô ích thôi. Quả thực là tôi không được khỏe lắm và...

- Đừng nói chuyện tiểu ban làm gì! Tôi vừa gặp ông Riccardo nên đến xem có giúp được gì không.

Mặt Ruồi trâu sất lại như một viên đá lửa.

- Ô, thật vậy ư? Ông rất có nhã ý, nhưng không đáng bận tâm thế đâu. Tôi chỉ hơi khó chịu tí chút thôi.

- Ông Riccardo cũng nói với tôi thế. Tôi tin là ông ấy đã thức với ông suốt đêm qua mà.

Ruồi trâu dữ dội cắn lấy môi.

- Cám ơn ông. Tôi đã dễ chịu nhiều rồi nên không cần gì cả.

- Tốt lắm! Vậy tôi sẽ sang ngồi ở phòng bên. Có lẽ để ông nằm một mình dễ chịu hơn. Tôi bỏ hé cửa để phòng khi

ông gọi tôi.

- Xin ông chớ bận tâm mà. Quả là tôi không cần gì cả đâu. E rằng tôi sẽ làm ông phí thời giờ, vô ích thôi.

Martini liền xẵng giọng ngắt lời:

- Đừng nói nhảm nữa đi, ông! Tìm cách đánh lừa tôi làm gì chứ? Ông tưởng tôi không có mắt hay sao? Cố nằm im mà ngủ đi.

Martini sang phòng bên, để hé cửa, ngồi xuống ghé với một cuốn sách. Chẳng mấy chốc anh đã nghe thấy Ruồi

trâu trăn trở hai, ba lần liền. Anh đặt sách xuống, lắng nghe. Có im lặng chút ít, nhưng lại có tiếng trăn trở nữa, rồi có tiếng thở hỏn hỏn, gáp gáp, nặng nhọc của người đang nghiền chặt răng để nén một tiếng rên. Anh bèn trở lại buồng bên ấy.

- Tôi có thể làm gì giúp ông không, ông Rivarez?

Không thấy trả lời, anh bèn bước qua buồng để đến bên giường. Ruồi trâu mặt tái xanh tái xám, nhìn anh một lát rồi lặng lẽ lắ đầu.

- Tôi có phải cho ông uống thêm thuốc

phiện nữa không? Ông Riccardo dặn nếu đau quá thì ông có thể uống.

- Không, cảm ơn ông. Tôi còn chịu đựng được ít nữa. Chốc nữa có thể còn tệ hơn.

Martini nhún vai, ngồi xuống cạnh giường. Trong một tiếng đồng hồ dài vô tận, anh đã lẳng lặng quan sát người bệnh; rồi anh đứng dậy đi lấy thuốc phiện mang đến:

- Ông Rivarez, tôi không thể cứ để như thế này được nữa. Dù ông có thể chịu nổi đi nữa, nhưng tôi thì không. Ông phải uống cái của nợ đó đi thôi.

Ruồi trâu bèn uống thuốc, mà không nói năng gì. Rồi anh quay đi, nhắm mắt lại. Martini lại ngồi xuống và lắng nghe thấy hơi thở của người bệnh dần dần đã sâu và đều hơn.

Ruồi trâu đã quá kiệt sức nên khi đã thiếp đi là ngủ li bì. Hết giờ nọ qua giờ kia, ông ta vẫn nằm tuyệt đối bất động. Trưa rồi lại chiều, Martini đã nhiều lần đến bên ông ta, nhìn vào cái thân hình lặng ngắt ấy. Nhưng ngoài hơi thở, không thấy có một dấu hiệu nào của sự sống cả. Gương mặt Ruồi trâu quá xanh xao và nhợt nhạt đến nỗi rút cục đã khiến Martini bỗng phát hoảng, nhớ mình đã

cho ông ta uống quá nhiều thuốc phiện rồi thì sao? Cánh tay trái tàn tật của Ruồi trâu đặt trên chăn, Martini nhẹ nhàng lay cánh tay ấy để đánh thức ông ta dậy. Trong khi lay như vậy, ống tay áo không cài cúc của ông ta đã tụt xuống để lộ ra một loạt vết sẹo sâu hoắm và khủng khiếp, chằng chịt suốt từ cổ tay cho đến khuỷu tay.

Bỗng đằng sau anh vang lên tiếng ông Riccardo.

- Khi những vết thương này còn mới thì cánh tay ấy chắc phải dễ chịu lắm đấy.

- A, rốt cuộc thì ông đã đến rồi đây hả? Ông Riccardo, ông xem này, anh ta cứ ngủ mãi thế này à? Tôi đã cho anh ta uống một liều cách đây chừng mười tiếng, thế rồi từ đó đến giờ anh ta chẳng động đậy một thớ thịt nào.

Ông Riccardo cúi mình xuống, lắng nghe một lúc:

- Không, ông ấy thở rất bình thường đấy. Tất cả chỉ hoàn toàn do bị kiệt sức đấy thôi, - sau một đêm như thế còn đòi gì hơn nữa. Đến gần sáng còn có thể có một lần lên cơn nữa. Tôi mong vẫn sẽ có người ngồi trông ông ấy chứ?

- Ông Galli sẽ đến. Ông ấy cho người báo khoảng mười giờ sẽ đến.

- Bây giờ sắp mười giờ rồi còn gì nữa. A, ông ấy tỉnh rồi! Ông coi sóc sao cho cô đây tởm đưa xúp lên thì phải cho thật nóng đấy. Từ từ, từ từ nào, ông Rivarez! Thôi, thôi mà, không cần đánh đấm gì đâu, ông bạn ạ! Tôi có phải là giám mục đâu!

Ruồi trâu bỗng nhòm dậy, cặp mắt anh kinh hoàng, hoảng hốt.

Anh gấp gấp nói bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Đến lượt tôi phải không? Cứ để công chúng vui đùa trước đã. Tôi... à! Ông Riccardo! Tôi chưa trông thấy ông đây.

Anh nhìn quanh quần trong phòng rồi vất tay lên trán, như thể đã quên khuấy mất chuyện gì.

- Ông Martini kia! Thế mà tôi tưởng ông đã về nhà rồi! Hẳn là tôi ngủ say quá.

- Ông đã ngủ say như người đẹp trong truyện thần tiên^[3] suốt mười tiếng qua rồi đây. Bây giờ ông phải ăn tí xúp đi rồi lại ngủ tiếp.

[3] Đây là hàm ý câu chuyện thần tiên rất phổ biến ở châu Âu: “Người đẹp ngủ trong rừng” (Có lúc được dịch là “Hàng Nga ngủ trong rừng”).

- Mười tiếng! Ông Martini, có đúng là ông vẫn ở đây suốt cả thời gian ấy không đấy?

- Phải, tôi đã bắt đầu lo rằng phải chăng mình đã chuốc cho ông thuốc phiện quá liều.

Ruồi trâu đưa mắt láu lỉnh liếc ông ta.

- Chưa có cái may mắn ấy đâu! Dù có thế thì các ông sẽ có được các buổi họp

tiêu ban êm đẹp chứ sao? Ông Riccardo, ông còn muốn quái quỷ gì nữa thế? Hãy làm phúc để cho tôi yên, có được không? Tôi rất ghét bị các bác sĩ hành hạ.

- Thôi được, uống cái này đi rồi tôi sẽ để cho ông yên. Tuy thế, một hai ngày nữa tôi vẫn cứ phải ghé qua, và sẽ cho ông một cuộc tổng kiểm tra tới số đấy. Tôi cho là ông đã qua được khúc hiểm nghèo nhất rồi; bây giờ trông ông không mấy giống đầu lâu của thần chết trong bữa tiệc^[4] nữa.

[4] Nguyên văn tiếng Anh: Like a death's head at a feast.

- Ô, tôi sẽ khỏe ngay đây mà, cảm ơn ông. Ai kia nhỉ, - ông Galli hả? Dường như tối nay tôi được hội ngộ với đủ mặt anh tài rồi.

- Tôi đến để cùng ông qua đêm nay.

- Bậy nào! Tôi chẳng cần ai hết. Cả lũ các ông về nhà cả đi. Dù có còn lên cơn nữa thì các ông cũng chẳng giúp gì được tôi đâu. Tôi chẳng tiếp tục uống thuốc phiện nữa đâu. Thứ ấy tốt nhất chỉ dùng một lần thôi.

Ông Riccardo bảo:

- Tôi e là ông nói đúng đấy. Nhưng bám chắc được một lòng kiên quyết như thế không phải lúc nào cũng dễ dàng đâu.

Ruồi trâu nhìn lên, mỉm cười:

- Đừng sợ! Nếu ham mê cái của đó thì tôi đã nghiệm từ lâu rồi.

Ông Riccaro khô khan đáp:

- Dù sao cũng chẳng thể để ông lại một mình được. Ông Galli, sang phòng bên một phút, tôi muốn nói chuyện với ông. Ông Rivarez, chúc ông ngủ ngon nhé! Mai tôi sẽ ghé thăm.

Martini đang định đi theo họ ra khỏi buồng, thì nghe có ai khẽ gọi tên mình.

Té ra Ruồi trâu đang chìa tay về phía anh:

- Cảm ơn ông.

- Ôi chào, nhắm nhí! Ngủ đi.

Khi Riccardo đã ra về, Martini còn nán lại vài phút để nói chuyện với Galli ở phòng ngoài. Lúc ra mở cửa ngoài, anh nghe có tiếng một cỗ xe ngựa đỗ ngoài công vườn, rồi thấy bóng một phụ nữ ra khỏi xe, bước lên lối đi vào nhà. Đó là

Zita, hẳn là vừa dự một buổi dạ hội nào về. Anh cất mũ, đứng sang một bên nhường lối cho cô ta, rồi ra khỏi vườn, bước vào một ngõ tối dẫn anh từ đây đến Poggio Imperiale^[5]. Ngay lúc đó có tiếng công sắt lách cách rồi tiếng chân rảo bước vào ngõ hẻm.

[5] Poggio Imperiale (tiếng Ý): “Đồi Hoàng đế” (hoặc Hoàng gia), đồi nhỏ (poggio) trông ra toàn cảnh thành phố Florence.

- Ông chờ một chút! – Cô ta gọi.

Khi anh quay lại để gặp thì cô ta cũng đứng sững ngay lại rồi mới từ từ bước đến, một tay quài ra sau để vúi theo bờ

rào. Ở góc nhỏ vẫn còn có một ngọn đèn đơn độc nhờ đó anh thấy được cô đang cúi gục đầu, hết như đang bối rối hay xấu hổ chuyện gì.

Vẫn không ngẩng mặt lên, cô ta hỏi:

- Ông ấy thế nào?

- Khá hơn buổi sáng nhiều. Ông ấy ngủ được gần như cả ngày nên đã đỡ kiệt sức. Tôi chắc cơn đau sắp qua khỏi rồi.

Cô vẫn nhìn chăm chăm xuống đất.

- Lần này cơn đau có dữ dội lắm

không?

- Tôi phải nhận rằng đại thể là cơn đau dữ dội hết mức đây.

- Tôi cũng nghĩ thế. Hễ ông ấy không cho tôi vào phòng, thì thường có nghĩa là cơn đau dữ dội lắm.

- Ông ấy có hay bị những cơn đau như thế không?

- Tùy từng lúc... Tình hình rất thất thường... Hè năm ngoái ở Thụy Sĩ, sức khỏe của ông ấy rất tốt, nhưng mùa đông trước đây, hồi chúng tôi ở Vienna thì thật

kinh khủng. Có tới nhiều ngày liền ông ấy đã không cho tôi lại gần. Ông ấy không thích tôi có mặt khi đang ốm.

Cô ta đưa mắt nhìn lên một lát, rồi cụp ngay mắt xuống mà nói tiếp:

- Khi cảm thấy cơn đau sắp đến thì ông ấy thường tìm có này có nọ để bảo tôi đi vũ hội, đi nghe hòa nhạc hoặc đi đâu đó, rồi ông ấy khóa trái cửa tự nhốt mình trong buồng. Tôi thường phải lên về ngòai cửa, - ông ấy mà biết được thì nổi giận lôi đình lên ngay. Con chó rên rĩ ở ngoài cửa, ông ấy còn cho vào, chứ tôi thì đừng hòng. Tôi nghĩ là ông ấy quý chó hơn.

Cách nói của cô ta có một vẻ giận dữ đã trở thành khiêu khích một cách kỳ lạ.

Martini dịu dàng bảo:

- Thôi, tôi hy vọng là tình hình sẽ không xấu như thế nữa đâu. Bác sĩ Riccardo đang tận tụy chăm sóc ca bệnh này hết sức cẩn thận. Có thể là ông ấy sẽ có đủ khả năng đưa đến chỗ cải thiện lâu dài đấy. Và, dù sao, hiện nay việc chữa chạy cũng đã đem lại sự thuyên giảm rồi. Nhưng lần sau, chị nên lập tức cho người đi gọi chúng tôi ngay thì tốt hơn. Nếu chúng tôi được biết sớm hơn thì có phải ông ấy đỡ đau đớn biết bao nhiêu rồi

không. Chào chị.

Anh chìa tay ra, nhưng cô lùi lại với một cử chỉ vội vã từ chối.

- Tôi không hiểu tại sao ông lại muốn bắt tay tình nhân của ông ấy.

Anh lúng túng mở lời:

- Dĩ nhiên là tùy chị thôi...

Cô giậm chân.

- Tôi ghét ông! – Quay mặt lại nhìn anh với cặp mắt rục lên như hai hòn

than, cô thét lên: - Tôi ghét cả lũ các ông! Các ông cứ đến đây nói chuyện chính trị với ông ấy thì ông ấy cho các ông ngồi trông nom ông ấy suốt đêm và cho các ông phục thuốc để cắt cơn đau, còn tôi thì quá lắm cũng chỉ dám đến nhìn ông ấy qua khe cửa mà cũng chẳng được. Ông ấy là gì đôi với các ông? Các ông có quyền gì đến cướp ông ấy của tôi đi? Tôi ghét các ông! Tôi ghét các ông! Tôi ghét các ông!

Cô òa lên khóc nức nở, đoạn vụt chy trở vào trong vườn, đóng sầm cửa lại như vỗ vào mặt anh.

“Trời cao đất dày ơi! Á này yêu ông

ta thật sự rồi! Cũng lại là một trong tất cả những chuyện dị thường trên đời...”.

Martini tự nhủ thầm như vậy mà bước vào ngõ tối.

Chương VIII

Ruồi trâu rất chóng bình phục. Một buổi chiều trong tuần tiếp theo, ông Riccardo đến thăm thì đã thấy anh mặc bộ quần áo ngủ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, nằm ở ghế xô pha mà tán gẫu với Martini và

Galli. Anh lại còn đòi xuống dưới nhà, nhưng ông Riccardo nghe thấy chỉ cười và hỏi đùa liệu anh có thích bắt đầu ngay một cuộc lội bộ qua thung lũng mà đến Fiesole^[1] chơi không.

[1] Fiesole (tiếng Ý): xem trang 162.

Ông Riccardo còn độc địa nói thêm:

- Ông còn có thể đi rồi đến thăm luôn vợ chồng nhà Grassini để thay đổi không khí ấy chứ. Tôi chắc *madame*^[2] sẽ rất mừng được tiếp kiến ông, nhất là lúc này trông ông tái nhợt, thú vị lắm.

[2] Madame (Tiếng Pháp): ở đây là bà

Ruồi trâu chấp hai tay lại làm ra vẻ bi thương:

- Xin Chúa ban phúc lành cho tôi! Thế mà tôi không hề nghĩ ra nhỉ! Chắc chắn là bà ta sẽ coi tôi là một trong những thánh tử đạo^[3] của nước Ý và sẽ thuyết về lòng yêu nước đấy. Tôi sẽ phải đóng cho đúng vai kịch ấy và sẽ kể lại cho bà ta nghe rằng tôi đã bị chặt ra từng mảnh ở một hầm tối dưới đất và chỉ mới được lắp ráp lại rất qua quít mà thôi. Chắc bà ta cũng muốn được biết đích xác quá trình chặt ra ráp lại ấy cụ thể ra sao. Ông Riccardo, ông kho là bà ta sẽ tin chuyện

đó sao? Tôi đánh cuộc là bà ta sẽ nuốt trôi được cả những sự dối trá to lớn nhất mà tôi có thể phịa ra. Tôi đặt cược con dao găm Indian^[4] của tôi lấy con sản ngâm rượu trong phòng thuốc của ông đấy. Tôi ra giá hời rời, ông nên nhào vô đi!

[3] Martyr (Tiếng Anh): theo Công giáo, là người chịu đau khổ hoặc chết vì đức tin hay vì các nguyên lý của đạo; cũng gọi là thánh tử vì đạo, thánh chứng nhân. Xem từ trang 82.

[4] My Indian dagger (tiếng Anh): đây chắc là loại dao găm của người da đỏ (Châu Mỹ), vì Ruồi trâu đã phiêu bạt ở đó.

- Cảm ơn, tôi không ham hồ những dụng

cụ giết người như ông đầu.

- Ô, một ngày nào đó con sán cũng giết người như con dao găm vậy, mà lại không đẹp bằng nửa dao găm.

- Nhưng, ông bạn thân mến, tình hình hiện thời là tôi không cần dao găm mà cần con sán kia! Ông Martini, tôi phải chạy đây. Ông đang phụ trách con bệnh ngổ ngáo này đây chứ?

- Chỉ đến ba giờ thôi. Ông Galli và tôi phải đi San Miniato^[7], và *signora* Bolla sẽ đến thay cho tới chừng nào tôi trở về.

[7] *San Miniato* (tiếng Ý)

- *Signora* Bolla! – Ruồi trâu nhắc lại với giọng hốt hoảng. – Sao vậy, ông Martini, không thể thế được! Tôi không thể để một quý bà phải lo toan cho tôi và bệnh tật của tôi đâu. Hơn nữa, chỗ đâu mà cho bà ấy ngồi? Bà ấy không chịu vào đây đâu!

Ông Riccardo cười, hỏi:

- Ông theo đòi những lễ thói lễ giáo ấy từ bao giờ mà kịch liệt thế? Ông bạn tốt của tôi ơi, *signora* Bolla là tổng hộ lý trưởng của tất cả chúng tôi đây^[8]. Bà ấy săn sóc người ốm từ thuở còn mặc váy cột có dây đeo^[9] và săn sóc tốt hơn bất

kỳ dì phước^[10] nào mà tôi được biết. Không chịu vào phòng của ông! Sao nào, ông đang nói về người phụ nữ nhà Grassini đấy chứ! Ông Martini, nếu là bà ấy đến thì tôi khỏi phải để lại chỉ định gì. Chết chữa, hai giờ rưỡi rồi! Tôi phải đi đây!

[8] Nguyên văn bằng tiếng Anh như vậy: head nurse in general to all of us. Giọng hài hước.

[9] Short frocks (tiếng Anh): váy của bé gái hoặc nữ sinh nhỏ tuổi.

[10] Nguyên văn tiếng Anh là Sister of mercy, tức là dì phước hoặc ma xơ Dòng thương xót (chuyên làm phúc bằng cách săn sóc bệnh nhân và giúp đỡ người nghèo) của Công giáo.

Ông Galli lại gần ghé xô pha với một cốc thuốc trong tay mà bảo:

- Nào, ông Rivarez, trước khi bà ấy đến ông phải uống thuốc đã.

- Thuốc với lại chả men!

Ruồi trâu đã đi đến tình trạng hay bản gắt của giai đoạn bình phục, nên dễ khiến cho những người hộ lý tận tình của anh phải chịu cảnh khổ sở.

- Không đâu nữa rùi mà sao... sao ông cứ chúc... chúc cho tôi đủ mọi thứ gớm ghiếc này làm gì?

- Chính là vì tôi không muốn cho cơn đau trở lại. Hay là ông thích suy sụp sau khi *Signora* Bolla có mặt ở đây, để bà ấy phải cho ông uống thuốc phiện?

- Thưa quý... quý ông thân mến! Nếu cơn đau trở lại thì nó vẫn cứ trở lại, có phải đau... đau rang đầu mà có thể đem những thứ nước hỗn tạp của các ông ra dọa cho nó khỏi được. Dù những nước ấy đại thể cũng chẳng hơn gì việc đem bình xịt nước của trẻ con ra chữa cháy nhà. Nhưng thôi, tôi thấy việc của ông thì nhất định ông cứ phải làm thôi.

Anh đưa tay trái cầm lấy cốc và khi thấy những vết sẹo dễ sợ, ông Galli lại

sự nhớ đến chủ đề một câu chuyện đã nói trước đây.

Ông hỏi:

- Tiện thể xin hỏi, tại sao ông bị nhiều vết thương thế? Trong chiến tranh phải không?

- Ô kìa, tôi vừa kể với ông đó là trường hợp bị ném xuống cá hầm tôi bị mật dưới đất và...

- Vâng, nhưng đây chỉ là cách ông giải thích cho *signora* Grassini nghe thôi... chứ thật ra, tôi chắc đó là từ hồi cuộc

chiến tranh với Brazil chứ gì?^[11]

[11] Có thể là tác giả muốn ám chỉ cuộc khởi nghĩa của những người cộng hòa ở miền Nam Brazil mà Garibaldi (Giuseppe Garibaldi, 1807 – 1892, nhà yêu nước anh dũng nổi tiếng của Ý) đã tham gia chống lại bọn thống trị Bồ Đào Nha.

- Phải, tôi bị thương một ít ở đó, rồi sau đó đi săn ở những vùng hoang dã, và cả ở chỗ nọ chỗ kia nữa.

- À! Phải rồi, trong khi đi thám hiểm nghiêm cứu khoa học nữa. Ông có thể cài cúc áo sơ mi lại, tôi xong hết việc rồi đây. Qua đó chừng như ông đã có một thời gian rất phát thích ở bên ấy.

Ruồi trâu nhẹ nhõm bảo:

- Ồ, dĩ nhiên rồi, sống ở những xứ hoang dã thì không thể không mạo hiểm ít nhiều bằng cách này hay cách khác, và khó lòng hy vọng rằng những cuộc mạo hiểm ấy đều dễ chịu cả được,

- Thế nhưng tôi vẫn không hiểu bằng cách gì ông lại được nhiều thương tích đến thế, trừ phi trong một cuộc mạo hiểm tệ hại với cả một bầy dã thú, - tỉ dụ như những sọc ở cánh tay trái của ông chẳng hạn.

-À, đây là hoi đi săn báo *puma*^[12]. Ông biết không lúc ấy tôi vừa bắn một

phát...

[12] *Puma* (tiếng của bộ tộc *Quechua* ở Nam Mỹ): một loại báo ở Châu Mỹ, cũng gọi là *Cougar* (hoặc *couguar*).

Có tiếng gõ cửa.

- Ông Martini, trong phòng có được gọn ghẽ không ông? Có ạ? Vậy phiền ông mở cửa hộ. *Signora*, quả là bà hết sức có nhã ý. Bà tha lỗi, tôi không dậy được,

- Dĩ nhiên ông chẳng nên dậy làm gì. Tôi đến có phải để làm khách đâu. Cesare, tôi đến có hơi sớm một chút, vì tôi nghĩ chắc anh vội lên đường.

- Tôi còn ở lại được mười lăm phút nữa. Chị để tôi cất hộ áo choàng sang phòng bên. Tôi mang cả cái làn nữa nhé?

- Cần thận, trứng rất tươi đấy. Katie mới mua ở Monte Oliveto^[13] về sáng nay. Còn có mấy đóa hồng giáng sinh biểu ông đấy, *signor* Rivarez ạ. Tôi biết ông rất yêu hoa.

[13] Monte Oliveto (tiếng Ý): núi trồng cây ô liu.

Chị ngồi xuống cạnh bàn, tựa các cành hoa mà cắm vào lọ.

Ông Galli nói:

- Nào, ông Rivarez, ông vừa mới bắt đầu kể chuyện săn báo *puma*, bây giờ ông kể nốt cho chúng tôi nghe đi

- À, phải! Thưa *signora*, ông Galli đang hỏi tôi về cuộc sống ở Nam Mỹ và tôi cũng đang kể với ông ấy tại sao cánh tay trái tôi bị thương tật thế này. Hồi đó là ở Peru. Chúng tôi đang lột qua sông để săn đuôi báo *puma* và khi tôi bắn một phát vào con ác thú, thì đạn lại không nổ. Té ra thuốc súng bị ướt. Lẽ tự nhiên, con báo không đợi thôi chân chĩnh lại và kết quả là như thế này đây.

- Đó quả là một phen trải nghiệm thú vị.

- Ô, không tệ lắm đâu! Dĩ nhiên ta phải chịu cả cay đắng lẫn ngọt bùi, nhưng nói chung, cuộc sống rất hùng tráng. Ví dụ như đi bắt rắn chẳng hạn...

Ruồi trâu thao thao bất tuyệt, kể hết chuyện nọ đến chuyện kia, nào là chiến tranh ở Achentina, nào là chuyện thám hiểm ở Brazil, nào là những chiến công trong săn bắn và những cuộc phiêu lưu mạo hiểm với những dân hoang dã hoặc những thú dữ. Ông Gaki say mê nghe như một đứa trẻ nghe truyện thần tiên, liên tục chặn lại để hỏi thêm. Vốn giàu cảm xúc như bản tính của dân Napoli, ông ta ưa

thích mọi chuyện giật gân. Gemma lấy đồ đan trong làn ra đan và im lặng nghe, đôi tay chị bận bịu, cặp mắt nhìn xuôi. Còn Martini thì cau có và bồn chồn không yên. Anh cảm thấy cái cách Ruồi trâu kể những câu chuyện này có vẻ vừa khoe khoang lại vừa ngượng ngập. Và mặc dù bất giác anh cũng khâm phục con người ấy, khi thấy anh ta chịu đựng những sự đau đớn về thể xác với một nghị lực phi thường như chính mắt anh đã được thấy một tuần trước đây nhưng anh vẫn vốn dĩ không ưa Ruồi trâu, không ưa những việc làm và phong cách của Ruồi trâu.

Ông Galli thở dài với vẻ thèm muốn
ngây thơ:

- Đúng là một cuộc sống oanh liệt! Tôi chẳng hiểu sao ông lại đã nảy ra ý định rời bỏ Brazil. Những xứ khác sau đó chắc sẽ buồn tẻ lắm nhỉ!

Ruồi trâu bảo:

- Tôi thấy mình sung sướng nhất là lúc ở Peru và Ecuador^[14]. Đây mới thật là những xứ sở tuyệt vời. Dĩ nhiên là rất nóng, nhất là ở vùng bờ biển Ecuador, và sống ở đó cũng hơi khó chịu đấy. Nhưng phong cảnh thì đẹp không thể tưởng tượng được.

[14] Peru, Ecuador (tiếng Anh): Peru (thủ đô

Lima) giáp cạnh Braxin về phía tây, Ecuador (thủ đô Quito) lại giáp cạnh Peru về phía tây, cả hai nước này đều trông ra Thái Bình Dương và đều ở ngọn nguồn những nhánh sông đổ vào sông Amazon.

Ông Galli nói:

- Tôi tin là thế. Nhưng cuộc đời hoàn toàn tự do ở một xứ mông muội vẫn hấp dẫn tôi hơn bất cứ một cảnh đẹp nào. Chỉ ở đó người ta mới nhận biết được nhân phẩm và nhân cách của mình, chứ ở những thị thành đông đúc của chúng ta có bao giờ người ta nhận biết được.

Ruồi trâu đáp:

- Phải, nghĩa là...

Gemma rời mắt khỏi đồ đan, ngược lên nhìn anh. Anh bỗng đỏ bừng mặt và nghẹn lời. Một lát im lặng trôi qua.

Ông Galli lo lắng hỏi:

- Chắc chắn không phải là lại lên cơn đau đấy chứ?

- Không, không có chuyện gì đâu. Tuy tôi nguyên... nguyên rửa phươg thuốc giảm... giảm đau của ông, nhưng tôi lại rất nhờ ơn của nó đấy. Ông sắp lên đường sao, ông Marini?

- Vâng, đi thôi nào, ông Galli. Muộn rồi đấy.

Gemma đưa chân hay người ra khỏi phòng, và rồi chị trở vào với một cốc sữa trứng.

- Mời ông uống cốc này đi.

Chị nói với một giọng quyền uy nhưng dịu dàng, rồi lại tiếp tục ngồi đan. Ruồi trâu ngoan ngoãn nghe theo.

Trong nửa tiếng đồng hồ, không ai nói một lời. Thế rồi Ruồi trâu gọi hết sức khẽ:

- *Signora* Bolla!

Chị ngẩng lên. Anh đang tách bóc những tua rua của tấm khăn trải trên xô pha, mắt vẫn nhìn xuôi. Rồi anh mở lời:

- Những chuyện tôi vừa kể, bà chẳng tin là có thật đâu nhỉ.

Chị bình tĩnh trả lời:

- Tôi không nghi ngờ một tí gì rằng ông toàn nói dối cả thôi.

- Bà nói đúng lắm. Tôi đã toàn nói dối.

- Ý ông là về chuyện chiến tranh?

- Về mọi chuyện. Tôi không hề tham gia cuộc chiến tranh ấy đâu. Còn chuyện thám hiểm thì dĩ nhiên tôi có trải qua vài cuộc phiêu lưu, và phần lớn những chuyện tôi kể đều thật cả, nhưng việc tôi bị thương tàn tẽ thì không phải như cách tôi đã kể đâu. Bà đã phát hiện tôi nói dối một điều rồi, thì tôi thiết nghĩ mình có thể nhân tiện thú nhận tất cả mọi điều.

Chị hỏi:

- Ông không thấy việc phải bịa ra biết bao chuyện giả dối như thế là phung phí công sức sao? Riêng tôi thiết nghĩ hà tất

phải vất vả như thế làm gì.

- Vật bà có cách gì nào? Bà thừa biết câu phương ngôn nước Anh của bà: “Đừng hỏi thì khỏi nghe lời nói dối”^[15]. Lừa gạt người khác kiểu đó, tôi chẳng thích thú gì, nhưng khi người ta hỏi tại sao tôi lại thành một anh què quặt như thế, tôi phải kiếm cách trả lời. Mà nếu đã phải kiếm cách trả lời thì tôi cũng phải nên bịa ra cái gì cho hay, cho đẹp một chút. Ông Galli vui lòng thế nào, chắc bà đã thấy.

[15] Câu của nhà văn Anh Olivier Smith (1728-1774). Nguyên văn tiếng Anh: “Ask no questions and you’ll be told no lies”.

- Vậy ông thích làm vui lòng ông Galli hơn là sự thật ư?

- Sự thật! - Anh đưa mắt nhìn lên với tua khan đã rút đứt trong nắm tay. - Bà lại muốn tôi nói sự thật với những người ấy hay sao? Thà tôi tự cắt lưỡi đi con hơn!

Rồi đọt ngọt với ve bên lễn, ngưng ngưng, anh bảo chị:

- Tôi chưa hề kể chuyện với ai bao giờ, nhưng nếu bà muốn nghe thì tôi sẽ kể lại với bà.

Chị lặng lẽ đặt đồ đan xuống. Với chị,

chị thấy cái gì cảm động đến thống thiết, nơi con người cứng rắn, bí ẩn và không đáng yêu này, khi anh ta bỗng dung đem lòng tin cậy cá nhân của mình ra đặt xuống dưới chân người đàn bà mà anh chỉ mới quen sơ, và lại là người mà có lẽ anh ta không ưa thích.

Sau một hồi lâu im lặng, chị đã ngược nhìn lên. Anh đang tì cánh tay trái lên chiếc bàn con bên cạnh, đưa bàn tay tàn tật lên cha mắt, và chị nhận thấy cả những ngón ở bàn tay ấy cũng đang căng thẳng, mạch máu cũng đang dồn dập ở vết sẹo nơi cổ tay. Chị bèn lại gần anh, khẽ gọi tên anh. Anh giật thót người, ngóc đầu dậy. Anh lắp bắp nói với giọng

xin lỗi:

- Tôi quên... quên mất. Tôi đang định... định kể... kể cho bà nghe về...

- Về... tai nạn hoặc một nguyên nhân gì đó đã khiến ông có tật một bên chân. Nhưng nếu ông cảm thấy phiền lòng...

- Tai nạn ư? À, cái lần bị đánh như tử ấy! Phải đấy, có điều đó không phải tai nạn, mà chỉ là do thanh sắt cời lò than đấy thôi.

Chị nhìn chăm chăm nhìn anh, hoàn toàn ngạc nhiên. Với bàn tay đang run lên

rõ rệt, anh vuốt ngược mớ tóc ra phía sau, ngược nhìn chị mà mỉm cười.

- Bà không ngồi xuống ư? Xin bà mang ghế lại gần đây. Rất tiếc tôi không tự đi lấy ghế cho bà được. Quả vậy, hiện thời tôi mới nghĩ ra là nếu lúc bấy giờ ông Ricardo vớ được tôi mà chạy chữa thì trường hợp của tôi sẽ là một kho... kho báu vô chủ^[16] tuyệt... tuyệt vời cho ông ấy. Ông ấy có lòng yêu chân thành của nhà phẫu thuật đối với các xương gãy, mà trong tôi chỗ nào xương gãy được, dịp đó đều đã gãy tất... trừ cái cổ.

[16]A treasure - trove (tiếng Anh): Kho tang báu vật vô thừa nhận được phát hiện ngẫu nhiên, ai tìm ra người ấy được.

Chị êm ái xen lời:

- Và trừ cả lòng dũng cảm của ông nữa chứ. Nhưng có lẽ cái đó ông liệt vào loại những vật sở hữu không gì bẻ gãy nổi của mình?

Anh lác đầu, bảo:

- Không đâu. Mãi sau này tôi mới vá vúi đc ít nhiều dũng cảm cùng với những gì còn sót lại trong tôi. Chứ lúc đó nó cũng bị bẻ gãy vụn như một chén uống trà bị đập nát vậy. Cái thảm hại chính là ở đấy. À...vâng, phải rồi, tôi đang nói với bà

về thanh sắt còi than lò.

Lúc bảy giờ...để tôi nhớ lại xem... là vào khoảng gần mười ba năm về trước, ở Lima^[17]. Lúc này tôi có nói với bà Peru là một nước tuyệt vời để trú ngụ, nhưng thực ra nó chẳng tốt đẹp gì cho lắm đối với những kẻ thất cơ lỡ vận như tôi lúc bảy giờ. Tôi đã xuống đến tận Achentina, rồi sang Chile, chủ yếu đi lang thang khắp xứ đó và suýt chết đói, và rồi từ Valparaiso^[18] tôi đã lên làm chân sai vặt trên một chiếc tàu chở súc vật để đến Lima ngay cả ở Lima, tôi chẳng tìm được việc làm nào, tôi bèn lần ra các bến tàu – các bến này ở Callao^[19] ấy, chắc bà cũng biết, - để tìm kiếm xem

sao. Vâng, ở mọi cảng tàu biển như thế bao giờ cũng có những khu nhà tồi tàn mà các dân làm nghề đo biển thường tụ tập lại. Và sau một thời gian tôi đã được nhận vào làm đầy tớ trong một ở gà bạc. Tôi phải nấu bếp, hầu bàn bi-a^[20], bung rượu cho các thủy thủ và lũ gái của họ, và mọi việc đại loại như thế. Công việc không dễ chịu lắm, nhưng tôi cũng lấy làm vui vì kiếm được việc làm, chí ít là có ăn, được nhìn thấy mặt người và nghe tiếng nói của con người ở chừng mực nào đó. Chắc bà bảo rằng như thế thì ăn thua nổi gì, nhưng số là tôi vừa mới ngã bệnh sốt rét vàng da, một thân một mình nằm liệt giường trong một mái lều, nhà phụ của một quán rượu tồi tàn, nửa

thoang phé, và chính cơ sự này đã đem đến cho tôi bao điều khủng khiếp. Số là, có một đêm người ta sai tôi phải tống cổ một gã *Lasca*^[21] say rượu ra khỏi quán để hấn khỏi quậy phá. Hấn lên bờ, đánh bạc thua nhẵn túi nên rất cay cú. Dĩ nhiên tôi phải nghe lời, nếu không thì tôi sẽ mất chỗ làm và chết đói; nhưng gã đó khỏe gấp đôi tôi, - hồi ấy tôi chưa đầy hai mươi một tuổi, sau cơn sốt rét tôi đang yếu như một con mèo. Hơn nữa, hấn còn có một thanh sắt cời than lò.

[17] Lima: thủ đô nước Peru.

[18] Valparaiso: một hải cảng ở Chile, ở sát cạnh thủ đô Santiago.

[19] *Callao*: một hải cảng ở Peru, ở sát cạnh thủ đô Lima, hệt như Valparaiso với Santiago.

[20] Nguyên văn là *billiard – marking* (ghi điểm cho bàn bi-a).

[21] *Lascar*: thủy thủ xuất xứ từ vùng quần đảo Đông Ấn, Mã Lai,...

Anh ngừng một lát, đưa mắt lên nhìn chị, rồi anh nói tiếp:

- Chắc hẳn định phăng teo ngay cuộc đời tôi, thế nhưng hẳn chỉ làm được qua loa,
- những tay *Lascar* thường cầu thả khi có dịp, - nên vẫn để sót lại phần chưa bị nhừ tử trong tôi đủ để tôi có thể sống còn được.

- Vâng, thế còn những người khác, họ không thể can thiệp được ư? Tất cả những người đó đều sợ một gã *Lasca* hay sao?

Anh nhìn lên rồi phá ra cười.

- *Những người khác?* Lũ con bạc và bọn người trong cái sạp cờ bạc ấy à? Ôi, bà chưa rõ ư! Họ là những da đen, người Tàu và những người gì nữa có trời mà biết được. Mà tôi là đầy tớ của họ, là *vật sở hữu của họ*. Họ đứng vây quay và, dĩ nhiên. Họ thích thú với một trò vui. Những việc đại loại ở đây họ chỉ coi là chuyện đùa bỡn mà thôi. Đúng thế đấy,

nếu may mà đối tượng để đùa bỡn không phải chính mình.

Chị rùng mình.

- Vậy cuối cùng sự thể ra sao?

- Điều ấy tôi không có gì nhiều để kể với bà được. Theo quy luật, vài ngày sau một sự việc loại đó, người ta không thể nhớ được gì. Nhưng lúc bấy giờ có một ông y sĩ^[22] trên tàu biển lại đang ở gần đây, và hình như họ thấy tôi chưa chết nên một người nào đó trong bọn họ bèn gọi ông ta đến. Ông ta vá vúi qua loa cho tôi theo cái kiểu nào đó mà hình như Ricardo cho là *khá* tệ hại, nhưng có lẽ chỉ là do lòng

đồ kỹ nghệ nghiệp mà thôi. Dù sao đi nữa, khi tôi tỉnh lại, tôi đã được một bà cụ người thổ dân nhận đem về nuôi vì lòng từ thiện. Cơ đốc giáp – chuyện nghe cũng kỳ khôi, phải không bà? Bà cụ thường ngồi co ro trong xó lều tranh, hút thuốc Lào bằng cái tẩu đen sì rồi khạc nhổ xuống đất và ngâm nga một điệu gì đó. Tuy vậy, cụ rất tốt tính, cứ bảo tôi rằng tôi có thể bình yên mà chết, không có ai quát rầy gì đâu. Nhưng tinh thần phản kháng vẫn mạnh mẽ trong tôi và tôi đã quyết chọn sự uống. Bò trở lại với cuộc sống - nhiệm vụ ấy mới thật là khó; và ngày nay đôi khi tôi vẫn nghiêng về ý nghĩ cho rằng, cố công như thế kết cục vẫn chỉ là chuỗi dài quá gáo^[23]. Dù sao

đi nữa, lòng kiên nhẫn của bà cụ là tuyệt vời. Cụ đã nuôi tôi ... Bao nhiêu lâu nhỉ? ... Gần bốn tháng trời, mà là nằm liệt trong máu lều của cụ, chốc chốc lại mê sảng như một thằng điên, lúc không mê sảng thì lại hung dữ chẳng khác nào một con gấu bị viêm tai. Quả là đau dữ dội đây bà ạ, mà tính nết tôi lại hư đốn từ thuở nhỏ do được nuông chiều quá mức.

[22] Nguyên văn tiếng Anh “A ship’s surgeon”, chức vụ gọi vậy trong quân đội, trên tàu biển thực tế chỉ là “ông quân y”, “ông y sĩ tàu biển”.

[23] Nguyên văn tiếng Anh “A great deal of cry for very little wool” (kêu gào nhiều nhưng len thu được chẳng bao nhiêu), nói đơn giản là “mất công nhiều nhưng kết quả thu được ít”, “chẳng bỏ mất

công sức quá nhiều đến thế...”

- Rồi sau thế nào?

- Ô, rồi sau....tôi có phần đỡ và bò lủi ra đi... không đâu, bà chớ tưởng tôi ra đi là vì trong lòng áy náy, ngại quấy quả lòng từ thiện của bà cụ nghèo khổ ấy, - không, lúc bấy giờ tôi đã không thể chu đáo được đến vậy. Tôi ra đi chỉ vì ở đây tôi không sao chịu nổi nữa rồi. Bà vừa nói tới lòng dũng cảm của tôi ư? Giá mà bà nhìn thấy tôi lúc bấy giờ! Ngày nào cũng vậy, cứ vào lúc chạng vạng tối là cơn đau thường đến mức tệ hại nhất. Cứ chiều đến là tôi thường một mình nằm mà dõi nhìn mặt trời xuống thấp dần, thấp

dần... Ôi, bà không thể hiểu được đâu!
Chuyện ấy khiến tôi ngay đến bây giờ
vẫn thấy khó chịu khi nhìn cảnh mặt trời
lặn!

Một hồi lâu im lặng.

- Thế rồi tôi lại tiếp tục đi lang thang
khắp xứ ấy, để xem có kiếm được việc
làm ở đâu nữa không... chứ còn ở Lima
thêm nữa thì tôi tưởng phát điên lên mất.
Tôi lặn lội tới tận Cuzco^[24] và ở đấy...
Nhưng quả thật tôi chẳng hiểu tại sao
mình lại đem tất cả câu chuyện lịch sử cổ
đại này ra để làm khổ bà làm gì. Chuyện
gọi là ngộ nghĩnh cũng chả đáng.

[24] Cuzco (tiếng Tây Ban Nha): một thành phố cổ, trung tâm thương mại ở phía Nam Peru, từng là kinh đô cũ của người Inca trước khi người châu Âu đặt chân đến Nam Mỹ.

Chi ngân đầu, nhìn anh với cặp mắt sâu thẳm và nghiêm nghị, mà bảo:

- Xin ông chớ nói thế.

Anh bậm môi, rút thêm một tua khan. Một lát sau, anh hỏi:

- Tôi kể tiếp chứ?

- Nếu... nếu ông muốn. Tôi sợ ông lại khổ tâm khi nhớ lại chuyện xưa.

- Vậy bà tưởng cứ nín lặng là tôi quên lãng được sao? Như thế còn tệ hại hơn đây. Nhưng bà chớ tưởng rằng điều ám ảnh tôi ghê gớm là sự việc xảy ra, mà đó là khi tôi đánh mất quyền tự chủ đối với bản thân mình cơ!

- Tôi... tôi nghĩ là tôi chưa hiểu hết ý ông,

Ý tôi nói là khi lòng dũng cảm của tôi đã cạn, cạn đến mức tôi tự thấy mình là thằng hèn.

- Nhưng chắc chắn là bất kỳ ai cũng chỉ có thể chịu đựng đến một giới hạn nào thôi.

- Phải, và một khi đã đạt đến giới hạn ấy, ai đó vẫn không hề biết có bao giờ mình lại đạt được như thế nữa không.

Chị ngập ngừng, hỏi:

- Nếu không phiền, xin ông cho biết tại sao mới hai mươi tuổi đầu ông đã đến

nổi một thân lưu lạc và phiêu bạt ở đây như thế?

- Rất đơn giản. Trong gia đình ở một đất nước cổ xưa, cuộc sống đầu đời đã mở ra tươi đẹp cho tôi, nhưng tôi đã bỏ trốn mà ra đi.

- Tại sao?

Anh lại buông ra một tiếng cười gằn:

- Tại sao? Có lẽ tại lúc đó tôi là một chú nhóc tay mơ và tự phụ. Sinh trưởng trong một gia đình cực kỳ sang trọng, tôi đã được nâng niu chiều chuộng hết mức,

đến nỗi tưởng chừng thế giới toàn là bằng len hồng và hạnh nhân bọc đường. Nhưng rồi vào một ngày đẹp trời nọ, tôi phát hiện ra một người mà tôi vẫn tin yêu đã lừa dối tôi. Kia, sao bà lại giật mình vậy? Bà làm sao thế?

- Không sao. Xin ông cứ kể tiếp.

- Tôi phát hiện thấy mình đã bị lừa bịp để tin vào một điều dối trá. Dĩ nhiên, đó cũng chỉ là một trải nghiệm thông thường; nhưng, như tôi đã nói với bà, tôi còn trẻ và tự phụ, và lại tin rằng những kẻ ăn gian nói dối sẽ bị sa xuống hỏa ngục tất. Vì thế, bất kể chìm nổi ra sao, tôi đã liều mình bỏ nhà ra đi, dấn thân

sang Nam Mỹ, mặc dù không có một xu dính túi, không một chữ Tây Ban Nha trong đầu, hay bất kỳ một thứ gì khác, ngoài hai bàn tay trắng và thói quen tiêu sài để hòng đi kiếm miếng ăn. Do đó, kết quả tất nhiên là tôi đã bị dẫn sâu xuống hỏa ngục thật sự, để cho chừa cái thói tưởng tượng ra những hỏa ngục giả vờ. Đó cũng là một cuộc đắm chìm khá triệt để... nó kéo dài đúng năm năm trời trước khi đoàn thám hiểm Duprez đến và kéo tôi lên.

- Năm năm! Ôi kinh khủng quá! Mà ông không có bạn bè gì hay sao?

Anh xoay hẳn người lại nhìn chị với

một vẻ dữ dội đột ngột.

- Bạn bè à? Tôi... tôi *chưa bao giờ* có một người bạn nào.

Nhưng lát sau, hơi có vẻ thẹn về thái độ xúc nổi của mình, anh vội tiếp lời:

- Bà chớ nên quá coi trọng mọi chuyện đó. E rằng tôi đã kể lể sự việc một cách quá thảm hại, chứ thật ra trong một năm rưỡi đầu, tình hình chưa đến nỗi tệ hại lắm đâu: tôi còn trẻ, có sức, đã xoay xở vật lộn, kiếm sống được khá dễ dàng cho đến khi gã *Las-car* ấy ghi dấu vết lên người tôi. Nhưng sau đó tôi không kiếm được việc làm nữa. Tuyệt

vời thay thanh sắt cời than lò, nếu được ta điều khiển thích đáng nó sẽ trở thành một công cụ có hiệu quả biết bao, còn người đã tàn tật thì ai cần thuê mướn làm gì.

- Vậy ông đã làm những công việc gì?

- Kiếm được việc gì tôi làm việc ấy. Một thời gian tôi đã sống bằng cách làm chân chạy việc vặt cho những người nô lệ trong các đồn điền mía, họ cần cái gì mình tìm đem về, họ bảo đem cái gì đi thì đến mang đi. Có một trong những sự lạ đời là những kẻ nô lệ thường cũng cứ cố kiếm cho mình một tên nô lệ riêng, và một gã da đen không khoái gì bằng có

được một tên đầu sai da trắng để bắt nạt. Nhưng chuyện đó cũng vô ích thôi: những tên cai đồn điền luôn đuổi tôi ra. Vì chân khập khiễng quá, tôi không đi được nhanh mà tôi lại cũng không có cách gì vác những đồ nặng được. Ngoài ra tôi còn luôn bị lên cơn vì chúng viêm tấy này hoặc những chứng chết tiệt gì khác nữa.

Một thời gian sau, tôi lại xuống đến các mỏ bạc để cố kiếm việc làm ở đây. Nhưng cũng lại chẳng ăn thua gì, chỉ nghe đến khái niệm nhận tôi vào đây không thôi, là những viên quản lý đã bật phì cười rồi, còn những phu phen thì họ cực lực phản đối tôi.

- Sao lại thế?

- Ô, bản tính con người mà, tôi nghĩ vậy. Vì họ thấy tôi chỉ có một tay để đánh trả được thôi. Còn họ là những kẻ ghê lở, những quân lai căng, là những dân da đen, phần lớn là người Zambos^[25]. Lại còn cả đám những dân culi^[26] kinh khủng nữa chứ! Thế là cuối cùng do đã lãnh quá đủ chuyện này, tôi đành phải cất bước đi lang thang hú họa; cứ đi lung tung bừa đi để may ra kiếm được việc gì không.

[25] Zambos (tiếng Anh): Xambo là loại người da đen, hoặc để chỉ người lai da đen nói chung.

*[26] Coolies (tiếng Anh): Những người lao lực
tạp nhạp, cùng khổ và rất kém văn hóa.*

- Đi lang thang? Với một chân khập
khễng như thế?

Anh ngược mắt nhìn chị và bỗng nhiên
nghet thở một cách đáng thương.

Anh bảo:

- Lúc ấy tôi... tôi đói.

Chị hơi ngoảnh mặt đi, đưa một tay
lên chống cằm. Anh im lặng một chút, rồi

lại nói tiếp, giọng mỗi lúc một chìm lắng.

- Vâng tôi đi lang thang, đi mãi, đi đến khi gần phát điên lên mà vẫn chẳng kiếm được gì. Tôi xuống tới tận Ecuador^[28] nhưng ở đó lại càng tệ hơn nơi nào hết. Có lúc tôi kiếm được chút việc của thợ hàn nôi, - tôi là tay hàn khá đáo đẽ đấy, - hoặc làm kẻ sai vặt để chạy các việc linh tinh, hoặc nữa là làm phu quét dọn chuyên cọ cửa chuồng lợn. Có lúc tôi lại làm... ôi, tôi cũng không sao nhớ hết nữa. Thế rồi, cuối cùng, có một hôm...

[28]. Ecuador (tiếng Anh): Xem chú thích ở

trang 262. Từ Peru phải đi xa hơn nữa về phía tay để sang Ecuador, đến vùng soai soai ra tới biển. Do đó nói là “xuống”.

Bàn tay nhỏ nhắm râm nâu của Ruồi trâu trên mặt bàn bỗng nắm chặt lại khiến Gemma phải ngẩng đầu, lo lắng nhìn anh. Nửa mặt anh nghiêng về phía chị, nên chị thấy rõ một mạch máu trên thái dương anh giật thon thót với nhịp đập dồn dập mà không đều, giống như những nhát búa đập trên đe. Chị cúi mình, êm ái đặt một bàn tay lên cánh tay anh:

- Thôi đừng kể nữa ông ạ. Nói đến những chuyện ấy khủng khiếp quá.

Anh hồ nghi chăm chú nhìn bàn tay đó, lắc đầu và vững giọng nói tiếp:

- Thế rồi, có một hôm tôi gặp một gánh xiếc rong. Chắc bà còn nhớ một gánh xiếc như vậy ta đã xem tối hôm nào? Vâng, kiểu thế đây, có điều thô thiển hơn và tục tằn hơn. Dân Zambos không tao nhã như dân Florence ở đây đâu, cái gì mà không cục cằn hoặc không hung bạo là họ chẳng để tâm đến. Dĩ nhiên là phải có cả mục đấu bò rồi. Gánh xiếc cắm lều nghỉ đêm ở cạnh đường cái. Tôi bèn đến tận lều của họ để xin ăn. Phải, hôm ấy, trời rất nóng nực, mà tôi đã đói lả, thế rồi... tôi lăn ra bất tỉnh ngay trước cửa lều. Hồi ấy tôi có cái tật

cứ bồng dung lăn ra ngất xỉu, giống như cô nữ sinh nội trú thường hay xỉu đi vì nén yếm quá chặt. Thế là họ đem tôi vào lều, nào là cho uống rượu mạnh, nào là cho ăn, vân vân: và rồi... đến sáng hôm sau... bảo tôi vào làm...

Lại im lặng một lát:

- Họ đang cần một vai gù, hoặc một vai hình thù gớm ghiếc nào đó để bọn con trai có chỗ mà ném vỏ cam vỏ chuối, - tóm lại là một cái gì gây cười cho dân da đen... Bà đã thấy vai hề trong xiếc tối hôm nọ rồi đấy... phải, chính tôi đã là vậy trong hai năm liền. Tôi chắc bà có lòng nhân đạo đối với người da đen và

người Tàu. Hãy đợi đến khi số phận mình rơi vào tay họ thì mình mới thấy được ra sao.

Vâng, tôi đã phải học để ra làm trò. Nhưng thấy hình thù của tôi chưa được méo mó lắm, thì họ liền chần chỉnh lại bằng một cái bấu giả và lợi dụng triệt để cái chân và cái tay này... mà dân ở đó họ cũng không khó tính gì, chỉ cốt vớ được một sinh vật nào đó đem ra hạnh hạ được là họ dễ dàng thỏa mãn thôi... và bộ quần áo hề cũng đem lại hiệu suất ra trò nữa đấy.

Điều khó khăn duy nhất chỉ là tôi hay ốm quá, không ra diễn được. Đôi khi, vớ

phải hôm người chủ gánh xiếc bực mình, thì dù tôi đang lên cơn đau ông ta vẫn cứ bắt tôi ra sàn diễn, và tôi tin rằng những tối diễn như vậy lại là những buổi công chúng thích nhất. Tôi còn nhớ có lần giữa lúc đang làm trò thì tôi đau quá, ngất xỉu ngay tại chỗ. Khi tỉnh lại được thì thấy người ta xúm xít xung quanh... vừa la ó, hò hét, lại vừa ném vào người tôi bằng các thứ...

- Đừng, ông! Tôi không chịu được nữa! Thôi đi, trời ạ!

Chị đã đứng dậy, đưa cả hai tay lên bịt lấy hai tai. Anh ngừng bật, và khi nhìn lên, anh thấy nước mắt đã long lanh trong

cặp mắt chị.

Anh khẽ nói trong hơi thở:

- Thật đáng nguyên rủa! Sao tôi ngu xuẩn thế.

Chị bước qua phòng, ra đứng bên cửa sổ, nhìn ra ngoài một lát. Khi quay trở lại, chị thấy Ruồi trâu đã lại nằm tựa vào bàn, một tay che lấy mắt. Chắc hẳn là anh đã quên bằng sự có mặt của mình rồi, chị bèn đến ngồi bên cạnh, không nói gì cả. Mãi hồi lâu sau, chị mới chậm rãi bảo:

- Tôi muốn hỏi ông một điều.

Không nhúc nhích, anh đáp:

- Vâng?

- Sao lúc ấy ông không cắt cổ tự tử?

Anh hết sức ngạc nhiên ngược nhìn chị mà trả lời:

- Tôi không ngờ *bà* mà lại hỏi như vậy! Thế còn công việc của tôi? Ai sẽ làm công việc thay cho tôi?

- Công việc của ông... À, ra thế! Vậy mà ông vừa nói ngay đây rằng mình là kẻ hèn nhất? Nào, nếu như ông vượt qua hết

thầy mà vẫn giữ vững được mục đích của mình, thì ông đích thực là người dũng cảm nhất tôi chưa từng gặp trong đời.

Anh lại lấy tay che mắt, còn tay kia anh sôi nổi siết chặt tay chị. Một bầu im lặng tưởng chừng vô tận bủa vây họ.

Thình lình từ dưới vường vang vọng một giọng nữa cao, trong trẻo và tươi mát, ca lên một đoạn trong một bài hát xoàng xĩnh của Pháp:

“Eh, Pierrôt! Danse, Pierrôt!

Danse un peu, mon pauvre Jeannôt!

Vive la danse et l'allégresse!

Jouissons de notre bell' jeunesse!

Si moi je pleure ou moi je soupire,

Si moi je fais la triste figure-

Monsieur, ce n'est que pour rire!

Ha! Ha, ha, ha!

Monsieur, ce n'est que pour rire!"

[29]

[29]. “Này, Pierô! Nhảy đi nào, Pierô ơi!

*Nhảy một tí nào, Gian ô tội nghiệp
của tôi!*

*Muôn năm, nhảy! Muôn năm, vui
tươi!*

*Hãy tận hưởng tuổi thanh xuân đẹp
của chúng ta đi thôi!*

Nếu tôi khóc lóc hoặc tôi thờ dài,

Hoặc tôi làm ra vẻ mặt buồn đời,

Ông ơi, đó cũng chỉ để cười vui!

Ha! Ha, ha, ha!

Ông ơi, đó cũng chỉ để cười vui!”

Thoạt nghe mấy tiếng ca đầu, Ruồi trâu đã buông rời tay Gemma, co người lại và cố nén một tiếng rên. Nhưng chị đã đưa cả hai tay nắm lấy cánh tay anh mà ghì chặt lấy, hết như ghì lấy tay của một người đang trải qua một ca phẫu thuật vậy. Khi bài ca đã dứt, rồi có những tiếng cười và tiếng vỗ tay đồng thanh từ dưới vườn dội lên, thì anh ngược lên cặp mắt đau thương của một con vật bị hành hạ.

Anh chậm chậm bảo:

- Phải, Zita với lũ bạn sĩ quan của cô ta đấy. Đêm hôm nọ cô ta đã cố tìm cách vào đây trước lúc ông Riccardo tới. Cô ấy mà chạm đến người tôi thì tôi phát điên mất!

Gemma dịu dàng phản đối:

- Nào chị ấy có biết đâu. Chị ấy đâu ngờ làm ông khó chịu.

Từ trong vườn lại lộ lên một trận cười. Gemma liền đứng dậy mở cửa sổ. Zita đom đàng quần trên đầu một chiếc khăn thêu kim tuyến, đang đứng giữa lối

đi, giờ cao một bó hoa tím cho ba sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi làm ra vẻ tranh nhau với lấy.

Gemma gọi:

- Bà Reni!

Mặt Zita sa sầm lại như một đám mây dông chứa đầy sấm sét. Cô ta quay lại, đưa mắt nhìn lên với vẻ thách thức, hỏi:

- *Madame?*

- Xin các ông bạn của bà nói khẽ cho một chút được không? *Signor Rivarez*

đang mệt lắm!

Cô gái txigan quăng bó hoa tím xuống đất.

Mấy gã sĩ quan còn đang sừng sốt thì cô đã quay ngoắt lại, bảo:

- *Allez-vousen! Vous m'embêtez, mesieurs*^[30]!

[30]. Allez-vousen! Vous m'embêtez, mesieurs (tiếng Pháp): Các ông đi đi, các ông quấy rầy tôi rồi đấy!

Rồi cô từ từ đi ra đường. Gemma đóng cửa sổ lại. Quay lại anh, chị bảo:

- Họ đi rồi.

- Cảm ơn bà. Tôi... tôi rất tiếc đã làm phiền bà.

- Có gì mà phiền.

Anh nhận ra ngay nét ngập ngừng trong lời chị.

- Có chữ “nhưng”, - anh nói. Thưa *signora*, bà chưa nói hết câu, đằng sau ý của bà còn có một chữ “nhưng” bà chưa nói ra.

- Nếu ông đã nhìn vào phía sau những ý nghĩ của người khác, thì xin ông đừng nên phật ý về những gì mình đọc được ở đó. Dĩ nhiên đây không phải việc của tôi, nhưng tôi không thể hiểu được tại sao...

- Tại sao tôi lại ghét bà Reni có phải không? Tôi chỉ ghét khi tôi...

- Không, ông đã sống được với chị ấy mà ông lại ghét như vậy. Theo tôi đó là một sự xúc phạm đến chị với tư cách một người phụ nữ và với...

Anh phá lên cười một cách khắc nghiệt.

- Một người phụ nữ! Như thế mà bà gọi là người phụ nữ ư? *Madame, ce n'est que pour rire*^[31].

[31] Bà ơi, đó cũng chỉ để cười vui: Nhại câu cuối trong bài hát Pháp mà Zita vừa hát.

Chị bảo:

- Như thế là không công bằng! Ông không có quyền nói về chị ấy theo kiểu đó với bất kỳ ai, - nhất là với một người phụ nữ khác!

Anh quay mặt đi và nằm với cặp mắt mở to nhìn mặt trời đang lặn phía ngoài cửa sổ. Chị bèn hạ thấp rèm xuống và

đóng cả cửa chớp lại để anh khỏi trông thấy cảnh mặt trời lặn. Rồi chị ngồi cạnh chiếc bàn ở bên một cửa sổ khác, và lại tiếp tục đan.

Một lát sau chị hỏi:

- Ông có muốn thắp đèn lên không?

Anh lắc đầu.

Khi trời đã tối mịt không nhìn thấy gì nữa, Gemma cuộn đồ đan lại, cất vào làn. Trong chốc lát, chị ngồi khoanh tay, lặng lẽ nhìn thân hình bất động của Ruồi trâu. Ánh chiều mờ đục phủ lên mặt anh

đường như đã làm dịu bớt vẻ khắc khổ, giấu cợt và tự tin của bộ mặt, nhưng lại hằn sâu thêm những nếp bi thảm của làn môi. Do một sự liên tưởng lạ kỳ nào đó, trong trí nhớ của chị đã bay về rõ mồn một chiếc giá chữ thập bằng đá mà ba chị đã trông để tưởng nhớ Arthur, và đến cả dòng chữ khắc trên đó:

“Mọi sóng to gió lớn của người đều đã ập đến qua đầu tôi”.

Một tiếng đồng hồ đã trôi qua trong tĩnh lặng triền miên. Cuối cùng chị đứng dậy, nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng. Khi trở lại với cây đèn, chị dừng bước một lúc, tưởng là Ruồi trâu đã ngủ say.

Nhưng ánh sáng vừa lợt tới, anh đã ngoảnh đầu lại.

Chị đặt cây đèn xuống, bảo:

- Tôi đã pha cho ông tách cà phê.

- Bà cứ để đấy một lát. Xin bà lại gần đây, được không?

Anh nắm chặt đôi tay chị bằng cả hai tay mình. Anh bảo:

- Tôi đã suy nghĩ kỹ thấy bà nói rất đúng. Tôi đã dấn cuộc đời mình vào một mối rôi ren hiểm hóc rồi. Nhưng nên

nhớ, một người đàn ông đầu để gãi được một người đàn bà mình có thể... yêu. Mà tôi... tôi lại đã chìm đắm trong cảnh khốn cùng. Nay tôi sợ...

- Ông sợ...?

- Sợ bóng tối. Đôi khi ban đêm tôi *không dám* ở một mình. Tôi thấy cần phải có một cái gì sống động... một cái gì vững chắc ở bên mình. Cái bóng tối ấy là bóng tối bên ngoài, mà ở đó phải có... Không, không đâu! Không phải cái bóng tối ấy đâu, cái thứ ấy chỉ là hỏa ngục đồ chơi ba xu để dọa trẻ con... Cái tôi sợ là bóng tối *bên trong*, ở đó không có tiếng khóc lóc hoặc tiếng nghiến răng^[32], mà

chỉ có im lặng... im lặng...

[32]. “*tiếng khóc lóc và tiếng nghiến răng*” hoặc “*khóc và nghiến răng*” (to weep and to gnash) là những từ trong Kinh Thánh miêu tả hỏa ngục, “*Nghiến răng*” ở đây là rên siết, cắn hờn.

Đôi mắt anh trợn lên, còn chị thì im lìm, hầu như nín thở cho tới khi anh mở lời.

- Tất cả những cái đó đối với bà phải chẳng rất là những chuyện bí hiểm? Bà không hiểu được - may mắn thay cho bà. Điều tôi muốn nói là nếu tôi thử tìm cách sống một thân một mình thì chắc hẳn tôi sẽ phát điên lên mất... Do đó, nếu có thể được, xin bà chớ xét đoán quá nghiêm

khắc về tôi. Dù sao tôi cũng không đến nỗi là kẻ vũ phu độc ác như có lẽ bà đã tưởng tượng đâu.

Chị đáp:

- Tôi không sao phân xử thay cho ông được. Tôi đã không trải qua đau khổ như ông. Thế nhưng... tôi cũng đã từng chìm chón nước sâu, có điều là theo kiểu khác thôi, nên tôi thiết tưởng – tôi tin chắc – rằng nếu ông để cho nỗi sợ một cái gì đó đẩy ông đến một việc thực sự tàn nhẫn, bất công hoặc thiếu độ lượng, thì ông sẽ phải hối tiếc về sau. Còn như... nếu ông đã chỉ thất bại ở một điểm đó thôi, thì tôi cũng hiểu rằng ví dù tôi ở vào địa vị

ông, tôi đã thất bại toàn bộ rồi... và chỉ còn nguyên rủa Thượng đế mà chết nữa thôi.

Anh vẫn giữ hai bàn tay chị trong tay mình.

Anh nói rất dịu dàng:

- Cho tôi biết nhé! Trong đời mình bà đã làm một việc gì thực sự tàn nhẫn chưa?

Chị không trả lời, nhưng đầu chị gục xuống và hai giọt lệ lớn đã rỏ xuống tay anh.

- Cho tôi biết đi!. - Siết chặt hơn tay chị, anh thì thâm tha thiết - Cho tôi biết nào! Tôi đã cho bà biết mọi nỗi thống khổ của tôi rồi.

Vâng.. có một lần... lâu lắm rồi... Và tôi đã từng làm việc tàn nhẫn ấy đối với người tôi yêu nhất trên đời này.

Hai bàn tay anh đang nắm tay chị, bỗng run bắn lên, nhưng không thôi siết chặt.

Chị nói tiếp:

- Anh ấy là một người đồng chí. Vậy

mà tôi lại đi tin vào lời người ta vu khống anh, một điều giả dối thông thường và trắng trợn do cảnh sát bịa đặt ra. Tôi cho anh là kẻ phản bội, nên đã tát anh. Thế là anh bỏ đi và nhảy xuống biển tự tử. Mãi hai ngày sau tôi mới biết là anh ấy hoàn toàn vô tội. Kỷ niệm ấy có lẽ còn đau đớn hơn bất cứ một kỷ niệm nào của ông. Tôi sẵn sàng chặt cụt cánh tay phải của mình đi để xóa bỏ điều đã trót làm.

Một cái gì mau lẹ và hiểm nghèo mà trước đây chị chưa từng thấy, lóe lên trong đôi mắt anh. Bằng một cử chỉ thâm vụng và đột ngột, anh cúi xuống hôn lên tay chị.

Chị lùi lại với vẻ hoảng hốt. “Đừng, ông! – giọng đáng thương, chị kêu lên – xin ông đừng bao giờ làm như thế nữa! Ông làm tôi đau lòng!”.

- Vậy bà tưởng bà không làm đau lòng người bà đã giết hay sao?

- Người tôi đã.. giết... Ôi chao, Cesare đã đến ở ngoài cổng kia rồi! Tôi... tôi phải đi đây.

*

Bước vào phòng, Martini chỉ thấy Ruồi trâu một mình nằm cạnh tách cà phê vẫn còn nguyên vẹn. Anh ta đang nhẹ giọng tự nguyện rửa mình một cách uể oải và vô

Chương IX

Vài hôm sau, Ruồi Trâu, tuy vẫn còn tái xanh và chân khập khiễng nhiều hơn mọi khi, đã đến phòng đọc sách của thư viện công cộng hỏi mượn tập các bài giảng đạo của Hồng y giáo chủ

Montanelli. Ông Riccardo đang ngồi ở bàn gần đây, bèn ngẩng đầu lên nhìn. Ông rất quý mến Ruồi Trâu nhưng duy có một nét trong anh, ông không sao tiếp nhận nổi, - đó là cái ác ý cá nhân kỳ quặc này của anh.

Ông hỏi, gần như bực dọc:

- Ông lại đang chuẩn bị một loạt đạn mới để nã vào cái ông Hồng y giáo chủ xúi quẩy ấy nữa đấy ư?

- Ông bạn quý mến của tôi ơi, sao lúc... lúc nào ông cũng đem những động... động... động cơ xấu xa gán ghép cho người khác thế? Đó là rất... rất phi

Cơ đốc giáo. Tôi chỉ đang chuẩn bị viết một bài tiểu luận về khoa thần học hiện đại cho một tờ báo mới... mới đây thôi.

Ông Riccardo cau mày:

- Tờ báo mới nào thế?

Hình như lúc này đang có một điều bí mật công khai là đạo luật báo chí mới sắp được ban bố và rằng phe Đồi lập đang chuẩn bị ra một tờ báo cấp tiến để làm chấn động dư luận thành phố. Thế nhưng, cho tới lúc bấy giờ, về mặt chính thức mà nói, đó vẫn còn là một điều bí mật.

- Cố nhiên là cho tờ *Những kẻ lừa đảo*^[1] hoặc như người ta còn gọi là tờ *Thông lịch giáo hội*^[2] chứ gì nữa.

[1] Swindlers Gazette (tiếng Anh).

[2] Church Calender (tiếng Anh).

- Suyt suyt! Ông Rivarez, chúng ta đang quấy rầy các bạn đọc khác rồi đấy.

- Vậy thì ông hãy cắm mũi vào khoa mổ xẻ của ông đi, nếu đó là đề tài của ông, và hãy để mặc tôi với khoa thần... thần học vì đó là đề tài của tôi. Tôi không... không... không... không can

thiệt vào việc ông chữa trị các xương gãy, mặc dù tôi biết nhiều điều quý... quý hiếm về xương gãy hơn ông.

Đoạn anh ngồi xuống nghiên cứu tập bài giảng đạo với vẻ dăm chiêu, chăm chú. Một trong các nhân viên thư viện đã đến chỗ anh.

- *Signor* Rivarez, tôi nghĩ là ông đã từng tham gia đoàn thám hiểm Duprez, đi khám phá các nhánh sông Amazon phải không ạ? Có lẽ ông sẽ sẵn lòng giúp chúng tôi trong một vấn nạn. Có một bà đã đến để tra cứu các hồ sơ ghi chép về cuộc thám hiểm này, nhưng các bản ghi chép ấy lại đem đi đóng mất rồi.

- Bà ấy cần biết điều gì?

- Bà ấy chỉ muốn hỏi đoàn thám hiểm đã xuất phát năm nào và đã đi qua Ecuador khi nào?

- Đoàn xuất phát từ Pari mùa thu năm 1837 và qua Quytô^[3] tháng tư năm 1838. Chúng tôi đã ở Braxin 3 năm, sau đó xuống tận Riô^[4] rồi trở lại Pari mùa hè năm 1841. Bà ấy có muốn biết ngày tháng của các cuộc phát hiện cụ thể không?

[3] Quito, thủ đô của Ecuador. Đọc là Quytô.

[4] Rio (tức Rio de Janeiro): Thủ đô, đồng thời là cảng lớn của Braxin.

- Không, cảm ơn ông. Chỉ có thể thôi ạ. Tôi đã ghi được cả đây rồi. Beppo^[5], nhờ anh đưa tờ giấy này cho *signora* Bolla. *Signor* Rivarez, cảm ơn ông nhiều. Xin lỗi đã làm phiền ông.

Ruồi Trâu cau mày khó hiểu, ngã lưng vào tựa ghế. Bà ấy muốn biết những ngày tháng ấy để làm gì nhỉ? Lại còn hỏi họ đã đi qua Ecuador khi nào...

[5] Beppo (tiếng Ý): đọc là Bép-pô.

*

* *

Gemma trở về nhà với mẫu giấy trong tay. Tháng tư năm 1838... mà Arthur mất vào tháng năm năm 1833. Năm năm...

Chị quay ra đi tới đi lui trong căn phòng. Chị đã thao thức suốt mấy đêm nay, những quầng thâm đã xuất hiện quanh mắt chị.

Năm năm... Và một “gia đình cực kỳ sang trọng”... rồi “một người mà ông ấy vẫn tin yêu đã lừa dối ông ta”... đã lừa dối ông ta... và ông ta đã phát hiện ra

việc đó...

Chị dừng bước, đưa cả hai tay lên ôm lấy đầu. Ôi, cái chuyện này đã hoàn toàn là điên rồ... Không thể như thế được... đó là phi lý...

Mà lúc bấy giờ đã mò tìm cái bến tàu ấy kỹ biết bao nhiêu!

Năm năm... và ông ấy “chưa đầy hai mươi một tuổi” khi cái gã *Lasca*r ấy... Vậy khi bỏ nhà ra đi, ông ấy phải là mười chín tuổi. Chính ông ấy chả nói “một năm rưỡi” là gì! Còn đôi mắt xanh biếc ấy thì ông ta lấy ở đâu ra, và lại còn những ngón tay hấp tấp ấy nữa? Mà tại

sao ông ấy lại ghét cay ghét đắng Montanelli như thế? Năm năm... Năm năm...

Phải chi chị có thể biết chắc được một điều là anh ấy đã chết đuối... phải chi chị có thể chính mắt mình được trông thấy thi hài... thì chắc hẳn sẽ có một ngày vết thương xưa cũ ấy sẽ thôi đau đớn và kỷ niệm xưa cũ này sẽ không còn khủng khiếp nữa. Và có lẽ bước sang hai mươi năm sau chị có thể học được cách quay nhìn lại quá khứ mà không rùng mình kinh sợ nữa.

Cả một thời thanh xuân của chị đã bị đầu độc bởi cái ý nghĩ về điều mình đã

trót làm. Ngày lại ngày, năm lại năm, chị đã kiên quyết đấu tranh chống lại con quỷ hồi hận. Chị luôn định ninh nhủ lòng rằng sự nghiệp của mình là ở tương lai, luôn bung tai, nhắm mắt trước bóng ma lớn vờn của dĩ vãng. Nhưng ngày lại ngày, năm lại năm, hình ảnh thi thể người trẫm mình đang trôi bập bênh ra nơi biên cả vẫn chẳng chút nào buông tha chị, trong lòng chị vẫn vang lên một tiếng kêu chua xót mà chị không sao dập tắt nổi: “Ta đã giết Arthur! Arthur chết rồi!”. Đôi lúc chị có cảm giác rằng gánh nợ ấy đã quá nặng, mình không sao gánh nổi nữa.

Ấy vậy mà giờ đây chị vẫn sẽ sẵn

sàng hy sinh nửa cuộc đời mình để lại được mang gánh nặng ấy. Nếu chị đã giết anh - đó là nỗi đau quen thuộc mà chị chịu đựng đã quá lâu rồi nên bây giờ không sao gục xuống dù dưới sức nặng của nó. Nhưng nếu chị không đẩy anh xuống nước, mà đẩy xuống... Chị ngồi xuống ghế, đưa cả hai tay lên che lấy mắt. Và chính vì anh mà cuộc đời chị đã trở nên đen tối, bởi lẽ anh đã chết mất rồi! Chỉ mong sao chị đã không đem đến cho anh một cái gì đó tệ hại hơn cái chết!...

Kiên định và quả cảm, chị từng bước từng bước ôn lại toàn bộ cảnh địa ngục cuộc sống đã qua của anh. Cảnh ấy sao

nó rất sống động đối với chị, hết như chính chị đã từng trông thấy và cảm biết hết thảy: nào là một linh hồn trần trụi đang run rẩy trong tuyệt vọng, nào là những sự nhạo báng chua xót hơn cả cái chết, nào là những nỗi kinh hoàng của cô đơn, nào là những cơn hấp hối chậm chậm, mòn mỏi và tàn nhẫn. Nó cũng sống động hết như chính chị đã từng ngồi bên anh trong túp lều tranh nhớp nhúa đó, hết như chị đã từng cùng anh chị đưng khổ nhục trong những mỏ bạc, trong những đồn điền cà phê, trong gánh xiếc rong góm ghiếc đó...

Gánh xiếc rong... Thôi, chí ít hãy xua đuổi cái hình ảnh ấy đi, vì chỉ riêng nó

cũng đủ làm cho ta chỉ ngồi mà nghĩ đến
cũng phát điên lên được!

Chị rút ra một ô kéo nhỏ ở bàn viết. Ô
kéo đựng một vài vật kỷ niệm riêng tư
mà chị không sao đang tâm hủy bỏ. Chị
không ham thu góp các kỷ vật nhớ nhung
nhỏ nhất, nên việc giữ lại vài thứ lưu
niệm này chính là sự nhượng bộ đối với
một khía cạnh nhược điểm trong bản tính
của chị, một khía cạnh mà chị vẫn kiên
quyết dồn nén trong lòng. Họa hoằn lắm
chị mới cho phép mình dòm ngó tới
chúng.

Giờ đây chị lấy chúng ra xem, từng
chiếc một: này là bức thư đầu của

Giovani gửi chị và những đóa hoa nằm trong bàn tay anh khi anh đã tắt thở; này là lọn tóc của đứa con chị và một chiếc lá khô héo trên mộ của ba chị. Dưới đây ô kéo là một bức chân dung nhỏ xíu của Arthur lúc lên mười, - một dáng hình phảng phất duy nhất còn lại của anh.

Gemma cầm tấm hình ấy mà ngồi xuống ghế và ngắm nhìn mái đầu trẻ thơ xinh xắn mãi cho tới khi gương mặt thật sự của Arthur lại hiện ra trước mắt chị. Sao mà gương mặt ấy hiện ra rõ rệt thế, rõ đến từng chi tiết. Những làn môi nhạy cảm, cặp mắt to đầy nhiệt tình, vẻ mặt tinh khiết như của thiên thần Seraphim^[6], tất cả những cái đó khắc vào trí nhớ chị

sâu đến nỗi chị tưởng chừng Arthur chỉ mới chết hôm qua. Và những giọt lệ nhạt nhòa từ từ trào ra che khuất bức chân dung trước mắt chị.

[6] Seraphic purity (tiếng Anh): Thiên thần Seraphim là vị thiên thần đứng hàng đầu trong chín bậc thiên thần của Công giáo. Cũng gọi là “Luyến thần”, “Thần sốt mền”... và thường được biểu hiện là có sáu cánh, mặt đỏ tượng trưng cho lửa và tình yêu.

Ôi, sao chị lại có thể nghĩ ra một chuyện như thế được nhỉ! Dù chỉ trong mộng tưởng, mà đem gắn linh hồn sáng láng và siêu thoát ấy với những khổ ải như nhục của cuộc sống thì chẳng phải cũng là tội phạm thánh^[7] sao? Hẳn là các

thần thánh có phần ưu ái anh nên mới cho anh chết trẻ thế! Thà hóa thành hư không vẫn sướng gấp ngàn lần phải sống và trở thành Ruồi trâu, - làm cái anh chàng Ruồi trâu với những chiếc cavát cực kỳ nghiêm chỉnh, với những ngôn từ sắc sảo đáng ngò, với một miệng lưỡi cay độc và với cô vũ nữ ba lê của anh ta! Không, không! Đó hoàn toàn chỉ là một ảo tưởng khủng khiếp và vô nghĩa, và chị đã chỉ làm thương tổn trái tim mình bằng những tưởng tượng hão huyền. Arthur chết rồi.

[7] Sacrilege (tiếng Anh): Cũng là tội phạm sự thánh, tội bất kính, tội nặng nhất trong Thiên chúa giáo.

- Tôi vào được không? - Một giọng

nhẹ nhàng hỏi ngoài cửa.

Chị giật thót người đến nỗi tấm chân dung rời khỏi tay chị, và rồi thấy Ruồi trâu khập khiễng bước qua phòng đến nhặt tấm chân dung lên đưa cho chị.

Chị bảo:

- Ông làm tôi giật mình quá đấy!

- Tôi rất... rất xin lỗi. Có lẽ tôi quấy rầy bà rồi chăng?

- Không, tôi chỉ đang soạn lại vài đồ vật cũ thôi mà.

Chị ngáp ngừng một lát, đoạn trao lại cho anh tấm hình bé nhỏ.

- Ông thấy gương mặt này thế nào?

Trong lúc anh ngắm nghía, chị đã chăm chú theo dõi nét mặt anh, như thể cuộc đời chị là tùy thuộc vào vẻ mặt ấy. Thế nhưng vẻ mặt ấy hoàn toàn chỉ là phủ định và phê phán. Anh bảo:

- Bà đã giao cho tôi một nhiệm vụ khó khăn. Tấm chân dung đã phai nhòa, và nói chung nét mặt trẻ con rất khó đoán. Nhưng tôi cho rằng cậu bé này lớn lên sẽ

trở thành một kẻ không may mắn, và điều khôn ngoan nhất cho cậu ấy là nên tránh, đừng trở thành người lớn làm gì.

- Tại sao vậy?

- Bà hãy nhìn đường môi dưới của cậu ấy đây. Đó... đó... đó là một loại bản chất cứ cho đau khổ là đau khổ và sai trái là sai trái, mà thế giới này không... không... không làm gì có chỗ cho những kẻ như thế. Thế giới này cần những người chỉ biết nghĩ đến công việc của mình.

- Nhìn chung tám hình có giống một ai mà ông biết không?

Anh càng nhìn kỹ hơn bức chân dung:

- Phải. Lạ lùng thật! Dĩ nhiên là giống rồi, rất giống đấy.

- Giống ai?

- Giống Hồng... Hồng y giáo chủ Monta... nelli. Tôi ngờ ngờ phải chăng Đức Hồng y cực kỳ thanh liêm này có cháu gọi bằng bác hay sao? Xin bà cho hỏi, đây là ai?

- Đây là tấm chân dung thuở nhỏ của người bạn mà tôi nói với ông hôm nào...

- Người mà bà đã giết?

Chị bất giác co người lại. Sao ông ta sử dụng cái từ ghê rợn ấy dễ dàng và tàn nhẫn thế!

- Phải, người tôi đã giết... nếu anh ấy chết thật.

- Nếu ư?

Chị chăm chăm nhìn mặt anh, rồi bảo:

- Đôi lúc tôi vẫn còn nghi hoặc. Người ta chưa hề tìm thấy xác anh ấy.

Anh ấy cũng có thể đã bỏ nhà ra đi như ông, và cũng sang Nam Mỹ.

- Ta hãy hy vọng là không phải thế. Nếu cứ hy vọng thế, bà sẽ luôn mang theo một hoài niệm đau buồn. Trong đời... đời tôi, tôi đã... đã từng tham gia một số trận... trận chiến gay go và có lẽ đã từng đưa không... không chỉ một người xuống châu Diêm Vương^[8], nhưng nếu lương tâm tôi mách bảo rằng tôi đã từng đưa một sinh... sinh linh nào sang đến Nam Mỹ, thì tôi sẽ không sao ngủ yên được đâu...

[8] Nguyên văn là: “xuống châu Hades”, theo thần thoại Hy Lạp, là thần cai quản cõi âm; ở đây coi như chỉ âm ty, địa ngục nói chung.

Hai tay chắp chặt lại, chị bước lại gần mà ngắt lời anh:

- Vậy ông có tin rằng: nếu như anh ấy không chết... và nếu như anh ấy lại cũng đã trải qua những cảnh ngộ như ông, anh ấy vẫn sẽ chẳng bao giờ trở lại và cứ để quá khứ trôi qua không? Ông có bao giờ tin rằng anh ấy sẽ *không bao giờ* quên đi không? Hãy nhớ rằng chính tôi cũng đã phải trả một giá nào đó! Ông nhìn xem!

Chị lật ngược những làn tóc dày trên trán. Giữa những lọn tóc đen, lộ ra một dải tóc bạc lớn.

Một hồi lâu im lặng. Rồi Ruồi trâu chậm rãi nói:

- Tôi nghĩ rằng những gì đã chết vẫn cứ nên là đã chết. Một số chuyện có quên được cũng khó. Và nếu tôi ở địa vị người bạn đã chết của bà, thì tôi cứ... cứ sẽ tiếp tục làm người đã chết. Dù hồn ma có hiện về^[9] thì cũng vẫn là một bóng ma ghê rợn.

[9] Trong nguyên văn dùng từ tiếng Pháp “revenant” và từ này nghĩa đen là “kẻ trở về”, tức “hồn hiện về”.

Chị cất tấm chân dung trở lại vào ô kéo, khóa lại, rồi bảo:

- Chủ thuyết ấy khắc nghiệt quá. Vậy bây giờ ta nói chuyện khác đi.

- Tôi đến để bàn với bà chút ít về công việc, nếu bà cho phép, và đây là một câu chuyện riêng về một kế hoạch mà tôi đang suy tính.

Chị bèn kéo một chiếc ghế lại gần bàn và ngồi xuống.

Anh mở lời, trong câu nói không còn dấu vết gì của tật nói lắp thường ngày.

- Bà nghĩ gì về bản dự thảo luật báo chí?

- Tôi nghĩ gì à? Tôi nghĩ đạo luật đó chẳng có giá trị gì lắm, nhưng thà có nửa chiếc bánh còn hơn không có tí nào.

- Hẳn thế rồi. Vậy bà có định làm việc cho một trong những tờ báo mới mà mấy vị tốt bụng ở đây đang chuẩn bị xuất bản không?

- Tôi tính thế đấy. Khi sắp ra một tờ báo thường sẽ có rất nhiều công việc cụ thể, - nào là sắp đặt việc in ấn, bố trí việc lưu hành báo và...

- Bà định cứ tiếp tục phung phí những năng khiếu trí tuệ của mình như thế đến bao giờ?

- Tại sao lại “phung phí”?

- Vì nó là phung phí. Bà thừa biết rằng trí óc của mình vượt xa cả số lớn những người đang cùng làm việc với bà, vậy mà bà cứ để họ biến mình thành một người lao công tạp vụ, một người đầu sai^[10]. Về mặt trí tuệ, so với bà, Grassini và Galli còn kém xa và chỉ là cỡ học trò.

[10] Nguyên văn là Johannes factotum (tiếng Latinh): Chân sai vặt.

Vậy mà bà cứ chịu ngồi sửa các bản in thử những bài của họ như một chân học việc ở xưởng in ấy.

- Trước hết, không phải lúc nào tôi cũng chỉ ngồi sửa bản in thử, và hơn nữa, dường như ông quá khen các khả năng trí tuệ của tôi. Những năng lực của tôi chẳng có gì xuất sắc như ông tưởng.

Anh bình tĩnh trả lời:

- Nào tôi có bảo là xuất sắc đâu, nhưng tôi dám chắc những năng lực ấy là vững vàng và chắc chắn, cái đó còn quan trọng hơn nhiều. Trong các phiên họp chán ngắt của ban chấp hành, chính bà luôn luôn là người vạch rõ được những chỗ yếu trong lập luận của mỗi người.

- Đối với những người khác, ông chưa công bằng. Chẳng hạn như Martini có đầu óc rất logic. Fabrizi và Lega cũng đều rất có năng lực, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Hay như Grassini thì có lẽ sự hiểu biết của ông ta về thống kê kinh tế của nước Ý còn sâu sắc hơn bất cứ một quan chức nào trong nước.

- Ô, thế cũng chưa có nghĩa lý gì nhiều lắm. Nhưng thôi, ta tạm gác, không bàn đến họ và năng lực của họ nữa! Sự thực vẫn là: với tài năng của bà, bà có thể làm được những việc quan trọng hơn và ở cương vị có trách nhiệm lớn hơn hiện nay.

- Tôi rất bằng lòng về vị trí của mình; tuy công việc tôi đang làm không có nhiều giá trị lắm, có lẽ vậy, nhưng tất cả chúng tôi ai làm được gì thì cứ làm.

- *Signora* Bolla, bà và tôi đã đi quá xa trong cái trò khen nhau và nhún nhường với nhau mãi rồi. Xin bà cứ thật thà trả lời cho tôi biết: bà có thừa nhận rằng hiện bà đang tận dụng trí não của mình vào những việc mà những người kém hơn bà cũng vẫn làm được không?

- Nếu ông cứ ép tôi phải trả lời, thì tôi bảo rằng: có, ở mức độ nào đó.

- Vậy sao bà cứ để tình trạng ấy tiếp

diễn?

Không có tiếng trả lời.

- Tại sao bà cứ để nó tiếp diễn?

- Vì... tôi không còn các nào khác.

- Tại sao?

Chị ngược nhìn với vẻ trách móc:

- Thế là quá quắt rồi đấy... ai lại ép buộc nhau thế bao giờ.

- Nhưng dù sao bà vẫn cứ phải cho

tôi biết vì lẽ gì chứ!

- Nếu ông đã cố đòi trả lời, thì đây: tại vì đời tôi đã tan nát rồi, và nay tôi chẳng còn đủ nghị lực làm một việc gì cho *ra hồn* nữa. Tôi chỉ còn xứng đáng làm con bò kéo xe^[11] cách mạng và làm những công tác lao công tạp vụ cho đảng được thôi. Ít nhất tôi cũng đã tận tâm làm tròn công việc ấy, và dù sao vẫn phải có một ai làm công việc ấy.

[11] Nguyên văn là cab horse (tiếng Anh), con ngựa kéo xe chở khách. Ý nói công việc nặng nhọc về thể lực và nhàm chán.

- Chắc chắn là vẫn phải có một ai làm

việc ấy rồi, nhưng không nhất thiết một người cứ làm mãi việc ấy.

- Đó là gần như tất cả những gì tôi có thể làm được.

Anh lim dim mắt nhìn chị một cách khó hiểu. Nhưng chị đã ngẩng đầu lên.

- Ta quay lại đề tài cũ mất rồi, lẽ ra cần bàn công việc kia mà! Tôi đảm bảo với ông rằng nếu cứ bảo là lẽ ra tôi có thể làm được đủ thứ việc, thì sẽ hoàn toàn vô ích thôi! Hiện nay tôi sẽ chẳng bao giờ làm được đến thế đâu. Nhưng may ra tôi có thể giúp ông suy nghĩ cho kế hoạch của ông. Vậy kế hoạch ấy là gì

vậy?

- Khởi đầu bà bảo nếu tôi có gợi ý công việc gì cũng là vô ích, thế rồi bà lại hỏi tôi định gợi ý công việc gì. Kế hoạch của tôi cần bà giúp cả về hành động, chứ không chỉ về suy nghĩ cho kế hoạch mà thôi.

- Ông cứ nói xem việc gì đã, rồi sau ta sẽ bàn.

- Trước hết tôi muốn hỏi xem bà có nghe tin gì về những toan tính khởi nghĩa ở vùng Venetia^[12] không?

[12] Venetia (tiếng Anh): tiếng Ý là Veneto, một

vùng ở cực Đông Bắc nước Ý, ở gần Áo và Slovenia, bị Áo thống trị từ 1815, sau là một nước cộng hòa độc lập, đến năm 1866 mới thống nhất vào nước Ý chung. Trong vùng Veneto có thành phố nổi tiếng là Venezia. Nay nước Ý còn có một vùng (tỉnh) khác ngay cạnh vùng (tỉnh) Veneto là Friuli - Venezia - Giulia mà thủ phủ là Trieste, còn Venezia của địa phương này vẫn nằm trong vùng (tỉnh) Veneto và là thủ phủ của địa phương này.

- Từ khi có đại xá đến nay, tôi chẳng nghe thấy gì khác ngoài những mưu toan khởi nghĩa, và những âm mưu của phái Sanfedists, nhưng e rằng tôi hoài nghi cả hai chuyện đó.

- Trong số lớn trường hợp, tôi cũng nghĩ như bà. Nhưng hiện giờ tôi đang nói đến một tình hình là trong toàn bộ một

tỉnh thực sự đang có việc nghiêm chỉnh chuẩn bị khởi nghĩa để chống lại người Áo. Trong những nước thuộc Giáo hoàng^[13] - đặc biệt là trong Bốn Đặc khu^[14], rất nhiều bạn thanh niên đang bí mật chuẩn bị vượt biên sang đây để tình nguyện gia nhập nghĩa quân. Và các bạn bè của tôi ở Romagna còn cho tôi biết rằng...

[13] The Papal States (tiếng Anh).

[14] The Four Legations (tiếng Anh): Bốn tỉnh trong những nước thuộc Giáo hoàng do các Đặc sứ (đặc phái viên) của Giáo hoàng (Papal Legates) cai trị trực tiếp.

Chị ngắt lời:

- Ông cho biết, liệu ông có thể hoàn toàn chắc chắn là những bạn bè ấy của ông có thể tin cậy được không?

- Hoàn toàn chắc chắn. Tôi quen thân với họ và đã từng làm việc với họ.

- Nghĩa là họ cũng là những thành viên của một “nhóm bí mật”^[15] có ông tham gia chứ gì? Ông tha thứ cho thái độ hoài nghi của tôi, nhưng thường tôi vẫn có chút ngờ vực đối với tính chính xác trong những thông tin của các hội kín^[16]. Tôi có cảm tưởng rằng cái thói quen mà...

[15] *Secte* (tiếng Anh): Cũng có nghĩa là “phe phái”, “giáo phái”.

[16] *Secret societies* (tiếng Anh): Cũng là “các hội (đoàn thể) bí mật”.

Anh thẳng thừng cắt ngang:

- Ai bảo bà rằng tôi tham gia một “nhóm bí mật”?

- Không ai bảo, tự tôi đoán thế.

- À!

Anh ngả lưng vào tựa ghế, cau mày nhìn chị. Một lát sau anh hỏi:

- Bà có thường đoán mò những việc riêng của người khác không đấy?

- Tôi rất thường suy đoán. Tôi hay quan sát và cũng có thói quen liên kết các sự việc. Nói như vậy để khi ông không muốn cho tôi biết một chuyện gì đó, thì ông có thể phải cẩn thận đấy.

- Việc bà biết một chuyện gì đấy, điều đó không can hệ gì lắm, miễn là không đi quá xa. Tôi hy vọng là chuyện này còn chưa...

Chị ngẩng cao đầu, vờ vẻ nửa ngạc

nhiên nửa giận dỗi. Chị bảo:

- Câu hỏi ấy chắc chắn là không cần thiết!

- Tất nhiên tôi biết bà sẽ không nói chuyện gì với người ngoài, nhưng tôi nghĩ biết đâu, với những người trong đảng của bà...

- Công việc của đảng là dựa trên sự thực, chứ không dựa vào những sự phỏng đoán và tưởng tượng của cá nhân tôi. Lẽ dĩ nhiên tôi chưa hề bao giờ nhắc đến vấn đề này với một ai cả.

- Cảm ơn bà. Vậy có bao giờ bà đoán tôi thuộc nhóm bí mật nào không?

- Tôi mong rằng... - mà ông không được méch lòng về tính thẳng thắn của tôi đâu nhé, bởi vì chuyện này là do chính ông tự khơi mào ra, phải không ạ...
- tôi rất mong rằng ông không thuộc nhóm “Dao găm”!

- Sao bà lại mong thế?

- Bởi vì ông thích hợp với những việc tốt đẹp hơn.

- Tất cả chúng ta đều thích hợp với

những việc tốt đẹp hơn so với mọi việc chúng ta đã làm. Câu trả lời của chính bà là để trả lời lại cho bà. Tuy nhiên, tôi không thuộc nhóm “Dao găm” mà lại thuộc nhóm “Thắt lưng đỏ”! Nhóm này vững vàng hơn nhiều và tiến hành công việc cũng nghiêm chỉnh hơn.

- Ý ông muốn nói công việc đậm chém chãng?

- Cả việc đó, cùng với những công việc khác nữa. Dao găm là một vật rất có ích theo kiểu của nó; nhưng chỉ có ích khi đằng sau nó có một công tác tuyên truyền tốt và có tổ chức. Chính do điểm này mà tôi không ưa cái nhóm nọ đâu. Họ

tưởng rằng dao găm có thể giải quyết được mọi khó khăn trên đời, và đó là một sai lầm. Dao găm có thể giải quyết được khá nhiều chuyện, nhưng không phải là tất cả.

- Ông có thật lòng tin rằng dao găm có thể giải quyết được chuyện gì không?

Anh ngạc nhiên nhìn chị.

Chị nói tiếp:

- Tất nhiên, nhất thời dùng dao găm có thể loại trừ được một khó khăn cụ thể nào đó do sự hiện diện của một tên mặt

thám xảo quyết hoặc một viên quan lại đáng ghét nào đó gây ra. Nhưng trừ xong được khó khăn này liệu có tạo ra nhiều khó khăn nữa tệ hại hơn không, đó lại là vấn đề khác. Tôi thiết tưởng chuyện ấy giống như truyện ngụ ngôn chưa quét dọn sạch nhà thì bảy ma đã đến^[17]. Cứ mỗi lần ám sát lại càng làm cho cảnh sát thêm hung hãn và càng làm cho quần chúng quen nhờn với hung tàn và bạo lực, và rồi trạng thái cuối cùng của cộng đồng có thể lại tệ hơn trạng thái ban đầu

[17] Nguyên văn “the parable of the swept and garnished house and the seven devils” (truyện ngụ ngôn về ngôi nhà đã quét dọn sạch sẽ với bảy con quỷ): từ Công giáo gọi là “dụ ngôn”, có rất nhiều “dụ ngôn của chúa Giêsu” trong sách Phúc Âm (Tin Mừng). Ở đây là dẫn một “dụ ngôn” về một

người đã dọn sạch nhà của mình khỏi một con quỷ rồi, nhưng lại bỏ trống, không ở; con quỷ quay lại thấy thế liền dẫn thêm bảy con quỷ khác đến chiếm lĩnh. Ngụ ý chung là: làm chuyện gì không đến đâu đến đâu thì sau đó tệ hại hơn nhiều.

- Vậy theo bà khi cách mạng xảy tới thì điều gì sẽ diễn ra? Bà có cho rằng lúc ấy nhân dân chẳng cần phải làm quen với bạo lực không? Chiến tranh là chiến tranh chứ.

- Vâng, nhưng cách mạng công khai lại là một chuyện khác. Cách mạng chỉ là một thời điểm nhất thời trong sinh hoạt của dân chúng, và đó là cái giá mà chúng ta phải trả cho mọi bước tiến bộ của chúng ta. Dĩ nhiên, sẽ có những chuyện

đáng sợ xảy ra, đó là điều không thể tránh khỏi trong mọi cuộc cách mạng. Thế nhưng đây cũng chỉ là những sự việc riêng biệt, - những nét đặc biệt của một thời điểm đặc biệt mà thôi. Điều kinh khủng của việc đâm chém bừa bãi là khi nó trở thành thói quen. Dân chúng quen thấy chuyện ấy diễn ra như cơm bữa, và rồi ý thức của họ đối với tính thiêng liêng của sinh mạng con người sẽ mòn mỏi đi. Tôi chưa đến Romagna nhiều, nhưng đôi chút gì tôi thấy được ở dân chúng nơi đó vẫn cho tôi một ấn tượng là họ đã có hoặc đang sắp có một thói quen máy móc về bạo lực.

- Chắc chắn là thói quen ấy vẫn còn

hơn thói quen bảo sao nghe vậy và cúi đầu khuất phục.

- Tôi không nghĩ thế. Mọi thói quen máy móc đều có mặt xấu, mặt nô lệ của nó, riêng thói quen này lại còn hung hãn nữa. Tất nhiên, nếu ông coi công việc của người cách mạng chuyên nghiệp chỉ thuần túy nhằm đoạt được vài sự nhượng bộ nhất định từ phía chính phủ, thì chắc chắn ông sẽ cho nhóm bí mật và dao găm là những vũ khí tốt nhất, bởi vì các chính phủ không sợ cái gì hơn hai thứ này. Nhưng, nếu ông cũng nghĩ như tôi, rằng việc cưỡng ép chính phủ không phải là cứu cánh, mà chỉ là phương tiện để đạt mục đích, và rằng điều chúng ta thật sự

cần cải tạo là mối quan hệ giữa người với người, thì nhất định ông sẽ tiến hành công việc theo cách khác hẳn. Việc tập cho những người không có học thức quen những cảnh đổ máu, không phải là cách làm cho họ nâng cao được giá trị của sinh mạng con người trong nhận thức của họ.

- Thế còn giá trị tôn giáo trong nhận thức của họ?

- Tôi không hiểu.

Anh mỉm cười:

- Theo tôi thì chúng ta khác ý kiến nhau trong vấn đề đâu là căn nguyên của tai họa. Bà cho rằng căn nguyên là ở chỗ thiếu coi trọng giá trị sinh mạng con người...

- Nói đúng hơn là thiếu coi trọng cái thiêng liêng về nhân tính của con người.

- Cái đó tùy bà. Còn theo ý kiến tôi, nguyên nhân chính của các hỗn loạn và sai lầm của chúng ta có lẽ là ở một căn bệnh tinh thần mà người ta gọi là tôn giáo.

- Ông có ý nhằm vào một tôn giáo riêng biệt nào không?

- Ô, không! Đây chỉ thuần túy là vấn đề triệu chứng bên ngoài mà thôi. Còn chính căn bệnh là cái mà người ta gọi là thái độ tôn giáo của nhận thức. Nó là một khát vọng bệnh hoạn muốn dựng lên một vật tổ để thờ phụng, muốn rạp đầu cúi lạy, và sùng bái một cái gì đó. Cái đó là cái gì, là Giêsu, là Phật hay là một cây tum-tum thì khác nhau cũng chẳng bao nhiêu. Dĩ nhiên bà chẳng đồng ý với tôi đâu. Bà có thể là người vô thần, và là người theo thuyết bất khả tri^[18] hay là gì gì đi nữa, nhưng đứng cách bà năm thước^[19] tôi vẫn có thể thấy được tâm tính tôn giáo của bà. Tuy nhiên, nếu ta đi vào tranh luận vấn đề này thì cũng vô bổ.

Nhưng nếu bà tưởng rằng một người như tôi chẳng hạn, chỉ coi sử dụng dao găm là một phương tiện để thanh toán những tên quan lại gian ác thì bà đã lầm to. Đó trước hết là một phương tiện, và, theo tôi, là một phương tiện tốt nhất, để hủy hoại uy tín của Giáo hội và để khiến dân chúng quen coi những kẻ làm chân tay cho Giáo hội chỉ là một lũ dòi bọ.

[18] Agnostic (tiếng Anh): Cũng là người theo thuyết “Không thể biết” (Anosticism).

[19] Nguyên văn là “yards” (thước Anh: 91,4cm).

- Nhưng khi ông đã hoàn tất việc ấy, khi ông thức tỉnh được con thú dữ đang

thiu thiu ngủ trong lòng dân chúng và thúc nó nhảy xổ vào Giáo hội, thì lúc ấy...

- Thì lúc ấy tôi đã làm xong một công việc *đáng* cho tôi sống trên đời này.

- Phải chăng *đó chính* là công việc ông nói bữa nọ?

- Phải, chính thế.

Chị rùng mình, quay đi.

Anh mỉm cười ngược nhìn lên, và nói:

- Bà thất vọng về tôi rồi hả?

- Không, không hẳn thế. Tôi nghĩ là...
tôi... hơi sợ ông.

Một lát sau, chị quay lại và nói với giọng bần bạc công việc như bình thường.

- Thảo luận như thế chẳng ích lợi gì. Quan điểm của chúng ta khác nhau quá xa. Riêng tôi thì tôi tin tưởng vào tuyên truyền, tuyên truyền nữa, tuyên truyền mãi, và khi có thể thì sẽ khởi nghĩa công khai.

- Vậy ta hãy quay lại bàn kế hoạch của tôi. Kế hoạch đó liên quan phần nào đến tuyên truyền và có liên quan nhiều hơn đến khởi nghĩa.

- Vậy ư?

- Như tôi đã nói với bà là có rất nhiều người tình nguyện hiện đang từ Romagna kéo sang tham gia với dân Venetia. Chúng tôi còn chưa biết bao lâu nữa cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra. Có lẽ không tới tận thu hoặc đông này đâu, nhưng những người tình nguyện trong dãy Apennines phải được vũ trang và chuẩn bị sẵn sàng để có thể xuất phát và thẳng tiến đến các vùng đồng bằng mà họ được phái đến.

Tôi đã lãnh trách nhiệm bí mật đưa vũ khí và đạn dược vào lãnh địa Giáo hoàng cho họ...

- Khoan đã. Làm thế nào ông lại cộng tác được với đám người đó. Những người hoạt động cách mạng chuyên nghiệp ở Lombardy và Venetia hiện đều đang tán thành Giáo hoàng mới. Họ ủng hộ những cuộc cải cách tự do, cùng kề vai sát cánh với phong trào tiến bộ trong Giáo hội. Một người chống Giáo sĩ “không khoan nhượng” như ông làm sao hòa hợp với họ được?

Anh nhún vai:

- Chừng nào họ vẫn còn làm việc, mà họ thích tự giải trí với một con búp bê giẻ rách^[20] nào đó thì can hệ gì đến tôi? Lẽ dĩ nhiên, họ sẽ dùng Giáo hoàng làm bù nhìn giữ dưa. Việc gì tôi phải bận tâm đến chuyện ấy, một khi cuộc khởi nghĩa vẫn cứ tiến hành được như thường? Tôi thấy gậy nào đánh chó chả được, và lời hô nào kêu gọi được nhân dân nổi dậy chống người Áo thì cũng tốt cả.

[20] Rag-doll (tiếng Anh): Búp bê làm bằng các mụn vải thừa rẻ tiền.

- Vậy ông muốn tôi giúp việc gì?

- Chủ yếu là bà giúp tôi đưa vũ khí

qua biên giới.

- Nhưng tôi làm sao được việc ấy?

- Bà chính là người có thể làm việc ấy tốt hơn ai hết. Tôi định mua vũ khí bên Anh, nhưng thấy chuyện mang về có khá nhiều khó khăn. Không thể đưa qua được bất kỳ một hải cảng nào thuộc quyền Giáo hoàng; mà phải bằng đường Tuscany, rồi xuyên qua dãy Apennines.

- Như vậy phải vượt biên không chỉ một mà những hai lần.

- Vâng, nhưng không thể hy vọng có

con đường nào khác. Một số hàng lớn như thế không thể chở vào một bến mà không có thương mại được. Còn cảng Civita Vecchia^[21] như bà đã biết, toàn bộ lực lượng vận chuyển bằng tàu bè ở đó chỉ khoảng ba thuyền buồm và một thuyền đánh cá. Còn một khi ta tìm được hàng qua đường Tuscany thì tôi sẽ xoay sở chuyển qua biên giới lãnh địa Giáo hoàng được. Người của tôi thuộc từng con đường độc đạo trên núi, và chúng tôi đã có rất nhiều chỗ cất giấu vũ khí. Nhất thiết phải vận chuyển bằng đường biển đến Leghorn, mà đây chính là nỗi khó khăn rất lớn của tôi. Tôi không có đầu mối nào trong những dân buôn lậu ở đó, và tôi tin là bà có.

[21] Civita Vecchia (tiếng Ý): Hải cảng chính thuộc quyền Giáo hoàng, ở bờ biển phía tây nước Ý, ở gần và phía bắc Roma.

- Ông cho tôi nghĩ năm phút.

Chị cúi mình, tì cằm lên bàn tay của một cánh tay chống lên đầu gối. Im lặng vài phút, chị nhìn lên mà bảo:

- Có thể là tôi giúp được phần nào trong công việc ấy. Nhưng trước khi đi vào cụ thể, xin hỏi ông một câu. Ông có thể hứa với tôi rằng việc này sẽ không dính dáng gì đến bất kỳ việc đâm chém nào hoặc bất kỳ loại bạo lực bí mật nào không?

- Chắc chắn thế. Tôi sẽ không bao giờ yêu cầu bà tham gia vào việc gì mà tôi biết là bà không tán thành, điều đó thì khỏi nói rồi.

- Bao giờ ông cần câu trả lời dứt khoát của tôi?

- Không còn nhiều thời giờ để chờ đợi nữa rồi, nhưng tôi có thể để bà quyết định trong vài ngày.

- Chiều thứ bảy tới ông có rảnh không?

- Để tôi xem thử... hôm nay là thứ

năm... Vâng, được.

- Vậy ông cứ đến đây. Tôi suy nghĩ kỹ rồi sẽ trả lời ông dứt khoát.

*

* *

Chủ nhật sau đó, Gemma gửi cho ban chấp hành đảng bộ Florence của đảng Mazzini một thư thông báo rằng chị định đảm nhiệm một công tác chính trị đặc biệt, nên trong mấy tháng tới chị không thể tiến hành được những công việc mà từ trước đến nay chị vẫn phụ trách trước

đảng.

Lời thông báo này có gây ra ít nhiều ngạc nhiên, nhưng ban chấp hành không có ý kiến phản đối gì. Các ủy viên đều đồng ý rằng nếu *signora* Bolla đã có một chủ trương đột ngột như thế thì hẳn bà có những lý do xác đáng, vì từ nhiều năm nay trong đảng ai cũng biết bà là người có trí phán đoán rất đáng tin cậy.

Với Martini thì chị nói thẳng thắn rằng chị đã nhận giúp đỡ Ruồi trâu trong một “công tác biên giới”. Chị đã ước định trước rằng chị có quyền nói nhiều đến chừng ấy với người bạn cũ này của mình, để giữa hai người khỏi có sự hiểu lầm

hoặc những cảm giác đau xót vì nghi ngờ và giấu giếm. Chị thấy dường như mình có nhiệm vụ phải cho Martini có được bằng chứng về lòng tin cần của mình đối với anh ấy. Tuy anh đã không bình luận gì khi được chị cho biết tin, nhưng chị thấy rõ, mặc dù không biết tại sao, rằng cái tin ấy đã làm anh rất đau lòng.

Hai người ngồi trên sân thượng nhà chị, đang lướt nhìn qua những mái nhà đỏ đến tận Fiesole. Sau một hồi im lặng, Martini đứng dậy đi đi lại lại trên sân, hai tay thọc túi, vừa đi vừa huýt sáo miêng, - một dấu hiệu chắc chắn cho thấy anh đang xao động. Chị ngồi nhìn anh một lát.

Cuối cùng chị bảo:

- Cesare, anh đang lo lắng về vụ việc này. Câu chuyện khiến anh chán nản đến thế làm tôi cũng rất phiền lòng. Nhưng tôi đã chỉ quyết định khi tôi thấy là đúng.

Vẻ ủ dột, anh đáp:

- Không phải tôi lo lắng về vụ việc đâu. Vụ việc ấy tôi chẳng biết tí gì cả, nhưng có lẽ là tốt cả thôi, một khi chị đã thuận ý tham gia. Tôi chỉ không tin cậy *con người ấy*.

- Tôi thấy anh vẫn hiểu lầm ông ấy. Trước kia tôi cũng thế, cho tới khi tôi hiểu được ông ấy nhiều hơn. Tuy rất chưa vẹn toàn, nhưng ông ấy có nhiều cái tốt hơn anh tưởng.

- Rất có thể thế.

Anh lặng lẽ đi tới đi lui trên sân một lát, rồi đột ngột dừng bước bên cạnh chị.

- Gemma, từ bỏ việc ấy đi! Từ bỏ việc ấy trước khi quá muộn. Đừng để con người ấy lôi kéo chị vào những chuyện mà sau này sẽ phải hối hận.

Chị dịu dàng đáp:

- Cesare, anh chưa nghĩ kỹ những điều anh nói. Không ai lôi kéo tôi vào bất kỳ chuyện gì cả. Sau khi tự mình suy nghĩ cẩn thận, tôi đã đi đến quyết định theo ý nguyện của chính mình. Cá nhân anh không ưa Rivarez, tôi biết, nhưng ta đang bàn đây là chuyện chính trị chứ không phải chuyện các cá nhân,

- *Madonna*, từ bỏ việc ấy đi! Con người ấy nguy hiểm đấy. Hắn bí hiểm, tàn bạo và bất nhân... và hắn đã yêu bà!

Chị co người lại:

- Cesare, sao anh chứa chất trong đầu được những chuyện kỳ quặc thế?

Martini nhắc lại:

- Hắn đã yêu bà! Hãy tránh xa hắn ra, *Madonna!*

- Cesare thân mến, tôi không thể tránh xa ông ấy, và cũng không thể cắt nghĩa để anh rõ vì sao. Chúng tôi đã gắn bó với nhau... mà không phải do ý muốn hay hành động nào của chúng tôi.

Martini chán chường đáp lại:

- Nếu hai người đã gắn bó với nhau, thì không còn gì để nói thêm nữa.

Anh lấy có bận việc để ra về, và anh đã đi lang thang nhiều tiếng đồng hồ trên các đường phố lầy lội. Chiều hôm ấy, thế giới đối với anh thật là đen tối. Có một vật báu nhỏ nhoi duy nhất^[22], vậy mà con người xảo trá từ đâu đến ấy đã len vào nằng mắt rồi.

[22] Nguyên văn “one poor ewe-lamb” (tiếng Anh), nghĩa đen là “một con chiên (cừu) cái nhỏ đáng thương”, trong từ ngữ Công giáo là chỉ “vật sở hữu duy nhất và thân yêu”.

Chương X

Vào khoảng giữa tháng hai, Ruồi trâu đi Leghorn. Gemma đã giới thiệu anh đến đó để gặp một người Anh có quan điểm tự do, làm đại lý hãng tàu, mà trước đây hồi ở Anh hai vợ chồng chị có quen biết. Người này đã nhiều lần giúp đỡ cho các đảng viên cấp tiến ở Florence bằng cách thực hiện những việc nhỏ nhỏ, như cho vay tiền trong những lúc bất ưng bị quẫn bách, cho mượn địa chỉ kinh doanh để làm chỗ liên lạc thư từ của đảng, vân vân..., nhưng bao giờ cũng đều qua tay Gemma và với tính chất bạn bè quen biết riêng của chị. Do vậy, dựa

vào ước lệ trong đảng, chị có thể tùy ý sử dụng sự quen biết này theo cách gì chị thấy có thể là có lợi. Thế nhưng yêu cầu một người có cảm tình thân thiện cho mượn địa chỉ để nhận thư từ Sicily^[1] gửi đến hoặc giấu nhờ một ít tài liệu vào góc tủ sắt văn phòng kế toán của ông ta là một chuyện, còn nay đến để yêu cầu ông ta chờ lậu nhằm vận chuyển súng ống cho một cuộc khởi nghĩa, thì lại là chuyện khác, và chị thấy rất ít hy vọng là ông ta sẽ nhận lời.

[1] Sicily (tiếng Anh, tiếng Ý là Sicilia): Đảo lớn ở cực Nam nước Ý, xưa kia cùng với phần phía nam nước Ý hợp thành một cương quốc độc lập, 1442 và 1734 cùng với vương quốc Napoli lập thành Vương quốc hai Sicilia, đến 1860 mới gia nhập nước Ý thống nhất.

Chị đã từng bảo Ruồi trâu:

- Ông cứ thử hỏi xem sao, nhưng tôi chưa chắc có ăn thua gì không. Nếu ông đến mang theo thư giới thiệu để xin ông ta năm trăm *scudi*^[2] thì tôi dám chắc ông ta lập tức biểu ngay, vì ông ta cực kỳ hào phóng, và có thể là lúc khẩn cấp ông ta sẽ cho ông mượn cả hộ chiếu của mình hoặc giấu người lánh nạn xuống dưới hầm kho nhà ông ta cũng được. Nhưng nếu ông đụng đến từ súng ống thì ông ta sẽ tròn xoe mắt nhìn ông, và cho cả hai chúng ta đều loạn mắt cả rồi!

[2] *Scudi* (tiếng Ý, số nhiều của *Scudo*): Đồng

tiền bằng bạc lưu hành ở Ý và Sicilia từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX.

Ruồi trâu đáp:

- Nhưng rất có thể ông ta cho một vài gợi ý gì hoặc giới thiệu tôi với một hai người thủy thủ thân thiện nào đó. Dù sao, việc cũng đáng để ta thử xem.

Một ngày khoảng cuối tháng, anh bước vào thư phòng của chị, cách ăn mặc giản dị hơn mọi khi và thoáng trông nét mặt, chị biết ngay là anh đã có tin vui.

- A, chờ ông mãi! Tôi đang sợ đã có

chuyện gì xảy ra cho ông!

- Tôi thấy tránh gửi thư thì an toàn hơn và cũng muốn về sớm đây mà không được.

- Ông vừa về đến nơi ư?

- Vâng, tôi từ xe ngựa trạm vào thẳng đây. Tôi tạt qua để báo bà biết rằng mọi việc đã xong xuôi.

- Ông muốn nói rằng ông Bailey^[3] đã chịu nhận giúp ư?

[3] Bailey (tiếng Anh).

- Hơn cả giúp nữa là đằng khác. Ông ta đảm đương tất cả: đóng gói, chuyên chở, tất tần tật. Súng ống sẽ giấu trong các kiện hàng chở thẳng từ Anh sang. Người đối tác và bạn chí thiết của ông ta là ông Williams thuận tình coi sóc việc vận tải rời khỏi cảng Southampton^[4], còn ông Bailey sẽ đưa hàng lọt lưới hải quan ở Leghorn. Chính vì vậy tôi mới phải đi lâu đến thế. Ông Williams vừa mới khởi hành đi Southampton, tôi đã phải đi cùng ông ta đến tận Genoa.

[4] Southampton (tiếng Anh): Hải cảng ở vùng Hampshire, phía nam nước Anh. Trông ra biển Măngơ (Manche).

- Để dọc đường bàn thêm về chi tiết

phải không ông?

- Phải, cứ thế cho tới lúc tôi say sóng quá không nói được nữa mới thôi.

Sực nhớ có lần ba chị đưa chị cùng Arthur đi chơi thuyền trên biển, anh đã khỏ sở vì say sóng, chị liền hỏi ngay:

- Ông không quen đi biển nhỉ?

- Mặc dù đã đi biển rất nhiều lần mà tôi vẫn còn là anh thủy thủ khá tồi. Nhưng khi tàu đang ăn hàng ở Genoa, chúng tôi cũng đã kịp nói xong câu chuyện rồi. Chắc bà biết ông Williams

chứ? Ông ta là một người bạn cực tốt, vừa đáng tin cậy lại vừa tế nhị. Về mặt ấy, ông Bailey cũng chẳng kém, và cả hai người đều biết giữ mồm giữ miệng cả.

- Tuy vậy, tôi thấy ông Bailey dần mình làm chuyện này cũng đã là mạo hiểm lắm rồi đấy.

- Tôi cũng bảo ông ấy thế nhưng ông ta tỏ vẻ hờn dỗi mà trả lời: “Thế còn việc của các ông thì sao?”. Điều chúng ta mong ông trả lời cũng chỉ thế là cùng. Nếu tôi gặp ông Bailey ở Timbuktu^[5], nhất định tôi sẽ tiến lại mà nói: “Chào buổi sáng, ông người nước Anh”.

[5] Timbuktu (có bản viết là Timbuctoo): Trung tâm thương mại trên bờ sông Niger, trên đường ranh giới giữa sa mạc Sahara và nước Sudan (châu Phi).

- Nhưng tôi vẫn chưa tưởng tượng nổi ông làm cách gì để họ thuận tình như vậy. Lại cả ông Williams nữa chứ! Người này thì quả thật tôi không hề ngờ tới được.

- Phải, lúc đầu ông ta phản đối mạnh mẽ đấy. Nhưng không phải vì sợ nguy hiểm đâu, mà vì ông ta cho toàn bộ chuyện này “không ăn nhằm gì”^[6]. Nhưng tôi đã tìm cách thuyết phục hồi lâu và tranh thủ được ông ta. Vậy bây giờ ta bàn chi tiết đi.

[6] Nguyên văn là "so unbusiness-like" (tiếng Anh): Chẳng giống kinh doanh tẹo nào.

*

* *

Khi Ruồi trâu về đến nhà mình thì mặt trời đã lặn, và cây đường lê^[7] đang nở hoa lòa xòa trên bức tường quanh vườn đã sẫm đi trong ánh sáng nhạt nhòa. Ruồi trâu ngắt mấy cành hoa, đem vào nhà. Vừa mở thư phòng, anh đã thấy Zita từ chiếc ghế trong góc phòng nhồm dậy, chạy lại đón anh.

[7] *Pyrus Japonica* (tiếng Latinh): Cũng là hoa lê Nhật Bản.

- Ôi, Felice, em đã tưởng chẳng bao giờ anh về nữa!

Phản ứng đầu tiên của anh là định truy hỏi ngay xem anh vào phòng làm việc của anh làm cái trò gì, nhưng sức nhớ rằng mình vắng mặt đã ba tuần nay, nên anh đành chìa tay ra, chào hỏi khá lạnh nhạt:

- Chào Zita! Cô khỏe chứ?

Cô chìa má để anh hôn, song anh lướt qua như thể không trông thấy cử chỉ ấy, đoạn anh cầm lấy chiếc lọ định cắm hoa

đường lê vào. Nhưng chỉ một thoáng sau, cửa phòng đã bật toang, rồi chú chó *collie* nhảy xổ vào buồng, biểu diễn một vũ điệu cuồng loạn chung quanh anh, vừa sủa, vừa rít lên nổi vui sướng. Anh bèn đặt bó hoa xuống, cúi xuống vỗ về chú chó.

- Sao, Shaitan, có khỏe không, anh bạn già? Ủ, đích thực là tao đây! Bắt tay nào, như một chú chó ngoan ấy!

Một vẻ khó chịu và u buồn trào lên gương mặt Zita.

Cô lạnh lùng hỏi:

- Chúng ta đi ăn tối chứ? Tôi đã đặt bữa ăn ở đằng nhà rồi, vì anh biên thư nói chiều nay anh về.

- Tôi rất... rất xin lỗi! Lẽ ra cô đừng... đừng chờ tôi làm gì! Tôi chỉ rửa ráy qua loa rồi sẽ sang ngay. Có... có lẽ cô vui lòng cắm cành hoa này vào nước cho.

Khi anh bước vào phòng ăn của Zita thì thấy cô đang đứng trước gương mà cài một cành hoa vào ngực áo. Dường như cô đã uốn nắn lại thái độ cho tươi vui lên, nên cô tiến lại đón anh với một chùm rất nhỏ những nụ hoa sẫm đỏ đang hé mở.

- Đây là để anh đeo vào ve áo. Để em cài cho.

Suốt bữa ăn tối, anh đã cố hết sức tỏ ra thân thiện, giữ cho dòng chuyện phiếm được liên tục để cô đáp lại bằng những nụ cười rục rỡ. Nỗi mừng rõ rệt của cô đón anh về đã làm anh có phần bối rối. Lâu nay anh đã quen với ý nghĩ cho rằng cô sống cuộc sống riêng của mình tách bạch với cuộc sống của anh, giữa đám bạn bè và những người cùng hội cùng thuyền hợp tính hợp nết với mình, cho nên chưa khi nào anh tưởng tượng được rằng cô lại có thể thiếu vắng anh. Chính do thiếu vắng, chắc chắn cô ta đã cảm thấy buồn rầu nên bây giờ mới phân

khích đến thế.

Cô bảo anh:

- Ta dùng cà phê trên sân thượng nhé, tối nay trời rất ấm.

- Hay lắm. Tôi mang giúp đàn ghita cho cô nhé? Có thể cô sẽ hát cho nghe chẳng.

Zita mừng vui đỏ cả mặt. Anh vốn khó tính về âm nhạc nên không mấy khi bảo cô hát.

Đọc dãy tường bao quanh sân thượng

là một tấm ghé gỗ dài và rộng. Ruồi trâu chọn một góc sâu để ngồi mà có thể dễ nhìn ra cảnh đẹp đồi núi. Còn Zita thì ngồi bên bờ tường thấp, chân đặt lên ghé, tựa lưng vào cột mái che. Cô không quan tâm gì lắm đến phong cảnh, mà thích ngắm nhìn Ruồi trâu hơn.

Cô bảo:

- Cho em xin điều thuốc. Em chẳng ngờ được là từ hôm anh đi đến giờ em đã chẳng hút điều nào cả.

- Ý nghĩ hay đấy! Chính là có thêm thuốc... thuốc lá nữa, niềm hoan lạc của tôi mới thật trọn vẹn.

Cô cúi xuống nghiêm chỉnh nhìn anh:

- Anh có thật sự hạnh phúc không đấy?

Ruồi trâu nhướng cao đôi mày sinh động của mình:

- Có chứ, tại sao không? Tôi đã được một bữa ăn ngon. Tôi đang ngắm nhìn một trong những cảnh đẹp... đẹp nhất châu Âu. Bây giờ tôi lại sắp được uống cà phê và nghe một bài dân ca Hungary. Cả lương tâm lẫn tiêu hóa của tôi đều không có mắc mớ gì, vậy con người còn

muốn gì hơn nữa?

- Em biết anh còn muốn một thứ nữa.

- Thứ gì?

- Thứ này!

Cô thả nhẹ vào tay anh một hộp nhỏ làm bằng bìa cứng.

- Hạnh... hạnh nhân rang! Sao cô không cho biết trước khi tôi hút... hút thuốc! - Anh kêu lên với vẻ trách móc.

- Ôi, sao anh trẻ con thế! Hút thuốc

rồi ăn cũng được chứ sao. Cà phê đến rồi đây.

Ruồi trâu nhấm nháp cà phê và ăn hạnh nhân rang với vẻ thích thú nghiêm trang và chăm chú của một chú mèo liếm kem sữa.

Anh vừa xuýt xoa vừa lè nhè nói:

- Sau khi phải uống cái... cái của nợ ở Leghorn, được trở về với cà... cà phê ngon thì thật thú vị.

- Đã vậy, nay về đến đây rồi, anh càng nên ở nhà thôi.

- Tôi chẳng ở lại lâu được đâu. Mai tôi lại đi rồi.

Nụ cười chết lịm trên gương mặt cô.

- Mai! Đi làm gì? Anh đi đâu?

- Ồ... đi hai... hai, ba nơi. Đi có việc.

Anh và Gemma đã cùng nhau quyết định là anh phải đích thân đến vùng núi Apennines dàn xếp với những dân buôn lậu nơi biên giới về vấn đề chuyên chở súng đạn. Vượt biên vào lãnh địa Giáo hoàng đối với anh là chuyện cực kỳ hiểm nghèo, nhưng anh vẫn phải đi nếu muốn

cho công việc được thành công.

- Lúc nào cũng công việc!

Zita nhẹ buông một tiếng thở dài, rồi cất cao giọng, hỏi:

- Anh có phải đi lâu không?

- Không, chỉ hai, ba tuần thôi, có... có lẽ thế.

- Em đoán là lại vì ba cái chuyện *ấy* chứ gì? - Cô giật giọng hỏi.

- “Cái chuyện *ấy*” là chuyện gì?

- Là cái chuyện mà anh luôn cố chui vào cho gầy cổ, rặt là chuyện chính trị chứ còn gì nữa.

- Có dính líu ít nhiều đến chính... chính trị đấy.

Zita quẳng điều thuốc ra xa.

- Anh đang dối em. Anh sắp đi làm chuyện gì nguy hiểm lắm đấy. – Cô bảo.

Ruồi trâu uể oải đáp:

- Tôi đang đi thẳng vào... vào những

vùng âm ty địa... địa ngục đây. Họa may cô... cô có bạn bè nào ở dưới đó và muốn gửi cái nhánh hoa thường xuân kia tặng cho họ không? Miễn là đừng... đừng kếp súp cả xuống thôi.

Cô dữ dội giật phăng được một nắm dây thường xuân leo ở cột xuống, và lúc này đã vùng vằng quẳng xuống sàn.

Cô đai lại:

- Anh sắp đi vào nơi nguy hiểm mà anh vẫn chẳng thật lòng cho em biết tí gì! Phải chẳng anh cho em là kẻ chỉ đáng để lừa dối và đùa cợt mà thôi? Một ngày nào tới đây anh sẽ tự dần thân để được

treo cổ mà anh vẫn không hề làm được gì hơn một câu tạm biệt hay sao! Lúc nào cũng chính trị với chính trị, - em ngán ngẩm về chính trị lắm rồi!

Ruồi trâu vừa lười lĩnh ngáp dài, vừa bảo:

- Tôi... tôi cũng thế. Vì vậy ta nói chuyện gì khác đi thôi, trừ phi cô hát cho nghe một bài vậy.

- Được. Đưa đàn ghita cho em. Hát bài gì nào?

- “Bài ca nhớ ngựa”^[8]. Bài ấy rất hợp

với giọng của cô.

[8] Nguyễn Văn “The ballad of the lost horse” (tiếng Anh): “Khúc balat (điệu dân ca nhịp chậm) về con ngựa bị mất”.

Cô liền cất giọng hát bài dân ca xưa của Hungary kể về một người đầu tiên mất ngựa, rồi mất đến nhà mình, sau cùng mất cả người yêu, nhưng anh ta tự an ủi bằng cách suy luận rằng “chưa mất nhiều bằng nơi sa trường Mohacz^[9]”. Đây là một trong những bài hát Ruồi trâu đặc biệt ưa thích. Giai điệu mãnh liệt và bi ai, cùng với tinh thần phấn đấu quên mình^[10] tha thiết trong đoạn điệp khúc, đã rung động lòng anh hơn bất cứ loại nhạc êm dịu nào.

[9] Mohacz (tiếng Hungary đọc là Mo-hat-sơ): Một địa phương ở Hungary. Tại đây năm 1526, quân Hungary bị quân Thổ Nhĩ Kỳ đánh bại.

[10] Stoicism (tiếng Anh): Tinh thần bắt nguồn từ một môn phái triết học cổ Hy Lạp, chủ trương con người ta phải sống đạm bạc, tránh dục vọng, chịu đựng gian khổ để phấn đấu tìm tri thức nhằm nhận biết thế giới.

Zita đang lúc được giọng. Những âm điệu thoát ra từ cặp môi cô đều mạnh mẽ mà trong, dạt dào lòng khát khao sôi nổi đối với cuộc sống. Rõ ràng là những bài dân ca Magyar^[11] cô hát cực hay, hay hơn khi hát những bài ca Ý và Slavơ, nhất là dân ca Đức cô hát lại càng kém.

[11] Magyar (tiếng Hungary): Tộc người vùng núi Uran. Từ năm 896 đã đi đến địa phận ngày nay được gọi là nước Hungary.

Ruồi trâu lắng nghe, cặp mắt và đôi môi đều mở rộng, anh chưa bao giờ nghe cô hát hay đến thế. Nhưng giọng cô đột ngột vỡ ra khi hát đến câu cuối cùng.

“Ôi, nào có hề chi! Chưa mất nhiều bằng...”

Cô nghẹn giọng, thốn thức, úp mặt vào đám lá thường xuân.

Ruồi trâu đứng dậy, đỡ lấy cây đàn trong tay cô.

- Zita! Cô sao thế?

Cô chỉ rung người lên trong những cơn thổn thức và lấy hai tay che mặt. Anh đụng vào tay cô.

- Nói tôi nghe xem chuyện gì nào. -
Anh đỡ dành.

Cô co người né tránh, sụt sùi:

- Mặc tôi! Mặc tôi!

Anh liền quay ngất về chỗ cũ, ngồi chờ cho tới khi những tiếng thổn thức tắt

lịm. Rồi thình lình anh thấy hai tay cô ôm lấy cổ mình, còn cô thì quỳ sụp xuống bên cạnh.

- Felice... đừng đi nhé! Đừng rời xa em!

Anh nhẹ nhàng tách mình ra khỏi những cánh tay đang níu lấy anh, mà bảo:

- Chuyện ấy ta sẽ nói sau. Trước hết hãy nói tôi nghe vì sao cô khổ tâm đến thế! Có điều gì khiến cô sợ hãi chẳng?

Cô im lặng lắc đầu.

- Tôi có làm chuyện gì xúc phạm đến cô không?

- Không. - Và cô đưa một tay lên chặn lấy cổ họng anh.

- Vậy thì cái gì?

Cuối cùng, cô thì thào:

- Anh sẽ bị giết mất thôi. Hôm nọ có người trong bọn họ đến đây nói với em là anh sẽ gặp nạn đấy... Vậy mà em hỏi chuyện đó, anh còn cười em!

Ruồi trâu sừng sờ trong giây lát, rồi

nói:

- Cô bé quý mến! Cô đã nhét vào đầu mình những ý tưởng quá phóng đại rồi. Rất có thể một ngày nào đó tôi sẽ bị giết, đã là một người làm cách mạng chuyên nghiệp thì đó là lẽ thường tình. Nhưng, không có lý do gì để bảo rằng tôi sắp... sắp bị giết đến nơi rồi. Tôi chưa xông pha mạo hiểm bằng những người khác đâu.

- Những người khác... những người khác đối với em là cái gì cơ chứ? Nếu anh yêu em thì anh đã không bỏ đi như thế, để đêm đêm em nằm thao thức và trăn trở không biết anh có bị bắt không,

hoặc mỗi khi thiếp đi, em lại mơ thấy anh đã chết mất rồi. Anh chẳng để tâm đến em bằng cái con chó kia kia!

Ruồi trâu đứng dậy, chậm chậm bước tới phía cuối sân thượng. Anh hết sức bất ngờ trước tình cảnh như thế này, và cả trước sự bối rối không biết nên trả lời cô ra sao: Phải rồi, Gemma đã nói đúng: anh đã đưa cuộc đời mình vào một mớ bòng bong, phải khổ công lắm mới hòng gỡ ra nổi.

Một lát sau, anh quay lại và bảo:

- Chúng ta hãy ngồi xuống và bàn chuyện này cho bình tĩnh. Tôi thấy chúng

ta đã hiểu lầm nhau mất rồi; nếu tôi biết là cô đặt vấn đề nghiêm chỉnh thì dĩ nhiên tôi đã chẳng cười đùa. Vậy cô cứ cố thẳng thừng cho tôi rõ cô lo lắng điều gì, để rồi nếu có hiểu lầm, ta cũng làm rõ được thôi.

- Chẳng có gì phải làm rõ cả đâu. Chỉ thế em cũng đủ thấy anh không để tâm tới em một mảy may nào rồi.

- Cô bé quý mến, ta cứ thật thẳng thắn với nhau đi. Tôi bao giờ cũng hết sức thành thật trong mối quan hệ giữa chúng ta, và theo tôi nghĩ thì chưa bao giờ tôi lừa dối cô trong...

- Ô, không! Anh đã thành thật quá đủ, thậm chí chưa bao giờ anh giả vờ coi em không gì khác hơn là một gái giang hồ, là một thứ đồ trang sức hào nhoáng được mua đi bán lại, đã từng qua tay nhiều người đàn ông trước khi đến với anh...

- Im đi, Zita! Tôi không bao giờ có ý nghĩ như vậy đối với một sinh linh nào!

Cô ử rữ, khăng khăng nhắc lại:

- Anh chưa bao giờ yêu em cả.

- Chưa, tôi chưa bao giờ yêu cô cả. Nhưng cô hãy nghe tôi, và hãy cố tránh

nghĩ xấu về tôi.

- Ai bảo anh là em nghĩ gì xấu về anh.
Em chỉ...

- Khoan đã. Điều tôi muốn nói với cô là: tôi không bao giờ tin và cũng chẳng bao giờ coi trọng những khuôn sáo luân lý ước lệ. Đối với tôi, mỗi quan hệ giữa đàn ông và đàn bà chẳng qua chỉ là vấn đề sở thích cá nhân, vấn đề thích hay không thích từng người...

Cô cười mát, cướp lời:

- Và là vấn đề tiền tài nữa.

Anh cau mày và ngập ngừng trong giây lát.

- Cái đó, dĩ nhiên là phần xấu xa của vấn đề. Nhưng cô hãy tin rằng, nếu tôi đã nghĩ là cô không thích tôi hoặc đã có phần chán ghét mối quan hệ đó, thì sẽ chẳng bao giờ tôi kêu gọi hay lợi dụng hoàn cảnh của cô để quyến rũ cô. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi đối xử như thế với một người phụ nữ nào, và chưa bao giờ tôi nói dối một người phụ nữ về tình cảm của tôi đối với họ. Cô có thể tin tưởng là tôi thật lòng đấy...

Anh ngừng lời một chút, nhưng cô đã không đáp lại.

Anh nói tiếp:

- Tôi nghĩ nếu một người đàn ông sống cô đơn trên đời này và cảm thấy cần có... cần có sự hiện diện của một người đàn bà bên cạnh mình, và nếu anh ta tìm được một người đàn bà hấp dẫn đối với anh ta và nếu người ấy cũng không ghét bỏ anh ta, thì anh ta có quyền nhận lấy, với tâm tình biết ơn và thân ái, mọi niềm vui mà người đàn bà ấy thuận lòng đem lại cho anh ta, mà không cần phải bước vào một cam kết nào mật thiết hơn. Tôi thấy quan hệ như thế chẳng có gì hại cả, miễn là cả hai bên đều đừng thiếu công bằng với nhau, đừng xúc

phạm và lừa dối nhau. Còn như trước khi gặp tôi cô đã có mối quan hệ ấy với những người đàn ông khác, điều đó tôi đã chẳng nghĩ đến. Tôi chỉ nghĩ rằng mối liên hệ như thế giữa tôi với cô sẽ là tươi vui và vô hại cho cả hai bên, và mỗi bên đều có quyền tự do cắt đứt mỗi khi nó đã trở nên phiền nhiễu. Nếu tôi đã sai lầm... nếu đến nay cô đã có ý kiến khác trước... thì...

Anh lại ngừng lời.

Cô không nhìn lên, khẽ nói:

- Thì sao?

- Thì tôi đã có điều không phải đối với cô, và tôi rất lấy làm tiếc. Nhưng tôi đã không chủ tâm làm điều đó đâu.

- Anh “đã không chủ tâm” và “đã chỉ nghĩ” thế đấy... Felice, con người anh làm bằng gang, bằng thép hay sao? Phải chăng trong đời anh chưa từng yêu một người đàn bà nào đến nỗi bây giờ là anh không thấy được là em yêu anh hay sao?

Toàn thân anh thốt nhiên run lên: biết bao lâu nay chưa hề có ai nói với anh câu “Em yêu anh”. Nhưng Zita đã thức thời bật dậy ôm chầm lấy anh.

- Felice! Anh hãy cùng em ra đi thôi!

Hãy xa rời cái đất nước đáng sợ này, xa rời tất cả những con người ở đây cùng với những cái chính trị của họ! Việc gì ta phải cần đến họ? Ta ra đi thôi, chúng mình sẽ sống hạnh phúc bên nhau. Ta hãy đi sang Nam Mỹ, nơi anh đã quen sống xưa kia.

Nỗi kinh hoàng về thể chất do một sự liên tưởng đến quá khứ đã khiến anh bừng tỉnh và tự chủ được mình. Anh gỡ tay cô ra khỏi cổ mình và nắm chặt lấy đôi tay ấy.

- Zita! Hãy cố hiểu lời tôi nói nhé. Tôi không yêu cô. Và giả dụ có yêu cô, tôi cũng không thể cùng cô rời bỏ chốn

này được. Tôi có công việc phải làm ở nước Ý này, tôi còn có các đồng chí của tôi...

Cô liền gào lên dữ dội:

- Và có một người khác nữa mà ông cũng yêu hơn cả tôi nữa kia! Ôi, giá như tôi có thể giết ông! Chẳng phải các đồng chí của ông mà ông để tâm đến đâu, mà đó là... Tôi thừa biết đó là ai rồi!

Anh bình tĩnh bảo:

- Im nào! Cô quá khích động và tưởng tượng ra toàn chuyện vu vơ.

- Ông tưởng tôi nói đến *signora* Bolla hả? Tôi không thể bị bịp đến thế đâu! Với bà ta, ông chỉ nói chuyện chính trị thôi. Ông để tâm đến bà ấy cũng chẳng hơn gì tôi. Mà chính là cái ông Hồng y giáo chủ kia!

Ruồi trâu giật nẩy mình như bị trúng đạn. Anh lập lại như một cái máy:

- Hồng y giáo chủ?

- Chính là cái ông Hồng y giáo chủ Montanelli đã đến đây giảng đạo mùa thu vừa rồi. Ông tưởng tôi không nhận thấy bộ mặt ông khi xe của ông ta đi qua như thế nào hay sao? Lúc ấy mặt ông trắng

bệch chẳng khác gì chiếc khăn tay nhỏ này. Sao, cả đến bây giờ nghe tôi nhắc đến ông ta, ông cũng còn đang run rẩy như một chiếc lá cơ mà!

Anh đứng dậy. Anh nói rất chậm và rất nhỏ nhẹ:

- Cô không hiểu những điều cô đang nói. Tôi... căm thù Hồng y giáo chủ. Ông ta là kẻ thù không đội trời chung của tôi.

- Không biết có là kẻ thù hay không, nhưng ông yêu ông ta hơn ai hết trên đời này. Ông hãy nhìn thẳng vào mặt tôi và nói rằng điều đó là không đúng đi, xem có dám không nào!

Anh quay đi, nhìn ra vườn. Cô lấm lét theo dõi anh, có phần hoảng sợ về điều mình vừa làm. Trong sự im lặng của anh có một cái gì đó rất khủng khiếp. Cuối cùng như một đứa trẻ con sợ hãi, cô len lén đến sát bên anh, và bẽn lẽn kéo tay áo anh. Anh quay lại.

Rồi anh bảo:

- Điều đó đúng đấy.

Chương XI

- Nhưng tôi không... không thể gặp mặt anh ta ở một nơi trong vùng núi được ư? Brisighella^[1] là một địa điểm nguy hiểm đối với tôi.

[1] Brisighella (tiếng Ý).

- Một tác đất nào ở Romagna bây giờ cũng đều nguy hiểm cho anh cả. Chính lúc này Brisighella lại là nơi an toàn cho anh hơn những nơi khác.

- Tại sao?

- Lát nữa tôi sẽ nói. Anh chờ để cho

lão áo vét tông xanh kia trông thấy mặt: hấn là tên nguy hiểm đấy. Vâng, trận bão vừa qua thật khủng khiếp. Tôi chẳng nhớ là mình đã từng thấy vụ nho nào bị thất bát nhiều thế bao giờ.

Ruồi trâu đuổi hai tay lên bàn mà gục hấn vào, trông như một người kiệt sức vì mệt mỏi hoặc vì đã say mèm. Còn vị khách nguy hiểm mới đến, mặc áo vét tông xanh kia đã đảo mắt nhìn quanh, chỉ thấy có hai người nông dân đang bàn chuyện mùa màng cạnh một bình rượu, với lại một người dân miền núi ngái ngủ gục đầu xuống bàn, - một cảnh thường thấy ở những nơi hẻo lánh như Marradi^[2] này. Gã vét tông xanh dường như chắc dạ

rằng ở đây nghe ngóng mãi cũng chẳng ăn thua gì, bèn một hơi cạn cốc rượu rồi đứng định bước ra phòng ngoài.

[2] Marradi (tiếng Ý).

Hắn đứng tựa vào quầy thu tiền, uể oải nói chuyện với chủ quán, chốc chốc lại láo liên liếc qua khung cửa bỏ ngõ, nhìn về phía ba người ngồi quanh chiếc bàn. Hai người nông dân vẫn cứ nghiêm nhiên nhắm rượu, bàn chuyện thời tiết bằng tiếng địa phương; còn Ruồi trâu thì đã ngáy vang như một kẻ vô tư lự.

Cuối cùng tên mật thám như chắc mẫm rằng trong quán rượu này chẳng có gì

đáng để hấn mất thời giờ hơn nữa. Hấn trả tiền rượu, lừ đừ ra khỏi quán, rồi đứng đĩnh bước theo đường phố hẹp. Ruồi trâu cật mình dậy, ngáp dài, vươn vai và ngái ngủ đưa ống tay áo khoác bằng vải thô lên dụi mắt.

- Đóng trò kiểu này cũng khá căng đấy, - Nói đoạn anh rút trong túi ra một con dao díp, cắt lấy một khoanh bánh mì đen trên bàn, - Gần đây chúng có quấy nhiễu các anh lắm không, Michele^[3]?

[3] Michele (tiếng Ý): Đọc là Mi-kê-lê.

- Chúng quấy còn tệ hơn cả muỗi tháng tám, không được yên lấy một phút

nào đâu. Dù đi đâu cũng có mật thám bám theo suốt. Ngay cả trên núi, trước chúng thường ngại mò mặt đến, nhưng nay chúng đã đến từng đàn ba bốn đứa một... Phải không nhỉ, Gino^[4]? Chính vì thế chúng tôi bố trí để anh gặp Domenichino^[5] trong thành phố.

[4] Gino (tiếng Ý).

[5] Domenichino (tiếng Ý): Đọc là Đô-mê-ni-ki-nô.

- Phải, nhưng tại sao lại Brisighella chứ? Thành phố biên giới bao giờ chẳng đầy mật thám?

- Chính lúc này Brisighella là địa điểm chủ chốt. Các khách hành hương từ mọi nơi trong nước đều nườm nượp kéo đến đây cả.

- Nhưng ở đó không tiện đường đi đâu cả.

- Nó ở cách đường đi Roma không xa lắm, nên nhiều khách hành hương Lễ Phục sinh đều vòng qua đây để dự Thánh Lễ^[6].

[6] Nguyên văn là to hear Mass (nghe Thánh Lễ) theo cách nói xưa trước năm 1983.

- Tôi không... không hiểu ở

Brisighella có cái gì đặc biệt nhỉ.

- Có Hồng y giáo chủ! Anh có nhớ là ông ta đã đến Florence giảng đạo hồi tháng mười hai^[7] năm ngoái không? Chính là Hồng y giáo chủ Montanelli ấy đấy. Nghe nói ông ta đã từng gây chấn động lớn trong dư luận.

[7] Nguyên bản tiếng Anh như vậy (last December), mặc dù ở Chương IV (phần II) nói là tháng mười (October). Bản dịch tiếng Nga của Liên Xô sửa lại là “tháng mười”. Bản dịch tiếng Trung Quốc vẫn theo nguyên bản tiếng Anh.

- Có thể thế. Nào tôi có đi nghe giảng đạo đâu cơ chứ.

- Vậy, anh biết không, thiên hạ người ta coi ông ta như ông thánh ấy.

- Ông ta làm thế nào được nổi tiếng thế?

- Tôi chả biết. Tôi cho có lẽ vì ông ta lĩnh được bao nhiêu thì đem bố thí cả, còn riêng ông ta chỉ sống như một cha xứ^[8], với bốn hoặc năm trăm đồng *scudo* hàng năm thôi.

[8] Tức linh mục coi giáo xứ (a parish priest), hàng giáo phẩm thấp nhất.

Người tên là Gino cũng góp chuyện:

- A! Còn hơn thế nữa chứ! Không phải ông ấy chỉ bố thí tiền, mà ông còn suốt đời chăm sóc người nghèo, chăm lo cho người ốm đau được chữa chạy chu đáo, từ sáng đến tận tối lắng nghe dân chúng kêu ca và than vãn^[4], Michele, tôi cũng chẳng khoái cha cố hơn anh đâu, nhưng Đức ông Montanelli quả là không giống các vị Hồng y khác.

Michele nói:

- Ô! Tôi dám quả quyết rằng ông ta là một người gàn dở chứ không phải là tay bịp bợm. Nhưng dù sao thiên hạ cũng đang mê mẩn lên vì ông ta, và mới đây nhất các khách hành hương lại có thói

mới lạ là tạt vào đây để được ông ta ban phước lành. Domenichino định giả làm một người bán hàng rong, mang một giỏ thánh giá và tràng hạt Mân Côi^[9] loại rẻ tiền đến bán. Thiên hạ người ta sẵn sàng mua những của đó để xin Hồng y giáo chủ chạm tay vào, rồi mang về đeo cho trẻ con lấy khước^[10].

[9] Tức tràng (chuỗi) hạt của Công giáo.

[10] Tức trừ tà, tránh được ma quỷ (nguyên văn tiếng Anh: to keep off the evil eye).

- Khoan đã. Vậy tôi đi bằng cách nào? Giả làm khách hành hương ư? Tôi thấy bộ quần áo cải trang hiện giờ là rất... rất

thích hợp với tôi, nhưng nếu tôi cứ đóng vai như ở đây mà dẫn xác đến Brisighella thì không... không ăn thua. Vì nếu bắt được tôi, chúng sẽ có đủ chứng... chúng có để bắt các anh.

- Anh sẽ chẳng bị bắt đâu. Chúng tôi đã lo liệu cho anh một bộ giả trang tuyệt vời, với cả hộ chiếu và mọi thứ đủ lệ bộ.

- Giả trang gì vậy?

- Giả trang làm một khách hành hương già người Tây Ban Nha, một tên cướp ở vùng Sierras^[11] nay đang hối cải. Năm ngoái lão già này đi đến Ancona^[12] thì ngã bệnh, được một anh bạn của chúng

tôi thương tình cho lên tàu buôn đưa đến tận Venezia, nơi lão ta có nhiều bạn bè. Lão đã để lại cho chúng tôi mọi giấy tờ để tỏ lòng biết ơn. Chính những giấy tờ này sẽ rất đặc dụng cho anh.

[11] Sierras (tiếng Tây Ban Nha; Sierra vốn nghĩa là “lưỡi cưa” và để chỉ một dãy núi): Vùng núi đá lởm chởm ở Tây Ban Nha, thường làm sào huyết cho các băng cướp tào bạo.

[12] Ancona (tiếng Ý): Một hải cảng thuộc lãnh địa Giáo hoàng trên bờ biển Adoriatich, phía đông Đại Công quốc Tôxcana.

- Một kẻ... kẻ cướp đang hỏi cái ư?
Thế đối với cảnh... cảnh sát thì sao?

- Ô, cũng ổn cả rồi. Lão già đã mãn hạn tù khổ sai từ mấy năm trước, sau đó chỉ đi viếng Jerusalem^[13] và đủ mọi nơi khác để cứu rỗi linh hồn từ bấy đến nay. Lão ta đã giết mất con trai mình vì tưởng lầm là kẻ khác, nên trong lúc lương tâm cắn rứt đã tự đến nộp mình cho cảnh sát.

[13] Jerusalem: Thủ phủ của xứ Judea xưa, nơi Đức Giêsu đã đến giảng đạo, sau được coi là đất thánh (thánh địa) của đạo Kitô. Nhưng sau này cũng được coi là đất thánh của cả đạo Do Thái và đạo Hồi.

- Lão ta già lắm không?

- Vâng, già lắm. Nhưng cứ đeo giả râu tóc bạc vào là ổn thôi. Còn mọi đặc điểm hình dạng khác của lão ta thì anh giống như hệt. Lão vốn là một cựu chiến binh, chân khập khiễng mà ngang mặt cũng có vết sẹo gươm chém như anh, và rồi lão cũng lại là người Tây Ban Nha nữa, anh thấy không, nếu gặp các khách hành hương từ Tây Ban Nha nào thì anh cũng có thể nói chuyện tốt ấy chứ.

- Vậy tôi phải gặp Domenichino ở đâu?

- Anh sẽ nhập vào một đoạn khách

thập phương ở một ngã tư đường mà chúng tôi sẽ chỉ cho anh trên bản đồ, và anh sẽ bảo với họ rằng anh bị lạc đường trong vùng núi. Rồi khi đến thị trấn, anh cứ đi theo đám người còn lại mà đến khu họp chợ trước cửa lâu đài của Hồng y giáo chủ.

- Ô, thế nghĩa là mặc... mặc dù ông thánh, ông ta vẫn xoay sở để ngự trong lâu... lâu đài?

- Ông ta chỉ ở một bên chái, còn lại ông cho làm nhà thương tất. Thế nhé, anh cứ đợi miết ở đây cho tới khi ông ta bước ra làm chuyện ban phép lành, thì Domenichino cũng sẽ mang giỏ đến mà

hỏi: “Thưa bố, bố có phải là khách hành hương không?”. Anh sẽ trả lời: “Lão là kẻ có tội rất khôn khỏ!” Thế rồi khi anh ta đặt giỏ xuống mà đưa ống tay áo lên lau mặt, thì anh đưa cho anh ta sáu đồng *scudo* để mua một tràng hạt Mân Côi.

- Thế rồi dĩ nhiên là anh ta sẽ xếp đặt ngay địa điểm gặp nhau để bàn việc chứ gì?

- Phải, trong khi dân chúng đang há mồm dòm mắt cả về phía Montanelli, anh ta sẽ có thừa thời giờ để báo cho anh biết địa điểm gặp mặt. Kế hoạch của chúng tôi như thế đấy, nhưng nếu anh không tán thành, chúng tôi có thể báo cho

Domenichino biết và bố trí theo cách khác.

- Không, kế hoạch ấy được đấy. Chỉ cốt sao cho bộ râu tóc giả được giống như thật.

*

* *

- Thưa bố, bố có phải là khách hành hương không?

Lúc ấy Ruồi trâu đang ngồi ở bậc thềm lâu đài Tòa giám mục. Anh lé mắt

nhìn lên qua những lọn tóc bạc bù xù, giả giọng khàn khàn, run run lại lơ lơ nặng theo tiếng ngoại quốc, để trả lời theo đúng mật khẩu. Domenichino trật quai da ra khỏi vai, đặt giỏ tràng hạt và thánh giá^[14] xuống bậc thêm. Đám đông những người nông dân và khách thập phương ngồi kín các bậc thêm và đi đứng đầy khu họp chợ đều không ai để ý đến họ cả, nhưng hai người vẫn cứ thận trọng, thỉnh thoảng mới nói với nhau vài lời. Domenichino thì nói tiếng địa phương, còn Ruồi trâu thì nói tiếng Ý giả cây pha lẫn tiếng Tây Ban Nha

[14] Nguyên văn tiếng Anh là “basket of pious gewgaws”, tức “giỏ đựng các mỹ nghệ phẩm (các đồ dùng xinh xắn) cho người ngoan đạo”.

Bỗng những người đứng ở cửa lâu đài kêu lên:

- Đức Hồng y kia! Đức Hồng y ra kia! Đứng tránh ra! Đức Hồng y đến đây!

Cả hai người đều đứng dậy. Domenichino nói:

- Đây, bố ơi!

Đoạn anh dúi vào tay Ruồi trâu một bức tượng thánh nhỏ gói giấy.

- Bố cầm lấy cả gói này nữa, và khi

đến được Roma, xin bố cầu nguyện cho con.

Ruồi trâu nhét bức tượng thánh vào ngực rồi quay lại nhìn nhân vật mình mặc áo choàng tím mùa Chay^[15] đầu đội mũ sọ^[16] đỏ tía, đang đứng trên bậc cao nhất dang rộng hai tay để ban phước cho dân chúng.

[15]The violet Lenten robe (tiếng Anh) – Lent (mùa chay) là gồm 40 ngày cầu nguyện và sám hối trước lễ Phục Sinh (Easter).

[16] Cap (tiếng Anh): Mũ nhỏ trên đỉnh đầu Giáo hoàng, Hồng y giáo chủ và Giám mục.

Montanelli từ từ bước xuống các bậc

thêm. Mọi người xúm xít chung quanh để được hôn tay ông. Nhiều người quỳ xuống, ghé môi hôn tà áo chùng^[17] của ông khi ông đi qua.

[17] Áo chùng (cassock) ở trong áo choàng (robe).

- Các con, cha cầu cho các con được bằng an!

Nghe giọng nói trong như bạc ấy, Ruôi trâu bỗng cúi gục đầu làm cho những mớ tóc bạc xõa xuống mặt. Nhìn chiếc gậy hành hương run rẩy trong tay Ruôi trâu, Domenichino tấm tắc khen thầm: “Tay này đóng kịch cừ thật!”

Một người đàn bà đứng gần đáy cuối xuống bồng đưa con lên khỏi bậc thềm, rồi nói:

- Cecco^[18], lại đây con! Đức Hồng y sẽ ban phước lành cho con như Chúa Giêsu ngày xưa đã ban phước lành cho các trẻ em.

[18] Cecco (tiếng Ý), đọc là Trêch-cô.

Ruồi trâu tiến lên một bước rồi đứng sững lại. Ôi, sao khổ sở vậy! Các khách thập phương và những người dân sơn cước, tất cả những người ngoài cuộc ấy đều có thể tiến lại gần cha và nói chuyện

với cha, và cha sẽ đặt tay lên mái tóc những trẻ nhỏ, con cái của họ. Và có lẽ cha sẽ gọi chú bé nông dân kia là *carino* như cha đã từng quen gọi...

Ruồi trâu lại ngồi sụp xuống bậc thêm và ngoảnh mặt đi để tránh phải thấy cảnh tượng đó. Phải chi anh có thể chui vào một xó xỉnh nào, bịt chặt tai lại để không nghe thấy gì nữa cả! Quả vậy, đây là việc mà bất kỳ con người nào cũng không sao chịu đựng nổi, - ở ngay gần kê, gần kê đến nỗi anh chỉ việc chìa tay ra là có thể chạm vào bàn tay thân yêu đó.

Một giọng dịu dàng cất lên:

- Ông bạn ơi, có vào nơi tạm trú không? Ta e rằng ông thấm lạnh rồi.

Trái tim Ruồi trâu ngừng bật. Trong giây lát anh không còn nhận biết được gì cả, chỉ thấy máu trào lên dồn ép mạnh mẽ và bệnh hoạn tưởng chừng xé tan lồng ngực, rồi máu lại bật trở lại rạo rục và nóng ran khắp toàn thân, thế rồi anh ngược mắt lên. Và anh thấy cặp mắt nghiêm nghị và sâu thẳm của người đang đứng cúi nhìn anh bỗng càng trở nên hiền dịu với một niềm trắc ẩn huyền diệu khi nom thấy mặt anh.

Quay lại phía đám đông, Montanelli bảo:

- Các bạn đứng lui ra một chút, ta muốn nói chuyện với ông cụ này.

Dân chúng từ từ giãn ra, ghé tai nhau xì xào, còn Ruồi trâu đành ngồi bất động, hai hàm răng siết chặt, mặt cúi gằm, và cảm thấy bàn tay Montanelli đang êm ái đặt lên vai mình.

- Ông bạn đã có niềm đau khổ lớn? Tôi có thể giúp ông được chăng?

Ruồi trâu im lặng, lắc đầu.

- Ông có phải là khách hành hương

không?

- Tôi là kẻ có tội rất khốn khổ.

Câu hỏi của Montanelli ngẫu nhiên trùng khớp với mặt khẩu làm cho Ruồi trâu dường như sắp chết đuối vớ được cọc nên đã trả lời như một cái máy. Bàn tay dịu dàng áp trên vai anh, nay đã như cháy bỏng lên, khiến anh bắt đầu run rẩy

Hồng y giáo chủ lại càng cúi sát xuống mặt anh:

- Có lẽ ông bạn muốn nói chuyện riêng với tôi chăng? Nếu tôi có thể giúp

ông bạn được gì...

Lần đầu tiên Ruồi trâu vũng vàng nhìn thẳng vào mắt Montanelli, - anh đã lấy lại được tự chủ. Anh nói:

- Vô ích thôi, hết hy vọng rồi.

Một quan chức cảnh sát bước ra khỏi đám đông, tiến đến.

- Xin Đức Hồng y tha tội cho sự đường đột của con. Con thiết nghĩ ông già này tâm thần không thật tỉnh táo đâu ạ. Ông ta hoàn toàn vô hại và có đủ các giấy tờ hợp lệ nên chúng con vẫn để cho

ông ấy yên, không can thiệp gì. Ông ta phạm trọng tội và đã bị hình phạt khổ sai, hiện giờ đang chịu phép đền tội^[19] đấy ạ.

[19] Is now doing penance (tiếng Anh): Penance trong Công giáo là bí tích Giải tội hoặc Cáo giải, bao gồm một loạt thủ tục nghiêm ngặt mà hối nhân (penitent) phải sám hối, xưng tội. được tha tội và cuối cùng là phải làm những việc nào đó để đền tội. Ở đây ông già (do Ruồi trâu đóng vai) phải đi hành hương để đền tội.

Ruồi trâu chậm chạp lắc đầu, nhắc lại:

- Phạm trọng tội đấy ạ.

- Cảm ơn ông đại úy. Xin ông đứng tránh sang bên một chút. Ông bạn của tôi ơi, người nào đã biết thành tâm sám hối thì không có gì là hết hy vọng cả đâu. Chiều nay ông bạn đến cùng tôi nói chuyện được không?

- Liệu Đức Hồng y có thể tiếp chuyện một người phạm tội giết con trai ruột của mình không?

Câu hỏi hầu như mang giọng thách thức đó khiến Montanelli rúm người lại và run rẩy như bị một cơn gió lạnh.

Ông trịnh trọng trả lời:

- Dù cho ông bạn có làm chuyện gì, Đức Chúa Trời cũng không cho phép tôi được kết tội ông. Trước mặt Chúa, tất cả chúng ta đều là kẻ có tội và đức công chính^[20] của chúng ta cũng chỉ như những mớ giẻ rách như bản mà thôi. Nếu ông bạn đến cùng tôi thì tôi sẽ chịu lấy^[21] ông bạn như tôi hiện đang hằng xin Đức Chúa Trời chịu lấy tôi trong một ngày nào đó.

[20] Righteousness (tiếng Anh): Cũng là lòng chính trực, ngay thẳng. Từ Công giáo là đức công chính.

[21] Đây là cách nói của Công giáo: đến cùng tôi (đến với tôi), chịu lấy tôi (chịu nhận tội).

Ruồi trâu giơ hai tay ra phía trước.

trong một tư thế sôi nổi bột phát. Anh nói:

- Hãy nghe tôi! Và tất cả các bà con bốn đạo^[22] cũng hãy nghe tôi! Nếu một kẻ đã giết chính đứa con trai duy nhất của mình, đã giết đứa con nó tin yêu mình và là đứa con máu mủ ruột rà của mình, nếu một kẻ đã dùng sự gian dối và lừa gạt để đưa con mình vào cạm bẫy chết người, thì liệu kẻ đó còn có hy vọng gì ở nơi trần thế hoặc lên cõi thiên đàng được chăng? Tôi đã thú nhận tội lỗi trước Đức Chúa Trời và với người thế gian. Tôi đã từng chịu hình phạt của người đời và người đời đã thả tôi ra. Nhưng đến bao giờ Chúa mới phán truyền cho tôi rằng:

“Thế là đủ rồi!”? Phép lành nào giải thoát được cho linh hồn tôi khỏi lời nguyên rủa của Người? Ôn tha tội nào gột sạch được tội lỗi tôi đã gây ra?

[22] Nguyên văn là all of you, Christians nghĩa là “tất cả các bôn đạo Cơ đốc giáo hoặc Kitô giáo”.

Trong phút im lặng chết chóc sau đó, dân chúng nhìn vào Montanelli và thấy giá chữ thập đang phập phồng trên ngực ông ta.

Cuối cùng Montanelli ngược mắt nhìn lên, ông giơ cánh tay để ban phép lành nhưng người ta thấy cánh tay ông nay đã

không còn thật vững vàng nữa.

Ông nói:

- Đức Chúa Trời lòng lành vô cùng!
Ông bạn hãy đặt gánh nặng linh hồn của mình trước ngai báu của Người, vì có lời Kinh Thánh viết rằng: “Người chớ chối bỏ một trái tim tan vỡ đã biết ăn năn tội lỗi”^[23].

[23] Lời Đức Kito trong sách Phúc Âm.

Ông quay đi và bước ngang qua sân chợ, chỗ nào ông cũng dừng lại nói chuyện với dân chúng và bế những trẻ nhỏ con cái họ lên tay.

Ngay chiều hôm đó, theo đúng lời chỉ dẫn ghi trong giấy gói bức tượng thánh, Ruồi trâu tìm đường đến nơi gặp gỡ đã định. Đó là nhà một vị bác sĩ địa phương, thành viên tích cực của “nhóm”^[24]. Đa số những người công tác bí mật đều đã tập hợp đông đủ, và nỗi vui mừng của họ khi Ruồi trâu đến đã lại một lần nữa chứng minh, - nếu anh cần có thêm sự chứng minh ấy – về uy tín của mình như một lãnh tụ.

[24] Tức nhóm “Thắt lưng đỏ”.

Ông bác sĩ nói:

- Chúng tôi rất vui lại được gặp anh, nhưng khi nào thấy anh rời được khỏi chốn này, chúng tôi mới sẽ càng vui hơn. Đây quả là một công việc mạo hiểm kinh khủng, mà chính tôi là một người đã phản đối kế hoạch này. Anh có dám chắc sáng nay chưa bị lọt vào mắt một con chuột cảnh sát nào trong sân chợ không?

- Ô, họ đề... đề ý tôi quá đi chứ, nhưng họ chẳng... chẳng nhận ra tôi được đâu. Domenichino bố trí mọi việc rất... rất cừ khôi. Mà anh ấy đâu nhỉ? Tôi chưa thấy anh ấy đâu cả.

- Cậu ấy chưa tới. Thế nghĩa là công việc của anh trôi chảy cả chứ? Hồng y

giáo chủ đã ban phước cho anh chưa?

- Ban phước ư? Ô, cái đó có nghĩa lý gì! - Vừa bước chân đến cửa, Domenichino đã phát biểu. - Rivarez, con người anh đầy phép lạ như Minh Thánh^[25] trong lễ Giáng sinh vậy. Anh còn có bao nhiêu tài khiến chúng tôi sững sốt hơn nữa không đây?

[25] Nguyên văn là “as a Christmas cake” (bánh thánh), tức bánh đã được truyền phép trong dịp lễ Giáng sinh. Khi đã được truyền phép theo một bí tích Công giáo, bánh được coi là Minh Thánh, rượu (nho) được coi là Máu Thánh.

- Bây giờ chuyện ấy còn có nghĩa gì nào? - Ruồi trâu uể oải hỏi lại. Anh đang

ngả lưng vào ghế xô pha, phì phèo điều xì gà. Bộ đồ khách hành hương anh vẫn mặc, nhưng những râu tóc bạc anh đã bỏ sang bên cạnh.

- Tôi không ngờ anh lại là một kịch sĩ có tài như vậy. Trong đời tôi chưa hề thấy cảnh nào diễn ra hoành tráng đến thế! Anh làm Đức Hồng y cảm động đến suýt rớt nước mắt.

- Chuyện thế nào, kể cho chúng tôi nghe đi, anh Rivarez.

Ruồi trâu nhún vai. Anh đang trong tâm trạng trầm lặng và ít lời. Những người khác thấy cạy miệng anh chẳng

được gì, bèn quay ra truy hỏi Domenichino. Khi nghe kể lại xong màn kịch trên sân chợ, một công nhân trẻ tuổi không góp tiếng cười chung mà bật ra một nhận xét:

- Dĩ nhiên là rất tài tình rồi, nhưng tôi không hiểu tất cả cái trò diễn kịch như thế có lợi gì cho ai?

Ruồi trâu xen lời:

- Có lợi nhiều ở chỗ, là bây giờ tôi có thể đi lại tự do, mún làm gì tùy ý trong vùng này mà không một ai nghĩ đến việc nghi ngờ tôi nữa cả, dù là bất kỳ một nam phụ lão ấu nào. Mai đây câu chuyện sẽ

lan truyền ra khắp địa phương này, và mỗi khi tôi đụng phải một tên mật thám, hẳn sẽ chỉ nghĩ rằng: “À, cái lão già điên Diego^[26] đã thú tội ở sân chợ đây mà”. Như thế chắc chắn là có lợi rồi chứ!

[26] Diego (tiếng Tây Ban Nha).

- Vâng, tôi hiểu. Nhưng dù sao tôi vẫn thấy chả cần lừa gạt Hồng y giáo chủ làm gì. Ông ta quá tốt, chả nên chơi khăm ông ta đến nước ấy.

Ruồi trâu miễn cưỡng tán thành:

- Chính tôi cũng có cảm tưởng ông ta là người khá đứng đắn.

Domenichino nói:

- Sandro^[27], cậu chỉ vớ vẩn! Ở đây chúng ta cần quái gì đến các ông Hồng y giáo chủ. Ví phỏng hồi có cơ may *Monsignor* Montanelli đã nhận ngay cái chức vị này tại Roma, thì đố Rivarez lừa được ngài.

[27] Sandro (tiếng Ý).

- Ông ấy không muốn nhận chức vị đó chỉ là vì không muốn rời bỏ công việc ở đây.

- Đúng hơn là tại ông ta không muốn bị lũ tay sai của Lambruschini đánh thuốc độc cho chết đấy thôi. Bon chúng đã vớ được chuyện gì đó để chống lại ông ta, anh có thể tin chắc là như thế đấy. Nếu một Hồng y giáo chủ, nhất là một tay có uy tín như Montanelli, lại cứ “thích ở lại” một cái xó xỉnh mà cả đến Chúa cũng bỏ rơi này, thì chúng ta ai nấy đều hiểu được điều đó có ý nghĩa gì chứ, phải không, ông Rivarez?

Ruồi trâu đang chơi trò phà ra những cuộn khói tròn. Anh ngả đầu để ngắm những cuộn khói trôi đi và nhận xét:

- Có lẽ đó là một trường... trường hợp

“trái tim tan... tan vỡ đã biết ăn năn tội lỗi” đấy. Còn bây giờ, ta hãy bàn việc đi thôi, các bạn!

Họ bắt đầu thảo luận tỉ mỉ nhiều phương án khác nhau đã được hình thành để bí mật chuyên chở và cất giấu vũ khí. Ruồi trâu chăm chú nghe một cách nhạy bén, và thỉnh thoảng anh lại xen vào để sắc sảo chấn chỉnh những ý kiến không chính xác hoặc những đề xuất thiếu thận trọng. Khi mọi người đều đã phát biểu xong, anh liền đưa ra một số đề nghị thiết thực mà hầu hết đều được thông qua, không phải thảo luận gì. Thế là buổi họp kết thúc. Mọi người còn quyết định rằng sau đây chừng nào anh còn chưa an toàn

về tới Tuscany thì tránh họp hành quá khuya để cảnh sát khỏi chú ý. Chừng hơn mười giờ một chút, mọi người giải tán, chỉ còn ông bác sĩ, Ruồi trâu và Domenichino ở lại giống như một tiểu ban để bàn thêm vài điểm đặc biệt. Sau một cuộc tranh luận dài và sôi nổi, Domenichino nhìn đồng hồ.

- Mười một giờ rưỡi rồi. Chúng ta không nên nấn ná nữa, kẻo bị tên lính tuần canh phát hiện.

Ruồi trâu hỏi:

- Lúc nào hẳn đi qua đây?

- Khoảng mười hai giờ. Và tôi tính phải về tới nhà trước khi hấn đến. Chào Giordani nhé! Ta cùng đi chứ, Rivarez?

- Không, tôi thấy đi tách ra an toàn hơn. Vậy tôi còn sẽ gặp lại anh chứ?

- Vâng, ở lâu đài Bôlônha^[28]. Tôi cũng chưa biết đến đó tôi nên giả trang thế nào, nhưng mặt khẩu anh đã có rồi. Chắc mai anh rời đây chứ?

[28] Castel Bolognese (tiếng Ý).

Ruồi trâu đang đứng trước gương đeo lại râu tóc giả cho thật cẩn thận.

- Sáng mai, cùng với các khách hành hương. Đến ngày kia, tôi sẽ giả ốm nằm lại trong lều của người chẵn cừu, rồi tôi sẽ tắt ngang xuyên qua núi. Tôi sẽ đến đó trước anh đấy. Chào anh!

Khi Ruồi trâu nhìn vào bên trong của một vựa thóc lớn bỏ không, nay đã được mở ra làm chỗ trú chân cho khách thập phương, thì gác chuông Nhà thờ chính tòa^[29] đã điểm đúng mười hai tiếng. Sàn vựa chứa đầy những thân hình khó coi, phần lớn đều ngáy vang; còn không khí ở đây hết sức ngọt ngào và hơi hám. Ruồi trâu hơi rùng mình kinh tởm, lùi lại. Có muốn vào ngủ ở đây cũng sẽ vô ích thôi, thà là anh sẽ đi dạo một lúc rồi sẽ kiếm

một mái lều hoặc một đụn cỏ khô nào, dù sao cũng vẫn là sạch sẽ và yên tĩnh.

[29] Cathedral (tiếng Anh).

Đêm hôm ấy thật huy hoàng, một vầng trăng đầy đặn và to lớn tỏa sáng rực rỡ trên bầu trời tím nhạt. Anh thả bước đi lang thang vô định qua các đường phố, xót xa ngẫm lại cảnh tượng sáng nay, và hối tiếc phải chi mình đừng bao giờ đồng ý với kế hoạch của Domenichino về việc họp hành ở Brisighella. Nếu ngay từ đầu anh tuyên bố rằng phương án ấy quá ư là nguy hiểm thì có phải một địa điểm khác đã được chọn lựa rồi không? Và cả anh lẫn Montanelli đều đã thoát khỏi cái trò

hề kinh khủng và nực cười ấy.

Padre khác trước nhiều quá! Vậy mà giọng nói của *padre* chẳng thay đổi chút nào, vẫn như những ngày xưa, hồi *padre* thường gọi mình là *carino*.

Bỗng chiếc đèn ló của tên lính tuần canh đã hiện ra ở đầu phố đằng kia, Ruồi trâu bèn rẽ vào một ngõ hẻm ngoắt ngoéo. Vừa đi được ít bước, anh đã thấy mình đứng ở ngay quảng trường Nhà thờ chính tòa, sát với cánh trái lâu đài Tòa giám mục. Ánh trăng tràn ngập trên sân nhà thờ vắng vẻ không một bóng người. Nhưng anh nhận thấy cửa ngạch nhà thờ còn hé mở. Chắc ông bố coi nhà thờ^[30]

đã quên không đóng cửa. Đêm hôm khuya khoắt thế này còn có ai vào đây làm gì nữa! Bây giờ chính anh cũng có thể vào đó mà ngủ trên một chiếc ghế dài hơn là trở về nơi vựa thóc ngọt ngọt kia. Đến sáng anh sẽ lên ra trước khi ông bố coi nhà thờ tới, và cho dù có ai bắt gặp anh chẳng nữa thì lẽ tự nhiên người ta cũng chỉ cho rằng lão già điên Diego lại vào cầu nguyện ở xó xỉnh nào trong nhà thờ và đã bị nhốt ở đấy, thế thôi.

[30] Sacristan (tiếng Anh): Cũng là ông từ, người coi nhà thờ.

Anh đứng ở cửa nghe ngóng giây lát, rồi rón rén bước vào, cố giữ cho bên

chân khập khiễng của mình không gây ra tiếng động. Ánh trắng tuôn vào qua các cửa sổ, trải những vệt rộng trên sàn đá hoa. Nhất là ở nội điện^[31] mọi vật đều trông còn rõ lắm, hệt như trong ánh sáng ban ngày vậy. Dưới chân các bậc cấp nơi ban thờ, Hồng y giáo chủ Montanelli đang một mình quỳ gối, đầu để trần, hai tay chắp lại.

[31] Chancel (tiếng Anh): Cũng là điện thờ, là phần trọng yếu nhất của nhà thờ, bên trong có cung thánh (hoặc gian thánh, sanctuary) là nơi thiêng liêng nhất, ở đây đặt ban thờ (hoặc bàn thờ, bàn thánh, altar) và Mình Thánh Chúa (Mình Máu Thánh, Eucharist). Xưa kia, giữa các phần này trong nhà thờ có rào chắn (hàng rào, tay vịn) gọi là hàng rào nội điện (chancel rails) và hàng rào cung thánh (altar rails).

Ruồi trâu liền lù vào bóng tối. Có nên lẩn ngay ra khỏi chốn này, để Montanelli không kịp trông thấy anh không? Làm như thế hiển nhiên là sáng suốt nhất, và có lẽ là nhân hậu nhất nữa. Thế nhưng, nếu chỉ bước lại gần chút xíu thôi thì cũng có hại gì cho anh đâu? Lại gần chút xíu để nhìn mặt *padre* một lần nữa; một khi bây giờ không còn đám đông nữa và không phải diễn mãi cái trò hài kịch bỉ ổi như ban sáng nữa. Có lẽ đây sẽ là cơ may cuối cùng cho anh, - mà cũng đâu có cần để *padre* nhìn thấy anh, anh chỉ lén bước lại gần nhìn *padre* một tí thôi, - và cũng chỉ một lần này thôi, rồi anh lại trở về với công việc của mình mà!

Nương mình trong bóng tối sau hàng cột, anh nhẹ nhàng lần đến hàng rào nội điện. Anh dừng lại giầy lát bên cửa gạch, gần sát ban thờ. Bóng chiếc ngai Giám mục tỏa xuống khá rộng, đủ che khuất anh, anh ngồi phục xuống trong bóng tối, nín thở.

- Con trai khôn khổ ời! Ôi, lạy Chúa!
Khôn khổ con tôi!

Trong tiếng thì thầm đứt đoạn ấy chứa chấp biết bao niềm tuyệt vọng vô biên khiến Ruồi trâu bất giác rùng mình. Tiếp theo là những tiếng thôn thốc sâu xa, nặng nhọc, không nước mắt. và anh thấy Montanelli vịn chặt hai tay lại với nhau

như một người đang đau đớn trong thân thể vậy.

Anh không ngờ sự thể lại tồi tệ như thế này. Biết bao lần anh đã khẳng khái tự tin mà nhủ mình rằng: “Mình chẳng cần bận tâm về chuyện đó! Vết thương ấy đã lành từ lâu rồi”. Giờ đây, sau bấy nhiêu năm trường, vết thương ấy vẫn còn sờ sờ ra đó và anh thấy nó vẫn đang rỉ máu. Và rốt cuộc vết thương ấy bây giờ sẽ dễ chữa biết chừng nào! Anh chỉ cần giơ tay lên, chỉ cần bước lên mà bảo: “*Padre*, con đây!”. Thế nhưng còn có cả Gemma với một dải tóc bạc lớn trên mái đầu nữa kia. Chao ôi, phải chi anh có thể tha thứ được! Phải chi anh có thể cắt bỏ

ra khỏi ký ức mình cái dĩ vãng đã từng cháy đỏ mà khắc sâu đến thế, - nào là gã *Lasca*, nào là cái đồn điền mía và cả gánh xiếc rong kia nữa! Chẳng đau khổ nào sánh được đau khổ này! Muốn tha thứ đây, ước mong tha thứ đây, nhưng lại biết rằng tha thứ cũng là vô vọng, - vì anh không thể và cũng không dám tha thứ.

Cuối cùng Montanelli đứng dậy, làm dấu thánh giá, và quay gót rời ban thờ. Ruồi trâu thu mình hẳn vào bóng tối, run lên vì sợ rằng mình đã bị lộ, sợ rằng chính tiếng đập của trái tim mình lại đã chẳng tố cáo mình? Nhưng rồi anh thở ra một hơi dài nhẹ bẫng: Montanelli đã lướt qua, đi sát ngay bên cạnh anh đến nỗi tà

áo choàng tím cọ cả vào má anh, - ông đã đi qua mà không trông thấy anh.

Không trông thấy anh... Ôi, anh đã làm gì thế nhỉ? Đây là cơ may cuối cùng của anh, - một thời cơ quý giá duy nhất, vậy mà anh lại để nó trôi đi mất. anh đứng bật dậy, bước ra chỗ sáng.

- *Padre!*

Thanh âm lời nói của chính anh vang lên rồi lắng xa dần dọc theo những vòm mái nhà thờ khiến anh bị tràn ngập trong một nỗi kinh hoàng hết sức kỳ lạ.

Anh lại quyết thu mình vào bóng tối. Montanelli đứng bên cột, bất động mà nghe ngóng với cặp mắt mở to chứa đầy khủng khiếp của chết chóc. Im lặng đã kéo dài bao lâu Ruồi trâu không thể xác định được, nó có thể là một khoảnh khắc, mà cũng có thể là vĩnh hằng vô tận. Nhưng rồi anh bừng tỉnh lại bởi một cú sốc đột ngột. Montanelli đang lão đảo như muốn ngã, rồi đôi môi ông mấp máy, mới đầu không thành tiếng.

Mãi sau một tiếng thều thào mới bật ra:

- Arthur! Phải, nước sâu lắm...

Ruồi trâu bước lên.

- Đức Hồng y tha lỗi! Con tưởng là một vị giáo sĩ nào của nhà thờ này.

- À, ông khách hành hương đấy ư?

Montanelli đã trấn tĩnh lại được ngay, tuy rằng thấy ánh ngọc xanh không thôi lóng lánh nơi tay ông. Ruồi trâu vẫn có thể biết là ông ta vẫn đang run rẩy.

- Có cần gì không, ông bạn của tôi? Trời đã khuya, mà đêm đến nhà thờ đóng cửa rồi.

- Có gì không phải xin Đức Hồng y tha lỗi cho. Chẳng là thấy cửa còn mở nên con vào để cầu nguyện. Rồi khi thấy người đang suy tư, con tưởng là một vị giáo sĩ nào nên chờ xin được ban phép lành cho sự này.

Ruồi trâu giơ lên chiếc thánh giá bằng thiếc nhỏ xíu mà sáng nay anh đã mua của Domenichino. Montanelli cầm lấy thánh giá từ tay anh, trở vào nội điện đặt lên ban thờ một lát.

Ông nói:

- Hỡi con, con nhận lấy, và vì Chúa nhân từ và giàu lòng xót thương con, hãy

cứ yên tâm. Con hãy đến Roma và xin với Đức thánh Cha là thừa tác viên của Đức Chúa Trời ban phước lành cho con. Nguyện cho con được bằng an!

Ruồi trâu cuối đầu nhận lễ phép lành rồi từ từ quay ra.

Nhưng bỗng Montanelli gọi: “Đứng lại đã!”.

Ông đang đứng vịn một tay vào hàng rào nội điện, nói với theo:

- Khi nào chịu Mình Thánh thiêng liêng ở Roma, ông bạn hãy cầu nguyện

cho một kẻ đang rất đau đớn thương, một kẻ mà linh hồn đang trĩu nặng bàn tay của Chúa.

Tiếng nói hầu như chứa đầy nước mắt của ông làm cho quyết tâm của Ruồi trâu xao xuyến. Chỉ suýt nữa là anh đã tự phản bội mình. Nhưng hình ảnh đám xiếc rong lại hiện ra trong trí anh, và giống như Giôna^[32], anh đã cho việc mình phát nổi giận là đúng.

[32] Jonah (tiếng Anh): Cũng là Jonas, theo Kinh Thánh là người bị Chúa Trời phạt nằm trong bụng cá voi ba ngày ba đêm, nhưng đã tuân lời dạy của Chúa Trời nên được tha, mặc dù đã giận dữ kéo dài đối với Người. Được coi là nhà tiên tri; có Sách Jonah thuộc bộ Kinh Thánh của Thiên Chúa giáo.

- Con là ai mà Người phải đoán nghe những lời nguyện cầu của con? Con chỉ là kẻ bị tật phong^[33] và là kẻ bị ruồng bỏ, thế thôi! Phải chi con làm được như Đức Hồng y có thể hiến dâng một cửa lễ lên ngai của Chúa mà cửa lễ ấy là một cuộc sống thánh thiện, một linh hồn không bợn chút nhuốc nhơ thậm kín...

[33] Tức bị bệnh hủi.

Montanelli liền quay ngoắt đi. Ông nói:

- Ta chỉ có một cửa lễ để hiến dâng là trái tim tan nát này mà thôi.

*

* *

Vài ngày sau Ruồi trâu lên xe ngựa trạm từ Pistoja mà trở về Florence. Anh đến thẳng nhà Gemma nhưng chị đi vắng. Anh viết giấy để lại, hẹn sáng hôm sau anh sẽ đến, rồi trở về nhà, thầm mong phòng làm việc của mình không bị Zita xâm nhập như lần trước. Nếu đêm nay anh lại phải nghe một lô những lời trách móc ghen tuông của cô ta thì thần kinh anh sẽ bị tác động hết như tiếng giũa răng ken két của bác sĩ nha khoa mất thôi.

Người ở gái ra mở cửa.

- Chào Bianca. Hôm nay bà Reni có đến đây không?

Cô ta trở mặt nhìn anh:

- Bà Reni? Bà ấy đã về rồi ư, thưa ông?

Anh cau mày, đứng sững lại trên tấm chùi chân trước cửa, và hỏi lại:

- Cô nói thế là sao?

- Ngay sau khi ông lên đường, bà ấy

đã ra đi hết sức đột ngột và đã bỏ lại tất tần tạt mọi thứ đồ đạc. Bà cũng chẳng hề bảo là bà đi đâu cả.

- Ngay sau khi tôi lên đường? Sao, cách đây những hai... hai tuần rồi ư?

- Thưa ông, vâng, ngay ngày hôm ấy. Đồ đạc của bà vẫn còn ngổn ngang cả ra. Bà con láng giềng ai cũng đều bàn tán chuyện này.

Anh quay gót từ bậc cửa, không nói một lời, rồi vội băng qua một ngõ hẻm để đi ngay đến ngôi nhà Zita đã thuê. Trong các buồng phòng, đồ đạc chẳng suy suyễn tẹo nào; mọi quà tặng của anh

biểu cô cũng vẫn ở nguyên chỗ cũ. Tìm không ra một bức thư hay một mẫu giấy nhỏ nào để lại.

Chợt Bianca thò đầu vào cửa nói:

- Xin ông tha lỗi, có một bà cụ đến...

Anh hăm hăm quay phắt lại:

- Cô muốn gì ở đây? Theo dõi tôi suốt hả?

- Có một bà cụ xin được gặp ông.

- Bà ta cần gì? Bảo bà ta là tôi

không... không tiếp bà ta được. Tôi đang bận.

- Thưa ông, từ khi ông đi, hầu như chiều nào bà ta cũng đến và cứ hỏi bao giờ ông về.

- Hỏi xem bà... bà ta có chuyện gì. Thôi, khỏi cần, có lẽ tôi phải tự ra vậy.

Bà cụ đang ngồi đợi ở cửa phòng ngoài. Cụ ăn mặc rất tiêu tụy, da mặt sẫm nâu lại nhăn nheo như một quả táo tàu^[25] khô, đầu quấn một chiếc khăn sặc sỡ. Thấy anh đến, bà đứng dậy nhìn anh với cặp mắt đen tinh nhanh.

[34] Nguyên văn là medlar (tiếng Anh): Quả sơn trà.

Sau khi xét nét nhìn anh từ đầu đến chân, bà bảo:

- Vậy ra đây là vị quý ông khắp khiễng đây! Tôi đến để chuyển lời Zita Reni nhắc lại ông.

Ruồi trâu mở cửa phòng làm việc, giữ cánh cửa cho bà cụ vào mà bước theo sau, rồi đóng cửa lại để Bianca khỏi nghe chuyện.

- Mời cụ ngồi. Bây... bây giờ cụ cho biết cụ là ai?

- Tôi là ai, không việc gì đến ông. Tôi đến để bảo cho ông biết rằng Zita Reni đã bỏ đi cùng với con trai tôi rồi.

- Cùng với... con trai... của cụ?

- Thưa ông, vâng! Ông đã có được người tình như cô ta mà không biết đường giữ, để những người đàn ông khác cướp mất, thì đó là lỗi ở ông, không thể trách móc vào đâu được. Trong mạch máu con trai tôi là máu chứ không phải sữa với nước lã đâu. Nó là dòng dõi tộc người Romany^[1].

[35] Romany folk (tiếng Anh): Tộc người

txigan, tự tôn mình là dòng dõi dân tộc xuất xứ từ Roma (tức La Mã).

- À, vậy ra cụ là người txigan! Thế là Zita đã trở về với bà con dòng giống của mình rồi?

Bà cụ nhìn anh, vừa ngạc nhiên vừa tỏ vẻ khinh bỉ: cỡ nhẽ những người Thiên Chúa giáo này chẳng ra giống người nữa, văng vào mặt mà cũng chẳng biết giận.

- Ông là cái thá gì mà cô ta cứ phải ở lại với ông? Đàn bà con gái chúng tôi phần lớn do trẻ người non dạ, hoặc có đũa thì được các ông cho bộn tiền, mà phải tạm gả mình cho các ông. Nhưng

máu mủ La Mã lại trở về với dòng giống
La Mã thôi.

Ruồi trâu vẫn giữ nét mặt lạnh lùng và
điềm tĩnh như không.

- Cô ta ra đi với cả bộ tộc txigan hay
là chỉ về ở với con trai cụ thôi?

Bà cụ phá ra cười.

- Ông lại định đuổi theo để hòng lôi
cổ cô ta trở lại chẳng? Quá muộn rồi,
ông ơi! Chuyện ấy ông phải suy tính từ
trước chứ!

- Không, tôi chỉ muốn biết sự thể ra sao thôi, nếu cụ muốn cho tôi biết.

Bà cụ nhún vai. Một người đã tỏ ra nhu nhược đến nước ấy thì còn hoài hơi sĩ vả làm gì nữa cho phí công.

- Vâng, thì sự thể là ngay cái hôm ông bỏ rơi Zita, cô ta đã gặp con trai tôi ngoài đường và đã bắt chuyện với con tôi bằng tiếng Romany. Mặc dù cô ấy ăn mặc đom đàng, nhưng con tôi vẫn nhận ra ngay là người đồng tộc. Thấy cô ta có gương mặt xinh xắn, nó liền yêu ngay, yêu mê mết như kiểu các người đàn ông của chúng tôi vậy, và đưa cô về lều trại^[27] của chúng tôi. Cô ấy kể cho chúng

tôi nghe mọi nỗi khổ tâm, rồi cứ ngồi hết khóc lóc lại sụt sùi, khiến chúng tôi ai nấy trong lòng đều xót xa cho cô bé đáng thương ấy. Chúng tôi cố sức dỗ dành an ủi, cuối cùng cô ta cởi bỏ hết bộ đồ diêm dúa, mặc lên các loại trang phục mà các cô gái của chúng tôi thường mặc, rồi thuận tình lấy con trai tôi, nhận làm vợ nó và nhận nó làm chồng. Con trai tôi sẽ chẳng bao giờ nói: “Tôi không yêu cô” với lại “Tôi bận việc khác” đâu. Khi còn trẻ, đàn bà nào mà chả muốn có một người đàn ông. Vậy mà ông, con gái đẹp như thế, ôm cả lấy cổ ông mà ông cũng chẳng biết đường hôn, thì ông là cái loại đàn ông gì?

[36]Our camp (tiếng Anh): Người txigan thường sống du cư, nơi nào thích hợp thì cùng nhau dựng lều, cắm trại, rồi lại đi nơi khác.

Ruồi trâu ngắt lời:

- Cụ có bảo là mang lời nhắn của cô ấy đến cho tôi kia mà.

- Có. Bộ tộc đã nhổ lều trại lên đường, còn tôi nán lại đi sau chính là để chuyển lời cô ấy nhắn lại ông. Cô ấy nhờ tôi bảo rằng cô ấy chán ngấy cái giống người bới bèo ra bọ, máu chảy lờ đờ^[28] của các ông rồi, và rằng cô ấy đã trở về với dân tộc mình, và để được sống tự do rồi. Cô ấy bảo: “Nói với ông ta rằng tôi

là một người đàn bà, tôi yêu ông ta nên tôi không thể ở lại làm vợ hờ^[29] cho ông ta mãi được”. Cô gái ấy bỏ ông mà đi là phải rồi. Con gái nhờ chút nhan sắc may ra kiếm được ít tiền, thì cũng chẳng tai hại gì, - nếu không nhan sắc nó để làm gì? Thế nhưng con gái tộc Romany chẳng tội gì đi yêu người đàn ông thuộc dòng giống các ông đâu.

[37] She has had enough of your folk and their hair - splitting and their sluggish blood (tiếng Anh): Nguyễn văn là “hay chẻ đôi sợi tóc, máu chảy lười lỉnh”, ý chê là hay chú ý cái lật vặt và thiếu nhiệt tình.

[38] Nguyễn văn là harlot (tiếng Anh), đúng nghĩa là “đĩ, điếm”.

Ruồi trâu đứng dậy, anh bảo:

- Tất cả lời nhắn chỉ có thể thôi, phải không ạ? Vậy nhờ cụ nói giùm với cô ấy là tôi thấy cô ấy làn như thế là đúng, và tôi mong cô ấy được hạnh phúc. Tất cả những gì tôi cần nói chỉ có vậy. Xin chào cụ!

Anh hoàn toàn đứng im phăng phắc cho mãi tới khi công vườn đã đóng lại sau lưng bà cụ. Rồi anh ngồi xuống ghế, úp mặt vào hai tay.

Lại một cái tát nữa vào giữa mặt! Lẽ nào người ta không để lại cho anh một mụn giẻ rách tự hào, một mẩu tự trọng bé

nhỏ nào hay sao? Chắc chắn là bao nhiêu đau khổ một con người có thể chịu đựng thì anh đã chịu cả rồi. Ngay cả trái tim anh cũng đã bị dấn trong bùn, và bị dày xéo dưới chân những khách qua đường. Linh hồn anh không còn chỗ nào là không có dấu đốt cháy thui bởi sự khinh rẻ của người này hoặc vết sắt nung đỏ từ sự nhạo báng của người khác. Và bây giờ, đến cả cô gái txigan này, một cô gái anh đã nhặt được bên lề đường, cũng đã có chiếc roi da trong tay!

Tiếng rền rĩ của con Shaitan vang lên ngoài cửa khiến Ruồi trâu phải đứng dậy mở cửa cho nó vào. Chú chó nhảy chồm lên người ông chủ và vẫn biểu lộ vui

sương như điên như cuồng lên như mọi khi, nhưng chẳng mấy chốc nó hiểu là đã có chuyện gì không ổn, nó bèn nằm xuống tấm thảm cạnh chân anh, dúi cái mũi lạnh lẽo của nó vào bàn tay thờ ơ của chủ.

Một giờ sau, Gemma đã đến trước cửa ngoài. Chị gõ cửa nhưng không thấy có ai ra. Bianca nghe chùng ông chủ chẳng muốn ăn uống gì, đã lĩnh sang chơi với cô nấu bếp bên hàng xóm rồi. Cô ta bỏ ngõ cửa, và một ngọn đèn vẫn sáng ở hành lang, Gemma chờ một lúc rồi cả quyết bước vào để xem có tìm được Ruồi trâu không, vì chị cần bàn với anh về một thông báo quan trọng từ phía Bailey. Chị gõ cửa phòng làm việc và

thấy tiếng Ruồi trâu nói vọng ra:

- Bianca, cô đi được rồi đấy. Tôi không cần gì cả đâu.

Gemma nhẹ nhàng mở cửa. Trong phòng tối như bưng, nhưng ngọn đèn ngoài hành lang đã hắt một vệt sáng dài vào ngang phòng sau khi chị bước vào, và chị thấy Ruồi trâu đang ngồi một mình, đầu cúi gục xuống tận ngực, con chó ngủ khì dưới chân anh.

Chị lên tiếng:

- Tôi đây mà.

Anh bật dậy:

- Gemma... Gemma! Ôi, tôi đang cần đến Gemma biết chừng nào!

Chị chưa kịp nói gì, anh đã quỳ xuống sàn dưới chân chị và vùi mặt vào những nếp gấp nơi xiêm áo chị. Toàn thân anh rung lên trong một cơn run rẩy co giật, trông đáng thương hơn cả nước mắt...

Chị đứng lặng người. Chị không thể làm gì được để giúp đỡ anh, không làm gì được cả! Điều đó mới thật là xót xa hơn hết! Chị xúr phải đứng bên anh, thụ động nhìn nỗi đau khổ của anh, - mà lẽ ra chị phải thà chết đi để anh khỏi đau khổ

nữa kia! Phải chi chị chỉ cần mạnh dạn cúi xuống, vòng tay ôm lấy anh, ghì chặt anh vào lòng và che chở cho anh, dù là bằng chính thân thể mình, để chắn cho anh khỏi bị mọi tai ương và ngang trái mới! Lúc ấy chắc chắn anh sẽ lại là Arthur của chị, và lúc đó bình minh sẽ sáng dần lên, xua tan hết bóng tối.

Ôi! Không, không đâu! Làm sao anh ấy có thể quên được bao giờ? Chẳng phải là chị, - chính chị với bàn tay phải của chị, đã đẩy anh ấy xuống địa ngục đó sao!

Và chị đã để cho khoảnh khắc ấy trôi qua. Anh đã vội vã đứng dậy, ngồi xuống

cạnh bàn, một tay che lấy mắt, răng cắn chặt như muốn nghiền đứt môi.

Ngay đó anh nhìn lên, điềm nhiên bảo:

- E rằng tôi đã làm bà hoảng hồn.

Chị chìa cả hai tay ra cho anh:

- Anh quý mến, chẳng lẽ tình bạn hiện giờ của chúng ta còn chưa đủ để anh tin cậy tôi được ít nhiều hay sao? Chuyện gì thế, anh?

- Đó chỉ là nỗi khổ tâm riêng của tôi,

tôi thấy bà chẳng có gì phải lo lắng.

Hai tay chị nắm chặt lấy bàn tay anh để giữ cho bàn tay ấy khỏi run rẩy co giật, chị nói tiếp:

- Anh hãy nghe tôi một chút nhé. Tôi đã không hề cố nhúng tay vào chuyện gì tôi không có quyền động chạm tới. Nhưng cho đến nay anh đã tự ý thổ lộ biết bao nỗi lòng thâm kín với tôi, vậy liệu anh có cho tôi biết thêm chút ít nữa, - cứ coi tôi như một người em gái của anh được không? Anh cứ giữ tấm mặt nạ che trên mặt nếu nó có thể là một nguồn an ủi cho anh, nhưng hãy đừng che mặt nạ lên tâm hồn mình, và hãy thương lấy

bản thân mình.

Anh càng cuối gục đầu. Anh nói:

- Đối với tôi, bà phải kiên nhẫn đấy. E rằng tôi chỉ là một người anh thuộc loại chẳng xứng đáng gì mà thôi. Nhưng phải chăng bà hiểu được cho một điều... là tuần qua tôi đã suýt phát điên. Tôi tưởng chừng trở lại quãng đời ở Nam Mỹ. Quý dữ như đã nhập vào người tôi và...

Anh nghẹn lời.

Sau cùng chị thủ thỉ:

- Liệu tôi có thể chia sẻ với anh phần đau lòng nào không?

Anh gục đầu vào cánh tay chị. “Bàn tay của Chúa thật nặng nề!”.

Phần 3

Chương I

Sau đó, năm tuần lễ liền, cả Gemma và Ruồi trâu đều sống trong cơn lốc của

phần khích và công việc bộn bề, nên không còn mấy thời giờ hoặc hơi sức mà nghĩ đến chuyện riêng nữa. Một khi vũ khí đã được bí mật và an toàn chở vào lãnh địa Giáo hoàng, thì lại vẫn còn một nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm hơn: phải kín đáo chuyên chở vũ khí từ các kho bí mật trong các hang hốc và khe hẻm đến các trung tâm ở các địa phương rồi từ đó tỏa đi các làng mạc riêng rẽ. Toàn khu lúc nhúc đầy mật thám. Ruồi trâu đã giao phó cho Domenichino, song anh ta lại đã cử phái viên về Florence khẩn cấp yêu cầu giúp đỡ, nếu không thì phải gia thêm hạn. Nhưng do Ruồi trâu vẫn kiên quyết đòi phải hoàn thành mọi công việc vào giữa tháng sáu, một điều

phải tiến hành với biết bao khó khăn trong việc chuyên chở hàng nặng qua các nẻo đường tồi tệ, cùng với vô vàn trắc trở và trì hoãn do phải thường xuyên trốn tránh việc dòm ngó, nên đã khiến Domenichino đâm ra ngày càng thất vọng. Anh viết trong thư: “Tôi đang trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan^[1]. Tôi vừa không dám làm nhanh sợ lộ, lại vừa không được làm chậm vì phải chuẩn bị xong đúng thời hạn. Vậy, hoặc cho ngay một người giúp việc đặc lực đến, hoặc báo các bạn Venetia^[2] biết là chúng tôi không thể chuẩn bị xong trước tuần đầu tháng bảy được”.

[1] Nguyên văn tiếng Anh là “between Scylla and Charybdis”, nghĩa là “ở giữa Scylla và

Charybdis”, tên hai quái vật trong thần thoại Hy Lạp, được đặt cho một mỏm đá và một xoáy nước ở hai bên bờ eo biển Messina (giữa Ý với đảo Sicilia), thường gây tai họa cho những người đi biển.

[2] Đây là Venetia (tiếng Anh) tức vùng (tỉnh, Veneto (tiếng Ý). Còn Venezia (tiếng Ý) lại là thành phố Venedo (tức Venise theo tiếng Pháp và Venice theo tiếng Anh). Xem từ trang 294.

Ruồi trâu mang thư đến cho Gemma xem, và trong khi chị đọc, anh cau mày ngồi xuống sàn vuốt ngược bộ lông của chú mèo.

Chị bảo:

- Thế là dở rồi. Chúng ta khó mà bảo

các bạn Venetia chờ đến ba tuần lễ được.

- Tất nhiên là không được rồi, chuyện phi lý quá, Domenichino cũng phải... phải hiểu... hiểu điều đó chứ. Chúng ta phải theo các bạn Venetia, chứ không phải họ phải theo chúng ta.

- Nhưng tôi thấy Domenichino không đáng trách đâu. Chắc chắn anh ấy đã làm hết sức mình rồi, mà không thể làm gì hơn được nữa.

- Không phải lỗi tại Domenichino. Vấn đề là ở đây phải có hai người, mà nay chỉ có một mình anh ta. Lẽ ra ta phải có chí ít một người canh giữ kho tàng,

còn một người nữa coi sóc việc chuyên chở. Anh ta nói rất đúng, anh ta phải có một người giúp việc đắc lực mới được.

- Nhưng ta cho ai đi giúp anh ấy được bây giờ? Ở Florence này lấy ai mà cử đi được?

- Vậy thì chính... chính tôi phải đi.

Chị ngả người vào tựa ghế, hơi cau mày nhìn anh.

- Không, không được đâu. Như thế mạo hiểm lắm.

- Nếu không... không tìm được cách nào khác để giải quyết khó khăn, thì ta cứ phải làm thôi.

- Thì ta tìm cho ra cách giải quyết khác là xong chứ gì. Không thể có chuyện vừa mới về xong, ngay bây giờ anh lại đi nữa được đâu.

Một nét bướng bỉnh đã hiện ra ở hai khóe môi dưới của anh.

- Tôi... tôi không hiểu sao lại không thể có chuyện ấy được?

- Anh cứ bình tĩnh nghĩ một chút là tự

khắc hiều. Anh mới trở về được có năm tuần. Cảnh sát đã đánh hơi được cái chuyện đi hành hương ấy và đang ráo riết truy lùng khắp nơi để tìm ra manh mối. Vâng, tôi biết anh giả trang rất khéo đấy, nhưng anh cứ thử nhớ lại xem, biết bao người đã thấy anh cả trong vai Diego lẫn vai người dân quê rồi. Còn dáng đi khập khiễng hoặc vết sẹo trên mặt, anh giấu vào đâu được cơ chứ.

- Thế gian này thiếu... thiếu gì người khập khiễng.

- Vâng, nhưng những người khập khiễng, có vết sẹo grom chém ngang mặt, tay trái lại bị tật như anh, rồi lại cả

mắt xanh với da ngăm đen nữa, ở Romagna có đâu mà nhiều được.

- Mắt thì không thành vấn đề. Tôi có thể dùng benladôn để thay đổi màu sắc.

- Còn những đặc điểm khác anh thay đổi thế nào được. Không, không xong đâu. Với toàn bộ đặc điểm nhân dạng như anh mà đi đến đó ngay lúc này, sẽ là mất tuy mở mà cứ chui đầu vào cạm bẫy. Chắc chắn chúng sẽ tóm anh ngay.

- Nhưng vẫn phải... phải có ai giúp đỡ Domenichino chứ!

- Nếu trong giờ phút gay cấn như thế này anh bị bắt thì có giúp được gì cho anh ta không? Anh mà bị bắt thì coi như hỏng hết công việc.

Song, thuyết phục được Ruồi trâu không phải dễ, và cuộc tranh luận cứ kéo dài mãi mà chẳng đến gần chỗ giải quyết được mấy nổi. Bây giờ Gemma mới bắt đầu hiểu ra rằng trong đặc tính của anh là cả một kho ý chí lặng lẽ mà ngoan cường hầu như vô tận, và phải chi đây là một vấn đề chị thấy không thật nghiêm trọng, có lẽ chị đã chịu nhũn nhịn để dàn hòa rồi. Thế nhưng đây lại là một trường hợp chị không thể cứ đang tâm nhượng bộ được: chị cảm thấy mỗi lợi thực tế dự

tính chuyên đi này có thể đem lại vẫn chưa quan trọng đến mức phải mạo hiểm đến thế. Và chị còn không thể không ngờ rằng việc anh muốn đi lần này chủ yếu không thôi thúc bởi một nhu cầu chính trị nghiêm trọng mà là do lòng khao khát tìm phần kích trong mạo hiểm một cách bệnh hoạn. Anh đã quen thói liều mạng đâm đầu vào nơi nguy hiểm và chị cảm thấy khuynh hướng anh hay xông vào chỗ hiểm nghèo không cần thiết là một cái tật say sưa vô độ mà chị phải bình tĩnh và kiên quyết chống lại. Thấy mọi lý lẽ mình đưa ra vẫn chưa đủ để đẩy lùi quyết tâm cố thủ của anh, chị đành tung ra lá bài cuối cùng. Chị bảo:

- Đã thế, chúng ta đành thật thà trong việc này và gọi sự việc bằng đúng tên của chúng vậy. Không phải tại Domenichino gặp khó khăn mà anh quyết tâm ra đi đến thế đâu. Mà chính là tại cá nhân anh có lòng yêu say mê đôi với...

Anh sôi sục chặn lời:

- Không đúng! Ông ta chẳng là cái gì đôi với tôi cả. Dù không bao giờ gặp lại ông ta nữa, tôi cũng chẳng quan tâm.

Nhưng anh đã nghẹn lời, vì qua nét mặt chị, anh biết mình đã để lộ chân tướng. Hai cặp mắt thoáng gặp nhau và cả hai người đều nhìn xuống. Trong tâm

trí họ đều nghĩ đến tên một người, nhưng đã chẳng ai thốt ra thành lời.

Gục nửa mặt vào bộ lông mềm mại của chú mèo, cuối cùng anh lấp bắp nói:

- Không... không phải tôi muốn cứu Domenichino đâu, mà là tôi... tôi hiểu rằng, nếu không có người giúp anh ta thì công việc sẽ có nguy cơ thất bại.

Chị bỏ qua lời chống chế còn con yếu ớt ấy và chị cứ nói tuồn tuột như không hề có ai chặn lời mình:

- Đây chính là do say mê dẫn mình

vào nơi nguy hiểm mà anh muốn ra đi đó thôi. Khi lo âu anh lại khao khát mạo hiểm, cũng hết như khi ốm đau anh đâm ra thèm muốn thuốc phiện vậy.

Anh hãnh diện nói:

- Lúc đó có phải tôi xin thuốc phiện đâu! Những người khác họ đòi buộc tôi phải uống đấy chứ.

- Có thể thế. Anh vẫn hãnh diện phần nào về tinh thần chịu đựng gian khổ^[3] của mình, nếu anh đi xin giảm đau về thể chất thì sẽ là làm tổn thương lòng tự hào của mình. Nhưng đi liều mạng để giải tỏa cho cân não mình khỏi phần uất, thì lại khác,

lại khiến lòng tự ái của anh được phỉnh nịnh. Dù sao chẳng nữa, xét đến cùng, sự khác nhau chỉ hoàn toàn là thường tình mà thôi.

[3] Nguyên văn là “*stoicism*” (tiếng Anh), xem trang 313.

Anh kéo ngửa đầu chú mèo lên và nhìn thẳng vào đôi mắt xanh tròn xoe của nó. Anh bảo:

- Có đúng thế không, Pasht? Mọi chuyện tàn tệ bà chủ mày đang đưa ra để nói... nói xấu tao có đúng chút nào không? Thế nghĩa là *mea culpa*; *mea m... maxima culpa*^[4] chứ gì? Con vật

khôn ngoan này, chắc chẳng bao giờ này đòi thuốc phiện nhỉ? Ở Ai Cập các tổ tiên của mày đều được thờ làm thần thánh, chẳng ai dám... dám giẫm lên đuôi tổ tiên mày. Nhưng nếu như tao cầm một cái chân này của mày mà gi vào... vào ngọn nến, chẳng hiểu cái thói cao ngạo thảo nhiên của mày trước mọi cái ác, cái xấu ở chốn trần gian này sẽ ra sao? Lúc ấy mày có hỏi xin tao thuốc phiện không? Có xin không nào? Hay là... xin chết? Không, miu ơi, chúng ta không có quyền chết vì sự tiện lợi cho cá nhân mình đâu. Chúng ta có thể phỉ nhổ và nguyên... nguyên rửa đôi chút, nếu cái đó an ủi được ta. Nhưng chúng ta không được rút chân ra khỏi ngọn nến đâu.

[4] *Mea culpa; mea maxima culpa* (tiếng Latinh): *Lỗi tại tôi, lỗi lớn tại tôi mọi đàng; câu trích trong Kinh Confiteor (Kinh Cáo mình, Kinh Thú nhận), một kinh rất thường dùng của người Công giáo, đọc trước khi xưng tội.*

- Thôi nào! – Chị giăng con mèo ra khỏi lòng anh mà đặt nó trên ghế kê chân. – Những vấn đề ấy anh và tôi sẽ có lúc ta ngẫm nghĩ sau. Chuyện bây giờ phải tính là làm sao cứu nguy cho Domenichino. Gì thế Katie? Có khách à? Tôi đang bận.

- Thưa bà, cô Wright cho người đem gói này đến!

Trong gói được niêm phong cẩn thận

là một bức thư đề gửi cho cô Wright nhưng chưa bóc, và lại có dán tem^[5] của lãnh địa Giáo hoàng. Các bạn học cũ của Gemma vẫn còn ở Florence, nên những thư nào đặc biệt quan trọng của chị vẫn thường được gửi qua địa chỉ các bạn ấy cho an toàn.

[5] Nguyên văn tiếng Anh là “with a Papal stamp”, cũng có thể là đúng sự thật, vì lúc bấy giờ ở châu Âu đã bắt đầu sử dụng con tem bưu chính đầu tiên trên thế giới, trước hết ở Anh vào ngày 6 tháng 5 năm 1840.

Chị liếc qua lá thư có vẻ là thư báo giá tiền trọ học hè ở một ký túc xá tại vùng núi Apennines, rồi trở vào hai vết chấm mực ở góc trang giấy mà bảo:

- Đây là ám hiệu của Michele. Thư viết bằng mực hóa học. Thuốc thử^[6] cất trong ô kéo thứ ba ở bàn viết. Vàng, đúng nó đấy.

[6] Reagent (tiếng Anh): Chất gây phản ứng hóa học để phát hiện, ở đây là để hiển hiện chữ.

Anh mở bức thư, đặt lên bàn, lấy bút lông quét thuốc lên các trang. Khi nội dung đích thực của bức thư là dòng chữ xanh biếc hiện trên tờ giấy, anh ngả mình vào tựa ghế, phá lên cười.

Chị vội vàng hỏi:

- Gì thế anh?

Anh đưa cho chị bức thư.

“Domenichino đã bị bắt. Anh đến ngay”.

Chị ngồi xuống ghế, với bức thư trong tay, trừng mắt tuyệt vọng nhìn Ruồi trâu.

Cuối cùng, với giọng nhỏ nhẹ, kéo dài với vẻ châm biếm, anh hỏi:

- Sao... sao rồi? Bây giờ bà chịu là tôi phải đi rồi chứ?

Chị thở dài, đáp:

-Vâng, anh phải đi thôi. Và cả tôi nữa.

Ruồi trâu hơi giật mình, ngược nhìn lên:

- Cả bà nữa? Nhưng...

- Tất nhiên. Tôi biết, nếu ở Florence này không còn ai ở lại nữa cả là rất bất tiện. Nhưng bây giờ mọi chuyện đều phải tạm gác, trừ việc có thêm một đôi bàn tay nữa.

- Ở đó bao nhiêu bàn tay mà chẳng

có!

- Nhưng không phải là bàn tay của những người anh có thể tin cậy được hoàn toàn. Chính anh vừa bảo rằng ở đó ít nhất phải có hai người đảm đương được trách nhiệm. Và nếu một mình Domenichino đã không xoay sở nổi, thì một mình anh rõ ràng cũng không thể làm nổi. Nên nhớ rằng: một người đang bị nghi ngờ một cách nguy kịch như anh là cực kỳ bất lợi trong loại công việc này, và lại càng phải tùy thuộc vào sự giúp đỡ hơn ai hết. Thay vì anh và Domenichino, phải là cả anh và tôi nữa.

Anh cau mày nghĩ ngợi một lúc, rồi

bảo:

- Vâng, chị nói rất đúng. Và ta càng đi sớm chừng nào càng tốt. Nhưng không nên khởi hành cùng một lúc. Nếu đêm nay tôi xuất phát, chị có thể đi chuyến xe ngựa chiều mai chẳng hạn.

- Tôi đi đến đâu?

- Cái đó ta phải bàn. Tôi thì tốt... tốt nhất là đi thẳng đến Faenza^[7]. Nếu đêm khuya hôm nay tôi lên đường cưỡi ngựa đến Borgo San Lorenzo^[8], thì tôi có thể cải trang ngay ở đó rồi đi tiếp luôn.

[7] Faenza (tiếng Ý): Một thành phố ở phía bắc

Florence, nổi tiếng về nghề làm đồ gốm, do đây mà có từ Faience (đồ gốm) trong tiếng Pháp.

[8] Borgo San Lorenzo (tiếng Ý): Làng (xã) mang tên Thánh Lôrenxô.

Chị hơi cau mày, lo lắng:

- Tôi thấy cũng chẳng còn cách nào hơn. Nhưng như thế là mạo hiểm quá đấy, anh đã hỏi hả lên đường như thế, rồi lại còn phó thác cho dân buôn lậu tìm đồ cải trang cho mình ở Borgo nữa. Ít nhất anh cũng phải bỏ hẳn ra chí ít ba ngày để đi vòng trở lại theo dấu vết cũ^[9], trước khi vượt biên.

Ruồi trâu mỉm cười đáp:

[9] Nhằm đánh lạc hướng những kẻ lần theo dấu chân.

- Chị khỏi sợ. Nếu tôi có thể bị bắt thì ở nơi xa hơn nữa, chứ không phải ở biên giới được. Một khi đã vào vùng núi thì tôi cũng an toàn chẳng kém gì ở đây. Không một dân buôn lậu nào ở dãy Apennines đi tố giác tôi đâu. Điều tôi chưa thật yên tâm lại là việc chị sẽ qua biên giới bằng cách nào.

- Ô, việc ấy rất đơn giản. Tôi sẽ dùng hộ chiếu của Louise Wright^[10] để đi nghỉ hè. Ở Romagna chẳng ai biết tôi cả, còn

anh thì tên mật thám nào nó chẳng biết.

[10] Louise Wright (tiếng Anh): Bạn học cũ của Gemma.

- Và may... may thay, dân buôn lậu nào cũng biết tôi nữa.

Chị lấy đồng hồ ra xem.

- Hai rưỡi rồi. Nếu anh định lên đường đêm nay thì chỉ còn chiều và tối nay nữa thôi.

- Cho nên điều tốt nhất là tôi phải về nhà sửa soạn một việc ngay từ bây giờ và phải thu xếp sao có được một con

ngựa tốt. Tôi sẽ đi ngựa đến San Lorenzo, như thế an toàn hơn.

- Nhưng nếu đi thuê ngựa sẽ chẳng an toàn gì đâu. Chủ ngựa sẽ...

- Tôi không phải thuê. Một người quen sẽ cho tôi mượn ngựa, điều này có thể tin cậy được. Trước đây anh ta đã từng giúp tôi nhiều việc rồi. Hai tuần sau tôi sẽ cho một người chẵn cừu mang ngựa về trả. Vậy chừng năm giờ hoặc năm rưỡi tôi sẽ trở lại đây. Trong thời gian ấy, tôi muốn... muốn chị nên đi tìm Martini và nói cho anh ấy rõ mọi việc.

Chị quay hẳn lại, hết sức ngạc nhiên

nhìn anh:

- Martini?

- Phải. Chúng mình cần tỏ lòng tin cậy anh ấy, - trừ phi chị tìm được người nào khác.

- Tôi chưa hiểu rõ ý anh?

- Chúng ta phải có một người tin cậy ở đây để đề phòng khi xảy ra trường hợp đặc biệt khó khăn, mà trong tất cả đám bè bạn ở đây, Martini là người tôi tin cậy hơn hết. Dĩ nhiên Riccardo cũng sẽ hết sức tận tâm với chúng ta, nhưng tôi thấy

Martini suy nghĩ chắc chắn hơn. Mà chị biết anh ấy hơn tôi nhiều chứ nhỉ, chuyện này xin tùy chị thôi.

- Tôi không may may nghi ngờ gì rằng Martini là người rất đáng tin cậy và có năng lực về mọi mặt. Và chắc thế nào anh ấy cũng sẵn lòng giúp chúng ta bất kỳ việc gì anh ấy có thể giúp. Nhưng...

Anh lập tức hiểu ngay:

- Gemma, chị cứ thử nghĩ xem, xem có một đồng chí nào đó đang lúc cùng quẫn mà lại không đến nhờ mình giúp cho một việc mình có thể giúp, chỉ vì sợ rằng mình sẽ bị tổn thương hoặc đau

lòng, thì chị thấy thế nào? Và liệu chị có cho như thế đã phải là thực sự có lòng tốt với nha chưa?

Chị nín lặng giây lát rồi nói:

- Phải lắm, tôi sẽ cho Katie lập tức đi tìm và mời anh ấy đến. Trong lúc đó, tôi sẽ đến nhà Louise mượn hộ chiếu, chị ấy đã hứa sẵn sàng cho mượn bất cứ lúc nào tôi cần. Còn tiền nong thì sao? Tôi có phải đi rút ít tiền ở ngân hàng ra không?

- Thôi, kéo lại mất thì giờ. Tiền có thể rút từ tài khoản của tôi cũng khá đủ cho cả hai chúng ta rồi. Khi nào vốn của tôi

cạn mới sẽ dùng đến tiền của chị sau. Vậy ta hẹn đến năm giờ rưỡi nhé. Lúc ấy chắc chắn tôi sẽ được gặp chị ở đây chứ nhỉ?

- Ô, vâng! Tôi sẽ trở về trước lúc ấy nhiều.

Nửa tiếng sau giờ đã hẹn, anh trở lại thì đã thấy Gemma và Martini cùng ngồi với nhau trên sân thượng. Anh thấy được ngay câu chuyện giữa họ đã rất đau lòng, vì các dấu vết xúc động vẫn còn hiển hiện trên nét mặt của cả hai người, riêng Martini thì trầm lặng và ủ dột một cách khác thường.

Chị ngược nhìn, hỏi:

- Anh thu xếp xong cả rồi chứ?

- Vâng. Và tôi cũng đã mang ít tiền đi, đường đến cho chị rồi đây. Một giờ đêm, ngựa sẽ sẵn sàng chờ tôi ở trạm chắn Ponte Rosso^[11].

[11] Ponte Rosso (tiếng Ý): Cầu đỏ. Nơi đây có trạm chắn (barrier) để kiểm soát ở biên giới.

- Như thế có muộn quá không? Anh phải đến được San Lorenzo sáng sớm trước khi mọi người ngủ dậy kia mà!

- Tôi sẽ đến kịp thôi. Được con ngựa

chạy cực hay đấy. Và lại tôi cũng không muốn để cho có ai ở đây thấy lúc tôi lên đường. Tôi cũng không quay về nhà nữa. Bây giờ vẫn có một tên mật thám đang rình trước cửa nhà tôi, hẳn tưởng tôi vẫn còn trong nhà.

- Anh ra cách gì mà hẳn không trông thấy?

- Tôi leo cửa sổ nhà bếp ra vườn sau, rồi trèo qua tường sang vườn cây quả nhà bên cạnh. Tôi đến đây muộn thế này là vì vậy, do phải tránh mặt tên mật thám mà lại. Tôi đã bố trí để suốt tối nay người chủ ngựa sẽ chong đèn ngồi trong phòng làm việc của tôi. Mật thám trông

thấy ánh đèn và bóng người in trên mảnh
mảnh cửa sổ sẽ rất yên trí là tôi vẫn đang
viết lách ở nhà cả tối nay.

- Vậy anh sẽ ở lại đây đến tận giờ lên
đường đi trạm chẵn chứ?

- Vâng, tôi không muốn cho người ta
trông thấy mình ngoài đường phố tối nay
nữa. Làm một điều xì gà chứ anh
Martini? Tôi biết *signora* Bolla không
cấm chúng ta hút thuốc đâu.

- Tôi cũng chẳng ngồi đây nữa đâu mà
cấm. Tôi phải xuống giúp Katie chuẩn bị
bữa tối.

Chị vừa đi khỏi thì Martini đứng dậy, chấp tay sau lưng đi tới đi lui trong sân. Ruồi trâu ngòì hút thuốc và lặng nhìn mưa rơi lâm thâm ngoài trời.

- Rivarez!

Dừng bước ngay trước mặt Ruồi trâu, nhưng mắt vẫn nhìn xuống đất, Martini mở lời.

- Anh định lôi kéo chị ấy vào chuyện gì thế?

Ruồi trâu rút điếu xì gà khỏi môi, phà ra một làn khói dài. Anh nói:

- Chị ấy tự lựa chọn lấy, không có sự ép buộc của bất kỳ ai cả.

- Phải, phải, tôi hiểu. Nhưng anh hãy cho tôi biết...

Rồi anh ngừng lời.

- Cái gì có thể nói tôi sẽ nói hết với anh.

- Được, vậy thì... - do chỗ tôi không biết rõ lắm về chi tiết những chuyện đang làm ở trên núi - tôi chỉ hỏi xem là anh có đang đưa chị ấy vào một nguy cơ nào nghiêm trọng lắm không?

- Anh muốn biết sự thật chứ?

- Vâng.

- Vậy thì: có đấy.

Martini quay đi, và lại tiếp tục hét bước ngang lại bước dọc. Để rồi một lần nữa lại dừng bước.

- Tôi muốn hỏi anh một vấn đề khác. Nếu không thích trả lời, lẽ dĩ nhiên anh không cần trả lời, nhưng nếu anh muốn trả lời thì xin hãy trả lời cho thật thà. Anh có yêu chị ấy không?

Ruồi trâu cứ nghiêm nhiên vẫy tàn thuốc rồi lại lặng lẽ hút tiếp.

- Thế nghĩa là... anh không thích trả lời?

- Không phải thế. Nhưng tôi chỉ thiết nghĩ: tôi có quyền biết tại sao anh hỏi chuyện ấy?

- Tại sao? Chúa nhân từ ời, ông bạn ời, ông mà không hiểu tại sao?

Ruồi trâu đặt điều xì gà xuống, chăm chú nhìn thẳng vào Martini:

- À, ra thế !

Mãi sau anh dịu dàng và chậm rãi nói tiếp:

- Tôi có yêu Gemma. Nhưng anh đừng tưởng tôi sắp tỏ tình với Gemma hoặc bận tâm về chuyện đó đâu. Tôi chỉ sắp...

Giọng anh lịm dần, chỉ còn là một tiếng thàn thì lạ lùng và yếu ớt. Martini lại gần thêm một bước.

- Anh chỉ... sắp...

-Sắp chết.

Anh trừng trừng nhìn về phía trước bằng cặp mắt lạnh lẽo và sững sờ tưởng chừng như mình đã chết thật rồi vậy. Và khi anh cất tiếng trở lại thì giọng anh đều đều, mất hết sức sống một cách kỳ lạ. Anh bảo:

- Anh không nên làm chị ấy lo âu quá sớm, nhưng tôi thì quả là chẳng có tí cơ may nào đâu. Việc này nguy hiểm cho mọi người, cái đó chị ấy hiểu chẳng kém gì tôi. Nhưng những dân buôn lậu sẽ dùng đủ mọi cách để chị ấy khỏi bị bắt. Họ đều là những người bạn tốt, dù có thô lỗ ít nhiều. Còn tôi thì cổ tôi đã đút vào thòng lọng rồi, vượt qua biên giới tôi chỉ

còn việc rút nút lại nữa mà thôi.

- Rivarez, anh nói vậy nghĩa là sao? Tất nhiên việc này là nguy hiểm, đặc biệt là nguy hiểm cho anh, cái đó tôi hiểu. Nhưng anh đã qua lại biên giới luôn luôn, lần nào cũng trót lọt cả.

- Phải, nhưng lần này tôi sẽ thất bại.

- Nhưng, tại sao chứ? Làm sao anh biết được thế?

Ruồi trâu buồn bã mỉm cười:

- Anh có nhớ câu chuyện cổ tích nước

Đức về một anh bị chết sau khi đã gặp một người giống hệt mình không? Không ư? Anh ta thấy người ấy hiện ra trước mặt mình vào ban đêm, ở một nơi hiu quạnh, người ấy vắn vẹo đôi tay trong cơn tuyệt vọng. Thế đấy, vừa qua, tôi cũng đã gặp người giống hệt tôi ở trên núi, vì thế lần này vượt biên giới rồi là tôi không hòng trở lại đâu.

Martini tiến lại gần anh, đặt một tay lên tựa ghế.

- Rivarez, hãy nghe tôi. Tôi chẳng hiểu tí gì về tất cả câu chuyện siêu hình vớ vẩn của anh cả, nhưng tôi hiểu rõ một điều: nếu anh đã cảm thấy trước như thế

thì tâm trạng của anh là không thích hợp cho chuyến đi này rồi. Chưa đi mà đã chắc rằng mình sẽ bị bắt thì thế nào cũng sẽ sa lưới. Chắc là anh ốm hoặc trong người khó chịu sao đó nên trong đầu mới nảy ra những ý nghĩ hoang đường như thế. Giả dụ tôi đi thay anh thì sao nhỉ? Tôi có thể làm bất kỳ công việc thực tế nào cần làm ở đó. Anh có thể gửi thư cho những người của anh, giải thích rằng...

- Và để anh bị giết thay tôi? Thế thì khôn quá nhỉ!

- Ô, tôi khó bị giết lắm! Ở đây bọn chúng đâu có biết tôi như chúng biết anh. Và, ngoài ra, ví dù tôi có bị...

Martini ngừng lời, còn Ruồi trâu từ từ ngược mắt nhìn lên đăm đăm như muốn dò hỏi điều gì. Martini buông thõng tay từ tựa ghé xuống bên cạnh mình.

Anh nói với giọng hết sức thiết thực vốn có:

- Rất có thể là mắt tôi, chị ấy sẽ không đau khổ nhiều bằng mắt anh. Hơn nữa, Rivarez ạ, đây là việc gì lợi ích chung thì ta phải xử sự theo quan điểm hiệu suất, - nghĩa là làm sao đem lại ích lợi lớn nhất cho số người nhiều nhất. Theo ngôn từ của các nhà kinh tế học phải chăng có thể nói là “giá trị cuối cùng”

của anh cao hơn “giá trị cuối cùng” của tôi. Tôi cũng có đủ trí thông minh để thấy được thế, mặc dù tôi vẫn chưa tìm được lý do gì đặc biệt để ưa thích anh. Con người của anh lớn hơn con người của tôi. Tôi không chắc là anh tốt hơn tôi, nhưng anh có nhiều cái hay hơn tôi^[12], cái chết của anh sẽ gây ra tổn thất lớn hơn cái chết của tôi.

[12] Nguyên văn tiếng Anh “I’m not sure that you are a better one, but there’s more of you”, nghĩa đen là “nhưng anh lại nhiều hơn tôi (về lượng)”.

Nghe cái cách anh nói thì tưởng chừng anh vừa đang mặc cả giá trị các cổ phần trong thị trường chứng khoán vậy. Ruồi

trâu ngược nhìn lên, rùng mình như bị ớn lạnh:

- Anh muốn tôi cứ chờ cho tới lúc nắm mồ của tôi sẽ há miệng nuốt chửng tôi hay sao?

Ví bằng ta phải chết,

Ta sẽ đón bóng đêm như đón vị hôn thê^[13].

[13] Hai câu thơ trích trong vở kịch “Ăn miếng trả miếng” (Measure for Measure) của Shakespeare, hồi III, cảnh 1.

Mà này, Martini, anh và tôi đang nói

nhảm nhí rồi đây.

Martini cúi gắt:

- Chính anh thì có!

- Vâng, và cả anh nữa. Thôi, vì ơn Trời, ta chớ học đòi xả thân lãng mạn theo kiểu Don Carlos và hầu tước Posa nữa^[14]. Đã sang thế kỷ mười chín rồi, nếu nhiệm vụ tôi phải chết thì tôi cứ phải làm, có thể thôi.

[14] Don Carlos and Marquis Posa (tiếng Anh): Hai vai chính trong vở bi kịch lịch sử “Don Carlos” của nhà thơ lớn nước Đức F.Schiller (1759-1805). Don Carlos (1545-1568) là hoàng thái tử, con trưởng của vua Tây Ban Nha Philippe

II, vì có khuyh hướng chống đối triều đình, bị vua cha bắt giam, được hầu tước Posa đến cứu, nhưng sau cả hai đều bị chết trong ngục. Câu chuyện xả thân vì bạn này đã được thể hiện trong vở kịch nói trên.

- Và nếu nhiệm vụ tôi phải sống thì tôi cứ sẽ sống chứ gì? Anh thật may mắn đấy, Rivarez ạ.

- Phải. Bao giờ tôi cũng gặp may, -
Ruồi trâu ngắn gọn tán thành.

Họ lặng lẽ hút thuốc trong ít phút, rồi bắt đầu bàn bạc tỉ mỉ công việc sắp tới. Và khi Gemma lên gọi họ đi ăn bữa tối, cả hai đều không để lộ ra tí nào, dù là bằng nét mặt hay qua cử chỉ, rằng trong

câu chuyện vừa rồi giữa họ đã có điều gì là bất bình thường đã xảy ra. Ăn xong, họ lại tiếp tục ngồi bàn kế hoạch và bố trí mọi việc cần thiết, cho đến tận mười một giờ thì Martini đứng dậy, cầm lấy mũ.

- Tôi về lấy cho anh chiếc áo khoác đi đường của tôi, Rivarez ạ. Tôi thấy anh mặc chiếc áo ấy vào, sẽ khó bị nhận biết hơn là mặc bộ quần áo nhẹ nhàng hiện thời. Tôi cũng muốn trinh sát một chút để bảo đảm không còn tên mật thám nào rình mò trước khi ta lên đường.

- Anh sẽ cùng đi với tôi đến tận trạm chắn chử?

- Vâng. Nếu có kẻ bám theo anh thì bốn mắt an toàn hơn là hai mắt. Khoảng mười hai giờ tôi sẽ trở lại. Phải bảo đảm chắc chắn là nếu tôi chưa đến thì đừng đi vội nhé. Gemma ạ, tôi đem chìa khóa đi thì tốt hơn, để khỏi giật chuông khiến ai đó phải thức giấc.

Khi Martini cầm lấy chùm chìa khóa, Gemma ngược mắt nhìn gương mặt anh. Chị hiểu rằng anh đã kiếm có để chị một mình ở lại với Ruồi trâu.

Chị nói:

- Mai tôi sẽ cùng anh nói chuyện. Sáng mai tôi soạn hành lý xong, nhất

định ta sẽ có thời giờ.

- Ô, vâng, còn có nhiều thời giờ. Rivarez này, tôi còn muốn hỏi anh đôi ba việc nhỏ nữa đấy, nhưng để trên đường ra trạm chẵn ta sẽ nói cũng được. Còn Gemma ạ, chị cho Katie ngủ sớm đi thì tốt hơn, và cả hai người càng giữ yên tĩnh được càng hay. Thôi, tạm biệt, hẹn mười hai giờ nhé.

Anh khẽ gật đầu chào và mỉm cười mà ra về, đóng sầm cửa lại để hàng xóm hiểu rằng khách của *signora* Bolla đã cáo biệt.

Sau khi xuống bếp bảo Katie đi ngủ,

Gemma trở lại với một khay cà phê đen.

Chị bảo:

- Anh có muốn ngả lưng một chút không? Suốt đêm nay anh sẽ chẳng được ngủ gì cả đâu.

- Ô, chẳng sao đâu, Gemma thân yêu ạ! Đến San Lorenzo tôi sẽ ngủ để chờ họ hoàn tất việc chuẩn bị đồ cải trang cho tôi.

- Thế anh uống chút cà phê vậy. Chờ một phút, để tôi lấy bánh quy ra.

Chị đang quỳ gối trước tủ cốc chén và thức ăn, bỗng thấy anh cúi xuống trên vai mình.

- Xem Gemma có những gì nào. Kem sôcôla và kẹo *tópphi*^[15] Anh quốc kìa! Ôi chà, những mỹ... mỹ vị của vua chúa rồi!

[15] Toffee (tiếng Anh): Loại kẹo dẻo làm bằng sữa, có khi trộn lẫn cả lạc, hạnh nhân... và có khi có que để mút.

Chị ngược nhìn và tủm tủm cười khi nghe giọng phấn chấn của anh.

- Anh có thích của ngọt không? Bao

giờ tôi cũng phải có sẵn của ngọt cho Cesare đây. Bất kỳ loại kẹo có que mút nào anh ấy cũng thích hết như trẻ con vậy.

- Thật... thật vậy à? Thế mai... mai Gemma mua cho anh ấy kẹo khác, còn số kẹo này cho tôi mang đi nhé. À, không, cho tôi bỏ... bỏ kẹo *tópphi* vào túi kia! Nó sẽ an ủi tôi, một kẻ đã mất hết lạc thú ở đời. Tôi vẫn cứ... cứ mong rằng vào ngày tôi bị treo cổ, họ còn cho tôi mút một ít kẹo *tópphi* cơ đây!

- Ô, ít nhất để tôi tìm cho anh một hộp giấy mà đựng rồi mới bỏ vào túi được, kẹo sẽ bị dính túi ra trò đấy! Còn sôcôla

cũng bỏ luôn vào hộp chứ?

- Không, thứ ấy tôi muốn ăn ngay bây giờ, cùng với Gemma.

- Nhưng tôi lại không thích sôcôla đâu mà muốn anh hãy đến ngồi xuống đây như một con người ngoan ngoãn biết điều nào! Rất có thể cho đến khi một trong hai ta phải hy sinh, chúng ta sẽ chẳng còn cơ may nào nữa để bình tĩnh nói chuyện được với nhau và...

Anh khẽ làm rằm như nói qua hơi thở:

- Hóa ra là Gemma không... không

thích sôcôla!

Rồi anh nói tiếp:

- Vậy thì ta sẽ ăn tham, một mình chén tuốt vậy. Chẳng phải là bữa ăn tối thỏa thích cho kẻ tử tù^[16] đó sao? Đêm nay Gemma phải chiều mọi sự vùi vãnh của tôi. Trước hết, tôi muốn Gemma ngồi vào chiếc ghế bành này, còn tôi, theo ý Gemma vừa nói là tôi có thể nằm, thì tôi sẽ ngả lưng xuống đây cho được thoải mái.

[16] The hangman's supper (tiếng Anh): Bữa ăn tối của người bị án treo cổ. Đây là nhắc đến một tục lệ bên Anh xưa kia đối với người bị xử treo cổ, được người hành hình cho ăn một bữa tối thỏa

thích.

Anh buông mình lên mặt thảm dưới chân chị, tì khuỷu tay vào ghế, nhìn lên mặt chị mà bảo:

- Sao mặt Gemma tái mét thế! Chắc vì Gemma nặng nhìn mặt bi đát của cuộc sống và lại vì cả không thích sôcôla nữa...

- Anh hãy nghiêm chỉnh cho năm phút đi nào! Rốt cuộc, đây là câu chuyện sinh tử rồi.

- Dù chỉ hai phút tôi cũng chẳng thể nghiêm chỉnh được đâu, Gemma mền yêu

ạ! Dù sống hay chết cũng chẳng đáng phải nghiêm nghị làm gì.

Anh nắm lấy cả hai tay chị mà mơn man trong các ngón tay mình.

- Hỡi Minécva^[17], xin bà đừng nghiêm nghị như thế. Bà sẽ làm tôi phát khóc lên bây giờ, rồi bà sẽ phải hối tiếc mất thôi. Tôi rất muốn bà mỉm cười trở lại đi. Gemma có nụ cười vui, hồn nhiên lắm. Thôi mà, chớ có mắng tôi, Gemma mến yêu ạ! Ta cùng nhau ăn bích quy đi, ăn như hai đứa trẻ ngoan ấy và đừng tranh giành nhau nhé, - vì ngày mai chúng ta sẽ từ giã cõi đời.

[17] Minerva (tiếng Anh theo tiếng Latinh): Tiếng Hy Lạp là Athena. Theo thần thoại La Mã, Minerva là từ khối óc của thần Giupitor (Jupiter) mà sinh ra, là nữ thần của trí khôn ngoan, của nghệ thuật, khoa học và các công nghệ, và cũng được coi như vị thần hướng dẫn người ta trong hiểm họa chiến tranh.

Ruồi trâu lấy trong đĩa ra một chiếc bánh bích quy ngọt, cẩn thận chia ra hai nửa thật đều và cố bẻ thật chính xác theo nét trang trí bằng đường trắng trên bánh để phần nào cũng đều có đường như nhau.

- Đây là một loại bí tích^[18] giống như bí tích mà những kẻ ra vẻ ngoan đạo thường lãnh nhận trong nhà thờ. “Này là mình ta, các ngươi hãy nhận lấy mà

ăn”^[19]. Và, Gemma biết không, chúng ta còn phải uống... uống chung một ly... ly rượu nho cơ đây, vâng, đúng thế đây. “Các người hãy làm việc này mà nhớ để ta...”.

[18] Sacrament (tiếng Anh): Một loại lễ ban ân sủng quan trọng của Công giáo; nói chung Công giáo có bảy bí tích (rửa tội, giải tội, thánh thể, hôn phối v.v...) ở đây là bí tích Mình Thánh Chúa (hoặc Thánh thể), nô-m-na là ban cho ăn bánh thánh. Xem từ trang 82.

[19] “Đây là mình ta...”. - Những câu nguyện khi ban nhận bí tích Mình Thánh Chúa, cũng là lời của Chúa Giê-su nói với các môn đệ trong bữa tiệc ly (the Last Supper), bữa ăn cuối cùng trước khi bị bắt và bị đóng đinh trên giá chữ thập.

Chị đặt ly xuống.

- Đứng, anh! - Chị nói gần như một tiếng nức nở.

Anh bèn nhìn lên và lại một lần nữa nắm lấy đôi tay chị:

- Thôi vậy nhé! Ta hãy yên lặng một lúc vậy nhé! Nếu một ai trong chúng ta chết đi thì người còn lại hãy nhớ lấy giây phút này nhé. Chúng ta sẽ quên đi, quên cái thế giới huyền ảo và không ngừng van vỏi này nó đang rú rít bên tai chúng ta, chúng ta sẽ dắt tay nhau cùng ra đi, đi tới những thâm cung bí ẩn của thần chết, để rồi ta sẽ yên nghỉ giữ những đóa hoa

anh túc. Ôi thôi, lúc bấy giờ chúng ta sẽ yên tĩnh vô cùng.

Anh ngả đầu vào lòng chị và lấy tay che mặt. Chị lặng lẽ cúi xuống với anh, một tay đặt lên mái tóc đen nhánh của anh. Thời gian cứ thế, cứ thế lặng lẽ trôi qua mà cả hai vẫn bất động và không nói một lời.

Cuối cùng chị bảo: “Anh thân yêu, sắp mười hai giờ rồi”. Anh ngẩng đầu lên.

- Chúng ta chỉ còn vài phút nữa thôi. Martini sắp trở lại rồi. Có lẽ không bao giờ chúng ta còn được trông thấy nhau

nữa. Anh không có gì để nói với em cả ư?

Anh từ từ đứng dậy, đi về phía cuối phòng. Một lát im lặng.

Rồi anh mở lời, giọng hầu như thoáng qua.

- Tôi chỉ có một điều để nói thôi, một điều... để nói với em...

Anh ngừng lời, ngồi xuống bên cửa sổ, đưa cả hai tay lên che mặt. Chị dịu dàng bảo:

- Suốt bao nhiêu lâu đến giờ anh mới có được lòng thương này.

- Vì trong đời tôi, chẳng mấy khi tôi thấy được lòng thương. Và lúc đầu, tôi... tôi ngỡ là em... cũng chẳng thiết gì...

- Bây giờ anh không nghĩ thế nữa rồi.

Chị chờ một lát để anh nói, rồi bước qua phòng đến đứng sát bên anh. Chị thủ thỉ:

- Cuối cùng hãy cho em biết sự thật đi, anh! Anh thử nghĩ xem, ví thử anh hy sinh, một mình em còn ở lại... cho đến

hết cuộc đời em vẫn sẽ chẳng biết gì...
vẫn không thật chắc chắn rằng...

Anh nắm đôi tay chị mà ghì chặt lấy:

- Nếu tôi hy sinh... Em biết không,
lúc tôi bước chân ra đi sang Nam Mỹ...
Ôi, Martini kìa!

Anh ngừng bật, bở choàng dậy mà ra
mở toang cửa phòng. Martini đang chùi
giày vào tấm thảm con.

- Con người lúc nào cũng đúng giờ,
đúng... đúng đến từng phút một! Martini,
anh thật là một chiếc đồng... đồng hồ

sống. Áo khoác đi... đi đường đây phải không?

- Phải, còn có thêm vài ba thứ lặt vặt nữa. Tôi đã cố hết sức giữ cho khỏi ướt, nhưng chúng cũng trút nước xuống như mưa ngoài trời vậy. Tôi e rằng đêm nay chuyến đi ngựa của anh sẽ cực kỳ vất vả đấy!

- Ô, không sao! Ngoài phố thông thoáng cả chứ?

- Vâng. Chắc cả lũ mật thám về ngủ tất rồi. Tôi thấy cũng chẳng có gì là lạ cả, một cái đêm ác nghiệt thế này cơ mà. Cà phê đấy ư, Gemma? Anh ấy phải uống

cái gì thật nóng trước khi ra mưa ướt, kéo dễ bị cảm lạnh.

- Cà phê đen đầy, đặc lắm. Để tôi đi đun ít sữa.

Chị xuống bếp, nghiền chặt răng và nắm chặt hai tay lại để khỏi bật khóc. Khi chị mang sữa lên, Ruồi trâu đã mặc áo khoác và đang siết chặt đôi ghệt da do Martini đem đến. Anh đứng uống cạn tách cà phê rồi cầm lấy chiếc mũ rộng vành để cưỡi ngựa.

- Martini, tôi thấy đến giờ xuất phát rồi đây. Để đề phòng, chúng ta phải đi quanh một vòng trước khi ra đến đường

dẫn tới trạm chẵn. Thôi, xin tạm biệt, *signora*. Nếu không có gì đặc biệt xảy ra, thứ sáu này tôi sẽ gặp chị ở Forli^[20]. Chờ một chút nhé, địa... địa chỉ đây.

[20] Forli (tiếng Ý): Một thị trấn vùng Romagna, phía đông bắc Florence và phía nam Ravenna, gần ra đến biển Adriatic.

Anh xé một tờ giấy trong sổ tay, viết mấy chữ bằng bút chì.

Chị trả lời, giọng bình tĩnh nhưng mờ nhạt:

- Địa chỉ tôi có rồi.

- Vậy... vậy ư? Không sao, đây rồi, cứ cầm thêm cho chắc chắn. Đi thôi, Martini. Suyt! Đừng để cửa cọt kẹt!

Họ rón rén bước xuống đường. Khi cửa ngoài đã đóng gọn sau lưng họ, chị trở về phòng và bất giác mở mẩu giấy anh vừa dúi vào tay chị. Bên dưới địa chỉ anh viết: “Tôi sẽ nói hết với Gemma ở đó”.

Chương II

Hôm ấy là phiên chợ ở Brisighella nên dân quê từ các xóm làng trong vùng đổ về đây với lợn gà, bơ sữa, và với cả hàng đàn gia súc vẫn còn nửa phần hoang dại ở vùng núi. Khu chợ nườm nượp một đám đông không ngừng chuyển động, cười, đùa, mặc cả để mua những quả vả khô, các bánh trái rẻ tiền, và hạt hướng dương. Những đứa trẻ da nâu, chân đất, nằm duỗi dài úp mặt xuống mặt đường cái dưới ánh nắng gay gắt, còn các bà mẹ của chúng ngồi dưới các gốc cây cạnh những giỏ bơ và trứng.

Monsignor Montanelli đang ra chợ để chúc cho dân chúng một “buổi sáng tốt lành”, thì liền bị một đám trẻ con

nhao nhao xúm xít lại vây quanh. Chúng dâng lên ông từng bó lớn những hoa diên vĩ, và cả hoa anh túc thắm đỏ và hoa thủy tiên trắng thơm ngát hái trên sườn núi nữa. Lòng say mê các loại hoa dại của ông đã được dân chúng triu mến dung nhận, coi đó là một trong những thói dở người nho nhỏ, thường tô điểm thêm cho những bậc cực kỳ thông minh tài trí. Nếu một kẻ khác kém uy danh trong thiên hạ mà đem cỏ hoa cây cối về chất đầy nhà, chắc hẳn người ta sẽ chê cười. Nhưng “vị Hồng y giáo chủ đầy ơn phúc” này, thì lại được hưởng quyền có một vài sở thích lạ đời vô hại như thế.

- À, Mariuccia^[1]!

[1] Mariuccia (tiếng Ý): Đọc là Ma-ru-tria.

Ông dừng lại xoa đầu một trong những đứa trẻ, mà bảo:

- Ta mới gặp con từ dạo ấy mà nay con đã lớn thế này rồi. Vậy bà của con bị tê thấp bây giờ ra sao rồi?

- Lạy đức Hồng y, bà con gân đây đỡ rồi ạ. Nhưng nay mẹ con lại ốm.

- Nghe vậy ta phiền lòng đấy. Bảo mẹ con hôm nào xuống đây, lại nhà bác sĩ Giordani^[2] để ông ấy khám cho, xem có

giúp được gì không. Còn ta thì sẽ tìm cho mẹ con một chỗ ở đâu đây để an dưỡng, thay đổi không khí chắc là sẽ tốt. Luigi^[3], trông con khá hơn đấy, đôi mắt sao rồi?

[2] Giordani (tiếng Ý).

[3] Luigi (tiếng Ý).

Ông bước tiếp, chuyện trò với các sơn dân. Ông luôn nhớ cả tên và tuổi của lũ trẻ, nhớ mọi điều âu lo của chúng và bố mẹ chúng, dừng lại ân cần hỏi thăm cả con bò cái mới ngã bệnh vào dịp Giáng sinh, thậm chí cả con búp bê bằng mụn vải bị nghiền nát dưới bánh xe bò trong phiên chợ trước.

Khi ông trở về lâu đài, việc mua bán ở chợ mới bắt đầu. Một người chân khập khiễng, mình mặc áo sơ mi xanh, mớ tóc đen đúa xõa xuống tận mắt, mặt có một vết sẹo sâu ngang má trái, lê bước tới một quầy hàng và, bằng một thứ tiếng Ý rất tồi tệ, anh ta xin được uống nước chanh.

Bà hàng vừa rót nước chanh vừa liếc mắt lên nhìn anh mà hỏi:

- Chú không phải người vùng này?
- Không ạ. Con ở Corsica^[4] đến.

[4] Corsica (tiếng Ý): Một hòn đảo ở vùng biển Ligure phía tây nước Ý, trước thuộc nước Cộng hòa Genova, đến 1768 được bán cho Pháp, gọi là đảo Coócxo (Corse).

- Tìm công ăn việc làm à?

- Vâng. Sắp đến mùa cắt cỏ rồi, bữa nọ có một quý ông có trang trại ở gần Ravenna^[5] đi ngang qua Bastia^[6] bảo con rằng ở đó có thể kiếm được nhiều việc làm lắm.

[5] Ravenna (tiếng Ý): Thành phố ở đông bắc Florence và bắc Forli, gần biển Adriatic, thủ phủ của một trong bốn Đặc khu của Giáo hoàng.

[6] Bastia (tiếng Ý): Một hải cảng trên bờ biển

đông bắc đảo Corsica.

- Ta cũng mong cho chú tìm được việc làm; ta chắc là có thôi, chứ còn ở đây đang thời buổi khó khăn lắm.

- Ở Corsica còn tệ hơn ấy, mẹ ạ. Chẳng biết dân nghèo chúng ta rồi sẽ ra sao.

- Chú đến đây một mình à?

- Không, còn một anh bạn nữa. Kia rồi, cái anh mặc áo sơ mi đỏ kia kia.
Holà, Paolo!^[7]

[7] Holà, Paolo! (tiếng Ý): Này, Paôlô! (cũng

là: Ê, Paôlô!)

Nghe gọi tên mình, Michele thọc hai tay vào túi, lững thững bước đến. Mặc dầu trên đầu có đội bộ tóc giả màu đỏ để cố khiến cho người ta không sao nhận ra mình, nhưng trông anh khá là giống một người đảo Corsica. Còn Ruôi trâu thì đóng giống hệt vai trò của mình.

Hai người cùng nhau đi phát phơ qua khu chợ, Michele khẽ huýt sáo qua khe răng, còn Ruôi trâu ì ạch vác một dĩa nặng trên vai và kéo lét chân để cố giấu dáng khập khiễng của mình. Họ đang chờ một phái viên đến để truyền đạt cho người đó những chỉ thị quan trọng.

Bỗng Michele thì thào:

- Marcone^[8] kia rồi, cưới ngựa, ở góc kia kia.

[8] Marcone (tiếng Ý): Đọc là Mác-cô-nê.

Ruồi trâu vẫn vác đũa trên vai, lết chân bước về phía người cưới ngựa.

Anh đưa tay lên sờ chiếc mũ rách của mình, rồi lấy một ngón tay miết vào dây cương ngựa, hỏi:

- Bẩm ông, có phải ông đang tìm

người cắt cỏ không ạ?

Đó là mật hiệu đã ước hẹn. Người cưỡi ngựa, coi bộ là người quản lý cho chủ điền trang, liền xuống ngựa, vắt dây cương lên cổ ngựa.

- Anh biết làm công việc gì, anh bạn?

Ruồi trâu mầy mò chiếc mũ trong tay, mở lời:

- Bẩm ông, con biết cắt cỏ, và xén bờ rào...

Rồi anh không đổi giọng chút nào, đi

thẳng vào vấn đề:

- Một giờ đêm nay ở cửa hang tròn. Cần hai con ngựa tốt và một chiếc xe ngựa tải^[9]. Tôi đợi ngay trong hang... Bẩm ông, ngoài ra con còn biết đào đất, và...

[9] Cart (tiếng Anh): Xe tải bằng gỗ, hai bánh, ta thường gọi là xe bò, bên châu Âu thường do ngựa kéo.

- Thế là được rồi. Ta chỉ cần người cắt cỏ thôi. Anh đã từng đi làm ở ngoài bao giờ chưa?^[10]

[10] Câu này còn có ý hỏi: “Đã đến đây hoạt động làn nào chưa?”

- Bẩm ông, có một lần rồi ạ! Chú ý, khi đến phải trang bị vũ khí cho cẩn thận. Có thể gặp tiểu đoàn kỵ binh bay^[11] đây. Đừng đi đường rừng, đi đường kia an toàn hơn. Nếu gặp thám báo chớ đứng lại đối đáp, mà bắn ngay... Bẩm ông, có việc làm con mừng lắm.

[11] Flying squadron (tiếng Anh): Tức tiểu đoàn kỵ binh cơ động.

- Ồ, có lẽ thế, nhưng tôi cần người cắt cỏ có kinh nghiệm cơ đấy. Không, hôm nay tôi chẳng mang một đồng xèng^[12] nào cả.

[12] Nguyên văn là “any coppers” (tiếng Anh), tức những đồng tiền lẻ bằng kim loại, thường là bằng đồng đỏ.

Một người ăn mày rách như tổ đĩa, lom khom bước lại gần họ, kéo dài giọng rên rỉ rất thiếu nhã:

- Nhờ ơn Đức Mẹ Đồng trinh, xin mọi người thương xót kẻ mù lòa... Rút khỏi đây ngay thôi, một tiểu đoàn kỵ binh bay đang đến... Kính lạy Nữ vương trên trời rất thánh, kính lạy Đức Nữ trinh chẳng bợn nhơ^[13]... Rivarez, chúng lòng bắt anh đây, hai phút nữa chúng sẽ ập đến đây... Cầu xin các thánh ban thưởng cho mọi người... Các anh phải đột phá mà

ra, mặt thám vây kín mọi ngã rồi. Đừng
hòng lên ra được đâu, vì chúng phát hiện
được ngay.

*[13] Nguyên văn tiếng Anh “Most Holy Queen
of Heaven, Maiden undefiled” - Lời kinh kêu cầu
Đức Bà Maria.*

Marcone dúi cương ngựa vào tay
Ruồi trâu:

- Mau lên! Phóng ra phía cầu, thả cho
ngựa chạy, còn anh có thể nấp xuống khe
núi. Chúng tôi có vũ khí cả; sẽ cầm chân
chúng lại trong mười phút.

- Không. Tôi không thể bỏ rơi các

đồng chí. Tất cả tập hợp lại, đồng loạt bắn theo tôi. Tiến đến chỗ đàn ngựa của chúng ta đang buộc ở bậc thềm lâu đài. Và chuẩn bị sẵn dao găm. Ta vừa đánh vừa lui. Khi tôi ném mũ xuống đất, các đồng chí cắt dây buộc ngựa, ai nấy nhảy lên yên con ngựa gần nhất. Tất cả chúng ta đều có thể chạy thoát ra tới rừng bằng cách đó.

Họ nói với nhau bằng giọng thấp và bình tĩnh đến nỗi ngay những người ngoài cuộc đứng sát bên cạnh cũng không thể ngờ rằng họ đang bàn tính một chuyện gì khác nguy hiểm hơn việc cắt cỏ.

Marcone sẵn tay cương, dắt con ngựa

của mình đến nơi buộc các con ngựa khác. Ruồi trâu lê chân bước theo bên cạnh, còn người ăn mày vẫn chìa tay, mồm không ngớt van lơn mà bước theo sau. Michele vừa huýt sáo miệng vừa bắt kịp cả bọn. Lúc ấy người ăn mày đã kịp đi qua báo động cho anh và anh đã bình tĩnh đến rí tai cho ba người dân quê đang ngồi ăn hành tây sống dưới một gốc cây. Họ lập tức đứng dậy đi theo anh, và trước khi bị bất kỳ một ai trong dân chúng để ý phát hiện, toàn bộ bảy người đã cùng nhau tập hợp đứng ở trong mình, còn những con ngựa buộc thì đều đã ở trong tầm với dễ dàng của họ.

Ruồi trâu nói khẽ nhưng rành rọt:

- Tôi chưa hành động thì chớ tự bộc lộ mình. Rất có thể chúng chưa nhận ra chúng ta. Hễ tôi bắn thì các đồng chí nổ súng có trật tự. Đừng bắn người, mà nhằm bắn cho què ngựa, thì chúng mới không đuổi được chúng ta. Cứ ba người này bắn, ba người khác nạp đạn. Thấy tên nào xen vào giữa ta và ngựa ta, là hạ gục ngay. Tôi sẽ cưới con ngựa lang. Thấy tôi ném mũ xuống đất, từng người cứ tự xử lý, không chần chừ gì cả.

- Chúng đến kia rồi, - Michele bảo vậy. Ruồi trâu bèn xoay người lại nhìn với vẻ ngạc nhiên vừa ngây ngô lại vừa đàn độn, vì thấy dân chúng bỗng dưng

ngừng hết việc mua bán.

Mười lăm tên lính vũ trang đang cưỡi ngựa từ từ tiến vào khu chợ. Nhìn chung chúng sẽ phải vất vả lắm mới có thể xuyên qua được đám dân chúng đông nườm nượp này, và chỉ vì bọn mật thám đã bao vây tứ phía, nếu không bảy chiến sĩ hoạt động bí mật đã có thể êm thấm lén ra ngoài trong lúc đám đông còn mãi chú mục vào đội binh lính kia.

Michele nhích lại gần Ruồi trâu:

- Ta rút bây giờ được không?

- Không thể được, chúng ta đã bị mật thám bủa vây mất rồi, và một tên đã nhận ra tôi. Hắn vừa cho người đến báo cho viên đại úy biết chỗ tôi đứng rồi kia. Cơ may duy nhất của ta là nỏ súng bắn què ngựa của chúng.

- Thằng mật thám ấy là thằng nào vậy?

- Tôi sẽ bắn nó trước nhất. Các anh sẵn sàng cả chưa? Chúng đã dọn được đường về phía chúng ta và sắp xung phong để xông lại đây.

Tên đại úy thét:

- Tránh ra! Nhân danh đức Thánh Cha^[14]!

[14] His Holiness (tiếng Anh): Túc Đức Giáo hoàng.

Đám đông hoảng hốt và ngỡ ngác dạt ra, và đội lính mau lẹ xông tới nhóm người lơ thơ đang đứng ở các bậc thềm lâu đài. Ruồi trâu rút súng ngắn ra khỏi áo va-roi, không bắn vào đội lính đang tiến đến mà bắn vào tên mật thám đang mon men tới chỗ buộc ngựa. Xương quai xanh gãy vụn, tên thám báo ngã ngựa ra. Ngay sau phát súng lệnh, sáu phát nữa cấp tập nổ, các chiến sĩ hoạt động bí mật vững vàng tiến dần đến chỗ buộc ngựa.

Một con ngựa trong đội kỵ binh loạn choạng rồi gục xuống. Một con khác ngã lăn xuống đất, rống lên khủng khiếp. Thế rồi, giữa những tiếng hét của đám đông hoảng loạn đã thấy nổi lên tiếng tên sĩ quan đang hồng hách oang oang ra lệnh. Hắn đứng lên bàn đạp, giương cao thanh kiếm trên đầu, hét:

- Lính đâu, theo ta!

Bỗng hắn lao đảo trên yên ngựa rồi lật ngựa người. Ruồi trâu đã lại nổ súng và vẫn bắn không hề trệch mục tiêu sát thương. Một dòng máu nhỏ đã tuôn ra trên sắc phục của tên đại úy, nhưng hắn trôi chết đem hết hơi sức ra để gượng

lại, vừa túm chặt lấy bờm ngựa, vừa hùng hổ hét:

- Giết thằng quỷ thọt kia đi, nếu không bắt sống được nó! Nó là Rivarez đây!

Ruồi trâu lên tiếng gọi các đồng chí của mình:

- Đưa súng khác đây, mau lên! Rồi rút ngay!

Đoạn anh ném mũ xuống đất. Rất đúng lúc và chỉ kịp có thể, bởi vì những lưỡi gươm của bọn lính nay trở nên hung hãn đã loang loáng ngay trước mặt anh.

- Hạ khí giới xuống, tất cả các người!

Hồng y giáo chủ Montanelli bắt thân tiên ra giữa hai bên đang chiến đấu. Một tên lính hoảng hốt hét vang lên:

- Đức Hồng y! Chúa ơi, họ giết chết ngài mất!

Nhưng Montanelli vẫn dần lên bước nữa, ra đứng trước mũi súng của Ruồi trâu.

Trong số các chiến sĩ hoạt động bí mật, năm người đã lên được ngựa và phóng ngược lên đường phố dốc.

Marcone nhảy phóc lên lưng con ngựa của mình. Khi phóng ngựa đi anh còn ngoái lại xem thủ lĩnh của mình có cần giúp gì không. Con ngựa lang đứng ngay trong tầm tay, và chỉ nháy mắt nữa là tất cả đều an toàn, thế nhưng khi thân hình mặc áo chùng đỏ dần lên thì Ruồi trâu bỗng lưỡng lự, tay đang cầm súng chùng xuống. Khoảnh khắc ấy đã quyết định hết thảy. Anh lập tức bị vây kín, rồi ngã bở nhào xuống đất. Một tên lính lấy súng kiểm đánh bật khẩu súng khỏi tay anh. Marcone thúc mạnh bàn đạp vào sườn ngựa. Tiếng vó ngựa kỵ binh đuổi theo lên dốc rầm rập đằng sau anh. Ở lại để bị bắt nốt sẽ còn tồi tệ hơn cả vô ích. Phi nước đại trên yên ngựa anh còn xoay

người lại, bắn một phát cuối cùng vào giữa mặt tên lính đuổi sát sau lưng và anh đã trông thấy Ruồi trâu, mặt bết máu, đang bị giày xéo dưới các vó ngựa, dưới chân bọn lính và mặt thám, rồi anh nghe rõ cả những tiếng chửi rửa man rợ xen lẫn tiếng hò reo đắc thắng và điên dại của bọn chúng.

Montanelli không để ý đến những gì đã xảy ra, ông mãi bước khỏi bậc thềm để lo đi phủ dụ đám dân chúng còn đang khiếp đảm. Nhưng khi ông đang dừng bước để xem xét tên mặt thám bị thương, đám đông bỗng dậm ra hoảng loạn khiến ông phải ngẩng lên nhìn. Bọn lính đang diễu qua sân chợ, dừng dây thừng lôi

theo một tù nhân bị trói tay. Mặc dù mặt anh ta xám ngắt vì đau đớn và kiệt sức, còn bản thân anh ta thì thở hồng hộc một cách đáng sợ, nhưng người tù nhân ấy vẫn ngoái lại nhìn Hồng y giáo chủ, mỉm cười bằng đôi môi trắng bệch, rồi thều thào:

- Tôi chúc... chúc mừng... mừng Ngài Hồng y^[15].

[15] Trong nguyên văn tiếng Anh “Your Eminence”.

*

* *

Năm ngày sau, Martini đến Forli. Qua bưu chính Gemma đã gửi đến cho anh một bó những tờ quảng cáo in sẵn. Đây là mặt hiệu đã thỏa thuận sẽ được gửi đến trong trường hợp đã xảy ra một tình hình đặc biệt khẩn cấp nào đó cần tới sự có mặt của anh. Do vậy, khi nhớ lại câu chuyện đã nói trên sân thượng, anh đoán ra ngay được sự thật. Suốt dọc đường anh luôn luôn tự nhủ mình không có lý do gì để phỏng đoán rằng Ruồi trâu đã ngộ nạn và rằng nếu cứ gán cho những điều mê tín kiểu con nít của con người căng thẳng thần kinh và nhiều tưởng tượng ấy một tầm quan trọng nào đó thì sẽ chỉ là phi lý. Thế nhưng càng tự thuyết phục

mình bao nhiêu để gạt bỏ ý nghĩ ấy, tâm trí anh lại càng bị nó chế ngự vững chắc bấy nhiêu.

Bước vào phòng Gemma, anh bảo:

- Tôi đã đoán được việc xảy ra, Rivarez bị bắt phải không chị?

- Anh ấy bị bắt hôm thứ năm vừa rồi, ở Brisighella. Anh ấy đã chống cự đến cùng, bắn bị thương tên đại úy tiểu đoàn kỵ binh và một tên mật thám.

- Chống chọi bằng vũ khí. Vậy là hỏng!

- Cũng thế cả thôi. Anh ấy đã bị chúng hiềm nghi quá nặng rồi, dù có thêm hay bớt một phát súng ngắn cũng chẳng can hệ gì lắm đến vị thế của anh ấy.

- Theo chị thì chúng định làm gì anh ấy?

Gương mặt chị lại càng tái nhợt hơn trước. Chị bảo:

- Theo tôi, chúng ta không nên chờ tìm hiểu xem chúng định làm gì anh ấy rồi mới hành động.

- Chị cho rằng ta có thể cứu thoát

được anh ấy chứ?

- Chúng ta *nhất định phải* cứu thoát anh ấy.

Anh quay đi, bắt đầu chấp tay sau lưng mà huýt sáo miệng. Gemma để yên cho anh nghĩ ngợi. Chị lặng lẽ ngồi ngả đầu vào tựa ghế, mắt nhìn vào khoảng không mơ hồ phía trước với một vẻ đăm chiêu định thần và bi thảm. Khi gương mặt chị biểu lộ như vậy thì lại khiến người ta nhớ tới bức tranh khắc “U sầu” của Dürer^[16].

[16] Albrecht Dürer (1471-1528): Một họa sĩ, một nhà điêu khắc nổi tiếng và một nhân vật xuất

sắc trong thời kỳ Phục hưng ở Đức, người khai sáng khuynh hướng hiện thực trong hội họa Đức. Bức điêu khắc bằng đồng “U sầu” (Melancholia) của ông là một kiệt tác.

Martini tạm ngừng việc đi tới đi lui, hỏi chị:

- Chị đã gặp anh ấy chưa?

- Chưa. Anh ấy định gặp tôi ở đây sáng hôm sau.

- Vâng, tôi nhớ rồi. Bây giờ anh ấy đang ở đâu?

- Trong pháo đài. Bị canh giữ rất

nghiêm ngặt và nghe nói bị xiềng xích.

Anh phẩy tay tỏ ý coi thường:

- Ô, cái đó không sao. Bao nhiêu xiềng xích cũng chỉ một chiếc giữa tốt là phá được hết. Miễn là anh ấy không bị thương.

- Hình như có bị thương nhẹ, nhưng đích xác mức độ nào thì chưa rõ. Tôi thấy anh nên nghe chính Michele kể lại thì tốt hơn, vì anh ấy có mặt lúc Ruồi trâu bị bắt.

- Michele làm thế nào mà lại không bị bắt? Anh ta bỏ mặc Rivarez mà chạy lấy mình ư?

- Không phải lỗi tại anh ta. Anh ta cũng chiến đấu đến cùng như mọi người và chấp hành hết sức nghiêm chỉnh mọi mệnh lệnh. Xem ra, ai cũng đều làm như thế cả. Người duy nhất có thể đã quên lãng hoặc phút cuối cùng đã có sai sót lại chính là Rivarez. Dù sao, chuyện này có cái gì đó không sao giải thích nổi. Anh chờ một chút, tôi đi gọi Michele.

Chị ra khỏi phòng và rồi đã trở lại ngay cùng với Michele và một người dân miền núi vai rộng.

Chị nói:

- Đây là Marcone, một trong những người chuyên chở hàng lậu cho chúng ta, anh cũng đã từng nghe tên rồi đấy. Anh ấy vừa mới đến được đây và có thể cho ta biết được nhiều hơn. Michele, đây là anh Cesare Martini mà tôi đã nói chuyện với anh. Chuyện xảy ra anh tận mắt thấy những gì thì kể cho anh ấy nghe.

Michele vẫn tắt kể lại cuộc giao tranh với đội kỵ binh địch vừa qua.

Rồi anh kết luận:

- Tôi vẫn không hiểu nổi làm sao sự việc lại đã xảy ra như thế. Nếu chúng tôi biết anh ấy có thể bị bắt thì không đời

nào chúng tôi bỏ rơi anh ấy cả. Mà các mệnh lệnh của anh ấy đều rất chính xác, và chúng tôi không thể ngờ rằng sau khi quăng mũ xuống đất anh ấy lại chần chừ để cho lính bao vây mình. Anh ấy đã đứng ngay bên cạnh con ngựa lang, chính mắt tôi thấy anh ấy đã cắt dây buộc ngựa và chính tay tôi đã đưa anh ấy khẩu súng nạp đạn sẵn rồi tôi mới nhảy lên yên. Điều duy nhất tôi có thể phỏng đoán, có lẽ là tại chân anh ấy khập khiễng nên đã bị hụt hẫng khi nhảy lên ngựa. Nhưng dầu có thế thì anh ấy cũng có thể nổ súng chứ?

Marcone chen lời:

- Không. Không phải thế. Anh ấy cũng không tìm cách nhảy lên ngựa đâu. Do tiếng súng, con ngựa của tôi dạt sang một bên nên tôi là người rút sau cùng. Và tôi cũng đã đảo mắt nhìn xem anh ấy có được an toàn không. Nếu lúc đó không tại cái lão Hồng y giáo chủ thì anh ấy chạy thừa sức đi chứ.

Gemma khẽ kêu lên một tiếng: - À!; còn Martini thì sững sốt lặp lại: - Hồng y giáo chủ?

- Phải, cái lão chết tiệt ấy tự dung lại nhảy bổ ra đứng ngay trước mũi súng của Rivarez! Tôi đoán chắc là do anh ấy bị giật mình, vì tôi thấy tay cầm súng của

anh ấy xuôi xuống còn tay kia giơ lên...
như thế này. - Marcone đưa cùi tay trái
lên che ngang mắt. - Thế là cả lũ bọn
chúng đổ xô lại hết thôi!

Michele bảo:

- Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thật chẳng
giống Rivarez chút nào, đến phút hiểm
nghèo thì lại mất bình tĩnh.

Martini xen lời:

- Có lẽ anh ấy hạ súng vì ngại hạ sát
một người tay không vũ khí.

Michele nhún vai:

- Kẻ tay không đâm đầu vào chỗ bắn nhau làm gì? Chiến tranh là chiến tranh. Nếu Rivarez cứ mời Đức Hồng y xơi một viên đạn, đừng để cho mình bị tóm như một con thỏ đế, thì có phải thế giới này thêm được một người lương thiện và bớt được một lão cố đạo không.

Anh quay mặt đi, cắn ria mép. Chỉ một tí nữa là anh bật khóc lên vì tức giận.

Martini bảo:

- Dù sao thì chuyện đã rồi, cứ thảo luận xem tại sao mãi thì mất thì giờ vô ích. Vấn đề bây giờ là làm sao tổ chức để anh ấy vượt ngục được. Tôi chắc mọi người đều sẵn lòng liều mình để làm việc ấy chứ?

Michele cho câu hỏi ấy là thừa thậm chí không thiết trả lời, còn Marcone chỉ cười khẩy, buông ra một câu:

- Anh em ruột tôi mà không sẵn lòng thì tôi cũng bắn bỏ.

- Thế thì hay quá rồi! Việc trước tiên là các anh đã kiếm được một bản đồ pháo đài nào chưa?

Gemma mở khóa ô kéo lấy ra nhiều tờ giấy:

- Tôi đã chuẩn bị đủ các bản đồ rồi. Đây là bản đồ tầng trệt của pháo đài; đây là tầng gác dưới và tầng gác trên cùng của các tháp canh, còn đây là bản đồ các thành lũy. Và đây là những con đường vào thung lũng. Còn đây là những đường mòn và những hang hốc để trốn trong núi, và những địa đạo.

- Chị có biết anh ấy bị giam ở tháp canh nào không?

- Ở tháp phía đông, trong một xà lim tròn, cửa sổ có chấn song sắt. Tôi đã đánh dấu trên bản đồ.

- Làm sao chị có được những thông tin này?

- Nhờ một người lính canh trong pháo đài mang bí danh “Dế mèn”. Anh ta là em họ của Gino, một đồng chí của chúng ta.

- Chị hành động mau lẹ đây.

- Không thể để mất thời gian. Gino đã lập tức đi ngay Brisighella rồi, còn

chúng tôi cũng đã có sẵn vài tấm bản đồ. Bản kê các hang hốc để ẩn nấp là do chính tay Rivarez lập. Các anh cứ xem chữ anh ấy viết là đủ biết.

- Các lính canh phòng là thuộc binh chủng gì?

- Cái đó chúng tôi chưa điều tra được. Dế mèn vừa mới chân ướt chân ráo đến nên chưa biết gì về những người khác cả.

- Ta cần qua Gino tìm hiểu xem bản thân Dế mèn là người thế nào? Ta đã biết tí gì về ý đồ của chính quyền địa phương chưa? Rivarez có khả năng bị xét xử ở

Brisighella hay bị đưa đi Ravenna?

- Cái đó chúng tôi chưa biết. Dĩ nhiên Ravenna là thủ phủ của một Đặc khu mà theo luật thì những vụ trọng án chỉ có thể xét xử ở đây, ở Tòa án sơ thẩm. Nhưng trong cả bốn Đặc khu của Giáo hoàng, người ta có đếm xỉa gì mấy đến pháp luật đâu, xử lý thế nào là tùy ngẫu hứng cá nhân của bất kỳ ai đang nắm quyền binh trong tay vào lúc bấy giờ.

Michele ngắt lời:

- Bọn chúng chẳng đưa anh ấy đi Ravenna đâu.

- Tại sao anh nghĩ thế?

- Tôi tin chắc thế. Giám binh^[17] Brisighella là viên đại tá Ferrari^[18]. Hắn là chú tên sĩ quan đã bị Rivarez bắn bị thương. Hắn là đồ súc sinh chuyên báo thù rửa hận, hắn sẽ không bỏ lỡ dịp thanh toán địch thủ.

[17] Nguyên văn tiếng Anh là “military Governor”, nghĩa là Thống đốc (hoặc Tổng đốc) và mặt quân sự. Thời xưa ta quen gọi là Giám binh.

[18] Ferrari (tiếng Ý).

- Anh cho rằng hắn sẽ cố giữ Rivarez ở lại đây?

- Tôi cho rằng hẳn ta sẽ tìm cách treo cổ anh ấy cho bằng được.

Martini thoáng liếc nhìn Gemma. Nước da chị tái nhợt, nhưng gương mặt chị vẫn không hề biến sắc về câu nói vừa rồi. Rõ ràng là ý nghĩ ấy đã chẳng mới mẻ gì đối với chị.

Chị bình tĩnh bảo:

- Vị tất hẳn đã làm được việc đó mà không qua một thủ tục nào. Nhưng có thể hẳn sẽ viện một cứ gì đấy để lập ra tòa án binh tại chỗ, hòng sau đó thanh minh cho mình, bảo là do tình hình an ninh của thành phố đòi hỏi.

- Thế còn Hồng y giáo chủ? Liệu ông ta có thuận để tình hình diễn ra như thế không?

- Việc quân sự ông ta không có thẩm quyền.

- Không có, nhưng ông ta lại có ảnh hưởng rất lớn. Nếu ông ta không thuận thì liệu Giám binh có dám đi đến bước ấy không?

Marccone ngắt lời:

- Đời nào Giám binh có được sự

thuận ý ấy. Montanelli bao giờ cũng phản đối việc lập các hội đồng quân sự và mọi thứ kiểu đó. Chừng nào chúng còn giữ anh ấy ở lại Brisighella thì chưa thể xảy ra tình hình gì nghiêm trọng đâu, vì Hồng y thường bênh vực các tù nhân. Điều tôi sợ là họ đưa anh ấy đi Ravenna. Đến đó thì coi như anh ấy xong đời.

Michele nói:

- Nhất định chúng ta không để anh ấy bị giải đến đây. Chúng ta có thể tìm cách đánh tháo giữa đường chứ! Nhưng làm sao đưa được anh ấy ra khỏi pháo đài, đó lại là chuyện khác.

Gemma bảo:

- Theo tôi, không nên hoài công chờ đợi cơ hội chúng giải anh ấy đi Ravenna. Chúng ta phải có biện pháp ngay tại Brisighella, không thể để mất thời giờ được. Cesare, anh với tôi nên cùng nhau nghiên cứu lại bản đồ pháo đài xem có nghĩ ra được cách gì không. Tôi đã có một ý tưởng, nhưng còn có điểm mắc mớ chưa giải quyết được.

Michele đứng dậy, nói:

- Đi thôi, Marccone, ta đi để cho anh chị ấy bàn tính kế hoạch. Chiều nay tôi phải đi xuyên đường đến Fognano^[19], và

tôi muốn anh cùng đi. Lẽ ra đạn phải tới đây từ hôm qua rồi, mà sao chưa thấy Vincenzo^[20] gửi gì cả?

[19] Fognano (tiếng Ý, đọc là Phô-nha-nô): Một địa điểm trong lãnh địa Giáo hoàng. Michele phải đi xuyên đường núi để vượt qua biên giới vào lãnh địa Giáo hoàng.

[20] Vincenzo (tiếng Ý): Đọc là Vin-tren-txô.

Khi hai người đi rồi, Martini lại gần Gemma và lặng lẽ chìa tay cho chị. Chị đặt những ngón tay của mình giây lát trong tay anh.

Sau cùng, chị bảo:

- Cesare, bao giờ anh cũng là người bạn tốt, luôn sẵn sàng giúp tôi trong lúc gian lao. Bây giờ ta bàn tính kế hoạch đi.

Chương III

- Thưa Đức Hồng y, một lần nữa tôi xin khẩn thiết cam đoan với ngài rằng, nếu ngài khước từ thì yên tĩnh của thành phố này sẽ lâm nguy.

Tuy viên Giám binh vẫn phải cố giữ vẻ kính cẩn đối với bậc giáo phẩm cao

cấp của Giáo hội, nhưng giọng nói của hắn nghe đã có ý bực dọc. Gan hắn rối loạn, vợ hắn đang nợ những khoản kèch sù và ba tuần nay tính tình hắn đã phải chịu nhiều thử thách tàn nhẫn. Tâm trạng dân chúng oán hờn và bất mãn, chiều hướng nguy hiểm trong thái độ của họ mỗi ngày một rõ nét; khắp trong địa phận đều đầy rẫy âm mưu phản loạn, đâu đâu cũng có cất giấu vũ khí, đồn binh trấn giữ thì kém hiệu lực mà lòng trung thành của quân lính lại rất đáng ngờ; đã thế lại còn thêm một ông Hồng y giáo chủ mà hắn thống thiết mô tả cho viên sĩ quan phụ tá của mình, rằng đó là “hiện thân trọn vẹn của thói bướng bỉnh”, và rằng ông ta đã đẩy hắn đến bờ vực của tuyệt vọng. Ấy

vậy mà giờ đây hắn lại đang sa lầy vào cái gã Ruồi trâu, một hình tượng tinh túy và sống động của ác quỷ^[1].

[1] Of the spirit of mischief (tiếng Anh): Cũng là tà thần (evil spirit).

Sau khi khai mào bắn bị thương cả thằng cháu yêu lẫn tay thám tử đặc lực nhất của hắn, đến nay tên “quỷ thọt Tây Ban Nha” ấy lại vẫn tiếp nối những kỳ công y đã lập trên sân chợ, bằng cách mua chuộc được lũ lính canh, uy hiếp được các sĩ quan thẩm vấn và “biến nhà tù thành chuồng nuôi gấu trong vườn bách thú”. Ruồi trâu bị nhốt trong pháo đài đã ba tuần nay mà các nhà đương cục

Brisighella vẫn lao tâm khổ tứ trong việc bàn tính cách xử trí. Họ đã thăm vấn anh hết đợt này đến đợt khác. Và để lấy được lời khai nhận của anh, mọi thủ đoạn dọa dẫm, thuyết phục, và cả mọi mưu mẹo tinh vi mà trí thông minh của họ có thể nghĩ ra, họ đề đã thi thố cả rồi, thế nhưng tất cả những cái đó đều vẫn đã “khôn khéo” y nguyên như hôm mới bắt được anh mà thôi. Bây giờ họ đã bắt đầu hiểu ra rằng, giá tống cổ Ruồi trâu đi Ravenna ngay từ đầu thì tốt biết bao nhiêu. Thế nhưng, muốn sửa sai thì đã quá muộn rồi. Sau khi nhận được bản báo cáo của Giám binh về việc bắt Ruồi trâu, trong đó ông ta khẩn cầu một ưu ái đặc biệt là được đích thân giám sát cuộc điều tra vụ

này, thì Đặc sứ^[2] của Giáo hoàng đã đặc cách phê chuẩn yêu cầu đó. Vì vậy, giờ đây hẳn không thể rút lại được nữa, bởi lẽ như vậy khác nào phải chịu nhục thú nhận rằng mình đã bị dối thủ qua mặt mất rồi.

[2] Legate (tiếng Anh): Đặc sứ thay mặt Giáo hoàng trong các Đặc khu (Legations) thuộc Giáo hoàng.

Như Gemma và Michele đã đoán trước, hẳn đã coi ý tưởng giải quyết khó khăn bằng cách lập tòa án binh là giải pháp duy nhất thỏa đáng, cho nên việc Hồng y giáo chủ Montanelli khẳng khẳng khước từ yêu sách ấy đã là giọt nước cuối cùng làm đầy tràn chén nước chát

chứa bực bội của hẳn.

Hẳn nói:

- Thưa Đức Hồng y, nếu ngài biết tôi và các phụ tá của tôi đã phải khổ sở biết chừng nào vì tên này, thì chắc ngài sẽ có một thái độ khác. Tôi hoàn toàn hiểu biết và tôn trọng tinh thần tận tâm khi bác bỏ những gì là phá lệ đối với thủ tục tổ tụng, nhưng đây là trường hợp đặc biệt và đối với trường hợp đặc biệt thì cần phải có những biện pháp đặc biệt.

Montanelli đáp lại:

- Không có trường hợp đặc biệt nào lại cần đến sự bất công cả. Dùng tòa án binh bí mật để xét xử và kết án thường dân là vừa bất công lại vừa bất hợp pháp.

- Thưa Đức Hồng y, vụ việc này đáng được làm thế! Kẻ bị bắt đã công nhiên can phạm vào nhiều trọng tội. Y đã tham gia vào mưu toan phản loạn ở Savigno, và nếu như y không trốn thoát sang Tuscany thì hội đồng quan sự do *Monsignor* Spinoda chỉ định đã xử bắn y hoặc cho đi khổ sai chung thân ngay lúc bấy giờ rồi. Từ đó đến nay y vẫn không ngừng âm mưu phản loạn. Mọi người đều biết y là một thành viên có thể lực của

một trong những hội kín ôn dịch nhất trong toàn quốc. Y đã bị tình nghi nghiêm trọng là đã thuận tình, nếu không phải là xúi giục, việc ám sát ít nhất là ba nhân viên cảnh sát mật vụ. Hầu như có thể nói là y đã bị bắt trong khi đang can tội bí mật chở vũ khí vào Đặc khu này. Y còn đã vũ trang kháng cự lại nhà đương cục và làm bị thương nặng hai quan chức trong khi họ thừa hành nhiệm vụ, và hiện thời y là một mối đe dọa thường trực cho sự yên bình và trật tự của thành phố. Với án trạng như vậy, hiển nhiên việc lập tòa án binh là có đủ lý lẽ.

Montanelli trả lời:

- Bất kỳ đã làm chuyện gì, người đó cũng vẫn có quyền được xét xử theo pháp luật.

- Thưa Đức Hồng y, nếu cứ theo thủ tục thông thường thì sẽ chậm trễ, mà trong vụ việc này, mỗi phút đáng giá ngàn vàng. Sau hết, tôi còn không ngớt lo sợ rằng y có thể đào thoát.

- Vạn nhất có nguy cơ đó thì nhiệm vụ của ông là phải canh gác anh ta cho cẩn thận hơn.

- Thưa Đức Hồng y, tôi đã làm hết sức, nhưng dù sao tôi vẫn phải trông vào đội lính gác nhà tù. Song dường như bọn

chúng đều đã bị hấn ta mê hoặc ráo cả rồi. Ba tuần qua, tôi đã thay lính gác cả thảy bốn lần, luôn bắt phạt lính tráng đến mệt bã cả người, mà vẫn không ăn thua gì. Chúng tiếp tục đưa thư ra thư vào, mà tôi không sao ngăn nổi. những tên ngu xuẩn ấy mê y như mê đàn bà vậy.

- Chuyện ấy rất lạ lùng đấy. Anh ta phải có một khả năng đặc sắc gì đó.

- Y có một lô khả năng đặc sắc về trò quý sứ đấy ạ! Xin Đức Hồng y tha lỗi, nhưng quả là y đủ sức thách đố cả lòng kiên nhẫn của cả một vị thánh. Chuyện nghe khó tin, nhưng chính vì thế tôi đã phải tự mình đứng ra trực tiếp tiến hành

mọi cuộc thẩm vấn y, chứ một sĩ quan thông thường là không sao chịu nổi đâu ạ.

- Thế là thế nào?

- Thưa Đức Hồng y, điều ấy khó giải thích lắm, nhưng có lúc nào ngài nghe qua cái cách y đối đáp, ngài tự khác sẽ hiểu ngay. Có thể thấy rằng, lúc ấy sĩ quan thẩm vấn hóa ra tội phạm, còn y thì lại trở thành quan tòa.

- Y làm thế nào mà ghê gớm đến thế được? Dĩ nhiên, y có thể từ chối không chịu trả lời câu hỏi của các ông, nhưng ngoài im lặng ra, y còn thứ vũ khí nào

khác nữa đâu?

- Y còn có một miệng lưỡi sắc bén như dao cạo nữa ạ. Thừa Đức Hồng y, chúng ta ai cũng là người đời^[3] hầu hết đều có lúc phạm phải những sai lầm mà ta chẳng muốn bị đem ra bêu riếu. Đó chẳng qua chỉ là bản tính con người, thế mà nay ai đó có những sơ suất từ hàng hai chục năm trước lại bị bới móc ra mà văng vào mặt mình thì quả là khó chịu...

[3] We are all mortal (tiếng Anh): Cũng là người phạm, người trần, con người có thể chết... Ở đây là con người có thể có khuyết điểm, sai lầm, nhưng cách nói của viên đại tá là xác xược, xúc phạm đến Montanelli.

- Rivarez đã tố giác chuyện bí mật cá nhân gì của viên sĩ quan thẩm vấn ra ư?

- Vâng... quả có thể... hồi còn là sĩ quan kỵ binh, anh bạn đáng thương ấy đã mắc nợ và có tạm vay một món tiền nhỏ trong quỹ của trung đoàn...

- Thực ra là ăn cắp tiền của công đã ủy thác cho anh ta chứ gì?

- Thừa Đức Hồng y, dĩ nhiên thế là rất xấu, nhưng bạn bè đã hoàn trả lại giúp ngay rồi và chuyện đó đã được im đi, - anh ta vốn là con nhà tử tế mà lại, - và từ đó trở đi, anh ta cũng không hề bị chê trách gì nữa cả. Thế mà Rivarez moi đâu

chả biết, đến khi hỏi cung việc đầu tiên y làm là đã nói toạc chuyện bê bối cũ đó ra, mà lại nói ngay cả trước mặt các cấp dưới nữa! Và y nói với bộ mặt hiền khô như đang cầu kinh vậy! Lẽ dĩ nhiên đến nay chuyện đó đã loan ra toàn cõi Đặc khu rồi. Thừa Đức Hồng y, ngài chỉ cần có mặt ở một buổi hỏi cung, tôi tin chắc ngài sẽ rõ ngay... Không cần cho y biết tí gì về chuyện đó cả. Ngài có thể ngồi nghe kín ở chỗ nào đấy...

Montanelli quay ngoắt lại nhìn viên Giám binh với vẻ mặt rất khác thường, ít khi có ở ông.

- Tôi là một thừa tác viên của tôn

giáo^[4] chứ không phải là mật thám của cảnh sát. Các hình thức nghe trộm đều không phải là trách nhiệm nghề nghiệp của tôi.

[4] A minister of religion (tiếng Anh): Từ ngữ Công giáo, ý là nhà phụng sự (phụng hành) tôn giáo.

- Tôi... tôi không hề có ý xúc phạm...

- Tôi thiết tưởng ta không cần phải thảo luận vấn đề này nữa làm gì vô ích. Nếu ông cho đưa tù nhân đến đây, tôi sẽ hỏi chuyện anh ta.

- Thưa Đức Hồng y, tôi xin rất kính

cần mạo muội khuyên ngài nên bỏ ý định ấy. Con người này hoàn toàn không thể cải hóa được nữa đâu ạ! Lần này phải vượt qua câu chữ trong pháp luật mà ra tay trừ khử y, không để y gây ra tai họa mới, như thế sẽ an toàn và sáng suốt hơn. Thật vô cùng mạo muội nếu tôi vẫn cả gan cố chấp đối với những điều Đức Hồng y đã nói, nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn phải chịu trách nhiệm trước Đức Hồng y Đặc sứ^[5] về tình hình trật tự của thành phố...

[5] Monsignor the Legate (tiếng Ý và tiếng Anh): Đặc sứ của Giáo hoàng cũng thường ở cấp Hồng y giáo chủ.

Montanelli ngắt lời:

- Còn tôi, tôi chịu trách nhiệm trước Thiên Chúa và Đức Thánh cha để sao cho trong giáo phận của tôi không xảy ra điều ám muội. Ông đại tá, vì ông đã thúc ép tôi trong vấn đề này, tôi đành phải đứng vững trên đặc quyền của Hồng y giáo chủ của tôi. Trong thời bình tôi không thể cho phép lập tòa án binh bí mật trong thành phố này. Tôi sẽ tiếp tù nhân ở đây, và tiếp một mình, vào mười giờ sáng mai.

- Xin tùy ý Đức Hồng y.

Giọng hờn dỗi nhưng rất kính cẩn, viên Giám binh trả lời, đoạn hẳn ta vừa

bước ra vừa lâu bầu một mình:

- Thật là xứng đôi, bướng bỉnh chẳng kém gì nhau.

Hắn không cho ai biết cuộc hỏi chuyện^[6] sắp tới, mãi cho tới lúc thực sự phải tháo cùm và đưa tù nhân sang lâu đài. Với thằng cháu đang mang thương tích, hắn đưa ra nhận xét rằng: thật là quá đủ, bây giờ Đức con chí tôn dòng dõi con lừa của Balaam^[7] lại đứng ra làm luật, bất chấp cả nguy cơ bọn lính mưu mô với Rivarez cùng đồ đảng của y đánh tháo cho y ở dọc đường nữa cơ đấy!

[6] Nguyên văn tiếng Anh là interview, tức cuộc

phỏng vấn.

[7] Most Eminent son of Balaam's ass (tiếng Anh): Ý chê trách Montanelli là cực kỳ bướng bỉnh. Ở đây mô phỏng một tích trong Kinh Thánh về chuyện một con lừa dù bị đánh đập cũng không theo lệnh chủ (Balaam), lại còn dùng tiếng của con người để mắng lại chủ. Cũng có một tích kể rằng Balaam được lệnh vua cưỡi lừa đi nguyên rửa dân Do Thái, nhưng Chúa Trời không cho phép, phải thiên sứ xuống làm cho con lừa không chịu đi, dù bị chủ đánh đến ba lần.

Montanelli đang ngồi viết ở chiếc bàn chất đầy giấy má. Khi Ruồi trâu bị bọn lính dày đặc áp giải vào phòng, anh chợt nhớ lại chiều hè oi ả năm xưa, anh đã ngồi lặn gờ bản thảo các bài giảng đạo trong một căn phòng làm việc rất giống căn phòng này. Lúc ấy cửa chớp đã được

khép lại để tránh nóng như bây giờ, còn ở bên ngoài lại có tiếng người bán trái cây rao vang: “*Fragola! Fragola!*”^[8].

[8] Dâu tây đây! Dâu tây đây!

Anh giận dữ hất ngược mớ tóc xõa xuống mắt rồi cố làm ra vẻ mỉm cười.

Montanelli rời mắt khỏi những giây tờ, ngược nhìn lên.

Ông bảo toán lính áp giải:

- Các con ra đợi ở phòng ngoài.

Viên đội rõ ràng là rất căng thẳng, hạ thấp giọng mở lời:

- Xin Đức Hồng y tha lỗi, quan đại tá bảo là tên tù này nguy hiểm và bảo là nên...

Cặp mắt Montanelli bỗng như tóe lửa. Nhưng ông vẫn ôn tồn nhắc lại:

- Các con ra đợi ở phòng ngoài.

Thế là viên đội sợ hãi làm động tác chào, mồm lắp bắp xin lỗi rồi cùng toán lính bước ra khỏi phòng.

Khi cửa đã đóng lại, Montanelli bảo:

- Mời ông ngồi!

Ruồi trâu lặng lẽ nghe theo. Sau một phút im lặng, Montanelli bắt đầu:

- *Signor* Rivarez, tôi muốn hỏi ông mấy câu, nếu ông trả lời thì tôi hết sức cảm ơn.

Ruồi trâu mỉm cười:

- Công việc chính... chính của tôi bây giờ là nghe... nghe người ta hỏi cung.

- Và... không trả lời chứ gì? Tôi có nghe nói thế. Nhưng những câu hỏi ấy là của các quan chức đang điều tra vụ việc của ông và nhiệm vụ của họ là sử dụng những câu trả lời của ông làm chứng cứ.

- Thế còn... còn những câu hỏi của Đức Hồng y thì sao?

Giọng nói lại còn ngậm chứa nhiều xúc phạm hơn cả lời nói, Hồng y giáo chủ hiểu ngay điều đó, nhưng gương mặt ông vẫn không mất đi vẻ dịu dàng mà nghiêm nghị. Ông bảo:

- Những câu hỏi của tôi thì dù ông có trả lời hay không vẫn là giữa ông với tôi

mà thôi. Nếu những câu hỏi ấy đụng chạm đến những bí mật chính trị của ông thì lẽ dĩ nhiên ông sẽ không trả lời. Ngoài ra, dù chúng ta là những người hoàn toàn xa lạ với nhau, mong rằng ông hãy cứ trả lời theo cách như vậy cho, và coi đó là một ơn huệ riêng dành cho cá nhân tôi.

- Thưa Đức Hồng y, tôi hoàn... hoàn toàn phụng mạng ngài.

Dáng nghiêng mình và vẻ mặt của anh khi nói câu đó khiến ai cũng phải hiểu rằng nếu như thế thì chẳng khác nào đi hỏi xin ơn huệ của lũ con gái của con đĩa hút máu ngựa cả^[9].

[9] Nguyên văn tiếng Anh là “to ask favours out of the daughters of the horse – leech”, hàm ý một tích trong Kinh Thánh mô tả con đĩa hút máu ngựa là giống cực kỳ tham lam, được hai mụn con gái, thì cả hai cô đều luôn miệng đòi “cho tôi nào, cho tôi nào”, còn tham lam hơn cả mẹ. Vậy hỏi xin chúng như thế chỉ hoàn toàn vô ích.

- Đã thế thì câu hỏi thứ nhất là, người ta nói ông đang bí mật chuyên chở súng ống vào địa phận này, vậy súng ống cần dùng vào việc gì?

- Để ... để giết... giết chuột.

- Câu trả lời thật đáng sợ. Vậy ông coi tất cả những người đồng bào nào không

thể suy nghĩ giống như ông đều là chuột
cả ư?

- Một... một vài người trong bọn họ.

Montanelli ngả người vào tựa ghế và
yên lặng nhìn anh một lát.

Thình lình ông hỏi:

- Tay ông làm sao thế kia?

Ruồi trâu đưa mắt nhìn tay trái mình.

- Những vết răng... răng cắn của một
vài trong những con chuột ấy.

- Xin lỗi ông, tôi hỏi bên tay kia cơ. Đó là vết thương mới.

Cánh tay phải nhỏ nhắn và linh hoạt này đã bị nhiều vết cắt và sây sát thảm hại. Ruồi trâu nâng cánh tay ấy lên. Cổ tay sưng vù, ngang cổ tay có vết tím bầm vừa sâu lại vừa dài. Anh bảo:

- Ngài thấy đấy, chỉ là chuyện... chuyện vặt ấy mà! Đội ơn Đức Hồng y, hôm tôi bị bắt - Anh lại khế nghiêng mình - một tên lính đã giẫm vào đấy.

Montanelli nâng cổ tay lên, xem xét

kỹ, rồi hỏi:

- Từ hôm ấy đến nay đã ba tuần, tại sao tình trạng lại đến nông nỗi này? Sung tấy cả lên rồi.

- Có lẽ tại mấy... mấy chiếc cùm áp vào đây còn siết chưa được kỹ lắm đó thôi.

Hồng y giáo chủ cau mày nhìn lên:

- Họ đeo cùm vào vết thương mới ư?

- Lẽ... lẽ tự nhiên, thưa ngài. Những vết thương mới chính là chỗ để đeo cùm

mà. Đeo cùm vào các vết thương cũ không ích lợi gì cho lắm, chỉ nhưc nhối thôi, chứ không... không làm chúng cháy bỏng lên như lửa đốt được.

Montanelli lại nhìn anh bằng cặp mắt vừa chăm chú lại vừa dò xét ấy. Rồi ông đứng dậy, rút ra một ô kéo chứa đầy dụng cụ phẫu thuật, mà bảo:

- Ông đưa tay đây cho tôi.

Ruồi trâu giơ tay ra, mặt anh đánh lại như thép cán nguội. Montanelli rửa sạch vết thương rồi nhẹ nhàng băng bó lại. Rõ ràng ông đã quen thuộc công việc này. Ông nói:

- Tôi sẽ có ý kiến về chuyện đeo cùm này. Còn bây giờ tôi muốn hỏi ông một câu khác: ông dự định sẽ làm gì?

- Thưa Đức Hồng y, trả... trả lời câu hỏi ấy đơn giản quá mà. Tôi sẽ vượt ngục nếu có thể. Không vượt ngục được thì sẽ chết.

- Sao lại “sẽ chết”?

- Vì nếu viên Giám binh không tìm được cách xử bắn tôi thì tôi cũng sẽ bị kết án khổ sai. Mà như thế đối với tôi cũng... cũng chẳng khác gì xử bắn. Tôi

làm gì còn có sức chịu nổi tù khổ sai.

Montanelli thư thái đặt một tay lên bàn, lặng lẽ suy tính. Ruồi trâu cũng để mặc ông ta. Anh ngả người vào tựa ghế, mắt lim dim, lười lỉnh tận hưởng cảm giác khoan khoái về cơ thể khi được thoát khỏi gông cùm.

Montanelli lại hỏi tiếp:

- Giả dụ trốn thoát được, ông sẽ làm gì cho đời ông?

- Tôi đã thừa với ngài rồi, tôi sẽ lại giết... giết chuột.

- Ông lại sẽ giết chuột. Như vậy nghĩa là nếu bây giờ tôi để cho ông trốn được khỏi đây - giả dụ tôi có quyền làm thế, - thì ông vẫn sẽ sử dụng tự do để khuyến khích, chứ không phải để ngăn ngừa bạo lực và đổ máu?

Ruồi trâu ngược nhìn tượng Chiu nạn treo trên tường:

- “Không phải là sự bằng an mà là một lưỡi gươm”^[10], chí... chí ít tôi cũng phải có tinh thần đồng đội cho tốt chứ. Tuy vậy, về phần tôi, tôi thích dùng súng ngắn hơn.

[10] “Not peace but a sword” (tiếng Anh),

cũng là “Không phải là hòa bình mà là một thanh kiếm” - lời Chúa Giêsu trong Kinh Thánh, khi nói với các tông đồ: “Các người đừng tưởng ta đến là để mang lại sự bình an cho thế gian. Ta đến không phải để mang lại sự bình an, mà là mang lại lưỡi gươm”.

Nhưng, vẫn điềm nhiên, không hề xao xuyến, Hồng y giáo chủ nói:

- *Signor* Rivarez, tôi chưa hề sỉ nhục ông mà cũng không hề coi khinh lòng tin cũng như các bạn hữu của ông. Vậy liệu tôi có thể mong ông đối xử lại với tôi cũng nhã nhặn như thế không? Hay là ông muốn tôi phải cho rằng: người vô thần không thể là người tao nhã^[11] được?

[11] Nguyên văn là gentleman (tiếng Anh), cũng là người cao quý, bậc thượng lưu hoặc quân tử.

- À, ra tôi... tôi quên khuấy mất đây. Đức Hồng y đánh giá cao và liệt nhĩ nhận vào hàng những đức tính Cơ đốc giáo kia đấy! Tôi vẫn còn nhớ bài giảng của ngài ở Florence, khi ngài nói tới cuộc bút... bút chiến giữa tôi và người bảo vệ nặc danh của ngài!

- Chính đó cũng là một trong những đề tài tôi đang muốn đàm đạo với ông. Xin ông cho biết vì đâu ông ghét cay ghét đắng tôi đến như thế? Nếu ông chỉ lấy tôi làm một cái bia tiện lợi cho việc công kích thì đó là một chuyện khác. Bây giờ

chúng ta không bàn cãi về chính trị, phương pháp tranh cãi chính trị là chuyện của riêng ông. Nhưng hồi bấy giờ tôi lấy làm lạ rằng hình như ông có thù oán riêng gì với tôi thì phải. Và nếu quả là có, thì tôi vui lòng được biết phải chăng tôi đã từng có gì sai trái đối với ông, hay là đã làm gì để gây cho ông một cảm giác như thế đối với tôi.

Đã từng có gì sai trái đối với anh! Ruồi trâu đưa cánh tay quăn đày băng lên ngang cổ họng mình, cười khẩy mà bảo:

- Tôi đành phải mời Đức Hồng y nhớ lại Shakespeare đã từng viết rằng: “Chuyện này cũng giống như chuyện một

người rất ghét mèo, một giống vật hiền lành và có ích, vậy. Mỗi ác cảm của tôi là đối với giáo sĩ. Cứ trông thấy tấm áo chùng là tôi phát đau... đau răng đến nhức nhối lên”^[12].

[12] Trích (Shakespeare), “Người lái buôn thành Venido”, màn IV, cảnh 1.

Montanelli thản nhiên phẩy tay, tỏ vẻ bỏ qua vấn đề ấy:

- Ô, nếu chỉ có thể thôi, thì... - Rồi ông nói tiếp: - Tuy nhiên, lãng mạn là một chuyện, mà xuyên tạc sự thật lại là chuyện khác. Khi đáp lại bài giảng của tôi, ông phát biểu rằng tôi biết tung tích

cây bút nặc danh kia, thì ông đã làm rồi. Tôi không kết ông vào tội cố tình nói dối, nhưng ông đã nói sai sự thật. Cho tới ngày nay tôi vẫn không hề biết tên người đó là gì.

- Ngoạ cổ sang một bên như con chi cô đỏ^[13] tinh khôn, Ruồi trâu nghiêm trang nhìn ông ta một lát, rồi đột ngột ngả người, ha hả cười vang:

[13] Robin (tiếng Anh, cũng là redbreast).

- *S-s-sancta simplicitas!*^[14] Ôi, ngài dễ thương và trong trắng chẳng kém gì người dân ở Arcadia, nên đã không sao đoán ra được! Ngài chưa... chưa bao

giờ trông thấy chiếc móng chẻ đôi^[15]
sao?

[14] Sancta simplicitas! (tiếng Latinh): “Thật là một sự ngây thơ trong trắng thánh thiện”. Tương truyền rằng câu này là của Jan Huss, linh mục người Séc, là một trong những người cải cách Thiên Chúa giáo đầu thế kỷ XV và đã bị thiêu sống. Ông đã nói câu này khi thấy một bà già khuôn củi đến giàn lửa để thiêu ông.

[15] The Cloven hoof (tiếng Anh): “Không như móng ngựa, mà giống móng dê, cừu tõe ra làm đôi, tức là móng (chân) quỷ sứ, như người ta đã tưởng tượng ở phương Tây. Ở đây, ý nói là “chơi trò quỷ sứ, một mình đóng cả hai vai”.

Montanelli đứng dậy:

- *Signor* Rivarez, vậy tôi phải hiểu là chính ông đã viết lời cho cả hai vai trong cuộc bút chiến hồi ấy chẳng?

Ngược nhìn với cặp mắt mở to, xanh biếc và vô tội, Ruồi trâu đáp:

- Làm như thế là đáng xấu hổ, tôi biết. Nhưng cái gì ngài cũng nuốt... nuốt chửng hết như nuốt ruột sò hén ấy! Làm như thế là rất sai, nhưng, ôi chao, buồn... buồn cười quá thể!

Montanelli bậm môi, lại phải ngồi xuống ghế. Ngay từ lúc bắt đầu câu chuyện, thừa biết Ruồi trâu đang tìm cách chọc tức cho mình mất bình tĩnh,

ông đã quyết tâm cố trấn tĩnh trong mọi tình huống. Nhưng bây giờ ông bắt đầu tìm ra được những lý do để thông cảm với nỗi phẫn uất của viên Giám binh. Một con người mà ba tuần lễ vừa qua, ngày nào cũng mất hàng hai tiếng đồng hồ để hỏi cung tên Ruồi trâu này, thì dù có lỡ mồm buột ra câu nguyên rủa nào thì cũng có thể tha thứ được.

Ông bình tĩnh nói:

- Ta gác chuyện ấy lại đã. Còn việc tôi muốn gặp ông chẳng qua chỉ vì lý do sau đây: với cương vị của tôi ở đây là Hồng y giáo chủ, nếu tôi muốn đòi được sử dụng đặc quyền của mình, tôi sẽ có

một tiếng nói nào đó trong việc xử trí đối với ông. Nhưng nếu có khi nào tôi phải dùng đến đặc quyền ấy thì sẽ chỉ duy nhất là để can thiệp trong trường hợp người ta dùng bạo lực đối với ông, mà bạo lực ấy là không cần thiết cho việc ngăn chặn ông sử dụng bạo lực đối với những người khác. Bởi thế, tôi cho mời ông đến, một phần là để hỏi xem ông có điều gì kêu ca phàn nàn không, - về chuyện gông cùm thì tôi sẽ để ý đấy, - nhưng có thể còn có điều gì thêm nữa chẳng? Ngoài ra, một phần khác, là trước khi cho ý kiến của mình, tôi thấy cũng đúng là tôi phải trực tiếp tìm hiểu xem ông là người như thế nào đã.

- Thừa Đức Hồng y, tôi chẳng có gì để kêu ca phàn nàn cả. *À la guerre comme à la guerre*^[16]. Tôi đâu phải là một cậu học trò để đi mong đợi một chính phủ nào đó xoa đầu cho mình về tội... tội bí mật chở súng ống vào địa phận của họ. Lẽ tự nhiên cái chính phủ ấy sẽ trừng trị tôi thẳng tay thôi. Còn như tôi là người thế nào, thì ngài đã có lần được nghe tôi xưng tội một cách lãng mạn rồi chứ gì nữa. Như thế chưa đủ hay sao? Hay... hay là ngài muốn nghe lại một lần nữa?

[16] *À la guerre comme à la guerre* (tiếng Pháp): *Đã chiến tranh là chiến tranh.*

Montanelli cầm chiếc bút chì lên ve vẩy bằng mấy ngón tay, lạnh lùng bảo:

- Tôi không hiểu ông nói gì.

- Đức Hồng y hẳn chưa quên ông lão hành hương Diego đấy chứ?

Anh đột ngột đổi giọng, nói hết như lão Diego vậy:

- “Tôi là kẻ có tội rất khôn khổ...”.

Cây bút chì gãy đánh rắc trong bàn tay Montanelli. Ông nói:

- Quá quắt lắm rồi đây!

Ruồi trâu ngả đầu ra phía sau với một tiếng cười nhỏ nhẹ, rồi cứ ngồi nhìn theo Hồng y giáo chủ đang lặng lẽ đi đi lại lại trong phòng.

Cuối cùng Montanelli dừng bước trước mặt anh.

- *Signor* Rivarez, ông đã làm với tôi một việc mà ai sinh ra từ một người nữ^[17] cũng vẫn phải chùn tay khi làm việc đó với kẻ thù tệ hại nhất của mình. Ông bới móc nỗi đau khổ riêng của tôi và đã mang nỗi buồn thương của đồng loại ra để giễu cợt và bông đùa. Một lần

nữa tôi khẩn cầu ông cho biết tôi đã từng làm điều gì sai trái đối với ông chưa? Nếu chưa thì tại sao ông lại nhẫn tâm xỏ xiên tôi như thế?

[17] Nguyên văn như vậy (a man who was born of a woman). Ta thường nói là “do cha sinh mẹ đẻ mà ra” nhưng Công giáo chỉ thừa nhận Đức Giêsu “sinh bởi người nữ” (born of a woman), và người nữ này (Đức mẹ Maria) chỉ chịu thai do quyền phép Chúa Thánh Linh (Holy Spirit), do đó vẫn là đồng trinh (Virgin Mary, Đức mẹ Maria đồng trinh). Câu “born of a woman” là trích dẫn nguyên si từ các thánh thư (epistles) của Thánh Phaolô (Paul), được coi là một thánh tông đồ năng động nhất và nhà thần học hàng đầu của Kitô giáo.

Ruồi trâu ngả lưng vào những nệm ghé, ngược nhìn với nụ cười ý nhị, buốt lạnh và bí ẩn của mình.

- Thưa Đức Hồng y, tại vì nó làm tôi thích... thích thú đấy ạ. Mà mọi chuyện ấy lại đều đã làm ngài phải ghi lòng tạc dạ đến thế cơ mà! Cho nên nó cũng khiến tôi có phần nhớ... nhớ lại gánh xiếc rong...

Tái nhợt đến cả đôi môi, Montanelli quay ngoắt đi và rung chuông. Toán lính áp giải bước vào, ông bảo:

- Các con có thể đưa người tù này về.

Khi họ đã ra khỏi, ông ngồi vào bàn viết, tay tuy cầm lấy tập tờ trình do các

linh mục trong giáo phận đệ lên ông, mà người ông vẫn run lên vì cơn phẫn nộ chưa từng có.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Nhưng rồi ông lại đẩy ngay tập tờ trình ấy ra, gục đầu xuống bàn, úp mặt vào hai tay. Dường như Ruồi trâu vẫn còn để lại ít nhiều cái bóng đen ghê gớm của anh ta, và ngay cả ít nhiều dấu vết ma quái của cá tính anh ta nữa đều cũng vẫn còn lớn vồn trong phòng, đến nỗi Montanelli vẫn phải ngồi co rúm người mà run lẩy bẩy, không dám nhìn lên, chỉ sợ phải thấy sự hiện hình của con ma^[18] ấy mặc dầu ông biết là nó không còn ở

đó nữa. Bóng ma^[19] vị tất đã là một ảo giác. Nó chỉ hoàn toàn là sự tưởng tượng do thần kinh bị kích động quá mức gây nên. Nhưng ông vẫn bị ám ảnh bởi nỗi kinh hoàng khôn tả trước sự hiện hình đen tối của bóng ma... Với cánh tay đầy thương tích, với đôi môi mím cười cay độc, và với cặp mắt bí hiểm như nước biển sâu...

[18] Nguyên văn là “phantom” (tiếng Anh).

[19] Nguyên văn là “spectre” (tiếng Anh).

Ông vùng vẫy khỏi sự tưởng tượng ấy và bắt tay vào làm việc. Suốt ngày ít khi có được phút rỗi rãi nên ông không bị

câu chuyện ban sáng đến quấy nhiễu. Nhưng đêm khuya, khi bước chân đến phòng ngủ, ông lại đột nhiên bủn rủn, đứng sững lại nơi ngưỡng cửa. Nếu ông lại nhìn thấy nó trong giấc mộng thì biết làm sao đây? Song ông đã trấn tĩnh ngay được và đến quỳ trước tượng Chịu nạn để cầu nguyện.

Thế nhưng suốt cả đêm, ông vẫn không sao chợp mắt được.

Chương IV

Song cơn giận đã không khiến cho Montanelli lơ là với lời hứa của mình. Cái kiêu gông cùm Ruồi trâu như vậy đã bị ông phản đối cực lực đến nỗi viên Giám binh xấu số kia đâm ra quần trí và cũn đành tuyệt vọng liêu mạng tháo bỏ mọi cùm xích cho Ruồi trâu. Rồi hẳn ta cầu nhàu với viên phụ tá:

- Không biết Đức Hồng y còn định phản đối gì nữa đây? Đơn giản chỉ có đôi cùm tay mà ngài đã cho là “độc ác”, thì chẳng bao lâu nữa ngài cũng sẽ đòi bỏ nốt các chấn song sắt cửa sổ hoặc bắt tôi phải dâng cả sò huyết và nấm hương cho Rivarez cũng chưa biết chừng. Thời tôi còn trẻ, kẻ gian phi^[1] là kẻ gian phi,

chúng phải được xử trí đích đáng và hồi bấy giờ chẳng ai cho kẻ phản nghịch lại có tí gì tốt hơn thằng ăn cắp cả. Nhưng thời bấy giờ, xúi giục làm loạn đã thành một rồi, nên ý chừng Đức Hồng y thiên về khuyến khích mọi kẻ côn đồ trong khắp cả nước chắc!

[1] Malefactors (tiếng Anh, ngôn từ của tòa án và cảnh sát): Cũng là kẻ gian manh, kẻ bắt lương, kẻ thủ ác.

Viên phụ tá nhận xét:

- Tôi chẳng hiểu ông ta nhúng tay vào làm cái trò gì. Ông ta chẳng phải là Đặc sứ, làm gì có thẩm quyền về các việc dân

sự và quân sự. Theo luật thì...

- Còn nói đến luật làm gì nữa! Từ khi Đức Thánh Cha mở toang cửa nhà tù và để cho cả lũ ác ôn tự do chủ nghĩa được tháo cũi sổ lồng ra chọi lại chúng ta, thì cậu còn mong ai tôn trọng gì luật với lệ nữa! Đích thị là u mê ráo cả rồi! Ai chẳng biết *Monsignor* Montanelli bây giờ lên mặt rồi. Dưới triều Đức Thánh Cha cố Giáo hoàng^[2] thì ông ta khá là nhũn, nhưng nay ông ta ra vẻ kẻ cả lắm rồi. Một bước tót ngay lên hàng sủng thần, muốn làm gì tùy ý. Mình làm sao địch nổi ông ta? Biết đâu ông ta chẳng đã nhận được mật dụ từ Vatican rồi cũng nên. Bây giờ mọi sự đảo điên cả rồi,

sống lần hồi chẳng biết ngày mai sẽ ra sao. Thời buổi vàng son xưa kia người ta còn biết trông cậy vào đâu, chứ thời buổi bây giờ...

[2] Túc Giáo Hoàng Grêgôriô XVI.

Rồi viên Giám binh ngán ngẩm lắc đầu. Y thấy cái thế giới này ngày càng trở nên quá rắc rối đối với y rồi, một khi các vị Hồng y lại bận tâm đến cả những chuyện lật vật trong chế độ nhà tù, bàn luận đến cả “quyền lợi” của các chính trị phạm nữa.

Còn về phần Ruồi trâu thì anh trở về nhà tù trong pháo đài với một trạng thái

điên dại. Cuộc gặp Montanelli đã làm cho sức chịu đựng của anh căng thẳng đến đỉnh điểm. Câu nói tàn tệ cuối cùng về gánh xiếc rong anh thốt ra khi đã tuyệt vọng đến cực độ, chỉ là để cắt đứt cuộc nói chuyện ấy, bởi lẽ nếu nó chỉ kéo dài thêm năm phút nữa chắc anh sẽ phải chấm dứt nó trong nước mắt mà thôi.

Lại bị gọi lên thẩm vấn ngay chiều ngày hôm ấy, anh đã chẳng làm gì khác hơn là cười sằng sặc như điên như dại trước mọi câu hỏi nêu cho anh. Cho đến khi viên Giám binh đã hết kiên nhẫn nổi, đâm cáu tiết và xoay ra chửi bới âm ỉ thì anh lại chỉ càng cười vô độ hơn bao giờ hết. Viên Giám binh phận rui ấy bèn nổi

hết cơn giận lôi đình lên và dọa dẫm kẻ tù nhân cứng đầu cứng cổ của mình bằng những hình phạt ghê gớm không tưởng tượng nổi. Thế nhưng rốt cuộc rồi cũng như James Burton xưa kia, ông ta đã phải đi đến kết luận rằng không hơi sức và tâm trí đâu mà đi cãi lý với một kẻ đã cuồng trí đến như vậy.

Ruồi trâu lại một lần nữa bị giải về ngục tối. Anh nằm lăn xuống ổ lót trong một tâm trạng chán nản đen tối và tuyệt vọng nó vẫn thường theo sau những cơn chấn động đầy huyền não của anh. Anh cứ nằm như thế đến tận chiều, không cử động, thậm chí không nghĩ ngợi gì nữa. Sau cơn xúc động dữ dội sáng nay, anh

đã rơi vào một tình trạng nửa vô cảm kỳ lạ, trong đó đau khổ đối với anh hầu như chỉ còn là một trọng lượng cơ giới trơ trên đê nặng lên một vật bằng gỗ mà nó đã quên rằng đó chính là tâm hồn. Và nói cho cùng, mọi việc dù có kết thúc ra sao cũng chẳng can hệ gì cho lắm. Điều quan trọng duy nhất đối với bất kỳ một sinh vật có tri giác nào là làm sao thoát khỏi nỗi đau đớn không sao chịu đựng nổi, còn nỗi đau đớn ấy sẽ được giải tỏa do hoàn cảnh đã thay đổi hoặc do năng lực cảm giác của con người đang lịm dần, chuyện đó chẳng có gì quan trọng. Có thể là anh sẽ trốn thoát được, mà cũng có thể anh sẽ bị chúng sát hại, trường hợp nào thì anh cũng sẽ không bao giờ được thấy

mặt *padre* nữa, tất cả sẽ chỉ còn là phù phiếm và phiền não mà thôi.

Một người lính gác mang bữa chiều lại cho anh, nhưng anh chỉ thờ ơ nhìn lên bằng cặp mắt trĩu nặng.

- Máy giờ rồi?

- Sáu giờ. Thưa ông, phần ăn chiều của ông đây.

Anh tởm lợm nhìn suất ăn nguội lạnh, ôi thiu, đã xông mùi, và quay mặt đi. Đang đau yếu về thể chất và chán ngán về tinh thần, nhìn thức ăn anh thấy buồn

nôn.

Người lính vội khuyên:

- Nếu ông không ăn thì ốm mất. Dù sao cũng cố ăn chút bánh, ông ạ. Ăn bánh thì tốt đấy.

Anh ta nói với một giọng sốt sắng là lạ, cầm miếng bánh ướt át giơ lên rồi lại đặt xuống đĩa. Toàn bộ con người hoạt động bí mật bùng tỉnh dậy trong Ruồi trâu. Anh đoán ra ngay có cái gì được giấu kín trong miếng bánh.

- Anh cứ để đấy, dần dần tôi sẽ ăn

một ít.

Anh hững hờ nói vậy vì cửa còn mở, tên đội đứng ở cầu thang có thể nghe thấy hết từng lời trao đổi giữa hai người.

Khi cửa ngục đã khóa lại, và yên chí là không có ai nhìn qua lỗ nhòm, anh cầm miếng bánh lên thận trọng bẻ dần từng mảnh. Quả nhiên, như anh chờ đợi, trong bánh có một bó giữa con, bọc trong một mảnh giấy có chữ viết bên trên. Anh cẩn thận vuốt thẳng mảnh giấy, đem ra chỗ còn chút ánh sáng lờ mờ trong xà lim. Chữ được viết sít sịt vào một khoảng chật hẹp, giấy lại mỏng dính, nên rất khó đọc:

“Cửa không khóa. Đêm không trăng. Cửa chấn song cho mau và ra theo đường hầm vào khoảng hai đến ba giờ đêm. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cả rồi, có lẽ không còn dịp nào khác”.

Anh bòn chòn vò nát mảnh giấy. Thế là mọi việc đều đã được chuẩn bị sẵn sàng, anh chỉ việc cửa cho được chấn song cửa sổ. Rất may là chân tay không còn gông cùm nữa rồi, anh không phải mất thời giờ cửa gôm cùm nữa. Cửa sổ có bao nhiêu chấn song nhỉ? Hai, bốn, mỗi chấn song phải cửa hai chỗ, là tám^[3]. Ô, nếu tiến hành gấp thì đến đêm là anh có thể làm xong được... Gemma

và Martini xoay xử thế nào mà bố trí được mọi việc nhanh như thế, phải đủ cả đồ cải trang, hộ chiếu, và chỗ ẩn núp nữa chứ? Nhất định là hai người đã phải làm việc quần quật suốt ngày đêm mới được thế... Và, sau hết, chính là kế hoạch của Gemma đã được chấp nhận rồi đây. Anh bật cười thâm về cái ngớ ngẩn của chính mình: kế hoạch của Gemma hay không của Gemma, nào có quan trọng gì, miễn sao tốt là được rồi! Tuy vậy, anh vẫn không thể không vui vui trong lòng, vì chính Gemma là người đầu tiên nghĩ ra việc sử dụng đường hầm, chứ không phải dùng thang dây để leo xuống như những dân buôn lậu đề nghị. Kế hoạch của Gemma tuy phức tạp và khó khăn hơn,

nhưng lại không gây rủi ro cho tính mạng của người lính phải canh gác bên ngoài mặt tường phía đông. Vì thế, khi hai phương án như được bày ra trước mắt anh, anh đã không chút do dự, chọn ngay phương án của Gemma.

[3] Nguyên bản như vậy.

Theo cách bố trí này, người lính gác thân thiện mang biệt hiệu “Dế mèn” phải chộp ngay cơ hội đầu tiên, không để cho các bạn lính biết, mở khóa cánh cửa sắt từ sân nhà tù dẫn tới đường hầm dưới chân tường thành, rồi lại treo chìa khóa vào chỗ cũ trong phòng lính gác. Còn Ruồi trâu, khi đã được tin thì phải cưa

chân song cửa sổ xà lim, xé áo sơ mi thành từng sợi tết lại làm dây mà tụt xuống mặt tường rộng phía đông sân nhà tù. Tới tường rồi, anh phải bò toài dọc theo mặt tường, khi tên lính canh quay mặt đi thì bò, hễ hấn nhìn lại thì phải dán chặt người xuống mặt tường. Ở góc tường phía đông nam có một tháp canh nhỏ đã nửa phần cũ nát. Ở mức độ nào đó, nhờ có dây thường xuyên leo mọc chằng chịt nên tháp còn tạm trụ lại được. Nhưng từng khối lớn đá vụn đã đổ vào trong sân, chất thành đống áp vào tường. Anh phải từ trên tháp nhỏ bám vào đám dây thường xuyên mà tụt xuống đống đá vụn này để xuống được sân, nhẹ nhàng đẩy cửa hầm đã mở khóa, men theo

đường hầm vào một địa đạo nối tiếp. Cách đây mấy thế kỷ, địa đạo này là một hành lang bí mật nối liền pháo đài với một tháp canh trên đồi bên cạnh. Bây giờ không ai dùng đến địa đạo này nữa nên nhiều chỗ đã bị đá lở xuống che lấp. Nhưng chính những dân buôn lậu chứ không phải ai khác đã đào một lỗ hang được nguy trang rất cẩn thận từ một sườn núi thông tới địa đạo và chỉ có họ mới biết con đường này.

Không ai có thể ngờ rằng từng đồng hàng cấm lâu nay vẫn thường nằm nhiều tuần ngay dưới chân các tường thành của pháo đài, trong khi bọn viên chức nhà đoan vẫn phí công lùn khảm các nhà dân

trên núi trước những cặp mắt giận dữ đầy hận thù của các sơn dân. Chính từ lỗ hang này, Ruồi trâu phải bò ra sườn đồi bên cạnh, rồi nhân lúc đêm tối, mò tìm đến một nơi hẻo lánh đã có Martini và một dân buôn lậu chờ sẵn. Điều khó khăn lớn duy nhất là không phải đêm nào cũng có cơ hội để mở khóa cửa sập sau giờ đi tuần ban chiều, và việc tụt từ cửa sổ xuống cũng không thể tiến hành được trong đêm nào trời quá sáng, vì có rủi ro lớn sẽ bị lính canh phát hiện. Nhưng giờ đây, khi đã thực sự xuất hiện một cơ may thành công rất tốt đẹp rồi, anh không sao bỏ lỡ được.

Anh ngồi xuống ăn một ít bánh. Bánh

mì chí ít không đến nỗi tởm lợm như những thức ăn khác của nhà tù, và chẳng anh phải cố nuốt lấy chút gì vào bụng để lấy sức.

Anh cũng thấy mình nên ngả lưng và cố chợp mắt một lát, vì nếu bắt đầu cura ngay trước mười giờ thì sẽ không an toàn, mà trước mặt anh còn cả một công việc ban đêm rất vất vả.

Như vậy là dù sao *padre* vẫn đã nghĩ cách cho anh trốn thoát. Đây đúng là cách ứng xử của *padre*. Nhưng, về phần mình, không đời nào anh chịu chấp nhận chuyện đó. Thà là bất kỳ cách gì khác cũng vẫn hơn! Nếu anh trốn thoát được,

đó phải là công sức của bản thân anh và của các đồng chí của anh. Anh không thềm nhờ vào ơn huệ của các cha cố.

Sao nóng thế nhỉ! Chắc trời sẽ nổi cơn dông và nổ ra sấm sét. Không khí sao nặng nề và ngột ngạt đến thế. Anh liên tục trở mình trên ổ lót và đưa cánh tay phải quán đây băng trên gối đầu. Nhưng anh vội rút tay ra ngay, sao cánh tay ấy cháy lên như lửa đốt và thiêu bỏng rần rần như vậy! Rồi tất cả các vết thương cũ đều thi nhau nhức nhối lên với kiểu day dứt ê chề và âm ỉ? Có chuyện gì với những vết thương ấy nhỉ? Ồ, bậy nào! Chỉ là do thời tiết, trời sắp nổi cơn dông đó thôi. Anh sẽ đánh một giấc, nghỉ ngơi

tí chút rồi sẽ bắt tay vào cửa giũa.

Tám chân song^[4], mà toàn là những chân song to và chắc thế kia! Còn phải cửa bao nhiêu chiếc nữa nhỉ? Chắc chẳng còn bao nhiêu nữa đâu. Hẳn là anh đã cửa đến mấy giờ đồng hồ rồi, - những giờ vô cùng tận ấy! Phải, dĩ nhiên là thế nên cánh tay mới nhức vậy... Mà nhức thế nào cơ chứ? Nhức thấu đến tận xương! Nhưng chả lẽ vì cửa mà nhức cả một bên sườn nữa? Lại còn nhức rần rật như lửa đốt cả ở bên chân khắp khiễng nữa... Cũng do cửa cả sao?

[4] Nguyên bản như vậy: "Eight bars".

Anh choàng dậy. Không, anh chưa hề ngủ, anh chỉ mơ màng với đôi mắt mở to. Anh chỉ mơ thấy cửa chấn song thối, chứ mọi việc vẫn còn sờ sờ ra đó cả. Những chấn song cửa sổ vẫn còn kia, vẫn nguyên vẹn, vẫn to và chắc như bao giờ hết. Tiếng chuông từ một tháp chuông xa xôi vọng lại đúng mười tiếng. Anh phải bắt tay vào việc thối.

Anh nhìn qua lỗ nhòm, thấy không có ai rình mò, anh rút ra một chiếc giũa giấu trong ngực áo.

Không, anh chẳng việc gì đâu, chẳng sao hết! Đó hoàn toàn chỉ là tưởng tượng. Việc anh thấy đau ở cạnh sườn chỉ

là do khó tiêu hoặc bị lạnh bụng, hay một chuyện gì đại loại như thế mà thôi. Điều ấy cũng không có gì lạ lắm sau ba tuần với những thức ăn và bầu không khí không sao chịu nổi đến như vậy của nhà tù. Còn toàn thân đau nhức và rần rật cả lên chẳng qua một phần do thần kinh quá căng thẳng và một phần do thiếu vận động. Phải, chính thế đấy, do thiếu vận động, không còn nghi ngờ gì nữa. Thế mà không nghĩ ra từ trước được, vô lý quá!

Tuy vậy, anh vẫn phải tạm ngồi nghỉ một chút cho cơn đau qua đi rồi hãy bắt tay vào làm. Chắc chỉ một hai phút cơn đau sẽ qua ngay thôi.

Nhưng ngồi yên lại là tệ hại hơn hết, vừa ngồi xuống anh đã bị nó hành ngay, mặt anh tái xám đi vì kinh hoảng. Không, anh phải đứng dậy, bắt tay vào làm đi thôi, phải vùng vẫy mà trút bỏ cơn đau. Đau hay không là do ý chí của mình cảm biết hay không cảm biết cái đau; và anh sẽ không cảm biết cái đau, anh sẽ bắt cái đau phải rút lui.

Anh bèn lại đứng dậy, đồng dục và rành rọt tự bảo mình:

- Ta có ốm đâu, ta không có thời giờ để ốm. Ta phải cưa bằng được những chấn song kia, và ta sẽ không ốm.

Rồi anh bắt đầu cưa chân song.

Mười giờ mười lăm, mười giờ rưỡi, mười giờ bốn lăm... Anh mãi miết cưa, cưa mãi, mỗi nhát giữa siết ken két vào sắt đều như có ai cưa giữa vào thân thể và não bộ anh. Anh cười gằn tự bảo:

- Chẳng biết kẻ nào sẽ bị cưa đứt trước, ta hay chân song? - Rồi anh lại nghiên răng cưa tiếp.

Mười một giờ rưỡi. Anh vẫn cưa, mặc dù tay anh đã tê cứng và sưng phồng, và tưởng chừng không nắm nổi chiếc giữa nữa. Không, anh không dám ngừng lại để nghỉ, vì nếu rời chiếc giữa

gớm ghiếc này ra là sẽ không còn đủ can đảm để bắt đầu lại nữa.

Ngoài cửa có tiếng chân bước của người lính gác rồi có tiếng báng súng của anh ta cạ vào khung cửa sắt. Ruồi trâu ngừng cưa, ngoái cổ lại nhìn, chiếc giũa vẫn trong bàn tay đang giơ lên. Phải chăng anh đã bị lộ? Một viên tròn nhỏ được búng qua lỗ nhòm, nằm trên sàn xà lim. Anh bỏ giũa cúi xuống nhặt: thì ra một mẩu giấy vo tròn.

*

* *

Sao lâu thế nhỉ, tụt mãi mà không đến đất? Mà lại có những đợt sóng đen ngòm ập lên người anh - chúng gầm thét mới ghê chứ!

À, phải rồi! Anh chỉ đang cúi xuống nhặt mẩu giấy lên thôi. Anh có hơi bị choáng váng, nhiều người khi cúi xuống vẫn thường bị thế cả. Anh chẳng sao cả đâu, chẳng sao hết.

Anh nhặt viên giấy lên, đem ra chỗ sáng và bình tĩnh mở ra xem:

“Bất kể thế nào cũng phải ra đêm nay. Mai Dé mèn sẽ bị chuyển đi nơi khác. Đây là thời cơ duy nhất của

chúng ta”.

Anh hủy mẫu giấy như đã hủy mảnh giấy nhận được trước đây, cầm giũa lên, trở lại với công việc một cách lì lợm, làm lũi và liều mạng.

Một giờ. Anh đã làm việc được ba tiếng đồng hồ rồi, trong tám chấn song thì sáu chiếc đã được cưa đứt. Chỉ còn hai chiếc nữa là có thể trèo ra được...

Anh bắt đầu hồi tưởng lại những lần trước kia anh đã từng bị những con đau dữ dội như thế hành hạ. Lần đau gần đây nhất là vào dịp năm mới. Anh rùng mình nhớ đến năm cái đêm ấy. Nhưng lần ấy,

cơn đau không đến đột ngột thế. Chưa bao giờ anh thấy cơn đau nổi lên đột ngột như bây giờ.

Anh buông lơ chiếc giũa và mù quáng vung cả hai tay về phía trước mà cầu nguyện trong niềm tuyệt vọng vô biên, và đây là lần đầu tiên kể từ khi anh trở thành người vô thần. Anh cầu nguyện một cái gì đó, - cầu nguyện không cái gì cả, - cầu nguyện hết thảy mọi cái.

- Đừng ốm đêm nay! Ôi, để mai ta hãy ốm! Đến mai bất ta chịu đựng cái gì cũng được, miễn là không phải đêm nay.

Anh đứng im lặng một lát, hai tay bóp

chặt thái dương, rồi lại một lần nữa cầm
giũa lên, và lại một lần nữa trở lại với
công việc của mình.

Một giờ rưỡi. Anh đã bắt đầu cưa đến
chiếc chân song cuối cùng. Ống tay áo
anh đã rách bươm; đôi môi anh ứa máu,
còn trước mắt anh là một màn sương đỏ,
và mồ hôi đang chảy nhễ nhại trên trán,
nhưng anh vẫn cưa, cưa, cưa mãi...

*

* *

Mãi tận sau rạng đông Montanelli mới

chợp mắt được. Suốt đêm khổ sở vì thao thức, ông đã kiệt sức và đã thiếp đi được một lúc. Thế rồi ông bắt đầu mê sảng.

Mới đầu cơn mê của ông còn mù mịt và hỗn độn. Những mẫu hình tượng và ảo tưởng cứ theo nhau hiện ra loáng thoáng và rời rạc, nhưng tất cả đều cùng mờ mờ có chung một ý niệm vật lộn và đau khổ, có chung bóng dáng của một nỗi khiếp sợ mơ hồ. Rồi giờ đây ông lại mơ đến cái chúng mắt ngủ và đó chính là một giấc mơ xưa cũ, ghê gớm và quen thuộc đã từng gieo rắc khủng khiếp cho ông suốt bao năm trời. Và mặc dù trong cơn mê, ông vẫn nhận biết được rằng chính mình trước đây đã trải qua tất cả những cảnh

như đã thấy trong mộng.

Này đây, ông thấy mình đang lang thang ở một nơi trống vắng, cố tìm lấy một xó yên ổn để có thể đặt mình ngủ một giấc. Nhưng đâu đâu ông cũng thấy người ta lên xuống tấp nập, chuyện trò, cười cợt, la hét, cầu nguyện, rung chuông và khua gõ cả những nhạc cụ bằng kim loại. Đôi khi ông thấy mình ra thoát khỏi chốn huyền ảo ấy được một quãng ngắn và đã đặt được mình xuống, lúc trên bãi cỏ, lúc trên một tấm ghế gỗ dài, lúc lại trên một phiến đá nào đó. Ông nhắm chặt mắt lại, dùng cả hai tay che mắt cho khỏi chói và tự nhủ thầm: “Bây giờ chắc ta sẽ ngủ được đây”. Nhưng những đám đông lại

ào ào kéo đến, kêu la, hò hét, gọi tên ông, van nài ông: “Tỉnh dậy đi! Tỉnh dậy mau lên, chúng tôi đang cần ông đây!”.

Và, này đây, ông đang ở trong một lâu đài nguy nga, giữa những căn phòng lộng lẫy, phòng nào phòng nấy đều có những giường, đệm cùng những chiếc sofa và đi văng vừa thấp lại vừa êm. Màn đêm buông xuống, ông tự nhủ thầm: “Đây rồi, cuối cùng nhất định là ta đã tìm được chỗ yên tĩnh để ngủ được”. Nhưng khi ông đã chọn được một căn phòng tối, vào đây nằm, thì bỗng có ai đó bước vào, tay cầm một cây đèn chói lóa đến rọi vào mắt ông một cách tàn nhẫn, mà bảo: “Dậy đi, người ta đòi ông kia!”.

Ông lại dậy, lại đi lang thang, lảo đảo và loạng choạng như một sinh vật bị thương nặng sắp chết. Và nghe các chuông đồng hồ điểm một giờ, ông biết rằng một nửa khoảng đêm quý báu nhưng ngắn ngủi đến thế đã trôi qua. Hai, ba, bốn, năm... đến khoảng sáu giờ toàn thành phố sẽ tỉnh dậy và sẽ không còn gì là yên tĩnh nữa.

Ông lại sang một căn phòng khác. Vừa định ngã mình xuống giường thì đã thấy từ đông chần đệm có kẻ đã nhòm dậy, hét lên: “Đây là giường của tôi!”. Lòng đầy tuyệt vọng, ông lại bỏ đi nơi khác.

Đồng hồ đã điểm hết giờ nọ sang giờ kia, vậy mà ông vẫn thất thủ hoài hoài từ phòng này sang phòng khác, từ nhà này sang nhà khác, từ hàng lang này sang hành lang khác. Bình minh xám ngắt và kinh hoàng đang mỗi lúc một bò lại gần; đồng hồ đã điểm năm tiếng; đêm đã trôi qua, vậy mà ông vẫn chưa tìm được chỗ nghỉ ngơi! Ôi, khốn khổ này! Một ngày nữa lại đến, một ngày nữa!

Ông đang trong một hành lang ngầm dưới đất; hành lang dài, xây theo hình vòm thấp nên tưởng chừng như vô tận. Hành lang rục ánh chói lòa của những đèn và nến. Và những tiếng chân khiêu vũ, tiếng cười nói, tiếng nhạc rộn ràng

vẫn từ trên mái vòm dội xuống qua các lớp chấn song. Ở *trên kia*, trên thế giới của những người đang sống trên đầu mình, hẳn là đang có hội hè gì. Ôi, giá mình tìm được một chỗ nào để trốn vào mà ngủ, một chỗ nhỏ xíu thôi cũng được, dù đó là một lỗ huyệt. Chưa nói xong, ông đã sây chân rơi xuống một lỗ huyệt mở rộng. Một lỗ huyệt mở rộng đang bốc mùi chét chóc và rữa nát... A, nào có hề chi, ngủ được là tốt rồi!

Xịch có tiếng: “Đây là mồ của tôi!”. Đó là Gladys. Bà nhô đầu lên, mắt trừng trừng nhìn ông qua chiếc khăn liệm rữa nát. Ông bèn quỳ sụp xuống, chìa hai tay về phía bà.

- Gladys! Gladys! Thương tôi một chút với! Cho tôi bò vào chỗ trống chật hẹp này để ngủ đi! Tôi không nài xin tình yêu của em, tôi không đụng tới người em, tôi không dám nói với em một lời nào, mà chỉ xin em cho tôi nằm xuống bên cạnh và ngủ yên đi! Ôi, em yêu! Biết bao lâu nay tôi không được ngủ rồi! Tôi không chịu đựng thêm được một ngày nào nữa! Ánh sáng đang chiếu chói lói vào linh hồn tôi, tiếng động đang đập nát bộ não tôi ra thành tro bụi. Gladys! Cho tôi vào đây ngủ đi em!

Rồi ông định kéo tấm khăn liệm của bà để che lên mặt mình, nhưng bà đã né

mình, hét lên:

- Ông là linh mục, làm thế là có tội phạm thánh^[5] đây!

[5] Sacrilege (tiếng Anh): Xem từ trang 288.

Ông lại cứ thế lang thang mãi. Rồi ông ra đến một bờ biển, bước trên những mỏm đá trơ trụi, bên trên có ánh nắng thiêu đốt dữ dội, còn bên dưới là sóng nước đang âm thầm rên rỉ, muôn thuở than van cho nỗi bất an của mình. Ông bảo: “A, biển chắc sẽ có lòng thương xót ta hơn! Vì biển cũng như ta, mệt đến chết mà vẫn không sao ngủ được!”.

Thì Arthur lại đã từ chôn thăm sâu
nhô lên mà thét rằng: “Biển này là của
tôi!”.

*

* *

- Thân lạy Đức Hồng y! Thân lạy Đức
Hồng y!

Montanelli choàng dậy. Người hầu
cận của ông đang gõ cửa. Ông đứng dậy
như một cái máy, bước ra mở cửa. Và
người hầu ngạc nhiên thấy sao mặt ông
thất sắc và hoảng hốt đến thế.

- Thừa Đức Hồng y, ngài ôm ạ?

Montanelli đưa cả hai tay lên sờ trán:

- Không, ta đang ngủ thiếp đi, mà con làm ta giật cả mình.

- Xin Đức Hồng y xá tội. Con ngỡ là đã nghe thấy tiếng chân ngài bước trong phòng từ sáng sớm nay, và con tưởng là...

- Bây giờ trưa lắm rồi ư?

- Bẩm đã chín giờ rồi ạ. Ông Giám binh đã đến và nói có việc rất quan

trọng, ông biết rằng ngài thường dậy sớm và...

- Ông ấy ở dưới nhà phải không? Ta xuống bây giờ.

Montanelli mặc quần áo rồi xuống nhà dưới.

Viên Giám binh mở lời:

- Tôi đang sợ rằng việc tôi đến trình Đức Hồng y như thế này là không đúng nghi lễ.

- Tôi hy vọng không có chuyện gì xảy

ra chứ?

- Có chuyện rất hệ trọng đây ạ! Suýt nữa Rivarez đã trốn thoát.

-Ồ, chùng nào anh ta vẫn chưa làm được việc đó thì chưa có gì tai hại xảy ra cả. Chuyện ra sao?

- Bẩm chúng tôi vớ được hắn ta ở trong sân, ngay cạnh cửa sắt nhỏ. Khoảng ba giờ sáng, khi đội tuần tra đi qua sân để kiểm tra, một tên lính vấp phải một vật gì trên mặt đất. Dem đèn lại soi thì thấy Rivarez nằm ngất ở ngay trên lối đi. Họ liền báo động ngay tức khắc và gọi tôi dậy. Khi tôi đến xem xà lim giam hắn

thì thấy các chân song sắt đều đã bị cưa đứt và có một đoạn dây tết bằng vải áo vẫn còn đang lơ lửng mắc vào một chân song. Hắn ta theo dây tết xuống rồi bò dọc theo tường thành. Té ra cửa sắt dẫn tới các hầm ngầm đã không khóa. Điều đó cho thấy có thể là bọn lính canh đã bị mua chuộc.

- Nhưng thế nào mà anh ta lại ra nằm ngang ở lối đi? Anh ta ngã từ trên tường thành xuống và bị thương ư?

- Lúc đầu tôi cũng nghĩ thế, thưa Đức Hồng y, nhưng y sĩ nhà tù khám không thấy có dấu vết gì do ngã cả. Tên lính trực phiên ngày hôm qua báo cáo rằng

lúc đem phân ăn chiều đến thì thấy Rivarez tối qua có vẻ ốm nặng không ăn uống gì được. Nhưng chuyện ấy chắc chắn là xằng bậy. Người ốm không thể nào cưa đứt được bấy nhiêu chân song, lại còn bò dọc mặt tường thành được như thế nữa. Không có lý nào như thế cả.

- Bản thân anh ta đã có khai gì chưa?

- Thưa Đức Hồng y, hắn còn đang bất tỉnh.

- Đến tận bây giờ?

- Hắn mới chỉ tỉnh thoảng hơi nửa

tỉnh nửa mê, rên rỉ rồi lại ngất đi.

- Thật lạ lùng. Ông bác sĩ nghĩ sao?

- Ông ta cũng chẳng biết nghĩ thế nào cả. Ông ta không tìm được di chứng đau tim nên cũng không giải đáp được là do đau tim. Nhưng dù là bệnh trạng gì đi nữa, vẫn thấy chắc chắn được rằng chuyện ngất đi đã xuất hiện đột ngột, đúng vào lúc hấn sắp thoát thân. Riêng tôi, tôi tin là do sự trùng trị trực tiếp của một Đấng Quan phòng^[6] nhân từ, nên hấn đã bị quật ngã ngay tại nhãn tiền^[7].

[6] A providence (có bản in là “a Providence”, tiếng Anh). Nếu viết Providence thì nghĩa là Thiên

Chúa Quan phòng. Xem từ trang 42.

[7] Was struck down (tiếng Anh): Bị trừng trị (hạ gục) ngay trước mắt, tức thì.

Montanelli hơi cau mày. Ông hỏi:

- Bây giờ các ông định làm gì với anh ta?

- Đó là vấn đề tôi sẽ phải giải quyết trong mấy ngày rất gần đây. Còn hiện thời, tôi đã thu được một bài học tốt, là hễ tháo cùm cho hắn thì kết quả như thế đấy, mặc dù tôi đã hết lòng tôn kính Đức Hồng y.

Montanelli ngắt lời:

- Tôi mong rằng chí ít các ông sẽ không cùm anh ta lại nữa trong khi anh ta còn đang ốm. Người đã trong thể trạng như ông mô tả thì khó lòng mưu toan chạy trốn được nữa.

Bước ra khỏi phòng, viên Giám binh lầm bầm một mình:

- Ta sẽ phải rất cẩn thận để hấn không giở giói gì được. Đức Hồng y muốn tình cảm chi li đến đâu mặc xác ngài, việc gì phải quản ta vẫn cứ quản. Rivarez nay đã được cùm khá chặt rồi, thì sắp tới vẫn cứ sẽ như thế, dù hấn ốm hay không.

*

* *

- Sao lại như thế được nhỉ? Mọi việc đã được chuẩn bị sẵn sàng cả rồi, đã ra đến ngay tận cửa rồi mà đến phút cuối cùng lại ngất đi là làm sao! Như một trò trớ trêu oái oăm thế nào ấy.

Martini đáp lời:

- Mình bảo cậu nhé, điều duy nhất mình có thể nghĩ ra là: một trong những con đau cũ chắc chắn đã xảy tới. Lúc còn

có sức bao nhiêu, anh ấy đã cố vật lộn với nó bấy nhiêu, nhưng xuống đến sâu sức cùng lực kiệt thì ngất đi thôi.

Marcone điên giận gõ tẩu thuốc cho tàn rơi xuống.

- Thôi, dù sao chuyện đến thế là hết rồi, bây giờ chúng ta cũng chẳng làm được gì cho anh ấy nữa, khổ thân anh bạn.

- Khổ thân anh bạn!

Martini hòa lời qua một hơi thở. Anh chột bắt đầu hiểu rằng đối với bản thân

anh, nếu không có Ruồi trâu thì thế giới này sẽ trở nên trống trải và sâu thẳm.

- Chị ấy nghĩ thế nào?

Marcone hỏi vậy và đưa mắt nhìn về phía cuối phòng, nơi Gemma đang ngồi một mình, hai tay thần thờ buông trên lòng, cặp mắt nhìn thẳng vào cõi hư vô phía trước mặt.

- Tôi cũng chưa hỏi. Từ khi tôi đem tin về đến giờ, chị ấy chẳng nói gì cả. Lúc này tốt nhất là ta cứ để chị ấy yên.

Gemma đã không tỏ vẻ gì cho thấy

rằng chị nhận biết trong phòng còn có họ, nhưng cả hai người đều vẫn hạ thấp giọng thì thầm, y như họ đang nhìn vào một thi thể vậy. Sau giây lát ảm đạm ngắn ngủi, Marcone đứng dậy cất tẩu thuốc, rồi bảo:

- Đến chiều tôi sẽ trở lại.

Nhưng Martini ra hiệu ngăn anh lại.

- Đừng đi vội, tôi có chuyện cần bàn với anh. - Martini càng hạ thấp giọng, gần như thì thầm. - Anh có tin là thực sự không còn hy vọng gì nữa không?

- Tôi không thấy còn có thể có hy vọng gì nữa bây giờ. Chúng ta không thể toan tính được một lần nữa đâu. Cho dù Rivarez có khỏe lại, đủ sức đảm đương chẳng nữa, thì chúng ta cũng không sao gánh vác được phận sự của chúng ta. Đám lính gác bị tình nghi đều đã bị thay cả rồi. Để mèn cũng không thể có cơ may một lần nữa được, anh hãy tin chắc như thế.

Đột nhiên Martini hỏi:

- Anh có nghĩ rằng, khi Rivarez hồi sức lại, ta có cách gì đánh lạc được sự chú ý của tụi lính gác không?

- Đánh lạc sự chú ý của tụi lính gác?
Ý anh là thế nào?

- À, tôi chợt có ý nghĩ như thế này. Đến ngày lễ Viếng Minh Thánh^[8], khi đám rước lễ đi qua sát pháo đài, nếu tôi trà trộn vào chặn đường viên Giám binh mà bắn vào mặt hắn, thì thế nào tất cả bọn lính gác cũng sẽ đổ xô lại bắt tôi, có lẽ vài người đồng chí các anh có thể giúp Rivarez nhân lúc hỗn loạn mà tháo chạy được. Thật ra đây chưa đáng là một kế hoạch, mà mới chỉ là một ý thoáng hiện ra trong đầu mà thôi.

[8] Corpus Domini day (tiếng Latinh và tiếng Anh): Cũng gọi là ngày Viếng Thánh Thể hoặc Lễ Minh Máu Thánh, một trong những ngày lễ trọng

của Công giáo, thường tiến hành vào tháng sáu hàng năm.

Với vẻ mặt trở nên hết sức nghiêm trọng, Marcone đáp:

- Tôi e vị tất đã làm được thế. Tất nhiên cũng phải suy nghĩ rất nhiều xem làm như thế sẽ đưa đến hậu quả gì. Nhưng...

Anh dừng bước, nhìn Martini:

- Nhưng... nếu có thể làm được thế, thì... anh có sẽ làm không?

Martini vốn là con người thường ngày

rất dè dặt, thế nhưng đây không phải là thường ngày nữa rồi. Anh nhìn thẳng vào mắt Marcone.

Anh đai lại: - Tôi có sẽ làm không hả? - Rồi bảo: - Cứ nhìn chị ấy xem.

Không cần giải thích gì thêm nữa. Khi nói thế anh đã nói lên tất cả. Marcone quay lại nhìn về phía cuối buồng.

©DTV: <http://www.dtv-ebook.com>

Từ lúc họ bắt đầu câu chuyện đến giờ, chị vẫn không mảy may cử động. Trên gương mặt chị không có vẻ gì là ngờ vực, sợ hãi và thậm chí cả đau buồn nữa.

Trên khuôn mặt ấy không có gì nữa, mà chỉ còn có bóng đen của thần chết. Nhìn chị, cặp mắt anh lệ đã ứa tràn.

Anh đẩy bật cánh cửa trông ra hàng hiên mà gọi:

- Nhanh lên, Michele! Hai cậu đã sắp xong cả chưa? Còn hàng đồng việc phải làm nữa đấy!

Michele vội từ hàng hiên bước vào, theo sau là Gino.

- Tôi sẵn sàng rồi. Tôi chỉ còn định hỏi *signora*...

Anh đang tiến bước về phía chị thì Martini đã nắm lấy cánh tay anh.

- Đừng động đến chị ấy. Để chị ấy một mình thì hơn.

Marccone nói thêm:

- Cứ để chị ấy thế! Chúng ta xen vào chẳng hay ho gì đâu. Chúa biết chúng ta ai cũng khổ cả, nhưng chị ấy còn đau khổ hơn nhiều, tội nghiệp thay một linh hồn!

Chương V

Suốt cả tuần, Ruồi trâu nằm trong một tình trạng kinh hoàng. Cơn đau lần này thật dữ dội, thế nhưng viên Giám binh do sợ hãi và bối rối lại đã trở nên hung hãn. Chẳng những y cùm cả chân tay anh lại, mà còn đòi bằng được cả việc dùng dây da cột chặt anh xuống ổ lót. Dây da siết căng đến nỗi cứ hơi động đậy là cứa ngay vào các thớ thịt. Cho tới tận cuối ngày thứ sáu, anh vẫn cắn răng chịu đựng hết thảy với tinh thần khắc khổ quyết liệt và ngoan cường. Nhưng rồi tính kiêu hãnh của anh cũng đã nhụt xuống và anh đành nuốt nước mắt khẩn cầu người y sĩ nhà tù cho một liều thuốc phiện. Người y

sĩ rất muốn cho ngay. Nhưng viên Giám binh được tin có yêu cầu ấy thì đã thẳng thừng cấm ngặt “mọi sự đại đột tương tự”. Y bảo:

- Ông làm sao biết được hấn xin thuốc phiện để làm gì? Đây đúng là hấn đã giả vờ hết như mọi khi và đang định đánh thuốc mê tên lính canh, hoặc lại định giở trò quỷ quái gì đấy. Rivarez là thằng tinh ranh dám làm mọi chuyện chứ không vừa đâu.

Người y sĩ cố nhin cười đáp:

- Liều thuốc tôi có cho anh ta cũng chẳng đủ giúp anh ta đánh thuốc mê lính

canh được đâu. Còn chuyện giả vờ thì cũng không đến nỗi đáng sợ lắm. Xem chừng anh ta chết đến nơi rồi.

- Dù sao, tôi cũng không cho phép việc cho hắn uống thuốc phiện. Nếu muốn ưa nhẹ thì hắn phải biết điều mới được chứ. Hắn hoàn toàn đáng phải chịu một chế độ kỷ luật nghiêm khắc một chút. Đó có lẽ sẽ là một bài học dạy cho hắn chớ chơi trò bịp bợm về chân song xà lim một lần nữa.

Người y sĩ đánh bạo nói:

- Nhưng pháp luật không chấp nhận việc tra tấn, mà như thế này là đang đi

mập mé đến chỗ đó một cách rất nguy hiểm rồi đấy.

Viên Giám binh độp lại:

- Theo tôi, pháp luật không hề nói gì đến thuốc phiện cả.

- Cái đó tùy ông quyết định thôi, thưa đại tá. Nhưng tôi mong bất kỳ thế nào ông cũng nên cho cởi bỏ dây da ra. Trói như thế chỉ làm cho anh ta thêm khổ sở một cách không cần thiết. Bây giờ không sợ anh ta chạy trốn nữa rồi. Dù ông có thả ra, anh ta đứng cũng đứng chẳng nổi nữa.

- Quý ông tốt bụng của tôi ơi, tôi cho rằng, dù là bác sĩ cũng vẫn có thể phạm sai lầm như mọi người khác thôi. Tôi đã trói được hấn ngon lành rồi, thì hấn cứ sẽ yên vị như thế.

- Vậy, chí ít ông cũng phải cho nói dây ra một chút. Cứ siết căng như thế đích thị là dã man rồi còn gì.

- Dây trói thế nào thì vẫn cứ để nguyên xi thế ấy. Và thưa ông, tôi sẽ xin cảm ơn ông nếu ông đừng nói đến chuyện dã man với tôi nữa. Nếu tôi đã làm là tôi có đủ lý do.

Cứ như thế đêm thứ bảy trôi qua mà

không có một sự nói dối nào. Suốt đêm nghe những tiếng rên xiết như xé lòng người, người lính ở vị trí đứng gác ngoài cửa xà lim đã phát rùng mình, chốc chốc lại phải làm dấu thánh giá. Cuối cùng sức chịu đựng của Ruồi trâu đã phải giã từ anh.

Sáu giờ sáng, ngay trước khi đổi gác, người lính kia khẽ mở cửa bước vào xà lim. Anh ta biết như thế là phạm kỷ luật rất nặng, nhưng nếu trước khi đi không thân tình an ủi Ruồi trâu lấy một câu thì anh không đành lòng.

Anh thấy Ruồi trâu nằm im không động đậy, mắt nhắm nghiền, mồm há hốc.

Anh đứng lặng người đi một lúc rồi cúi xuống hỏi:

- Thưa ông tôi có thể giúp ông được gì không? Tôi chỉ ở đây được một phút thôi.

Ruồi trâu mở mắt, rên rĩ:

- Cứ mặc tôi! Cứ mặc tôi...

Người lính chưa kịp lên trở về vị trí của mình, anh đã thiếp đi.

Mười ngày sau, viên Giám binh lại đến lâu đài xin yết kiến, nhưng được biết

Hồng y giáo chủ đã đi thăm người ốm ở Pieve d'Ottavo ^[1] mãi tận chiều mới về. Nhưng tối hôm ấy, mới ngồi vào bàn ăn, y đã được đẩy tờ vào báo:

[1] Pieve d'Ottavo (tiếng Ý).

- Đức Hồng y muốn nói chuyện với ông.

Viêm Giám binh vội soi gương thấy sắc phục đã chỉnh tề bèn lên mặt cực kỳ đường bệ mà bước vào phòng khách. Montanelli đang ngồi, bàn tay nhẹ nhàng vỗ nhịp vào tay ghế, mà nhìn ra cửa sổ với một nếp nhăn lo âu hẳn xuống giữa hai hàng lông mày.

Ông cắt ngang những câu khách sáo dài dòng của viên Giám binh bằng một dáng vẻ có phần uy nghi chưa từng thấy ở ông khi ông nói với các con dân.

- Nghe nói sáng nay ông đến xin yết kiến tôi. Có lẽ ông cũng đến vì câu chuyện mà chính tôi cũng đang muốn nói với ông.

- Thưa Đức Hồng y, về việc Rivarez đây ạ.

- Tôi cũng đồ chừng thế. Máy ngày qua tôi cũng đã suy nghĩ nhiều về việc

này. Nhưng trước khi ta bàn việc này, tôi muốn nghe xem ông có điều gì mới định trình với tôi.

Viên Giám binh lúng túng giật ria mép.

- Thưa Đức Hồng y, sự thật là tôi đã đến để xem ngài có điều gì chỉ bảo không đây ạ. Nếu ngài vẫn phản đối chủ trương tôi định tiến hành, thì tôi thành thực vui lòng xin được nghe lời khuyên nhủ của ngài. Thật lòng tôi chẳng biết nên làm thế nào cả.

- Có khó khăn gì mới hay sao?

- Chả là thứ năm tới đây sẽ là ngày mừng ba tháng sáu, là lễ Viêng Minh Thánh, vấn đề phải được giải quyết bằng cách này hay cách khác trước ngày đó.

- Thứ năm là lễ Viêng Minh Thánh, hẳn là thế rồi. Nhưng tại sao lại phải đặc biệt giải quyết trước ngày đó?

- Thưa Đức Hồng y, tôi hết sức ân hận nếu có vẻ gì như tôi đã làm trái ý ngài, nhưng nếu chưa trừ khử được Rivarez trước ngày hôm đó thì tôi không sao gánh chịu trách nhiệm được về sự yên bình của thành phố này. Chắc ngài đã biết, ngày hôm đó những phần tử hung bạo nhất của sơn dân sẽ tụ tập lại trong thành

phổ và rất có khả năng là chúng sẽ mưu toan phá bung các cửa pháo đài để đưa hẳn ra. Nhất định chúng không thể thành công được, tôi sẽ ra tay đối phó, dù có phải dùng súng đạn mà quét sạch chúng khỏi các cửa ngõ pháo đài. Nhưng rất có khả năng là ta sẽ phải đương đầu với một chuyện đại loại như thế nội trong ngày hôm ấy. Dân Romagna này tính khí ngổ ngáo lắm, một khi họ đã rút dao ra thì...

- Tôi thiết nghĩ chỉ cần thận trọng một chút là ta có thể ngăn chặn không để tình hình đi đến chỗ phải rút dao ra đâu. Tôi vẫn luôn thấy rằng dân ở đây rất dễ hòa hợp nếu ta đối xử với họ cho hợp tình hợp lý. Dĩ nhiên là một khi ông đã trở

mặt đi dọa dẫm và ép buộc người dân Romagna thì anh ta mới sẽ trở nên bất trị thôi. Nhưng ông có lý lẽ gì để đồ rằng đang có mưu toan mới nhằm đánh tháo cho Rivarez?

- Ngày hôm qua và sáng nay, các thám tử mật vụ của tôi đã báo cáo rằng, trong toàn vùng hiện đang loan truyền cực nhiều tin đồn cho thấy chắc chắn là dân chúng đang chuẩn bị gây ra tai họa gì đó. Nhưng chúng tôi vẫn chưa nắm được chi tiết, nếu biết thì đã dễ có biện pháp đề phòng. Còn về phần tôi, từ sau vụ hoảng hồn bữa nọ, tôi nghiêng về phía càng phải sao cho thật an toàn. Với con cáo tinh ranh như Rivarez không thể không

cẩn thận cho ra trò được.

- Mới đây tôi có nghe nói là Rivarez ốm nặng, không cử động hay nói năng gì được. Vậy bây giờ anh ta đang bình phục rồi sao?

- Thưa Đức Hồng y, bây giờ hẳn có vẻ khá hơn trước nhiều rồi. Đúng là hẳn đã có lúc ốm nặng – trừ những trường hợp hẳn luôn luôn giả vờ.

- Ông có lý do gì để đồ chừng khả năng này?

- À vâng, ông y sĩ có vẻ tin chắc là

mọi chuyện đều thật cả, nhưng đây là loại bệnh hết sức bí ẩn. Dù sao chẳng nữa, hắn đã đang bình phục và càng trở nên ương bướng hơn bao giờ hết.

- Hắn đã làm những gì?

Sực nhớ đến món dây da, viên Giám binh mỉm cười đáp:

- May thay, hắn chưa làm được gì lắm cả. Nhưng cách ứng xử của hắn là một cái gì rất khó tả. Sáng hôm qua tôi có vào buồng giam hỏi hắn vài việc. Hắn chưa khỏe lắm nên chưa thể lên chỗ tôi chịu thẩm vấn được. Và, quả vậy, chừng nào hắn chưa khỏe hẳn thì tôi thấy tốt

hơn hết là chớ nên mạo hiểm để cho ai đến gặp mặt hắn. Nếu không, biết bao nhiêu chuyện phi lý sẽ đều có thể được họ loan truyền ra bên ngoài ngay lập tức.

- Vậy là ông đã đến đây hỏi cung anh ta rồi sao?

- Thưa Đức Hồng y, vâng. Và tôi đã hy vọng rằng bây giờ hắn sẽ có thể biết điều hơn một chút.

Montanelli xét nét ngắm nhìn viên Giám binh, hệt như đang khảo sát một giống vật tuy mới được phát hiện song đã thấy rất đáng ghét vậy. Nhưng cũng may là viên Giám binh đang cúi xuống

nấn nót cái đai lưng đeo kiếm nên không nhìn thấy cái nhìn ấy. Y thản nhiên nói tiếp:

- Tôi không bắt hấn phải chịu một chế độ gì đặc biệt khắc nghiệt cả, nhưng tôi vẫn buộc phải khá nghiêm ngặt với hấn, đặc biệt bởi vì đây là nhà tù quân sự. Và lại tôi cũng nghĩ rằng nếu bây giờ tỏ ra khoan dung một chút may ra có tác dụng tốt gì chẳng. Tôi gợi ý với hấn rằng nếu hấn tỏ ra biết điều thì tôi sẽ nói lỏng kỷ luật một cách đáng kể hơn. Nhưng, thưa Đức Hồng y, ngài có đoán được hấn trả lời tôi như thế nào không? Hấn nằm nhìn tôi một lát y như con chó sói trong cũi sắt, rồi trả lời khá dịu dàng rằng: “Đại

tá, tôi không đứng dậy để bóp cổ ông được, nhưng rằng tôi khá chắc đây. Ông hãy để cái cổ họng của ông ra xa một chút!”. Hấn hung dữ như một con mèo rùng vậy.

Montanelli bình tĩnh đáp lại:

- Tôi thấy chuyện ấy chẳng có gì lạ cả đâu. Nhưng tôi đến đây là để hỏi ông một điều. Ông thành thực tin rằng nếu cứ giam Rivarez trong nhà tù ở đây thì sẽ rất nguy hại cho sự bình yên của địa phương này chứ?

- Thưa Đức Hồng y, tôi hầu như tin chắc như vậy.

- Ông nghĩ rằng muốn ngăn ngừa nguy cơ đổ máu thì nhất thiết phải dùng cách này hay cách khác để trừ khử anh ta trước ngày lễ Viếng Minh Thánh chứ?

- Tôi chỉ có thể nhắc lại rằng nếu đến thứ năm tới hẳn vẫn còn ở đây, tôi không thể trông mong gì rằng việc tiến hành lễ hội sẽ tránh khỏi có đụng độ, và có lẽ đụng độ nghiêm trọng nữa là khác.

- Và ông nghĩ rằng nếu anh ta không còn có ở đây thì sẽ không còn nguy cơ ấy nữa?

- Trong trường hợp ấy thì hoặc là sẽ không có rối loạn nữa, hoặc nhiều nhất cũng chỉ có hò hét và ném đá sơ sơ thôi. Nếu Đức Hồng y có cách nào trừ khử được hắn, tôi sẽ xin đảm bảo giữ được bình yên. Nếu không, tôi trông thấy trước là sẽ lòi thối to. Tôi tin chắc bọn chúng đang có âm mưu mới hòng cứu thoát Rivarez một lần nữa, và thứ năm tới đây dự đoán sẽ là ngày chúng tiến hành mưu toan ấy. Bây giờ giả dụ đúng vào sáng hôm đó bọn chúng bắt đồ phát hiện là hắn không còn ở trong pháo đài nữa, tự khắc kế hoạch của chúng sẽ không thành và cũng sẽ không có cơ để gây ra đụng độ nữa. Còn như nếu chúng ta phải bị động phản kích và để cho một khi hàng

đàn lũ dân chúng đã nhất tề rút dao ra cả rồi, thì e rằng trước khi trời tối thành phố này có thể sẽ bị đốt thành bình địa mất.

- Vậy tại sao ông không cho giải anh ta đi Ravenna?

- Có trời chúng giám, thưa Đức Hồng y, nếu được thế thì tôi xin đội ơn mà làm ngay! Nhưng làm sao tôi ngăn được dân chúng giải cứu cho hẵn ngay ở giữa đường? Tôi không có đủ lính để chống lại một cuộc vũ trang tấn công. Trong khi đó, mọi người dân miền núi nào ở đây cũng đều có dao hay súng kíp, hoặc vài thứ vũ khí gì đấy.

- Vậy là ông vẫn kiên trì đòi lập tòa án binh và một mục yêu cầu tôi chấp thuận?

- Xin Đức Hồng y tha lỗi, điều duy nhất tôi yêu cầu ngài là giúp tôi phòng ngừa bạo loạn và đổ máu. Tôi rất sẵn sàng thừa nhận rằng các hội đồng quân sự như kiểu của đại tá Freddi^[2] đôi khi là khắc nghiệt một cách không cần thiết, nó sẽ chỉ làm cho dân chúng phần nộ, chứ không thu phục được họ. Nhưng trong trường hợp này, tôi lại nghĩ rằng tòa án binh sẽ là một biện pháp sáng suốt và về lâu dài còn là nhân từ nữa. Nó sẽ ngăn chặn được bạo loạn, mà bản thân bạo loạn nếu nó xảy ra sẽ là một tai họa

khủng khiếp và rất có thể còn dẫn đến việc lập trở lại những hội đồng quân sự mà Đức Thánh cha đã từng hủy bỏ.

[2] Freddi (tiếng Ý): Một tên đao phủ khét tiếng trong vụ trấn áp cuộc bạo động ở Savigno năm 1843.

Viên Giám binh kết thúc bài diễn văn ngắn của mình một cách rất long trọng và chờ câu trả lời của Hồng y giáo chủ. Y đã phải đợi lâu, và câu trả lời này hóa ra lại là điều bất ngờ khiến y phải sửng sốt.

- Đại tá Ferrari, ông có tin Đức Chúa Trời không?

- Thân lạy Đức Hồng y! – Viên đại tá thở hắt ra mà kêu lên, giọng y chứa đầy dầu than!

- Ông có tin Đức Chúa Trời không?

Montanelli nhắc lại và đứng lên nhìn xuống mặt y với cặp mắt kiên định và dò xét.

Viên đại tá cũng đứng dậy:

- Thưa Đức Hồng y, tôi là một tín đồ Kitô giáo, và chưa hề bao giờ bị rút phép giải tội^[3].

[3] Absolution (tiếng Anh): Cũng là sự tha tội, sự xá giải.

Montanelli nâng chiếc thánh giá ở trước ngực mình lên:

- Vậy trước thánh giá của Đấng Cứu chuộc^[4] đã vì ông mà chịu chết, ông hãy thề là đang nói thật cùng tôi.

[4] Redeemer (tiếng Anh): Cũng là Đấng Chuộc tội, tức Chúa Kitô.

Viên đại tá đứng trơ như pho tượng, hoang mang nhìn trừng trừng vào cây thánh giá, y hết sức phân vân chẳng biết giữa mình và Hồng y giáo chủ ai là

người đã phát điên?

Montanelli nói tiếp:

- Ông đã yêu cầu tôi chấp thuận cái chết của một con người. Nếu ông cả gan, ông hãy cúi hôn thánh giá mà nói cùng tôi, rằng ông tin là không còn cách nào khác để ngăn ngừa một cuộc đổ máu to lớn hơn. Và hãy nhớ rằng, nếu ông nói dối thì ông sẽ làm cho linh hồn bất tử của ông bị lâm nguy.

Sau một thoáng im lặng, viên Giám binh cúi xuống, đưa thánh giá lên môi.

Y nói:

- Tôi tin thế.

Montanelli từ từ quay gót.

- Mai tôi sẽ trả lời ông dứt khoát. Nhưng trước hết tôi phải gặp Rivarez và một mình nói chuyện với anh ta.

- Thưa Đức Hồng y... Nếu được phép trình ngài... Tôi xin được tin chắc là ngài sẽ hối tiếc vì việc đó. Cũng về chuyện này, hôm qua chính hấn cũng đã nhắn lời lính canh xin tôi cho hấn được gặp Đức Hồng y nhưng tôi làm ngơ, vì

rằng...

Montanelli đại lời:

- Làm ngơ! Một con người trong tình cảnh như thế có lời nhắn cùng ông mà ông làm ngơ sao?

- Nếu Đức Hồng y không hài lòng, tôi xin được xá lỗi. Chả là vì tôi không dám đề ngài phải bận tâm về một thái độ hoàn toàn chỉ là xác xược ấy. Cho tới nay tôi đã hiểu biết được Rivarez khá nhiều, để tin chắc rằng hắn chỉ muốn sỉ nhục ngài mà thôi. Và, thật thế, xin ngài cho tôi mạn phép nói rằng nếu một mình lại gần hắn sẽ là cực kỳ khinh suất. Hắn thực sự

nguy hiểm, chính vì thế, quả thật, tôi đã thấy cần thiết phải áp dụng một sự kiểm chế nào đó về thể chất thuộc loại nhẹ nhàng...

- Và có thật ông thấy rằng một người ốm, tay không vũ khí, lại còn bị kiểm chế về thể chất khá nhẹ nhàng mà vẫn cứ bị coi là nguy hiểm hơn trước không?

Montanelli nói với giọng rất ôn tồn, nhưng viên đại tá cảm biết ngay ý khinh bỉ thâm lặng mà cực kỳ nhức nhối trong lời nói ấy và y tức đỏ bừng mặt. Y nói với kiêu ương bướng nhất:

- Đức Hồng y thấy điều gì là tốt hơn

cả thì xin ngài cứ việc. Tôi chỉ mong ngài khỏi bị đau lòng khi phải nghe những lời báng bổ tể hại của tên đó thôi.

- Theo ông nghĩ thì nỗi bất hạnh nào đau đớn hơn cho người Kitô giáo? Nghe một lời báng bổ hay bỏ mặc người đồng loại trong cơn cùng quẫn?

Viên Giám binh đứng ngay đơ, bộ mặt quan chức của hắn trở như mặt tượng gỗ. Ý hết sức cay cú về cách đối xử của Montanelli và biểu lộ tâm trạng đó bằng cách tỏ ra khách sáo lạ thường.

- Thưa Đức Hồng y, ngài định đến thăm tù nhân vào lúc nào?

- Tôi đến chỗ anh ta ngay bây giờ.

- Xin tùy ý Đức Hồng y. Nhưng xin ngài vui lòng chờ một chút để tôi phái người đến giúp hẳn chuẩn bị cho thật sẵn sàng đã.

Viên Giám binh đành phải từ trên bệ cao quan chức của y cuống quýt xuống nước. Y không muốn để Montanelli trông thấy những đoạn dây da.

- Cảm ơn ông. Anh ta thế nào tôi muốn gặp anh ta như thế ấy, không phải chuẩn bị gì cả. Tôi sẽ đi thẳng đến pháo

đài. Chào đại tá. Ông có thể chờ lời phúc đáp của tôi vào sáng mai.

Chương VI

Nghe tiếng mở khóa cửa xà lim, Ruồi trâu uể oải quay mặt nhìn đi nơi khác với vẻ dửng dưng. Anh cho rằng lại chỉ là tên Giám binh đến quấy rầy anh bằng một cuộc hỏi cung mới. Có tiếng chân nhiều tên lính bước lên cầu thang nhỏ hẹp, tiếng báng súng của chúng lách cách đập vào tường. Rồi có tiếng kính cản trình:

- Thừa Đức Hồng y, chỗ này dộc lắm đấy ạ.

Ruồi trâu giật bắn người, nhưng dây da đã càng siết chặt khiến anh đau điếng phải co người lại, thở hên hên.

Montanelli bước vào xà lim cùng với một viên đội và ba tên lính gác.

Viên đội luýnh quýnh bắt đầu trình bẩm:

- Xin Đức Hồng y vui lòng chờ một chút, sẽ có lính của con đem ghé lại. Nó đã đi lấy rồi đấy ạ. Đức Hồng y tha lỗi.

Nếu chúng con được biết trước là ngài đến, thì chúng con đã chuẩn bị sẵn cả rồi chứ ạ.

- Không cần chuẩn bị gì hết. Ông đội làm ơn để chúng tôi nói chuyện riêng. Ông cùng với lính của ông đội dưới chân cầu thang chứ?

- Thưa Đức Hồng y, vâng ạ. Bẩm ngài, ghé đây ạ. Ngài cho phép đặt ghế cạnh ông ta chứ ạ?

Ruồi trâu nằm, mắt nhắm nghiền, nhưng anh vẫn cảm thấy Montanelli đang nhìn mình.

- Thừa Đức Hồng y, con nghĩ là ông ta còn đang ngủ.

Viên đội cất tiếng bầm vậ, nhưng Ruồi trâu đã mở mắt. Anh bảo:

- Không đâu.

Toán lính đang còn bước ra cửa xà lim, thì đã phải dừng lại bởi có tiếng Montanelli thình lình kêu rú lên, và khi quay lại, họ thấy ông ta đang cúi xuống xem xét những vòng dây da trời quanh mình Ruồi trâu.

Ông hỏi:

- Ai làm chuyện này?

Viên đội vò chiếc mũ lính trong tay.

- Thưa Đức Hồng y, đó là do các lệnh khẩn cấp của quan Giám binh.

Montanelli phân trần, tỏ vẻ rất đau lòng.

- *Signor* Rivarez, tôi không hiểu sao lại ra như thế này.

Ruồi trâu mỉm cười chua chát, đáp:

- Tôi đã từng thưa với ngài rằng tôi

chẳng... chẳng bao giờ chờ đợi người ta
xoa đầu mình.

- Ông đội, chuyện này có từ bao giờ?

- Thưa Đức Hồng y, từ sau hôm ông
ấy định trốn.

- Nghĩa là cách đây hơn hai tuần lễ ư?
Mang dao đến đây, cắt ngay dây ra.

- Trình Đức Hồng y tha lỗi, ông y sĩ
đã định cưới trời nhưng đại tá Ferrari
không cho.

- Mang ngay dao đến đây.

Montanelli không cất cao giọng, nhưng toán lính thấy mặt ông tái đi vì giận dữ. Viên đội móc trong túi ra con dao díp, cúi xuống cắt dây trói ở tay. Nhưng không phải là con người khéo léo, anh ta lóng ngóng làm cho dây càng thít lại, khiến Ruồi trâu phải oằn người, cắn chặt môi lại, dù đã hết sức tự kiềm chế. Montanelli bước ngay lại:

- Ông không biết làm, đưa dao đây tôi.

- A... a... a!

Ruồi trâu duỗi hai tay, khoan khoái trút một hơi thở dài khi đoạn dây da rơi xuống. Một lát sau Montanelli đã cắt xong cả dây trói ở hai cổ chân.

- Ông đội, tháo nốt cả cùm cho ông ta rồi lại đây, tôi muốn nói chuyện với ông.

Montanelli ra đứng cạnh cửa sổ, theo dõi cho tới khi viên đội ném mọi chiếc cùm xuống sàn, rồi tiến lại gần anh ta, ông bảo:

- Bây giờ ông hãy kể tôi nghe mọi việc xảy ra.

Viên đội không chút miễn cưỡng, kể lại tất cả những chuyện mà anh ta biết, nào là chuyện Ruồi trâu ốm, chuyện những “biện pháp kỹ luật”, và nào là chuyện viên y sĩ định can thiệp mà không ăn thua gì.

Anh ta nói thêm:

- Nhưng thưa Đức Hồng y, theo con thì đại tá cố tình giữ nguyên lệnh trối là để làm cách lấy khẩu cung thôi ạ.

- Khẩu cung?

- Thưa Đức Hồng y, vâng. Hôm kia

con nghe đại tá nói nếu ông đây muốn được cởi trói thì – anh ta liếc mắt nhìn Ruồi trâu – phải trả lời một câu hỏi của đại tá.

Bàn tay Montanelli tì trên bậu cửa sổ bỗng nắm chặt lại. Toán lính đưa mắt nhìn nhau, vì chưa bao giờ họ thấy Đức Hồng y nhã nhặn này nổi giận cả. Còn về phần Ruồi trâu, anh đã quên bằng sự tồn tại của họ; anh đã quên hết mọi sự trên đời này, trừ cảm giác được tự do về thân thể. Bị tù túng lâu nay tứ chi, giờ đây anh hết duỗi dài, rồi lại quay trở và vắn vẹo thân mình trong một cơn sáng khoái mê ly do được giải tỏa.

Hồng y giáo chủ nói:

- Ông đội, bây giờ ông ra được rồi. Ông đừng lo là mình đã vi phạm kỷ luật, vì khi tôi đã hỏi là ông có bốn phạm phải trả lời. Phải trông coi, đừng để cho ai quấy rầy chúng tôi. Lúc xong việc tôi sẽ ra.

Khi toán lính đã ra, cửa đã đóng lại, ông đứng tựa vào bậu cửa sổ, trong giây lát nhìn ra mặt trời đang lặn, để đợi cho Ruồi trâu được hít thở không khí thêm chút nữa.

Sau đó, ông rời cửa sổ, ngồi xuống cạnh ô lót mà bảo rằng:

- Tôi được biết ông muốn nói chuyện riêng với tôi. Nếu ông thấy đã khá hơn để cho tôi biết điều ông cần nói, thì tôi xin sẵn sàng hầu chuyện ông.

Ông nói hết sức lạnh lùng, cung cách của ông cứng nhắc và uy nghi khác hẳn bản tính tự nhiên của ông. Đối với ông, Ruồi trâu khi chưa được cởi trói, chỉ là một sinh linh bị ngược đãi và hành hạ đau thương. Nhưng giờ đây ông đã nhớ lại cuộc nói chuyện bữa trước và nhớ đến lời sỉ nhục thậm tệ đã khép lại cuộc nói chuyện hôm ấy. Ruồi trâu lười lĩnh gối đầu lên một tay, ngược nhìn lên. Anh vốn có những bộ điệu duyên dáng bẩm

sinh, và khi mặt anh bị che khuất trong bóng tối, không một ai đoán biết được anh vừa đang trải qua biết bao hoạn nạn. Nhưng giờ đây, khi anh ngược nhìn lên, mặt hướng ra ánh chiều còn sáng sủa thì thấy mặt anh hốc hác và nhợt nhạt xiết bao, và thấy mới chỉ ít ngày vừa qua mà đã để lại trên anh những vết tích đau thương rõ nét nhường nào. Cơn giận dữ của Montanelli tắt ngấm.

Ông nói:

- Tôi e rằng ông đã ốm yếu tệ hại quá mất rồi. Tôi thành thực tiếc rằng tôi không được biết mọi cơ sự như thế này. Nếu biết sớm tôi đã chặn lại từ trước.

Ruồi trâu nhún vai, lạnh nhạt nói:

- Trong chiến tranh cái gì mà chẳng là đúng ^[1]. Đúng về lý thuyết, trên quan điểm đạo Cơ đốc, ngài phản đối lối trói bằng dây da, nhưng nếu mong chờ viên đại tá cũng nhìn nhận như vậy thì lại vị tất đã là đúng. Hẳn là ông ta chẳng muốn nếm mùi dây da lên chính da thịt mình đâu, - mà đó chính... chính là trường hợp như tôi đây. Nhưng đây chỉ là vấn đề tiện... tiện lợi cá nhân. Lúc này đây tôi là kẻ đang bị chà đạp dưới gót giày, - ngài còn muốn... muốn gì nào? Dù sao chẳng nữa, Đức Hồng y đến thăm tôi là rất có nhã ý. Nhưng có lẽ việc làm đó

cũng là trên quan điểm đạo Cơ... Cơ đốc mà thôi! Thăm hỏi tù nhân mà! – À phải, thế mà tôi quên khuấy đi mất. “Khi người làm điều ấy cho một trong những kẻ hèn... hèn mọn nhất này” [2], – kể ra thì cũng chưa thật đáng khen lắm, nhưng dù sao một trong những kẻ hèn mọn nhất này cũng vẫn cứ phải đội ơn thôi.

[1] All's fair in war (tiếng Anh): Khi chiến tranh, thủ đoạn nào cũng đều được người ta coi là đúng cả. Rút ra từ câu ngạn ngữ Anh: “All's fair in love and war”. (Mọi sự đều đúng trong tình yêu và trong chiến tranh).

[2] Trích lời Chúa Giêsu trong sách Phúc Âm, trong đó “điều ấy” là chỉ sự làm phúc cho người hoạn nạn được ăn, uống, mặc và săn sóc (nếu ốm đau) hoặc thăm hỏi (nếu ở tù). Và nếu làm những

điều ấy cho những người hèn mọn nhất thì cũng được coi như đã làm cho Chúa. Ở đây Ruồi trâu hàm ý nói Montanelli đến thăm hỏi anh (tù nhân) cũng chỉ là vụ lợi, do đó “chưa thật đáng khen lắm”.

Hồng y giáo chủ ngắt lời Ruồi trâu:

- *Signor* Rivarez, tôi đến đây là vì ông chứ không phải vì tôi. Nếu ông không phải là “kẻ bị chà đạp dưới gót giày” như ông vừa nói, thì sau những lời ông nói bữa trước, tôi sẽ chẳng bao giờ đến gặp ông một lần nữa làm gì. Song, tôi không thể từ chối việc đến gặp ông, vì ông có đặc quyền kép: vừa là người tù lại vừa là người ốm. Hiện thời tôi đã ở đây, vậy ông có gì để nói với tôi không,

hay là ông cho gọi thân già này đến chỉ
đề sỉ vả cho vui?

Không có tiếng trả lời. Ruồi trâu đã
nằm quay mặt đi, đưa một tay lên che
mắt.

Cuối cùng, giọng khản đặc, anh bảo:

- Tôi.... Tôi xin lỗi đã làm phiền
ngài.... Nhưng ngài làm ơn cho xin ngụm
nước, được không ạ?

Trên cửa sổ có một bình nước.
Montanelli đứng dậy lấy bình nước đem
đến. Khi cúi xuống luồn tay dưới lưng

Ruồi trâu để vục anh dậy, ông bỗng cảm thấy những ngón tay lạnh lẽo và nhớp nháp của Ruồi trâu siết chặt lấy cổ tay mình như hai gọng kìm.

Ruồi trâu thều thào:

- Ngài cho tôi cầm tay... nhanh lên... chỉ một lát thôi. Ôi, đối với ngài việc này có sao đâu! Chỉ một phút thôi!

Anh lả mình xuống, úp mặt vào cánh tay Montanelli, toàn thân anh run rẩy, từ đầu cho đến tận chân.

Một lát sau, Montanelli nói:

- Uống chút nước đi.

Ruồi trâu lặng lẽ nghe theo, rồi lại nằm xuống ổ lót, mắt nhắm nghiền. Khi bàn tay Montanelli sờ vào má anh, anh đã không thể giải thích được điều gì đã xảy ra với mình, mà chỉ biết rằng trong đời mình chưa có gì khủng khiếp hơn thế.

Montanelli kéo ghế lại sát ổ lót rồi ngồi xuống.

Ruồi trâu nằm bất động như một xác chết, mặt anh tái nhợt và hốc hác. Sau một hồi lâu im lặng, anh mở bừng mắt, trừng trừng nhìn Hồng y giáo chủ với tia mắt ám ảnh, ma quái.

Anh nói:

- Cảm ơn ngài. Tôi... tôi xin lỗi. Tôi nghĩ là... ngài có hỏi tôi điều gì?

- Bây giờ ông còn chưa tiện nói chuyện được đâu. Nếu ông có điều gì muốn nói với tôi, ngày mai tôi lại xin cố gắng đến.

- Không, xin Đức Hồng y đừng đi... Quả thật tôi không sao cả đâu. Máy... mấy ngày qua tôi có hơi bị rối trí, mà có đến một nửa là rối trí vờ đấy, – nếu ngài hỏi ông đại tá, ông ta sẽ bảo vậy cho mà

xem.

Montanelli điềm nhiên trả lời:

- Tôi vốn ưa tự kết luận lấy.

- Ông đại tá cũng... cũng thế thôi. Và, ngài biết không, đôi khi những kết luận của ông ta cũng khá sắc sảo. Trông mặt thì... thì khó mà đoán được ông ta sắc sảo đến thế, nhưng thỉnh... thỉnh thoảng ông ta lại nảy ra những ý nghĩ rất... rất độc đáo. Như tối thứ sáu vừa rồi chẳng hạn, - tôi nghĩ đúng là thứ sáu đấy, tuy trong thời gian ở bước đường cùng này, tôi có hơi.... hơi lẩn ngáy đôi chút, - nhưng không sao, chả là tối hôm ấy tôi

có xin một... một liều thuốc phiện, - điều này tôi nhớ rất chính xác. Vậy mà ông ta đã vào đây tuyên bố rằng, nếu tôi cho ông ta biết kẻ nào đã mở... mở cửa sân cho tôi trốn thì ông ta mới... mới cho thuốc phiện. Tôi còn nhớ ông ấy bảo rằng: “Nếu thật là anh đau ốm thì anh đồng ý khai đi. Nếu anh không chịu khai, tôi sẽ xem đó là một chứng... chứng cứ cho thấy anh giả vờ.” Từ trước đến nay, tôi.... tôi chưa bao giờ thấy có chuyện khôi hài đến thế. Thật là một câu... câu chuyện hết sức nực cười...

Đột nhiên anh phá lên cười, một trận cười chối cả tai, văng cả óc, rồi anh quay ngoắt lại nhìn Hồng y giáo chủ đang

nín lặng, mà nói mỗi lúc một gấp gáp và nói lắp đến nỗi khó lòng nghe rõ được lời:

- Ngài không... không thấy chuyện đó nực... nực cười sao? Dĩ... dĩ nhiên là không rồi. Dân tin... tin đồ các ngài, làm làm... gì còn có tính... tính hài hước nào nữa, - chuyện gì các ngài cũng cho là bi... bi kịch ráo. Ví... ví dụ như tối hôm ở nhà... nhà thờ chính tòa, trông ngài sao long trọng đến thế! Mà nhân thể, cả... cả tôi nữa, tôi cũng phải vào... vào vai người hành hương lâm... lâm y thống thiết ra... ra trò! Vì thế, tôi cũng không... không tin là ngài lại... lại có thể thấy được chút gì là khôi... khôi hài

trong cái việc ngài đến để làm chiều nay.

Montanelli đứng dậy.

- Tôi đến cốt để nghe xem ông có gì cần nói không. Nhưng tôi thấy ông còn đang quá xúc động, chưa thể nói ra được chiều nay. Tốt hơn là để y sĩ cho ông một liều thuốc an thần đã, để đêm nay ông ngủ được một giấc đã, rồi đến mai ta hãy nói chuyện.

- Ngủ... ngủ ư? Ồ, thưa Đức Hồng y, tôi sẽ... sẽ tha hồ được ngủ say khi nào ngài chấp... chấp thuận kế hoạch của ông đại tá. Một viên... viên chì, đó là liều thuốc an thần tuyệt... tuyệt vời.

Quay lại nhìn anh với vẻ hốt hoảng, Montanelli nói:

- Tôi không hiểu ông nói gì.

Ruồi trâu lại phá lên cười:

- Đức Hồng y ời là Đức Hồng y! Thật... thật thà là đức tính chủ... chủ yếu nhất của đạo Cơ đốc! Ngài tưởng tôi không... không biết rằng ông Giám... Giám binh đang nằng nặc đòi ngài chấp... chấp thuận cho lập tòa án binh hay sao? Ngài nên chấp... chấp thuận ngay đi cho rồi, Đức Hồng y ạ, ở địa vị

của ngài, mọi ban đồng giám chức^[3] nào của ngài mà chẳng làm thế? *Cosi fan tutti* ^[4]. Mà như thế hóa ra ngài lại làm được bao... bao nhiêu chuyện phúc đức ấy chứ, và lại chẳng... chẳng thiệt hại gì mấy nữa chứ. Chuyện con con ấy thật ra có... có đáng gì mà ngài phải mất... mất ngủ hàng bao đêm liền!

[3] Brother prelates (tiếng Anh): Prelate nói chung là người chức sắc cao trong Giáo hội, cụ thể ở đây có nghĩa là “giám chức”, tức là một chức sắc cao (thường là cấp giám mục cai quản một địa phận lớn và có quyền lớn ở đó, như Montanelli chẳng hạn). Brother ở đây có nghĩa là đồng chức, đồng liêu với ý châm biếm.

[4] Cosi fan tutti (tiếng Ý): Mọi người đều làm như thế cả.

Montanelli ngắt lời:

- Xin ông ngừng cười cho một phút, và xin ông cho biết làm thế nào ông nghe được mọi chuyện đó? Ai nói với ông thế?

- Ông đại... đại tá chẳng đã trình... trình với ngài rằng tôi là quý... quý sứ chứ không phải là người đó sao? Không ư? Ông ta luôn mồm bảo... bảo tôi thế đấy! Phải, tôi đã là quý sứ đến mức có đủ phép để nhìn... nhìn thấu khá nhiều ý nghĩ của... của người khác. Đức Hồng y thì hiện thời đang nghĩ rằng tôi là thứ ôn dịch quái ác và ngài rất mong có một...

một ai khác thu xếp cho xong việc xử lý tôi, miễn sao lương tâm nhạy... nhạy cảm của ngài khỏi bị cắn... cắn rứt. Tôi đoán khá... khá đúng đấy chứ, phải không ạ?

Montanelli lại ngồi xuống bên anh. Nét mặt hết sức nghiêm nghị, ông nói:

- Ông hãy nghe tôi. Dù cho ông biết được mọi chuyện ấy bằng cách gì đi nữa, những cái đó cũng đều là sự thật. Đại tá Ferrari sợ rằng bạn bè ông lại mưu toan đánh tháo cho ông một lần nữa, nên ông ta muốn ngăn chặn trước bằng... cách mà ông vừa nói. Ông xem, tôi rất thật lòng với ông...

Ruồi trâu chêm ngay vào với giọng chua chát:

- Đức Hồng y xưa nay vốn... vốn nổi tiếng là thành... thành thật mà.

Montanelli nói tiếp:

- Chắc ông thừa hiểu là về mặt pháp lý tôi không có thẩm quyền gì về việc thế tục; tôi là giám mục chứ không phải là đặc sứ của Giáo hoàng. Nhưng tôi có khá nhiều uy tín trong địa phận này, nên nếu không được sự đồng ý của tôi, chí ít là sự đồng ý mặc nhiên ^[5] đi nữa, ông đại tá

cũng chẳng dám đi đến một chủ trương cực đoan như vậy. Cho tới ngày hôm nay tôi vẫn vô điều kiện phản đối kế hoạch của ông ta. Bây giờ ông ta vẫn đang hết sức ráo riết chinh phục sự phản đối của tôi, bảo đảm với tôi rằng vào thứ năm tới, khi đám đông tụ hội lại để rước kiệu [6], sẽ có nguy cơ lớn của một mưu mô vũ trang, - mưu mô này rất có thể dẫn đến đổ máu. Ông vẫn nghe tôi nói đấy chứ?

[5] Tacit consent (tiếng Anh): Cũng là sự chấp thuận ngầm.

[6] The procession (tiếng Anh): Từ Công giáo là “rước kiệu”, cũng là lễ rước.

Ruồi trâu đang lơ đãng nhìn ra cửa sổ.

Anh quay lại, uể oải trả lời:

- Có, tôi vẫn nghe.

- Có lẽ ông thật sự là chưa khỏe hẳn để nói nốt câu chuyện này nội tối nay. Sáng mai tôi sẽ trở lại nhé? Vấn đề nghiêm trọng lắm, tôi thấy ông phải tập trung chú ý mới được.

Ruồi trâu vẫn uể oải trả lời:

- Tôi lại muốn câu chuyện ngã ngũ ngay bây giờ. Ngài nói gì tôi vẫn nghe thấy hết.

Montanelli bèn nói tiếp:

- Thế thì, nếu quả vì ông mà thật sự có nguy cơ bạo loạn và đổ máu, chính tôi sẽ

phải gánh lấy trách nhiệm ghê gớm trong việc phản đối ông đại tá. Và tôi cũng tin rằng chí ít ông ta nói có phần đúng. Mặt khác, tôi lại nghiêng về phía cho rằng, do có hiềm thù cá nhân đối với ông nên sự xét đoán của ông ta đã có phần lệch lạc ở mức độ nào đó, và rất có thể ông ta đã thổi phồng nguy cơ lên. Tôi càng thấy tình hình rất có khả năng là như vậy, kể từ lúc tôi được mục kích sự tàn bạo đáng xấu hổ này. – Ông đưa mắt nhìn đồng dây da và cùm gông ngồn ngang trên sàn, rồi nói tiếp:

- Nếu đồng ý tức là tôi giết ông! Còn nếu phản đối, tôi sẽ đứng trước nguy cơ sát hại nhiều người vô tội. Tôi đã xem

xét vấn đề rất nghiêm túc, dốc lòng tìm một lối thoát ra khỏi sự chọn lựa khủng khiếp này. Và giờ đây, cuối cùng tôi đã xác định được ý kiến của mình.

- Là giết tôi để... để cứu nhiều người vô tội chứ gì? Một người Cơ đốc chỉ có thể đi đến một quyết định duy nhất đó mà thôi. “*Nếu tay... tay phải của bay gãy... gãy nên tội cho bay*” ^[7]... và vân vân. Mà tôi cũng không... không được hân hạnh làm tay phải của ngài, lại còn xúc phạm cả đến ngài nữa. Kết... kết luận đã rõ ràng rành rành ra rồi. Ngài có thể nói với tôi như vậy mà không phải giáo đầu dài dòng đến thế không?

[7] Lời của Đức Kitô trong sách Phúc Âm: “Nếu tay phải của bạn gây nên tội cho bạn thì hãy chặt nó đi, mắt bạn gây nên tội cho bạn thì hãy khoét nó đi...”.

Ruồi trâu nói với vẻ đờ đẫn, vừa thờ ơ lại vừa khinh bạc, tựa hồ đã chán chường về toàn bộ câu chuyện này rồi.

Ngừng lời chút ít, anh nói thêm:

- Thế nào ạ? Có phải quyết định của ngài là vậy không? Thưa Đức Hồng y?

- Không.

Ruồi trâu trở mình, đưa cả hai tay lên

gôi đầu, mắt lim dim nhìn Montanelli. Hồng y giáo chủ ngồi cúi gục đầu miên man suy nghĩ, một bàn tay ông khẽ đập vào tay ghế. Trời, vẫn là cử chỉ xa xưa quen thuộc ấy!

Cuối cùng, ngẩng đầu lên, ông nói:

- Tôi đã quyết định làm một việc mà tôi cho là hoàn toàn vô tiền khoáng hậu. Khi nghe nói ông muốn gặp, tôi đã quyết ý đến đây để nói cho ông biết hết mọi việc, như tôi đã làm, và để đặt vấn đề vào chính tay ông.

- Vào... tay tôi?

- *Signor* Rivarez, tôi đã đến với ông với tư cách không phải là Hồng y giáo chủ, là giám mục, hoặc là quan tòa; tôi đã đến với ông như người với người. Tôi không hề yêu cầu ông nói xem ông có biết gì về một âm mưu như ông đại tá đã phát lộ không. Tôi thừa hiểu rằng nếu ông có biết chẳng nữa, thì đó vẫn là điều bí mật của ông mà ông sẽ chẳng nói ra đâu. Nhưng tôi lại phải xin ông hãy đứng vào địa vị của tôi. Tôi già rồi, và hiển nhiên là chẳng còn sống được bao lâu nữa. Tôi muốn đi xuống mồ với hai bàn tay không vấy máu.

- Hai bàn tay ngài chưa hề vấy máu sao, thưa Đức Hồng y?

Gương mặt thoáng có chút tái đi, nhưng Montanelli vẫn điềm tĩnh nói tiếp:

- Tôi đã suốt đời chống lại các thủ đoạn đàn áp và sự tàn bạo ở bất cứ đâu tôi bắt gặp chúng, và tôi cũng luôn luôn không tán thành việc xử tử dù dưới bất kỳ hình thức nào. Dưới triều đại cũ [8], tôi đã liên tục cực lực chống các hội đồng quân sự và đã vì thế mà bị thất sủng [9]. Từ xưa đến nay, bao nhiêu uy tín và quyền lực tôi có được đều luôn luôn được sử dụng vào việc từ thiện. Xin ông hãy tin tôi, chí ít ở chỗ là tôi đã nói thật. Bây giờ tôi bị đặt trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu tôi từ chối lời yêu cầu

của ông đại tá thì tôi sẽ đẩy thành phố vào nguy cơ bạo loạn cùng với mọi hậu quả của nó. Mà lại là để cứu lấy một người vẫn thường phỉ báng tôn giáo của tôi, một người đã vu cáo, bêu riếu và sỉ nhục cá nhân tôi, (mặc dù điều này nếu đem so sánh thì chỉ là một tiểu tiết không quan trọng lắm), và người này, tôi tin chắc rằng nếu được trao mạng sống thì anh ta sẽ sử dụng nó vào mục đích xấu. Nhưng dù sao, đây vẫn là vấn đề cứu vớt tính mạng một con người.

[8] In the last reign (tiếng Anh): Tức triều đại Giáo hoàng Grêgôriô XVI trước đây.

[9] Out of favour (tiếng Anh): Công giáo vẫn sử dụng những ngôn từ này.

Ông ngừng lời giây lát rồi lại nói:

- *Signor* Rivarez, tất cả những gì tôi được biết về hoạt động của ông đều là xấu xa và độc ác theo cảm nghĩ của tôi, và đã từ lâu tôi tin rằng ông là con người liều lĩnh, vừa hung bạo lại vừa tàn nhẫn. Cho tới bây giờ tôi vẫn còn phần nào có nhận định đó về ông. Nhưng qua hai tuần mới đây, ông lại đã cho tôi thấy ông là con người dũng cảm và giữ được lòng trung thành với bè bạn của mình. Ông cũng đã làm cho binh lính yêu mến và kính phục, điều đó không phải ai cũng làm được. Tôi sực nghĩ phải chăng tôi đã xét lầm ông và phải chăng trong ông có

một cái gì tốt hơn cái vẻ bề ngoài của ông. Chính là cái bản ngã tốt hơn ấy trong ông mà tôi kêu gọi, và tôi trang nghiêm cầu khẩn ông, với lương tâm mình, xin ông thật lòng cho tôi biết: ở vào địa vị tôi ông sẽ làm thế nào?

Im lặng kéo dài hồi lâu. Rồi Ruồi trâu ngược nhìn lên.

- Ít ra tôi cũng sẽ tự mình quyết định lấy những hành động của mình và gánh vác lấy mọi hậu quả. Tôi sẽ không hèn nhát theo kiểu Kitô giáo, lén lút đến năn nỉ người khác giải quyết hộ vấn đề cho mình.

Ngọn đèn giáng xuống sao bất ngờ đến thế, và khí thế sôi nổi, phần nộ phi thường của nó sao trái ngược hẳn với vẻ ngoài uể oải vừa rồi, cho thấy khác nào anh đã vứt bỏ chiếc mặt nạ vẫn đeo trên mặt.

Anh sôi sục nói tiếp:

- Những người vô thần chúng tôi cho rằng, đã mang gánh nặng trên vai thì dù có nặng đến đâu cũng cứ phải cố sức mà gánh, dù có gục xuống chãng nữa thì cũng có gì đâu, phải gắng mà chịu chứ sao. Nhưng người Kitô giáo thì lại đến van vỉ Chúa Trời của mình hoặc các vị thánh của mình; hoặc nữa, nếu Chúa Trời và

các thánh không giúp đỡ thì lại đi van xin đến cả các kẻ thù của mình, miễn sao tìm được một cái lưng nào đó để trút gánh nặng của mình sang. Phải chăng trong Kinh Thánh, trong sách kinh cầu nguyện ^[10] và cả trong bất cứ các sách thần học bịp bợm nào của các ngài đều chẳng có cái quy tắc ấy hay sao mà ngài còn phải đến hỏi tôi bảo ngài sẽ làm thế nào? Trời đất ơi! Ngài ơi! Gánh nặng của tôi còn chưa đủ hay sao mà ngài còn đi trút cả trách nhiệm của ngài sang hai vai tôi? Hãy quay về hỏi ông Giêsu của ngài đi, ông ấy hạch sách đến tận đồng xu cuối cùng ấy chứ ^[11], ngài cứ làm theo ông ấy là hơn. Sau hết, nếu ngài có giết thì cũng chỉ là giết một kẻ vô thần, - một

kẻ ấp úng phát âm sai mật khẩu “síp-bô-lết” [12], nên cũng chẳng phải là một tội lỗi lớn lao gì cho cam, chắc chắn như vậy!

[10] Missal (tiếng Anh): Cũng là sách lễ, sách nguyện.

[11] Nhại một câu của Chúa Giêsu trong sách Phúc Âm: “Quả thật ta nói cùng người, người trả còn thiếu một đồng tiền là vẫn không ra khỏi tù được”. Ý nói về sự sòng phẳng, công bằng.

[12] Dẫn dụng hài hước một tích trong Kinh Thánh về một lực lượng Hebrew (Do Thái cổ) trấn giữ một bến sông, đặt ra mật khẩu “Shibboleth” để kiểm tra, khi quân do thám của địch (thuộc dân tộc khác) đi qua, phát âm mật khẩu ấy không chuẩn (síp-bô-lết thành xíp-bô-lết) thì bị phát hiện và bị tiêu diệt. Ở đây, ý của Ruồi trâu tóm lại là nói mình

không thuộc đẳng cấp, phe phái của đối phương.

Ruồi trâu nghẹn lời, hỏn hển lấy lại hơi, rồi lại bung ra:

- *Ngài* mà cũng nói đến tàn bạo nữa cơ đấy! Chao ôi, cái con lừa dốt... dốt đặc ^[13] ấy có tra khảo tôi đến một năm cũng không đau đớn bằng cái ngài đang gây cho tôi đâu. Trong đầu ông ta làm gì có óc, ông ta chẳng nghĩ được gì sát ngoài việc siết dây da cho chặt, và khi không siết được chặt hơn nữa thì coi như hết vốn. Chuyện ấy kẻ ngu ngốc nào chả làm được! Còn ngài thì: “Xin ông ký cho một chữ vào bản án tử hình của chính ông. Tim tôi mềm yếu lắm, tôi không tự

tay làm được”. Ôi, cái thủ đoạn ấy thì chỉ có người Cơ đốc giáo mới nghĩ ra được, - một người Cơ đốc giáo hiền lành, đầy lòng trắc ẩn, trông thấy dây da siết chặt quá là tái mặt! Khi ngài mới bước chân tới đây, trông chẳng khác một vị thiên thần nhân từ, phần nộ vì “hành vi dã man” của ông đại tá, là tôi đã có thể hiểu được rằng câu chuyện thực bây giờ mới bắt đầu đây! Sao ngài cứ nhìn tôi kiêu thế làm gì? Dĩ nhiên rồi, ngài ơi, ngài cứ việc đồng ý đi rồi về nhà mà ăn bữa tối. Chuyện này chả đáng gì phải nặng xị cả lên như thế đâu. Ngài hãy nói với viên đại tá của ngài rằng hẳn cứ việc bắt tôi đi, treo cổ tôi lên, hoặc dùng bất kỳ cách gì thuận tiện nhất, kể cả đem

quay nướng sống tôi đi nữa nếu y thấy cách ấy mua vui được thì cũng cứ làm quách đi cho rồi!

[13] Nguyên văn tiếng Anh là pudding – headed ass (con lừa có đầu bằng pút-đinh (một loại đồ ngọt tráng miệng của người Anh), ta thường nói “đầu bằng (như) bã đậu”).

Khó mà nhận ra nổi Ruồi trâu. Anh giận dữ và tuyệt vọng, đến phát cuồng lên không còn là mình nữa, anh thở hồng hộc, toàn thân run lên, mắt anh lóe ra những tia xanh lét như mắt mèo dữ.

Montanelli đã đứng lên, lặng lẽ nhìn xuống anh. Ông không hiểu được dụng ý những lời trách móc điên cuồng của anh,

nhưng ông rất hiểu chỉ trong cảnh cùng cực người ta mới thốt ra những lời như thế. Và vì hiểu được vậy, bao nhiêu lời sỉ vả đã qua, ông đều tha thứ hết. Ông bảo:

- Thôi đi! Tôi không muốn làm ông đau lòng thế đâu. Tôi chẳng bao giờ có ý định trút gánh nặng sang cho ông làm gì, vì ông đã quá nặng gánh rồi. Tôi không bao giờ chủ tâm làm vậy đối với bất kỳ một sinh linh nào...

Cặp mắt như rục lửa, Ruồi trâu hét:

- Nói dối! Thế còn chức giám mục thì sao?

- Chúc... chúc giám mục?

- À! Thế ra ông quên rồi sao? Sao dễ quên đến thế! “Athur, nếu con muốn, cha sẽ nói rằng cha không thể đi được.” Tôi đã phải quyết định cuộc đời ông thay cho ông như thế rồi đấy! Chính tôi đấy, - từ lúc mười chín tuổi đầu! Câu chuyện ấy nếu không phải xấu xa đến thế, thì cũng vẫn là nực cười!

- Im đi!

Montanelli rú lên một tiếng tuyệt vọng và đưa cả hai tay lên ôm lấy đầu. Rồi

ông lại buông thõng tay xuống, từ từ bước ra phía cửa sổ. Ông ngồi lên bậu cửa sổ tỳ một tay vào hàng chấn song mà áp trán vào cánh tay ấy. Ruồi trâu nằm và run rẩy dõi nhìn theo.

Giờ đây Montanelli đã đứng dậy, trở lại chỗ Ruồi trâu, đôi môi tái xám một màu tro.

Ông cố gắng gượng một cách thảm hại để lấy lại vẻ bình tĩnh thường ngày.

- Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng đành phải về thôi... Tôi... tôi không được khỏe lắm.

Ông run lẩy bẩy như lên cơn sốt rét. Mọi cơn điên giận của Ruồi trâu lập tức tiêu tan.

- *Padre*, lẽ nào cha vẫn không thấy rằng...

Montanelli thụt lùi lại, đứng đờ người.

Mãi sau, ông thều thào:

- Chỉ mong sao không phải thế! Lạy Chúa tôi, sao cũng được, miễn là không phải thế! Tôi phát điên lên mất...

Ruồi trâu chống một tay nhôm đây, còn một tay anh nắm lấy đôi tay đang run rẩy kia.

- *Padre*, lẽ nào cha vẫn chẳng hề nhận ra là con chưa chết đuối thật, hay sao?

Đôi tay kia bỗng dưng lạnh toát và cứng đờ. Trong khoảnh khắc, mọi vật đều chết lặng, và rồi Montanelli quỳ xuống úp mặt vào ngực Ruồi trâu.

*

* *

Khi Montanelli ngẩng đầu lên thì mặt trời đã lặn, ráng chiều đỏ đang lịm dần ở đằng tây. Họ đã lãng quên tất cả, quên cả thời gian và không gian, quên cả sự sống và cái chết, thậm chí quên rằng hai người là kẻ thù của nhau.

Montanelli thì thào:

- Arthur, có thật là con đây không?
Con đã trở về với cha từ cõi chết ư?

Ruồi trâu rùng mình nhắc lại:

- Từ cõi chết...

Anh đang nắm gục đầu vào cánh tay Montanelli như một đứa bé ốm nằm trong lòng mẹ.

- Con đã về rồi... Thế là cuối cùng con đã về rồi!

Ruồi trâu thở dài nặng nhọc, mà bảo:

- Vâng, và bây giờ cha phải đấu tranh với con hoặc giết con ^[14].

[14] Nguyên văn tiếng Anh: To fight for me, or to kill me.

- Ôi, im đi thôi, *carino!* Tất cả những chuyện đó bây giờ còn có nghĩa gì? Cha

con ta đã từng như hai đũa trẻ lạc nhau trong bóng tối, lầm nhau là những con ma [15]. Bây giờ cha con ta đã tìm được nhau và dắt nhau ra nơi sáng sủa. Con trai khốn khổ của cha, con khác xưa nhiều quá... con khác xưa nhiều quá! Xưa kia con luôn tràn đầy niềm vui của cuộc sống... mà nay trông con như đã từng bị vùi lấp dưới bề khổ của trần gian! Arthur, có thật là con đấy không? Cha vẫn hằng nằm mơ thấy con đã trở về cùng cha, nhưng khi tỉnh dậy cha thấy bên ngoài toàn là một bầu đen tối phủ lên một cảnh quạnh hiu. Vậy giờ đây biết đâu cha sẽ lại tỉnh dậy, và lại thấy tất cả chỉ là chiêm bao? Con hãy cho cha biết những gì có căn cứ đích xác, hãy kể cho

cha nghe mọi chuyện đã xảy ra thế nào!

[15] Nguyên văn tiếng Anh: For phantoms.

- Chuyện xảy ra khá giản đơn. Con đã trốn xuống một chiếc tàu chở hàng, đi lậu vé mà sang Nam Mỹ.

- Còn khi ở bên ấy?

- Ở bên ấy, con đã sống... nếu cái đó cha thích gọi là cuộc sống, cho đến khi... ồ, cho đến khi con đã thấy thêm được những gì ở ngoài những chủng viện thần học mà cha thường dạy triết học cho con! Cha nói cha đã nằm mơ thấy con... vâng, con cũng nằm mơ thấy cha...

Anh rùng mình, nghẹn lời.

Rồi anh lại đột ngột nói tiếp:

- Có một lần, hồi con làm ở mỏ bên Ecuador...

- Không phải thợ mỏ ư?

- Không, chỉ là phụ việc cho thợ mỏ thôi, cũng là chân sai vặt như những người culi vậy. Con cùng họ ngủ trong một lán trại ở ngay cửa lò. Hồi ấy con cũng đã bị ốm hết như vừa rồi, mà vẫn phải khuôn đá dưới trời nắng như thiêu

như đốt. Có một đêm, chắc hẳn là con đã bị văng đầu chóng mặt, vì con thấy cha từ ngoài cửa bước vào. Tay cha cầm một chiếc thánh giá như chiếc thánh giá treo tường này. Cha đang mãi cầu nguyện nên đi sát ngay bên cạnh con mà cha không ngoái lại. Con gọi to lên để xin cha giúp đỡ con, - cho con một liều thuốc độc hoặc một lưỡi dao, hoặc bất cứ một thứ gì để chấm dứt những nỗi đau khổ ấy của con trước khi con phát điên phát rồ. Thế mà cha... ối chao...!

Anh đưa một tay lên che mắt. Tay kia của anh vẫn được Montanelli nắm chặt.

- Nhìn mặt cha lúc bấy giờ, con biết

cha có nghe thấy tiếng con gọi, nhưng cha chẳng hề đoái hoài, cha vẫn cứ tiếp tục cầu nguyện. Rồi đến khi cha cầu nguyện xong, con thấy cha hôn chiếc thánh giá, đưa mắt nhìn quanh mà thì thào: “Arthur, cha rất lấy làm tiếc cho con, nhưng cha không dám biểu lộ ra, vì sợ Người ^[16] sẽ nổi giận”. Và khi con nhìn lên Người, con lại thấy ông tượng gỗ đó đang cười vang.

[16] Từ đây, những từ Người đều là dịch từ nguyên văn tiếng Anh: He, Him, ... trừ một đôi chỗ dịch là Ngài.

Thế rồi, khi con tỉnh lại, con vẫn chỉ thấy khu lán trại với những người culi bị bệnh hủi, con mới vỡ lẽ. Con thấy cha

chỉ nặng về lấy lòng ông Chúa quý sứ [17] của cha thôi, chứ đâu có thiết gì cứu con ra khỏi địa ngục nào. Và con đã nhớ mãi chuyện ấy. Còn chính trong lúc này, khi cha sờ vào người con, thì con đã bỗng dưng quên khuấy mất. Đó là vì... là vì con đang ốm, và lại trước kia con thường đã quen yêu cha. Nhưng giờ đây giữa cha con ta chẳng còn gì nữa rồi mà chỉ có chiến tranh, chiến tranh và chiến tranh. Cha còn muốn nắm tay con để làm gì? Cha không thấy rằng chừng nào cha vẫn còn tin vào ông Giêsu của cha, chúng ta chỉ có thể là những kẻ thù của nhau mà thôi sao?

[17] Nguyên văn tiếng Anh: devilish God.

Montanelli cúi gục đầu, hôn vào bàn tay đầy thương tật ấy.

- Arthur, cha không tin Người sao được? Nếu suốt bao năm hải hùng ấy mà cha vẫn giữ được lòng tin của mình và giờ đây khi Người đã cho con trở về với cha, thì có bao giờ cha còn hoài nghi Người được nữa? Con nên nhớ rằng, cha những tưởng chính tay cha đã giết con cơ đấy.

- Thì bây giờ cha vẫn có thể làm được điều ấy mà.

- Arthur!

Đây là tiếng kêu than của nỗi kinh hoàng thật sự. Nhưng Ruồi trâu vẫn bất chấp, cứ nói tiếp:

- Dù sao đi nữa, cha con ta nên thật thà với nhau, không thể lấp lửng được. Cha và con đều đứng ở hai bên bờ của một vực thẳm, không hy vọng gì nối tay nhau qua miệng vực thẳm được. Nếu cha quyết định rằng cha không thể hoặc không muốn từ bỏ cái kia, - anh liếc nhìn cây thánh giá treo trên tường, - thì cha phải chấp thuận điều kiện mà viên đại tá...

- Chấp thuận! Lạy Chúa tôi – chấp thuận, - Arthur, nhưng cha yêu con!

Mặt Ruồi trâu quất lại một cách đáng sợ.

- Cha yêu ai hơn, con hay cái kia?

Montanelli từ từ đứng dậy. Kinh hoàng đã làm cho đến cả linh hồn trong ông cũng bị héo khô, còn bản thân ông thì dường như đã nhăn nhúm lại về thân thể, trở nên vừa yếu ớt, vừa già nua và lại vừa tàn tạ như chiếc lá khi chớm cơn giá lạnh. Ông đã tỉnh giấc mơ, và bên ngoài toàn là một bầu đen tối phủ lên một cảnh quạnh hiu.

- Arthur, hãy thương cha một chút đi con...

- Vậy khi những lời lừa dối của cha đã đẩy con vào cảnh nô lệ cho những dân da đen trong các đồn điền mía thì cha đã thương con được bao nhiêu? Nghe vậy cha phát rùng mình rồi đấy hả, - ôi, những ông thánh trái tim mềm yếu này! Mà đây lại chính là con người vâng theo thánh tâm của Chúa, một con người cứ ăn năn hối lỗi để mà sống. Mà nào có ai chết đâu cơ chứ, chỉ có con trai ông ta thôi. Cha nói cha yêu con, - tình yêu ấy của cha, - con đã phải trả giá khá đắt rồi! Cha tưởng chỉ vì vài lời ngon ngọt là con có thể xí xóa hết thấy để trở lại thành

thằng bé Arthur ngày xưa sao? Để trở lại thành chính con, là cái đứa rửa bát đĩa trong các nhà chứa nhố nhăng như nhóp, là cái thằng rửa chuồng ngựa cho các chủ đồn điền lai da đen ^[18], những kẻ còn cục súc hơn cả những gia súc của chúng? Thành chính con, là cái đứa đã phải đội mũ, đeo nhạc nhí nhố cho gánh xiếc rong, làm lao công và đầu sai cho các *matador* ^[19] trong trường đấu bò? Thành chính con đã phải làm nô lệ cho mọi kẻ thú vật da đen để chúng được thỏa thích đê đầu cưỡi cổ mình? Thành chính con từng bị đói rách, bị phỉ nhổ vào mặt và bị chà đạp dưới chân kẻ khác? Thành chính con đã phải ngửa tay xin chút cơm thừa canh cặn mà người ta vẫn không

cho, vì những con chó còn được quyền ưu tiên hàng đầu? Ôi, tất cả những chuyện đó nói ra nào có ích gì! *Kể lể* sao cho xiết tất cả những gì cha đã đem đến cho con? Vậy mà giờ đây... cha lại nói yêu con! Cha yêu con được bao nhiêu? Có đủ để vì con mà từ bỏ ông Chúa của cha được không? Ô, cái Người ấy đã làm gì cho cha, cái ông Giêsu vĩnh hằng vĩnh cửu ấy? Cái ông Người ấy đã chịu khổ sở gì cho cha mà cha lại phải yêu ông ấy hơn con? Có phải vì Ông ta bị đóng đinh thủng hai tay nên cha yêu quý Ông ấy đến thế không? Vậy hãy nhìn vào hai tay con đây! Nhìn vào đây, vào đây, và cả đây nữa...

[18] Creole (tiếng Anh và tiếng Pháp): Nguyên văn là những người thuộc dòng giống lai da đen từ lâu đời ở các vùng Nam Mỹ.

[19] Mantador (tiếng Tây Ban Nha): Võ sĩ đấu bò, một trò chơi dân tộc của Tây Ban Nha, được phổ biến cả ở những thuộc địa cũ của Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.

Anh xé toang áo, trở vào những vết sẹo ghê gớm trên người.

- *Padre*, cái ông Chúa này của cha chỉ là kẻ lừa bịp. Những vết thương của Ông ta chỉ là giả vờ. Nỗi đau của Ông ta chỉ rất là trò hề! Chỉ con là có quyền nhận lòng yêu thương của cha! *Padre*, không còn cảnh tra tấn nào mà cha chưa đầy

con vào, phải chi cha biết được rằng đời con đã cực khổ biết bao nhiêu? Ấy vậy mà con vẫn không chết! Con đã chịu đựng hết thảy và đã làm chủ linh hồn mình trong nhần nại, vì con quyết trở về để đấu tranh với ông Chúa này của cha. Con đã giữ vững mục đích ấy làm tấm lá chắn che chở cho trái tim con, chính tấm lá chắn này đã cứu con khỏi hóa điên rồ, và khỏi bị chết lần thứ hai nữa. Thế mà bây giờ, khi đã trở về, con lại thấy kẻ chiếm ngự địa vị của con vẫn là Ông ta, - một kẻ chịu nạn ^[20] giả vờ, chỉ bị đóng đinh trên giá chữ thập đích xác là vền vện có sáu tiếng đồng hồ, rồi lại từ cõi chết ngóc đầu dậy! *Padre*, con đã bị đóng đinh trên giá chữ thập năm năm

ròng và con cũng thế, con cũng đã trỗi dậy từ cõi chết. Bây giờ cha định sẽ đối xử với con ra sao? Bây giờ cha định sẽ đối xử với con như thế nào?

[20] Victim (tiếng Anh; tiếng Latinh: Victima): Công giáo dịch thành nhiều từ: lễ vật hy sinh, hy lễ, hiến lễ... thường để chỉ Giêsu chịu nạn.

Anh nghẹn lời. Montanelli ngồi im như một tượng đá nào vậy, hoặc như một kẻ đã chết được dựng dậy. Thoạt đầu khi Ruồi trâu mới trút lên ông ta một suối lửa tuyệt vọng, ông ta có run lên đôi chút với sự co rút máy móc của da thịt, như dưới nhát quất của làn roi da. Nhưng giờ đây ông đã rất bình tĩnh. Sau một hồi lâu nín lặng, ông nhìn lên và cất lên một

giọng mất hết sức sống và nhẫn nhịn:

- Arthur, con có thể cắt nghĩa cho cha rõ hơn không? Con cứ làm cha rối trí và hoảng hồn như vậy, cha không thể hiểu được. Vậy con đòi hỏi gì ở cha?

Ruồi trâu quay lại nhìn ông với bộ mặt như mặt một con ma.

- Con không đòi hỏi gì cả. Có ai cưỡng ép tình yêu bao giờ? Cha được tự do chọn người mà cha yêu quý nhất giữa con và ông ta. Nếu cha yêu quý ông ta nhất, cha cứ việc chọn ông ta.

Montanelli bỡ phờ nhắc lại:

- Cha không thể hiểu được. Cha lựa chọn cái gì được đây? Cha làm sao xóa bỏ được quá khứ?

- Cha phải lựa chọn giữa con và ông ta. Nếu cha yêu con, cha hãy tháo cái giá chữ thập kia ra khỏi cổ và ra đi cùng con. Các bạn con đang bố trí cứu con một lần nữa, nếu cha giúp đỡ, họ có thể thực hiện được rất dễ dàng. Khi cha con ta đã vượt biên an toàn, cha hãy công khai thừa nhận con. Còn nếu cha không đủ lòng yêu con để làm như thế - nếu cha quý cái ngẫu tượng bằng gỗ kia hơn con - cha cứ việc đi nói với viên đại tá rằng

cha đã chấp thuận. Và nếu cha đi, thì cha hãy đi ngay đi, để tránh cho con phải đau khổ khi còn nhìn thấy cha! Không có điều đó con cũng đã quá đủ đau khổ rồi.

Montanelli nhìn lên, hoa mắt và run rẩy. Ông đã bắt đầu hiểu.

- Tất nhiên cha sẽ bắt liên lạc với các bạn con. Nhưng... đi với con... thì không thể được... cha là linh mục.

- Mà con cũng không chấp nhận ơn huệ của giáo sĩ. *Padre*, con không thể thỏa hiệp thêm nữa. Con đã đau khổ quá đủ vì những thỏa hiệp ấy cũng những hậu quả của chúng rồi. Cha phải từ bỏ chức

vị linh mục của cha hoặc phải từ bỏ con đi.

- Cha từ bỏ con sao được! Arthur, cha bỏ con sao được!

- Thế thì cha từ bỏ ông ấy đi! Cha phải chọn một trong hai người. Cha lại định gạ chia cho con một phần tình yêu của cha, một nửa cho con, một nửa cho ông Chúa quý dữ [21] của cha chẳng? Con không thềm nhận cơm thừa canh cặn của ông ta. Nếu cha là của ông ta thì cha không phải là của con.

[21] Nguyên văn tiếng Anh “for your friend of a God?”. Friend thường hiểu là quý sứ (Satan), ác

thần.

- Arthur! Arthur ơi! Con muốn cha xé lòng cha ra làm hai mảnh hay sao? Con muốn cha phát điên lên hay sao?

Ruồi trâu lấy tay đập vào tường, nhắc lại một lần nữa:

- Cha phải chọn một trong hai người!

Montanelli bèn rút từ trong ngực áo ra một hộp nhỏ trong đựng một mảnh giấy đã nhàu nát và càu bần. Ông bảo:

- Nhìn đây!

“Tôi đã tin ông như đã tin Chúa Trời. Nhưng Chúa Trời chỉ là tượng đất, tôi đập một búa là tan, còn ông thì ông đã lừa tôi bằng lời nói dối”.

Ruồi trâu cười, trả lại tờ giấy:

- Người ta trẻ người non dạ một cách thích... thích thú đến thế ở cái tuổi mười chín! Cầm lấy búa rồi đập tan vật này vật nọ sao mà dễ dàng. Ngày nay cũng thế thôi, - duy có điều chính con bây giờ lại nằm dưới búa. Về phần cha, hiện vẫn còn biết bao kẻ khác cha có thể dùng những lời nói dối để lừa được họ, - mà họ thậm chí không sao phát hiện ra cha để vạch mặt chỉ tên được.

Montanelli nói:

- Cái đó tùy con. Nếu cha ở địa vị con, biết đâu cha lại chẳng cũng tàn nhẫn hết như con, - điều đó chỉ có Chúa biết. Arthur ơi, điều con muốn, cha không thể làm được, nhưng cái gì làm được thì cha sẽ làm. Cha sẽ bố trí cho con vượt ngục, và khi con đã an toàn, cha sẽ tự tìm lấy một tai nạn trên núi cao, hoặc sẽ dùng làm một liều thuốc ngủ, - cách nào tùy con lựa chọn. Như thế con hài lòng chứ? Đó là tất cả những gì cha có thể làm được. Đó là một tội lớn nhưng cha mong Người sẽ tha tội cho cha. Người có lòng nhân từ hơn...

Ruồi trâu vung mạnh cả hai tay, hét lên:

- Ôi, quá quất lắm rồi! Như thế quá quất lắm rồi! Con đã làm gì để đến nỗi cha coi thường con đến thế? Cha có quyền gì như vậy... Làm như con muốn trả thù cha để rửa hận vậy? Cha không thấy rằng con chỉ muốn cứu cha thôi hay sao? Cha không hiểu rằng con yêu cha ư?

Ruồi trâu níu lấy đôi tay Montanelli, vừa đặt lên đó những cái hôn nóng bỏng, vừa giàn giụa nước mắt.

- *Padre*, cha hãy ra đi với chúng con! Cha còn lưu luyến cái thế giới đã chết của những giáo sĩ và thần tượng ấy làm gì? Chúng đã bị phủ đầy bụi của những thế kỷ xa xưa; chúng đã mục nát; chúng đã đầy ôn dịch và ô uế cả rồi! Cha hãy ra khỏi cái Giáo hội đang lan tràn dịch hạch ấy mà cùng chúng con ra đi đến cảnh sáng tươi! *Padre*, chúng con chính là lẽ sống và tuổi thanh niên; chúng con chính là mùa xuân vĩnh viễn; chúng con chính là tương lai! *Padre*, bình minh đang ở ngay trước mặt chúng ta, lẽ nào cha bỏ phí phần của mình được đứng dưới hừng đông chói lọi hay sao? Tỉnh dậy đi cha, và chúng ta hãy quên hết những cơn ác mộng ghê tởm; tỉnh dậy đi cha và chúng

ta sẽ bắt đầu lại cuộc đời! *Padre*, lúc nào con cũng vẫn yêu cha, lúc nào con cũng vẫn yêu hết, kể cả khi cha đã giết con, - vậy cha có còn giết con một lần nữa không?

Montanelli giật tay ra, kêu lên:

- Ôi, xin Chúa rủ lòng thương! *Con mang đôi mắt của chính mẹ con!*

Một bầu im lặng lạ kỳ, sâu xa và kéo dài đã đột nhiên bao trùm lấy họ. Họ nhìn nhau trong ánh hoàng hôn xám xịt, con tim của họ đã lặng đứng vì sợ.

Montanelli thăm thì:

- Con còn có gì để nói thêm nữa không? Có chút... hy vọng nào cho cha không?

- Không. Cuộc đời con sẽ chẳng ích gì, trừ phi con sống để chống các giáo sĩ. Con chẳng phải là người, con là một lưỡi dao găm [22]! Nếu cha để con sống tức là cha thừa nhận [23] những lưỡi dao găm.

[22] Hàm ý lời của Chúa Kitô, xem từ trang 399.

[23] Nguyên văn tiếng Anh “you sanction knives”, sanction còn có những nghĩa pháp lý là: phê chuẩn, cho phép, chấp thuận...

Montanelli quay mặt về phía tượng
Chịu nạn.

- Lạy Chúa! Xin Người nghe cho...

Tiếng nói của ông lặng tắt trong bầu
tịch tịch trống trải mà không có hồi âm.
Duy chỉ có con quỷ nhạo báng lại bùng
tỉnh dậy trong Ruồi trâu:

- Cha gọi... gọi Người ấy to lên! Có
lẽ ông ta còn đang... đang ngủ [24].

*[24] Tích lấy trong Kinh Thánh (sứ đồ bị bão
kêu cứu, Giêsu thì đang ngủ).*

Montanelli giật nảy mình như bị roi quất. Một lát sau mà ông vẫn cứ đứng nhìn trùng trùng về phía trước. Đoạn ông ngồi sụp xuống mép ô lót, đưa cả hai tay lên ôm mặt, nức nở khóc. Toàn thân Ruồi trâu run lên một cơn dài, rồi mồ hôi lạnh toát ra khắp người anh. Anh hiểu những giọt nước mắt ấy có ý nghĩa gì.

Anh kéo chăn lên trùm đầu để khỏi nghe thấy gì nữa. Thế là đã quá đủ để anh phải chết, dù anh vẫn đang sống, - sống hoạt bát và cừ khôi đến thế. Nhưng anh cũng không sao bịt nổi âm thanh; nó vẫn vang trong tai, nó vẫn dội vào óc, nó vẫn rộn rã khắp mọi mạch máu trong người anh. Mà Montanelli vẫn cứ nức nở

và nước nở hoai, nước mắt nhỏ giọt qua
cả kẽ bàn tay.

Cuối cùng rồi ông cũng thôi, không
còn nước nở nữa; và như một đứa trẻ con
vừa khóc xong, ông lấy mùi xoa lau khô
mắt. Khi ông đứng dậy, chiếc khăn lọt từ
trên đầu gối, rơi xuống sàn. Ông bảo:

- Nói nữa cũng không ích gì. Con hiểu
chứ?

Ruồi trâu đáp lại với giọng phức tủng
đơn điệu:

- Con hiểu. Đó không phải lỗi tại cha.

Chúa của cha đói rồi, phải cho ông ta ăn thôi.

Montanelli quay lại phía anh. Lỗ huyết người ta đã phải đào lên cũng không thể im lìm hơn tình trạng của hai người lúc bấy giờ. Họ lặng lẽ nhìn vào mắt nhau như một cặp tình nhân bị chia lìa, chỉ có thể dăm dăm nhìn sang nhau qua một rào chắn mà họ không thể bước qua.

Ruồi trâu là người đưa mắt nhìn xuống trước tiên. Anh co người lại và giấu mặt đi, và Montanelli hiểu rằng cử chỉ đó có nghĩa là “Đi đi!”. Montanelli quay gót, bước ra khỏi xà lim.

Một lát sau, Ruồi trâu vùng dậy:

- Ôi, con không thể chịu được nữa!
Padre, cha quay lại đi! Quay lại đi!

Cửa đã đóng lại rồi. Ruồi trâu chậm chậm nhìn bốn chung quanh với đôi mắt mở rộng và ngơ ngác, và anh hiểu rằng thế là đã hết. Người xứ Galilê [25] đã chiến thắng.

[25] The Galilean (tiếng Anh): Theo Kinh Thánh, Galilê (Galilee) một vùng ở Bắc Palestin (Palestine) là nơi sinh của Giêsu. Theo sử sách của đạo Cơ đốc thì Hoàng đế La Mã Giuylêng (Julian 331-363) vốn chống lại giáo lý của Giêsu, nhưng sự nghiệp chưa thành thì đã chết năm 363. Tương

truyền trước khi chết ông đã than rằng: “Thou hast conquered, O Galilean”, (Ôi, người xứ Galilê, người đã chiến thắng) có nghĩa là “Giêsu đã thắng”.

Trong sân nhà tù phía dưới, tiếng cỏ xào xạc thâu đêm, - những ngọn cỏ này chẳng bao lâu nữa sẽ phải tàn héo, vì bị xới bật lên bằng lưỡi xẻng. Và thâu đêm, Ruồi trâu nằm thõn thức một mình trong bóng tối...

Chương VII

Tòa án binh mở vào sáng thứ ba.

Đó chỉ là một công việc quá ngắn ngủi và đơn giản; và chỉ thuần túy là một thủ tục trong vắn vện hai mươi phút. Thật vậy, có gì đâu mà phải mất nhiều thời giờ; không được phép bào chữa gì cả, và những người làm chứng duy nhất chỉ là tên mật thám và tên sĩ quan bị thương, cùng với mấy tên lính. Bản phán quyết đã được thảo sẵn từ trước. Montanelli đã gửi đến giấy chấp thuận phi chính thức theo như yêu cầu; vì vậy, các quan tòa (gồm đại tá Ferrari, viên thiếu tá long kỵ binh địa phương, và hai sĩ quan của quân cận vệ Thụy Sĩ ^[1]) chẳng có mấy việc để làm cả. Họ đọc to bản cáo trạng, rồi

những người làm chứng đứng lên nêu chứng cứ, những chữ ký được gắn vào bản phán quyết, rồi họ lấy giọng nghiêm trang đọc cho bị cáo nghe. Rồi trâu lặng lẽ nghe bản án. Rồi đến khi, theo thể thức thông thường, người ta hỏi có phát biểu gì không, anh chỉ sốt ruột phẩy tay gạt đi. Giấu trong ngực áo anh là chiếc mùi xoa mà Montanelli đã đánh rơi. Suốt đêm qua anh đã hôn và khóc chiếc khăn đó như hôn và khóc một sinh linh. Giờ đây trông anh xanh xao và thờ thần, những ngón lệ vẫn còn vương trên các mí mắt. Nhưng hai tiếng “Xử bắn” chùng như đã chẳng tác động gì đến anh bao nhiêu. Khi hai tiếng ấy được xướng lên, những đồng tử trong đôi mắt anh đã giãn nở ra, và chỉ

có thể mà thôi!

[1] Nguyên văn là the Swiss guards, thực chất là đội cận vệ của Giáo hoàng, là lực lượng vũ trang của Vatican và các đặc khu thuộc Giáo hoàng, nhưng từ xưa có lệ đặc biệt thuê tuyển người Thụy Sĩ làm cận vệ, nên thường được gọi như trên.

Khi mọi thủ tục đã xong, viên Giám binh ra lệnh:

- Đưa anh ta trở lại phòng giam.

Viên đội rõ ràng sắp bật khóc đến nơi, đến sờ vào vai thân hình bất động ấy. Ruồi trâu hơi giật mình ngoảnh lại.

- À, phải! Tôi quên mất.

Nét mặt viên Giám binh phảng phất một vẻ gì như là thương hại. Y bản chất cũng không phải là con người độc ác và vai trò y phải đóng suốt tháng qua làm cho trong thâm tâm y cũng có chút ngượng ngùng. Giờ đây, khi đã đạt được việc chính, y sẵn lòng cho phép bất kỳ một nhân nhượng nhỏ bé nào thuộc quyền mình.

Đưa mắt nhìn những cỗ tay thâm tím và sung phồng của Ruồi trâu, y bảo:

- Các ông không cần cùm nữa cũng được. Có thể cho anh ta trở về phòng

giam cũ.

Rồi quay sang phía đũa cháu, y nói thêm:

- Buồng giam tử tù vừa ẩm ướt lại vừa tối, và âm u quá. Mà thực ra đây cũng hoàn toàn chỉ là vấn đề thủ tục mà thôi.

Y bới rối ho hắng và đổi chân đứng. Rồi y bỗng gọi giật viên đội đang giải tù nhân ra khỏi phòng.

- Ông đội, chờ đã. Tôi muốn nói với anh ta.

Ruồi trâu đứng im không nhúc nhích, còn tiếng nói của viên Giám binh tuồng như chỉ rơi vào những cái tai vô cảm.

- Anh có muốn nhắn gì với bạn bè và thân thích không?... Tôi chắc anh có người thân chứ?

Không có tiếng trả lời.

- Vậy anh hãy suy nghĩ kỹ đi rồi nói với tôi hoặc với vị linh mục cũng được. Tôi sẽ đôn đốc để công việc không bị trễ nải. Nhưng tốt hơn là anh gửi lời nhắn lại cho cha tuyên úy ^[2]. Cha đến ngay bây giờ và sẽ ở với anh suốt đêm nay. Nếu anh còn có nguyện vọng gì khác nữa

thì...

[2] Đây là linh mục chuyên việc giảng đạo, làm phép đạo trong các trại giam (nhà tù), bệnh viện, trường học, quân đội. Thường gọi là cha tuyên úy.

Ruồi trâu nhìn lên:

- Ông hãy nói với linh mục rằng tôi chỉ muốn ở một mình. Tôi không có bạn bè mà cũng chẳng nhả nhủ gì hết.

- Nhưng ông sẽ muốn xưng tội chứ.

- Tôi là người vô thần. Tôi chẳng muốn gì khác ngoài việc được yên tĩnh.

Ruồi trâu nói với giọng đơn điệu, bình thản, không có vẻ gì là khiêu khích hoặc bức dọc, rồi từ từ quay gót bước ra. Nhưng ra đến cửa anh lại dừng bước:

- Ông đại tá, tôi quên mất đây. Có một việc tôi muốn yêu cầu được chiếu cố. Đến mai xin ông đừng để họ trói hoặc bịt mắt tôi. Tôi sẽ đứng thật yên.

*

* *

Tới sáng ngày thứ tư, khi mặt trời vừa ló, Ruồi trâu đã bị dẫn ra sân. Anh khập

khiễng rõ nét hơn mọi khi. Dựa hẳn vào tay viên đội, anh lê bước, rõ ràng với vẻ khó khăn và đau đớn. Nhưng mọi vẻ phục tùng mỗi một đã biến mất trên gương mặt anh. Những nỗi kinh hoàng ma quái đã đánh gục anh trong cảnh tịch liêu, cùng những ảo ảnh và những giấc mơ trong thế giới của bóng tối nay đều đã tan theo buổi đêm đã khai sinh ra chúng. Và một khi vầng đông đã tỏa sáng, khi phải đối diện với những kẻ thù của anh, chính là lúc tinh thần chiến đấu trong anh đã trỗi dậy, anh không hề sợ hãi.

Trước bức tường leo đầy dây thừng xoắn, sáu tay súng được lệnh chọn đi

hành quyết đã dàn thành hàng ngang. Đây chính là bức tường nứt nẻ và đổ nát mà anh đã trèo xuống trong cái đêm mưu thoát bất thành ấy. Một người lính ai nấy đều cầm súng trong tay, nhưng đến khi đứng chụm lại với nhau thì khó lòng lắm họ mới khởi bật khóc. Họ cảm biết được điều kinh khủng ngoài sức tưởng tượng của họ khi thấy rằng chính họ đã bị gọi đến để giết Ruồi trâu. Con người cùng với những câu ứng đối sắc nhọn, với tiếng cười vui bất tuyệt, với tinh thần dũng cảm chói lọi và dễ lan truyền ấy đã như một tia nắng ấm mơn man đến chiếu rọi vào cuộc đời u ám, buồn thảm của họ. Vậy mà giờ đây con người ấy phải chết, lại phải chết vì chính tay họ, như

thể khác nào họ sắp phải thấy cảnh những ngọn đèn sáng của bầu trời đắm chìm vào nơi bóng tối.

Một lỗ huyết dưới gốc một cây vả cao lớn trong sân đang chờ đợi anh. Lỗ huyết đó là do những bàn tay không tình nguyện đã đào nên đêm qua và với những giọt nước mắt rơi trên những lưỡi xẻng. Đi ngang qua đây, anh mỉm cười nhìn xuống cái hố đen ngòm cùng những ngọn cỏ héo tàn bên cạnh đó. Anh hít một hơi thở dài để tận hưởng mùi thơm của vạt đất mới tinh khôi.

Khi đến gần cây vả, viên đội đứng sững lại. Ruồi trâu ngoảnh lại nhìn anh

ta, với nụ cười rạng rỡ nhất:

- Tôi đứng đây phải không, ông đội?

Viên đội nín lặng gật đầu. Cô hòng anh ta đã nghẹt hẳn lại rồi, nên không sao nói nên lời ngỗ hầu cứu sống được Ruồi trâu. Trong sân đã tề tựu đông đủ cả: viên Giám binh, gã cháu hấn, viên trung úy kỵ binh làm nhiệm vụ chỉ huy việc hành quyết, người y sĩ và một linh mục. Họ bước lên với những bộ mặt nghiêm trọng, nhưng đã nửa phần sượng sùng trước cặp mắt tươi cười và sáng ngời vẻ ngạo nghễ của Ruồi trâu.

- Chào... chào các quý ông! Ái chà,

cả Cha tuyên úy tôn kính [3] cũng dậy sớm thể cơ à! Đại úy, ông có mạnh giỏi không? Chắc đối với ông, dịp hội ngộ lần này có dễ chịu hơn cuộc gặp gỡ của chúng ta lần trước phải không ạ! Tôi thấy cánh tay ông vẫn phải quấn băng treo trước ngực kìa! Chỉ là do tôi đã làm hỏng việc đó thôi. Những tay cừ khôi lần này chắc sẽ hoàn thành nhiệm vụ khá hơn... Phải vậy không, các cậu?

[3] His Reverence (tiếng Anh): Cách xưng hô kính trọng đối với linh mục.

Ruồi trâu đưa mắt nhìn một lượt những bộ mặt ảm đạm của những người lính.

- Dù sao lần này không phải dùng đến những băng treo trước ngực nữa đâu. Thôi nào, thôi nào, các bạn chớ nên mang vẻ thiếu nǎo thê trong chuyện này! Đứng nghiêm ^[4] và thử xem các bạn bắ có trúng không nào! Chẳng bao lâu nữa, các bạn sẽ còn được giao nhiều việc hơn không biết có sẽ làm nổi không, còn hôm nay đây chẳng có gì hơn là một cuộc tập sự mà thôi!

[4] Put your heels together (tiếng Anh): nguyên văn là: “Chụm gót chân lại nào!”

- Hỡi con...

Vị linh mục bước lên ngắt lời anh,

còn những người khác đều lùi lại phía sau, để mặc hai người với nhau.

- Chỉ còn ít phút nữa là con sẽ phải trình diện trước Đấng Sáng tạo [5] ra con. Những giây phút cuối cùng này là dành cho con để ăn năn sám hối, con chớ nên dùng vào việc nào khác. Cha xin con, con thử nghĩ xem, nếu chết mà không được chịu phép giải tội, trên đầu còn chất chứa đủ mọi tội lỗi của mình, thì thật đáng sợ biết bao! Chờ đến khi con đứng trước Đấng phán xét [6] của con thì lúc ấy ăn năn đã là quá muộn rồi. Con có định lại gần ngài bấu vô cùng tôn nghiêm của Người với một lời bốn cột trên môi như thế này chăng?

[5] Your Marker (tiếng Anh): cũng là Đấng Tạo thành.

[6] Your judge (tiếng Anh): Tức Đấng phán xét chí công (the righteous judge), tức Đức Kitô. Cũng là “thẩm phán chí công”, “quan tòa công bằng” trong ngôn từ Công giáo.

- Lời bốn cột ư, thưa cha tôn kính? Tôi tưởng các bài giáo lý ^[7] còn con ấy của cha chỉ cần cho những người cùng phía với cha thôi chứ! Bao giờ đến lượt chúng tôi, chúng tôi sẽ dùng các đại bác ^[8] chứ chẳng phải là nửa tá cái giống súng khai hậu cũ rích thế này đâu! Và lúc bấy giờ các vị sẽ thấy chúng tôi bốn cột đến mức nào.

[7] Homily (tiếng Anh): Nói chung là bài giảng, hoặc là bài giảng thông thường nhất trong Thánh Lễ (Mass), sau bài Tin Mừng (Gospel).

[8] Tiếng Anh nguyên văn là “field – guns”.

- *Các ông sẽ dùng đến đại bác? Ôi! Con người bất hạnh! Ông vẫn chưa hiểu rằng ông đang đứng trên bờ vực thẳm đáng sợ như thế nào hay sao?*

Ruồi trâu ngoái đầu nhìn qua vai mà xem lỗ huyết mở rộng sau lưng mình.

- *Vậy cha... cha tôn kính tưởng rằng đặt được tôi xuống đây là xong chuyện*

với tôi rồi hay sao? Có lẽ các vị còn chặn một phiến đá lên trên cùng để hòng ngăn... ngăn cản sự phục... phục sinh “sau ba ngày” [9] nữa ấy chứ? Chớ sợ, cha tôn kính ạ! Tôi sẽ không xâm phạm đến độc quyền của các vị trong những trò diễn xuất rẻ tiền này đâu. Đặt tôi xuống đâu, tôi sẽ nằm yên ở đấy như một con... con chuột vậy. Nhưng, dù sao mặc lòng, *chúng tôi* vẫn sẽ dùng đến đại bác đấy.

[9] Hàm ý nói tới truyền thuyết về Chúa Giêsu chết đi ba ngày rồi sống lại, gọi là sự phục sinh, do đó có Lễ Phục sinh (Easter). Xem từ trang 60.

Vị linh mục kêu lên:

- Ôi! Lạy Chúa lòng lành vô cùng!
Xin Chúa tha tội cho kẻ khốn khổ này!

Viên trung úy kỵ binh khẩn thẳm bằng
cái giọng ồm ồm ^[10]:

- Amen!

[10] Nguyên văn tiếng Anh “murmured... in a deep bass growl”, bằng một giọng nam trầm sâu.

Còn viên đại tá và gã cháu thì sùng
kính làm dấu thánh giá.

Thấy rõ ràng không trông mong gì
khuyên bảo thêm được cho có tác dụng,
vị linh mục đành phải từ bỏ công việc vô

kết quả của mình. Ông bước sang bên cạnh, lắc đầu, mồm lẩm rầm cầu kinh. Những công việc chuẩn bị ngắn gọn và đơn giản đều đã được hối hả làm xong. Ruồi trâu tự ra đứng đúng vào chỗ của mình và chỉ quay lại thoáng nhìn lên cảnh huy hoàng rực rỡ ánh sáng vàng và đỏ của mặt trời đang mọc. Một lần nữa Ruồi trâu lại yêu cầu không bịt mắt, và vẻ mặt thách thức của anh đã khiến viên đại tá phải miễn cưỡng đồng ý. Cả hai người đều quên rằng làm như thế họ đã tác động đến tinh thần binh lính.

Ruồi trâu đứng quay thẳng mặt về phía họ và mỉm cười. Những cánh tay cầm súng run lên. Anh bảo:

- Tôi hoàn toàn sẵn sàng rồi.

Viên trung úy bước lên phía trước, người run run vì xúc động. Hắn chưa hề chỉ huy xử bắn bao giờ.

- Chuẩn bị!... Nhắm! Bắn!

Ruồi trâu hơi lạng người đi, nhưng lấy lại ngay được thăng bằng. Một viên đạn bắn không vững đã sượt vào má anh. Vài giọt máu loang trên chiếc nơ trắng nơi cổ áo. Một viên khác trúng vào chân, phía trên đầu gối. Khi khói tan, bọn lính nhìn lại thì thấy anh vẫn mỉm cười như cũ và

đang lấy bàn tay tàn tật quệt máu trên má.

Anh nói:

- Bắn xoàng quá rồi, các bạn ạ!

Giọng nói trong trẻo và rành rọt của anh đã nổi bật lên giữa lúc những người lính khốn khổ đang hết sức bàng hoàng và bối rối.

- Thử bắn lại xem nào!

Toàn bộ hàng lính đều rùng mình sớn gáy và rên rĩ. Người nào người nấy nhằm trệch sang bên cạnh, thậm chí mong viên đạn

chí mạng là do tay người bên cạnh chứ không phải tay mình. Còn Ruồi trâu thì vẫn cứ đứng trơ trơ, mỉm cười với họ. Họ chỉ biến cuộc xử tử thành một cuộc giết chóc trong lò mổ, và bây giờ họ lại phải làm lại từ đầu cái công việc ghê rợn này. Đám lính đột ngột hoảng vía, họ hạ súng, tuyệt vọng đứng nghe những lời mắng mỏ và chửi rủa điên cuồng của các viên sĩ quan. Họ sững sờ và hãi hùng giương mắt nhìn người vừa bị họ giết mà chẳng hiểu sao ông ta vẫn không chết.

Viên Giám binh vung nắm đấm trước mặt họ, lòng lộn quát tháo, bắt họ phải đứng vào vị trí, giương súng lên và hối hả làm mau cho xong chuyện. Nhưng

chính y cũng đã hoàn toàn mất tinh thần không khác gì bọn lính. Y không dám nhìn vào cái thân hình khủng khiếp kia cứ đứng trơ trơ mà không chịu ngã xuống. Hắn giật nẩy mình và run bắn lên khi nghe giọng chế giễu của Ruồi trâu:

- Đại tá, sao sáng hôm nay ông lại đưa ra một đội lính vụng về thế! Để tôi xem tôi có thể điều khiển họ khá hơn không! Nào, các bạn! Cậu đứng phía bên trái kia, nâng cái công cụ của cậu cao lên chứ! Phúc cho cậu đấy, anh bạn ạ! Trong tay cậu là súng đấy chứ không phải xoong chảo đâu nhé! Đã đứng nghiêm chỉnh cả chưa? Vậy, bây giờ... Chuẩn bị!... Nhắm!

Viên đại tá nhảy xổ lên, cướp lời:

- Bắn!

Để cho người bị bắn tự chỉ huy cuộc xử bắn mình thì ai mà chịu nổi.

Lại là một loạt đạn loạn xạ và hỗn độn nữa, và hàng lính đã rã ra thành một đám những thân hình run rẩy vón lại với nhau, mắt ngơ ngác, sững sờ nhìn về phía trước. Một người lính thậm chí còn chưa siết cò nữa. Anh ta quăng súng đi, ngồi sụp xuống đất mà rên rỉ:

- Tôi chịu thôi, tôi chịu thôi!

Khói dần tan, bay lên chơi vơi trong ánh nắng le lói của ban mai. Họ thấy Ruồi trâu ngã ra, và họ cũng thấy là Ruồi trâu vẫn chưa chết. Phút đầu tiên cả quan lẫn lính cứ đứng sững như hóa đá mà nhìn một vật gì dễ sợ đang lăn lộn, quằn quại trên mặt đất. Rồi cả người y sĩ lẫn viên đại tá cùng kêu lên chạy ào đến chỗ Ruồi trâu, vì họ thấy anh vẫn lết một chân, quỳ lên mà nhồm dậy, anh vẫn đối mặt với đám lính và vẫn lại cả cười.

- Lại trượt rồi! Bắn... lại đi, các bạn!... Để xem... nếu các bạn không thể...

Anh bỗng lão đảo rồi ngã vật sang một bên, trên bãi cỏ.

Viên đại tá khẽ hỏi trong hơi thở:

- Anh ta chết chưa?

Người y sĩ quỳ gối, đặt tay lên chiếc sơ mi đẫm máu của Ruồi trâu, khẽ trả lời:

- Chắc vậy... Tạ ơn Chúa!

Viên đại tá nhắc theo:

- Tạ ơn Chúa! Thế là xong!

Gã cháu đang đụng vào cánh tay y.

- Chú ơi! Hồng y giáo chủ đến! Ngài đang đứng ngoài cổng và cứ đòi vào.

- Cái gì? Ông ta không vào được... Tôi không cho vào được! Bọn lính gác đâu cả rồi? Thưa Đức Hồng y...

Cổng mở ra, rồi đóng lại, Montanelli đã đứng trong sân, đôi mắt đầy kinh hoàng, trừng trừng nhìn về phía trước.

- Thưa Đức Hồng y! Tôi xin cầu khẩn

ngài... Cảnh này ngài xem bất tiện! Việc hành quyết vừa kết thúc, thi hài còn chưa...

Montanelli nói:

- Tôi đến để nhìn nó một chút.

Giọng nói và cả bộ dạng của ông ta, thậm chí ngay trong lúc ấy cũng đã khiến cho viên Giám binh phải sửng sốt, bởi vì giọng nói và bộ dạng ấy là của kẻ mộng du.

Bỗng một người lính thành lính hét lên:

- Ôi, Chúa ôi!

Viên Giám binh quay ngoắt lại nhìn.
Quả không sai...

Tám thân đâm máu trên bãi cỏ lại một lần nữa vật vã và rên rỉ. Người y sĩ bèn bỏ nhoài xuống, nâng đầu kẻ hấp hối đặt lên đùi mình.

Ông ta tuyệt vọng kêu lên:

- Nhanh lên! Nhanh lên, quân dã man!
Kết liễu hăn đi, vì ơn Chúa! Để thế này
chịu sao nổi!

Những dòng máu lớn túa ra cả hai bàn tay người y sĩ. Thân hình co giật mà ông ta ôm trong lòng cũng đã khiến ông run rẩy từ đầu đến chân. Trong khi ông ta còn đang hốt hoảng nhìn quanh để cầu mong giúp đỡ, vị linh mục đã cúi xuống qua vai ông, kê tượng Chịu nạn vào đôi môi người hấp hối.

- Nhân danh Chúa Cha, Chúa Con...

[11]

[11] Trích trong kinh nguyện đầu tiên hàng ngày của Kitô giáo, tiếng Anh là: "In the name of the Father, and of the Son, and of the Holy Spirit. Amen". (Nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen).

Ruồi trâu từa lên đùi người y sĩ, nhóm dậy, đôi mắt mở to nhìn chòng chọc vào tượng Chịu Nạn.

Rồi giữa bầu tịch mịch âm lặng và giá lạnh ấy, anh chậm chậm đưa cánh tay phải bị bắn gãy lên mà gạt tượng thánh ra. Một vết máu đỏ đã vấy ngang mặt tượng.

- *Padre*... Chúa... của cha... thỏa mãn rồi chứ?

Đầu anh lả xuống cánh tay người y sĩ.

*

- Thưa Đức Hồng y!

Thấy Hồng y giáo chủ vẫn chưa tỉnh giấc kinh hoàng, đại tá Ferrari lại gọi to hơn:

- Thưa Đức Hồng y!

Montanelli nhìn lên:

- Nó chết rồi.

- Vâng, chết hẳn rồi, thưa Đức Hồng y. Xin ngài ra thôi chứ ạ? Cảnh tượng

này rùng rợn lắm.

- Nó chết rồi. – Montanelli nhắc lại và một lần nữa nhìn xuống mặt Ruồi trâu:
- Ta đã sờ vào người nó, mà nó chết mất rồi [12].

[12] Câu này có hàm ý các tích trong Kinh Thánh về việc nhiều lần Chúa Kitô sờ vào người ốm đau mà chữa khỏi bệnh hoặc làm sống lại người đã chết. Xem trang 28.

Viên trung úy thì thào một giọng khinh bỉ:

- Một người đã lãnh đủ nửa tá đạn, ông ta còn mong chờ gì ở anh ta nữa cơ

chứ?

Và người y sĩ cũng thì thào đáp lại:

- Chắc vì trông thấy máu, thần kinh ông ấy bị rối loạn rồi.

Viên Giám binh kiên quyết nắm lấy cánh tay Montanelli:

- Thưa Đức Hồng y, ngài đừng nhìn hấn nữa thì hơn. Ngài cho phép cha tuyên úy hộ tống ngài về chứ ạ?

- Được... tôi sẽ về.

Ông từ từ quay gót khỏi cái nơi đẫm máu ấy mà bước ra ngoài, có vị linh mục và viên đội theo sau. Đến cổng, ông ta dừng bước và vẫn ngoái lại nhìn với một vẻ kinh ngạc mà đờ đẫn như một con ma.

- Nó chết rồi.

*

* *

Mấy tiếng đồng hồ sau, Marcone đến ngôi nhà gỗ nhỏ trên sườn núi để báo cho Martini biết là từ nay đã không còn nhu cầu nào để anh phải hy sinh đời mình

nữ.

Mọi sự chuẩn bị cho mưu toan giải cứu lần thứ hai đều đã sẵn sàng, bởi vì lần này ý đồ bố trí đơn giản hơn lần trước nhiều. Họ đã sắp đặt là đến sáng hôm sau, khi đám rước lễ Viếng Minh Thánh diễu qua chân đồi trên có pháo đài, Martini sẽ từ trong đám đông tiến lên trước, rút súng ngắn giấu trong ngực áo ra, bắn vào mặt viên Giám binh. Nhân lúc nháo nhác loạn xạ, hai mươi người đầy đủ khí giới sẽ thành linh xông tới công, đánh phá vào tận tháp canh, dùng vũ lực bắt giữ tên cai ngục mà điếu đi, buộc nó phải mở cửa xà lim, công Ruồi trâu ra và bắn chết hoặc chế ngự bất cứ

kẻ nào định cản đường họ. Ra đến cổng, họ sẽ vừa đánh vừa rút, đồng thời yểm hộ sự rút lui của một toán dân buôn lậu thứ hai có vũ trang và cưỡi ngựa đến để xem Ruồi trâu tới chỗ ẩn nấp an toàn trên núi cao. Trong nhóm cốt cán chỉ có Gemma là người duy nhất không biết tí gì về kế hoạch này. Martini đã có nguyện vọng đặc biệt yêu cầu không để cho chị biết. Anh bảo: “Nếu để chị ấy biết, chị ấy sẽ sớm bị vỡ tim ra mất”.

Vừa nhìn thấy Marcone đến cổng vườn, Martini đã mở cửa kính, bước ra hiên mà đón gặp.

- Có tin gì không, Marcone? Ôi chao!

Thay cho câu trả lời, Marcone chỉ hát chiếc mũ rơm rộng vành ra sau gáy.

Họ cùng nhau ngồi dưới mái hiên. Không ai nói một lời. Ngay từ lúc Martini thấy được bộ mặt lộ ra dưới vành mũ, anh đã hiểu được tình hình.

Một hồi im lặng dài. Cuối cùng, anh hỏi:

- Xảy ra lúc nào thế?

Chính tai anh tự nghe, anh cũng đã thấy giọng nói của bản thân mình sao

cũng thần thờ và chán ngán như mọi sự trên đời.

- Sáng nay, lúc rạng đông. Viên đội cho tôi biết. Anh ta có mặt ở đó, trông rõ cả.

Martini nhìn xuống, rút đứt đoạn chỉ vướng ở tay áo.

Mọi sự đều là hư không^[13]. Chuyện này cũng là hư không nốt. Đáng lẽ ngày mai anh sẽ chết. Vậy mà bây giờ cõi mơ ước của lòng anh đã tan đi, hết như cái lõi thần tiên của những giấc mộng vàng lúc hoàng hôn sẽ nhạt nhòa khi màn đêm buông xuống. Và anh đã bị đẩy bật trở lại

với cái thế giới hết ngày dài lại đến đêm
thâu, cái thế giới của Grassini và Galli,
của viết mật mã và làm văn châm biếm,
của những cuộc cãi vã giữa các đồng chí
trong đảng, và của những mưu sâu chước
hiểm của bọn mật thám Áo, nói chung
lại, là của cái cối xay^[14] công tác hàng
ngày khiến con tim chán ngán. Và ở đâu
đó dưới đáy tâm thức anh đã có một
khoảng trống rộng lớn, một khoảng trống
không gì và không ai lấp nổi nữa, bởi lẽ
giờ đây Ruồi trâu đã chết rồi.

*[13] Vanity of vanities (hoặc All is vanity)
(tiếng Anh): Câu trích trong Kinh Thánh. Cũng là
“mọi sự đều là phù phiếm” (phù vân, phù hoa).*

[14] Ý nói một công việc đều đều hàng ngày.

Cối xay (mill-round) đây là ở châu Âu hồi xưa, do lừa (ngựa) bị bịt mắt buộc vào ràng cối, đi vòng quanh kéo quay suốt ngày.

Nghe có tiếng ai đang hỏi mình, anh bèn ngẩng đầu ngạc nhiên, không biết bây giờ còn có chuyện gì đáng mất công bàn luận nữa đây!

- Anh vừa nói gì vậy?

- Tôi đang bảo là tất nhiên anh sẽ báo cho chị ấy biết tin chứ!

Cuộc sống cùng với nỗi ghê sợ về cuộc sống, đã trở lại trên gương mặt Martini. Anh kêu lên:

- Tôi nói với chị ấy sao được? Như thế, khác nào anh bảo tôi đến đâm chết chị ấy. Ôi, tôi nói thế nào với chị ấy bây giờ? Tôi làm sao bây giờ?

Martini đã đưa hai tay lên bụng kín mắt. Nhưng, tuy không nhìn, anh vẫn cảm thấy bên cạnh anh, Marccone bỗng dưng đã giật mình, và anh bèn ngẩng đầu nhìn lên. Gemma đã đứng ngay ở cửa.

Chị bảo:

- Cesare, anh đã nghe tin chưa? Thế là hết cả rồi. Chúng đã bắn chết anh ấy

rồi.

Chương VIII

- “*Introibo ad altare Dei*”^[1] .

Montanelli đứng trước ban thờ cao, chung quanh là các vị thừa tác^[2] và những người giúp lễ^[3]. Ông ta cất cao giọng, rành rọt đọc kinh *Introit*. Toàn bộ nhà thờ chính tòa chan hòa ánh sáng và màu sắc. Từ những bộ áo lễ của những người châu lễ cho đến những hàng cột bọc vải đỏ chói, những dây tế hoa, tất cả đều không còn một chỗ nào là u ám. Cửa

ra vào mở toang, rủ đầy những tấm rèm to đỏ tía, và qua những nếp gấp của chúng đã rục lên ánh mặt trời tháng sáu nóng rục, hệt như nó đã xuyên qua những cánh hoa anh túc đỏ trong một cánh đồng lúa mạch. Các nhà nguyện ở hai bên mọi khi vẫn mờ tối, nay bỗng sáng rục bởi nến và đèn sáp của các chức sắc và các dòng tu, bởi những thánh giá và cờ ảnh của các đoàn đến từ các giáo xứ. Và trong các hành lang ngang dọc, những nếp gấp bằng lụa của các cờ rước lễ rủ xuống, những chóp cán cờ mạ vàng, cùng những ngù cờ đều sáng lóe lên dưới các vòm mái. Những bộ áo các phép^[4] của các ca viên^[5] đều ánh lên, mang các màu sắc cầu vồng dưới các khung cửa sổ lấp

kính màu. Ánh sáng mặt trời đổ qua các khung kính màu, rọi lên sàn nội điện thành những vệt theo ô bàn cờ màu da cam, đỏ tía, xanh lá cây. Đằng sau ban thờ treo một tấm màn gấm bạc óng ánh. Và giữa tấm màn cùng các đồ trang trí và những đèn nến trên ban thờ nổi bật lên thân hình đứng im phăng phắc trong bộ áo lễ trắng dài quét đất của Hồng y giáo chủ, trông chẳng khác gì một pho tượng cẩm thạch đã được truyền sinh khí để trở nên sống động.

[1] Introibo ad altare Dei (tiếng Latinh) – Ta hãy đến quỳ trước ban thờ Chúa – (Câu mở đầu đoạn kinh “Introit”, kinh nhập lễ).

[2] Ministers (tiếng Anh): Những người giúp lễ

cao cấp hơn.

[3] Acolytes (tiếng Anh): Những người giúp lễ cấp thấp.

[4] Surplices (tiếng Anh): Áo dài trắng có nhiều nếp, cũng gọi là áo súpli, để các giáo sĩ mặc khi phụng sự tôn giáo, nhất là khi hành lễ.

[5] Choristers (tiếng Anh): Các thành viên ca đoàn (choir, tức đội đồng ca) của nhà thờ.

Theo tục lệ, trong những ngày rước lễ, ông ta chỉ đứng chủ trì ở Thánh lễ^[6] chứ không cử hành nghi thức. Cho nên sau khi *Indulgentiam*^[7], ông rời ban thờ, từ từ bước về phía ngai giám mục giữa những hàng chánh tế và người thừa tác đang cúi

rạp mình khi ông đi qua.

[6] Mass (tiếng Anh): Xem từ trang 202.

[7] Indulgentiam (tiếng Latinh): Kinh xin tha tội.

Hai kinh sĩ nói thầm với nhau:

- Tôi e rằng Đức Hồng y không được khỏe. Hôm nay ngài có vẻ gì lạ lắm.

Montanelli cúi đầu để nhận mũ gâu^[8] dát ngọc. Vị linh mục làm nhiệm vụ phó tế danh dự^[9] đặt mũ cho ông xong, chăm chú nhìn ông trong giây lát rồi cúi mình khẽ hỏi ông.

- Thân lạy Đức Hồng y, ngài có bị ốm không ạ?

[8] Mitre (tiếng Anh, Pháp): Mũ nhọn, mũ gâu (biểu thị chức sắc của Giáo hoàng, giám mục...). Đây là mũ gâu của giám mục.

[9] Deacon (tiếng Anh): Người phụ tá cho chủ tế. Có các loại: phó tế vĩnh viễn, phó tế chuyển tiếp, phó tế danh dự (of honour)...

Montanelli hơi quay mặt lại. Nhưng trong cặp mắt ông người ta không thấy có sự nhận biết nào.

Vị linh mục lầm rầm nói:

- Xin Đức Hồng y tha lỗi.

Ông ta bái quỳ rồi trở về chỗ cũ, tự trách mình đã kinh động Đức Hồng y trong việc cầu nguyện sùng kính của ngài.

Nghi lễ quen thuộc vẫn tiếp diễn. Montanelli ngồi thẳng đờ, im phăng phắc. Ánh mặt trời phản chiếu long lanh trên chiếc mũ gâu dát ngọc và trên bộ áo thêu kim tuyến. Tà áo choàng lễ hội trắng muốt nặng nề phủ xuống tận tâm thảm đỏ dưới chân ngài. Hàng trăm ngọn nến lung linh rọi sáng những viên ngọc xanh trên ngực ông, chiếu thẳng vào cặp mắt sâu trũng và đờ đẫn của ông mà ở đó vẫn

không thấy có một tia phản hồi nào. Và khi có tiếng xướng lên: *Benedicite, pater eminentissime*^[10], ông cúi xuống làm phép cho bình hương thì những tia nắng nhảy nhót trên những hạt kim cương đã khiến ở ông gợi ra hình ảnh một hung thần băng tuyết nào đó của các đỉnh núi cao, lộng lẫy mà dữ dội, đầu đội các lớp cầu vồng, mình mặc áo tuyết phủ, đang giơ hai tay ra để ban phát như mưa những lời chúc phúc hoặc có thể là cả để gieo rắc như mưa những lời nguyên rủa nữa.

[10] *Benedicite, pater, eminentissime* (tiếng Latinh): Lạy Cha rất tôn kính, xin ngài hãy ban phép lành.

Khi nâng Bánh Thánh lên^[11], Hồng y giáo chủ bước xuống ngai, ra quỳ gối trước ban thờ. Trong tất cả những cử chỉ của ông vẫn có một vẻ đều đều, cứng nhắc, lạ kỳ và khi ông đứng dậy trở về chỗ cũ, viên thiếu tá kỵ binh mặc sắc phục ngày lễ, ngồi sau viên Giám binh, quay lại thì thảo với viên đại úy bị thương:

[11] At the elevation of the Host (tiếng Anh): Host là Bánh Thánh, Bánh Lễ, cũng là Minh Thánh; elevation là nâng lên (dâng lên) sau khi đã truyền phép Bánh Thánh.

- Lão Hồng y đồ^[12] mất rồi, không còn nghi ngờ gì nữa! Lão ta hành lễ như một cái máy ấy!

[12] Nguyên văn tiếng Anh “The old Cardinal’s breaking”, cũng là “gãy mất rồi”, ý nói “ôm, suy sụp rồi”.

Viên đại úy cũng thì thào đáp lại:

- Càng tốt. Từ ngày có cái lệnh đại xá chết tiệt ấy, lão ta cứ như tấm đá cối xay tròn quanh cổ chúng ta.

- Nhưng lão ta cũng đã chịu thua qua việc đồng ý cho lập tòa án binh rồi.

- Phải, rất cuộc là vậy. Nhưng mất bao nhiêu thời giờ lão ta mới chịu thế đấy. Trời, sao ngọt ngọt thế này! Đến khi

rước lễ chúng ta sẽ say nắng, lã ra cả lũ mất. Khổ thân chúng ta không được làm Hồng y giáo chủ để suốt dọc đường lúc nào cũng có phương du^[13] che đầu... Suyt! Chú tao đang quay lại nhìn kia kìa!

[13] Canopy (tiếng Anh): Tức một loại tàn, tán che đầu, nhưng căng bằng lụa vuông, có bốn người giương ra bốn góc để che.

Đại tá Ferrari quay lại quắc mắt nhìn hai sĩ quan trẻ tuổi. Sau sự việc trang nghiêm sáng hôm qua, y đã trở về với khuôn phép sùng kính và ngoan đạo, và y luôn sẵn sàng mắng mỏ bọn thanh niên để đòi hỏi chúng phải có thái độ thích hợp đối với cái y coi là “tình thế phải biểu lộ đau khổ”.

Những người phụ trách lễ nghi [14] bắt đầu tập hợp và xếp vào hàng ngũ những ai tham dự đám rước. Đại tá Ferrari bèn đứng dậy đi đến hàng rào nội điện, ra hiệu cho những viên sĩ quan khác đi tháp tùng mình.

[14] The masters of the ceremonies (tiếng Anh): Tức những người dẫn chương trình (MC), những người trong ban tổ chức lễ.

Khi Thánh lễ đã xong và Bánh Thánh đã được cất vào đấng sau tấm chắn bằng pha lê trong Mặt nhật rước lễ [15], thì ông chủ tế và các vị thừa tác rút vào phòng thánh [16] để thay áo, và lúc bấy giờ

những tiếng rì rào nói chuyện riêng mới bắt đầu râm ran trong khắp nhà thờ. Nhưng Montanelli vẫn ngồi bất động trên ngai, đôi mắt vẫn sững sờ nhìn về phía trước. Cả một biển người sống động như dâng lên chung quanh và cả dưới chân ngai để rồi lặng tắt trong cõi tịch mịch quanh chân ông. Bình hương được mang đến thì ông giơ tay lên như cái máy, bỏ hương liệu vào bình, chẳng hề nhìn sang phải hoặc sang trái.

[15] Processional sun (tiếng Anh): Bình đựng bằng vàng và pha lê hình Mặt nhật để châu và kiệu Bánh Thánh; cũng gọi là bình Mặt nhật.

[16] Sacristy (tiếng Anh): Phòng ở sát cung thánh, dùng để cất giữ áo lễ, đồ thờ, ... cũng gọi là

phòng áo.

Giới giáo sĩ đã từ phòng thánh trở ra, tè tụt trong nội điện để chờ ông xuống ngai. Thế nhưng ông vẫn tiếp tục ngồi yên, tuyệt nhiên bất động. Vị phó tế danh dự cúi mình về phía trước để cất mũ gầu ngọc ra cho ông xong, đã lại khe khẽ, ngập ngừng nhắc ông:

- Thưa Đức Hồng y!

Hồng y giáo chủ ngoái nhìn.

- Con nói gì?

- Ngài thấy chắc chắn là cuộc rước lễ sẽ không quá sức đối với ngài chứ ạ? Trời nắng nóng lắm.

- Nắng thì có hề gì!

Nghe Montanelli nói với giọng lạnh lùng và có cân nhắc cẩn thận, vị linh mục lại một lần nữa tưởng tượng rằng hẳn là mình đã xúc phạm đến ngài rồi.

- Xin Đức Hồng y tha lỗi. Con tưởng là ngài có vẻ khó ở.

Montanelli đứng dậy, không trả lời. Ông đứng im lặng một lát ở bậc cao nhất

trên bệ ngai, rồi cũng với giọng cân nhắc ấy, ông hỏi:

- Cái gì kia?

Đuôi áo choàng của ông phủ dài trên các bậc dưới chân ngai rồi tỏa rộng trên sàn nội điện, do vậy ông chỉ vào một vệt đỏ rực trên tà áo sa tanh trắng.

- Thừa Đức Hồng y, đó chỉ là ánh mặt trời chiếu qua cửa kính màu.

- Ánh mặt trời ư? Đỏ đến thế sao?

Ông bước xuống bậc, quỳ trước ban

thờ, cầm dây treo bình hương rồi từ từ lắc qua lắc lại [17]. Khi ông trả lại bình hương cho người giúp lễ, ánh nắng rọi thành những ô bàn cờ đã chiếu lên mái đầu trần của ông, rọi vào đôi mắt mở to và đang ngược lên của ông, hất một vệt đỏ tươi lên chiếc khăn choàng vai [18] màu trắng mà các vị thừa tác đang sửa lại nếp gấp quanh mình ông.

[17] Swinging the censer slowly to and fro (nguyên bản tiếng Anh): Lắc bình hương để khói hương tỏa ra (xông hương). Bình hương của đạo Kitô nhỏ, có nắp đậy, có dây cầm để lắc bình trong khi bước đi.

[18] Veil (tiếng Anh): Đây là loại khăn để người hành lễ lót tay khi cầm vào các vật lễ linh thiêng.

Ông cầm lấy chiếc bình vàng Mặt nhật
thiên liêng mà người phó tế đưa lại cho
ông. Rồi ông đứng dậy giữa lúc ca đoàn
cùng chiếc phong cầm cất tiếng âm vang,
tấu lên một giai điệu đặc thủng.

“Pange, lingua, gloriosi

Corporis mysterium,

Sanguinisque pretiosi

Quem in mundi pretium,

Fructus ventris generosi

Rex uffedit gentium.” [19]

[19] Từ đoạn này, nguyên bản tiếng Anh có tám đoạn Thánh ca bằng tiếng Latinh, nói chung đều nói đến việc những người vô tội phải đổ máu ra để chuộc tội. Những ý này đã tác động mạnh đến Montanelli và khiến ông ta hóa điên rồ.

Những người cầm cờ biến từ từ tiến lại giương chiếc phương du bằng lụa che lên đầu ông, trong khi đó các vị phó tế danh dự bước đến đứng vào chỗ của mình ở bên phải và bên trái ông, cầm tà áo choàng của ông mà kéo dài về phía sau. Và khi những người giúp lễ cúi xuống nâng tà áo của ông lên khỏi mặt sàn nội điện thì các hội giáo hữu [20] tay

cầm nến thấp sáng, chia thành hai hàng tả hữu, tiến lên dẫn đầu đám rước bước ra lối đi chính giữa nhà thờ.

[20] Lay fraternities (tiếng Anh): Các hội thân hữu của các giáo dân (lay, ở đây có nghĩa là không phải giáo sĩ).

Đứng bất động trên bệ cao bên bàn thờ, đầu che phương du trắng, tay cầm chắc Minh Thánh ^[21] mà nâng cao lên, Montanelli im lặng dõi theo đám rước đang diễu qua trước mặt. Mọi người đi hàng đôi, mang nến, cờ biển, đèn sáp cùng với thánh giá, tượng thánh và cờ thường, từ từ bước xuống các bậc trong nội điện, tiến theo lối đi rộng chính giữa nhà thờ và giữa hai hàng cột kết đầy hoa,

rồi chui qua những chiếc rèm đỏ tía đã được cuốn lên ở cửa lớn mà tiến ra ánh nắng chói chang ngoài đường phố. Tiếng hát của tập đi trước lắng dần, biến thành một tiếng rì rào rền rĩ đắm chìm trong từng đợt từng đợt những giọng hát mới tiếp theo, cùng với dòng người bất tận trôi qua với những tiếng chân mới rậm rịch vang vọng xuống dọc theo lối đi chính giữa nhà thờ.

[21] Eucharist (tiếng Anh): Bánh đã truyền phép mới được gọi là Mình Thánh.

Các đoàn thuộc các giáo xứ diễu qua với các khăn liệm ^[22] trắng và các khuôn mặt có mạng che kín; rồi đến các huynh

đệ dòng Misericordi [23] mặc đen từ đầu tới chân, chỉ thấp thoáng lộ ra hai con mắt lóng lánh qua những lỗ thủng ở mặt nạ. Kế đến các tu sĩ đan viện [24] đi theo hàng ngũ rất nghiêm trang: các đan sĩ khát thực [25] đội mũ trùm đầu màu xám xịt, đi chân đất màu nâu sẫm; các tu sĩ dòng Đaminh [26] khắc khổ mặc áo choàng trắng. Tiếp đến là các quan chức thế tục ở địa phương, các lính kỵ binh, pháo thủ [27] và các sĩ quan cảnh sát địa phương, và viên Giám binh mặc sắc phục lễ hội cùng với các sĩ quan đồng nghiệp tháp tùng. Sau cùng là một vị phó tế mang một cây thánh giá rất to đi giữa hai người giúp lễ cầm hai cây nến cao cháy sáng rực. Và do các tấm rèm ở cửa

kính đã được cuộn lên cao cho dòng người đi qua, từ vị trí đứng dưới chiếc phương du, Montanelli thoáng nhìn ra thấy ánh nắng chói chang trên đường phố rải đầy thảm, cờ xí giăng trên các bức tường, những đứa trẻ con mặc áo choàng trắng đang rắc rải hoa hồng trên đường cái. Ôi! Hoa hồng! Sao những bông hồng đỏ đến thế!

[22] Shrouds (tiếng Anh): Tức khăn liệm xác Chúa Giêsu (tượng trưng), còn gọi là khăn liệm Turin (The Shroud of Turin).

[23] Misericordia (tiếng Latinh): Lòng thương xót; tên một đoàn thể Công giáo từ thiện, chuyên lo việc mai táng.

[24] *Monks (tiếng Anh): Cũng gọi là đan sĩ, tức tu sĩ khổ hạnh (trong các nhà khổ tu).*

[25] *Mendicant frairs (tiếng Anh): Khất thực, cũng là hành khất, xin ăn.*

[26] *Dominicans (tiếng Anh): Xem từ trang 29.*

[27] *Carabineers (tiếng Anh): Nguyên nghĩa là các pháo (xạ) thủ, nhưng thực sự gọi chung là bộ binh. Xem từ trang 157.*

Đám rước tiếp tục đi qua, thông thả, tuần tự; trang phục nối tiếp trang phục, màu sắc nối tiếp màu sắc. Những chiếc áo các phép dài trắng, khắc khổ và gọn ghẽ, nhường chỗ cho những áo lễ rực rỡ và những áo choàng thêu kim tuyến. Kia

là một cây thánh giá mạ vàng, cao mà thon, đang chơi vơi trên những ngọn lửa nền. Họ là những vị kinh sĩ Nhà thờ chính tòa bệ vệ trong các áo choàng trắng muốt. Một linh mục tuyên úy từ nội điện bước xuống, tay mang chiếc trượng của giám mục [28], đi giữa hai chiếc đèn sáp đang lóe sáng. Rồi đến những người giúp lễ chân bước đều mà tiến lên, các bình hương của họ vung vẩy theo điệu nhạc. Những người rước phụng vụ càng nâng cao phụng vụ, mồm đếm “một hai, một hai” theo nhịp bước, và thế là Montanelli bắt đầu cất bước lên Đàng Thánh giá [29].

[28] Crozier (tiếng Anh): Gậy bên trên có thánh giá, tượng trưng cho quyền uy của các chức

sắc từ giám mục trở lên.

[29] *Way of the Cross (tiếng Anh): Là con đường Giêsu phải vác giá chữ thập lên đồi Canvariô (Calvary) để chịu hình phạt rồi được an táng, gồm tất cả mười bốn chặng gọi là “các chặng Đàng Thánh giá” (Stations of the Cross). Nhưng ở đây ngụ ý là con đường khổ nạn của riêng Montanelli.*

Ông bước xuống các bậc nội điện rồi đi dọc theo lối đi rộng trong gian giữa nhà thờ, đi ngang dưới tầng gác nơi đang dậy lên và vang âm tiếng phong cầm. Rồi ông đi qua dưới những rèm cửa đã cuốn cao, - những rèm cửa sao đỏ thê, đỏ lòm một cách đáng sợ, - mà bước ra đường phố chói lòa ánh nắng, với những bông hồng đỏ như máu nằm ngổn ngang, đang

héo tàn và bị giẫm nát dưới biết bao bước chân đã đi qua trên thảm đỏ. Ra đến cửa, đám rước ngừng một lát để các quan chức thế tục tiến lên cầm phương du thay những người rước phương du, rồi đám rước lại đi với cả Montanelli trong đó, hai tay ông cầm chắc bình Mặt nhật Thánh thể. Tiếng hát của ca đoàn lúc bổng, lúc trầm quanh ông, hòa nhịp với tiếng lắc bình hương theo tiết tấu cùng với tiếng chân dậm rộn ràng trên mặt đất.

“Verbum caro, panem verum,

Verbo carnem iffecit;

Sitque sanguis, Christi merum...”

Toàn máu, đâu đâu cũng rặt là máu!
Tấm thảm trải dài trước mặt ông như một
dòng sông đỏ; những đóa hồng rải rác
trên các phiến đá trông như những vết
máu tung tóe... Ôi! Chúa ơi! Phải chăng
tất cả đất của Người, và tất cả trời
của Người nữa, cũng đều đã nhuốm đỏ?
À, thế còn Người thì sao, Người là Chúa
toàn năng kia mà... và đến cả đôi môi
của Người cũng đã vậy máu kia mà!

“Tantum ergo Sacramentum,

Veneremur cernui”.

Montanelli nhìn Minh Thánh qua miếng chắn bằng pha lê. Cái gì đang rỉ ra từ miếng bánh, nhỏ giọt xuống giữa những tia nắng vàng của Mặt nhật và nhỏ giọt xuống cả áo choàng trắng của ông thế này? Phải chăng đó là cái mà ông đã từng trông thấy nó nhỏ giọt rồi, sự nhỏ giọt từ một cánh tay giơ lên chẳng?

Cỏ pháp trường hôm ấy đã bị giẫm nát và đỏ... đỏ hết..., sao nhiều máu thế! Máu chảy ròng ròng trên má, nhỏ giọt từ cánh tay bên phải bị đạn bắn thủng, ông ộc chảy đỏ lôm và nóng hổi từ vết thương ở cạnh sườn ^[30]. Có cả một lọn tóc cũng bị dầm trong bãi máu... phải, cái lọn tóc ướt dầm đã bết lại trên trán

ấy, à, đó là mồ hôi lúc giã chết, mồ hôi toát ra do đau đớn cùng cực.

[30] Hàm ý về Chúa Giêsu khi bị đóng đinh trên giá chữ thập rồi, vẫn bị đâm một hoặc đâm nhát giáo nữa vào mạng sườn.

Tiếng hát của ca đoàn càng vút lên cao, đặc thẳng.

“Genitori, genitonique,

Laus et jubilatio,

Salus, honor, virtus, quoque,

Sit et benedictio”.

Ôi! Không lòng kiên nhẫn nào chịu nổi nữa! Chúa ngự trên ngai trời màu đồng thau sáng láng, đôi môi vẩy máu mỉm cười, nhìn xuống những cảnh hấp hối và chết chóc của thế gian, như thế còn chưa đủ hay sao? Có phải chưa đủ là vì còn thiếu sự chế giễu này của những lời ngợi ca và việc ban phép lành chẳng? Thân thể của Giêsu, Người đã bị vò xé để cứu rỗi người đời; máu của Giêsu, Người đã đổ ra để chuộc tội cho người đời! Thế còn chưa đủ hay sao?

À, cha gọi to lên! Có lẽ Người đang ngủ!

Con yêu của cha, Con đã ngủ thật rồi và phải chăng sẽ chẳng bao giờ Con tỉnh dậy nữa? Phải chăng nắm mồ kia cứ khư khư giữ lấy chiến công của nó và lỗ huyết đen sì dưới gốc cây kia cũng không buông tha Con một ly nào, hỡi niềm vui sướng của lòng cha?

Và lúc ấy từ sau miếng chắn pha lê, Vật Thánh ^[31] đã trả lời. Trong khi máu vẫn nhỏ giọt. Vật Thánh nói:

- Cha đã lựa chọn rồi, bây giờ cha lại còn hối hận về sự lựa chọn của mình hay sao? Cha còn chưa được toại nguyện hay sao? Cha hãy nhìn đám người nấu mình trong lửa là và vàng bạc đang đi ngoài

ánh sáng kia: chính vì họ mà con bị chôn trong lỗ huyết đen sì. Cha hãy nhìn đám trẻ con đang rắc rải những bông hồng kia, cha hãy lắng nghe những tiếng hát của chúng nếu thấy ngọt ngào: chính vì chúng mà mồm con ngậm đầy cát bụi, còn những bông hồng kia thắm đỏ cũng là nhờ nguồn tưới vô tận từ trái tim con. Cha thấy chằng, kia dân chúng đang quỳ xuống để uống những giọt máu nhỏ ra từ những đường viền trong trang phục của cha: máu ấy đổ ra là vì họ, là để giải được cơn khát cháy cổ bỏng họng cho họ. Bởi chúng đã có sách viết rằng: “Không ai có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của một người hiến dâng đời mình cho bè bạn” [32].

[31] The Thing (tiếng Anh): Ở đây chính là vật được gọi là Mình Thánh (Bánh Thánh) tức Chúa Giêsu.

[32] Lời Giêsu, theo sách Phúc Âm.

- Ôi! Arthur, Arthur! Vẫn có một tình yêu nữa lớn hơn thế! Nếu có ai đem hiến dâng cả cuộc đời của đứa con yêu quý nhất của mình, tình yêu đó chẳng phải là lớn hơn sao?

Và, Vật Thánh lại trả lời:

- Ai là đứa con yêu quý nhất của cha? Kỳ thực, đó không phải là con đâu!

Vì khi ông đang định nói lại, thì những lời nói của ông đã đông cứng lại trên lưỡi ông, bởi vì tiếng hát của ca đoàn đã lướt qua mà vượt lên, hết như một làn gió bắc quét trên mặt những hồ ao băng giá đã xua chúng vào cõi im lìm.

“Dedit fragilibus corporis ferculum,

Dedit et tristibus sanguinis poculum,

*Dicens: Acciptite, quod trado
vasculum*

Omnes ex eo bibit”.

Hỡi những người Kitô giáo! Hãy uống đi! Hãy uống đi, cả lũ các người! Máu đỏ không phải của các người sao? Vì các người mà dòng máu đỏ nhuộm ngập cỏ, vì các người mà thịt người tươi sống đã phải cháy bỏng lên và bị xé nát! Hỡi những kẻ ăn thịt người, hãy ăn đi! Hãy ăn đi, cả lũ các người! Đây là bữa tiệc của các người, là cuộc ăn uống thả cửa của các người, ngày hoan lạc của các người! Hãy mau chân đến dự cuộc liên hoan, mau chân gia nhập đám rước và đi diễu hành cùng chúng ta! Hỡi nam phụ lão ấu, hãy đến mà chia nhận thịt người! Hãy đến mà xem tuân trào dòng rượu – máu và hãy uống đi khi nó còn đang tươi đỏ! Hãy nhận và chia nhau ăn cả Minh Thánh

[33] Nguyên văn: *Body (tiếng Anh)*.

Ôi! Lạy Chúa! Pháo đài kia rồi. Pháo đài âm u, xám xịt với những công sự đồ nát và những tháp canh đen tối giữa cảnh núi đồi cằn cỗi. Nó cau có nhìn xuống đám rước đang kéo lê thê trên con đường tắm bụi bên dưới. Những chiếc răng thép của tấm rào chắn đã được kéo sập xuống che lấp miệng cống. Và pháo đài như một con thú dữ đang phủ phục bên sườn núi để giữ chặt lấy mồi. Nhưng dù cho những nanh vuốt ấy có siết chặt đến đâu, chúng vẫn sẽ bị bẻ gãy và bị đánh bật tung ra, và nằm mò trong sân pháo đài sẽ

phải nhả thi thể ra khỏi miệng. Là vì những cơ binh [34] Kitô giáo đang hành quân và hành quân bằng một đám rước hùng hậu để xông tới bữa tiệc máu theo bí tích [35] của họ, hết như một đại quân chuột đói đang hành quân đến những bông thóc còn sót lại ngoài đồng sau vụ gặt; và tiếng gào thét của bọn họ là: “Đưa đây! Đưa đây!”, chứ chẳng phải họ bảo là: “Đủ rồi!”.

[34] Nguyên văn: hosts (tiếng Anh): Cũng là những đạo binh.

[35] Sacramental feast of blood (tiếng Anh): Tức theo bí tích Thánh Thể (hoặc Mình Thánh Chúa), một trong bảy bí tích (sacraments) do Chúa Giêsu đích thân thiết lập. Xem các trang 82, 369.

“Như thế cha còn chưa thỏa mãn hay sao? Chính vì họ mà con đã phải bị hy sinh; chính là cha đã bị tiêu diệt con để cho họ được sống. Và cha trông kia, họ đang kéo đi, người nào cứ đi con đường của người này, và sẽ không khi nào họ chịu rời bỏ hàng ngũ” [36].

*[36] “Họ đang kéo đi... rời bỏ hàng ngũ”:
Trích Kinh Thánh (Cựu ước).*

“Đó là đại binh của những người Kitô giáo, của những người tin theo Chúa của cha, một đại binh vô cùng đông đảo và hùng mạnh. Đám cháy phía trước dọn đường cho họ, còn ở phía sau lửa thiêu đốt theo vết chân họ. Đất đai đẹp như

vườn Địa đàng ^[37] là ở trước mặt họ, nhưng phía sau họ chỉ còn là cảnh điêu tàn hoang dại mà thôi; đúng thế đấy, không gì thoát nổi tay họ”.

[37] Garden of Eden (tiếng Anh): Cũng là Vườn cực lạc, Thiên đường trên mặt đất mà, theo Kinh Thánh, Chúa Trời đã dành cho Adam và Êva đến ở đầu tiên.

“Ồ, nhưng con yêu quý, dù sao con vẫn hãy quay lại, quay lại với cha đi con. Bởi vì cha đã hối hận về quyết định lựa chọn của mình rồi! Quay lại! Chúng ta sẽ cùng nhau lẩn trốn đến một năm mờ tăm tối, lặng lẽ, để đại binh tàn hại ấy khỏi tìm thấy. Cha con ta sẽ nằm xuống đấy, sẽ ghì chặt lấy nhau mà ngủ, ngủ

nữa, ngủ mãi. Khi những quân Kitô giáo đói khát ấy tràn qua trên đầu chúng ta dưới ánh ban ngày tàn nhẫn, và khi chúng hú rít lên đòi máu cho đỡ khát, đòi thịt người cho đỡ đói, thì tiếng gào của chúng vẫn sẽ chỉ phảng phất bên tai chúng ta; và rồi chúng sẽ mãi một đi theo những con đường của chúng, để cha con ta được yên nghỉ.

Và Vật Thánh vẫn đã trả lời.

- Con biết nấu mình vào đâu cho được? Sách đã chẳng viết: “Chúng nó sẽ chạy nháo nhào khắp thị thành; chúng sẽ leo lên tường; chúng sẽ trèo lên các mái nhà; chúng sẽ chui qua mọi cửa sổ mà

vào nhà như kẻ trộm” [38] đó sao? Nếu con xây mồ trên đỉnh núi, chúng chẳng phá toang mồ ra được sao? Nếu con chôn mồ nơi đáy sông, chúng lại không quật mồ lên được sao? Con nói thật cho cha hay, chúng như giồng chó săn thuần chủng thính nhạy, chúng sẽ tìm ra con mồ, và những vết thương của con phải rỉ máu để chúng uống cho qua cơn khát. Cha chẳng nghe tiếng chúng hát và xem chúng hát nội dung gì hay sao?

[38] Câu trích trong Kinh Thánh (Cựu ước).

Và họ đã hát, khi tiến vào giữa những tấm rèm cửa đỏ tía ở cửa Nhà thờ chính tòa. Bởi vì cuộc rước đã kết thúc và hết

thấy các bông hồng đều đã tung hê sạch cả rồi.

“Ave, verum Corpus, natum,

De Maria Virgine:

Vere passum, immolatum

In cruce pro homine!

Cujus latus perforatum

Undam fluxit cum sanguinae;

Esto nobis praegustatum

Mortis in examinae”.

Và khi họ đã thôi không hát nữa, Montanelli bước vào cửa chính đi giữa các hàng đan sĩ và giáo sĩ, ai nấy đều im lặng quỳ gối ở chỗ của mình, tay giơ cao những ngọn nến đang cháy. Và ông thấy những cặp mắt đói khát của họ hau háu nhìn vào Thánh Thể ^[39] ông mang trong tay, thế là ông hiểu được tại sao họ cứ cúi đầu nhìn khi ông đi qua. Đó chỉ bởi vì có một dòng đỏ sẫm đã chảy xuống theo các nếp gấp của bộ lễ phục trắng của ông; và cả bởi vì mỗi bước ông đi đã để lại một vết đỏ sâu trên nền đá Nhà thờ lớn.

[39] The sacred Body (tiếng Anh): Cũng là Minh Thánh, Bánh Thánh.

Cứ như vậy ông đi qua lối đi chính giữa nhà thờ mà vào đến hàng rào nội điện. Ở đây những người mang cờ xí đã tạm nghỉ chân, ông ra khỏi chiếc phương du và bước lên các bậc ban thờ. Hai bên tả hữu ban thờ là những người giúp lễ mặc áo choàng trắng quỳ gối tay cầm bình hương và những linh mục tuyên úy tay cầm đèn sáp cháy dở. Cả các con mắt của họ cũng hau háu ánh lên những tia thèm khát dưới ánh sáng lung linh của đèn nến khi họ chăm chăm nhìn vào Thân thể Đáng Hy Lễ ^[40].

[40] *The Body of the Victim* (tiếng Anh): Victim là người bị nạn, người thụ nạn, trong Công giáo dịch là hy lễ, lễ vật hy sinh, người thọ nạn đều là chỉ Chúa Giêsu chịu nạn, do vậy gọi là Đáng Thọ nạn hoặc Đáng Hy (Hiến) Lễ. Ở đây là Thân Thể (Mình) Đáng Hy Lễ (hoặc Đáng Thọ nạn).

Và khi ông ra đứng trước ban thờ, đưa hai bàn tay nhuộm máu giờ cao thân thể bị cắn xé nát như của đứa con yêu dấu đã bị sát hại của mình, những tiếng hát của các khách khứa được mời đến dự bữa tiệc Thánh Thể ^[41] lại vang lên trong một bài thánh ca khác.

“Oh salutaris Hostia,

Quae coeli pandis ostium;

Bella praemunt hostilia,

Darobur, fer, auxilium!”

*[41] Nguyên văn tiếng Anh: Eucharistic feast.
Xem trang 486.*

A, bây giờ họ đến để nhận phần Thân Thể của con đây... Vậy hãy đi đi thôi, con yêu của lòng cha, con hãy làm theo số phận đắng cay đã an bài và con hãy mở rộng cánh cửa thiên đàng cho bầy chó sói háu đói không sao xua đuổi được này. Còn cánh cửa mở ra cho cha sẽ là cánh cửa xuống tận đáy địa ngục.

Và vì vị linh mục phó tế đã đặt bình bánh thánh lên ban thờ, Montanelli bèn sụp ngay xuống chỗ ông đang đứng và quỳ ngay lên một bậc ban thờ: rồi từ trên ban thờ màu trắng trên đầu ông, máu đã tủa xuống, nhỏ giọt lên đầu ông. Các tiếng hát của ca đoàn liền vang lên mỗi lúc một to, ngân lên dưới những vòm cuốn và vang vọng dài theo vòm mái vút cao của nhà thờ.

“Uni trinoque Domino

Sit sempiterna gloria:

Qui vitam sine termino

Nobis donet in patria”.

“*Sine termino... sine termino!*” [42],
“Ôi, Giêsu sung sướng thay, khi gục
được xuống dưới giá chữ thập của
Người. Ôi, Giêsu sung sướng thay, khi
đã nói được câu: “Thế là xong!” [43]. Còn
số phận này thì vô tận, và là vĩnh hằng
như những tinh cầu trên thượng đạo. Đây
là con sâu còn chưa chết và là ngọn lửa
còn chưa tắt [44]. “*Sine termino... sine
termino!*”.

[42] *Sine termino... sine termino (tiếng Latinh):
Đời đời chẳng cùng... đời đời chẳng cùng.*

[43] *Hoặc “Thế là hết” (It is finished!) theo
sách Phúc Âm của thánh Gioan, đó là lời của*

Giêsu khi sắp chết.

[44] Ý nói con sâu (bọ, dòi) còn rúc rĩa mãi, ngọn lửa còn thiêu đốt mãi, tức những sự trừng phạt đang chờ đợi nơi hỏa ngục.

Hồng y giáo chủ làm nốt phận sự của mình trong các phần lễ cuối cùng một cách uể oải, miễn cưỡng. Ông hành lễ như một cái máy, theo những thói quen cũ, theo những nghi lễ mà giờ đây đối với ông đã mất hết ý nghĩa. Rồi, sau khi đã ban phép lành, ông lại một lần nữa đến quỳ trước ban thờ và lấy tay bưng mặt. Tiếng một giáo sĩ đang cất cao giọng đọc bản danh sách xá tội [45] chỉ còn lúc bổng lúc trầm như một tiếng rì rào xa lắc xa lơ của một thế giới mà ông

không bao giờ phụ thuộc nữa.

[45] List of indulgences (tiếng Anh): Bản kê tên những người được Nhà thờ tha tội, sau khi đã nộp vạ cho Nhà thờ. Cũng là ân xá, tha vạ.

Tiếng đọc đã im bật, vậy mà ông lại đứng dậy, giơ tay ra hiệu im lặng. Một số giáo hữu ^[46] gằn ra tới cửa đều vội quay trở lại, xì xào bàn tán khi có tiếng thì thầm truyền đi trong nhà thờ rằng: “Đức Hồng y giáo chủ sắp giảng thuyết”.

[46] Nguyên văn tiếng Anh “Some of the congregation” (Vài người trong hội tu, hoặc giáo đoàn, tụ hội (tập thể) rước lễ).

Các vị thừa tác nhìn nhau sừng sốt và

tiên lại gần ông. Một người vợ vĩ thi
thào:

- Thân lạy Đức Hồng y, ngài định
giảng thuyết cho các con chiên ngay bây
giờ?

Montanelli lặng lẽ phẩy tay gạt ông ta
sang một bên. Các giáo sĩ lùi lại, đồng
thanh xì xào, vì chuyện này không những
là khác thường mà còn là bất thường nữa,
nhưng dù sao vẫn nằm trong đặc quyền
của Hồng y giáo chủ nếu ngài muốn làm
như vậy. Hẳn là ngài sẽ tuyên cáo một
điều gì đặc biệt quan trọng, công bố một
cuộc cải cách mới của Roma hoặc là một
sắc dụ đặc biệt của Đức Thánh Cha.

Montanelli đứng trên các bậc ban thờ, nhìn xuống biển người đang ngửa mặt nhìn lên. Mọi người chăm chăm nhìn ông với lòng trông ngóng thiết tha, trong khi ông đứng trên cao vời vợi, vừa im phăng phắc lại vừa trắng toát như một bóng ma.

- Suyt! Suyt! Im lặng!

Những người đảm trách cuộc rước lễ nhẹ nhàng kêu gọi, những tiếng rì rầm trong giáo đoàn tắt lặng dần như một làn gió đang lịm đi giữa những ngọn cây rì rào. Tất cả đám đông đều nín thở chăm chú nhìn lên thân hình trắng toát đứng trên những bậc ban thờ. Bằng giọng nói

vững chắc, chậm rãi ông bắt đầu giảng thuyết:

- Sách Phúc Âm theo thánh Gioan [47] viết rằng: “Vì Chúa thương xót thế gian nên Người đã hiến người Con Một của mình để thế gian nhờ cậy vào Con của Người mà được cứu rỗi”.

[47] The Gospel according to St. John (tiếng Anh): Cũng gọi là sách Tin Mừng; một trong bốn sách đầu tiên của Tân ước (New testament) thuộc bộ Kinh Thánh. Tác giả của bốn sách này vốn là bốn vị thánh của đạo Kitô, trong đó cuốn thứ tư là của thánh Gioan (St. John), thường gọi là sách Tin Mừng (hoặc sách Phúc Âm) theo thánh Gioan. Xem từ trang 59.

Hôm nay đây là hội lễ Minh Thánh và

Máu Thánh của Đấng Hy Lễ đã chịu chết để cứu rỗi các người, của Chiên Thiên Chúa^[48] đã chịu lấy tội lỗi của thế gian, của Con Thiên Chúa đã chết để chuộc tội cho các người. Các người tụ họp đông đủ trong quang cảnh hội lễ trang nghiêm ở đây để hưởng lấy của hy sinh ban phát cho các người và để tạ ơn lòng thương xót cao cả ấy. Và ta biết rằng sáng nay khi các người đến để chia phần tiệc, để chịu Mình Thánh, thì lòng các người tràn đầy hoan lạc, một khi các người đã nhớ đến sự Thương Khó^[49] mà Đức Chúa Con đã phải chịu để cứu độ các người.

[48] The Lamb of God (tiếng Anh): Con Chiên của Chúa Trời (cũng là Đức Kitô).

[49] *The Passion (tiếng Anh): Cũng là Khổ Nạn, Chịu Nạn, nỗi khổ đau. Xem từ trang 80.*

Nhưng cho ta hay: kẻ nào trong các người đã nghĩ đến một điều khổ nạn khác, đó là sự Thương Khó của Đức Chúa Cha, Người đã để cho Con của Người phải chịu đóng đinh trên giá chữ thập? Kẻ nào trong các người đã nhớ đến sự thương ^[50] của Đức Chúa Cha khi Người từ trên ngai báu trên trời cúi mình nhìn xuống Canvê ^[51]?

[50] *The agony (tiếng Anh): Sự quằn quại, đau đớn cùng cực về thể xác.*

[51] *Calvary (tiếng Anh): Theo Đạo Kitô, Canvê (Canvariô) cùng với Gongôta (Golgotha)*

đều là tên ngọn đồi (cũng gọi là núi Sọ) ở gần thị trấn Giêrusalem (Jerusalem), là nơi Giêsu bị đóng đinh trên giá chữ thập.

Ngày hôm nay, ta đã dõi nhìn các người đi trong hàng ngũ rước lễ chính tề, ta thấy các người hân hoan trong lòng vì đã được tha tội ^[52], vui sướng trong lòng vì đã được cứu rỗi. Và ta cầu xin các người một điều: các người thử suy nghĩ xem công cứu độ ấy đáng giá nhường nào? Chắc chắn là công ấy quý giá vô ngần, cái giá của công ấy còn quý hơn cả châu báu, là vì giá công ấy tính bằng máu.

[52] Remission of sins (tiếng Anh): Cũng là xóa tội.

Một cơn xao động nhẹ và kéo dài lướt trong đám người đang lắng nghe. Các giáo sĩ đứng trong nội điện rướn cả người về phía trước và xì xào bán tán. Nhưng họ yên lặng khi người rao giảng nói tiếp.

- Chính bởi thế điều ngày hôm nay ta nói với các ngươi là: “TA LÀ Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU”^[53]. Bởi lẽ ta đã thấy được sự yếu đuối và những nỗi đau buồn của các ngươi, ta đã thấy cả các trẻ nhỏ đùa nghịch quanh chân các ngươi. Và ta đã động lòng thương cho số phận chúng vì chúng sẽ không sao tránh khỏi cái chết. Rồi ta nhìn vào đôi mắt đứa con

trai yêu dấu của ta, và ta đã thấy sự Đền Bù bằng Máu^[54] chính là ở đó. Thế là ta đành phải đi con đường của ta, để mặc con ta với số phận của nó.

[53] I AM THAT I AM (tiếng Anh), gốc từ tiếng Latinh là EGO SUM QUI SUM, trong Cựu ước (Old Testament). Nguyên bản tiếng Anh in toàn cỡ chữ lớn như vậy.

[54] Atonement of Blood (tiếng Anh): Cũng là sự bồi thường, xá tội bằng máu.

Đây, xóa tội là thế. Con ta chết thay cho các ngươi, bóng tối đã nuốt mất con ta; con ta chết đi mà không bao giờ sống lại nữa; nó chết đi, ta không còn con nữa. Ôi, con trai của ta, con trai của ta!

Hồng y giáo chủ buông ra một tiếng kêu thương dài mà thảm thiết, và những tiếng lao xao của đám người kinh hoàng đã đáp lại lời kêu thương ấy như một tiếng vang. Toàn thể giới giáo sĩ đều vụt đứng dậy, những người phó tế danh dự tiến lại định nắm lấy cánh tay người rao giảng. Nhưng ông giật phắt tay ra, đột ngột trợn mắt nhìn họ như một con thú dữ đang trở nên hung hãn:

- Gì thế này? Máu như thế còn chưa đủ sao? Lũ chó rừng, các ngươi hãy đợi đến lượt mình! Rồi tất cả các ngươi đều sẽ được ăn cả thôi.

Họ lùi lại, đứng túm tụm lại với nhau mà run lẩy bẩy, họ hồn hên thở dốc ra nặng nhọc, mặt họ trắng bệch như vôi. Montanelli lại quay về phía mọi người và biến người xô đi đẩy lại, dào dạt như cánh đồng lúa trước cơn gió bão.

- Các người đã giết con ta! Các người đã giết con ta! Và ta đã phải cắn răng chịu đựng, vì ta không muốn để cho các người phải chết. Giờ đây, khi các người đến cùng ta với những lời tán tụng xiêm nịnh và những lời cầu nguyện như nhớp, thì ta hối hận trong lòng, - hối hận vì ta đã xử sự như vậy! Lẽ ra cả lũ các người phải mục rữa thối tha trong cái thói hư tật xấu và trong hố rác bêu riếu không

cùng, và để cho con ta được sống, thì đúng hơn. Những linh hồn xấu xa ôn dịch của các người quý giá bao lăm mà ta phải trả giá đắt như thế cho chúng? Nhưng đã muộn quá rồi, quá muộn rồi! Ta gào to lên mà con ta không nghe thấy. Ta gõ vào cửa mồ nó mà nó cũng không sao tỉnh dậy. Một mình ta đứng giữa nơi hoang vắng và ta nhìn chung quanh ta, từ mặt đất nhuốm máu này, nơi chôn vùi tim cả ta này, mà nhìn lên nơi thượng giới ghê rợn và trống rỗng là nơi duy nhất còn để lại cho tâm thân cô đơn tuyệt vọng của ta. Ôi, những kẻ dòng dõi rắn độc [55]! Ta đã phải từ bỏ con ta, vì các người mà ta đã phải từ bỏ con ta!

[55] Theo sách Phúc Âm, Giêsu đã gọi dân Do Thái hồi bấy giờ, đặc biệt là những giáo sĩ của họ, là “dòng dõi (thế hệ) rắn lục (rắn độc)” (*generation of vipers*).

Hãy nhận lấy sự cứu rỗi đi, nếu đó đã là của các người. Ta ném sự cứu rỗi cho các người như ném một khúc xương cho lũ chó dại đang nhe nanh gầm gừ! Cái giá bữa tiệc cho các người đã được trả sẵn cho các người rồi. Hỡi những kẻ ăn thịt người, những kẻ uống máu người, những thú dữ chuyên ăn xác chết, các người hãy đến mà ngón cho thỏa thích đi! Các người hãy nhìn vào nơi những dòng máu đang tuôn xuống từ ban thờ, những dòng máu sủi bọt và nóng hổi từ trái tim đứa con yêu dấu của ta, - những dòng máu đã

đổ ra vì các người! Các người hãy dằm
mình trong máu ấy, liếm láp máu ấy, và
lấy máu ấy mà xoa phết đỏ lôm lên
người! Các người hãy vồ lấy, hãy tranh
cướp nhau những miếng thịt người mà ăn
ngấu nghiến đi, - và đừng quấy rầy ta
nữa! Đây là thân thể đã hiến dâng vì các
người, - các người nhìn xem, nó tươi bời
và đang còn rỉ máu, nó vẫn còn thoi thóp
do cả đời bị hành hạ, và nó vẫn còn quần
quai vì đang giãy chết đặng cay! Hỡi lũ
người Kitô giáo, các người hãy nhận lấy
và ăn đi!

Ông đã nắm lấy bình Mặt nhật trong
có Minh Thánh Chúa, đã giơ lên khỏi
đầu, và bây giờ ông vung tay ném xuống

sàn nhà thờ. Tiếng loảng xoảng của kim khí đập xuống sàn đá vừa vang lên, lũ giáo sĩ đã kéo nhau đổ xô đến và hai chục bàn tay cùng một lúc vươn ra tóm lấy kẻ điên rồ.

Lúc đó, và chỉ lúc đó, sự im lặng của quần chúng mới bùng lên thành một tiếng hét điên cuồng và man rợ, và rồi, cuồng cuồng lật ngửa cả ghế tựa và ghế dài, xô đẩy nhau để ra cửa, giẫm đạp lên nhau, giật phăng cả rèm cửa và dây tết hoa, cơn lũ người đang dâng lên và còn đang nức nở ấy cuồn cuộn đổ ra đường phố.

Đoạn kết

- Gemma, dưới nhà có một người đàn ông đến muốn gặp chị.

Martini nói với giọng nén chịu mà cả hai người đều đã bất giác chấp nhận từ mười ngày qua. Giọng nói ấy, cùng với những lời lẽ và cử chỉ đều đều, chậm chậm ở mức nào đó, là cách duy nhất mà từng người trong họ biểu lộ nỗi đau buồn chung của họ.

Gemma, mình đeo tạp dề và tay áo xắn lên, đang đứng bày những gói đạn nhỏ trên bàn để chuẩn bị phân phát. Chị

đã đứng làm việc như thế từ sáng sớm tới giờ và giờ đây trông mặt chị hốc hác hẳn đi vì mệt nhọc dưới ánh nắng xế trưa gay gắt.

- Một người đàn ông à, Cesare? Anh ta hỏi gì?

- Tôi không rõ, Gemma thân mến. Anh ta không chịu cho tôi biết. Anh ta bảo là chỉ có thể nói riêng với chị thôi.

Chị bèn cởi tạp dề, kéo hai ống tay áo xuống.

- Được lắm. Thế thì tôi xuống gặp anh

ta vậy. Rất có thể chỉ là một tên mật thám.

- Đễ đề phòng, tôi sẽ ngồi ở ngay buồng bên, chỉ gọi một tiếng là được. Ngay sau khi thoát cái cửa ụ nọ ấy, chị nên đi nằm nghỉ một chút. Hôm nay chị đã phải đứng quá lâu rồi.

- Ô, không! Tôi thích tiếp tục làm việc hơn.

Chị từ từ bước xuống thang gác. Martini lặng lẽ theo sau. Mới chỉ ít ngày vừa qua mà trông Gemma già đi đến chục tuổi, lọn tóc bạc ngang đầu nay đã thành một dài lớn trên mái tóc. Chị hầu

như không ngược mắt nhìn lên, nhưng có khi nào Martini ngẫu nhiên bắt gặp đôi mắt ấy nhìn lên, anh đã phải rùng mình trước vẻ u ám đáng sợ trong đôi mắt ấy.

Trong buồng khách nhỏ, chị thấy một người đàn ông trông có vẻ vụng về, đang chụm gót chân lại với nhau mà đứng ngay giữa phòng. Nhìn toàn bộ thân hình và cách đưa mắt nhìn lên có vẻ sợ sệt của anh ta khi thấy chị bước vào, Gemma đoán chắc anh ta là lính trong đội cận vệ Thụy Sĩ. Anh ta mặc một chiếc áo khoác ngắn của nông dân mà rõ ràng ràng là không phải áo của mình, vì anh ta cứ lăm lét nhìn ngang nhìn ngửa tuồng như sợ bị người ta phát hiện.

- Bà có nói được tiếng Đức không?

Anh ta hỏi bằng thổ ngữ nặng trịch của vùng Duyrich ^[1].

- Ít thôi. Nghe nói ông muốn gặp tôi.

- Bà là *signora* Bolla đây ạ? Tôi mang đến cho bà một bức thư.

- Một... bức thư?

[1] Zurich (tiếng Đức): Tên một thành phố lớn và một tổng ở phía bắc Thụy Sĩ. Thổ ngữ vùng này giống tiếng Đức, nhưng thổ âm nặng.

Chị bắt đầu run lẩy bẩy, phải vịn một tay vào bàn để còn đứng vững nổi.

- Tôi ở trong đội lính gác ở đằng kia.
- Anh ta chỉ tay ra cửa sổ, về phía pháo đài trên sườn núi. - Thư là của... người bị xử bắn tuần trước. Ông ấy viết thư này đêm trước đó. Tôi có hứa với ông ấy là chính tôi sẽ phải trao tận tay cho bà.

Chị cúi đầu. Thế là anh ấy vẫn có viết thư...

Người lính nói tiếp:

- Vì thế mãi đến bây giờ tôi mới đem

đến được. Ông ấy có dặn tôi không được đưa cho ai khác, chỉ đưa cho bà thôi, dung mà tôi lại không sao chuồn ra sớm được, vì họ theo dõi tôi dữ lắm. Tôi phải đi mượn những thứ này mặc mới đến được đây.

Anh ta đưa tay sờ nắn trong ngực áo khoác. Trời rất nóng nực, nên khi móc được ra tờ giấy gấp nhỏ thì tờ giấy chẳng những bần và nhàu nát, lại còn đẫm mồ hôi. Anh ta áy náy cứ di di chân trên sàn nhà một lúc, rồi lại đưa tay lên gãi gáy.

Anh ta đưa mắt nhìn Gemma với vẻ nghi ngại và rụt rè nói:

- Bà chớ nói gì cả, bà nhé! Phải không xá gì tính mạng tôi mới đến được đây.

- Tất nhiên là tôi phải giữ hết sức kín rồi. Nhưng, ông đợi cho một phút...

Anh ta quay gót định đi ra, nhưng chị đã ngăn lại, tay lục túi tiền. Song anh ta đã lùi lại, giận dữ.

Anh cục cằn bảo:

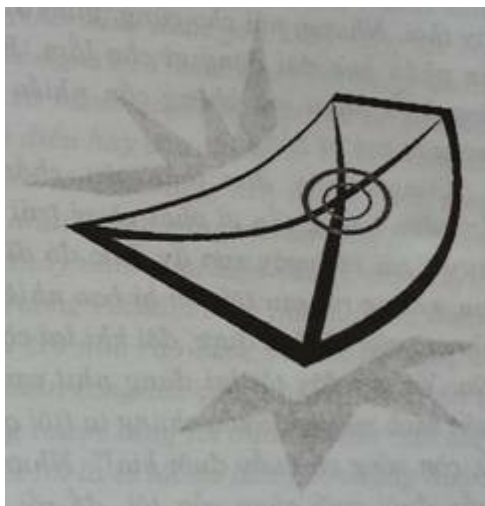
- Tôi không lấy tiền của bà. Ông ấy nhờ thì tôi vì ông ấy mà làm. Lẽ ra tôi phải giúp ông ấy nhiều hơn thế cơ! Có Chúa phù hộ, ông ấy đã đối xử với tôi

rất tốt...

Giọng anh ta nghèn nghẹn khiến chị phải nhìn lên. Anh đang chậm chậm đưa ống tay áo cẩu bản lên quệt mắt. Và thì thào qua một hơi thở, anh nói tiếp:

- Tôi cùng các bạn lính không bắn không được. Anh nào cũng phải tuân theo mệnh lệnh. Chúng tôi đã bắn chệch đi, rồi lại phải bắn lại... và ông ấy cười chúng tôi... bảo chúng tôi là đội lính bắn tôi... Và ông ấy đã đối xử với tôi rất tốt.

Căn buồng trở nên im ắng. Một lát sau, anh ta đứng thẳng người, vụng về chào theo kiểu nhà binh, rồi đi ra.



Chị đứng lặng mình giây lất với tờ giấy trong tay. Rồi chị ra ngồi bên cửa sổ mở rộng để đọc thư. Bức thư viết bằng bút chì, chữ rất sát, đôi chỗ rất khó đọc. Nhưng hai chữ đầu tiên ngay ở đầu trang

nổi lên rất rõ ràng và bằng tiếng Anh:

“Dear Jim” [2]

[2] Jim thân yêu.

Những dòng chữ thốt nhiên nhạt nhòa và mờ mịt đi. Thế là chị lại một lần nữa mất anh, một lần nữa mất anh rồi. Ngay khi trông thấy tên gọi thân thuộc thuộc thiếu thời ấy, chị thấy niềm tuyệt vọng của nỗi tang tóc đau thương lại tràn ngập lòng mình. Chị buông xuôi tay với nỗi vô vọng mịt mù, dường như tất cả năm đất chất trên mình anh đang đè nặng lên trái tim chị.

Rồi chị lại cầm lá thư lên đọc tiếp:

“Tôi sẽ bị xử bắn vào rạng sáng mai. Tôi đã hứa nói hết với Jim, vậy để giữ trọn lời hứa ấy, tôi chỉ còn có lúc này thôi. Nhưng, nói cho cùng, giữa Jim và tôi, đâu có cần phân bua dài dòng gì cho lắm. Bao giờ chúng ta cũng hiểu nhau mà không cần nhiều lời, ngay từ khi chúng ta còn bé bỏng.

Cũng vì vậy, Jim thân yêu, chắc Jim cũng thấy rằng Jim không cần gì phải vò xé trái tim mình về câu chuyện cái tát ngày xưa ấy. Lúc đó dĩ nhiên tôi đã rất đau, nhưng rồi sau tôi còn bị bao nhiêu cái tát như thế nữa mà vẫn cố

chịu được, đôi khi là còn trả miếng được nữa. Và giờ đây tôi lại đang như con cá cháy^[3] trong cuốn sách mẫu giáo của chúng ta (tôi quên tên sách rồi). “Ồ, còn sống và quẫy đuôi kìa!”. Nhưng, đây lại là lần quẫy đuôi cuối cùng của tôi, để rồi sáng mai thì đã “Finita la Commedia ^[4]!”. Câu này Jim và tôi sẽ dịch là: “Trò xiếc đã diễn xong”. Và dù sao chúng ta vẫn sẽ tạ ơn các thánh thần, chí ít là vì họ đã nhân từ biết bao đối với chúng ta. Ơn ấy tuy chẳng là bao, nhưng cũng vẫn là ơn mà chúng ta cũng vẫn nên thật thà biết đến cùng với mọi phước lành khác nữa chứ nhỉ ^[5].

Còn về phần sớm mai đây, thì tôi muốn cả Jim và Martini hiểu rõ rằng tôi rất sung sướng và hài lòng, không ân hận gì về Số phận cả. Jim hãy nói cho Martini biết điều ấy, coi đó là lời nhắn nhủ của tôi. Anh ấy là bạn tốt lại vừa là một đồng chí tốt, - nhất định anh ấy sẽ hiểu. Như Jim thân yêu thấy đây, tôi biết rằng khi những kẻ ngoan cố [6] kia quay lại dùng những thủ đoạn xử kín và hành quyết bí mật vội vã như vậy thì chúng chỉ làm điều hay cho chúng ta và tự chuốc lấy điều dở mà thôi. Và tôi biết rằng, nếu các bạn còn sống, vẫn tiếp tục cùng nhau đứng vững và tấn công mạnh mẽ thì rồi các bạn sẽ thấy những sự kiện vĩ đại. Còn tôi, tôi

sẽ bước ra pháp trường với tâm lòng thanh thản, thanh thản như một cậu trò nhỏ rảo bước về nhà để nghỉ hè. Tôi đã làm tròn phần công tác của mình, và bản án tử hình này đã chứng minh rằng tôi đã làm tròn một cách tận tụy. Chúng giết tôi là vì tôi đã làm cho chúng hoảng sợ. Như thế lòng người còn mong muốn gì hơn nữa?

Dẫu sao tôi vẫn còn có đúng một điều mong muốn nữa đấy. Người nào sắp chết mà lại chẳng có quyền vòi vĩnh đôi chút, còn điều vòi vĩnh của tôi là muốn Jim hiểu rõ tại sao tôi hay cục cằn hờn dỗi với Jim đến thế và tại sao tôi lại khó có thể quên những chuyện

vương mắc cũ. Thật ra Jim cũng đã thừa hiểu rồi đấy, nhưng tôi vẫn muốn nói với Jim là chỉ bởi vì tôi thích viết lại những dòng này mà thôi. Gemma ạ, tôi đã yêu Gemma từ khi Gemma còn là một cô bé con xấu xí, còn mặc chiếc áo kẻ caro với cổ áo nhàu nhĩ và còn để bím tóc nhỏ xíu ^[7] sau lưng, và vẫn yêu Gemma cho đến tận bây giờ. Gemma có còn nhớ cái ngày tôi đã hôn tay Gemma và Gemma đã khấn khoản xin tôi “đừng bao giờ làm như thế nữa”? Đó là cái trò bậy bạ, tôi biết, nhưng Gemma phải tha thứ cho tôi chuyện đó nhé. Còn bây giờ thì tôi lại hôn tờ giấy tôi đã viết tên Gemma. Như thế là tôi đã hôn Gemma hai lần mà cả hai lần đều không được

Gemma cho phép.

[3] *Mackerel* (tiếng Anh): Loại cá giống cá thu, thường thấy ở Địa Trung Hải và biển Măngơ; màu sặc sỡ, lưng có vằn sẫm đẹp, thịt ngon.

[4] *Finita la Commedia!* (tiếng Ý): Hết trò rồi! Hài kịch đã diễn xong rồi!

[5] Đây là một sự châm biếm, nhắc tới lời cầu nguyện của người theo đạo Tin lành trước mỗi bữa ăn.

[6] *The stick-in-the-mud people* (tiếng Anh): Cũng là những kẻ ngu tối, lạc hậu, bảo thủ.

[7] Nguyên văn tiếng Anh là “pig-tail” (cái đuôi lợn).

Tất cả chỉ có thể thôi. Gemma thân yêu, vĩnh biệt nhé!”

Không có chữ ký. Cuối thư chỉ có bài thơ nhỏ hai người đã cùng học với nhau thời thơ ấu:

“Vây là tôi

Dù kiếp ruồi

Sống hay chết

Vẫn tươi vui” [8].

[8] Nguyễn văn tiếng Anh:

“The am I

A happy fly,

If I live

Or if I die”.

Trích từ bài thơ “The Fly” (con ruồi) của nhà thơ và họa sĩ Anh William Blake (1757 – 1827).

Nửa tiếng sau, Martini bước vào buồng, và bừng tỉnh giấc im lặng của nửa đời người, anh quăng xuống sàn tờ cáo thị đang cầm trong tay mà ôm chầm lấy chị.

- Gemma! Sao thế này, Chúa ơi? Gemma có khóc bao giờ đâu mà nay lại thôn thức thế, Gemma? Gemma thương yêu của tôi!

- Không sao đâu, Cesare ạ. Để sau tôi sẽ kể lại anh nghe. Ngay bây giờ... tôi... chưa kể được.

Chị vội vã nhét bức thư dầm nước mắt vào túi, đứng dậy nghiêng người nhìn ra khỏi cửa sổ, giấu mặt đi. Martini nín bật, cắn lấy ria mép. Sau từng ấy năm trời, lần đầu tiên anh để lộ tình cảm của mình như một cậu trò nhỏ - vậy mà chị vẫn không để ý thấy!

Một lát sau đã tự chủ lại được, chị ngoảnh lại nói:

- Chuông Nhà thờ chính tòa đang đánh. Chắc là có người chết.

- Chính đó là cái tôi mang đến để chị xem đây, - Martini đáp lời với giọng thường ngày. Từ mặt sàn anh nhặt tờ cáo thị lên đưa cho chị. Một bản thông cáo được in vội bằng cỡ chữ to, chung quanh viền khung đen, công bố: “Vị giám mục kính yêu của chúng ta, Đức Hồng y giáo chủ, *Monsignor* Lorenzo Montanelli”, đã đột ngột từ trần tại Ravenna, “do bị vỡ tim bởi chứng phình động mạch”.

Rời tờ cáo thị, chị lệ làng ngược mặt nhìn lên, còn Martini thì nhún vai để đáp lại hàm ý vẫn ẩn náu trong cặp mắt chị.

- Chứ còn sao nữa, *Madonna*? Chúng phình động mạch, - từ này cũng thích hợp như bất kỳ một từ nào khác vậy thôi.





Để download thêm các ebook
truyện ngôn tình khác, hãy truy
cập: <http://www.dtv-ebook.com>